



"... Nhược bằng bắt mọi người viết phải viết theo một lối với mình, thì

rồi đến một ngày kia, hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn

thọ hết."

Phan Khôi

Mục lục

Lời tựa

Phần I: Cuộc nổi dậy của trí thức ở miền Bắc

Chƣơng I: Nguyên nhân cuộc nổi dậy của trí thức ở miền Bắc

Chƣơng II: Lịch trình đấu tranh của trí thức ở miền Bắc

Chƣơng III: Phƣơng pháp đấu tranh của trí thức ở miền Bắc

Phần II: Tài liệu (Nhân vật và Tác phẩm)

I. Phái cựu học

Cụ Phan Khôi

● Giới thiệu cụ Phan Khôi ● Phê bình lãnh đạo văn nghệ ● Tìm ƣu điểm (ngụ ngôn) ● Ông Bình Vôi

● Ông Năm Chuột (truyện ngắn) ● Nắng chiều

II. Phái thanh niên

Trần Dần

● Giới thiệu Trần Dần ● Nhất định thắng (thơ) ● Hãy đi mãi (thơ)

Phùng Quán

● Giới thiệu Phùng Quán ● Chống tham ô lãng phí (thơ) ● Lời mẹ dặn (thơ)

Tạ Hữu Thiện

● Giới thiệu Tạ Hữu Thiện ● Tôi tìm em (thơ)

Bùi Quang Đoài

● Giới thiệu Bùi Quang Đoài ● Lịch sử một câu chuyện tình (truyện ngắn) ● Chủ nghĩa nhân văn của ông Hoàng Xuân Nhị

(bút chiến

Minh Hoàng (Vũ Tuyên Hoàng, con của Vũ Ngọc Phan)

● Giới thiệu Minh Hoàng ● Đống máy (truyện ngắn)

Phùng Cung

● Giới thiệu Phùng Cung ● Con ngựa già của chúa Trịnh (truyện ngắn)

Trần Lê Văn

● Giới thiệu Trần Lê Văn ● Bức thƣ gửi một ngƣời bạn cũ

Hoàng Tích Linh

● Giới thiệu Hoàng Tích Linh ● Xem mặt vợ (kịch ngắn một hồi) ● Cơm mới (kịch một hồi)

III. Các nhà văn đứng tuổi

Tồ Hữu

● Giới thiệu Tố Hữu ● Bài ca tháng Mƣời (thơ) ● Đời đời nhớ Ông (thơ)

Nguyễn Tuân

● Giới thiệu Nguyễn Tuân ● Phở (tuý bút)

● Phê bình nhất địnnh là khó ● Nguyễn Tuân tự phê bình Văn Cao

● Giới thiệu văn Cao ● Anh có nghe không (thơ) ● Những ngày báo hiệu mùa xuân (trích trong bài

thơ dài ―Những ngƣời trên cửa biển‖)

Trần Duy

● Giới thiệu Trần Duy ● Những ngƣời khổng lồ ● Thành thật đấu tranh cho tự do dân chủ

Hoàng Cầm

● Giới thiệu Hoàng Cầm ● Em bé lên sáu tuổi (thơ) ● Tiếng hát (trích 2 đoạn trong hồi thứ nhất vở

kịch thơ dài Tiếng hát Trương Chi)

Hữu Loan

● Giới thiệu Hữu Loan ● Cũng những thằng nịnh hót (thơ) ● Lộn sòng (truyện ngắn)

Sỹ Ngọc

● Giới thiệu Sỹ Ngọc ● Làm cho hoa nở bốn mùa ● Bất mãn

Chu Ngọc

● Giới thiệu Chu Ngọc ● Chúng ta gắng nuôi con (hoạt cảnh)

Nhƣ Mai

● Giới thiệu Nhƣ Mai ● Thi sĩ máy

IV. Các nhà học giả

Đào Duy Anh

● Giới thiệu Đào Duy Anh ● Muốn phát triển học thuật

Trần Đức Thảo

● Giới thiệu Trần Đức Thảo ● Nội dung xã hội và hình thức tự do ● Nỗ lực phát triển tự do dân chủ

Nguyễn Mạnh Tƣờng

● Giới thiệu Nguyễn Mạnh Tƣờng ● Qua những sai lầm trong Cải cách ruộng đất,

xây dựng quan điểm lãnh đạo

● Vừa khóc vừa cƣời

Lời tựa

Trăm hoa đua nở, Trăm nhà [[1]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9495&rb=08#anm1) đua tiếng là dịch nôm câu chữ Hán: Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh , trong cổ văn.

Đây là một câu mà các học giả đời Hán đặt ra để vừa ca tụng vừa tỏ ý luyến tiếc nền văn học cổ điển của Trung Quốc, sáng ngời trong mấy thế kỷ trƣớc, về thời Đông Chu.

Văn học Trung Hoa về thời Đông Chu quả thật xứng đáng cho các thế hệ sau ca ngợi, vì trong vòng ba thế kỷ (từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 3 trƣớc Tây lịch kỷ nguyên), các học giả thời Đông Chu đã đƣa nền văn học Trung Quốc từ chỗ thấp nhất đến chỗ cao nhất mà hai nghìn năm sau, không tài nào vƣơn tới.

Gần nhƣ cùng một lúc, Lão học, Khổng học và Mạc học đua nhau ra đời, tiếp theo là những học thuyết uyên thâm của Mạnh Tử, Tuân Tử và Dƣơng Chu. Có thể nói đƣợc rằng hầu hết các lý thuyết hiện nay còn đƣơng tranh giành ảnh hƣởng trong nhân loại, nhƣ chủ nghĩa dân chủ, lãng mạn, vô chính phủ, duy vật, xã hội, quân chủ chuyên chế, quân chủ lập hiến, phát xít, v.v... đều đã có đại diện từ thời bấy giờ. Tính theo thời gian thì nền văn học Trung Quốc đã bỏ xa nền văn học Âu châu vào khoảng 20 thế kỷ.

Vì vậy nên ngày nay, những học giả nghiên cứu về lịch sử văn hoá Á đông đều phải thắc mắc về một điểm: Tại sao một nền văn hoá đƣơng phát triển một cách tốt đẹp nhƣ vậy lại bỗng nhiên đứng dừng lại, khiến trong suốt hai nghìn năm về sau, Trung Quốc chỉ có lùi mà không có tiến về phƣơng diện tƣ tƣởng?

Ông Tibor Mende, một nhà học giả Tây phƣơng, chuyên nghiên cứu về các vấn đề Á đông, đã ví nền văn hoá Trung Quốc và Ấn Độ nhƣ hai con sông lớn, đã mang sinh lực tƣới khắp miền Đông Nam Á, bỗng dƣng bị cạn hết nƣớc. Nguyên nhân gì đã làm tịt ngòi? Ông nêu ra câu hỏi mà

không trả lời. [[2]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9495&rb=08#anm2)

Nói một cách rõ ràng hơn thì: Tại sao về thời Đông Chu lại có Khổng, Mạnh, Lão, Mạc,.. mà hai nghìn năm sau không có vị thánh hiền nào cả? Hoặc dùng một hình ảnh tƣợng trƣng thì: tại sao trong một thời đại loạn ly nhƣ thời Xuân Thu, Chiến Quốc, trăm hoa lại đua nở mà từ thời ấy về sau hoa lại không nở?

Chúng tôi nghĩ rằng nếu ôn lại lịch sử chính trị Trung Quốc, chúng ta có thể tìm ra câu giải đáp.

Về thời Đông Chu, Trung Quốc bị phân chia thành nhiều nƣớc chƣ hầu, luôn luôn đánh nhau để tranh giành ngôi bá chủ, nên nƣớc nào cũng lo thu phục nhân tài để mở mang thế lực. Vì vậy nên kẻ sĩ đƣơng thời đƣợc trọng đãi. Một mặt khác vì nƣớc nào cũng yếu, nên không ông vua nào có đủ quyền lực để thiết lập chế độ độc tài. Do đó ngôn luận không bị kiềm chế vì các nhà học giả, nếu chẳng may bị vua chúa trong nƣớc khủng bố vì tội đã phát biểu một ý kiến trái ngƣợc với đƣờng lối của triều đình, thì cũng dễ dàng vƣợt biên giới chạy sang nƣớc đối nghịch, có ngƣời sẵn sàng dung nạp ngay. Vì vậy nên mới có quang cảnh "Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng". Nếu hoa không nở đƣợc ở khí hậu này, có thể nở đƣợc ở khí hậu khác. Nếu một học giả không phổ biến đƣợc tƣ tƣởng của mình ở Tề, thì có thể di cƣ sang Sở chẳng hạn, để truyền bá học thuyết của mình.

Thời Đông Chu tuy là một thời loạn lạc, nhƣng chính vì loạn lạc mà tƣ tƣởng không bị kiểm soát. Trái lại, sau khi Thƣơng Ƣởng đƣa ra thuyết quân chủ chuyên chế và Lý Tƣ, học trò của Thƣơng Ƣởng giúp Tần Thuỷ Hoàng thống nhất Trung Quốc, thì từ ngày ấy về sau không một vị thánh hiền nào xuất hiện trên đất Trung Quốc nữa. Một lẽ rất dễ hiểu là không có tự do tƣ tƣởng thì không có nhà tƣ tƣởng, cũng nhƣ hễ không có nƣớc thì không thể nào có cá đƣợc.

Lý Tƣ, môn đệ của phái Pháp gia, đƣợc Tần Thuỷ Hoàng bổ làm Thƣợng thƣ, làm sớ tâu đại khái nhƣ sau:

" Từ trước tới nay, thiên hạ sống trong cảnh phân chia, nên tư tưởng bị hỗn loạn... Ngày nay Bệ hạ đã thống nhất sơn hà mà vẫn còn nhiều người ngang nhiên mở trường dạy học, mang ý kiến riêng của mình ra chê bai luật pháp và chính sách của triều đình... Nếu Bệ hạ không mau ngăn cấm thì kỷ cương sẽ sụp đổ từ trên xuống dưới và đảng phái sẽ mọc từ dưới lên trên."

Năm 213 trƣớc Tây lịch, Tần Thuỷ Hoàng nghe theo Lý Tƣ đốt hết sách vở có phƣơng hại đến đƣờng lối của Tần triều

và chôn sống 460 nhà trí thức đối lập. [[3]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9495&rb=08#anm3) Họ bị chôn sống vì bờ cõi của đế quốc Tần rộng quá, không tài nào chạy thoát. Từ ngày ấy Trung Quốc có một chính phủ duy nhất, một luật pháp duy nhất, nhƣng cũng có một lối nghĩ duy nhất. Trăm hoa hết đua nở và trăm nhà đều im tiếng.

Sau Tần đến Hán. Các vua triều Hán, khôn ngoan hơn vua Tần, không cấm đoán tƣ tƣởng, nhƣng hạn chế tƣ tƣởng bằng cách đƣa Khổng giáo lên địa vị quốc giáo, khiến các học thuyết khác phải lùi bƣớc. Triều đình chỉ tuyển lựa những ngƣời thông hiểu Ngũ kinh, Tứ thƣ để bổ làm quan lại, nên Nho học trở thành bậc thang cho giới trí thức bƣớc

lên đàn sĩ hoạn. [[4]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9495&rb=08#anm4) Nhƣng cũng vì vậy mà triết lý của Khổng Tử bị xuyên tạc và Khổng học chỉ còn là một lợi khí của giới thống trị. Nói theo kiểu cụ Phan Khôi thì "Trăm hoa" đã

trở thành hoa cúc vạn thọ hết thẩy [[5]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9495&rb=08#anm5) .

Suốt trong 20 thế kỷ về sau, trí thức Trung Hoa luôn luôn bị khủng bố. Tƣ Mã Thiên bị thiến, Ban Cố bị chết trong ngục, Phạm Việp vị xử tử... cho đến ngƣời cuối là Lƣơng Khải Siêu, phải chạy sang Nhật Bản mới thoát thân.

Từ ngày ông Mao Trạch Đông lên kế nghiệp Tần Thuỷ Hoàng, ông đã giết Hồ Phong, và nhiều học giả khác, nhƣng gần đây ông lại tuyên bố cho phép "Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng ".

Không ai biết rõ chủ định của ông Mao nhƣ thế nào, nhƣng mọi ngƣời đều nhận thấy rằng trên toàn cõi Trung cộng hiện nay, không có thứ hoa nào khác hơn là hoa Mác-Xít.

Tóm lại dù là chuyên chế kiểu quân chủ hay kiểu cộng sản, chế độ tập quyền vẫn tiêu diệt tự do tƣ tƣởng. Ngày nay cũng nhƣ suốt hai nghìn năm về trƣớc, trí thức Trung Hoa vẫn bị bịt mồm, bịt miệng.

Từ ngày Bắc Việt trở thành một "vệ tinh" của khối cộng sản, trí thức ở Bắc Việt cũng lâm vào tình trạng chung của đồng bạn ở khắp trong bức màn sắt.

Nhƣng "40 năm một thuở", trong dịp hạ bệ Stalin vừa qua, họ đều đứng dậy đấu tranh chống Đảng, đòi phục hồi quyền tự do tƣ tƣởng. Trong phong trào quật khởi này, trí thức ở Bắc Việt cũng đã góp một phần quan trọng. Suốt trong thời gian hai năm, 1956 và 1957, trí thức ở miền Bắc đã sản xuất trên một trăm bản văn có giá trị. Cộng sản coi những bản văn ấy là những "cỏ độc", nhƣng chúng tôi coi những tác phẩm của họ nhƣ một "trăm hoa" thực sự.

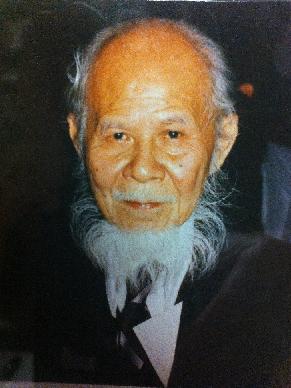
Vì vậy nên chúng tôi sƣu tầm và kết lại thành một "bó hoa" để cống hiến độc giả, hòng góp sức vào công việc làm sáng tỏ thêm nền văn học hiện đại của dân tộc Việt Nam.

Đối với độc giả trong Thế giới Tự do chúng tôi cũng muốn nói một câu: Không nên nghĩ rằng cần phải chuyên chế mới có đủ phương tiện để thực hiện những công trình vĩ đại, vì xưa kia Tần Thuỷ Hoàng cũng đã thực hiện những công cuộc vĩ đại, xây đắp Vạn lý Trường thành, thiết lập xa lộ, thế mà nhà Tần vẫn bị mất nghiệp; một mặt khác, chính vì Tần Thuỷ Hoàng khởi đầu việc đàn áp tư tưởng mà văn hoá Trung Quốc đã bị đứng dừng trong hai ngàn năm nay. Lợi nhất thời không bằng hại muôn thuở.

Saigon, tháng Giêng 1959

Hoàng Văn Chí

Trƣởng ban biên tập của Mặt trận Bảo vệ Tự do Văn hoá



Cụ Hoàng văn Chí

(1913-1988)

Phần I: Cuộc nổi dậy của trí thức ở miền Bắc

Chương 1: Nguyên nhân cuộc nổi dậy của trí thức ở miền Bắc

Trí thức ở miền Bắc Việt Nam đã nổi dậy chống lại chế độ cộng sản từ mùa Xuân năm 1956 mà mãi đến cuối Thu năm ấy báo chí ở Sài Gòn mới đƣợc tin vì nhà cầm quyền miền Bắc đã dùng mọi biện pháp để cố tình bƣng bít một cuộc nội biến đánh dấu sự suy sụp của hệ thống tƣ tƣởng cộng sản. Suốt trong thời gian mấy tháng, trong khi trí thức ở miền Bắc đã anh dũng vùng dậy đánh những đòn chí mạng vào uy tín của Đảng thì báo chí và đài phát thanh của Đảng hoàn toàn làm ngơ. Đảng chỉ mải miết dùng lực lƣợng công an để đe doạ những ngƣời đọc báo, bán báo và ra lệnh cho công đoàn xui giục công nhân nhà in không in báo đối lập.

Cho mãi đến khi những "đòn ngầm" đó không hạ nổi địch thủ, và cũng đến khi phe đối lập dồn Đảng vào chân tƣờng, không có thế lui, Đảng mới chỉ thị cho các đoàn thể ở khắp mọi nơi viết kiến nghị đòi đóng cửa các báo đối lập. Chính những lúc kiến nghị đồng loạt đó xuất hiện trên mặt báo Nhân dân, thì dƣ luận ở Sài Gòn mới biết là có báo đối lập ở miền Bắc. Chỉ một tháng sau thông tín viên hãng AFP ở Hà Nội loan tin cho thế giới biết việc nông dân ở Nghệ An đã bạo động nổi dậy, dùng gậy tre và những võ khí thô sơ khác đánh nhau với bộ đội. Tin đó làm nhiều ngƣời sửng sốt.

Sửng sốt là phải, vì trƣớc đó một tháng các báo chí của Đảng và đài phát thanh Hà Nội hãy còn say sƣa ca khúc khải hoàn sau đợt Cải cách ruộng đất "hoàn toàn thắng lợi".

Đùng một cái, ông Trƣờng Chinh, Tổng Bí thƣ Đảng, ông Hồ Viết Thắng, Thứ trƣởng phụ trách Cải cách ruộng đất đột nhiên bị cất chức: ông Võ Nguyên Giáp phải đứng ra thay mặt Trung ƣơng Đảng công khai thú nhận sai lầm và hứa hẹn sửa chữa. Tiếp đến là tin cán bộ tập kết phá bóp cảnh sát Bờ Hồ, tin học sinh tập kết khởi loạn ở Ngã Tƣ sở, và cuối cùng là "vụ Quỳnh Lƣu".

Nhiều ngƣời ở Sài Gòn không ngờ có những chuyện lạ lùng nhƣ vậy. Ngạc nhiên trƣớc tiên là số ngƣời trƣớc kia có tham gia kháng chiến, và hiện còn lƣu luyến chiến khu. Họ không phân biệt kháng chiến với cộng sản, nên cứ yên trí rằng chế độ miền Bắc thực sự là chế độ "dân chủ cộng hoà" và ông Hồ là một ngƣời chân thành ái quốc. Họ cũng đinh ninh rằng những phần tử nhiệt thành nhƣ họ, trƣớc kia đã tích cực tham gia kháng chiến thì ngày nay vẫn phục vụ chính sách của "Bác" cho đến cùng. Họ không ngờ rằng "giá" họ đƣợc đi tập kết thì chính họ cũng sẽ phải dự vào cuộc phá bóp cảnh sát Bờ Hồ (Hà Nội) để giải thoát cho một số "tập kết" bị giam cùm trong đó.

Những ngƣời thông thƣờng, có đôi chút kinh nghiệm đau xót với cộng sản, kể cả những đồng bào Bắc Việt di cƣ cũng không ngờ rằng trong một thời gian không đầy hai năm tình hình ở nơi quê cha đất tổ có sự thay đổi quá nhanh chóng nhƣ vậy. Họ nhớ ngày nào quân đội của "Cụ" kéo vào chiếm đóng Hà Nội, nhân dân thủ đô còn đón rƣớc tƣng bừng. Nào cờ quạt, nào biểu ngữ, nào cổng chào,

nào kéo nhau đi xem văn công, [[6]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9495&rb=08#anm6) xem triển lãm. Họ không ngờ rằng chỉ một năm sau khi họ bỏ nhà cửa ra đi, bộ đội oai hùng đó lại bị chính ngay nông dân vác gậy phang vỡ đầu.

Giới quan sát ở Sài Gòn thì không ngạc nhiên khi nhận đƣợc những tin tức kể trên. Họ đã tiên đoán rằng sớm muộn thế nào cộng sản cũng phải "sửa sai" để vớt vát lòng dân vì từ năm 1926 Mao Trạch Đông, trong bài "Cuộc đấu tranh của nông dân Hồ Nam" đã chủ trƣơng rằng: "Muốn nắn một vật cong thì phải nắn quá mức, để khi buông tay ra thì vừa". Nhƣng phải thú thực rằng ít ngƣời ngờ rằng khi buông tay ra, vật cong đó lại bật trở lại quá mạnh, và bật đúng vào mặt ngƣời đã "uốn quá mức".

Vì dân tộc Việt Nam vốn dĩ là một dân tộc có truyền thống chịu đựng để tồn tại. Trong khi chịu đựng, họ luôn luôn chăm chú chờ dịp kẻ thù yếu thế là lập tức quật trở lại. Đối với cộng sản ngày nay cũng nhƣ đối với phong kiến Trung Quốc thuở xƣa, dân Việt Nam vẫn dùng chính sách dĩ nhu nhƣợc thắng cƣơng cƣờng. Họ giả vờ gãi đầu gãi tai, vâng vâng, dạ dạ, làm cho kẻ thống trị ăn no ngủ yên, lâu ngày sinh ra chủ quan khinh địch. Bệnh chủ quan này ngƣời Hán, ngƣời Minh, ngƣời Pháp ngày xƣa đã mắc phải. Ngày nay Việt cộng và các cố vấn "vĩ đại" cũng không sao tránh đƣợc.

Vì nếu thực dân và đế quốc có chủ quan của thực dân đế quốc, thì cộng sản cũng có chủ quan đặc biệt của cộng sản. Mặc dù đã học thuộc biện chứng pháp, họ vẫn quên không nhớ rằng mọi vật đều biến chuyển, nên chi họ không ngờ rằng ngay trong hàng ngũ của họ đã phát sinh ra những "mâu thuẫn đối kháng" đƣa dần đến sự "huỷ thể của huỷ thể".

Nói một cách khác, Việt cộng không tính đến hai việc: Một việc là giới trí thức đã tham gia kháng chiến dƣới quyền lãnh đạo của họ lại dám ngang nhiên nổi dậy chống họ, hai là họ không ngờ rằng đồng chí Khrushchev lại "nỡ lòng" hạ bệ cố đồng chí Stalin vĩ đại.

Chúng ta thử xét xem hai việc này có liên quan mật thiết nhƣ thế nào.

\*

Nguyên nhân của mọi cuộc cách mạng đều có thể chia làm hai loại: Khách quan và chủ quan.

Những nguyên nhân khách quan là những biến chuyển quốc tế quốc nội đột nhiên làm giảm uy thế của giai cấp thống trị và nguyên nhân chủ quan là đời sống mỗi ngày một đen tối của giai cấp bị trị, bị áp bức và bóc lột tới một mức không thể chịu đựng lâu hơn.

A. Những nguyên nhân khách quan

Những nguyên nhân này có thể chia làm hai loại: Một là ảnh hƣởng quốc tế do bài diễn văn của Khrushchev hạ bệ Stalin gây nên, hai là ảnh hƣởng của chiến dịch Cải cách ruộng đất mà giới trí thức miền Bắc đã mệnh danh là một cuộc "ám sát tập thể".

a) Việc hạ bệ Stalin

Ngay sau khi Stalin nhắm mắt thì những mâu thuẫn nội bộ đã phát sinh từ ngay trong bốn bức tƣờng của điện Kremlin. Nào thanh trừng Beria, lật đổ Malenkov, rồi đến hạ bệ uy tín của mồ ma Stalin. Hiện nay chƣa ai biết đích xác tại sao Khrushchev lại giở cái trò hạ bệ uy tín của một ngƣời đã mồ yên mả đẹp một cách kỳ quặc nhƣ vậy. Nhƣng phần lớn các nhà quan sát quốc tế cho rằng Khrushchev muốn làm khuây khoả lòng dân Nga giữa lúc những nỗi khổ cực của họ đã chồng chất tới một mức họ không thể chịu nổi. Đổ tất cả tội lỗi lên đầu một kẻ đã quá cố là một diệu kế để xây dựng uy tín của ngƣời mới kế nghiệp và tạo cơ hội để thanh trừng nội bộ.

Các đại biểu dự cuộc Hội nghị lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên sô quả đã giật mình khi thấy Khrushchev kể ra nào Stalin đã lƣu đầy các dân tộc thiểu số, thủ tiêu hàng vạn đảng viên đối lập, hàng ngàn sĩ quan của Hồng quân. Khrushchev vạch ra nào là sự u mê của Stalin trƣớc hiểm hoạ xâm lăng của Đức Quốc xã, nào là sự ngu độn trong việc điều khiển chiến tranh. Lãnh tụ mới tuyên bố trƣớc Hội nghị rằng nguyên nhân duy nhất của tất cả những sai lầm và tội lỗi mà Nga-sô đã mắc phải trong triều đại Stalin là bệnh sùng bái cá nhân. Khrushchev định nghĩa sự sùng bái cá nhân là: đề cao một vị lãnh tụ thành một thánh sống có tài triệt thấu mọi việc trong thiên hạ, giải quyết đƣợc mọi việc cho mọi ngƣời mà không hề mảy may sai lầm.

Hội nghị lần thứ 20 cũng sửa đổi lại luận thuyết Stalin, ấy là từ bỏ quan niệm quá khích của Stalin nói rằng "cách mạng nhất thiết phải bạo động và càng tiến tới xã hội chủ nghĩa thì đấu tranh giai cấp càng quyết liệt". Thay vì chính sách "quá tả" của Stalin, Khrushchev đƣa ra một chính sách mềm dẻo hơn, đối ngoại cũng nhƣ đối nội, Khrushchev tuyên bố sẽ dân chủ hoá chế độ và hứa hẹn từ nay sẽ lãnh đạo "tập thể". Đợi mãi không thấy Khrushchev ban bố một biện pháp gì khả dĩ mang lại ít nhhiều dân chủ, ngoài việc Khrushchev đi đâu cũng cập kè với Bulganin cho có bạn đồng hành, các nhà văn Nga bắt đầu lên tiếng đòi hỏi. Ngƣời cầm đầu phong trào là Dundinsev. Ông viết một loạt bài báo lấy nhan đề là "Cơm áo không đủ", trong đó ông trình bày những bất công của chế độ, nhƣng khi xin phép xuất bản thành sách thì nhà cầm quyền Nga không cho. Quyển sách này phải gửi sang Anh xuất bản.

So với các nƣớc Đông Âu thì phong trào đòi hỏi tự do ở Nga tiến chậm hơn, nên chƣa kịp gây ảnh hƣởng sâu rộng, thì vụ Budapest đã xẩy ra, khiến Khrushchev vội vã trở lại chính sách cứng rắn của Stalin và thẳng tay đàn áp.

b) Khẩu hiệu "Trăm hoa đua nở"

Tuy các lãnh tụ Trung cộng phải tuân theo chỉ thị của Đệ tam Quốc tế và công bố tân chính sách, nhƣng vì tình hình nội bộ không đến nỗi khẩn trƣơng nhƣ ở Nga-sô, nên họ chỉ thi hành một cách hời hợt cho đủ lệ, nghĩa là chỉ tung ra một khẩu hiệu rất lờ mờ là "Trăm hoa đua nở". Ngoài ra họ tránh không áp dụng một biện pháp nào có tính cách nới rộng tự do dân chủ.

Ngày 25 tháng 5 năm 1956, cục trƣởng cục Tuyên huấn của Đảng Cộng sản Trung Quốc là Lục Định nhất triệu tập các nhà khoa học, xã hội học, các văn nghệ sĩ, các đại diện đảng phái bù nhìn và một số "nhân sĩ tiến bộ" đến viện Hoài Nhân đƣờng ở Bắc Kinh để đọc cho họ nghe một bài diễn văn nhan đề là "Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh". Họ Lục nói rằng hai câu tám chữ đó là ông Mao đã trích ở cổ văn ra và giao cho ông công tác giải thích.

Họ Lục nói rằng:

"Nếu không có nhiều môn phái, nhiều chủ trương thì văn nghệ không thể trở nên phong phú được."

Vừa mới nói ra, họ Lục lại vội vàng khép lại:

"Hai nghìn năm về trước, trong thời Xuân Thu và Chiến Quốc, Trung Quốc có nhiều học phái khác nhau. Hồi đó các học phái đều tự ý phát triển, không phục tòng một hệ thống tư tưởng nào cả, nhưng ngày nay... chính quyền của nhân dân đã thành lập và vững mạnh thì sự tranh luận của bách gia ngày nay phải nằm trong khuôn khổ một chương trình chung."

Nói về những tƣơng quan giữa văn học và chính trị họ Lục cũng tuyên bố nƣớc đôi nhƣ sau:

"Cần phải đề cao sự tự do tranh luận và bênh vực ý kiến trong mọi ngành học thuật nhưng đồng thời cũng không nên lẫn lộn những cuộc tranh luận xây dựng torng nội bộ Đảng với những cuộc tranh đấu để tiêu diệt những phần tử phản động... Có hai lối phê bình: Phê bình kẻ thù và phê bình những đồng chí phạm sai lầm. Phê bình kẻ thù là đập cho nó một truỳ vỡ sọ chết tươi, còn phê bình một một đồng chí phạm sai lầm là lấy khoan hồng đưa dần họ về với chính nghĩa." Ông Lục Định Nhất nói rất nhiều, nhƣng quên không định nghĩa thế nào là "kẻ thù" và thế nào là "phạm sai lầm" nên không ai dám đụng chạm đến Đảng, sợ nhỡ bị "một truỳ vỡ sọ chết tƣơi" nhƣ ông Lục đã cảnh cáo. Vì vậy nên phong trào chống đối ở Trung Quốc chậm phát hơn ở các nƣớc cộng sản khác. Mãi đến 1957 nhóm La Long Cơ mới khởi sự chống Đảng.

c) Tình hình ở các nước Đông Âu, ở Ba Lan

Ba Lan vốn dĩ là một nƣớc có truyền thống quốc gia rất mạnh, nên phong trào chống đối Nga bộc phát trƣớc tiên. Sau vụ Poznan (28-6-56) các nhà cầm quyền Sô-viết nhận thấy sức mạnh của lý tƣởng quốc gia nên cố tìm cách đàn áp phong tràọ Nhƣng đảng Cộng sản Ba Lan tranh chấp quyền hành với Nga-sô, tự ý đón Gomulka từ nhà tù về và đƣa lên nắm chính quyền. Đứng trƣớc sự đã rồi, Khrushchev đành nuốt hận làm lành và tiếp đón Gomulka một cách gƣợng gạo. Về phần Gomulka, ông cũng khéo léo cố tránh không làm gì khiến Nga-sô phải bẽ mặt và kiếm cớ can thiệp.

d) Ở Hung Gia Lợi

Chỉ vài tháng sau các nhà lãnh tụ Sô-viết phải đối phó ngay với cuộc khởi nghĩa của dân chúng Hung. Trong mấy ngày đầu họ yên trí rằng họ có thể thu hẹp phạm vi ảnh hƣởng nhƣ việc đã xẩy ra ở Ba Lan, nhƣng đến khi dân chúng đòi độc lập và dân chủ hoàn toàn thì Khrushchev ra lệnh cho bộ đội quay trở lại đàn áp. Vụ Budapest đã vang dội khắp thế giới và có ảnh hƣởng trực tiếp đến tinh thần dân chúng ở Bắc Việt.

e) Tình hình ở Bắc Việt năm 1956

Nếu mang so sánh thì chúng ta có thể nhận thấy các lãnh tụ ở Bắc Việt trong năm 1956 quả đã vất vả hơn các vị đàn anh của họ ở Trung Quốc. Lý do là vì Trung cộng đã hoàn thành chiến dịch Cải cách ruộng đất từ mấy năm trƣớc khi Đệ tam Quốc tế ban hành đƣờng lối mới nên tình hình chính trị tƣơng đối đã đƣợc ổn định. Hơn nữa Trung cộng đã thanh trừng hết mọi phần tử trí thức đối lập trong vụ án Hồ Phong nên nắm vững đƣợc tình hình nội bộ để đối phó với làn sóng cách mạng từ Đông Âu tràn sang.

Trái lại, khi Mikoyan, sứ giả của điện Kremlin sang Hà Nội để giải thích về "tân chính sách" thì cuộc cách mạng ruộng đất ở miền Bắc còn đang dở dang, và đang ở giai đoạn chót và mạnh nhất. Đứng trƣớc tình thế đó ông Hồ Chí Minh đành trì hoãn việc ban bố chính sách mới và cứ để yên cho cuộc đấu tố tiếp diễn, vì không có lý gì (theo lời ông Hồ) lại "dội một gáo nƣớc lạnh vào đầu cán bộ".

Do đó mãi đến tháng tám năm 1956 Việt cộng mới phổ biến quyết định quan trọng của Hội nghị lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên sô, đồng thời tuyên bố "Sửa sai", vì mãi đến cuối tháng Bảy mới hoàn thành đợt chót của chiến dịch Cải cách ruộng đất, gọi là đợt Điện Biên Phủ. Vì để quá lâu mới mở "súp páp" nên khi mở thì hơi xì phải mạnh hơn. Những nỗi oan ức mỗi ngày một chồng chất thêm đã gây trong dân chúng một không khí căm thù đối với chế độ mỗi ngày một sâu rộng. Đồng thời tình hình Đông Âu mỗi ngày một căng thẳng. Vụ Poznan đã xẩy ra ngày 28-6-1956 và kế đến vụ Budapest, ngày 23-10-1956 làm rung chuyển bộ máy thống trị của Đệ tam Quốc tế ở khắp các nƣớc chƣ hầu.

Chiến dịch sửa sai

Chiến dịch này bắt đầu bằng việc giải thích bằng báo chí và bằng "học tập" về quyết nghị của Hội nghị lần thứ 20, trong đó có nói đến "bệnh tôn sùng cá nhân" và "chính sách tập thể". Việc thứ hai là "hạ bệ" ông Trƣờng Chinh và ông Hồ Viết Thắng, và thả ra 12 ngàn đảng viên bị cầm tù vì bị quy lầm là địa chủ, trong số đó có nhiều ngƣời đã bị lên án tử hình.

Ảnh hưởng của "sửa sai" ở nông thôn

Sau khi các đảng viên trung kiên đƣợc tha từ nhà tù về, đƣợc khôi phục công quyền, khôi phục đảng tịch và chức vụ thì họ tìm ngay đến các "đồng chí" đã "tố sai" để trả thù. Do đó tình trạng xung đột giết chóc giữa đảng viên cũ và đảng viên mới lan rộng khắp mọi nơi. Uy tín của Đảng bị sụp đổ, cán bộ đâm ra hoang mang. Trong dịp này nhà văn Nguyễn Sáng có nói một cách hài hƣớc: "Lạc quan sai; bi quan cũng sai; chỉ có hoang mang mới đúng". Nhân đân đƣợc dịp đòi lại ruộng nƣơng, nhà cửa bị tịch thu.

Ở nông thôn các đảng viên đi họp phải mang búa theo để "thảo luận" với nhau. Những địa chủ đƣợc tha về, thấy tình trạng làng xóm nhƣ vậy, vội vàng chạy ra thành phố ở nhờ các gia đình "tiểu tƣ sản" hồi kháng chiến đã trú ngụ tại nhà mình. Các bần cố nông, trót nghe lời Đảng "tố điêu" nay sợ bị rạch mồm, cắt lƣỡi, cũng vội vàng chạy ra thành phố để đạp cyclo và đi ở. Vì vậy nên dân số ở Hà Nội, Nam Định đột nhiên tăng gấp bội và không khí căm thù ở nông thôn lan ra thành phố, lây cho công nhân, tiểu tƣ sản, sinh viên và trí thức. Đáp lại vụ nổi loạn của nông dân ở Quỳnh Lƣu, thanh niên và công nhân "Nam bộ tập kết" đập phá bót cảnh sát Bờ Hồ Hà Nội (bên cạnh ga tầu điện, đầu phố Cầu Gỗ).

B. Những nguyên nhân chủ quan

Trí thức ở miền Bắc trƣớc kia đã chân thành hợp tác với cộng sản để kháng chiến mà ngày nay phải dứng dậy chống lại chính quyền cộng sản, một phần vì nhiệm vụ thiêng liêng của họ bắt họ phải luôn luôn tranh đấu cho tự do dân chủ mà chế độ cộng sản cũng chỉ hẹn hò nhƣng thực sự không mang lại. Một phần khác cũng vìchính bản thân họ bị bóc lột và bị áp bức tới mức độ mà không ai chịu nổi. Nhìn xung quanh mình, ngƣời trí thức chỉ thấy chém giết và khủng bố, dã man hơn cả những thời kỳ mà sử sách đã ghi chép, nhìn vào bản thân, họ thấy họ trở thành một thứ tôi đòi, vừa bị bóc lột vừa bị chà đạp. Từ giai cấp tiểu tƣ sản họ tụt xuống trở thành vô sản. Từ địa vị lãnh đạo tƣ tƣởng và học thuật họ đã trở thành một thứ ngƣời mà ông Mao ngang nhiên gọi là "không ích lợi bằng cục phân".

a) Đời sống vật chất của giới trí thức ở miền Bắc

Ai cũng biết trong thời gian kháng chiến giới trí thức đã phải sống một đời sống cơ cực. Câu chuyện cụ Phan Khôi khi trở về Hà Nội, đƣợc bạn thân đãi cơm có thịt gà, cầm đũa chỉ vào miếng thịt trên mâm mà nói đùa: "Chín năm nay tao lại mới gặp mày", đã trở thành một giai thoại.

Nhƣng không phải tất cả văn nghệ sĩ về Hà Nội đều gặp đƣợc thịt gà. Một đoạn trong bản đề án của ông Hoàng Huế, một thi sĩ tập kết, gửi Đại hội Văn nghệ Toàn quốc, đăng trong tập Giai phẩm đã tả cho chúng ta biết tình hình sinh hoạt vật chất của đa số văn nghệ sĩ ở chiến khu trở về Hà Nội.

Ông Hoàng Huế viết:

"Ai cũng biết rằng đời sống của chúng ta thiếu thốn quá. Đây là một sự thật buồn bã vẫn hàng ngày đập vào mặt chúng ta làm cho những kẻ đơn giản nhất cũng phải suy nghĩ.

Chúng ta không thắc mắc về cảnh sống trong kháng chiến. Nhưng trở về Hà Nội, giữa những phố xá đầy nhung lụa, tủ kính và ánh đèn xanh đỏ, có lẽ chưa bao giờ người nghệ sĩ cảm thấy cay đắng như lúc này. Cần phải nói thẳng rằng ở một toà soạn báo văn nghệ, trong số 8 biên tập viên có vợ, thì 6 người đã thất nghiệp hay bán thất nghiệp. Những trang giấy trắng đáng lẽ chỉ dùng để chép thơ cũng đã bao lần biến thành đơn xin việc. Những lá đơn ấy gởi đi rồi im lặng không nghe một tiếng trả lời. Sự thật đã có những nhà văn viết đêm, không có một tách cà phê để uống. Đã có những thi sĩ không làm thế nào mua được dăm điếu thuốc lá trong cơn nghiện, và đã có một kịch sĩ bán chiếc đồng hồ đeo tay của mình để bồi dưỡng viết cho xong cuốn sách, nhưng in ra không đủ tiền để chuộc chiếc đồng hồ.

Hữu Loan có thể nói cho chúng ta biết tình cảnh của anh. Nằm trong bóng tối của một gian nhà nhỏ ở ngoại ô Hà Nội khi không có tiếng vợ kêu con khóc, Hữu Loan chỉ mơ ước có một ngọn đèn dầu để thức mà viết. Văn Ký cũng có thể nói cho chúng ta biết tình cảnh của anh. Buổi sớm mai không có củ khoai luộc cho con ăn, nghe tiếng con kêu khóc mà đứt ruột."

Đoạn văn kể trên là lời phát biểu của thi sĩ Hoàng Huế về đời sống vật chất của giai cấp mà cụ Phan Khôi mệnh danh là "quần chúng văn nghệ". Căn cứ vào những lời trình bày của ông Hoàng Huế thì đời sống của văn nghệ sĩ sau khi họ về Hà Nội còn cực hơn thời kỳ họ nằm gai nếm mật ở chiến khu gấp bội lần. Nhƣng không phải mọi văn nghệ sĩ đều sống một cách đen tối nhƣ vậy. Đây là lời ông Hoàng Huế tả về đời sống của cấp lãnh đạo, một

giai cấp mà Milovan Djilas gọi l[à "giai cấp thống](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=5484&rb=08)

[trị mới":](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=5484&rb=08)

"Hai năm hoà bình, chúng ta thấy có nhiều nhà văn (trước kia) có tài, (ngày nay) bị buộc chặt vào địa vị bằng những sợi lụa có tẩm thuốc độc. Tác phẩm của họ (ngày nay) chỉ là chỉ thị, kế hoạch, công văn, thông cáo. Họ trịnh trọng thắt cà vạt đỏ, đi giày da vàng, đọc đít cua và nhồm nhoàm ăn tiệc, rồi lại xách va ly, bay đó bay đây, trên mây trên gió."

Đây là thi sĩ Hoàng Huế muốn nói đến các nhà văn nhƣ Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Thi, Hoài Thanh, Xuân Diệu vân vân... Họ là cấp lãnh đạo, chuyên môn ra chỉ thị, kế hoạch cho quần chúng văn nghệ thi hành, nghĩa là sản xuất theo "com măng" của Đảng đặt. Còn bọn quần chúng văn nghệ thì nai lƣng sáng tác để bán rẻ văn chƣơng cho Đảng lấy mỗi tháng vài chục kí lô gạo.

Hiện nay trong giới văn nghệ sĩ ở miền Bắc có hai giai cấp, sống hai đời sống quá chênh lệch. Cụ Phan Khôi gọi giai cấp trên là giai cấp lãnh đạo và giai cấp dƣới là giai cấpquần chúng văn nghệ. Cụ Phan Khôi gọi nhƣ vậy vì cụ muốn nói cho có văn vẻ. Sự thực thì nhiều ngƣời gọi một cách nôm na là "cai văn nghệ" và "cu ly văn nghệ". Gọi bằng hai danh từ đó mới thực sự nêu lên đƣợc tình trạng "ngƣời bóc lột ngƣời". Ngƣời bóc lột hiện nay không phải là một nhân vật cầm ba-toong, ngậm xì-gà mà là Đảng, một vật vô hình, bóc lột hàng triệu nô lệ làm việc bằng chân tay hay bằng trí óc, để nuôi một lũ cán bộ "thắt cà vạt đỏ và ăn tiệc nhồm nhoàm".

Đây quả thật là một cuộc đấu tranh giai cấp, giữa một giai cấp thống trị ngồi mát ăn bát vàng và một giai cấp bị trị, bị bóc lột đến tận xƣơng tủy.

Trong khi bọn văn nghệ sĩ dám can đảm sống với lý tƣởng của mình để không có củ khoai mà ăn thì Nguyễn Tuân sang Helsinki dự Hội nghị Hoà bình Thế giới, ở một khách sạn lớn vào bực nhất mà còn chê là cơm ở khách sạn đó không hợp khẩu vị. Nguyễn Tuân viết:

"Mỗi ngày ăn ba bữa, khẩu phần thừa thãi bổ béo; nghi thức lúc ăn thực là sang trọng; đồ sứ, pha lê, khăn bàn trắng muốt, quanh bàn ăn chốc chốc lại cử nhạc, những chị đưa món ăn trông đẹp như rượu rót trong các truyện thần thoại... Nhưng tôi ăn uống sao không thấy ngon...".

(Xem bài "Phở" của Nguyễn Tuân trong phần tài liệu.)

Còn Nguyễn Công Hoan khi sang dự Hội nghị Văn hoá Á châu lại đƣơng nhiên vào nằm ở khách sạn Asoka là khách sạn nổi tiếng là nơi trú ngụ của các bậc đế vƣơng trên thế giới.

b) Đời sống tinh thần của văn nghệ sĩ ở miền Bắc Sự chênh lệch không những chỉ thể hiện trên đời sống vật chất, mà còn thể hiện sâu sắc hơn trong cuộc sống tinh thần. Trong khi quần chúng văn nghệ phải làm việc nhƣ tôi mọi, thì một thiểu số, vừa thiếu đức vừa thiếu tài, chỉ khéo nịnh hót để ăn trên ngồi chốc, tác oai tác quái. Một văn nghệ sĩ giấu tên đã làm bài thơ sau đây đăng trong báo Văn số 24 ngày 10-10-1957. Ông "Vỗ ngực"

Học thuật văn chương chửa sạch nghề Tập toè lên lớp cũng khen chê Giáo điều khó nuốt lèn thô bạo Lý luận không tiêu kéo nặng nề. Tình cảm khô khan như củi gộc Phê bình nồng nặc tựa cơm khê. Anh em vặn lại, cùng kỳ lý,

Vỗ ngực, ông giơ Đảng chực loè. [[7]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9495&rb=08#anm7)

Không phải chỉ có loè không mà còn mắng thực sự. Chứng cớ là Nguyễn Công Hoan, tên lý trƣởng văn nghệ đã từng nằm ở khách sạn Asoka mắng cụ

Phan Khôi, tên cu ly văn nghệ đáng tuổi bố.

Sự thể là nhân dịp cụ Phan Khôi thƣợng thọ 70 tuổi, giữa lúc cụ đƣơng bị Đảng quy vào tội phản động, không một ai dám lai vãng đến chúc thọ cụ vì sợ bị liên quan, cụ bèn làm một bài thơ để kỷ niệm ngày thƣợng thọ của cụ. Trong bài thơ đó có hai câu nhƣ sau:

Lên bảy mươi rồi mẹ nó ơi! Thọ ta, ta chúc lọ phiền ai.

Bài thơ này không xuất bản, nhƣng cũng đến tai Nguyễn Công Hoan, Hoan liền làm một bài thơ hoạ lại nhƣ sau:

Nhắn bảo Phan Khôi khốn kiếp ơi! Thọ mi, mi chúc chớ hòng ai. Văn chương! Đù mẹ thằng cha bạc! Tiết tháo! Tiên sư cái mẽ ngoài Lô-dích, trước cam làm kiếp chó, Nhân văn, nay lại hít gì voi, Sống dai thêm tuổi, cho thêm nhục, Thêm nhục cơm trời, chẳng thấy gai. Đại khái thì toàn bộ giai cấp mới đều đểu cáng và hèn hạ nhƣ vậy.

Trên đây là thơ, còn những đoạn văn xuôi chứng nhận rằng hiện nay ở miền Bắc đã phát xuất những hạng ngƣời thô bạo và hống hách nhƣ vậy thì có rất nhiều.

Cụ Phan Khôi, trong bài "Phê bình lãnh dạo văn nghệ" (xem phần tài liệu) mang cộng sản ra so sánh với phong kiến và kết luận rằng cộng sản còn tàn bạo và quan liêu hơn phong kiến gấp nhiều lần. Trần Duy trong bài "Những ngƣời khổng lồ" (xem phần tài liệu) ví bọn cán bộ cộng sản nhƣ một lũ ngƣời "không tim".

Ngoài ra ông còn vẽ bức tranh khôi hài nhan đề "Một phƣơng pháp xây dựng văn nghệ", đăng trong báo Văn số 30 ra ngày 29-11-1957, trong đó ông chế giễu sự can thiệp thô bạo của chính trị vào lĩnh vực văn nghệ. (Xem tranh ở trang 35.)

Nhƣng đặc biệt nhất là bài "Thi sĩ máy" của Nhƣ Mai đăng trong tờ Nhân văn số chót trong đó ông chế giễu sự ngu dốt của cán bộ cộng sản về văn nghệ và cách chúng đối xử với văn nghệ sĩ sau này nhƣ thế nào. Ông viết:

―... Nhạc sĩ Ảo Huyền được cử đi học lớp 'nghiên cứu nghề làm nước mắm"; hoạ sĩ Lập Thể được điều động sang Mậu dịch; nữ sĩ Trong Trắng ném bút làm nghề đỡ đẻ, thi sĩ Mây Nước ra Bờ Hồ làm nghề bói Kiều, tán róc về thành phần giai cấp cho những người có óc mê tín.

Văn sĩ Đắng Văn Cay phải ra chợ Giời làm nghề bán văn kiêm bán săm lốp. Săm lốp vì cần được khuyến khích nên miễn thuế, còn văn của Đắng Văn Cay thì bị liệt vào hạng vô dụng và phải chịu thuế bốn phần trăm. Rất ít người chịu quăng tiền ra mua. Đôi ba vị khó tính lại còn rỉa rói: 'Văn chương anh thì ra cái đếch gì! Không ích lợi bằng chiếc đế dép cao su của tôi nữa kìa!".

Nhà đạo diễn Kinh Kha được chuyển sang ngành nuôi cá vàng, mỗi khi luyến tiếc sân khấu, thường ngắm cá bơi lội rồi tưởng tượng con cá vây bạc óng ả này là Điêu Thuyền, con cá mặt đen nọ là Bao Công, cặp cá đuôi cờ lồi mắt kia là đôi nhân vật tiểu tư sản v.v..."

(Xem trọn bài trong phần tài liệu) Viết mấy dòng này Nhƣ Mai có ý nhắn nhủ những trí thức nào còn mê "thiên đƣờng cộng sản" thì hãy nên biết trƣớc số phận mà cộng sản sẽ dành cho mình trên cõi thiên đƣờng đó.

c) Tâm trạng của giới trí thức ở miền Bắc

Tâm trạng của đại đa số trí thức ở miền Bắc, nhất là những tir thức đã dày công theo đuổi kháng chiến, là thấy mình bị lợi dụng tài năng, bị bạc đãi, khinh miệt và cuối cùng là ruồng bỏ, và khủng bố. Tâm trạng đó giống hệt tâm trạng một ngƣời đàn bà đẹp, bị rơi vào phận lẽ mọn, và bị chồng và vợ cả vùi dập. Nếu ngày xƣa Hồ Xuân Hƣơng đã cám cảnh vợ lẽ mà thốt ra câu:

Chém cha cái kiếp lấy chồng chung Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng

Thì ngày nay cụ Phan Khôi cũng phải ngán cảnh "kháng chiến ngõ ngoài" mà ngâm mấy vần thơ sau đây:

Tuổi già thêm bệnh hoạn

Kháng chiến thấy thừa ta

Mối sầu như tóc bạc

Hễ cắt lại dài ra.

Ông Nguyễn Mạnh Tƣờng trong bài diễn văn của ông nói về những sai lầm trong Cải cách ruộng đất cũng phải nêu lên câu hỏi sau đây:

"Có một chỗ nào mà người trí thức ngoài Đảng nắm được thực quyền hay không? Tác dụng „hiếu hỉ" hay „cười gật" thì có, mà lại có nhiều. Nhưng ngay ở các cương vị ấy, ngoài vai trò hiếu hỉ, cười gật, người trí thức có một trách nhiệm gì không? Có quyền nói gì, làm gì không? Quần chúng đã biết và tôi miễn giả lời.‖

(Xem trọn bài trong phần tài liệu.)

Trí thức "sống chung" với cộng sản, chỉ đƣợc đặt vào địa vị "hầu non" cƣới về để tô điểm cho nhà cửa thêm sáng sủa, còn thực quyền thì bao giờ cũng do vợ cả nắm. Vợ cả đây, ai cũng biết là bần cố nông, vì cộng sản chẳng hề giấu diếm điều đó.

Tâm trạng thứ hai của trí thức là thấy sự hy sinh của mình trong chín mƣời năm trời không đƣa lại mảy may hạnh phúc. Trong chế độ "dân chủ cộng hoà" ngày nay vẫn đầy rẫy một lũ chuyên môn nịnh hót để chấm mút và tác oai tác quái.

Hữu Loan đã phải rên rỉ nhƣ sau:

Một điều đau xót

Trong chế độ chúng ta

Trong chế độ “Dân chủ Cộng hoà” Những thằng nịnh hót còn thênh thang đất sống...

Rồi ông hô hào mọi ngƣời hãy đứng lên làm "tổng vệ sinh" quét sạch lũ chúng, ông hô:

Những người

đã đánh bại

xâm lăng;

Đỏ bừng mặt

vì những tên quốc sỉ

Ngay giữa thời nô lệ

Là người, chúng ta

không ai biết cúi đầu

(Xem trọn bài trong phần tài liệu.)

Vì đỏ bừng mặt, không chịu đƣợc sự khinh mạn của cộng sản, nên họ phải vùng dậy. Cụ Phan Khôi phẫn uất quá chừng nên nói liều nhƣ sau:

Làm sao cũng chẳng làm sao, Dẫu có thế nào cũng chẳng làm chi. Làm chi cũng chẳng làm chi, Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao.

Từ chỗ uất ức đó tiến tới chỗ ra báo để ngang nhiên chống lại Đảng chỉ có một bƣớc.

[[1] N](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9495&rb=08#nr1)hà hoặc gia nghĩa là một học phái.

[[2] T](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9495&rb=08#nr2)rong cuốn L"Asie du Sud-Est entre deux Mondes của Tibor Mende, bản dịch tiếng Pháp của René Guyonnet, trang 17, Edition du Seuil, Paris 1954

[[3] C](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9495&rb=08#nr3)on số này trích trong cuốn A Short History of the Chinese People. Revised Edition của L. Carrington Goodrich, Harper and Brothers xuất bản 1951.

[[4] C](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9495&rb=08#nr4)âu của Đào Duy Anh, trong cuốn Trung Hoa sử cương

[[5] C](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9495&rb=08#nr5)âu của Phan Khôi trong bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ”

[[6] "Vă](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9495&rb=08#nr6)n công": chữ Tàu, là văn nghệ công tác, nghĩa là công tác biểu diễn văn nghệ

[[7] T](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9495&rb=08#nr7)rong nguyên bản, sau bài thơ này, ở trang 14 có tranh châm biếm “Một cái quái thai nịnh trên nạt dưới” của Trần Hưởng, Vân Tôn vẽ lại, trích báo Trăm hoa ngày 30.12.1956 (chú thích của talawas).

Chương 2: Lịch trình đấu tranh của trí thức ở miền Bắc

Chúng ta đều biết rằng trí thức ở miền Bắc mới nổi dậy tấn công ào ạt vào lãnh đạo từ mùa Xuân 1956, nhƣng nếu ta kể cả những cuộc chống đối lẻ tẻ và ngấm ngầm thì ta phải công nhận rằng cuộc đấu tranh giữa Đảng và quần chúng văn nghệ đã có từ lâu. Sở dĩ ta không nghe nói đến là vì trong thời gian kháng chiến, các văn nghệ sĩ không dám đứng lên công khai chống chọi với Đảng, vì hồi đó hơi một tí là Đảng có thể khép vào tội Việt gian phản quốc.

Vả lại, lúc bấy giờ đa số trí thức tham gia kháng chiến cũng chƣa muốn công khai chống lại Đảng. Họ vẫn biết Đảng là Đảng Cộng sản, ông Hồ Chí Minh là tên nguỵ trang của Nguyễn Ái Quốc, nhƣng vì lòng chân thành ái quốc, và vì chƣa ý thức đƣợc cái nguy cơ cộng sản, họ vẫn thụ động để cho cộng sản lãnh đạo, vì họ quan niệm rằng, sau khi đánh đuổi đƣợc Pháp ra khỏi bờ cõi, thì sẽ quay trở lại chống cộng cũng vừa.

Điển hình của thái độ này là kỹ sƣ Hồ Đắc Liên, em ông Hồ Đắc Điềm. Ông Liên trong lúc mới tham gia kháng chiến có giơ cao nắm tay trƣớc mặt ngƣời bạn thân mà tuyên bố rằng: "Còn phải chống Pháp thì tôi còn đi với chúng (ám chỉ cộng sản), khi nào độc lập rồi thì chúng sẽ biết tay tôi". Ông Liên là một trí thức du học ở bên Pháp về nên ngây thơ đến mức đó. Những ngƣời khác sinh trƣởng trong nƣớc, không đến nỗi ngây thơ nhƣ ông. Tuy nhiên, ai cũng mắc phải cái lỗi là không ngờ rằng chế độ cộng sản dã man quá mức. Nhiều ngƣời đã đọc cuốn Retour de l" URSS của André Gide, nhƣng ai cũng hy vọng rằng cộng sản ở Nga lúc xƣa khác, cộng sản ở Việt Nam bây giờ khác. Nói chung ai cũng nghĩ rằng Việt Minhh tuy là cộng sản, nhƣng nhiêm vụ của họ là kháng chiến chống Pháp trƣớc đã, khi nào độc lập rồi mà Việt Minh thực hiện chủ nghĩa cộng sản, lúc bấy giờ họ xoay sở cũng kịp. Ít ai ngờ rằng Cộng sản sẽ phản bội Quốc gia trƣớc khi kháng chiến thành công, vì không mấy ngƣời nhớ rằng ngày xƣa, khi cộng sản Trung Hoa liên kết với Quốc dân Đảng trong cuộc Bắc phạt, họ đã bị Quốc dân Đảng trở tay trƣớc và tiêu diệt họ.

Ít ai nhớ rằng Nguyễn Ái Quốc lúc bấy giờ phải chạy long tóc gáy mới thoát nạn, nên rút kinh nghiệm, lần này họ liên kết với những ngƣời kháng chiến có tinh thần quốc gia, họ Hồ phải trở mặt trƣớc. Cũng vì sự xao nhãng đó nên giới trí thức ở miền Bắc, nhƣ Phan Khôi, Nguyễn Mạnh Tƣờng, là những ngƣời chỉ tham gia kháng chiến vì lý tƣởng quốc gia, ngày nay lâm vào tình trạng khó khăn.

Tình hình văn nghệ trong vùng kháng chiến 1956-1954

Thời kỳ ấy là thời kỳ kháng chiến của nƣớc ta, nhƣng nếu đem so với lịch cộng sản quốc tế thì có thể gọi thời đại ấy là Triều đại Stalin. Ngay từ thời bấy giờ văn nghệ sĩ tham gia kháng chiến đã chia làm hai phái. Một phái đảng viên, và một phái không đảng viên. Tuy chƣa có xung đột công khai, nhƣng hai phái vẫn không ƣa nhau.

Phần lớn những văn nghệ sĩ đảng viên nhƣ Tố Hữu, Hoài Thanh, Xuân Diệu đều tập trung ở Việt Bắc, gần Trung ƣơng, gần Đảng để nắm vai lãnh đạo. Còn quần chúng văn nghệ sĩ thì phần đông đều cố ý muốn tránh Trung ƣơng, tránh Đảng, nên họ vẫn lẩn quất ở miền xuôi, miền đồng bằng, gọi là khu Ba, và sau khi khu Ba bị quân Pháp chiếm cứ thì họ tản cƣ vào Thanh Hoá.

Lúc bấy giờ các văn nghệ sĩ không Đảng này đƣợc Nguyễn Sơn, một thiếu tƣớng Việt cộng trọng dụng, biệt đãi, nên họ có dịp tụ hội lại một nơi và gây thành một sức mạnh. Ngày nay nói đến vụ án Nhân văn tƣởng cũng nên nói đến vai trò của Nguyễn Sơn, vì nhóm Nhân văn coi Nguyễn Sơn nhƣ một ân nhân. Chứng cớ là hồi Nguyễn Sơn

chết tháng 10 năm 1956, [báo Nhân văn có đăng](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9424&rb=08)

[một bài khóc Nguyễn Sơn.](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9424&rb=08)

Tuy Nguyễn Sơn là một tay cộng sản đã nổi danh ở bên Trung Quốc, nhƣng Nguyễn Sơn vẫn chƣa gột hết tinh thần quốc gia. Thấy nƣớc nhà kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Sơn nằng nặc xin với Mao Trạch Đông cho về để giúp nƣớc, và khi về nƣớc thì chỉ chú trọng đến việc đánh Pháp, không chú trọng đến việc bành trƣớng Đảng. Sau này Nguyễn Sơn ngang nhiên chống lại Đảng vì phản đối chủ trƣơng nhận viện trợ của Trung cộng. Nói cho đúng thì Nguyễn Sơn là một thứ Tito trong hàng ngũ cộng sản Việt Nam.

Khi Nguyễn Sơn làm khu trƣởng khu Bốn, ông ta tập trung tất cả các văn nghệ sĩ ở khu Bốn lại một nơi rồi giúp cho họ phƣơng tiện để sinh sống, để sáng tác vì Nguyễn Sơn đề cao văn nghệ, và yêu mến văn nghệ. Nhƣng từ 1950 trở đi, sau khi Nguyễn Sơn bị đuổi về Tàu thì cuộc đời của nhóm văn nghệ sĩ khu Bốn bắt đầu đen tốị Họ bị bạc đãi nên họ không chịu sáng tác nữa.

Mỗi lần cấp bộ lãnh đạo đòi hỏi thì họ cứ khất lần, họ nói rằng họ còn "đương thai nghén" chƣa sản xuất đƣợc, và cuối cùng trong mấy năm, từ 1950 cho đến 1954 chẳng có văn nghệ sĩ nào sản xuất gì hết. Thái độ "đình công tập thể" này đƣợc chứng minh bằng một câu của cụ Phan Khôi trong bài: "Phê bình lãnh đạo văn nghệ" của cụ. Nói về Thế Lữ, cụ viết: "Còn Thế Lữ, có lần tôi hỏi tại sao anh không làm thơ nhƣ trƣớc kia. Anh trả lời rằng đợi đến bao giờ anh 'chỉnh' đƣợc tâm hồn, cảm thông đƣợc với quần chúng cần lao, bấy giờ anh sẽ làm". Thái độ này không phải chỉ riêng Thế Lữ. Văn Cao, tác giả bài "Tiến quân ca" cũng đã thốt ra rằng: "Nay Đảng bảo phải, mai Đảng bảo sai, ai còn biết đƣờng nào mà sáng tác".

Nói chung từ 1950 trở đi, nghĩa là từ khi chính sách của Việt cộng thay đổi và các cố vấn Tàu đã sang Việt Nam thì các văn nghệ sĩ không Đảng đã đình chỉ mọi công việc sáng tác. Vì vậy nên từ 1950 trở đi các văn nghệ sĩ kháng chiến không sản xuất đƣợc một tác phẩm nào có giá trị, ngoài những bài thơ ca ngợi Đảng, ca ngợi Bác, của nhóm văn nghệ sĩ thuộc thành phần lãnh đạo viết. Tuy có viết, có xuất bản, nhƣng những thơ văn nịnh hót đó cũng chẳng có ai đọc.

Đây là một bài Tố Hữu tán dƣơng Hồ Chí Minh và Sít-ta-lin:

Hoan hô Hồ Chí Minh

Cây hải đăng vô sản

Bão táp chẳng rung rinh

Lửa trường kỳ cách mạng

Hoan hô Sít-ta-lin

Đời đời cây đại thọ

Rợp bóng mát hoà bình.

Hoặc là:

Chúng ta có Bác Hồ

Thế giới: Sít-ta-lin

Đảng ta phải mạnh to

Thế giới phải đỏ mình.

Ở một chỗ khác, thi sĩ khát máu hô:

Giết, giết nữa, bàn tay không phút nghỉ Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong, Cho Đảng bền lâu, cùng rập bước chung lòng Thờ Mao Chủ tịch, thờ Sít-ta-lin... bất diệt.

Trên đây là thơ của Tố Hữu, còn sau đây là thơ của Xuân Diệu:

Mỗi lần đấu tranh gay go

Chúng con lại được Bác Hồ tới thăm, Nghe lời Bác dạy khuyên răn, Chúng con ước muốn theo chân của Người... Chúng con thề nguyện một lời: Quyết tâm thành khẩn... lột ngƣời từ đây .

Trên đây là thơ Xuân Diệu nịnh Bác, còn sau đây là lời Xuân Diệu nạt nhân dân. Ta hãy nghe lời hò hét:

Anh em ơi! Quyết chung lưng Đấu tranh tiêu diệt tàn hung tử thù Địa hào, đối lập ra tro,

Lưng chừng phản động đến giờ tan xương. Thắp đuốc cho sáng khắp đường, Thắp đuốc cho sáng đình làng đêm nay. Lôi cổ bọn nó ra đây

Bắt quỳ gục xuống, đoạ đày chết thôi...

Đại khái thì từ 1950 cho đến 1954, trong vùng cộng sản kiểm soát chỉ có một lối thơ khát máu nhƣ vậy thôi. Là những ngƣời văn nghệ sĩ chân chính, còn giữ vững bản tính cao quý của con ngƣời, dĩ nhiên ai cũng phải tạm thời gác bút, vì không thể nào hoà điệu đƣợc với một hạng ngƣời nhƣ vậy. Tóm lại, các văn nghệ sĩ ở vùng kháng chiến đã đình công dài hạn từ 1950 trở đi, để tỏ ý không tán thành đƣờng lối của Đảng, chế độ độc tài của Đảng, và nhất là chính sách "đấu tố" do các cố vấn Trung Quốc nhập cảnh vào Bắc Việt.

Những triệu chứng báo hiệu cuộc nổi loạn Sau khi Việt cộng về Hà Nội, thì báo chí, sách vở xuất bản ở Hà Nội vẫn đầy rẫy những bài ca tụng Đảng, ca tụng Bác, những bài "anh hùng ca" kêu gọi nông dân đứng dậy tàn sát địa chủ, phản động, lừng chừng. Nhƣng hình nhƣ từ ngày bác Malenkov bị hạ bệ thì uy tín của Đảng có bị giảm mất một phần. Trên mặt báo giới tuy chƣa có bài nào công kích hẳn chế độ, nhƣng báo Thời mới, một tờ báo của tƣ nhân còn sót lại nêu ra nhiều vấn đề để độc giả thảo luận, trong số đó có vấn đề "Yêu nhau có cần tiêu chuẩn hay không?", nghĩa là: Có nhất thiết phải là cán bộ Đảng mới đáng đƣợc các cô con gái yêu không? Ngụ ý của ngƣời đƣa ra vấn đề này là đả phá cái tệ mới phát hiện ở Hà Nội là các cô gái chƣa chồng đua nhau lấy cán bộ Đảng, cán bộ "Bốn túi" (Cán bộ bốn túi là cán bộ cao cấp, vì cán bộ cấp dƣới chỉ đƣợc mặc áo có hai túi). Lúc bấy giờ có khẩu hiệu "Phi bốn túi bất thành phu phụ".)

Những bài này không đả động đến đƣờng lối chính sách của Đảng, nhƣng một phần nào cũng đã làm giảm uy tín của cán bộ lãnh đạo.

Thế rồi cụ Phan Khôi xuất đầu lộ diện. Nhà Nho bảy mƣơi tuổi bắt đầu đả kích chế độ bằng một mƣu mẹo mà cán bộ cộng sản mắc ngay tức khắc. Cụ đƣợc cán bộ giao cho dịch một cuốn sách có chữ Pháp sang tiếng Việt, trong đó có một chữ "Pomme de terre", cụ dịch ngay ra là "khoai nhạc ngựa". Cuốn sách cụ dịch đƣợc xuất bản, và sau đó ít lâu báo Cứu quốc viết một bài phê bình cụ là lẩm cẩm, bảo cụ: "Sao không dịch là 'khoai tây' mà lại dịch là khoai nhạc ngựa. Khoai nhạc ngựa là cái quái gì?" Báo Cứu quốc cứ yên trí rằng cụ Phan đã 70 tuổi đầu nên cụ đã lẩm cẩm. Không ngờ trẻ mắc mƣu già. Cụ trả lời ngay bài phê bình đó. Cụ nhận ngay là lẩm cẩm, nhƣng cụ phân bua rằng: Cán bộ phụ trách lâu nay cấm cụ dùng chữ "tây". Có lần cụ dùng chữ "đƣờng tây", chúng xoá đi mà thay vào chữ "đƣờng kính". Cụ dùng chữ "chè Tàu" thì chúng chữa là "chè Trung Quốc", chữ "thịt kho tàu" thì chúng chữa là "thịt kho Trung Quốc". Lần này để chiều ý chúng, cái gì cũng phải Trung Quốc mới hay, thì cụ dịch "pomme de terre" ra "khoai nhạc ngựa" vì ngƣời Trung Quốc gọi nó là "mã linh thƣ".

Đấy là lần đầu tiên cụ Phan Khôi mang cái dốt của cán bộ ra giiễu trên mặt báo chí. Việc này chứng tỏ rằng uy tín của cán bộ đã bắt đầu bị suy sụp.

Cuộc khởi nghĩa bắt đầu

Ngày 20 tháng 2 năm 1956 Khrushchev đọc bài diễn văn hạ bệ Stalin. Tuy bài diễn văn này đọc trong một khoá họp bí mật, nhƣng tài liệu đó cũng lọt ra ngoài, và không bao lâu toàn thể thế giới đều biết. Việt cộng cố giấu, nhƣng giới văn nghệ miền Bắc vẫn biết đƣợc, vì họ đọc một vài tờ báo Pháp lọt vào tay họ. Không khí chống lại Đảng dƣới hình thức chống tinh thần Stalin bắt đầu. Vào khoảng tháng 3 năm 1956 nhà xuất bản Minh Đức ở chiến khu về cho ra ngay một cuốn sách nhan đề Giai phẩm 1956. Trong cuốn này có nhiều bài nêu lên những thối nát của chế độ. Phùng Quán viết một bài nhan đề là "Cái chổi quét rác rƣởi" trong đó anh nói rằng chệ độ miền Bắc đầy những rác rƣởi dơ bẩn và anh, lấy tƣ cách là nhà văn, tình nguyện làm cái chổi quét cho sạch những rác rƣởi đó. Cũng trong số đó Lê Đạt có viết một bài nhan đề là "Ông

Bình vôi" [[1]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#anm1) , trong đó có câu:

Những kiếp người đã sống lâu trăm tuổi Y như một cái bình vôi

Càng sống càng tồi

Càng sống càng bé lại

Bề ngoài thì bài này chỉ công kích những cán bộ nhiều tuổi Đảng, sống lâu lên lão làng, nhƣng kỳ thực ngƣời dân Bắc Việt có thể hiểu ngay là ám chỉ ông Hồ Chí Minh, càng sống, càng tồi, vì ngày nay ông Hồ không còn thƣơng nƣớc thƣơng nòi nhƣ hồi ông còn là Nguyễn Ái Quốc nữa. Đấy là một thái độ láo xƣợc vô bờ bến, nhƣng Việt cộng không dám bắt bẻ, vì nếu nêu bài thơ ấy ra thì mất hết uy tín của ông Hồ. Bài mà họ nêu ra để khủng bố, là

[bài "Nhất định thắng"](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=7351&rb=08) của Trần Dần, một nhà thơ trẻ tuổi. Bài thơ dài hơn năm trăm câu, tả sự khổ cực của hai vợ chồng tác giả, thiếu thốn, thất nghiệp, đi trong thành phố Hà Nội mà chỉ thấy "mƣa sa và mầu cờ đỏ". Trong bài thơ ấy, tác giả cũng nêu lên sự đau xót khi thấy hàng vạn ngƣời cứ tiếp tục bỏ vùng Việt cộng mà di cƣ vào Nam. Không nói rõ nhƣng ngụ ý của tác giả là: chế độ miền Bắc quá dã man nên họ phải xa lánh, chứ chẳng có ai dụ dỗ họ bỏ nhà bỏ cửa vào Nam nhƣ là tuyên truyền Việt cộng vẫn thƣờng rêu rao. Tất cả trách nhiệm về cuộc di cƣ vĩ đại này Việt cộng phải chịu. Trong bài thơ đó có một đoạn nhƣ sau: Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc Tai bỗng nghe những tiếng thì thầm - Tiếng người nói xen tiếng đời ầm ả - Chúng phá hiệp thương! - Liệu có hiệp thương! -

Liệu có tuyển cử? -

Liệu tổng hay chẳng tổng? - Liệu đúng kỳ hay chậm vài năm? Ôi! Xưa nay Người vẫn thiếu tin Người Người vẫn kinh hoàng trước tương lai...

(Xem trọn bài trong phần giới thiệu.)

Vì chữ "Ngƣời" trong hai dòng cuối bằng chữ hoa, nên cán bộ lãnh đạo vịn ngay vào cớ đó để buộc cho Trần Dần có ý ám chỉ ông Hồ Chí Minh vì xƣa nay chữ Người viết hoa vẫn dành riêng cho ông Hồ. Nhƣ vậy là tờ Giai phẩm mùa Xuân bị tịch thu và Trần Dần bị bắt, bị mang ra đấu trƣớc một cuộc họp đông đảo của toàn thể các văn nghệ sĩ trong "Hội các nhà văn". Trần Dần bị quy vào tội phản động và bị bắt giam. Phẫn uất quá, Trần Dần cứa cổ tự tử, nhƣng không chết, sau này vẫn mang một cái sẹo ở cổ. Cái sẹo đó trở thành một dấu hiệu của sự áp bức văn nghệ dƣới chế độ cộng sản miền Bắc.

Giai phẩm mùa Thu ra đời

Nhƣng chẳng bao lâu thì Mikoyan sang thăm Hà Nội để giải thích cho ông Hồ về sự cần thiết phải thay đổi chính sách, phải nới lỏng tay. Tiếp theo đó, ngày 26 tháng 5 năm 1956, họ Mao tuyên bố chính sách "Trăm hoa đua nở". Và chỉ một tháng sau, công nhân Ba Lan nổi loạn ở Poznan. Việt cộng lúng túng phái cán bộ đi giải thích về vụ Poznan, nhƣng dân chúng Bắc Việt nhất thiết không tin lời giải thích của cán bộ.

Cũng vào dịp này, Đảng Lao động bắt đầu cho nhân dân học tập về chính sách mới của Khrushchev. Trong một bài đăng trong báo Nhân văn số 2 xuất bản ngày 20 tháng 9 năm 1956 có một đoạn nói về buổi họp đó nhƣ sau: "Đợt học tập của giới văn nghệ tháng tám vừa qua đã là một cuộc tranh đấu sôi nổi của trên 300 người công tác văn nghệ. Phát triển sự việc như thế nào, chỉ trích bè phái như thế nào, xây dựng Trung ương Đảng như thế nào, Nguyễn Đình Thi tổng kết quanh co như thế nào, Nguyễn Hữu Đang tham luận mạnh bạo như thế nào, Tố Hữu nhận lỗi qua loa như thế nào, anh chị em đã nghĩ những gì... báo Nhân dân biết rõ. Thế rồi bè phái lãnh đạo văn nghệ vẫn cứ ngoan cố làm thinh... tuyệt nhiên không giải quyết một nguyện vọng nào của anh chị em."

Xem đoạn văn đó thì chúng ta thấy rằng quần chúng văn nghệ đã tấn công mãnh liệt vào "bè phái" lãnh đạo, đã đẩy "bè phái" đó vào chỗ bí, không có đƣờng thoát. Nhƣ vậy là quần chúng văn nghệ đã nắm đƣợc ƣu thế, và họ không bỏ lỡ dịp tấn công luôn và liên tiếp.

Ngày 29 tháng 8, 1956 [Giai phẩm mùa Thu tập 1](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=7369&rb=08) ra đời. Trong tập này cụ Phan Khôi giáng một chuỳ chí mạng vào đầu giai cấp lãnh đạo. Bài của cụ

nhan đề l[à "Phê bình lãnh đạo văn nghệ". Bà](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=7369&rb=08)i này đã làm nhân dân Hà Nội xôn xao. Có ngƣời viết trên báo Thời mới, ví bài của cụ Phan nhƣ một "quả bom tạ" thả ngay giữa Hà Nội. Có ngƣời thốt lên rằng chín mƣời năm nay mới lại nghe thấy tiếng nói "sang sảng" của cụ Phan.

Tờ [Nhân văn số 1](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9368&rb=08) ra đời vào ngày 15 tháng 9. Giới sinh viên đại học cũng hƣởng ứng sôi nổi và xuất bản một tờ báo chống Đảng lấy tên là Đất mới. Tờ tuần báo Trăm hoa của thi sĩ Nguyễn Bính, trƣớc kia hiền lành, nay cũng hƣởng ứng phong trào, ra một loạt mới đả kích Đảng. Phong trào lan rộng đến nỗi giọng công kích lan ra cả tờThời mới là tờ báo hàng ngày, lâu nay vẫn ngoan ngoãn đối với Đảng . Nó thâm nhập cả vào báo chí của Đảng. Báo Cứu quốc, cơ quan của Mặt trận Tổ quốc cũng nêu ra nhiều tệ hại của chế độ trong mục tự phê bình, nhan đề là Cuốn sổ tay. Mà đặc biệt là báo Nhân dân, cơ quan chính thức của Đảng cũng tiết lộ nhiều "sai lầm". Cho đến cả báo Học tập, cơ quan nghiên cứu lý thuyết của Đảng cũng nêu ra nhiều vụ hà lạm của cán bộ đảng viên. Nói chung thì suốt trong ba tháng, nhân phong trào sửa sai, tất cả dƣ luận và toàn thể báo chí đều phàn nàn về bệnh "quan liêu" của bè phái lãnh đạo. Khác nhau là ở chỗ các báo đối lập thì nói thẳng tay, bổ những nhát búa chí mạng vào đầu giai cấp thống trị, còn các báo chí của Đảng thì bất đắc dĩ, thấy ngƣời ta nói nhiều và đúng quá, cũng phải a-dua theo, bộc lộ chút ít sai lầm, để tỏ ra mình không ngoan cố lắm, đó là nhất thời và cá biệt, còn nói chung thì Đảng và Bác bao giờ cũng sáng suốt. Mọi việc "sai lầm" đáng tiếc đều do cán bộ cấp dƣới gây ra, còn cấp trên vẫn nắm vững chính sách. Nhƣng các báo chí đối lập không thèm đếm xỉa đến cấp dƣới mà lại chĩa mũi dùi vào cấp lãnh đạo, nên cùng kỳ lý, Hồ Viết Thắng phải đứng ra tự đọc bản tự kiểm thảo về những sai lầm về Cải cách ruộng đất, Võ Nguyên Giáp cũng phải thay mặt Đảng công nhận những "khuyết điểm".

Bút chiến với các báo của Đảng Bị mất hết uy tín, và bị tấn công vào những chỗ yếu, không có cách gì đỡ, các cấp lãnh đạo chỉ có cách là làm thinh. Hồ Chí Minh hoàn toàn không lên tiếng. Tố Hữu sang Bắc Kinh nằm yên trong ba tháng. Bọn "cai văn nghệ" nhƣ Hoài Thanh, Xuân Diệu, Lƣu Trọng Lƣ không dám hé răng. Những biến chuyển liên tiếp ở Đông Âu làm cho mấy "ông to" hoang mang, không biết địa vị của họ có còn đƣợc vững bền không. Tuy nhiên Đảng cũng phải tìm cách phản ứng bằng cách ra lệnh cho cán bộ chính trị viết những bài phản công trở lại. Bài đầu tiên là của Nguyễn Chƣơng đăng trên mặt báo Nhân dân ngày 25-9-1956. Trong bài này Nguyễn Chƣơng vu cho báoNhân văn là tay sai của địch, vì theo Nguyễn Chƣơng thì báo Nhân văn công kích địch thì ít, mà công kích ta thì nhiều. Báo Nhân văn liền đập lại bằng một bài nhƣ búa giáng. Bài đó do ba cây bút cứng của nhóm Nhân văn là Hoàng Cầm, Hữu Loan và Trần Duy viết và mang đầu đề là "Chúng tôi cực lực phản đối luận điệu vu cáo chính trị". Họ đốp chát với Nguyễn Chƣơng từ lý luận một, và sau mỗi lý luận, nhóm Nhân văn lại hạ một câu hài hƣớc nhƣ sau: " Bạn cố tình đến thế, chúng tôi còn biết nói sao?".

Mỗi lần bẻ gãy lý luận của Nguyễn Chƣơng, họ lại láy đi láy lại câu nói trên để nêu rõ tính cách "ngoan cố" của bọn cán bộ Đảng. Vừa bị đập mạnh vừa bị chế giễu, Nguyễn Chƣơng cố gắng thanh minh bằng một bài thứ hai đăng trong báo Nhân dân thì bị luôn Chu Ngọc, trong nhóm Nhân văn giáng thêm cho một chuỳ, bằng một bài nhan đề là: "Quần chúng đã chán ghét lối chặn họng đó rồi". Thế là Nguyễn Chƣơng im bặt. Đến lƣợt Hoàng Xuân Nhị lên võ đài tỷ thí.

Hoàng Xuân Nhị là giáo sƣ thạc sĩ có sẵn một mớ lý thuyết Mác-xít, mang từ Pháp về nên lôi cả ông Mác và Lê-nin ra để đối phó bằng cách dùng lời Lê-nin và Mác để chứng minh rằng văn nghệ phải có đảng tính và văn nghệ sĩ phải triệt để phục tùng sự lãnh đạo của Đảng. Nhóm Nhân văn liền cử ngay một sinh viên đại học là Bùi Quang Đoài, học trò của ông Nhị lên đo sức với ông Nhị. Bùi Quang Đoài vạch ra rằng ông Nhị xuyên tạc lời nói của Lê-nin. Bùi Quang Đoài viết: "Một là ông Nhị không tiêu hoá được tài liệu, hai là ông Nhị đã lợi dụng tài liệu để xuyên tạc. Nó không đúng với tinh thần trung thực của người trí thức". Sau khi bẻ lý luận của vị giáo sƣ thạc sĩ, và chê vị giáo sƣ đó còn dốt lắm, Bùi Quang Đoài kết luận: "Tôi xin đề nghị với ông Nhị một điều... cố gắng nghiên cứu, suy nghĩ, để giữ bản chất trung thực của ngƣời trí thức". Từ đấy không thấy Hoàng Xuân Nhị trở lại võ đài nữa. (Xem trọn bài trong phần tài liệu.) Chiến thuật khủng bố ngầm

Chiến thuật đó lần lƣợt đƣợc Đảng mang áp dụng qua những thủ đoạn nhƣ sau :

a. Ra lệnh cho mậu dịch không bán giấy in báo

cho nhóm đối lập. Thủ đoạn này không có kết quả gì vì nhóm đối lập đƣợc nhân dân nhiệt liệt ủng hộ giúp tiền mua giấy ở chợ đen.

b. Khủng bố những ngƣời phát hành. Báo [Nhân](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9408&rb=08)

[văn trong số 4](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9408&rb=08) ra ngày 5-11-56 có tố cáo thủ đoạn đó nhƣ sau :

"Một khách hàng vào một hiệu sách ở khu Hồng Quảng. Khách hỏi: „Ở đây có bán báo Nhân văn không?". Ông chủ hiệu vừa vuốt râu mép vừa trả lời: „Bán báo Nhân văn có mà chết sớm"."

Thủ đoạn này lại cũng không thành công vì nhóm đối lập huy động sinh viên và học sinh đi bán. Đảng cũng ra lệnh cho bƣu điện không phân phát báo Nhân văn. Số báo Nhân văn kể trên cũng tố cáo hành động đó và viết một câu hài hƣớc: "Biết đâu mấy ông ở bưu điện chẳng thích báo Nhân văn quá nên giữ lấy để đọc một mình".

c. Khủng bố những ngƣời đọc. Hàng loạt cán bộ

đƣợc tung ra khắp phố phƣờng Hà Nội, xông vào từng nhà một để giải thích rằng báo Nhân văn là báo phản động. Báo Nhân văn có nêu lên một trƣờng hợp rất hài hƣớc là cán bộ đi nói xấu báo Nhân văn vào nhầm nhà một văn nghệ sĩ trong chính nhóm Nhân văn, và bị vợ nhà văn đó trả lời cho mấy câu đanh thép làm cho chị cán bộ phải câm miệng.

d. Vận động thợ in không in. Để thực hiện mƣu

mô này, Đảng phải huy động đến Hoàng Đạo là tay gián điệp số một, đã nổi tiếng trong vụ phá hoại chiếc tàu Amyot d‘ Inville và trong việc điều tra "Vụ án Bái Thƣợng". Hoàng Đạo đƣợc tức khắc bổ sang công đoàn để dùng hệ thống công đoàn uy hiếp công nhân nhà máy in, bắt phải đình công không in báo "phản động". Tuy nhiên, công nhân vẫn không nghe theo. Báo vẫn cứ ra đều, không hề bị gián đoạn.

Vu cáo chính trị

Sau khi phá ngầm không kết quả. Đảng chủ trƣơng phá công khai bằng cách vu khống nhóm văn nghệ sĩ là tay sai của địch, của đế quốc. Để chứng minh việc đó, báoNhân dân dựng đứng câu chuyện chính phủ miền Nam triển lãm báo Nhân văn ở Courtinat Sài Gòn (sic). Sự thực thì lúc bấy giờ chính phủ miền Nam chƣa có lấy một tờNhân văn trong tay, vì mãi đến tháng 11, khi tờ Nhân văn sắp bị đóng cửa mới có đƣợc mấy số lọt vào Sài Gòn, do kiều bào ở Paris gửi về. Báo Nhân dân chỉ đƣợc tin phong phanh rằng Bộ Thông tin ở Sài Gòn hồi tháng 6-1956 có tổ chức một cuộc triển lãm những tài liệu chứng tỏ Việt cộng không tôn trọng Hiệp ƣớc Genève, tại Phòng Thông tin Sài Gòn ở đƣờng Catinat. Trong cuộc triển lãm này, ngoài những tài liệu chính trị và quân sự chứng tỏ rằng Việt cộng thực sự có cấu kết với Bình Xuyên, Hoà Hảo để quấy rối miền Nam, cũng có một số báo chí Việt cộng, bắt đƣợc trong các hầm bí mật, cùng với cán bộ Việt cộng nằm vùng. Nhƣng toàn là các báo chí của Đảng nhƣ Nhân dân, Tổ quốc v.v... không hề có Nhân văn, vì lý do tờ Nhân văn lúc đó chƣa ra đời. Báo Nhân dân lại chỉ nhớ mang máng nên lầm Catinat thànhCourtinat, một cửa tiệm bán tạp hoá của ngƣời Pháp ở cùng phố.

Ngoài cái "chứng cớ" tƣởng tƣợng kể trên, Đảng cũng không nại thêm đƣợc chứng cớ gì khác, nhƣng cứ nhất định rêu rao rằng nhóm Nhân văn là tay sai của địch, là gián điệp của Phòng Nhì, của Mỹ, là tờ-rốt-kít phá hoại, vân vân… đủ thứ danh từ mà trƣớc kia Đảng đã rộng rãi tặng cho giai cấp địa chủ.

Đóng cửa báo Nhân văn

Sau khi báo Nhân dân vạch tội "gián điệp" của nhóm văn nghệ sĩ đối lập thì Đảng tổ chức học tập ở khắp mọi nơi, và sau kỳ học tập, tất cả các đoàn thể công nông binh, cho đến cả học sinh và dân "Nam bộ tập kết" đều phải ký vào bản kiến nghị lên án nhóm Nhân văn và đòi chính phủ phải có biện pháp trừng trị. Dựa vào kiến nghị của "mọi tầng lớp nhân dân", Đảng ra lệnh cho Uỷ ban Hà Nội ký giấy đóng cửa tờ báo Nhân văn và tịch thu tất cả mọi số đã phát hành kể từ số 1.

Ngày 15 tháng 12-1956, ông Hồ Chí Minh ký một sắc lệnh tƣớc quyền tự do ngôn luận của báo chí và bắt phải phục vụ "công nông binh", phục vụ nền vô sản chuyên chính mệnh danh "chính thể dân chủ cộng hoà". Sắc lệnh cũng doạ phạt tù từ 5 năm đến khổ sai chung thân, kèm theo tịch thu một phần hay toàn bộ gia sản, nếu ai còn phạm vào những điều cấm.

Sau khi sắc lệnh đƣợc ban bố, những tờ báo khác nhƣ Trăm hoa, Đất mới, Giai phẩm đều chết không có cáo phó.

Sự thực thì những điều cấm trong sắc lệnh ngày 15-12-1956 đã có ban bố trƣớc, ngay từ khi Việt cộng mới về tiếp thu Hà Nội, hồi tháng 10 năm 1954. Nhƣng hồi đó tất cả các báo chí đều là báo chí của Đảng, nên Việt cộng chủ quan, chỉ mở một cuộc họp báo ở Phòng Thông tin, phố Tràng Tiền, rồi giao hẹn mồm về mấy điểm cấm đoán . Đại khái có 5 điều:

● Không được chống chính phủ, chống chế độ; ● Không được xúi giục nhân dân và bộ đội làm

loạn;

● Không được nói xấu các nước bạn; ● Không được tiết lộ bí mật quân sự; ● Không được đăng bài vở có phương hại đến

thuần phong mỹ tục.

Một lý do khác là lúc bấy giờ Việt cộng mới ở chiến khu về Hà Nội là nơi có tai mắt quốc tế, muốn tỏ ra có thái độ "yêu chuộng tự do" hơn "phe quốc gia", nên tránh không muốn cấm bằng sắc lệnh, sợ gây dƣ luận, nên chỉ đe doạ bằng mồm.

Họ không ngờ rằng "khẩu thiệt vô bằng", sau này nhóm văn nghệ sĩ đối lập cứ làm nhƣ quên không nhớ và cứ ra báo một cách rất tự nhiên để chống lại chế độ, chống lại Đảng.

Đảng ra báo Văn

Sau khi đóng cửa tờ báo Nhân văn, và bóp chết mấy tờ báo đối lập khác, Đảng thấy cần thiết phải cho ra một tờ tạp chí văn học để thay thế, vì chả lẽ trong nƣớc không có lấy một tờ báo nào chuyên về văn học. Đảng bèn chỉnh đốn lại Hội Văn nghệ, bắt bầu lại ban chấp hành, gạt những phần tử đối lập ra và đƣa toàn những "cai văn nghệ" vào ban chấp hành mới. Lúc bấy giờ một mình trên võ đài, Đảng tha hồ chửi rủa nhóm Nhân văn là phản động, là gián điệp tay sai của địch. Đảng cho phép Hội Văn nghệ xuất bản tờ tạp chí Văn. Chủ bút là Nguyễn Công Hoan, phó là Nguyễn Tuân và Tổng thƣ ký toà soạn là Nguyên Hồng.

Báo Văn xuất bản mỗi tuần một kỳ. Một nửa số trang dành riêng cho những bài dịch tiểu thuyết Nga, một nửa khác gồm toàn những bài tán tụng văn học Trung Quốc vĩ đại. Kết quả là giá trị văn nghệ rất kém, không ai buồn xem. Lý do là vì các văn nghệ sĩ có tài đều một lòng tẩy chay, bất hợp tác với cơ quan ngôn luận của Đảng.

Báo Văn bị chỉnh

Thấy báo Văn nhạt nhẽo quá, Đảng lấy làm ngƣợng và tức bực, nên nóng mặt phải lên tiếng. Tờ Học tập, cơ quan nghiên cứu lý thuyết của Đảng viết một bài chê báoVăn là dở. Tác giả bài đó là Thế Toàn, một cán bộ chính trị còn ít tuổi viết:

"Qua 10 số đầu của tuần báo Văn, chúng tôi nhận thấy nội dung tờ báo còn nghèo nàn. Tờ báo hầu như xa rời thực tế, xa rời cuộc sống, tách rời những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng."

Nguyên Hồng, Tổng thƣ ký toà soạn của báo Văn bị mất mặt nên phải ứng ngay bằng một bài trả lời Thế Toàn, đăng trong báo Văn số 15 ra ngày 16 tháng 8-1957. Sau khi gạt phăng những lời buộc tội của đối phƣơng, Nguyên Hồng phê bình trở lại Thế Toàn là công chức, là quan liêu và "trịch thƣợng".

Báo Văn quay ra chống Đảng

Sau đó ngƣời ta thấy báo Văn thay đổi thái độ. Những bài nịnh Đảng thấy bớt dần, và những bài xƣợc với Đảng thấy mỗi ngày một nhiều thêm. Nhìn đến tên tác giả các bài có ngụ ý chống Đảng, thấy tên các nhà văn trƣớc kia đã viết trong nhóm Nhân văn và Giai phẩm.

Ngƣời đầu tiên là Phùng Quán. Phùng Quán là một sinh viên trƣớc kia đã viết bài "Chống tham ô lãng phí" đăng trong Giai phẩm mùa Thu. Lần này Phùng Quán viết bài "Lời mẹ dặn". Bà đó có những câu nhƣ sau:

Yêu ai cứ bảo là yêu

Ghét ai cứ bảo là ghét

Dù ai ngon ngọt nuông chiều, Cũng không nói yêu thành ghét. Dù cầm dao doạ giết

Cũng không nói ghét thành yêu.

Tôi muốn làm nhà văn chân thật trọn đời Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi

Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã. Bút giấy tôi, ai cướp giật đi Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá.

Đến tờ Văn số 24, độc giả lại thấy Hoàng Cầm xuất hiện. Hoàng Cầm là một chiến tƣớng của nhóm Nhân văn. Ở đây Hoàng Cầm viết một vở kịch thơ ngắn, nhan đề là "Tiếng hát", nói về chuyện Trƣơng Chi. Nhƣng Hoàng Cầm biến lời hát của Trƣơng Chi thành tiếng gọi của Tự Do. Mỵ Nƣơng tƣợng trƣng cho giới văn nghệ bị kìm hãm trong ngục tù, và ông Quận công, ngƣời cha của Mỵ Nƣơng tƣợng trƣng cho uy quyền độc đoán của Đảng.

Tiếng hát của Trƣơng Chi kêu gọi mọi ngƣời bị cộng sản hành hạ, đấu tố, hãy đứng dậy. Trƣơng Chi hát:

Nào người quả phụ trắng khăn tang Nào đứa em mồ côi khát sữa Nào ai sống nhục chết oan Nào ai tan lìa đôi lứa

Nghe tiếng hát này…

Trong khi đó thì cha của Mỵ Nƣơng (ngụ ý muốn nói Đảng):

… vừa truyền lệnh

khoá kín cửa lầu,

lấp cả sông

Để không còn tiếng hát!

Nhƣng mặc dầu ngăn cấm bằng cách nào, tiếng kêu gọi Tự Do vẫn lọt tới lòng ngƣời:

... cửa ngoài bằng đá tảng Tiếng hát đẩy được vào

Vì đó là tiếng gọi của trời cao Của đất rộng…

Và Mỵ Nƣơng (ý muốn nói giới văn nghệ sĩ) vẫn gan góc:

Ta mở được, ta vượt qua tường đá Ta chạy ra sông! Đi bốn phương trời Tìm tiếng hát... ta đi cùng thiên hạ…

(Xem trọn bài trong phần tài liệu)

Tóm lại, ý chính của Hoàng Cầm là nhất định chống lại sự áp bức của Đảng và quyết tâm phá tan mọi gông cùm xiềng xích.

Sau Hoàng Cầm đến lần Trần Duy xuất hiện. Trần Duy vẽ một bức tranh khôi hài chế giễu sự can thiệp thô bạo của Đảng vào văn nghệ. Ông vẽ một bức tranh tả một ngƣời hoạ sĩ đang vẽ một đoá hoa. Cán bộ bắt bẻ, bắt phải vẽ thêm hết thức này đến thức khác để cho hợp với đƣờng lối chủ trƣơng của Đảng. Sau khi tuân theo lời cán bộ vẽ thêm mãi vào bức tranh, bức tranh biến thành một thứ hổ lốn, không có nghĩa lỳ mà cũng không còn mỹ thuật.

(Xem tranh ở trang sau. [[2]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#anm2) )

Cuối cùng là kiện tƣớng Phan Khôi ra mắt. Cụ viết một truyện ngắn về gia đình cụ, nhan đề là "Ông Năm Chuột". Câu chuyện dài dòng, nhƣng ngụ ý của cụ là giai cấp thống trị thuở xƣa cũng nhƣ giai cấp thống trị ngày nay, đều đầy dẫy những thối nát, nhƣng cứ cố tình che đậy. Mặc dù khéo léo che đậy, trong dân gian vẫn có những ngƣời ranh mãnh, nhìn thấy hết. Che đậy cũng vô ích. (Xem bài "Ông Năm Chuột" trong phần tài liệu.) Bài đó kết thúc số phận báo Văn. Đảng bắt Hội Văn nghệ phải đình bản tờ báo ngay tức khắc.

Đấu tố văn nghệ sĩ

Lúc mới đóng cửa báo Văn thì Đảng còn hy vọng có thể dàn xếp đƣợc, nên Hội Văn nghệ tuyên bố là chỉ tạm đình bản một kỳ, lấy cớ là để sửa soạn số Tết. Nhƣng suốt trong ba tháng, Hội không thể tái bản đƣợc tờ báo, vì tất cả các văn sĩ đều tẩy chay. Đảng không còn cách gì hơn là khủng bố sắp lƣợt.

Việc đầu tiên là bắt 304 văn nghệ sĩ đi chỉnh huấn. Nhƣ thƣờng lệ, mọi ngƣời đi chỉnh huấn đều bị dồn ép, áp bức tinh thần cho đến mức phải bộc lộ những sai lầm và viết bài "tự kiểm thảo".

Có bốn ngƣời không chịu đi dự lớp chỉnh huấn: Phan Khôi, Trƣơng Tửu, Thuỵ An và Nguyễn Hữu Đang. Đảng ra lệnh bắt Thuỵ An và Nguyễn Hữu Đang giam vào nhà pha Hoả Lò. (Nguyễn Hữu

Đang hình nhƣ đã tự tử sau khi bị bắt [[3]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#anm3) ). Trƣơng Tửu bị cất chức giáo sƣ ở trƣờng Đại học Văn khoa, vợ con và cả gia đình nhà vợ bị bao vây kinh tế, nghĩa là rút giấy phép buôn bán (gọi là giấy đăng ký).

Cụ Phan Khôi vì đã 73 tuổi, và vì có nhiều uy tín trong nƣớc, nhất là đối với trí thức ở miền Nam, nên hiện đƣợc để yên. Tuy nhiên cụ bị "treo giò" không đƣợc giao thiệp với ai mà cũng không ai đƣợc lui tới thăm cụ. Mặc dù vậy, cụ nhất định không chịu đầu hàng. Ngồi nhà cụ vẫn viết một cuốn sách nhan đề là Nắng chiều gửi đến ban chấp hành Hội Văn nghệ để chửi cộng sản một cách thậm tệ (Xem phần tài liệu).

Trong khi mấy lãnh tụ của nhóm Nhân văn bị cô lập, hoặc bị bắt thì Đảng mở một chiến dịch chửi rủa họ, rộng lớn hơn tất cả mọi chiến dịch chửi rủa từ xƣa tới nay. Chiến dịch này kéo dài mãi đến nay vẫn chƣa hết.

Đảng cũng còn nhận thấy "nọc độc Nhân văn" đã thấm nhiều vào đầu óc mọi ngƣời, nên bắt tất cả giới trí thức, công chức, cán bộ, học sinh và cả cán bộ bộ đội, phải tẩy não sắp lƣợt.

Số phận hiện nay của các văn nghệ sĩ đối lập

Sau cuộc chỉnh huấn thì mặc dầu đã thú tội, các văn nghệ sĩ ở miền Bắc đều bị đƣa đi "học tập lao động". Mọi ngƣời đều phải đi và Đảng nhận thấy rằng trong cuộc "khởi nghĩa hụt" vừa qua, mọi ngƣời đều bị ảnh hƣởng "xấu" của nhóm Nhân văn, không ít thì nhiều. Tuy vậy sự trừng phạt cũng tuỳ theo tội trạng. Nhẹ thì đƣợc lao động ít, phái đi những nơi gần. Nặng thì bị đầy đi nƣớc độc, phải lao động nhiều.

Một đoạn ngắn trong bài "Nắm chắc lấy vũ khí chiến đấu của chúng ta" đăng trong tạp chí Văn nghệ số 7, tháng 7-1958, để lộ chính sách đó:

"Mọi người đều thấy là cần thiết và rất hoan nghênh một việc quan trọng mà ban chấp hành hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật đã đề ra là tất cả các văn nghệ sĩ đều phải cố gắng, tích cực đi vào thực tế đời sống công nông binh „tham gia lao động". Tất nhiên nhóm phá hoại Nhân văn-Giai phẩm cũng đi với chúng ta, nhưng việc làm của họ hoàn toàn có ý nghĩa khác".

Ý nghĩa khác đó, là không phải đi để "học tập lao động" mà là đi để "an trí", để đƣợc giao phó cho chính quyền và chi bộ địa phƣơng quản thúc, để làm nhƣ một tên tù khổ sai và để muỗi độc chích thêm cho một liều vi trùng sốt rét, vì Đảng cho rằng 9 năm vừa qua, lá lách của những ngƣời anh dũng đó, tuy có sƣng nhƣng chƣa rụng hẳn. Vậy họ bị đƣa đi những nơi đâu? Trở lại những nơi hẻo lánh, những nơi "ma thiêng nƣớc độc" mà họ đã từng lặn lội trong chín năm trời. Trong thời gian trƣớc họ không chết, vì họ còn là chiến sĩ, là đảng viên, họ có trợ cấp, có thuốc thang. Khu Việt Bắc âm u, trƣớc kia là trung tâm cách mạng, nay lại trở lại nơi giam cầm chính trị phạm.

Những trại giam đƣợc thiết lập ở đâu? Sinh hoạt trong trại ra sao? Và tội nhân khi tới nơi phải làm những công việc gì? Chúng ta hãy nghe Yến Lan, một văn sĩ tập kết kể lại. (Nên nhớ rằng Yến Lan chƣa phải là đầu sỏ, chƣa đƣợc xếp hạng vào loại "tử tù".)

Yến Lan kể: (Trích báo Văn học số 9, ngày 15-8-1958)

"... Đây là một vùng đồi trọc... không một quán, cũng không một mái chùa, một cây đa cổ thụ. Nhà dựng ở chân đồi, lúp xúp một kiểu... Huyện lỵ trông bề ngoài thật là nghèo khổ. Toàn là nhà tranh, lèo tèo, ngắn ngủn... Huyện lỵ cách thôn chúng mình hơn ba trụ số. Đi vào ngang qua những cánh đồng, rìa theo triền đồi và vượt qua sườn đồi. Lên cao xuống thấp, lòng mỗi người lại nghĩ đến một cảnh nào như đã sống quen, hoặc có đi qua, và hái được một số kỷ niệm chiến khu, một cảnh nghỉ chân trên đường phiêu lãng cũ. Riêng Lan, sao mà tha thiết nhớ đến An Khê.

Ba hôm đầu, tổ mình đã đi vào sản xuất, cùng theo xã viên ra đồng làm ruộng. Lan đã bừa trong ruộng nước. Lại cầy và tát nước. Mấy hôm nay cắt lá, vớt bùn ao làm phân xanh.

... Lúc mới về, hỏi ra tình hình sinh hoạt, thấy thừa người lớn, vắng trẻ con (ở đây đẻ nhiều nhưng nuôi được it), nhiều người chân phềnh ra như chân voi..." (Yến Lan)

Và đây là một cảnh khác, do Hoàng Chƣơng, một cán bộ "văn công" khu V tập kết và bị "cƣỡng bách lao động" kể lại: (cũng trích trong bài báo kể trên):

"... Từ nhà đến đồng Cống xa chừng ba cây số. Chúng tôi dậy thật sớm tranh thủ gánh phân để tránh bớt nắng trưa. Tôi nhớ năm nào tiếp tế bộ đội ở chiến trường, gánh lúa bốn mươi cân leo dốc, nhờ vui và thích mau gặp bộ đội nên quên

mệt. [[4]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#anm4) Cô Thu, người Hà Nội, trước chưa quen gánh, hôm nay cũng cố được hai mươi cân. Nhìn Hùng cởi trần gánh thoăn thoắt, ai biết đó là một sinh viên Hà Nội. Cuộc sống vui vẻ thân mật, tôi thấy như sống giữa gia đình, làng xóm của mình ở miền Nam!" (Hoàng Chƣơng, Hội Văn công Liên khu V)

Không bút nào tả đƣợc tâm trạng của những con ngƣời yêu chuộng Tự Do, đã hy sinh tất cả để theo đuổi kháng chiến, đã vô tình giúp sức cho cộng sản thành công, và khi cùng nhau tới đích, mới sống ở Hà Nội chƣa đƣợc bao nhiêu ngày lại bị cộng sản đƣa trở lại "chiến khu" để sống nốt những ngày tàn. Phong kiến ngày xƣa không bao giờ bội bạc với công hầu một cách "tập thể" nhƣ vậy.

Chương III: Phương pháp đấu tranh của trí thức ở miền Bắc

Lịch sử loài ngƣời đã ghi chép nhiều chế độ tàn bạo: Tần Thuỷ Hoàng, Néro, Hitler, vân vân. Nhƣng chƣa có một chế độ nào vô nhân đạo bằng chế độ cộng sản. Đây là một điểm cần phải nhận định. Điểm thứ hai là các chế độ bạo tàn từ trƣớc tới nay đều chỉ dùng bạo lực để đàn áp dân chúng, không dùng đến thủ đoạn, do đó, dân chúng còn một lối thoát là dùng mánh lới để lừa dối chính quyền. Trong thời Pháp thuộc chúng ta đã nghe câu chuyện vợ lên huyện tố cáo chồng nấu rƣợu lậu, để sau khi chồng đi tù, vợ ở nhà yên tâm... nấu rƣợu lậu. Mƣu mô, mánh lới, vốn dĩ là khí giới của kẻ yếu.

Ngày nay, dƣới chế độ cộng sản, thì thứ khí giới đó không còn hiệu nghiệm, vì chính quyền cộng sản, mới xuất thân từ nơi dân chúng, không lạ gì thứ khí giới đó, và còn biết dùng nó một cách hiệu nghiệm hơn mọi ngƣời vì cộng sản có phƣơng tiện phổ biến kinh nghiệm, có cả một hệ thống tay sai để bố trí lừa bịp đại quy mô.

Vì vậy nên một cuộc cách mạng chống cộng, phát xuất ngay trong lòng cộng sản phải có những chiến thuật tinh vi hơn những chiến thuật đã đƣợc áp dụng từ trƣớc tới nay, trong mọi cuộc cách mạng khác.

Trong cuộc nổi dậy vừa qua của trí thức ở miền Bắc, những ngƣời tham gia đã áp dụng phƣơng pháp gì, chúng ta là những ngƣời ngoại cuộc khó lòng biết rõ. Tuy nhiên, theo rõi tin tức bằng báo chí và nhất là nghiên cứu các bản thú tội của một số nhân vật trong nhóm Nhân văn-Giai phẩm, chúng tôi tạm ghi ở nơi đây một số ít nhận xét. Chúng tôi tạm phân tách đƣờng lối chống đối của giới trí thức đối lập thành một số chiến thuật.

1. Chiến thuật bất hợp tác

Nói nôm là tẩy chay Đảng, không viết bài do Đảng "com-măng". Hễ cán bộ Đảng, những "cập-rằng văn nghệ" thúc giục thì thoái thác nói rằng chƣa nắm đƣợc thực chất vấn đề, còn đang tìm cảm hứng, hoặc dây dƣa khất lần, nói rằng sắp sửa viết, hoặc còn đƣơng "thai nghén". Nếu bị bức quá, bị doạ cắt sinh hoạt phí, hoặc đuổi ra khỏi trại thì cầm bút viết quấy quá cho xong chuyện, hay dở không cần. Nếu bị khiển trách thì lấy cớ là tại "chƣa lột đƣợc xác". Đa số văn nghệ sĩ đã áp dụng chiến thuật này trong suốt thời gian kháng chiến. Bà Nguyễn Thị Kim, một điêu khắc gia có tài, nhận ba sào ruộng của chính phủ cấp để cày cấy sinh nhai, nhƣng đến khi kiếm tạm đủ ăn thì không nặn tƣợng nữa. Lãnh đạo hỏi tại sao không nặn, thì bà rêu rao rằng tại cày cấy khó nhọc, tay bị cứng rắn không nặn đƣợc tƣợng nữa.

Cũng vì giới văn nghệ miền Bắc trƣờng kỳ áp dụng chiến thuật đó, nên suốt trong thời gian kháng chiến nền văn nghệ của Việt Minh không phát triển. Trong chín năm liền, trừ một vài bài thơ ca ngợi Bác Hồ, ông Sít-ta-lin, của Tố Hữu, của Xuân Diệu, ngoài ra không có một tác phẩm nào đáng kể, trừ một số thi ca có tính chất lãng mạn bị cấm không cho phát hành.

Chúng ta thấy giới văn nghệ ở miền Bắc chỉ thực lòng sáng tác khi họ cầm bút viết bài chống lại Đảng, trong hai năm 1956 và 1957. Những bài của họ mà chúng tôi sẽ trích trong phần tài liệu đáng đƣợc coi là những kiệt tác trong văn chƣơng nƣớc nhà và thế tất sau này phải ghi vào văn học sử. Một số bài đƣợc dịch ra ngoại ngữ và phổ biến ở nhiều nơi, đã làm ngoại quốc thán phục. Văn chƣơng chống cộng ở miền Bắc đã đƣợc liệt vào hạng hiếm có nhất trên thế giới. Nhƣng sau khi tờ Nhân vănvà Giai phẩm bị đóng cửa thì một lần nữa các văn nghệ sĩ ở miền Bắc lại rút lui vào thế tiêu cực. Khi Đảng cho ra tờ báo Văn để thay thế tờ Giai phẩm, họ tẩy chay không viết, cho đến lúc mấy ông cập-rằng văn nghệ phụ trách tờ Văn nổi loạn nốt, mời họ tiếp tay, họ lại cầm bút một lần nữa. Hiện nay chắc họ lại đƣơng "thai nghén", nhƣng họ sẽ không đẻ ra một tác phẩm "đề cao cộng" nhƣ Đảng mong muốn, mà trái lại, hễ gặp thời cơ thuận tiện họ sẽ đẻ ra những tác phẩm "chống cộng" còn mạnh mẽ hơn những tác phẩm trƣớc.

Sự thực thì cộng sản có thể cƣỡng bách mọi ngƣời bắt phải lao động chân tay, nhƣng không thể nào bắt một nhà văn phải sản xuất theo ý muốn, đúng phẩm, đúng chất, vì sáng tác văn nghệ là một công việc chế biến trong đầu não, không có phƣơng thức gì thôi thúc hoặc lãnh đạo đƣợc. Không danh, không lợi, những nhà văn đã từng sống nhiều năm "không một ngọn đèn, không một củ khoai", tất nhiên có thể "đình công thụ động" một cách lâu dài. Chiến thuật "bất hợp tác" của các nhà văn Việt Nam đối với cộng sản cùng một sắc thái giống phong trào "bất hợp tác" của thánh Gandhi đối với thực dân Anh.

2. Chiến thuật "Vờ ca ngợi Đảng để công kích Đảng”

Chiến thuật này rất phổ thông. Không ai không áp dụng, nhƣng ngƣời áp dụng chiến thuật đó một cách tài tình hơn mọi ngƣời là ông Nguyễn Mạnh Tƣờng.

Trong suốt bài diễn văn dài tới 40 trang, [[5]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#anm5) ông lên án khắt khao toàn bộ chính sách cộng sản, nhƣng ông không để hở một dịp nào khiến Đảng có thể gán cho ông tội "chống Đảng" vì, xen lẫn vào những lời đả kích chính sách, thỉnh thoảng ông lại tỏ lời ca ngợi Đảng và tuyên bố rằng ông vẫn tin tƣởng ở Đảng. Khôn ngoan hơn những ngƣời khác, ông Tƣờng không mạt sát Trƣờng Chinh, vì ông biết trƣớc rằng Trƣờng Chinh còn có ngày trở lại địa vị lãnh tụ. Trái lại, ông ca ngợi Trƣờng Chinh, thƣờng nhắc lại những lời thú nhận của Trƣờng Chinh để bênh vực cho thái độ của mình. Ý ông muốn nói: "Đây, chính ông Trƣờng Chinh cũng phải công nhận là sai lầm, đâu phải chỉ có mình tôi". Có thể nói là trong tất cả các tài liệu chống cộng sản suốt trong hai năm 1956 và 1957, bài diễn văn của ông Tƣờng có kết quả tai hại nhất đối với cộng sản, đƣợc báo chí ngoại quốc chú ý đặc biệt, trích đăng, phê bình, sử dụng làm tài liệu nghiên

cứu tình hình Bắc Việt, [[6]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#anm6) thế mà Việt cộng không hề làm gì nổi ông Tƣờng, không dám lên tiếng chửi rủa ông nhƣ họ đã chửi rủa những ngƣời khác, vì không khép ông vào tội gì đƣợc. Lẽ dĩ nhiên, ông Tƣờng là luật sƣ, nên ông có "mồm mép", vừa biết rào trƣớc đón sau nhƣ những ngƣời không học luật.

Ngƣời khôn khéo thứ hai là cụ Phan Khôi. Trong

bài "Phê bình lãnh đạo văn nghệ" [[7]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#anm7) cụ mạt sát Đảng không nể lời, nhƣng cụ vẫn cứ rêu rao là cụ sẵn lòng chịu sự lãnh đạo của Đảng.

Kế đến những nhà văn đứng tuổi khác nhƣ ông Đào Duy Anh, ông Trần Đức Thảo, ông Sỹ Ngọc, ông nào cũng biết dè dặt chỗ cần phải dè dặt. Công kích "quá tả" hoạ chăng chỉ có ông Nguyễn Hữu Đang và mấy ông ít tuổi hơn. Tóm lại, chiến thuật chung là vờ ca ngợi Đảng để công kích lại Đảng. Nhƣ vậy mới tránh đƣợc sự khủng bố của Đảng. Tránh khủng bố để duy trì lực lƣợng, để củng cố phong trào và để lôi cuốn một số đảng viên bị nhồi sọ lâu ngày, còn đang quá ƣ tin tƣởng ở Đảng.

Trần Dần đã tả lại chiến thuật của ông bằng mấy lời sau đây:

"Viết bây giờ nên làm lối „xôi đỗ", tức là đả kích xen ca ngợi thì lãnh đạo (Đảng) cũng phải chịu".

Riêng về trƣờng hợp ông Trƣơng Tửu thì cả một nghi vấn đƣơng đƣợc nêu lên. Ông công kích chính sách của Đảng một cách gắt gao hơn ai hết, nhƣng không đứng trên lập trƣờng "dân chủ" để công kích. Ông mang lý thuyết Mác-Lê chính thống ra để so sánh và kết luận rằng Việt cộng đã đi sai đƣờng lối Mác-Lê, đã phản bội chủ nghĩa Mác-Lê. Nói một cách khác, ông Tửu vẫn đứng trên lập trƣờng Đệ Tứ để công kích Đệ Tam.

Vì vậy mà Việt cộng hiện quy ông Tửu là Trotskiste. Điều đó cũng đúng một phần, vì trƣớc kia ông Tửu ở trong nhóm Hàn Thuyên. Nhƣng với một ngƣời nhƣ ông Tửu, đã kinh nghiệm qua hơn mƣời năm chung sống với cộng sản, đã bị đấu

tố [[8]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#anm8) thì khó lòng tin đƣợc rằng ông không có dịp để nhận định rằng toàn bộ chủ nghĩa Mác-xít là sai. Biết đâu việc ông đề cao chủ nghĩa Mác-Lê chỉ là một chiến thuật. Ông Tửu xƣa nay vẫn có tính thích lập luận một cách độc đáo, khác với mọi ngƣời.

3. Chiến thuật giai đoạn

Chia cuộc đấu tranh thành từng giai đoạn và ấn định cho mỗi giai đoạn một mục tiêu hợp với hoàn cảnh chủ quan và khách quan là một chiến thuật do cộng sản Đệ Tam khai sinh và áp dụng một cách thƣờng xuyên. Ngày nay, những ngƣời trong hàng ngũ cộng sản đƣợc cộng sản đào tạo lại mang chính chiến thuật đó ra để chống lại cộng sản. Bắt chƣớc cộng sản, họ tìm ra những điểm yếu nhất của cộng sản để đả phá trƣớc tiên. Hễ phá vỡ đƣợc phòng tuyến của đối phƣơng họ mới tìm cách tấn công rộng ra một chỗ khác, dần dần đi tới chỗ bác bỏ toàn bộ chủ nghĩa cộng sản.

4. Chiến thuật "nhất điểm lưỡng diện"

Nhất điểm lƣỡng diện là một chiến thuật quân sự của tƣớng Lâm Bƣu, đã đƣợc mang ra áp dụng tại chiến trƣờng Cao Ly. Lâm Bƣu chủ trƣơng không tấn công toàn diện mà dồn hết lực lƣợng tấn công một nhƣợc điểm, mang trọng pháo đi đầu bắn phá tan hoang, mở lối cho công binh dọn đƣờng vào trƣớc rồi bộ binh kéo theo sau. Khi bộ binh đã đột nhập vào đồn trại của địch thì đánh toả ra hai bên. Hạ xong một đơn vị phòng thủ của địch thì tức khắc phân tán lực lƣợng, tập trung tại một nơi khác để tấn công một vị trí khác.

Ngày nay nếu chúng ta nghiên cứu phƣơng pháp tấn công của nhóm Nhân văn-Giai phẩm, ta phải công nhận rằng họ đã áp dụng một phƣơng pháp tƣơng tự. Họ kết hợp tất cả các lực lƣợng chống Đảng, học sinh, sinh viên, cán bộ cũ bị xử trí oan, cán bộ miền Nam tập kết, phối hợp tất cả các lợi khí tuyên truyền, thơ ca kịch, nhạc, truyện ngắn, truyện dài, để đại tấn công vào một điểm yếu của Đảng.

Lấy việc công kích mậu dịch làm tỉ dụ. Chúng ta thấy không biết bao nhiêu tài liệu nhằm đả kích mậu dịch. Nào là thơ trào phúng, truyện ngắn, tranh vẽ đều mang mậu dịch ra chế giễu. Ngay cả trong bài diễn văn của ông Nguyễn Mạnh Tƣờng, chúng ta cũng thấy một đoạn dài nói về những tệ hại của mậu dịch. Các văn sĩ biết rằng công kích mậu dịch thì vừa lôi cuốn thành phần công thƣơng bị mậu dịch bóp chết, vừa hái đƣợc sự đồng tình của quảng đại quần chúng (trong đó có cả cán bộ cấp dƣới) vì mọi ngƣời đều bị điêu đứng mỗi khi phải đến mậu dịch mua hàng. Một mặt khác đánh vào mậu dịch tức là giáng một đòn vào nền kinh tế của Đảng, nên đối với các nhà văn chống Đảng, mậu dịch là phòng tuyến cần phá vỡ trƣớc tiên.

Lê Đạt đã bộc lộ rằng:

"Mậu dịch là chỗ yếu của Đảng, ai cũng biết, đánh vào đấy sẽ được quần chúng ủng hộ đấu tranh với Đảng, và báo chí của Đảng dù có muốn phản công lại cũng chịu."

Câu nói đó chứng minh một chiến thuật.

Về lãnh vực văn nghệ thì các văn nghệ sĩ tập trung mũi dùi vào một ngƣời. Ngƣời đó là Tố Hữu, trƣớc kia đã đƣợc Việt cộng tôn là "thần tƣợng" của thi ca Việt Nam. Chỗ yếu của Tố Hữu là đã làm nhiều bài thơ ca ngợi Sít-ta-lin quá lời, gọi Sít đại nhân là "ông nội". Ngày nay "ông nội" bị bác Khrushchev quy cho đủ thứ tội, nên Tố Hữu không dám há miệng. Đứng trƣớc tình hình đó, tấn công vào Tố Hữu trƣớc tiên phải là thƣợng sách. Kẻ thù không có phƣơng thế chống đỡ mà hạ đƣợc thần tƣợng đó tức là gạt bỏ một cục đá tảng ngăn đƣờng tiến thủ của các mầm non trong văn nghệ. Về một mặt khác, Tố Hữu là một trong "thập bát tú" (mƣời tám Trung ƣơng uỷ viên) nên đánh đƣợc Tố Hữu tức là hạ uy thế của Trung ƣơng Đảng.

Tấn công xong Tố Hữu thì mặt trận tấn công lan ra các "cập-rằng văn nghệ" nhƣ Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi, quây quần xung quanh "vị thần tƣợng" Tố Hữu. Bài "Phê bình lãnh đạo văn nghệ" của cụ Phan Khôi và nhiều bài khác của Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Phùng Quán, bài "Thi sĩ máy" của Nhƣ Mai đều nhằm mục tiêu này. Cứ nhƣ vậy rộng dần ra toàn thể "giai cấp mới", giai cấp cán bộ Đảng lộng hành và thối nát, nịnh trên nạt dƣới, gây

nên biết bao nhiêu tai hoạ trong dân gian. [[9]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#anm9)

Về sự áp dụng chiến thuật này, Trần Dần đã bộc lộ rằng: "Viết về Cải cách ruộng đất bây giờ phải đánh Trung ương là chính, thứ nữa mới đánh cán bộ, thứ nữa mới đến cốt cán".

5. Chiến thuật bảo tồn lực lượng

Vì biết phong trào vừa mới manh nha, lực lƣợng tấn công còn yếu, đối phƣơng còn nắm vững guồng máy cai trị, nên các văn nghệ sĩ đối lập phải thận trọng, vừa tấn công Đảng vừa cố gắng bảo toàn lực lƣợng. Do đó họ phân công mỗi ngƣời mỗi việc. Những nhà văn sẵn có tên tuổi nhƣ cụ Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang thì đứng ra công khai để tranh đấu, còn những văn sĩ trẻ tuổi thì nấp sau để phục kích, mỗi lần bị Đảng phản công. Trần Dần viết nhƣ sau:

"Nhóm Giai phẩm mùa Xuân hồi đó tạm thời phân tán, người nằm vào hẳn báo Nhân văn, như Hoàng Cầm, Lê Đạt. Người ném đá giấu tay như tôi, Tử Phác,... Còn như Văn Cao, Đặng Đình Hưng thì đứng bên ngoài ủng hộ mà nhân đó hoạt động phối hợp bên Nhạc...‖

Ở một đoạn khác trong bài kiểm thảo Trần Dần viết:

"Tôi nghĩ bây giờ cọ lắm sầy vẩy, phải tìm những cách khôn khéo hơn. Văn Cao có đề ra ý kiến: „Bây giờ cứ nắm cơ sở, tức là nắm các nhóm sáng tác, lâu dần nhân tâm sẽ hướng về mình". Từ đó tôi áp dụng một cái jeu serré (nước bài chặt chẽ) hơn trước. Tôi hay nói với anh em: „Võ phải cho kín mới được". Trước hở quá rồi, đấu tranh bộ đội, Giai phẩm mùa Xuân, Nhân văn dều manh động, vaines agitations cả. Chỉ có chui vào sáng tác tức là cái giáp trụ rắn nhất (Đảng) đánh cũng không chết.”

Đến khi nhận thấy phong trào đi quá nhanh, Đảng bắt đầu dùng bạo lực để khủng bố, thì các văn nghệ sĩ đối lập phải tìm cách ghìm bớt phong trào lại để tránh tổn thất. Chúng ta hãy nghe Trần Dần kể lại:

"Khoảng số 2 Nhân văn. Lê Đạt lên trại Cải cách ruộng đất tìm tôi, tôi bảo trước sau phong trào cũng bị đổ vỡ thôi. Tôi xui Lê Đạt tham gia ghìm Nguyễn Hữu Đang lại và nói: „Mày làm như Các Mác với Ba Lê Công xã ấy", biết là thất bại nhưng cứ xông vào giải bớt thất bại đi".

Cũng vì áp đụng chiến thuật mềm dẻo này mà đa số các văn nghệ sĩ, sau khi phong trào chống đối bị tan vỡ, đều chịu đi chỉnh huấn và công khai bộc lộ. Họ áp dụng câu phƣơng ngôn "tránh voi chẳng hổ mặt nào", để một lần nữa tránh tổn thất. Không phải là họ "ham sống sợ chết", nhƣng nếu để cho cộng sản khủng bố rùng rợn quá thì thế hệ sau sẽ một phần nào nhụt mất nhuệ khí. Những ngƣời đƣợc cộng sản Đệ Tam đào luyện không có thái độ nhƣ Nguyễn Thái Học, chủ trƣơng "không thành công cũng thành nhân".

Có nhiều ngƣời ở miền Nam không tán đồng thái độ này. Họ cho rằng đầu hàng kẻ thù nhƣ vậy là không có "khí phách", không đủ tiết tháo. Nhƣng chúng tôi nghĩ rằng đối với cộng sản thì không thể nào dựa vào khí phách và tiết tháo mà thắng đƣợc. Càng tỏ ra có khí phách chúng càng giết không nể tay. Hàng vạn ngƣời trƣớc đây bị quy là địa chủ, chỉ vì khí phách không chịu đầu hàng, nên bị chúng giết từng loạt. Hiện nay vấn đề chính không phải là nêu cao khí phách để cổ võ tinh thần quần chúng, giác ngộ quần chúng vì toàn thể nhân dân đã sẵn có tinh thần chống cộng. Vấn đề chính trong hiện tại là đấu tranh bền bỉ. Mỗi lần thất bại là phải cố gắng bảo tồn lực lƣợng để trù tính một cuộc đấu tranh kế tiếp. Cộng sản thắng lợi vì áp dụng đƣờng lối đó. Trong tƣơng lai cộng sản tất nhiên sẽ bị thất bại cũng vì đối phƣơng biết áp dụng phƣơng pháp đó.

Một mặt khác, sau khi tất cả các báo chí đối lập đã bị bóp chết, thì chỉ còn một cách là công khai bộc lộ để nhờ báo chí của Đảng trích đăng tâm sự của mình, hòng để lại cho lớp sau một kinh nghiệm mà lịch sử chƣa từng ghi chép.

Trên đây là ý kiến riêng của chúng tôi, vì chúng tôi so sánh việc "đầu hàng" của nhiều địa chủ với việc "đầu hàng" của các văn nghệ sĩ. Đảng bắt phải đầu hàng để Đảng lên mặt với nhân dân, vậy thì cứ "đầu hàng" vì qua những vụ đấu tố địa chủ, phú nông, toàn thể nhân dân đều biết rằng những trò đó chỉ là một tấn đại bi hài kịch mà mọi ngƣời phải lần lƣợt lên sân khấu đóng vai trò Đảng đã ấn định cho mình. Chúng tôi tin rằng những ngƣời nhƣ Trần Dần đã viết bài ―Hãy đi mãi‖ (xem phần tài liệu) hay Phùng Quán đã viết bài ―Lời mẹ dặn‖ (xem phần tài liệu) là những ngƣời có dƣ thái độ bất khuất và có đủ gan dạ bền bỉ.

Ý kiến chúng tôi có đúng hay không, chỉ có tƣơng lai mới có thể trả lời.

Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy tin rằng Ngƣời là Ngƣời mà Vật là Vật. Không có thế lực nào có thể biến con ngƣời thành con vật. Ngƣời hơn vật ở chỗ biết nói, nên hễ biết nói là phải nói theo ý mình. Ngƣời bao giờ cũng tranh đấu đòi cho đƣợc tự do ngôn luận, bảo đảm cho mọi thứ do khác.

Mạc Định

Sài Gòn, ngày 8-12-1958

[[1] T](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#nr1)hực ra đây là [bài "Mới", tin trong Giai phẩm mùa Xuân](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=7351&rb=08) 1956 (talawas)

[[2] B](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#nr2)ức tranh của Trần Duy nhan đề "Một phương pháp xây dựng văn nghệ" trên báo Văn số 30, ngày 29.11.1957, in lại trong sách này ở trang 35 (talawas)

[[3] T](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#nr3)hông tin này đã được chứng tỏ là không đúng. Ông [Nguyễn](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9197&rb=0401)

[Hữu Đang mất tại Hà Nội ngày 08.02.2007](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9197&rb=0401) tại Hà Nội (talawas).

[[4] N](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#nr4)gụ ý bây giờ thì không vui như vậy.

[[5] X](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#nr5)em bài "Qua những sai lầm trong Cải cách ruộng đất" trong phần tài liệu.

[[6] G](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#nr6)iữa hôm ông Hồ sang Rangoon, báo The Nation là tờ báo lớn nhất của Miến Điện trích đăng bài diễn văn của ông Tường dưới đề: "Đây, hiện tình Bắc Việt".

[[7] X](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#nr7)em bài trong phần tài liệu.

[[8] T](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#nr8)háng hai năm 1953 ông bị cán bộ làng Quần Tín là nơi ông tản cư mang ông ra đấu, bắt ông phải quỳ và đánh ông mấy cái bạt tai.

[[9] X](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08#nr9)em bài "Cũng những thằng nịnh hót" của Hữu Loan trong phần tài liệu và bức hí hoạ ở trang 14.

Phần II: Tài liệu (Nhân vật và Tác phẩm) I. Phái cựu học

Phái này trƣớc kia gồm những nhà văn xuất thân từ Nho học, đồng thời với cụ Ngô Đức Kế và Huỳnh Thúc Kháng, ra đời vào khoảng cuối thế kỷ trƣớc, lúc Pháp mới bắt đầu đặt nền đô hộ trên toàn cõi lãnh thổ Việt Nam.

Nhƣng tất cả các văn nhân trong thế hệ này đều đã qua đời, chỉ còn sót lại có hai cụ là Sở Cuồng Lê Dƣ và Chƣơng Dân Phan Khôi. Cả hai cụ đều là ngƣời Quảng Nam và đều có tham gia phong trào Đông kinh Nghĩa thục và phong trào kháng thuế ở Trung kỳ.

Cụ Lê Dƣ đã mất hẳn trí nhớ nên từ lâu nay không còn sáng tác nữa, chỉ còn lại một mình cụ Phan Khôi, có thể nói là đại diện cho cả một thế hệ, cho một hệ thống tƣ tƣởng Nho giáo, đơn thƣơng độc mã chống chọi với ý thức hệ Mác-xít và chế độ cộng sản. Tiếng nói của cụ là tiếng nói của một học phái từ hai nghìn năm trƣớc còn vang lại, nhắc chúng ta phải nhớ đến thời Xuân Thu, Chiến Quốc bên Tầu mà thực sự có "Bách gia tranh minh, bách hoa tề phóng". Phong trào này ngày xƣa bị Tần Thuỷ Hoàng đàn áp và ngày nay bị ông Mao Trạch Đông và ông Hồ Chí Minh tiêu diệt. Phan Khôi là đồ đệ cuối cùng còn giữ đủ tinh thần tiết tháo của

trên bảy mƣơi thế hệ Nho gia. [[1]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#anm1)

Cụ Phan Khôi

Cụ sinh năm 1887 tại làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, ông thân sinh ra cụ là Phan Trân, trƣớc làm tri phủ, phủ Điện Khánh, sau từ quan về làm nghề dạy học. Bà mẹ cụ Phan Khôi là con gái cụ Hoàng Diệu, nguyên Tổng đốc Hà Nội, có lần đã đi sứ sang Tây Ban Nha và Anh Cát Lợi. Cụ Hoàng Diệu tuẫn tiết khi thành Hà Nội bị lọt vào tay Henri Rivière năm 1882.

Cụ Phan Khôi học chữ Nho rất giỏi và mới 19 tuổi đã đỗ tú tài (1905) tuy rằng sức học đáng để học cao hơn. Đỗ xong cụ tỏ ý chán khoa cử, vì cụ đƣợc gặp cụ Phan Bội Châu và cụ Phan Chu Trinh nên bị ảnh hƣởng của hai nhà cách mạng này.

Năm 1907 cụ Phan Khôi ra Hà Nội, tham gia phong trào Đông kinh Nghĩa thục và viết cho tờ tạp chí Đăng cổ Tùng báo do phong trào này xuất bản. Chẳng bao lâu tờ tạp chí bị cấm và phong trào bị khủng bố. Cụ Phan liền rút lui về Nam Định rồi về Hải Phòng ẩn náu. Ít lâu sau cụ lén về Quảng Nam hoạt động trong Phong trào Văn thân cùng với cụ Huỳnh Thúc Kháng.

Trong một cuộc biểu tình đòi giảm thuế, cụ Phan bị bắt và giam tại nhà lao Quảng Nam cho mãi đến năm 1914, vì có chiến tranh Đức-Pháp, toàn quyền Albert Sarraut mới ân xá cho nhiều tù nhân, trong đó có cụ.

Trong thời gian bị tù, cụ Phan học chữ Pháp với những công chức cùng bị giam. Thoát khỏi tù, cụ ra Hà Nội làm nghề viết báo. Cụ viết cho tờ Nam phong, là tờ báo văn học duy nhất của thời bấy giờ. Vì bất bình với Phạm Quỳnh là giám đốc tờ Nam phong, cụ bỏ Hà Nội vào Sài Gòn viết cho tờ Lục tỉnh Tân văn.

Năm 1920 cụ lại trở ra Hà Nội viết cho tờ Thực nghiệp Dân báo và tờ Hữu thanh của cụ Ngô Đức Kế. Trong thời kỳ này cụ dịch thuê cuốn Kinh Thánh cho Hội Tin lành. Cuốn Nam âm thi thoại của cụ ra đời trong thời kỳ này.

Năm 1928, tờ Thực nghiệp Dân báo và tờ Hữu thanh bị đóng cửa, cụ Phan lại trở vào Sài Gòn viết cho tờ Thần chung và tờ Phụ nữ Tân văn, và gửi bài ra Hà Nội cho báo Đông Tây. Trong thời kỳ này cụ Phan bút chiến với Hải Triều, nhà văn cộng sản, về vấn đề duy tâm và duy vật. Cuộc bút chiến này sôi nổi dƣ luận trong toàn quốc.

Năm 1931, cụ Phan lại trở ra Hà Nội viết cho tờ Phụ nữ Thời đàm.

Năm 1936 cụ vào Huế viết cho tờ Tràng An và xin đƣợc phép xuất bản tờ Sông Hương. Cụ tái bản cuốn Nam âm thi thoại và đổi tên là Chương Dân thi thoại.

Năm 1939 tờ Sông Hương chết, cụ Phan lại trở vô Sài Gòn dạy học chữ Nho và viết tiểu thuyết. Thời kỳ này cụ viết cuốn Trở vỏ lửa ra.

Sau khi Sài Gòn bị phi cơ đồng minh oanh tạc dữ dội, cụ Phan rút lui về quê để tránh bom và sống an nhàn cho đến khi Việt Minh cƣớp chính quyền, năm 1945.

Cụ bất bình với chính sách khủng bố của Việt Minh thi hành ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, nhất là về việc cán bộ địa phƣơng định phá huỷ nhà thờ cụ Hoàng Diệu, nên cụ lớn tiếng công kích. Cán bộ địa phƣơng toan bắt cụ, nhƣng vì nể Phan Thao là con cụ lúc bấy giờ làm cán bộ cao cấp trong uỷ ban Trung bộ, nên không dám bắt mà chỉ báo cáo lên cấp trên. Về phần cụ Phan, cụ cũng khôn khéo viết thƣ cho cụ Huỳnh Thúc Kháng lúc bấy giờ giữ chức Bộ trƣởng Bộ Nội vụ ở Hà Nội. Cụ Huỳnh vội vàng can thiệp. Hồ Chí Minh dàn xếp vấn đề bằng cách tự tay viết thƣ mời cụ Phan ra Hà Nội hợp tác, nhƣng kỳ thực là giao cho em họ cụ là Phan Bôi, tức Hoàng Hữu Nam, Trung ƣơng Uỷ viên và Thứ trƣởng Bộ Nội vụ phụ trách quản thúc.

Ra đến Hà Nội, cụ Phan không chịu ở nhà Phan Bôi, cụ lên phố Quan Thánh ở nhà Khái Hƣng, tức Trần Khánh Dƣ, là một nhà văn theo Quốc dân Đảng. Khi Việt Minh khủng bố Quốc dân Đảng và vây nhà Khái Hƣng để bắt Khái Hƣng thì đồng thời cũng bắt đƣợc cụ Phan Khôi trong đó. Vì lúc bấy giờ Phan Thao con cụ làm chủ nhiệm báo Cứu quốc ở Hà Nội, nên một lần nữa Việt Minh lại không dám khủng bố cụ Phan. Chúng giao cụ cho Phan Bôi điệu lên chiến khu Việt Bắc. Cụ ở Việt Bắc suốt 9 năm kháng chiến.

Ở chiến khu cụ Phan đƣợc giao công tác phiên dịch sách chữ Hán hoặc chữ Pháp sang tiếng Việt. Tuy bất mãn, nhƣng cụ cũng làm tròn nhiệm vụ. Ông Hồ lấy làm bằng lòng và ban cho cụ một chiếc áo "bờ-lu-dông" Mỹ-

Sự thực thì cụ Phan chỉ tán thành cuộc kháng chiến chống Pháp, nhƣng cụ rất ghét Việt Minh. Hồi 1951 cụ làm bài thơ ví cuộc kháng chiến nhƣ hoa hồng và ví Việt Minh nhƣ gai. Đại ý cụ nói cụ vì yêu kháng chiến mà phải phục tùng Việt Minh. Bài thơ nhƣ sau:

Hồng gai

Hồng nào hồng chẳng có gai Miễn đừng là thứ hồng dài không hoa, Là hồng thì phải có hoa,

Không hoa chỉ có gai mà ai chơi? Ta yêu hồng lắm hồng ơi!

Có gai mà cũng có mùi hương thơm. (16-03-1951)

Cụ ghét Việt Minh về nỗi cấm đoán tự do ngôn luận nên cụ làm một bài thơ tả số phận con lợn nhƣ sau:

Đánh đùng một cái

Kêu éc éc ngay

Bịt mồm, bịt miệng,

Trói chân, trói tay

………………………

Từ dây đến cái dao

Chẳng còn xa là bao.

Cám cảnh cô độc ở Việt Bắc, cụ Phan làm một bài thơ chữ Hán mà Thế Lữ dịch ý nhƣ sau:

Một mình trước cảnh xanh núi rừng Ta ngồi ngạo nghễ với bầy chim bầy vượn Vì ta chạy loạn mà tình cờ gặp cảnh lâm tuyền.

(Cụ ví Việt Minh là thú vật.)

Và một bài khác Thế Lữ dịch ý nhƣ sau:

Một mình đêm giao thừa

Đến ngọn đèn làm bầu bạn cũng không có Đắp lên thân suy tàn một tấm chăn kép Chợp mắt mơ là nhằm miếng chua cay Có vợ con mà sống chia cách Không sinh kế đành phải ăn nhờ Nghe tiếng gà mừng vùng dậy Kháng chiến bốn lần gặp Xuân rồi (1950)

Vì khí hậu độc nên cụ sinh ốm đau và phải vào bệnh viện nằm trong đó một thời gian. Ra khỏi bệnh viện, cụ đi hớt tóc và cảm hứng cụ làm bốn câu thơ:

Tuổi già thêm bệnh hoạn

Kháng chiến thấy thừa ta Mối sầu như tóc bạc

Cứ cắt lại dài ra.

(1952)

Cuối năm 1954 cụ Phan Khôi ở chiến khu về Hà Nội cùng với đa số các văn nghệ sĩ khác. Vì không có nhà cửa ở Hà Nội nên Hội Văn nghệ dành cho cụ một buồng ở tầng ba của nhà trụ sở hội đƣờng Gambetta cũ. Cụ vẫn tiếp tục công việc phiên dịch.

Mùa Thu 1956 cụ viết bài "Phê bình lãnh đạo văn nghệ" đăng trong Giai phẩm mùa Thu. Bài này gây nên ngọn lửa chiến tranh giữa trí thức miền Bắc với Đảng. Để nới rộng cuộc đấu tranh sang lĩnh vực chính trị, cụ Phan Khôi đứng ra làm chủ nhiêm kiêm chủ bút báo Nhân văn. Để tỏ ý chí đấu tranh đến cùng, cụ làm bốn câu thơ:

Nắng chiếu tuy có đẹp

Tiếc tài gần chạng vạng

Mặc dù gần chạng vạng

Nắng được thì cứ nắng

(1956)

Nhận thấy thái độ chống đối của cụ Phan Khôi là một điều tối nguy hại cho chế độ, Việt cộng, một lần cuối cùng, cố sức mua chuộc cụ bằng cách mời cụ sang Bắc Kinh để dự lễ kỷ niệm nhà văn Lỗ Tấn. Chính quyền miền Bắc hy vọng rằng cho cụ đi thăm các xƣởng máy đồ sộ của Trung Quốc, cụ sẽ phải khâm phục sự tiến bộ của nƣớc đàn anh vĩ đại, và do đó sẽ thay đổi quan niệm, không chỉ trích cộng sản nữa. Một lần nữa, cộng sản lại thất vọng. Một hôm cụ Phan đƣợc đƣa tới thăm nhà máy An Sơn của Trung cộng, cụ làm ra vẻ tấm tắc khen ngợi những máy móc tinh xảo và phát biểu nhƣ sau:

"Ngày xƣa ông Mác nói : Lao động sáng tạo, nhƣng tôi nghĩ rằng nên nói trí thức và lao động sáng tạo, mới đúng."

Cán bộ Tàu lễ phép chữa lại:

"Thƣa cụ, ông Mác nói là lao động là bao gồm cả trí thức trong đó chứ ạ!"

Cụ Phan trả lời ngay:

"Không đâu, ý ông Mác chỉ muốn nói công nhân thôi, còn trí thức thì sau này ngƣời ta mới thêm thắt vào đó."

Cán bộ Trung cộng ứ hơi cứng họng không trả lời đƣợc.

Sau khi ở Trung Quốc về, cụ Phan lại tiếp tục công việc làm chủ nhiệm báo Nhân văn. Biết rằng Đảng sắp khủng bố đến nơi, cụ vẫn bình tĩnh tiếp tục cuộc đấu tranh. Hồi đó cụ làm bốn câu thơ hài hƣớc nhƣ sau:

Làm sao cũng chẳng làm sao Dẫu có thế nào cũng chẳng làm chi Làm chi cũng chẳng làm chi Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao

Việc cụ Phan Khôi chống đối Đảng trong hai năm vừa qua nhƣ thế nào, chúng tôi đã trình bày tƣờng

tận trong m[ục: "Lịch trình đấu tranh của trí thức ở](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08)

[miền Bắc". Chúng tôi c](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9507&rb=08)ũng đã tƣờng thuật việc cụ bị đả kích và chửi bới nhƣ thế nào. Họ bảo cụ là phản động Việt gian, phá hoại, tờ-rốt-kít, cụ hút thuốc phiện, chơi gái... và cụ "hủ hoá" cả với nữ sĩ Thuỵ An nữa (nên nhớ rằng khi cụ Phan gặp bà Thuỵ An, cụ đã ngoài 70 tuổi). Điều đó không làm cho chúng ta ngạc nhiên vì tục ngữ của chúng ta đã sẵn có câu : Đƣợc là vua, thua là giặc. Điều mà chúng ta cần chú ý là nhờ có sự chửi bới moi móc đó mà chúng ta biết thêm đƣợc một vài chi tiết về sự nghiệp văn chƣơng của cụ Phan. Số là trong báo Văn nghệ số 15, xuất bản hồi tháng 8, 1958, Đoàn Giỏi, một cán bộ văn nghệ có viết một bài mạt sát cụ Phan, trong đó có nói nhiều đến cuốn Nắng chiều của cụ Phan mà từ trƣớc tới nay chƣa ai biết, vì chƣa xuất bản.

Cũng vì không thể kiếm đƣợc nguyên bản nên chúng tôi tạm trích bài phê bình của Đoàn Giỏi để độc giả có thể có một khái niệm về tác phẩm cuối cùng của cụ và cũng để độc giả thử đoán xem Đoàn Giỏi có chủ tâm đả kích cụ Phan Khôi không, hay là chỉ mƣợn cớ chửi bới để phổ biến một tác phẩm mà từ lâu Đảng vẫn giấu kín trong tủ sắt. Chúng tôi không dám quyết định, chỉ biết rằng sau khi đăng bài đó, ban biên tập tờ Văn nghệ phải tự kiểm thảo và từ ngày ấy thấy vắng tên Đoàn Giỏi trên mặt báo. Chúng tôi cũng không dám phê bình cụ Phan Khôi vì cụ là tiền bối. Những ngƣời đã có dịp quen biết với cụ trong cuộc đời bôn ba của cụ, tất nhiên biết về cụ rõ hơn chúng tôi.

\*

Phê bình lãnh đạo văn nghệ Ngày 14 tháng 7 trƣớc đây, một anh bạn trẻ đến với tôi, ngỏ ý muốn tôi viết một bài cho tập Giai phẩm mùa Thu, tôi nhận lời, và viết bài nầy.

Tôi không phải không nhớ nhập tâm rằng cái Giai phẩm mùa Xuân đã gây ra một cảm giác nặng nề

cho giới văn nghệ [[2]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#anm2) , nhƣng mà tôi cứ viết. Là vì tôi nghĩ thấy mùa Thu không thể giống đƣợc với mùa Xuân. Thầy Mạnh Tử nói rằng ―Bĩ nhất thời dã, thử nhất thời dã‖. ―Thời‖ là mùa, mùa nào tiết khí ấy, mà cũng mùa nào thức ấy.

Huống chi cái tôi viết đây là viết bằng văn xuôi, có chi nói nấy, nói toàn những sự thực, tôi không làm thơ, trong đó không có cái gì nhiêu khê, bí hiểm, nhƣ ―Cái bình vôi‖ của Lê Đạt, ―Con chó đói‖ của Trần Dần, ―Cái chổi quét rác rƣởi‖ của Phùng Quán, nó nhƣ ruột voi, nhƣ phổi bò, suôn đuồn đuột mà xốp xồm xộp, ai đọc cũng thấy ngay tôi nói gì, khỏi phải hiểu ý nầy ra ý khác thì tôi tƣởng cũng nên viết lắm.

Tôi muốn nói sự thực. Nhƣng có ngƣời bảo rằng ―có những cái sự thực không nên nói‖. Tôi không tin. Đó là ở dƣới chế độ nào kia, chứ ở dƣới chế độ của chúng ta, đã lấy phê bình, tự phê bình làm võ khí, thì còn có cái sự thực nào là cái sự thực không nên nói?

Tôi muốn phê bình. Nhƣng có ngƣời khác lại bảo rằng ―phê bình nội bộ thì đƣợc, không nên viết trên sách báo, bên địch chúng thấy chúng sẽ xuyên tạc ra‖. Tôi cũng không tin. Cái thời kỳ ―đóng cửa dạy nhau‖ đã qua rồi, ngày nay chính là ngày có mâu thuẫn gì giữa nội bộ cần phải giải quyết trƣớc mặt quần chúng nhân dân, không nhờ ánh sáng của quần chúng nhân dân soi dẫn cho, thì không thể giải quyết nổi. Vả lại, đã nhận rằng ăn của nhân dân, làm việc cho nhân dân, nhân dân là chủ, có quyền kiểm tra mọi việc, thì sao cứ im ỉm ta với nhau không cho nhân dân biết?

Bởi những lẽ đó, tôi viết bài nầy phê bình lãnh đạo văn nghệ của Hội Văn nghệ Việt Nam, cái cơ quan mà tôi sống trong đó tám chín năm nay từ khi nó mới bắt đầu thành lập ở Việt Bắc tới giờ, và phê bình rất thẳng thắn.

Hồi còn ở Việt Bắc, đƣờng lối văn nghệ có vẻ giản đơn lắm. Tóm lại là theo chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa hiện thực xã hội để phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân, nhất là phục vụ cho cuộc kháng chiến trƣớc mắt. Những ngƣời công tác văn nghệ lúc bấy giờ có làm đúng và đầy đủ nhƣ thế không, chƣa nói đến; một điều có thể nói chắc là ai nấy đều cố gắng đi theo đƣờng lối ấy. Đối với lãnh đạo, họ có thắc mắc gì không? Hầu nhƣ không có thắc mắc gì cả. Nếu có thì cũng đã chín bỏ làm mƣời, vì trong thời gian đó, cái vĩ đại, cái gian khổ mà vinh quang của cuộc kháng chiến ngập trên ngƣời họ, họ đang để lòng mà nghĩ đến kháng chiến, không nghĩ đến chuyện khác.

Ở đây tôi không đi sâu hơn, không đi tìm cái cớ tại làm sao mà sau khi thắng lợi trở về thủ đô, lãnh đạo văn nghệ thành ra vấn đề, quần chúng văn nghệ thắc mắc đối với lãnh đạo; tôi chỉ đƣa ra cái hiện tƣợng không tốt ấy sau khi trở về Hà Nội hai năm nay.

Thình lình tôi dùng cái danh từ ―quần chúng văn nghệ‖ chắc có ngƣời thấy mà lấy làm chƣớng mắt. Nhƣng không dùng thì không lấy gì đủ chỉ rõ một cái hiện tƣợng: cái hiện tƣợng đối lập, một bên là lãnh đạo văn nghệ, một bên là quần chúng văn nghệ. Trƣớc kia, trong thời kháng chiến, lãnh đạo với thứ quần chúng ấy là một, mà bây giờ là hai. Thêm một điều đáng chú ý, là cái thứ quần chúng ấy, hiện nay, không chỉ là văn nghệ sĩ theo kháng chiến ở Việt Bắc, mà còn văn nghệ sĩ ở vùng mới giải phóng, mà còn văn nghệ sĩ ở vùng Nam bộ, ở khu V ra tập kết nữa, một thứ quần chúng khá đông đảo, hễ lãnh đạo không khéo thì nó dễ thành ra đối lập.

Ở dƣới chế độ tƣ sản, sự đối lập là thƣờng: nhân dân đối lập với chính phủ, công nhân đối lập với chủ xƣởng, học sinh đối lập với nhà trƣờng… Nhƣng ở dƣới chế độ của chúng ta, về mọi phƣơng diện, yêu cầu phải đi đến không đối lập, hễ còn có đối lập, là cái hiện tƣợng không tốt, cái triệu chứng không tốt.

Sở dĩ có cái hiện tƣợng ấy là bởi trong lĩnh vực văn nghệ chúng ta hai năm nay có những điều sai lệch về lãnh đạo mà tôi sẽ cử đại khái ra nhƣ dƣới đây. Đây là những việc nổi bật lên, tôi thấy rõ thì tôi nói; còn những việc khác, về mặt tổ chức, về mặt hành chính tôi không biết cho lắm thì tôi không nói.

1. Về vấn đề tự do văn nghệ sĩ

Sau khi về Hà Nội không lâu, giữa một cuộc toạ đàm ở trụ sở Hội Văn nghệ, một cán bộ cao

cấp [[3]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#anm3) lấy tƣ cách cá nhân đề ra cái vấn đề ―tự do của văn nghệ sĩ‖. Cái vấn đề ấy đƣợc giải thích là: Có một số văn nghệ sĩ nào đó đòi tự do hay là có ý đòi tự do, mà tự do một cách bừa bãi, đến nỗi ―ví như một kẻ kia đi trên đường phố, thấy có người ôm cái cặp da đẹp, giật ngang lấy đi, rồi nói rằng đó là tự do của mình vì mình thích cái cặp da.‖ Do đó, kết luận là: phải có lãnh đạo, văn nghệ sĩ phải ở dưới quyền lãnh đạo.

Tôi thấy vấn đề đặt nhƣ thế không đúng. Sự thực trƣớc mắt chúng ta không hề có nhƣ thế.

Bao nhiêu văn nghệ sĩ từng theo kháng chiến, không luận ở Việt Bắc, ở Nam bộ, ở Khu V, đều đã ở trong Hội Văn nghệ, đều đã bằng lòng chịu lãnh đạo rồi, nếu họ không bằng lòng chịu lãnh đạo thì họ đã không ở trong Hội Văn nghệ. Còn những văn nghệ sĩ ở vùng mới giải phóng, họ còn ở lại đây tức là họ rắp tâm chịu lãnh đạo, nếu không thì họ đã đi vào Nam. Tóm lại, văn nghệ sĩ hiện nay có mặt ở miền Bắc không ai đòi tự do bừa bãi hết, không ai định ―đánh giật cặp da‖ hết, tôi không biết vì sao lại đặt ra vấn đề ấy.

Quả thật nhƣ vậy, văn nghệ sĩ của chúng ta chẳng những đáng yêu mà lại đáng thƣơng nữa. Họ biết trƣớc kia họ đã đi sai đƣờng, họ ngoan ngoãn chịu

lãnh đạo. Mồ ma Tô Ngọc Vân [[4]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#anm4) , anh là một hoạ sĩ cụp vẽ mỹ nhân, năm 1948, anh còn vẽ bức tranh màu đề là ―Hà Nội đứng lên‖, trình bày một ngƣời thiếu phụ tuyệt đẹp đứng hiên ngang trong đống lửa, chung quanh là những cái nếp nhà đổ vì bom đạn. Thế mà sau đó anh chừa hẳn cái vai cụp ấy. Ở Triển lãm Hội hoạ năm 1952, trong một bức tranh không có thể không có phụ nữ, thì anh vẽ một đám đàn bà già và gái bé. Còn Thế Lữ, có lần tôi hỏi tại sao anh không làm thơ nhƣ trƣớc kia. Anh trả lời rằng đợi đến bao giờ anh ―chỉnh‖ lại đƣợc tâm hồn, cảm thông đƣợc với quần chúng cần lao, bấy giờ anh sẽ làm. Thứ văn nghệ sĩ nhƣ thế, mà nói họ đòi tự do, dù chƣa phải là tự do bừa bãi, cũng đã oan họ lắm rồi, oan mà không có chỗ kêu.

Có lẽ bởi nhìn thấy ở một khía cạnh nào rồi nhận định hẳn nhƣ thế, nên từ đó lãnh đạo gắt hơn, kỳ tiêu diệt thứ tự do ấy của văn nghệ sĩ. Nhƣng, sự thực, thứ tự do ấy vốn không có để bị tiêu diệt, mà cái cá tính của văn nghệ sĩ, cái nghệ thuật tính của văn nghệ, nhân đó, tuy chƣa đến bị tiêu diệt, chứ cũng đã bị thƣơng.

Chƣa nói đến cá tính và nghệ thuật tính. Ngay đến ý kiến, ngôn luận của quần chúng văn nghệ dù rất bình thƣờng, không có gì hại, cũng bị kìm hãm. Tôi là một ngƣời đã chịu cái điều khó chịu ấy, tôi nói ra đây tƣởng không có ai ác đến nỗi bảo tôi là dựng đứng hay xuyên tạc.

Sau khi về Hà Nội mấy tuần lễ, có một cuộc họp mặt văn nghệ sĩ với mấy đồng chí văn nghệ Liên-sô. Một đồng chí nói rằng mình vì không đọc đƣợc tiếng Việt cho nên không biết văn học Việt nhƣ thế nào, chứ còn mấy ngành khác nhƣ nhạc, hoạ, kịch đều thấy có tiến bộ cả. Nhân đó, tôi phát biểu ý kiến, đại khái tôi nói văn học Việt vì những điều kiện nào đó hạn chế, nên hiện thời nó còn thấp kém lắm, chƣa theo kịp sự tiến bộ của mấy ngành kia. Lại trong một cuộc họp khác sau đó, nói về âm nhạc, có mấy ngƣời đề cao nhạc cổ Việt Nam. Tôi tuy dốt âm nhạc chứ cũng biết rằng nhạc cổ của ta không cao đến cái mức ấy, bèn lại phát biểu ý kiến. Tôi thuật lại chuyện nghe ở ngƣời khác rằng có một nghệ sĩ nƣớc bạn phê bình điệu hát chèo, trong đó đệm nhiều những ―a ý a‖, ―tình tính tang‖, còn đeo tính chất nguyên thuỷ. Mấy hôm sau, tôi gặp ông

Hoài Thanh [[5]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#anm5) ở chỗ thang gác từng thứ hai của trụ sở Hội Văn nghệ, ông bảo rằng mấy lần phát biểu ý kiến của tôi đều đáng phê bình, nhất là lần sau, sao lại bằng vào lời một nghệ sĩ nƣớc ngoài mà phủ định nhạc cổ? Tôi chƣa kịp nói gì thì ông đã đi xuống khỏi thang gác.

Tháng mƣời năm ngoái, tôi đƣợc cắt cử nói chuyện

trong cuộc kỷ niệm Lỗ Tấn. [[6]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#anm6) Trƣớc khi nói, tôi phải viết ra trình qua lãnh đạo xem. Trong bài viết, có chỗ tôi nói Lỗ Tấn thông hiểu chủ nghĩa Mác lắm, nhƣng trong văn chƣơng của ông không hề dùng những danh từ mác-xít, mỗi khi đọc, làm tôi nghĩ đến con tằm: con tằm ăn dâu rồi nhả ra tơ, nếu nhả ra dâu thì không phải là con tằm. Ông Nguyễn Tuân hỏi tôi: ―Nói nhƣ thế là định viser (ám chỉ) ai?‖ Đề nghị tôi nên chữa. Tôi lấy làm lạ, tôi sao lại có tâm địa xỏ lá đến nỗi mỗi khi nói phải có ám chỉ ai mới đƣợc; tuy vậy, tôi cứ hứa sẽ chữa. Một chỗ khác, nói về lối phiên dịch, Lỗ Tấn chủ trƣơng trực dịch. Ông Hoài Thanh bảo tôi phải chữa, lấy lẽ rằng phiên dịch có nhiều lối, nếu lấy Lỗ Tấn làm khuôn mẫu thì Hồ Chủ tịch dịch Tỉnh uỷ bí

mật [[7]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#anm7) , không trực dịch, chẳng là không đúng hay sao? Tôi biết rõ rằng cái câu nói đó chỉ là thuật lại cái chủ trƣơng của Lỗ Tấn, chẳng hề lấy làm khuôn mẫu, cũng chẳng hề đả động gì đến việc dịch của Hồ Chủ tịch hết, những tôi không cãi, cũng cứ hứa sẽ chữa, mà thật, tôi đã chữa ngay trong bản thảo trƣớc mặt ông Hoài Thanh.

Đó là cái thói kỵ huý trong văn chƣơng của thời phong kiến còn rớt lại. Thuở Thiệu Trị, ở trƣờng thi hƣơng Thừa Thiên, Đặng Huy Trứ vào trƣờng thi, trong văn có câu ―vi gia miêu chi hại‖, nghĩa là làm hại giống mạ tốt, nhƣng ―gia miêu‖ là tên làng các vua triều Nguyễn, quan trƣờng sợ bóng sợ gió, sợ nhƣ thế có thể hiểu ra là làm hại làng của vua, bèn đánh rớt bay. Lại thuở Tự Đức, cũng trƣờng thi Thừa Thiên, Lƣơng Gia Hựu cũng vào trƣờng thi, trong văn có câu ―vi thiên tử chi ấp‖, chữ ―ấp‖ đó nghĩa là kinh đô, thế mà quan trƣờng sợ có thể hiểu nôm na rằng thiên tử ôm ấp cô gái nào, cũng đánh rớt bay. Thử so sánh mà xem, có phải mấy ông lãnh đạo của tôi cũng sợ bóng sợ gió, cũng kỵ huý nhƣ mấy ông quan trƣờng ấy không? Ngƣời ta làm cho tôi cảm thấy qua việc ấy rằng nƣớc Việt Nam ngày xƣa, triều đại là triều đại Thiệu Trị, Tự Đức, cái nguồn văn chƣơng là Tứ thƣ, Ngũ kinh, còn nƣớc Việt Nam ngày nay, cũng là triều đại gì đó, chỉ khác cái nguồn văn chƣơng là Mác-xít, chứ cái thói kỵ huý của quan trƣờng thì không khác.

Trở lại vấn đề ―tự do của văn nghệ sĩ‖.

Thực ra thì, nhƣ trên đã nói, văn nghệ sĩ không đòi tự do bừa bãi, họ chịu ở dƣới quyền lãnh đạo, chỉ duy cái vấn đề họ đặt ra là lãnh đạo phải như thế nào. Nói nhƣ thế cũng chƣa hết ý. Phải nói rằng văn nghệ sĩ cũng muốn đƣợc tự do, nhƣng họ chỉ yêu cầu được tự do trong nghệ thuật.

Đành rằng văn nghệ phục vụ chính trị, cho nên chính trị phải lãnh đạo văn nghệ. Nhƣng phải hỏi: chính trị nếu muốn đạt đến cái mục đích của nó, thì cứ dùng những khẩu hiệu, biểu ngữ, thông tri, chỉ thị, không đƣợc hay sao, mà phải cần dùng đến văn nghệ? Trả lời cho thành thật, e chính trị phải vỗ vai văn nghệ mà nói rằng: ―Sở dĩ tao tha thiết đến mầy là vì tao muốn lợi dụng cái nghệ thuật của mầy.‖ Đã cởi mở với nhau nhƣ thế rồi, văn nghệ đồng ý. Nhƣng phần nghệ thuật nầy là phần riêng của văn nghệ, chính trị không bao biện đƣợc, nó phải đòi tự do trong phần ấy. Nhƣ thế, tƣởng chính trị cũng lấy lẽ gì mà không đồng ý. ―Hai bên đều có lợi‖, cái nguyên tắc ấy, ở ngày nay, nó thích dụng trong bất cứ một sự hợp tác nào.

Nhƣng hai năm nay, lãnh đạo văn nghệ của chúng ta đã đi quá trớn mà không giữ đúng cái giao ƣớc bất thành văn ấy. Lãnh đạo đã xâm phạm mỗi ngày một hơn vào quyền riêng nghệ thuật của văn nghệ sĩ.

Trong văn nghệ, không cứ về ngành nào, sáng tác hay ―sản xuất‖, đều hầu nhƣ bị Ban Thƣờng vụ của Hội xỏ sẹo dắt đi, hay quá lắm là nhúng tay vào. ―Phục vụ công nông binh‖ và ―phục vụ kịp thời‖, cái đó đã đành rồi; ―quần chúng văn nghệ‖ bực mình vì còn phải chịu mệnh lệnh của lãnh đạo ngoài những cái đó.

Tức nhƣ trƣớc đây trong việc chấm giải thƣởng về nhạc. Có một bài nhạc, Ban chấm giải (gồm những nhạc sĩ chuyên môn) đặt vào hạng thấp, thì Ban Thƣờng vụ bảo phải nhấc lên hạng cao, lấy lẽ rằng ―lời‖ nó hay và đúng chính sách. Ban chấm giải bầy rằng tuy ―lời‖ hay mà ―nhạc‖ tầm thƣờng nên để hạng thấp, nhƣng không đƣợc, rốt lại cũng phải nhắc lên hạng cao. Một anh nhạc sĩ trong Ban chấm giải thuật chuyện ấy cho tôi nghe và phàn nàn rằng thế thì làm thơ làm văn cho hay và đúng chính sách cũng đƣợc, việc gì phải làm nhạc và phải giao cho nhạc sĩ chấm? Tôi cho phàn nàn nhƣ thế là có lý lắm, trừ ra khi nào Ban Thƣờng vụ cũng là nhạc sĩ chuyên môn thì vấn đề còn phải thảo luận lại.

Để rồi đến ngày Đại hội, trong mỗi ngành sẽ có ngƣời đứng lên nói những sự thực nhƣ thế ra. Tôi ở ngành văn, tôi đã kể một chuyện về viết nhƣ trên kia cũng đủ thấy là khó chịu rồi. Cái sự bẻ bai bẻ họe của bà già đối với nàng dâu, hà tất phải kể ra hàng tràng, thiên hạ mới biết.

Ông Nguyễn Tuân [[8]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#anm8) và ông Hoài Thanh đều là nhà văn nổi tiếng, tôi không nói các ổng không có thẩm quyền về nghệ thuật viết văn. Nhƣng các ổng có nghệ thuật của các ổng, còn tôi có nghệ thuật của tôi. Trong nghệ thuật ngụ cái cá tính của mỗi ngƣời một khác, do đó nghệ thuật tính của văn nghệ của mỗi tác giả một khác. Có thế thì mới có đƣợc cái quang cảnh ―trăm hoa đua nở‖. Nhƣợc bằng bắt mọi ngƣời viết phải viết theo một lối với mình, thì rồi đến một ngày kia, hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết.

Mà nếu cứ thế nầy mãi, than ôi, cái ngày ấy cũng chẳng xa đâu!

Cái tác phong lãnh đạo ấy hiện đã truyền nhiễm khắp Hà Nội rồi. Một toà soạn nào đó cũng có quyền chữa bài của tôi, vứt bài của tôi. Mà phải chi đáng chữa mà chữa, đáng vứt mà vứt cho cam. Mới đây, trƣớc ngày 20 tháng 7, có một nhà báo – giấu làm gì? Nói ngay là nhà báo Tổ quốc – nhà báo Tổ quốc viết thƣ cậy tôi viết một bài. ―Viết một bài về chuyện miền Nam‖, nhƣ thế là đã ―ra đề‖ cho tôi ―làm bài‖ đó, tƣởng cũng đủ lắm rồi. Trong thƣ, ông đại chủ bút còn ―dàn bài‖ cho tôi nữa: những là ―yêu cầu‖ thế này, ―mục đích‖ thế nọ, và hạn từ một ngàn rƣởi chữ đến hai ngàn chữ. Tôi lấy làm đau xót quá (có lẽ đó vì tôi tự ái, đáng kiểm thảo), bèn kiếm cách từ chối. Cụ Đồ Chiểu ơi! Cụ Đồ Chiểu! Ở thời cụ, cụ đã kêu: Ở đây nào phải trường thi Ra đề, hạn vận một khi buộc ràng?

thế mà đến ngày nay, bảy tám mƣơi năm sau cụ, ngƣời ta còn ra đề, dàn bài, lại hạn chữ cho tôi nữa đó cụ ơi! Tôi còn làm ăn gì đƣợc nữa cụ ơi! Tôi còn là tôi đâu đƣợc nữa cụ ơi!

2. Về vụ Giai phẩm mùa Xuân Lãnh đạo nhƣ thế cho nên mới có tập Giai phẩm mùa Xuân. Nói cho tiêu tội, mấy ngƣời viết Giai phẩm mùa Xuân, họ vốn không hề cho tôi biết gì cả, nhƣng khi tôi đọc thì tôi – có lẽ nhƣ tục ngữ nói: voi thuộc voi, ngựa thuộc ngựa, tôi biết ngay là vì họ bất bình với lãnh đạo.

Sáng hôm mùng Một Tết âm lịch năm nay, ông Tố

Hữu [[9]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#anm9) đến chơi trụ sở Hội Văn nghệ. Giữa anh em đông, ông hỏi ý kiến tôi về tập Giai phẩm mùa Xuân. Tôi nói trong đó chỉ có bài thơ của Trần Dần

nói lôi thôi, có hơi không lợi [[10]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#anm10) ; còn của Phùng Quán, của Lê Đạt, tôi thấy nói đúng đấy. ―Chống công thức‖, ―quét rác rƣởi tƣ tƣởng‖ là việc chúng ta cần phải làm. Có điều cái gì là công thức, cái gì là tƣ tƣởng rác rƣởi, chẳng những nên bảo họ nói rõ ra, mà còn nên bảo họ viết lên báo cho rõ ra. Ông Tố Hữu nói một câu có đông anh em cùng nghe: ―Giấy mực đâu mà phí để cho họ viết?‖. Thế rồi làm thinh. Tôi làm thinh, nghĩa là tôi trải đời nhiều rồi, tôi tròn lắm rồi, tôi không dại dột đến nỗi đã thế rồi mà còn cứ nói nữa.

Mấy hôm sau, nghe nói tập sách mỏng ấy bị thu về, tôi cho rằng sự thu về ấy là thất sách. Sao lại phải làm to chuyện cái chuyện không đáng làm to? Sao lại gợi cho những kẻ hiếu kỳ lén lút tìm mua tập sách ấy 3000 đ một tập mà đọc? Sao lại làm nhƣ là sợ nó? Ở Trung Quốc, Hồ Phong nói xấu lãnh đạo văn nghệ đến thế nào, mà ―Ba sắp tài liệu‖ của Hồ Phong vẫn đƣợc công bố ra, cả đến cái Ý kiến thư của hắn cũng đƣợc công bố ra, chẳng ai hề sợ. Thế rồi một ngày xuân mới, ánh mặt trời ấm áp, tối lại, có mấy hạt mƣa phùn để giúp cho những cây rụng lá mùa đông nứt lộc ra, thì ở trụ sở Hội Văn nghệ khai hội từ 7 giờ tối đến 1 giờ sáng để phê bình bài thơ Trần Dần, mà ký thực là hỏi tội Trần Dần, một mầm non văn nghệ. Hỏi tội độc một Trần Dần thôi, là cái ngón chính trị tài tình lắm đấy, để cô lập Trần Dần và phân hoá lũ ngƣời trong Giai phẩm, cái ngón ấy đã thành công. Hết thảy có độ một trăm rƣởi ngƣời, trong đó có vài chục ngƣời đứng lên nói, đại khái giống nhau và kết luận là Trần Dần có tội. Không phải không có những ngƣời thấy rằng Trần Dần dù có tội cũng không đến to nhƣ thế, nhƣng mà họ đã làm thinh.

Tôi nhớ có một vị bắt lỗi trong bài thơ Trần Dần có chữ ―Người‖ viết hoa. Lấy lẽ rằng chữ ―Người‖ viết hoa lâu nay chỉ để xƣng Hồ Chủ tịch, thế mà Trần Dần lại viết hoa chữ ―Người‖ không phải để xƣng Hồ Chủ tịch. Tôi ngồi nghe mà tƣởng nhƣ mình ở trong chiêm bao: chiêm bao thấy mình đứng ở một sân rồng nọ, ông Lê Mỗ tố cáo ông Nguyễn Mỗ trƣớc ngai vàng, rằng trong phép viết, chỉ có chữ nào thuộc về hoàng thƣợng mới phải đài, thế mà tên Nguyễn Mỗ viết thƣ cho bạn, dám đài chữ không phải thuộc về hoàng thƣợng. Nhƣng may cho tôi, tôi tỉnh ngay ra là mình ngồi trong phòng họp Hội Văn nghệ.

Rồi đến ông Hoài Thanh viết một bài trên báo Văn nghệ, bằng giấy trắng mực đen, ghép Trần Dần vào tội phản động, đứng về phía địch chống lại nhân dân ta (BáoVăn nghệ số 110 ra ngày 17-3-56). Thật cái tội phản động ở xứ nầy sao mà ghép một cách dễ dàng quá. Hồ Phong bên Trung Quốc, còn phải điều tra bao nhiêu năm, công bố ―Ba sắp tài liệu‖, mới vạch mặt hắn là phản cách mạng, là tay sai của Tƣởng Giới Thạch đƣợc. Tôi lại còn thấy một cái tài liệu, nói Hồ Phong từng bị bắt quả tang có một thanh gƣơm, ở cái nạm có bốn chữ ―Tƣởng Trung Chánh tặng‖, ở cái lƣỡi có ba chữ ―Đảng Nhân hồn‖. Nhƣ thế thì phản động là đáng lắm, có đâu chỉ một bài thơ mà đã là phản động?

Tuy vậy, Trần Dần còn có phúc hơn cậu cử Nguyễn Thuyên con trai cụ lớn Tiền quân Nguyễn Văn Thành nhiều lắm. Trần Dần với bài thơ hàng hơn năm trăm câu mà chỉ mang tiếng là phản động thôi, không nhƣ cậu cử Thuyên, bài thơ chỉ có 56 chữ, ý tứ vu vơ, mà bị chết chém, và còn liên luỵ đến anh em, bè bạn, liên luỵ đến ông cụ bố phải uống thuộc độc mà chết. Trong chỗ đó, tôi thấy thời đại dân cộng hoà dân chủ rộng rãi đối với văn nghệ hơn thời đại chuyên chế triều Gia Long rất nhiều.

Cuối cùng, ông Nguyễn Đình Thi, thƣ ký toà soạn báo Văn nghệ viết liên tiếp ba bài đại cà sa phê bình tập Giai phẩm mùa Xuân. Sau khi ba số báo in ra xong, ông Thi đƣa cả cho tôi xem và hỏi ý kiến tôi đối với ba bài ấy.

Đọc xong sau một hôm, hai chúng tôi nói chuyện với nhau. Tôi bảo ông Thi rằng ông đặt sai vấn đề. Vấn đề Giai phẩm là vấn đề lãnh đạo, chứ không phải vấn đề quần chúng. Tôi phân tích rõ ràng cho ông thấy rằng tại lãnh đạo văn nghệ có thế nào cho nên quần chúng văn nghệ mới bất bình mà phát biểu ra nhƣ thế. Ví dầu trong sự phát triển của họ có lầm lỗi cũng còn là cái ngọn, mà cái gốc, phải tìm đến ở chỗ do lãnh đạo gây ra. Thế mà cả ba bài của ông Thi không có một chữ nào đụng đến lãnh đạo hết, chỉ đổ lỗi cho mấy ngƣời viết trong Giai phẩm, thế là không công bình, thế là quá đáng. Khi viết đây, tôi ngồi dƣới ngọn đèn điện 20 nến, tôi nói có mặt đèn làm chứng, ông Thi nhận cho lời tôi nói là đúng, hứa sẽ viết phê bình lãnh đạo, nhƣng mãi tới nay chƣa thấy viết.

Đọc trong bài thứ nhất của ông Nguyễn Đình Thi, đến chỗ ông nói mấy ngƣời trong Giai phẩm là ―cả vú lấp miệng em‖, làm tôi nhớ lại một vài chuyện cũ mà tủm tỉm cƣời một mình. Năm 1920, tôi làm thƣ ký kiêm kế toán cho công ty Bạch Thái ở Hải phòng, tôi thấy ông Bạch Thái Bƣởi bóc lột công nhân làm tàu của ông rõ ràng, thế mà một hôm ông chỉ vào mặt các anh làm tàu mà nói rằng: ―Chính chúng mầy bóc lột tao‖; năm 1930 hay 1931 gì đó, tôi viết báo ở Sài Gòn, biết thực dân Pháp khủng bố cộng sản dã man hết sức, thế mà trên báo Tây, chúng gọi Xô viết Nghệ An là ―khủng bố đỏ‖ (terreur rouge). Nghề thế, hễ mình muốn ngƣời khác đừng nói đến cái tật xấu của mình, thì mình đem ngay cái tật xấu ấy đổ trên đầu ngƣời khác để đấm họng họ cho câm đi. Chính ông Nguyễn Đình Thi ―cả vú lấp miệng em‖ cho nên ông bảo trƣớc rằng bọn Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt là ―cả vú lấp miệng em‖. Thực ra thì bọn nầy có ―vú‖ đâu mà ―cả‖, vả lại họ cũng không có ai là ―em‖ họ hết.

3. Về vụ giải thưởng văn học 1954-1955

Sau khi giải thƣởng nầy tuyên bố, ở đâu thì không biết, chứ ở Hà Nội, dƣ luận bàn tán xôn xao, nhiều ngƣời không phục, cho rằng có mấy tác phẩm trong đó không xứng đáng đƣợc giải. Nói nhƣ thế, có thể bị coi là nói vu vơ, không có bằng chứng. Nhƣng muốn có bằng chứng cũng không thể có đƣợc, vì cả nƣớc chỉ có một tờ báo Văn nghệ có thể đăng những bài phê bình văn nghệ, mà là của Hội Văn nghệ, thứ dƣ luận ấy có muốn phát biểu cũng không phát biểu vào đâu. Tuy vậy, bằng chứng cũng không phải toàn không có. Dạo trƣớc, tờ Trăm hoa có ba bài của ba ngƣời công kích tập thơ Ngôi sao của Xuân Diệu, nhƣng khốn nỗi, nó ra đến bài thứ ba thì nó chết. Dù vậy, tôi thấy dƣ luận ấy là quả có, chẳng tin, ai thử làm một cuộc trƣng cầu ý kiến mà xem.

Chính tôi là một ngƣời ở trong Ban Chung khảo chấm giải, tôi đã biểu đồng tình với thứ dƣ luận ấy trƣớc khi nó xôn xao, nghĩa là trƣớc khi tuyên bố kết quả giải thƣởng.

Ban Chung khảo có mƣời ngƣời, tôi là một. Tôi quên lửng, không biết do ai công cử hay chỉ định, khi nhận đƣợc giấy triệu tập thì cứ di dự vào, làm việc, lãnh tiền thù lao, nhƣng khi việc xong thì tôi đâm ra trách mình một cách bâng quơ: phải chi mình đừng dự vào đó thì hay. Tác phẩm của mỗi ngành trong văn học, nhƣ thơ, tiểu thuyết, kịch bản… sau khi chuyền cho nhau đọc rồi, về mỗi ngành có một buổi họp toàn ban để bình định thứ bậc. Trong khi bình định, hễ đồng ý với nhau thì thôi, bằng có mâu thuẫn thì biểu quyết bằng lối giơ tay, ―thiểu số phục tùng đa số‖.

Hôm bình định về thơ, tôi phản đối tập Ngôi sao đứng giải nhì, tôi nói: có vớt vát lắm thì cũng chỉ nên để nó đứng giải ba. Tôi cử ra những câu bí hiểm không thể hiểu nghĩa đƣợc, thì ông Huy Cận (một trong Ban chung khảo) bảo rằng đó là tại tôi ―muốn‖ không hiểu thì không hiểu. Quái, tôi ―muốn‖ làm sao đƣợc? Theo lẽ, ông Huy Cận nếu binh vực cho Ngôi sao thì phải cắt nghĩa rạch ròi những câu ấy ra, chứ sao lại bảo rằng tôi ―muốn‖ không hiểu? Nhƣng cả ban làm thinh, tự hồ ai cũng hiểu những câu ấy, không ai tỏ đồng ý với sự chỉ trích của tôi. Tôi còn cử ra những câu tầm thƣờng quá, không xứng đáng là thơ, và nói rằng thơ Xuân Diệu ngày nay trở kém thơ Xuân Diệu ngày trƣớc. Một ông trong ban (quên là ai) cãi rằng nếu thế thì bao lâu nay Đảng giáo dục Xuân Diệu không có hiệu quả gì sao? May mà một ông khác (quên là ai) lập tức đƣa tay ngăn cản lại, nói đó không phải là cái luận cứ vững, đừng đƣa ra. Nhƣng đồng thời tôi trót đã vọt miệng thốt ra câu này: Đảng giáo dục Xuân Diệu làm cách mạng, chứ có giáo dục Xuân Diệu làm thơ đâu, thật nhƣ đức Khổng tử đã dạy rằng: ―Ngựa tứ chẳng kịp lƣỡi‖. Cũng vì tôi nên có sự mâu thuẫn, phải biểu quyết, thì tôi đứng về thiểu số, mà nhớ hình nhƣ thiểu số tuyệt đối.

Hôm khác bình định về tiểu thuyết. Tôi phản đối Truyện anh Lục của Nguyễn Huy Tƣởng đứng giải nhì. Tôi cử ra sáu bảy chỗ, kết luận rằng cái tiểu thuyết này nhiều chỗ không giống với sự thực, trái với chủ nghĩa hiện thực bƣớc thứ nhất, nếu nó đƣợc giải cao thì khi ngoại quốc dịch nó ra, nhất là khi bên địch đọc nó, bất lợi cho văn học của chúng ta. Cả ban không ai bác lại lời tôi, tuyệt nhiên không có một ngƣời nào bác lại tôi, nhƣng thế nào không biết, cuối cùng cũng phải biểu quyết, và tôi vẫn đứng về thiểu số, và lại là thiểu số tuyệt đối. Đến khi việc đã xong rồi, Ban Chung khảo không còn có buổi họp nào nữa rồi, tôi mới tiếp đƣợc hai tác phẩm về ký sự, đều đứng giải ba, có thông tri bảo đọc và cho ý kiến. Tôi thấy cái Nam bộ mến yêu của Hoài Thanh chỉ là bài viết chạy nhƣ bài đăng trên báo, không có gì là giá trị văn học, còn cái Lên công trường của Hồng Hà viết có công phu hơn. Tôi nhớ ra mình đã từng hạ hai tác phẩm của hai ông Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tƣởng xuống mà không đƣợc, bây giờ không còn có đủ sức bƣớng để mà hạ của ông Hoài Thanh xuống nữa, bèn viết một mẩu giấy đề nghị đƣa Lên công trường lên giải nhì. Nhƣng mẩu giấy ấy về sau chìm đi đâu mất, không ai nhắc đến.

Sau có một buổi họp giữa những ngƣời chấm giải với những ngƣời đƣợc giải. Đáng lẽ, một buổi họp nhƣ thế, thế nào Ban chấm giải cũng phải gợi cho những ngƣời đƣợc giải có thắc mắc gì thì nói ra. Bởi vì bây giờ không phải nhƣ thời phong kiến chấm trƣờng thi, quan trƣờng ăn tiền lấy đỗ bậy bạ rồi ai rớt nấy chịu. Nhƣng mà không thấy đả động gì đến việc ấy. Gần rốt buổi họp tôi mới đề nghị xin cho nói thắc mắc. Thế rồi có mấy ngƣời nói thắc mắc của họ. Cuối cùng tôi cũng đƣa ra thắc mắc của tôi về cái sự hai lần bị đứng về thiểu số nhƣ đã nói trên. Tôi nói quả quyết rằng mặc dầu tôi đứng về thiểu số, chứ cái sự định đoạt ấy của đa số, tôi cho là không đúng, tôi nhất định không phục. Trong những ngƣời đƣợc giải, có một ngƣời đứng lên phát biểu ý kiến, lấy làm lạ rằng sao trong Ban Chung khảo không nhất trí với nhau, xong việc rồi lại còn có ngƣời đƣa ra thắc mắc? Tan buổi họp, tôi nghĩ mà cũng lấy làm lạ rằng sao cái ông lấy làm lạ đó lại không ở trong Ban Chung khảo?

Đến hôm phát giải thƣởng ở Câu lạc bộ Đoàn kết, ban tổ chức đề nghị tôi làm một ngƣời trao giải. Tôi từ chối. Tôi sợ rằng trong khi trao giải hoặc rủi mà tôi gặp phải trao ba cái giải mà mình phản đối thì khổ cho mình. Khi tuyên bố ba cái giải mà tôi phản đối ấy tôi nhất định không vỗ tay. Tôi nhất định tỏ thái độ phản đối đến cùng.

Hôm thƣợng tuần tháng 6, tôi nằm trong Bệnh viện C, thấy mấy anh bộ đội đọc tập thơ Người chiến sĩ của Hồ Khải Đại mà chê rằng dở quá, tôi bèn mƣợn xem thì thấy quả thật là dở quá. Thế mà nó đƣợc giải ba văn học. Tập thơ nầy, tôi ở trong Ban Chung khảo chƣa hề thấy mặt nó, sau cùng chỉ nhận đƣợc thông tri nói nó nguyên ở giải khuyến khích, nay tƣơng lên giải ba. Ai tƣơng lên? Thế có lạ không?

Ban Chung khảo theo đề nghị của ông Xuân Diệu, sau khi tuyên bố giải thƣởng, phải làm nhiều cách tuyên truyền cổ động rầm rộ cho các tác phẩm đƣợc giải, và đã cắt cử ngƣời nào viết bài phê bình cho tác phẩm nào. Lâu mà không thấy mấy ngƣời viết. Tình cờ tôi hỏi một ông, ông trả lời: ―Khó viết quá‖. Câu trả lời đúng hết sức: lấy nó trúng giải thì dễ, chứ viết để tuyên truyền cổ động cho nó thì phải khó.

Cho đến hết tháng bảy mà chỉ có hai bài phê bình trên báo Văn nghệ. Một bài ông Hoàng Xuân Nhị (một trong Ban Chung khảo) phê bình Truyện anh Lục, độc giả không lấy làm mãn nguyện, có ngƣời đã nói, đọc nó chỉ thấy cái vẻ mô phạm hiền lành của một vị giáo sƣ đại học mà thôi. Một bài ông Hoài Thanh viết để binh vực choNgôi sao mà binh vực một cách gắng gƣợng quá, nhất là yếu, không hề chống cãi lại những chỗ đả kích trong ba bài của báo Trăm hoa. Tôi rất không phục ông Hoài Thanh ở điểm này: ông viết bài ấy sau ba bài của Trăm hoa mà ông không hề nhắc tới Trăm hoa lấy một tiếng, ông cố dìm nó xuống cũng nhƣ Phạm Quỳnh đã dìm báoHữu Thanh của Ngô Đức Kế. Nếu không dìm thì là ông khinh, cũng nhƣ Phạm Quỳnh đã khinh báo Hữu Thanh của Ngô Đức Kế.

Về vụ này, có một điều, ngƣời ngoài không phải là tôi, không biết đến, thì không lấy làm quái. Ấy là điều, ba ông Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tƣởng, Hoài Thanh đều có tác phẩm dự thi mà đều ở trong Ban Chung khảo. Nếu chỉ ở trong Ban Chung khảo mà thôi, còn khá; thử điều tra lại hồ sơ, thì ba ông còn ở trong Ban Sơ khảo nữa. Sao lại có thể nhƣ thế? Trƣờng thi phong kiến thuở xƣa, tuy có ám muội gì bên trong, chứ bên ngoài họ vẫn giữ sạch tiếng: Một ngƣời nào có con em đi thi, thì ngƣời ấy vẫn có đƣợc cắt cử cũng phải ―hồi tị‖, không đƣợc đi chấm trƣờng. Bây giờ cả đến chính mình đi thi mà cũng không ―hồi tị‖: một lẽ là ở thời đại Hồ Chí Minh, con ngƣời đã đổi mới, đã ―liêm chính‖ cả rồi; một lẽ trắng trợn vì thấy mọi cái ―miệng‖ đã bị ―vú lấp‖.

Ngƣời ta cứ sợ ―bên địch xuyên tạc‖. Sao trong việc nầy không sợ? Nó cần gì phải xuyên tạc? Đọc mấy tác phẩm đƣợc giải thƣởng nầy, tha hồ cho nó đánh giá văn học miền Bắc.

Gọi là phê bình, chỉ có thế; tôi chỉ trình bày mấy hiện tƣợng không tốt trong giới văn nghệ. Còn sửa chữa, mong ở Đại hội sắp tới, nếu toàn thể xét thấy lời tôi nói có đúng phần nào thì xin tuỳ đó mà sửa chữa.

PHAN KHÔI (Viết xong ngày 30-7-1956 tại Hà

Nội) [[11]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#anm11)

\*

Tìm ưu điểm

Lời soạn giả: Bài này chính thực là của cụ Phan Khôi. Cụ viết bài ngụ ngôn này để chế riễu lối chấm giải thưởng văn nghệ mà cụ đã tả rõ trong bài trên.

Một dạo, giữa loài dở cạn dở nƣớc, mở cuộc thi sắc đẹp.

Nhân có sự tranh chấp, ba con: Ếch, Cóc, Ễnh ƣơng đấu khẩu với nhau. Tiếng Cóc nhỏ hơn hết, nhƣng mà động đến Trời.

TrờI sai Nhái bén làm trọng tài. Nhái bén từ chối: ―Con nhỏ hơn hết, con không dám có thẩm quyền trên ba chị ấy.‖

Trời phán: "Chỉ có mày là đồng loại với chúng nó, mày sẽ làm vừa ý ta, không đƣợc từ chối."

Sau khi cực chẳng đã phải làm trọng tài, Nhái bén tâu kết quả: Ễnh ƣơng giải nhất, Ếch giải nhì, Cóc không ở giải nào cả.

Trời tỏ dáng không vui, bảo Nhái bén: "Mày cố hết sức tìm ra ƣu điểm Cóc xem."

Nhái bén tâu: "Chị ấy mụt mằn khắp cả ngƣời, con không tìm ra ƣu điểm nào."

Trời phán: "Thôi, cho mày đi về."

Mấy hôm sau, có nghị định của Hà Bá sức về: "Nhái bén bị đày vĩnh viễn ở dƣới nƣớc, không đƣợc lên cạn nữa.‖

Nhái bén gặp Cá trê, kể cảnh ngộ của mình, Cá trê bảo: "Mày dại lắm. Đi đâu chẳng biết con cóc là cậu ông Trời. Tao đây mà cũng còn thua kiện nó nữa là..."

(Trích Giai phẩm mùa Đông)

\*

Ông bình vôi

Lời soạn giả: Ngụ ý của tác giả trong bài này khá rõ ràng: Cụ Phan chê các cán bộ cao cấp, có lẽ cả ông Hồ, càng ngày càng “tồi”. Cụ nói như vậy là vì cụ cho rằng ông Hồ ngày nay không thương nước thương nòi như ông Nguyễn Ái Quốc ngày trước nữa.

Khắp nƣớc Việt Nam có tục ăn trầu, cho nên ở đâu cũng có bình vôi.

Theo nhƣ tôi biết, ở vùng quê chúng tôi, có hai thứ bình vôi. Đều bằng đất nung cả, mà một thứ giống nhƣ cái hũ nhỏ, duy cổ eo, miệng loa, cho nhà trung thƣờng dùng; một thứ hình tròn mà đít bằng, trên có quai xách, miệng ở về một bên, toàn thân tô màu lục hoặc màu vàng, cho nhà sang dùng. Cả hai đều để đựng vôi trong lòng nó. Nhƣng mỗi khi cho vôi vào, ngƣời ta lại cũng dùng vôi đắp cái miệng nó cho cao lên.

Nhà tôi, hồi bà nội tôi còn sống, có một cái bình vôi hạng sang ấy. Mỗi khi mua vôi ở chợ về, bà tôi ngồi tỉ mỉ lấy cái chìa quệt vôi nhét vào miệng nó, gọi là ―cho ông bình ăn‖. Và lâu lâu đắp thêm cái miệng nó một lần, hoá nên cái miệng càng ngày càng chêu vêu ra.

Thứ bình vôi thƣờng, dùng chìa bằng tre: nhƣng thứ bình vôi sang, bao giờ cũng dùng chìa bằng sắt, ở thân cái chìa, đôi khi lại có đeo một lƣỡi dao để rọc trầu.

Nhà khác thế nào tôi không biết, còn nhà tôi, tối lại, bà tôi cứ nhớ rút cái chìa ra để ra một nơi khác. Làm nhƣ thế, bà tôi cắt nghĩa rằng ―ông bình‖ linh lắm, đêm hôm có kẻ trộm đạo, ―ông‖ sẽ mách cho mình, mà nếu để cái chìa lấp cái miệng thì không mách đƣợc.

Tôi nói ―nhà tôi có một cái bình vôi‖, không đúng. Nói đúng là từ hồi tôi còn nhỏ cho đến năm tôi hai mƣơi lăm tuổi, bà tôi chết, nhà tôi có ba cái bình vôi kế vị nhau. Bởi vì dùng lâu ngày, trong lòng đầy vôi khô cứng, miệng nó vì cứ đắp nên tum húm lại, không dùng đƣợc nữa, phải mua cái khác.

Lúc đó nhà tôi có một cái trang thờ Tam vị: ở giữa là Phúc đức chính thần, hai bên là Thổ công và Táo quân. Hễ cái bình vôi nào bị thải ra thì bà tôi bảo đem đặt lên cái trang ấy, thờ nhân thể.

Sự thờ phƣợng nhƣ thế, không phải chỉ riêng một nhà tôi đâu. Cả làng, nhà nào có bình vôi thải ra, cũng đều đem đặt trên các tƣờng thành đình hoặc chùa; nhƣ thế, ngƣời ta cho rằng thờ ―ông bình‖ đó.

Cái bình vôi, tại sao lại gọi bằng ―ông‖, đọc từ đầu đến đây, bạn đọc đã biết. Ở vùng quê chúng tôi, mà có lẽ cả nƣớc Việt Nam cũng vậy, vật gì nó có thể làm hại mình đƣợc thì gọi bằng ―ông‖, vật gì nó to hay sống lâu năm thì cũng gọi bằng ―ông‖.

Con cọp ăn thịt mình đƣợc, gọi bằng ông Cọp, con khỉ phá hoại hoa màu của mình đƣợc, gọi bằng ông Trƣởng; con chuột, cắn quần áo của mình đƣợc, gọi bằng ông Tí. Cái đầu rau, dùng năm mƣời năm mới thay cái khác, gọi bằng ông Núc; cái che, to, đƣờng kính của nó có khi gần đến một mét, gọi bằng ông

Che [[12]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#anm12) . Ngƣời Việt Nam về sau thế nào chƣa biết, chứ về trƣớc, hễ vật gì làm hại đƣợc hoặc lớn hoặc nhỏ, vật gì sống lâu và to xác thì đều gọi bằng ―ông‖ để tỏ lòng tôn kính, sùng bái.

Tôi có phạm một cái tội hồi mới mƣời tám tuổi, bây giờ tôi xin tự kiểm thảo và thú nhận.

Năm tôi mƣời tám tuổi, tôi không tin nhƣ bà nội tôi tin nữa. Một đêm mùa hè, gió Nam nhƣ bão, sáng

trăng mờ mờ [[13]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#anm13) , tôi rủ mấy thằng bạn lứa tuổi với tôi đi dọc đƣờng cái làng, đi qua đình vào chùa, bao nhiêu ―ông bình vôi‖ thờ trên tƣờng thành, chúng tôi đều hất một loạt xuống đất cả. Sao lại làm nhƣ thế? Chúng tôi cứ làm nhƣ thế, không cần có lý luận. Nhƣng, vài hôm sau, trở lại xem, không biết là do tay ai, thấy đều đặt lại tề chỉnh trên tƣờng thành.

Tuy vậy, đó không phải cái tội riêng một mình tôi. Bấy giờ bọn thiếu niên chúng tôi hầu nhƣ đứa nào cũng có thể làm thế cả. Nếu ngày nay tôi phải tự kiểm thảo thì lũ thiếu niên ấy, bạc đầu rồi, cũng phải tự kiểm thảo nhƣ tôi.

Tóm lại, cái bình vôi, vì nó sống lâu ngày, lòng nó đặc cứng, miệng nó bít lại, ngồi cú rũ trên trang hoặc trên tƣờng thành, cũng nhƣ pho tƣợng đất hoặc gỗ không nói năng, không nhúc nhích, thì ngƣời ta tôn thờ sùng bái mà gọi bằng ông.

Tôi viết cái bài khảo cứu nhỏ nầy cốt để cắt nghĩa mấy câu thơ của Lê Đạt:

Những kiếp người sống lâu trăm tuổi Y như một cái bình vôi

Càng sống càng tồi,

Càng sống càng bé lại.

(Trích [Giai phẩm mùa Thu](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=7413&rb=08) tập II)

[[1] T](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#nr1)rang 51 trong nguyên bản: Hình cụ Phan Khôi dự lễ kỉ niệm Lỗ Tấn ở Bắc Kinh năm 1956 (talawas)

[[2] T](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#nr2)ạp chí Giai phẩm mùa Xuân bị cấm và tác giả bài thơ "Nhất định thắng" đăng trong đó là Trần Dần bị đi tù (Xem đoạn sau).

[[3] N](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#nr3)gười ấy là ông Trường Chinh.

[[4] C](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#nr4)hết ở Điện Biên Phủ năm 1954.

[[5] T](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#nr5)ên thật là Nguyễn Đức Nguyện.

[[6] N](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#nr6)hà văn hào thiên tả của Trung Quốc, chết từ 1936.

[[7] B](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#nr7)ản tiếng Pháp đề là: L" Obkom clandestin.

[[8] T](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#nr8)ác giả Vang bóng một thời

[[9] T](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#nr9)rung ương uỷ viên Đảng Lao động, giữ chức Cục trưởng Cục Tuyên huấn. Thi sĩ đã nổi tiếng về những bài ca tụng hoặc khóc cái chết c ủa Stalin.

[[10] X](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#nr10)em bài “Nhất định thắng” ở phần tài liệu.

[[11] B](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#nr11)ản đăng trong cuốn sách này có lược bỏ vài đoạn. Xem [toàn](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=7369&rb=08)

[văn bài viết](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=7369&rb=08) trong Tủ sách talawas: Giai phẩm mùa Thu tập I (talawas).

[[12] C](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#nr12)he, dùng để đạp mía, ở Bắc gọi là đội hàn (chú thích của Phan Khôi)

[[13] G](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9518&rb=08#nr13)ió Nam là thứ gió nóng ở Trung bộ, đêm có gió Nam thì trăng kém sáng (chú thích của Phan Khôi).

Ông Năm Chuột

Lời soạn giả: Chính vì bài này mà tờ báo Văn bị đóng cửa ngay tức khắc. Cộng sản đã tinh ý nhận ngay ra thâm ý của tác giả. Với một câu chuyện vu vơ, cụ Phan muốn nói: Giai cấp thống trị ở bất cứ thời đại nào cũng thối nát mà vẫn cứ cố che đậy. Mặc dù che đậy, trong dân gian vẫn có người thấy rõ.

Hồi tôi còn mƣời bốn tuổi, mƣời lăm tuổi, thì đã nghe ngƣời làng nói nhiều về cái tên Năm Chuột. Về gốc gác của hắn, chỉ thấy nói là ngƣời làng Kỳ Lam, cái làng ở phía bắc làng tôi cách một con sông, về sau có cái ga xe hoả gọi là ga Kỳ Lam, còn mọi sự khác không biết rõ. Hình nhƣ hắn cũng không có nhà cửa, cha mẹ, vợ con gì ở làng. Hắn làm thợ bạc, quanh năm đi làm nghề ở các nơi, nhất là các nơi đô hộ, nhƣ Huế, Đà Nẵng, Hội An.

Họ nói Năm Chuột là thợ bạc khéo nhất đời, ở Huế có nhiều thợ bạc danh tiếng cũng phải chịu thua. Nhƣng lại nói hắn tổ làm đồ vàng giả, mỗi khi đƣợc gọi đến nhà làm đồ nữ trang cho ngƣời ta, nhà chủ dù ngồi cạnh một bên, hắn cũng cứ tráo bạc, tráo đồng vào, lấy vàng ra, không làm sao biết đƣợc. Bởi vậy cả vùng quê chúng tôi, những nhà giàu có, vốn biết Năm Chuột là thợ khéo, nhƣng không ai dám thuê hắn làm việc gì về cái nghề của hắn cả. Nhiều ngƣời còn nói Năm Chuột đúc súng, đúc bạc giả đƣợc. Mỗi khi nói điều ấy, họ làm ra vẻ bí mật, hình nhƣ họ có ý ngờ cho Năm Chuột định làm một việc gì lớn, ―làm giặc‖ chẳng hạn.

Nhƣng không biết thế nào, ngƣời ta lại cho Năm Chuột là kẻ nói láo nói phét, vào cái hạng ―mƣời voi không đƣợc bát nƣớc xáo‖ tức là mắng ngƣời ấy đã lại nói láo nói phét rồi, có khi chỉ dùng độc một chữ: Chuột quá, tức là láo quá. Lúc bấy giờ tôi đang đi học ở những nơi cách xa làng, mỗi khi về làng, lại thỉnh thoảng nghe ngƣời ta nói chuyện về Năm Chuột nhƣ thế, nhƣ thế, tôi cũng chỉ nghe làm tai mà thôi, không để ý mấy. Mà hẳn thế, cậu cả con quan phủ, học giỏi có tiếng, đang lo xôi kinh nấu sử để khoa tới đây đỗ thủ khoa, không thì cũng cử nhân năm tên trở lên, việc gì mà phải để ý đến chuyện một anh thợ bạc.

Năm hai mƣơi tuổi, tôi thi đỗ tú tài - quái lạ, sao lại đỗ tú tài? - về nhà, cách mấy hôm thì tôi đi về làng Xuân Đài thăm bà ngoại tôi và cậu tôi. Ở ăn một bữa cơm trƣa, đến xế chiều, tôi cáo về thì vừa có một ngƣời đến. Ngƣời trạc dƣới bốn mƣơi tuổi, mặt trẹt, nƣớc da xanh xám, mắt sáng, miệng rộng, hai môi trề ra, hàm và cằm nhƣ nguyên không có râu, không phải cạo, ngƣời thấp song cũng không thấp lắm, đầu trọc, quấn cái khăn vải đen, áo cộc cúc giữa, quần đến đầu gối, chân mang dép da sống. Ngƣời ấy lúc vào đến cửa, hai tay cắp cái nón lá ngang ngực cúi chào cậu tôi, khi bỏ cái nón lá ra, mới thấy trong tay còn cầm một cái nữa mà sau này tôi mới biết đó là cái dọc tẩu. Nó là cái ống tròn mà dài, thấy thoáng nhƣ có khảm xà cừ và bịt bạc, bịt vàng gì đó. Cậu tôi nhƣ chào nhƣ không phải chào:

‖Anh Năm phải?‖

‖Dạ, lâu lắm, có thể quan lớn quên tôi.‖

Tôi nguyên đã cáo về rồi, cho nên dù có gặp một ngƣời khách mới vào hơi lạ nhƣ thế cũng cứ việc ra về. Không ngờ khi tôi ra khỏi cổng, lên đƣờng về mới một chặng, nghe có ngƣời chạy theo đằng sau gọi tôi đứng lại, thì ra là ngƣời thấy lúc nãy. Anh ta tự giới thiệu:

‖Tôi là Năm Chuột đây." Rồi đột ngột hỏi tôi:

"Nghe nói cậu đậu tú tài mà cậu khóc, có phải không? Giả sử cậu đƣợc đậu thủ khoa thì cậu làm nên cái trò trống gì?"

Một gáo nƣớc lạnh xối vào xƣơng sống! Tôi bẽn lẽn, ấp úng, cƣời hì hì không trả lời đƣợc. Bởi vì cái lẽ anh ta nói đó tôi cũng có nghĩ tới, nhƣng không đi thi thì thôi, đã đi thi thì lại muốn đậu to. Thế rồi Năm Chuột đi cùng đƣờng với tôi, vừa đi vừa nói chuyện.

Anh ta có đƣa cái dọc tẩu lên, nói với tôi:

"Ông cậu của cậu thật là keo quá, cái dọc tẩu thế này mà cầm trả có 5 đồng bạc.‖

"Hoặc giả cậu tôi không có nhiều tiền chăng?‖

Tôi nói cho có nói, chứ không có ý gì cả. Nhƣng anh ta cãi phăng:

"Quan lớn hồi xƣa (chỉ ông ngoại tôi) làm đến Tổng đốc Hà Nội vừa chi, mà không có tiền lợp nổi cái nhà của ông bà để lại đã tróc ngói; còn ông phủ (chỉ cậu tôi) mới làm Tri phủ có 3 năm về ‗chung dƣỡng‘, mua đƣợc những mƣơi mẫu ruộng, tôi biết là hạng đất tốt nhất, thế sao nói là không có nhiều tiền?‖

Tôi thấy cái điều anh ta nói đó hình nhƣ đúng, tôi làm thinh. Bỗng dƣng anh ta cất tiếng cƣời một cách rất xỏ lá, rồi nói tiếp:

"Ai có đời, cha chết vì đánh Tây mà con trở đi làm quan với Tây!‖

Nghe câu này tôi cảm động quá. Tôi không dám chống lại ý anh ta, chỉ nói nhƣ vớt vát một ít:

"Thấy bà ngoại tôi kể chuyện, lúc ông ngoại tôi mất rồi thì cảnh nhà sa sút quá đỗi, nếu cậu tôi không làm nhƣ thế thì đến lụn bại mất.‖

Anh ta bĩu môi, cái môi đã trề rồi, còn bĩu nữa, rất khó coi:

"Ra chỉ có làm quan mới cứu vãn đƣợc nghiệp nhà. Thế thì bao nhiêu ngƣời không làm quan, họ đều đi ăn mày hết.‖

Tôi lại làm thinh. Ngừng một lúc, anh ta nói tiếp:

"Hèn chi mà quan lớn chết ở Hà Nội năm Ngọ, năm Dậu thất thủ kinh đô, Nghĩa hội nổi lên đánh Tây, năm Hợi Tây kéo lên đóng đồn ở chùa Phi Phú, thì ông cậu của cậu đã làm bang tá trong cái đồn ấy. Để làm gì? Cậu có biết không? Để đàn áp Nghĩa hội.‖

Những chuyện ấy, thầy mẹ tôi có kể cho tôi nghe hồi còn nhỏ, tôi biết cả, nhƣng tảng lờ nói:

"Tháng tám năm Hợi, mẹ tôi mới đẻ tôi ra, tôi làm gì biết đƣợc những chuyện ấy?‖

Anh ta lại cƣời, nhƣng không xỏ lá, nhìn vào mặt tôi:

"Thấy ngƣời ta nói cậu thông minh, nói chuyện với cậu, tôi cũng thấy cậu thông minh thật.‖ Thình lình anh ta nhảy mũi dặp hai ba cái, lấy khăn lau nƣớc mũi, cả nƣớc mắt nữa, rồi nói thêm:

"Nhƣ tôi, (anh ta lấy tay phải ấn vào ngực) ghiền thuốc phiện cho đáng, chứ ông cậu của cậu mà cũng hút thì hết thảy những ngƣời nghiện chúng tôi đều phải lấy làm lạ.‖

"Sao vậy?‖

"Quan lớn hồi xƣa có cùng mấy ông em lập một bản gia ƣớc, trong đó có một điều cấm con cháu hút thuốc phiện, nếu phạm thì trừng trị bằng những cách nào đó. Thế mà dám phạm. Đủ biết con ngƣời của ông cậu của cậu là vậy đó: cái gì cũng làm nghịch lại với cha.‖

Cái gia ƣớc mà anh ta nói đây, tôi không hề biết, vì không hề nghe ai nói tới. Nhƣng tôi nghĩ, nếu đúng nhƣ thế, thì anh ta nói cũng có lý. Tôi lại làm thinh.

Đây đã đến chỗ con đƣờng rẽ vào nhà tôi, tôi đứng lại, nói mấy lời từ biệt. Năm Chuột nắm lấy tay tôi và nói:

"Tôi nói nãy giờ có làm mếch lòng cậu không? Ở đời có thiếu gì chuyện nói, hà tất tôi gặp cậu lần đầu phải nói để làm mếch lòng cậu, nhƣng tình cờ gặp câu chuyện đáng nói thì cứ nói.‖

Rồi anh ta tỏ ý mong gặp tôi lần khác.

Tôi vừa đi về nhà vừa nghĩ, ―à ra Năm Chuột là con ngƣời nhƣ thế đấy‖. Là một anh thợ bạc, sao lại nói đƣợc những điều nhƣ thế, tôi lấy làm lạ.

Tối hôm ấy, tôi đem cả câu chuyện Năm Chuột nói với tôi kể lại cho thầy tôi nghe. Thầy tôi bảo:

"Cái thằng láo đến thế là cùng!‖

"Nhƣng những điều hắn nói, con thấy nhƣ cũng có cái đúng.‖ Tôi rón rén thƣa lại.

"Đúng kia à? Mặc dầu đúng chăng nữa, cái hạng thằng Năm Chuột mà lại đƣợc nói thế à?‖

Thấy thầy tôi nói hơi xẵng, tôi làm thinh. Một chặp tôi mới dịu giọng hỏi:

"Cái gia ƣớc ông ngoại lập ra mà Năm Chuột nói đó, thầy có biết không?‖

"Tao không biết. Thấy nói sự cấm hút ấy ở nhà Đông bàn (nhà quan thƣợng Phạm Phú Thứ) thì có, còn nhà Xuân Tài, tao không nghe.‖

Đến lúc tắt đèn, đi ngủ rồi, thầy tôi còn nói một mình:

―Cái thằng láo quá!‖

Đó về sau hơn mƣời năm, tôi không gặp lại Năm Chuột lần nào. Chừng vào khoảng 1920, một lần tôi ở Hà Nội về nhà, thấy ngƣời ta nói Năm Chuột bây giờ lập gia đình ở ngụ tại làng tôi, tôi bỗng có cảm giác nhƣ là một vật gì mình đã bỏ quên đi mà bây giờ thấy lại. Làng tôi có một chỗ gọi là cồn Mũi gƣơm, có một vạt đất gọi là đất Chó ỉa, theo lời thì Năm Chuột đã xin làm cái túp tranh trên vạt đất ấy, và cƣới vợ là con gái quá lứa của một nhà có môn bài bán rƣợu và thuốc phiện cũng ở làng tôi. Hắn vẫn làm thợ bạc.

Một hôm tôi đến thăm, thấy trong nhà chỉ có một căn ván nhỏ, trên đặt cái bàn đèn, một cái buồng che phên tre, ngoài ra là cái lò bễ bạc để ngay chỗ cửa ra vào. Bấy giờ gần đến Tết, trời hơi lạnh, hắn ở trần, ngồi cạnh cái lò bễ đang hơ cả ngƣời trên lửa. Hắn xin lỗi tôi và nói: ―Ngƣời ta tắm bằng nƣớc, nhƣng tôi quanh năm tắm bằng lửa. Hơ thế này cho đổ mồ hôi ra, kỳ sạch ghét, thì cũng chẳng khác tắm bằng nƣớc.‖ Hắn mời tôi ngồi trên ván, tôi không ngồi, ngồi trên cái đòn kê đặt ở đất gần lò bễ, chỗ sắm cho bạn hàng ngồi xem hắn làm việc.

Anh ta không tắm nữa, mặc áo vào, cho than thêm vào lò bễ, bắc ấm nƣớc lên, rồi gọi vợ súc cái bình tích trà hãm đi, cho trà khác vào, pha nƣớc mời tôi uống và sƣởi lửa, cũng nói chuyện. Lần này anh ta gọi tôi bằng ông, nói rằng:

―Mƣời năm về trƣớc tôi mong lại gặp ông mà không đƣợc gặp, lần này gặp, tôi không có chuyện nói.‖

―Ông mà thiếu gì chuyện, nhƣ chuyện nói với tôi năm nọ khi đi đƣờng từ Xuân Đài đến Bảo An.‖

Anh ta đƣa tay lên khoát khoát, nói thật nhanh:

"Thôi thôi, đã lâu nay tôi không còn nói những chuyện nhƣ thế nữa. Nói không có ngƣời nghe mà còn có hại. Giá tôi còn cứ nói cái lối đó thì không thể nào lấy vợ và lập gia cƣ ở làng ông đƣợc.‖

Tôi nói:

―Đã thế thì đến phiên tôi. Trƣớc kia ông không sợ mếch lòng tôi, thì bây giờ tôi cũng không sợ mếch lòng ông mà hỏi ông một vài điều.‖

Anh ta cƣời một cách thẳng thắn.

―Đƣợc lắm, những nhà giàu làng tôi họ đều nói ông hay ăn cắp vàng nên họ không dám thuê ông làm cái gì hết, bây giờ ông vác lò bễ đến đây làm gì?‖

Anh ta lại cƣời, nói dằn từng tiếng:

―Sở dĩ tôi ở đây là vì có thể chữa đồng hồ, xe đạp, bút máy, khoá tây, nội những việc đó đủ cho tôi làm hàng ngày rồi, còn sự làm đồ vàng bạc thì chỉ thỉnh thoảng mới có.‖

―Nhƣng tôi muốn biết ông quả có ăn cắp vàng không? Và ăn cắp nhƣ thế nào?‖

Anh ta lại cƣời một cách xỏ lá:

―Thứ ăn cắp mà kể gì? Có những kẻ ăn cƣớp thì không ai nói đến. Tôi có ăn cắp vàng thật đấy, nhƣng cũng tuỳ chỗ tuỳ ngƣời, ở làng Bảo An đây thì tôi không thèm.‖

Rồi anh ta thuật lại chuyện ăn cắp vàng cho tôi nghe:

―Năm Thành Thái thập nhị, ông Nguyễn Hữu Thẳng làm Tổng đốc tỉnh ta, cô hầu ông ấy gọi là cô Hoá Mộc, tuy cô hầu mà oai quyền nhƣ bà lớn. Một hôm, tôi đƣợc trát đòi đến, lính bẩm báo rồi dắt vào nhà trong. Cô ta muốn tôi ở lại đây làm cho cô một đôi vòng chạm y nhƣ đôi cô có sẵn, và hỏi tôi có thể làm đƣợc không. Tôi nói ‗đƣợc‘, và xin cho xem đôi vòng chạm sẵn có của cô. Cô ta mở tủ lấy ra, toan trao cho tôi. Tôi có một vuông lụa trắng tinh khiết bỏ sẵn trong túi, bèn lấy lót trên bàn tay, rồi mới nhận lấy đôi vòng tự tay cô đặt lên vuông lụạ Tôi đem ra chỗ sáng, cô đi theo. Tôi nhắc nhắc xem thử đôi vòng nặng bao nhiêu, và cầm tuổi vàng cho thật đúng, ngắm xem những nét chạm cho thật đâu ra đó, còn vặn chỗ cái cổ ra coi thử có chữ hay dấu hiệu gì không. Xong rồi, tôi trả đôi vòng lại và nói: ‗Bẩm bà lớn, đôi vòng này khéo lắm, chỗ cổ vặn ra vặn vô của nó có khắc cái chữ, bà lớn có để ý không?‘ Cô ta nói: ‗Tôi biết, nó là chữ ngọc‘. Tôi nói: ‗Con có thể làm đúng y nhƣ thế, nhƣng hôm nay con có việc riêng, không ở lại đƣợc, mƣời ngày nữa con xin đến làm hầu bà lớn, không dám sai hẹn‘. Cô ta đồng ý."

Nói đến đây, anh ta nổi ngáp một ngoi đôi ba cái, rồi xin lỗi tôi cho lên ván đốt đèn hút mấy điếu, và mời tôi nằm đối diện nghe nói tiếp.

―Tôi về nhà, cầy cục làm mất sáu bảy ngày mới xong một đôi vòng cốt giả mạ vàng. Đáng lẽ làm bằng đồng thì đƣợc lợi nhiều hơn nhƣng vì có chạm phải làm bằng bạc. Thành khi rồi, xem tuổi vàng nét chạm cho đến cái chữ ở trong đều y hệt nhƣ đôi vòng của cô Hoá Mộc, đem mà đánh tráo, có thánh cũng không biết…‖

Tôi ngắt:

―Đành rằng ông làm một cái rất giống, còn nhƣ đồng cân của đôi vòng, tức là sức nặng của nó, ông biết là bao nhiêu mà làm cho đúng đƣợc?‖

"Ấy thế mới là tài." Anh ta cƣời híp mắt mà không ra tiếng. "Chính ăn ngƣời là ở chỗ đó. Bất kỳ thử kim khí gì, tôi nhắc nhắc trên tay khắc biết đồng cân của nó đúng không sai. Chẳng tin, ông tháo cái dây chuyền đồng hồ đƣa đây xem.‖

Tôi tháo ngay cái dây chuyền để trƣớc mặt anh ta. Kéo xong điếu thuốc anh ta đằng hắng một cái, ngồi dậy, cầm dây chuyền trên nhắc nhắc một cái rồi đứng dậy đi lấy cái cân tiểu ly đƣa cho tôi, nói quả quyết:

―Ông biết mặt cân chứ? Cân xem. Cái dây chuyền này nếu nó là vàng thì nó nặng hơn, nhƣng nó là đồng mạ vàng cho nên nó chỉ có ba chỉ tám.‖

Tôi cân, quả thật, ba chỉ tám hơi yếu một chút, song đem vào chỗ ba chỉ thì hơi vát. Tôi kêu lên: ―Thế thì tài thật. Xin chịu.‖ Anh ta lại nói:

―Còn một chỗ bí quyết nữa. Ông biết, vàng nặng hơn các thứ kim khí khác, nghĩa là vàng, bạc, đồng, chì cùng một thể tích thì lƣợng của vàng phải nhiều hơn. Vậy thì mình muốn cho đồng cân của đôi vòng giả bằng đôi vòng thật, mà cái vóc của nó cũng chỉ bằng đôi vòng thật, không to hơn, thế mới là khó. Nhƣng cái đó có thực hành mới cắt nghĩa đƣợc, nói bằng miệng sợ ông cũng không hiểu.‖

Nghỉ một lát anh ta kể tiếp đến cuộc đánh tráo:

―Đúng mƣời ngày tôi lại đến. Hai bên thoả thuận với nhau về điều kiện làm việc rồi, cô ta mở tủ lấy đôi vòng và vàng diệp ra đặt trên sạp, rồi gọi tôi đến đứng bên cạnh xem cô cân. Cân đôi vòng nặng một lạng hai - tôi chắc dạ lắm, vì đôi vòng giả của tôi cũng đúng một lạng hai - cho nhích một chút, định giao cả cho tôi. Tôi chƣa nhận, xin cho xem đôi vòng đã. Cô ta đứng dậy cầm bó vàng diệp cả chỗ một lạng hai cất vào tủ. Trong lúc đó tôi lấy đôi vòng giả ra đặt trên bàn tay trái, đậy vuông lụa trắng lên trên. Khi cô ta quay ra đƣa đôi vòng cho tôi, tôi chìa bàn tay có vuông lụa trắng ra nhận lấy cũng nhƣ lần trƣớc. Tôi đi ra chỗ sáng ngồi xuống làm bộ xem lại đôi vòng, cô ta cũng đi theo. Xem xong tôi đứng lên. Cô ta sấp lƣng đi về chỗ sập. Tôi đi sau, lật cả vòng và vuông lụa từ bàn tay trái qua bàn tay phải, thành ra đôi vòng giả nằm trên, cứ thế mà trả lại cho cô ta, và tôi gấp nhanh vuông lụa có đôi vòng thật ở trong mà bỏ vào túi. Cô ta hỏi: ‗Chứ chú thợ không giữ lấy để làm mẫu à?‘. Tôi nói: ‗Bẩm bà lớn, con xem hai lần nhƣ thế đủ rồi, xin bảo đảm làm thật đúng‘. Cô ta khen: ‗Hèn chi mà nổi tiếng là thợ khéo. Tôi nhờ ông Phủ Điện viết trát đòi chú là vì có bà Phủ mách miệng‘. Bấy giờ chừng mƣời giờ sáng, tôi xin đi ra mua thuốc phiện rồi trở lại nhận vàng diệp bắt đầu làm. Ra đến chợ Vĩnh Điện, tôi đem đôi vòng chạm vàng mƣời chính hiệu của bà lớn gửi cho một ngƣời anh em đồng đạo. Tôi không quên câu tục ngữ: ‗Có gian phải có ngoan‘.‖

―Ông ăn cắp chỉ có thế, hay là lúc trở lại làm còn ăn cắp nữa?‖ Tôi hỏi.

―Không, tôi dại gì mà ăn cắp nữa. Trong những ngày làm, cô ta ngồi giữ một bên, không phải vì thế mà tôi không ăn cắp đƣợc, có điều tôi đã định bụng không ăn cắp. Khi làm xong, tôi hỏi muốn khắc chữ gì. Cô ta ngẫm nghĩ rồi bảo: ‗Tôi là ngƣời Hoá Mộc, khắc chữ mộc cho tôi‘. Tôi khôn ở chỗ đó. Bởi vì hai đôi vòng giống nhau nhƣ hệt, có khắc chữ khác nhau để làm dấu thì mai sau đôi giả có xì ra, hắn mới không có thể ngờ đƣợc là đôi do tay tôi làm. Cho đến bây giờ tôi cũng còn ân hận là, nhƣ thế, sẽ làm cho ông bạn đồng nghiệp nào của tôi đã làm cho hắn đôi vòng thật đó hoá ra là ngƣời bất lƣơng thiện, nhƣng ông tính, đã giết ngƣời ai còn gớm chảy máu!‖

―Ông làm cái việc nhƣ thế có nhiều lần không?‖

―Kể ra cũng không ít. Nhƣng tôi đều ăn cắp ở bọn ăn cƣớp nhƣ Tổng đốc, Bố chánh, Án sát, Phủ, Huyện, chính cái bà Phủ nói lúc nãy đã mất với tôi mấy lạng vàng mà không biết, đi mách miệng cho ngƣời khác. Những việc nhƣ thế tôi cũng chẳng giấu, cứ hay đem nói với ngƣời ta cũng nhƣ nói với ông đây, cho nên mang tiếng, chứ thuở nay đã có ai bắt đƣợc tôi ăn cắp đâu.‖

Hỏi đến sự đúc súng, làm bạc giả, anh ta bảo:

―Ta có nấu sắt đƣợc đâu mà đúc súng? Nhƣng chữa súng thì có. Hồi tôi ở Đà Nẵng, các thứ súng liệt máy của Tây thƣờng đem thuê tôi sửa. Bạc giả thì tôi có làm, nhƣng tính ra không có lợi gì mấy, về sau tôi không làm nữa.‖

Năm Chuột còn nói cho tôi nghe về tính chất của các thứ loài kim và phép hợp kim, nhƣ đồng và kẽm, mỗi thứ bao nhiêu, hợp nhau thành ra thứ gì, đồng và thiếc bao nhiêu, hợp nhau thì thành ra thứ gì, nghe ra thông thạo nhƣ ngƣời có học chuyên môn. Tôi lấy làm lạ bèn hỏi:

―Ông có học với thầy nào mà biết đƣợc những điều ấy là những điều mà các thợ bạc khác hầu nhƣ không biết?‖

Anh ta vùng ngồi dậy, cƣời, ra điều đắc ý, vỗ vào đùi tôi:

―Xƣa nay mới có một ngƣời hỏi tôi câu ấy, là ông! Tôi chẳng học với thầy nào hết, tôi chỉ đọc có một cuốn sách là cuốn Kim thạch chí biệt.‖

Tôi sửng sốt, nghĩ bụng: té ra anh này còn biết chữ nữa kìa. Cái tên sách ấy tôi chƣa hề nghe, cũng không dám ngờ là anh ta bịa đặt. Một hôm khác tôi hỏi thầy tôi có biết cuốn Kim thạch chí biệt không, thầy tôi cũng chịu không biết, và hỏi tôi nghe ở đâu, tôi kiếm đƣờng nói trớ, chứ không dám nói nghe ở Năm Chuột. Cho mãi đến gần nay, đọc Lỗ Tấn toàn tập, tôi mới thấy trong đó có nhắc đến tên cuốn sách ấy. Tôi nghĩ mà lấy làm thẹn, sao mình đã không biết mà lúc bấy giờ không hỏi ngay anh ta, chỉ vì nghĩ mình là ngƣời học thức viết báo viết biếc, mà tỏ cái dốt trƣớc mặt một anh thợ bạc thì ê quá.

Đó về sau mấy năm, mỗi năm tôi ở Hà Nội hoặc Sài Gòn về thăm nhà, đều có đến với anh ta. Anh ta còn in trong đầu tôi mấy câu chuyện lý thú và bất ngờ nữa.

Năm Chuột từng nói với tôi rằng từ rày anh ta không nói những chuyện nhƣ đã phê bình cậu tôi một cách không nể nang, nhƣng rồi lại chứng nào tật ấy, vẫn không cải nết.

Một lần, phê bình nhân vật làng tôi, anh ta chê ông Tú nọ dốt, ông Bá kia keo kiệt, cuối cùng anh ta nói: ―Tôi chỉ phục có hai ngƣời, một là ông Biện Chín, một là ông Tám Thứ.‖

Ông Tám Thứ, ngƣời Minh hƣơng, ở ngụ làng tôi, nghèo chuyên nghề làm thuốc, ít hay giao du với ai, tôi không biết ông ta cho lắm. Còn ông Biện Chín, tên thật là Phan Định, chú ruột tôi, cha của Phan Thanh, Phan Bôi. Chú tôi là dân tráng, nghèo, cố gắng lắm mới cho con đi học đƣợc, nhƣng đúng là ngƣời cần kiệm liêm chính lại khẳng khái nữa, chính tôi, tôi cũng phục chú tôi mà sợ thầy tôi. Tôi không tham gia ý kiến gì, chứ ngấm ngầm chịu anh ta là biết ngƣời, phê bình đúng. Nhƣng, trƣớc mặt tôi mà nói nhƣ thế, tôi ngờ anh ta có ngụ một thâm ý, là anh ta không phục thầy tôi. Thầy tôi đã

đỗ đại khoa, làm quan, bỏ quan về ở làng, cầm cân nẩy mực cho cả làng, cả tổng, không có mang tai mang tiếng gì, nếu anh ta không lấy làm đáng phục, chắc anh ta thấy về khía cạnh nào đó. Từ đó tôi đâm ra áy náy, hoặc giả cha mình cũng có khuyết điểm gì nhƣ cậu mình, làm cho ngƣời ngoài phi nghị mà mình không biết chăng. Tôi có đem hỏi chú tôi và thuật lại lời Năm Chuột khen phục chú, thì chú tôi trách tôi sao lại đi nghe chuyện của Năm Chuột. Thì ra chú tôi cũng có thành kiến đối với Năm Chuột nhƣ thầy tôi, nhƣ những ngƣời làng.

Lần khác, bỗng dƣng anh ta hỏi tôi:

―Quan lớn nhà ta (chỉ thầy tôi) sao lại không làm quan nữa? Ông có nhớ lúc ngài bỏ quan mà về là bao nhiêu tuổi không?‖

Tôi lấy làm lạ sao hắn lại hỏi mình điều ấy. Song cũng cứ theo mình biết mà trả lời:

―Thầy tôi tuổi Tuất, cái năm cáo bệnh mà về là năm Kỷ Hợi, mới có ba mƣơi tám tuổi. Sở dĩ không làm quan nữa, có lẽ là tại không chịu làm với Tây.‖

Cho đến lúc tôi ngoài hai mƣơi tuổi, thầy tôi vẫn coi tôi nhƣ trẻ con, những việc nhƣ thế chƣa hề đem nói với tôi. Có điều một đôi khi tôi nghe thoảng qua dƣ luận bên ngoài, nhất là lúc ở Hải Phòng gặp Lê Bá Cử, ông ấy có kể cho tôi nghe khi ông làm phán sự toà án Nha Trang, thầy tôi làm tri phủ, có lần cãi nhau kịch liệt với viên công sứ, chính ông đứng làm thông ngôn, thì tóm tắt mà trả lời nhƣ vậy. Nhƣng Năm Chuột hỏi vặn tôi một câu rất oái ăm:

―Ở làng này còn có hai ông nữa đều làm đến tri huyện, đều bỏ quan mà về trƣớc tuổi hƣu trí, vậy thì ông cũng cho rằng hai ông ấy cũng không chịu làm quan với Tây hay sao?‖

"Thằng cha khó chịu thật‖, tôi nghĩ bụng. Không biết đối đáp thế nào với hắn, tôi phải nói một câu mà tự mình cũng thấy là non nớt quá:

―Việc hai ông ấy thì tôi không biết.‖

Anh ta vẫn cƣời cái lối xỏ lá rất khả ố. Ngớt cơn cƣời mới bình tĩnh nói:

―Tôi cũng có nghe và biết về chánh tích và nhân phẩm của quan lớn nhà ta, nhƣng tôi lại có một sở kiến khác, nói ra, ông đừng tƣởng tôi cố ý làm đôi vòng thật thành ra đôi vòng giả thì tôi mới nói.‖

―Thì ông cứ nói đi.‖

―Làng Bảo An, ngƣời ta nói, không có đất phát quan lớn, mà kinh nghiệm xƣa nay rành rành nhƣ thế. Từ trƣớc bao nhiêu ông làm đến tứ phẩm trở lên đều bị cách tuột hết. Cho nên Đồng Khánh, Thành Thái đến giờ, ông nào cũng làm đến phủ huyện rồi kiếm cách từ chức mà về. Nếu nói không chịu làm quan với Tây thì không làm từ đầu, chứ không có lẽ lúc mới ra làm, không biết rằng mình sẽ làm với Tây. Hai ông huyện kia cầy cục mãi đến ngoài bốn năm mƣơi tuổi mới về, còn quan lớn nhà ta về sớm là vì mới 38 tuổi đã làm Tri phủ.‖

Tôi làm nhƣ không để ý gật gật nhìn anh ta, kỳ thực tôi cho là cái sở kiến của anh ta đó, không biết chừng, là độc đáö. Làng tôi, tây giáp làng Đông Mỹ, đông giáp làng Xuân Đài, hai làng này đều có Tổng đốc, mà làng tôi, thi đỗ thì đông, đại khoa cũng có, nhƣng không có quan to. Thuở Tự Đức ông Nguyễn Duy Tự, làm đến Phủ doãn Thừa Thiên, ông nội tôi làm đến Án sát Khánh Hoà, cũng đều bị cách. Tôi không tin phong thuỷ, nhƣng đó là sự thực. Hoặc giả các ông quan làng tôi, trong đó có thầy tôi, thấy thế mà sợ, làm đến phủ huyện lo rút lui cũng nên. Huống chi cái luận chứng của Năm Chuột rõ ràng mà đanh thép lắm, tôi bấy lâu trau dồi cái đức tính ngay thực của ngƣời viết báo, tôi không thể cãi chày cãi cối đƣợc.

Tôi thấy chắc chắn lắm, vì tôi biết chịu chuyện cho nên anh ta thích nói chuyện với tôi, còn anh ta, hay nói cái lối móc ruột móc gan ngƣời ta nhƣ thế, cho nên họ mắng anh ta là nói láo nói phét. Có một sự rất lạ. Một lần tôi đến chơi, vẫn ngồi trên đòn kê xem anh ta làm việc, liếc thấy trong cái thùng đựng đồ nghề có quyển sách, tôi thò tay lấy xem, thì là một cuốn Thương Sơn thi tập không có bìa, đã xé mất nhiều trang. Tôi hỏi:

―Ông cũng có sách này à? Nó là một bộ đến mƣời cuốn, sao ở đây chỉ còn một cuốn?‖

―Tôi có mà tôi xé để quấn thuốc lá hết, chỉ còn một cuốn, bởi vì in bằng giấy quyến, quấn thuốc tốt lắm.‖

―Ông có xem qua chứ?‖

―Thơ của ông Hoàng mình xem thế nào đƣợc? Tôi chỉ xem đƣợc có mỗi một bài ‗Mại trúc diêu‘.‖

Tôi phát lạnh ngƣời. Tôi có đọc thơ Thƣơng Sơn rồi, tôi cũng không thích, nhƣng cái bài ―Mại trúc diêu‖ là bài thế nào, tôi có biết đâu? Chỉ vì dấu dốt, tôi lại cứ làm thinh, không hỏi anh ta.

Về nhà, tối hôm ấy, tôi lật bộ thơ Thƣơng Sơn ra tìm, tìm đƣợc bài ―Mại trúc diêu‖. Về sau, tôi dịch ra đăng báo Phụ nữ Tân văn, sau nữa, đem in trong Chương Dân thi thoại. Lục ra đây để bạn đọc thƣởng thức cái mức thƣởng thức văn học của anh thợ bạc:

Bài hát bán tre

Ngày đốn hai cây trúc

Bán đi để dằn bụng

Trong cửa tre đầy kho

Ngoài cửa tiền chẳng cho

Không nói thì cũng khổ

Nói thì roi dài sẽ quật chú Rày về sau đừng đốn tre nữa Đói nằm trong tre chết cũng đủ!

Từ khi biết Năm Chuột có biết chữ Hán nhiều, xem sách xem thơ đƣợc rồi, tôi có lúc đem văn học nói với anh ta, anh ta chỉ nghe và hỏi chứ không tỏ ý kiến. Tôi có ý trách. Anh ta giải thích thế này: ―Người ta, cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói, tôi không nói chuyện văn chương chữ nghĩa với ông, cũng như ông không dạy nghề làm thợ bạc cho tôi.‖

Anh ta làm thợ bạc, nhƣng cũng kiêm luôn thợ rèn nữa mà là thợ rèn rất khéo. Những dụng cụ của anh ta nhƣ cái kìm, cái búa, cái kéo, anh ta đều đi đến lò bễ rèn, ngồi mà tự đánh lấy. Cái đó thì ở làng tôi có nhiều ngƣời biết, cái kìm của anh ta đánh, ai cũng chịu là không kém của Tây.

Năm 1944, tôi ở Hà Nội, về nhà đƣợc mấy hôm thì thầy tôi mất. Làm đám xong, tôi ở luôn trong nhà ba bốn tháng không ra khỏi cổng. Buồn quá, một hôm tôi đi tìm anh ta. Đến nơi, cái túp tranh không có nữa. Hỏi thì ngƣời ta nói Năm Chuột dọn đi đâu đã lâu rồi. Từ đó tôi mất Năm Chuột của tôi.

Một lần, trƣớc mặt ông Tú già, anh Giáp trong làng gọi Năm Chuột bằng ông, ông Tú già đập bàn quở: ―Mầy gọi thằng Năm Chuột bằng ông, thì gọi tao bằng gì?‖ Tôi nghe mà tức mình, cho nên bài này, tôi nêu đầu đề là ―Ông Năm Chuột‖.

PHAN KHÔI

\*

Nắng chiều

Lời soạn giả: Nắng chiều là tên một tập sách cụ Phan mới viết gần đây, nhưng vì chính quyền miền Bắc cấm, không cho phép xuất bản nên chúng tôi không thể nào kiếm được bản chính. May nhờ có bài đả kích cuốn sách ấy đăng trong báo Văn nghệ số 15, xuất bản trong tháng 8-1958, nên chúng ta có thể biết những nét chính về tác phẩm sau cùng của cụ Phan. Chúng tôi xin trích nguyên văn bài báo đả kích để tạm thời thay thế cho bản chính không có.

Tư tưởng phản động trong sáng tác của Phan Khôi

Tháng 12-1957, Phan Khôi đƣa đến nhà xuất bản Hội Nhà văn một xấp bản thảo dày, bên ngoài đề hai chữ Nắng chiều. Cái nhan đề gợi nhiều man mác bâng khuâng ấy, chứa đựng bên trong một nội dung gì? Ngƣời có thể nghĩ rằng đây là kết quả sáng tác vào những ngày gần cuối, lúc tuổi trời đã xế của Phan Khôi. Nó gồm nhiều bài bút ký, tạp văn viết từ đầu kháng chiến ở Việt Bắc đến hoà bình lập lại, và mấy bài viết sau khi về thủ đô.

Vào đầu, Phan Khôi ghi lại đời sống của những ngƣời nuôi vịt, cách chăm, cách lấy trứng v.v... gọi theo tiếng miền Nam là "Cầm vịt". Cuộc sống phiêu lƣu, nay ở vùng này mai ở vùng khác, chủ cũng nhƣ ngƣời làm công, đều làm lụng cực khổ nhƣ nhau, ăn uống có thịt gà nhƣ nhau, không có chi là phân biệt đối xử, không ai bóc lột ai cả.

"Tôi thấy làm cái nghề này tuy vất vả mà ăn ở như thế thì đầy đủ lắm, giữa chủ và bạn cũng không có chi khác nhau. Ông chủ nói rằng nếu không thế thì không thuê được người, chẳng những phải trả tiền thuê mỗi tháng mà cuối mùa còn phải chia hoa hồng cho anh em nữa, vì thế, tuy được lãi nhiều mà vào tay người chủ không còn mấy."

Quả nhƣ thế, thì xã hội này, vấn đề đấu tranh giai cấp, quan hệ giữa kẻ bóc lột và ngƣời bị bóc lột, quan hệ giữa chủ và ngƣời làm công đặt ra cho có chuyện chăng? Chủ và khách quí và ngƣời làm công cùng ngồi uống chè Tân Cƣơng, mua tận bên Thái, nói chuyện tự do mang sẵn gà theo để thay đổi thức ăn cho ngƣời làm công khỏi chán, chẳng những trả tiền công mỗi tháng mà cuối mùa còn chi hoa hồng cho ngƣời làm công: "Tuy được lãi nhiều mà vào tay người chủ không còn mấy". Ở ngay bài đầu Phan Khôi muốn đặt một vấn đề gì? Phải chăng, Phan Khôi muốn đánh vào một vấn đề căn bản của chủ nghĩa Mác Lê-nin? Xã hội không có đấu tranh giai cấp, không có chuyện ai bóc lột sức lao động của ai cả.

Tiếp theo là bài ―Tiếng chim‖. Phan Khôi dẫn ra một số chuyện cổ tích về một vài giống chim ở Việt Bắc, hình dáng, tiếng kêu của nó v.v... Trong đó phần chính nói về con quạ. Ở một đoạn Phan Khôi viết:

"Một lần ở Cẩn Nhân, tôi ngồi nơi nhà sàn, thấy hai con quạ rình bắt gà con, một con bắt được bay ra đứng ở bờ ruộng, xé con gà ra ăn; còn con kia bị gà mẹ chống cự, bắt không được cũng bay đi tuốt, nó không hề nói: „Mầy phải cho tao với!‘." Vấn đề thứ nhất Phan Khôi đặt ra là không có ngƣời bóc lột ngƣời. Vấn đề thứ hai là của ai ngƣời nấy ăn. Cho đến thứ quạ kia còn biết giành giật cái miếng không phải của nó là không ổn, và không hề nói: "Mày phải chia cho tao với". Phan Khôi mỉa mai, xuyên tạc vấn đề đấu tranh giai cấp là một sự đòi chia phần của kẻ khác.

Đến bài ―Cây Cộng sản‖. Bài này đã lột trần ra tƣ tƣởng chống cộng của Phan Khôi. Nhân đây, tôi cũng xin nhắc lại để thấy rõ rằng đó là một tƣ tƣởng phản động có hệ thống của Phan Khôi, chứ không phải là bất mãn, hằn học với một vài cá nhân lãnh đạo sai lầm nhƣ có ngƣời lầm tƣởng. Phan Khôi trƣớc kia đã từng viết báo khinh miệt chế giễu "phong trào cộng sản giống như đống lửa rơm" và đã cho Sô-viết Nghệ An là "cái loạn cộng sản". Sau Cải cách ruộng đất, lúc cán bộ ta đang tích cực sửa chữa những sai lầm khuyết điểm thì lúc nào gặp đồng bọn, Phan Khôi cũng hỏi: "Tình hình thế nào? Có chuyện gì lạ không?". Rồi cả bọn tranh nhau nói xấu Cải cách ruộng đất, và mong cho ta đừng sửa sai đƣợc. Phan Khôi lần nào nghe xong cũng cƣời thích chí. Y đọc ngay hai câu ca dao: "Bao giờ có được tự do/ Ngày nay Đảng đã thay vua trị vì" và nói là của đồng bào đâu trong Khu Tƣ.

Một lần, ở nhà Minh Đức, trong một cuộc họp bàn bạc để in một số thơ giữa bọn chúng với nhau, Phan Khôi khoe rằng mới sƣu tầm hai câu ca dao nữa: "Cộng sản ở tại nƣớc Nga/ Chính danh thủ phạm tên là Lê-nin". Liền lúc ấy, bọn họ làm một bài thơ "kịp thời" tên là cây cau, khen Phan Khôi ngƣời "trung thực, tiết tháo" thẳng nhƣ cây cau, càng già càng cứng, giông bão chỉ làm cong thôi chứ không thể bẻ gẫy đƣợc.

Trở lại bài ―Cây Cộng sản‖, ngay câu đầu, Phan Khôi đã chỉ ngay vào Việt Bắc, quê hƣơng cách mạng:

"Có một thứ thực vật nữa cũng như sen Nhật bản, ở xứ ta trước kia không có mà bây giờ có rất nhiều. Đâu thì tôi chưa thấy, chỉ thấy trong mấy tỉnh Việt Bắc, không chỗ nào là không có."

Đầu tiên, Phan Khôi thấy nó rải rác mấy nơi ở tỉnh Phú Thọ, và nhiều nhất là ở Thái Nguyên và Tuyên Quang. Nó mọc trên thị trấn bị ta phá hoại "nhƣ rừng, ken kít nhau". Nơi gọi là ―Cỏ Bù-xít‖ vì nó có mùi hôi nhƣ con bọ xít, nơi gọi là ―Cây Cứt lợn‖, nơi gọi là ―Cây Chó đẻ". Tên đều không nhã tí nào hết, thứ cây ấy những ngƣời có học không gọi bằng Cây Cứt lợn dại, mà gọi bằng Cây Cộng sản. Phan Khôi bịa rằng trƣớc kia xứ ta không có cây này (cứt lợn dại), ngƣời Pháp mang đến trồng ở các đồn điền cà phê, cao su, để che đất cho mát gốc.

"Không mấy lâu rồi nó mọc đầy cả đồn điền, trừ khử không hết được, nó lan tràn ra ngoài đồn điền. Cái tình trạng ấy bắt đầu có trong những năm 1930-1931 đồng thời với Đông Dương Cộng sản Đảng bắt đầu hoạt động, phong trào cộng sản cũng lan tràn nhanh chóng như thứ cây ấy, cũng không trừ khử được như thứ cây ấy cho nên bọn Tây đồn điền đặt tên nó là "herbe communiste" , đáng lẽ dịch là Cỏ Cộng sản, nhưng nhiều người gọi là Cây Cộng sản. Nó còn một tên nữa rất lạ...‖

Phan Khôi bịa ra rằng y gặp một ông già ngƣời Thổ:

"Hỏi ông tên nó là cây gì, ông nói tên nó là "Cỏ cụ Hồ". Thứ cỏ này trước kia ở đây không có, từ ngày cụ Hồ về đây lãnh đạo cách mạng, thì thấy thứ cỏ ấy mọc lên, không mấy lúc mà đầy cả đường xá đồi đống, người ta không biết tên nó là gì, thấy nó cùng một lúc với cụ Hồ về thì gọi nó như vậy."

Tại sao Phan Khôi đem Cây Cứt lợn, cũng gọi là Chó đẻ, là Bọ xít, "toàn những tên không nhã tí nào hết" để gọi nó là Cây Cộng sản, và Cỏ cụ Hồ? Cái con ngƣời vẫn tự cho mình là học giả, bản chất phản phúc, con ngƣời đã đƣa ra thứ triết lý "con chó thì phải ăn cứt" thì việc mƣợn tên xấu của một giống cây cỏ, để xỏ xiên nói móc chửi cạnh chửi khoé cộng sản là cái sở trƣờng của y!

Phần thứ hai là tạp văn, ngoài đầu, Phan Khôi có viết:

"Cả hai phần đều có một ít bài mà mấy người đọc qua, cho là giống như truyện ngắn. Nếu có vậy nữa thì tôi cũng không biết làm sao được. Tôi chỉ ghi chép sự thực chứ không hề viết tiểu thuyết.‖

"Sự thực" mà Phan Khôi ghi chép, là những sự thực gì? Là những "sự thực" kiểu Năm Chuột.

Mở đầu phần này là "Thái Văn Thu", Thái Văn Thu là tên một thằng ăn trộm trùng tên với một nhân vật trong Thuỷ hử, mà Phan Khôi quen biết và kính phục hắn đã lâu, nay mới có dịp chép lại…

Phan Khôi kể lúc y "bị tù Văn Thân" bọn Pháp có đƣa vào giam chung một anh có tƣớng học trò - can vào tội ăn trộm của Tây.

"Theo lời Thu thì nhà hắn cũng đủ ăn, hắn đi ăn trộm không phải vì túng thiếu mà không muốn làm nghề gì hết. Cái nhân sinh quan hắn đại khái là người annam phải làm giặc, đánh Tây mà không làm được, thì đi ăn trộm, ăn trộm của Tây."

Có phải đó chính là nhân sinh quan, tƣ tƣởng của Phan Khôi đã bộc lộ trân tráo nhƣ trên kia chăng? Phan Khôi còn mƣợn lời Thu để phê bình Phan Chu Trinh, bảo cụ đi sai đƣờng, "nói phải, nói không với Tây làm chi, đƣa điều trần cho Toàn quyền làm chi để bây giờ nó đày đi Côn Đảo?". Và cũng mƣợn lời Thu để Phan Khôi tỏ rõ quan điểm của y từ trƣớc đến nay không tán thành sự đấu tranh chống Pháp. Thu tủm tỉm cƣời nói về chúng tôi: "Các thầy cũng vậy. Giá nhƣ Thu này ở tù cho đáng, các thầy ở tù không đáng". Thu kể một vụ ăn trộm ở nhà Tây và biểu diễn vài môn nghề khiến Phan Khôi rất phục. Sau đó, nhân một trận bão, tù phá ngục ra. Có trát sức nã, đặc biệt là nghiêm nã Thái Văn Thu, tên cầm đầu. "Nhưng có người nói với tôi, có phải phá ngục gì đâu, bão từ sáng đến chiều, không đưa cơm vào, đói thì họ mở cửa họ ra, chứ có phá phách gì?‖

Phan Khôi viết truyện này với một thâm ý gì? Chúng ta cứ liên hệ đến tình hình văn nghệ sau lớp học 18 ngày, sẽ thấy Phan Khôi hiện lên nguyên hình trong Thái Văn Thu.

"Khi gió càng ngày càng to, quá giờ ăn đã lâu rồi mà cơm không có. Thu đứng ra diễn thuyết bảo anh em cứ đi ra. Không tội chi mà nhịn đói. Rồi tự tay lấy chìa khoá mở cửa, đội đề lao và lính canh không dám cản lại, cả mấy trăm người đều đi theo Thu đi ra hết.‖

Nhân lúc Cải cách mắc sai lầm nghiêm trọng, cán bộ ta đang tích cực sửa sai thì, trong giới văn nghệ, bọn đầu cơ Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi đứng lên đả vào lãnh đạo văn nghệ. Trong cuộc họp tổng kết lớp 18 ngày Phan Khôi đứng lên phản đối đồng chí Tố Hữu và sau đó Phan Khôi cùng một nhóm Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt v.v... tập họp lại ra báo Nhân văn.

Chính Hoàng Cầm đã tự thú: Ban đầu Phan Khôi định đặt tên báo là Cái chổi, là Thượng vàng hạ cám đều không ổn... tên Nhân văn là do Nguyễn Hữu Đang tìm ra sau. Phan Khôi nói rằng: "Nếu chỉ ra báo văn nghệ không thì hẹp lắm. Bây giờ nhiều vấn đề lắm. Phải làm báo văn hoá xã hội. Tôi còn gọi là chính trị nữa. Tôi sẽ còn nói về nhiều vấn đề thế giới…‖ Xƣa nay, Phan Khôi vẫn lấy làm ngông nghênh khoái trá ở chỗ hắn xỏ xiên, nói móc nói cạnh ta mà ta không làm gì đƣợc hắn: "Ăn trộm, không bắt đƣợc, mọi ngƣời biết cả nên cũng không giấu."

Báo Nhân văn bị quần chúng phản đối, công nhân không in, mọi ngƣời yêu cầu chính phủ phải đóng cửa để ngăn chặn sự nguy hại của nó. Bọn Nhân văn đã rêu rao lúc bấy giờ: "Gọi cả làng ra đánh một con chuột", "Giết con chim sẻ không cần dùng đến dao mổ trâu", "Ăn cƣớp chỉ đông ngƣời vào hùa với nhau, ỷ thế đánh ngƣời lấy của, là khiếp nhƣợc". Phan Khôi đã gọi phong trào Sô-viết Nghệ An là "cái loạn cộng sản", đã nói rằng: "Chính danh thủ phạm tên là Lê-nin" cũng là những ngƣời làm loạn lớn mà kết tội hắn là một ngƣời loạn nhỏ.

Viết bài này, Phan Khôi đã hiện nguyên hình trong tên ăn trộm Thái Văn Thu mà y hết sức tán dƣơng, đề cao. Cũng nhƣ kế đó là bài "Ông Năm Chuột". Phan Khôi mƣợn lời xảo hoạt, ranh vặt của một tên thợ bạc gian hùng nghiện ngập để đòi trả văn nghệ cho văn nghệ, trả chuyên môn cho chuyên môn. Văn nghệ chuyên môn phải tách rời chính trị. Bọn phá hoại tờ-rốt-kít Trƣơng Tửu, Trần Đức Thảo, bọn Nguyễn Hữu Đang và Phan Khôi cùng bè lũ chống Đảng đã hợp xƣớng điệp khúc của Năm Chuột:

"Người ta cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói. Tôi không nói chuyện văn chương chữ nghĩa với ông cũng như ông không dạy nghề làm thợ bạc cho tôi."

Truyện thứ ba là ―Chuyện ba ông vua Kiền Long, Quang Trung và Chiêu Thống‖.

Trƣớc kia, lúc chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, quân Nhật vào Đông Dƣơng, chủ nghĩa phát-xít vƣơn móng sắt ra để doạ nhân dân ta, Đảng Cộng sản đã kêu gọi mọi ngƣời chống Pháp đuổi Nhật, dùng những gƣơng anh hùng liệt nữ xƣa động viên lòng ái quốc của đồng bào, thì bọn tờ-rốt-kít cũng đã giở cái thủ đoạn của Phan Khôi ngày nay là xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ Hai Bà Trƣng, cho rằng Hai Bà Trƣng chống phong kiến Trung Quốc cũng nhƣ Trung Quốc chống Nhật bây giờ là trái qui luật tiến hoá của loài ngƣời... Và đƣa luận điệu "Nhật không vào Đông Dƣơng" để làm lạc hƣớng đấu tranh của nhân dân v.v... Phan Khôi đƣa ra chuyện "Ba ông vua" này nhằm xuyên tạc và đả vào tình đoàn kết quốc tế, tình hữu ái giai cấp của nhân dân ta và Trung Quốc, theo đúng cái hƣớng đả vào Liên-sô, Trung Quốc của đế quốc Mỹ và Ngô Đình Diệm hiện nay. Đây là bài dài nhất trong toàn tập, Phan Khôi trích dẫn nhiều sách, nhiều tài liệu suy diễn lung tung. Xin chỉ lƣợc ra đây mấy câu, để thấy cái xƣơng sống của bài ấy, và cái tâm thuật xảo quyệt của Phan Khôi: "Ý tôi cốt muốn cho người đọc qua sẽ thấy ngay ba ông ấy một ông là đểu giả, một ông là quay quắt, một ông là khờ khạo. Tư cách ba người thấy chung trong một tiệc. Vả lại cũng thấy được rất rõ ràng trong bọn vua chúa phong kiến, giữa thiên tử với chư hầu, bề ngoài làm bộ nhân nghĩa trung thuận, quang minh chính đại lắm lắm, mà bề trong không khác gì một tụi buôn hàng xách, một tụi ba que xỏ lá gặp nhau, đứa nào gian ngoan thì chiếm phần thắng, đứa nào ngu đần thì chịu thiệt."

Có thể có ngƣời nhẹ dạ tin và cho là Phan Khôi viết bài này, nhằm đả vào bọn phong kiến, bọn vua chúa ngày xƣa. Can chi đến ta mà vơ lấy, vặn vào. Không phải thế. Phan Khôi đã từng tuyên bố: "Nƣớc Việt Nam ta làm gì có phong kiến? Đánh đổ phong kiến chỉ là câu chuyện bịa đặt vu vơ..." thì đả vào phong kiến, không thể có đƣợc. Cái dã tâm của Phan Khôi muốn gợi lại hận thù dân tộc cũ (Mãn Thanh bắt Chiêu Thống và bọn tùng vong cạo đầu thắt bím, đày đi v.v...) và so sách cái quan hệ ngoại giao giữa Quang Trung và Kiền Long ngày xƣa không khác gì quan hệ hữu nghị giữa ta và Trung Quốc ngày nay, "một con cáo và một con sói đồng tình vật chết một con dê". Nhân dân ta và nhân dân Trung Quốc đoàn kết trên cơ sở thống nhất về những quan điểm chung của chủ nghĩa Mác Lê-nin. Phan Khôi cho rằng Trung Quốc ngày nay cũng chỉ là một thứ kiểu xâm lƣợc nhƣ Mãn Thanh xƣa. Chẳng vậy, sao khi sang thăm Trung Quốc, trong cuộc triển lãm kỹ nghệ ở Mãn Châu, Phan Khôi đã phát biểu: "Theo tôi nghĩ thì nƣớc ngoài phục Trung Quốc không phải vì chủ nghĩa cộng sản mà vi nền kỹ nghệ Trung Quốc. Ngày kia Trung Quốc sẽ chiếm thị trƣờng thế giới".

Ờ bài ―Giới thiệu Nguyễn Trƣờng Tộ‖ càng lộ ra trắng trợn cái ý Phan Khôi muốn so sánh chế độ ta với cái triều đại ngày xƣa. Không khác gì thời đại chuyên chế hồi Gia Long. Nƣớc Việt Nam ngày nay cũng là triều đại gì đó; ngƣời ta đặt bài viết cho báo tất nhiên phải có yêu cầu của toà soạn, y cũng gọi "Cụ Đồ Chiểu ơi, Cụ Đồ Chiểu!" bù lu bù loa đấm ngực nói rằng bảy tám mƣơi năm sau cũng không khác gì ngày xƣa.

Đƣa Nguyễn Trƣờng Tộ ra trong bài này vừa khen vừa chê - một mặt để tỏ rằng "cậu tú Phan Khôi" hơn "danh Tộ" nhiều, một mặt là đả vào chế độ ta. Nguyễn Trƣờng Tộ, đi đạo Thiên Chúa (từ đời cha) sau vì Tự Đức cấm đạo, Tộ theo một linh mục sang Pháp và lƣu học ở Paris. Năm 33 tuổi trở về, có dâng nhiều bài điều trần yêu cầu cải cách nhiều vấn đề trong nƣớc. Tộ là ngƣời tin Đạo, coi Đức Chúa Trời là chủ vạn vật và cũng đồng thời rất tôn trọng Nho giáo. Phan Khôi nói rằng: "Ngƣời có tài nhƣ thế, sinh gặp thời cần dùng cái tài ấy, mà không thi thố gì đƣợc, ôm mối thất vọng mà chết là vì lẽ gì?"

Phan Khôi cho Tự Đức là một ông vua nhu nhƣợc, làm việc gì cũng sợ, không dám làm mà lại coi mình là thần thánh, khinh ngƣời.

"Tự Đức có phê vào một bổn điều trần của Nguyễn Trường Tộ do quan tỉnh dâng lên, một câu: „Dùng được đấy, hay là cho nó một chức quan để lấy lòng nó, dùng sức nó." -

"Một chức quan! Ông ấy tưởng người ta báu cái chức quan của ông ấy lắm đấy!‘‖

Tại sao Phan Khôi hằn học đến nhƣ vậy? Bởi vì:

"Vua thì như thế, còn đám quan liêu từ triều đình đến ở các tỉnh phần nhiều là hủ nho, đám sĩ phu ở dân gian càng đông hơn, cũng đều là hủ nho, dưới vua, hai hạng người này nắm quyền lợi một nước trong tay họ, họ cấu kết với nhau để giữ lấy quyền lợi, thì còn ai mà làm gì được?‖

Chúng ta có nắm và giữ lấy quyền lợi một nƣớc không? Có. Nhiệm vụ của cách mạng, của vô sản chuyên chính đề rõ yêu cầu phải chuyên chính đối với bọn giai cấp bóc lột, đối với bọn đi ngƣợc và phản lại quyền lợi dân tộc. Bọn chúng không thể có tự do trong chế độ ta, thứ tự do áp bức bóc lột, tự do buôn lậu, đầu cơ tích trữ, tự do cấu kết với phần tử phản động trong nƣớc và bọn đế quốc ngoài nƣớc để phá rối trật tự xã hội, âm mƣu lật đổ chính quyền cách mạng, xây dựng lại chế độ phong kiến và thực dân đã bị nhân dân đánh đổ.

Phan Khôi nói: "Không phải đợi đến ngày nay, từ trƣớc chúng ta cũng đã biết rằng có tại làm sao... ngƣời ta mới giấu đinh giấu điền, trốn lính!". Trong thời đại phong kiến, dƣới chế độ thực dân Pháp, ngƣời ta làm nhƣ thế là đúng. Ngƣời ta không muốn đóng góp phục vụ cho bọn thống trị, chỉ có mục đích vơ vét cho vào túi chúng. Dƣới chế độ ta, những ngƣời khai man diện tích ruộng đất, không đi dân công, trốn thuế công thƣơng, không thi hành nghĩa vụ quân sự thì chỉ là những kẻ ích kỷ sâu mọt của xã hội, những kẻ đào ngũ và chống chế độ.

Cũng cần nói vào mặt Phan Khôi rằng: Vì chính sách đoàn kết của Mặt trận Dân tộc, vì Đảng ta sẵn lòng quên những tội lỗi cũ của một ngƣời và tạo mọi điều kiện để đƣa họ về con đƣờng chính, vì lòng nhân của Đảng muốn nhặt những kẻ ở dƣới bùn lên mà chùi rửa cho, giúp cho họ trở lại làm ngƣời, vì thế mà Phan Khôi vẫn đƣợc đãi ngộ rộng rãi, ăn lƣơng nhân sĩ, không phải làm gì cả, viết hay dịch sách thì hƣởng tiền nhuận bút. Để rồi chửi Đảng, chửi chế độ. "Một chức quan, ông ấy tƣởng nguời ta báu cái chức quan của ông ấy lắm đấy". Phan Khôi ăn cháo đá bát, hợm hĩnh, tự đánh giá mình là cao to, nhƣng cái mặt thật của y không ai lạ gì. Phan Khôi chống lại cái chế độ đã cứu vớt cho mình, thì Phan Khôi rơi nguyên hình là một tên chống cách mạng.

Bây giờ - mà có phải mới bây giờ đâu - cái bộ mặt thật của Phan Khôi đã bị lột trần ra, cũng nhiều khi tự y lột trần ra. Phan Khôi là một tên giảo quyệt, phản phúc, một tên làm tay sai cho đế quốc, lợi dụng sự khoan hồng của cách mạng và chính sách đãi ngộ rất tốt của Đảng để chống lại Đảng, chống lại chế độ. Không có cơ hội thì nằm yên, dùng cách nói bóng nói gió, xuyên tạc xách mé; có cơ hội thì vùng lên ra mặt chống đối hẳn hòi nhƣ thời kỳ tác quái của báo Nhân văn.

Lẻ tẻ từng lúc, từng bài, y lập lờ đánh tráo, vờ vịt để cho mọi ngƣời lầm tƣởng rằng mình là một "học giả" một tay "lão thành cách mạng", một ngƣời "ngay thẳng, bộc trực", một "nhà văn khí tiết". Do đó, cũng có đôi ngƣời bị mắc lừa. Nhân văn-Giai phẩm bị đánh tan bƣớc đầu hồi cuối năm 1956. Cả bọn rút vào bóng tối "phục xuống sáng tác". Phan Khôi gom góp tất cả sáng tác của y, đem tàn lực hy vọng, có thể đánh đƣợc ta một đòn cuối cùng trƣớc khi xuống lỗ. Y đặt tên tập sách là Nắng chiều. Ngờ đâu, chính tập sách này đã phơi bày rõ rệt nhất toàn bộ hệ thống tƣ tƣởng phản động của Phan Khôi và cái nắng quái ấy mới định kịp hửng lên, đã bị nhân dân làm cho tắt phụt!

Chỉ đứng riêng về phƣơng diện văn học mà nói, Phan Khôi không còn chỗ đứng nữa, đã bị khai trừ ra khỏi Hội Nhà văn. Chỗ đứng của y ở đâu, để cho y tự biết mà tự phong. Chƣa nói đến hành động phá rối về chính trị, không thuộc về thẩm quyền kết luận của những ngƣời cầm bút nhƣ chúng ta.

Chú thích: Đoàn Giỏi bị kiểm thảo sau khi viết bài này và bị quy vào tội: vờ đả kích Phan Khôi để công bố những nét đại cƣơng của một tác phẩm mà Đảng đã cấm không cho xuất bản.

II. Phái thanh niên

Phái này gồm tất cả các nhà văn trẻ tuổi, lớn lên trong khói lửa của cuộc kháng chiến dân tộc và đã đƣợc rèn luyện đầy đủ trong hệ thống tƣ tƣởng Mác-xít. Tất cả đều là đảng viên và đa số đã tích cực tham gia bộ đội. Trẻ nhất trong bọn là Phùng Quán (năm nay mới 25 tuổi) và nhiều tuổi nhất là Hoàng Tích Linh (năm nay chừng 45 tuổi).

Điều đáng chú ý nhất là hiện nay không có một nhà văn thanh niên nào theo Đảng, mặc dù Đảng đã đào tạo nên họ.

Họ chống lại học thuyết Mác-xít và chế độ cộng sản không phải vì quyền lợi giai cấp hoặc vì họ đã bị tiêm nhiễm những triết lý phong kiến hoặc tƣ sản, mà chính vì bản chất trong con ngƣời thiên nhiên của họ phải có phản ứng tự vệ để khỏi bị tiêu diệt. Tiếng nói của họ là tiếng nói của con ngƣời "nhân chi sơ", không đại diện cho một học phái nào cả, tiếng nói của những linh hồn còn trong trắng. Trần Dần, một nhà thơ đã tham dự trận Điện Biên Phủ có thể coi là điển hình cho thế hệ này.

Trần Dần

Tiểu sử: Trần Dần sinh năm 1924 [[1]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9542&rb=08#anm1) ở Nam Định, học tiểu học ở tỉnh Nam rồi sau lên học trung học ở Hà Nội. Khi ông học văn chƣơng Pháp để thi tú tài, ông bị ảnh hƣởng Baudelaire và Verlaine, trở thành một thi sĩ làm thơ tiếng Việt theo lối "tƣợng trƣng" (symbolisme) của Pháp. Cho tới ngày nay ông vẫn giữ lối thơ đó vì ông chủ trƣơng rằng mình lời văn không đủ mà phải dùng cả âm điệu trong câu mới diễn tả đƣợc những rung động trong tâm hồn của thi nhân.

Ông mới xuất hiện là một nhà thơ thì cuộc chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ. Trở về Nam Định, ông tham gia kháng chiến và đảm nhận công tác tuyên truyền. Sau khi Nam Định thất thủ, ông xung phong gia nhập bộ đội và đƣợc cử lên mặt trận Sơn La. Ở đây, ông phụ trách điều khiển đoàn văn công, đƣợc các văn nghệ sĩ trong trung đoàn rất quý mến và đƣợc kết nạp làm đảng viên. Nhƣng là một văn nghệ sĩ, ông không chịu nổi sự chèn ép của các cán bộ chính trị cấp trung đoàn, nên đến năm 1951, ông xin về Trung ƣơng, nhận công tác viết báo cho Cục Quân huấn.

Trong thời kỳ này, ngoài việc viết báo, ông còn phụ trách giảng về văn nghệ nhân dân và chính sách lãnh đạo văn nghệ của Đảng đối với văn nghệ sĩ trong những lớp đào tạo cán bộ văn công. Bị phê bình là giảng sai đƣờng lối của Đảng, ông tức mình xin đi công tác tiền tuyến và đƣợc cử lên mặt trận Điện Biên Phủ. Xúc cảm trƣớc sự tấn công ào ạt của quân đội kháng chiến vào thành luỹ của Pháp, nhất là trƣớc cái chết thê thảm của Tô Ngọc Vân, bạn đồng hành của ông, Trần Dần sáng tác cuốnNgười người lớp lớp. Nhờ cuốn sách này ông đƣợc Đảng yêu chuộng trở lại và năm 1954 đƣợc cử đi Trung Quốc để viết bản dẫn giải bằng tiếng Việt cho cuốn phimChiến thắng Điện Biên Phủ, là cuốn phim Việt Minh đóng lại trận Điện Biên Phủ do cán bộ Trung cộng sang quay và mang sang Tàu thu thanh.

Nhân chuyến du hành này, Trần Dần đƣợc tiếp xúc với nền văn hoá của Trung cộng. Ông lấy làm thất vọng nên khi trở về, ông nói nhỏ với bạn bè: "Chớ nên theo đƣờng lối văn nghệ của Trung Quốc".

Cùng đi với ông sang Trung Quốc có một cán bộ chính trị phụ trách về đƣờng lối giải thích, nhƣng tên cán bộ này mặc dầu dốt đặc về văn chƣơng cũng cứ nhất định dùng quyền lực chính trị của mình để sửa chữa từng câu, từng chữ của Trần Dần, mà có khi ngang nhiên đọc lời giải thích của mình cho Trần Dần viết. Ông lấy làm bất mãn, nên khi về đến Việt Nam, ông cùng một số văn nghệ sĩ đảng viên khác nhƣ Tử Phác, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh và Đỗ Nhuận, cùng trong cảnh ngộ, viết kiến nghị lên cấp trên yêu cầu hạn chế sự can thiệp của cán bộ chính trị vào lãnh vực văn nghệ.

Kiến nghị còn đang đƣợc cứu xét thì xẩy ra một việc quan trọng hơn. Đó là việc Trần Dần tự tiện lấy vợ, bất chấp sự cấm đoán của Đảng. Theo một đạo luật bất thành văn mà Đảng đã đặt ra, các đảng viên cấp xã phải báo cáo cho cấp trên biết trƣớc mỗi khi dự định lấy vợ, lấy chồng; các đảng viên huyện (trƣờng hợp của Trần Dần) phải xin phép Đảng mới đƣợc cƣới xin hoặc yêu đƣơng, còn về phần các đảng viên cấp tỉnh trở lên thì việc dựng vợ gả chồng là đo Đảng quyết định.

Trần Dần tuy là đảng viên, nhƣng vẫn giữ tính chất văn nghệ sĩ, không chịu nổi luyến ái quan Mác-xít. Hồi ở chiến khu bao nhiêu lần Đảng "xây dựng" cho ông với các nữ đồng chí, ông dều không chịu và khi hoà bình trở lại, ông tình cờ gặp và mê ngay một thiếu nữ tiểu tƣ sản ở phố Sinh Từ, sống bơ vơ một mình, vì bố mẹ họ hàng di cƣ vào Nam không kịp mang theo.

Trần Dần xin phép Đảng để cƣới ngƣời yêu, nhƣng Đảng nhất định không cho vì một lý do căn bản: ngƣời con gái đó theo đạo Thiên chúa. Tuy vậy, Đảng không nêu lên lý do tôn giáo để từ chối mà chỉ giải thích rằng ngƣời con gái đó sống về tiền thuê nhà mà bố mẹ để lại nên thuộc vào thành phần bóc lột, và một đảng viên không thể lấy vợ thuộc giai cấp "địch".

Trần Dần không chịu cắt đứt tình yêu nên khuyên ý trung nhân mang nhà cửa bố mẹ để lại giao cho Uỷ ban quản trị tài sản của những người vắng mặt trông coi và thu hoa lợi; hai ngƣời đều cam chịu sống trong cơ cực để yêu thƣơng nhau. Đảng bèn rẽ duyên bằng cách điều động Trần Dần lên Việt Bắc công tác, nhƣng Trần Dần lấy cớ ốm đau xin về Hà Nội nghỉ dài hạn và tự ý xin ra khỏi Đảng, ngang nhiên đến phố Sinh Từ sống với tình nhân không cần cƣới xin. Đảng toan trừng trị, nhƣng ngặt vì lúc đó đang có phong trào di cƣ, nên không dám khủng bố bất cứ ai sợ làm náo động nhân tâm khiến cuộc di cƣ bành trƣớng thêm. Đảng bèn nuốt giận làm lành, chỉ gây dƣ luận là Trần Dần đã sa đoạ, rơi vào hố tƣ sản phản động.

Nhƣng sau khi đóng cửa Hải Phòng, Trần Dần lại làm một việc táo bạo thứ hai là phê bình đả kích cuốn thơ Việt Bắc của Tố Hữu, một thi sĩ giữ chức trung ƣơng uỷ viên, phụ trách lãnh đạo văn nghệ. Tố Hữu liền ra lệnh bắt cóc Trần Dần mang nhốt trên một nhà giam ở Việt Bắc. Vợ Trần Dần lại sống bơ vơ giữa Hà Nội một lần nữa, hỏi thăm chồng ở đâu, không ai biết, vẫn thất nghiệp, lại thêm bụng mang dạ chửa. Bạn bè của Trần Dần phải chung tiền giúp đỡ và thay phiên đến thăm hỏi nâng đỡ tinh thần.

Tin Trần Dần bị bắt mang đi biệt tích lan ra khắp Hà Nội và gây dƣ luận sôi nổi trong giới trí thức kháng chiến. Để dẹp yên dƣ luận, Đảng bèn sửa sai bằng cách đƣa Trần Dần về mạn xuôi, bắt đi theo chiến dịch Cải cách ruộng đất. Đảng cũng gọi vợ Trần Dần đến cho công việc may vá cho mậu dịch.

Không đƣợc bao lâu, xẩy ra vụ Khrushchev hạ bệ Stalin. Nhóm văn nghệ sĩ kháng chiến nổi lên đấu tranh chống Đảng bằng cách xuất bản tập Giai phẩm 1956 (sau này gọi là Giai phẩm mùa Xuân). Lúc này Trần Dần không có mặt ở Hà Nội, nhƣng Hoàng Cầm là bạn thân, biết Trần Dần hồi 1954 có viết bài "Nhất định thắng" có giá trị, nên đến nhà bảo vợ Trần Dần đƣa bản thảo và mang in trong tập Giai phẩm.

Tờ tạp chí vừa in xong thì bị tịch thu ngay. Đảng ngờ rằng Trần Dần đã bị nằm tù mà còn dám viết bài chống Đảng nên gọi Trần Dần về, mang ra đấu giữa một cuộc hội nghị của đông đủ các văn nghệ sĩ, quy Trần Dần vào tội phản động, lấy cớ là trong các bài thơ ông có dùng chữ "Người" viết hoa nên gán cho ông có ý đả kích cụ Hồ và ra lệnh tống giam vào nhà pha Hoả Lò ở Hà Nội. Trần Dần uất ức quá dùng lƣỡi dao cạo cứa cổ, nhƣng không chết, sau này vẫn mang cái sẹo ở cổ.

Năm tháng sau, Việt cộng tuân theo chỉ thị của Đệ tam Quốc tế phát động phong trào sửa sai. Giới trí thức đƣợc dịp phát động phong trào đấu tranh chống Đảng. Họ xuất bản tờ Giai phẩm muà Thu và tờ Nhân văn, lên tiếng phản đối vụ tịch thu tờ báo Giai phẩm mùa Xuân và việc khủng bố Trần Dần. Cụ Phan Khôi có nêu hai vấn đề này trong bài "Phê bình lãnh đạo văn nghệ‖ đăng trong Giai phẩm mùa Thu và Hoàng Cầm viết một bài nhan đề "Con ngƣời Trần Dần" đăng trong tờ Nhân văn số đầu. Bị công kích không có thế đỡ, Đảng bèn thả Trần Dần về và phục hồi danh dự bằng cách ra lệnh cho Hội Văn nghệ viết bản tự kiểm thảo đăng trên các báo. Nhóm Giai phẩm bèn tái bản tờ Giai phẩm mùa Xuân trong đó có bài thơ "Nhất định thắng" của Trần Dần.

Nhƣng sau khi Nga-sô đàn áp cuộc khởi nghĩa Budapest thì Việt cộng cũng đóng cửa tờ Nhân văn và Giai phẩm. Một lần nữa, Trần Dần lại bị quy là phản động và bị "treo giò" không đƣợc viết văn. Nhƣng đến tháng cuối năm 1957, nhân báo Văn trở lại chống Đảng, Trần Dần gửi đăng một bài thơ nhan đề là "Hãy đi mãi" nói lên ý chí cƣơng quyết đấu tranh đòi tự do đến cùng.

Về thơ, ông còn sáng tác những bài:

"Nói thật", trong đó ông lý luận rằng chỉ vì cán bộ hèn nhát không dám nói thật với Đảng nên mới xảy ra vụ "sai lầm" trong Cải cách ruộng đất.

"Nhân văn làm lớn con ngƣời", trong đó ông đề cao nhân văn.

"Một bài thơ chƣa có đề", trong đó ông ám chỉ Tố Hữu là nhà thơ "ti tỉ đờn bầu‖.

Về truyện, ông viết:

"Chú bé làm văn" để chỉ trích nền giáo dục cộng sản chuyên môn tập cho trẻ em nói dối từ thuở bé để sau này nói dối thuê cho Đảng.

"Mâu thuẫn với cả nƣớc" tả một nhạc sĩ bất tài (ám chỉ Lƣơng Ngọc Trác) dùng thế lực Đảng, quy cho một nhạc sĩ có tài hơn mình vào tội "mâu thuẫn với cả nƣớc".

"Lão Rồng" tả một nông dân hiền lành bị bọn "lý trƣởng mới" chà đạp.

Nhƣng đặc biệt hơn cả là truyện ―Anh Cò Lắm‖, tả sự khổ cực của nông dân trong cải cách ruộng đất. Trong truyện đó có đoạn nhƣ sau:

"Tôi đi thẳng vào nhà Cò Lắm. Vắng cả, nhà chả có ai, nhưng có tiếng trẻ khóc. Ba gian nhà nhỏ vẫn một cái giường, một cái chõng, có thêm một lá cờ đỏ rắt mái nhà rủ trước mặt bức ảnh Hồ Chủ tịch. Một đứa bé con độ lên hai bò giữa nhà, giời rét mà độc một manh áo nâu, còn cởi chuồng, chân tay lắm mụn, bôi phẩm xanh lè cả người. Thấy tôi nó càng khóc, giơ tay quẹt má. Tôi nhìn: Tay nó có cái gì vàng vàng? À ra cứt, nó ỉa một đống còn kia, cổ chân nó lại buộc một cái dây bằng vải khá dài, một đầu dây buộc vào cột nhà, chắc hẳn mẹ nó buộc nó vào dây cho nó chơi một mình.‖

Trừ có hai bài thơ ―Nhất định thắng‖ và ―Hãy đi mãi‖ ông ký tên thật, còn tất cả những bài khác đều ký bằng bí danh, sau này bị tra khảo trong tù ông mới nhận là chính ông viết.

Sau đây chúng tôi chỉ trích hai bài: ―Nhất định thắng‖ và ―Hãy đi mãi‖ vừa điển hình cho lối thơ của ông, vừa nói lên tâm sự của thế hệ mới ở Bắc

Việt. [[2]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9542&rb=08#anm2)

Nhất định thắng

Lời soạn giả: Bài thơ này đã gây nên cuộc đấu tố tác giả, khiến tác giả phải cứa cổ tự tử. Vì vậy nên tuy dài, chúng tôi cũng đăng trọn bài. Đại ý của tác giả là nêu sự đói rét của đất Bắc và nỗi u buồn trong lòng người phương Bắc hiện nay.

Tôi ở phố Sinh Từ:

Hai ngƣời

Một gian nhà chật.

Rất yêu nhau sao cuộc sống không vui? Tổ quốc hôm nay

tuy gọi sống hoà bình

Nhƣng mới chỉ là năm thứ nhất Chúng ta còn muôn việc rối tinh... Chúng ta

Ngày làm việc, đêm thì lo đẫy giấc Vợ con đau thì rối ruột thuốc men Khi mảng vui - khi chợt nhớ - chợt quên Trăm cái bận hàng ngày nhay nhắt Chúng ta vẫn làm ăn chiu chắt. Ta biết đâu bên Mỹ Miếc tít mù Chúng còn đƣơng bày kế hại đời ta? Tôi đi giữa trời mƣa đất Bắc Đất hôm nay tầm tã mƣa phùn Bỗng nhói ngang lƣng

máu rỏ xuống bùn

Lƣng tôi có tên nào chém trộm? A! Cái lƣỡi dao cùn!

Không đứt đƣợc - mà đau! Chúng định chém tôi làm hai mảnh Ôi cả nƣớc! Nếu mà lƣng tôi lạnh Hãy nhìn xem: có phải vết dao? Không đứt đƣợc mà đau!

Lƣng Tổ quốc hôm nay rớm máu Tôi đã sống rã rời cân não Quãng thời gian nhƣng nhức chuyện đi Nam Những con mƣa rơi mãi tối sầm Họ lếch thếch ôm nhau đi từng mảng Tôi đã trở nên ngƣời ôm giận Tôi đem thân làm ụ cản đƣờng đi. - Dừng lại!

- Đi đâu?

- Làm gì?

Họ kêu những thiếu tiền thiếu gạo Thiếu Cha, thiếu Chúa, thiếu vân vân Có cả anh Nam chị Nữ kêu buồn - Ở đây

Khát gió thèm mây...

Ô hay!

Trời của chúng ta gặp ngày mây rủ Nhƣng trời ta sao bỏ nó mà đi? Sau đám mây kia là cả miền Nam Sao nỡ tƣởng là non bồng của Mỹ! Tôi muốn khóc giữ từng em bé Bỏ tôi ƣ? - Từng vạt áo - Gót chân Tôi muốn kêu lên - những tiếng cộc cằn... - Không! Hãy ở lại!

Mảnh đất ta hôm nay dù tối Cũng còn hơn

non bồng Mỹ

triệu lần...

Mảnh đất dễ mà quên?

Hỡi bạn đi Nam

Thiếu gì ƣ? Sao chẳng nói thực thà? Chỉ là:

- thiếu quả tim, bộ óc!

Những lời nói sắp thành nói cục Nhƣng bỗng dƣng tôi chỉ khóc mà thôi Tôi nức nở giữa trời mƣa bão. Họ vẫn ra đi.

Nhƣng sao bƣớc rã rời?

Sao họ khóc?

Họ có gì thất vọng?

Đất níu chân đi

gió cản áo bay về

Xa đất Bắc tƣởng nhƣ rời cõi sống. Tƣởng nhƣ đây là phút cuối cùng Giăng giối lại: - mỗi lùm cây - hốc đá Mỗi căn vƣờn - gốc vả - cây sung Không nói đƣợc chỉ còn nức nở Trắng con ngƣơi nhìn lại đất trời Nhìn cơn nắng lụi, nhìn hạt mƣa sa Nhìn con đuờng cũ, nhìn ngôi sao mờ Ôi đất ấy - quên làm sao đƣợc? Quên sao nơi ấm lạnh ngọt bùi Hôm nay đây mƣa gió dập vùi - Mƣa đổ mãi lên ngƣời xa đất Bắc... Ai dẫn họ đi?

Ai?

Dẫn đi đâu? - mà họ khóc mãi thôi! Trời vẫn quật muôn vàn tảng gió Bắc Nam ơi, đứt ruột chia đôi Tôi cúi xuống - quỳ xin mƣa bão Chớ đổ thêm lên đầu họ

- khổ nhiều rồi!

Họ xấu số - chớ hành thêm họ nữa Vƣờn ruộng hoang sơ - Cửa nhà vắng chủ Miền Nam muôn dặm, non nƣớc buồn thiu Họ đã đi nhƣng trút lại tâm hồn Ôi đất Bắc! Hãy giữ gìn cho họ. Tôi ở phố Sinh Từ

Những ngày ấy bao nhiêu thƣơng xót Tôi bước đi

không thấy phố

không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa

trên mầu cờ đỏ

Gặp em trong mƣa

Em đi tìm việc

Mỗi ngày đi lại cúi đầu về - Anh ạ!

họ vẫn bảo chờ...

Tôi không gặng hỏi, nói gì ƣ? Trời mƣa, trời mƣa

Ba tháng rồi

Em đợi

Sống bằng tƣơng lai

Ngày và đêm nhƣ lũ trẻ mồ côi Lũ lƣợt dắt nhau đi buồn bã Em đi

trong mƣa

cúi đầu

nghiêng vai

Ngƣời con gái mới mƣời chín tuổi Khổ thân em mƣa nắng đi về lủi thủi Bóng chúng

đè lên

số phận

từng ngƣời

Em cúi đầu đi, mƣa rơi

Những ngày ấy bao nhiêu thƣơng xót Tôi bước đi

không thấy phố

không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa

trên mầu cờ đỏ

Đất nƣớc khó khăn này

sao không thấm đƣợc vào Thơ? Những tủ kính tôi dừng chân dán mũi Các thứ hàng ế ẩm đợi ngƣời mua Nhƣng mà sách - hình nhƣ khá chạy À quyển kia của bạn này - bạn ấy Quyển của tôi tƣ lự, nét đăm đăm Nó đang mơ: - nếu thêm cả miền Nam Số độc giả sẽ tăng dăm bảy triệu Tôi đã biến thành ngƣời định kiến Tôi ƣớc ao tất cả mọi ngƣời ta Đòi thống nhất, phải đòi từ việc nhỏ - từ cái ăn

cái ngủ

chuyện riêng tƣ

- từ suy nghĩ

nựng con

và tán vợ.

Trời mƣa mãi lây dây đƣờng phố Về Bắc Nam tôi chƣa viết chút nào Tôi vẫn quyết Thơ phải khua bão gió Nhƣng hôm nay

tôi bỗng cúi đầu

Thơ nó đi đâu?

Sao những vần thơ

Chúng không chuyển, không xoay trời đất? Sao chúng không chắp đƣợc cõi bờ? Non nƣớc sụt sùi mƣa

Tôi muốn bỏ thơ

làm việc khác

Nhƣng hôm nay tôi mê mải giữa trời mƣa Chút tài mọn

tôi làm thơ chính trị

Những ngày ấy bao nhiêu thƣơng xót Tôi bước đi

không thấy phố

không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa

trên mầu cờ đỏ

Em ơi ! - ta ở phố Sinh Từ Em đƣơng có chuyện gì vui hử À cái tin trên báo - Ừ em ạ Chúng đang phải giậm chân đấm ngực! Vƣợt qua đầu chúng nó

mọi thứ hàng

Những tấn gạo vẫn vƣợt đi Những tấn thơ, tài liệu

Vẫn xéo qua đầu chúng, giới danh gì?

Ý muốn dân ta

là lực sĩ khổng lồ

Đè cổ chúng mà xoá nhoà giới tuyến Dân ta muốn trời kia cũng chuyển Nhƣng Trời mƣa to lụt cả gian nhà Ôm tất cả che mƣa cản gió Con chó mực nghe mƣa là rú Tiếng nó lâu nay nhƣ khản em à Thƣơng nó nhỉ - nó gầy - lông xấu quá Nó thiếu ăn - Hay là giết đi ƣ? Nó đỡ khổ - Cả em đỡ khổ. Em thƣơng nó - Ừ thôi chuyện đó Nhƣng hôm nay anh mới nghĩ ra Anh đã biến thành ngƣời định kiến Những ngày ấy bao nhiêu thƣơng xót Tôi bước đi

không thấy phố

không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa

trên mầu cờ đỏ

Tôi đi giữa trời mƣa đất Bắc Tai bỗng nghe những tiếng thì thầm Tiếng ngƣời nói xen tiếng ngƣời ầm ả. - Chúng phá hiệp thƣơng

Liệu có hiệp thƣơng?

- Liệu có tuyển cử?

- Liệu tổng hay chẳng tổng? - Liệu đúng kỳ? hay chậm vài năm? Những câu hỏi đi giữa đời lỏng chỏng Ôi! Xƣa nay Ngƣời vẫn thiếu tin Ngƣời Ngƣời vẫn thƣờng kinh hoảng trƣớc Tƣơng lai Ngƣời quên mất Mỹ là sƣ tử giấy. Ngƣời vẫn vội - Ngƣời chƣa kiên nhẫn mấy Gan ngƣời ta chƣa phải đúng công nông Ngƣời chửa có dạ lim trí sắt Ngƣời mở to đôi mắt mà trông! A tiếng kèn vang

quân đội anh hùng

Biển súng

rừng lê

bạt ngàn con mắt

Quân ta đi tập trận về qua Bóng cờ bay đỏ phố đỏ nhà... Lá cờ ấy là cờ bách thắng Đoàn quân kia muôn trận chẳng sờn gan Bao tháng năm đói rét nhọc nhằn Từ đất dấy lên

là quân vô sản

Mỗi bƣớc đi lại một bƣớc trƣởng thành Thắng đƣợc Chiến tranh

Giữ đƣợc Hoà bình

Giặc cũ chết - lại lo giặc mới Đoàn quân ấy kẻ thù sợ hãi Chƣa bao giờ làm mất bụng dân yêu Dân ta ơi! Chiêm nghiệm đã nhiều Ai có Lý? Và ai có Lực?

Tôi biết rõ đoàn quân sung sức ấy Biết nhân dân

Biết Tổ quốc Việt Nam này Những con ngƣời từ ức triệu năm nay Không biết nhục

Không biết thua

Không biết sợ

Hôm nay cả nƣớc chỉ có một lời hô: THỐNG NHẤT!

Chúng ta tin khẩu hiệu ta đòi - Giả miền Nam

Tôi ngửa mặt lên trời

Kêu một tiếng - bỗng mầu trời rơi xuống Vài ba tia máu đỏ rớt vào tôi Dân ta ơi!

Những tiếng ta hò

Có sức đâm trời chảy máu Không địch nào cƣỡng nổi ý ta Hiền hậu lắm - Nhƣng mà đi cả quyết... Hôm nay

Những vần thơ tôi viết

Đã giống lƣỡi lê: đâm

Giống viên đạn: xé

Giống bão mƣa: gào

Giống tình yêu: thắm

Tôi thƣờng tin ở cuộc đấu tranh đây Cả nƣớc đã bầu tôi toàn phiếu Tôi là ngƣời vô địch của lòng tin. Sao bỗng đêm nay

tôi cúi mặt trƣớc đèn?

Gian nhà vắng - chuột đêm nó rúc. Biết bao nhiêu lo lắng hiện hình ra.

Hừ! Chúng nó đã biến thành tảng đá chặn đƣờng ta!

Em ơi thế ra

Ngƣời tin tƣởng nhất nhƣ anh vẫn có phút giây ngờ vực Ai có lý? Và ai có lực?

Ai ngƣời tin? Ai kẻ ngã lòng tin? Em ơi

Cuộc đấu tranh đây

cả nƣớc

cả hoàn cầu

Cả mỗi ngƣời đêm ngủ vẫn lo âu Có lẫn máu, có xót thƣơng lao lực Anh gạch xoá tranh thơ hằn nét mực Bỗng mặt anh nhìn thấy! Lạ lùng thay! Tảng đá chặn đƣờng này! Muôn triệu con ngƣờI

muôn triệu bàn tay

Bật cả máu ẩy đá lăn xuống vực! Anh đã nghĩ: Không có con đƣờng nào khác Đem ngã lòng ra

mà thống nhất Bắc Nam ƣ?

Không không!

Đem sức gân ra!

Em ơi em!

Cái này đỏ lắm, gọi là TIM Anh cho cuộc đấu tranh giành THỐNG NHẤT.

(Bài thơ này lúc đầu lấy nhan đề là "Bài thơ thống nhất" và chỉ có đến đây là hết. Hoàng Cầm khuyên Trần Dần nên làm thêm một đoạn nữa để "giữ vững lập trường" mới có thể xuất bản được. Vì vậy nên mới có đoạn văn sau này và bài thơ cũng đổi nhan đề là "Nhất định thắng".) Hôm nay Trời đã thôi mƣa thôi gió Nắng lên đỏ phố đỏ nhà

Đỏ mọi buồng tim lá phổi Em ơi đếm thử bao nhiêu ngày mƣa! Bây giờ

Em khuân đồ đạc ra phơi

Em nhớ đừng quên

Em khuân tất cả tim gan chúng mình phơi nắng hết Em nhìn cao tít trời xanh

Dƣới phố bao nhiêu cờ đỏ!

Hôm nay em đã có việc làm Lƣơng ít - Sống còn khó khăn Cũng là may...

Chính phủ muôn lo nghìn lắng Thực có tài đuổi bão xua mƣa, không thì còn khổ Em treo cờ đỏ đầu nhà

Lá cờ trừ ma

Xua đƣợc bóng đen chúng nó! Những vết thƣơng kháng chiến đỏ lòm Đã mím miệng, lên da lên thịt Tôi bỗng nhói ở nơi lồng ngực Em ơi

Chúng đốt phố Ga-li-ê-ni và nhiều phố khác

Anh đã sống ở Sài Gòn thuở trƣớc Cảnh miền Nam thành một góc tim anh Chúng đốt tận đâu

mà lửa xém tim mình

Tim nó bị đen thui một nửa Từ dạo ấy

mà em chẳng rõ.

- Em hãy đỡ cho anh khỏi ngã

Đứng đây

Một lúc!

Cờ bay

đỏ phố

đỏ nhà

Màu cờ kia là thang thuốc chữa cho anh Ai thắng ai thua?

Ai có lý? Và ai có lực?

Em ơi

Hôm nay

trời xanh

xanh đục

Nắng lên

đỏ phố

đỏ cờ

Cuồn cuộn mít tinh

Những ngày thƣơng xót đã lùi xa Hoà bình

thêm vững

Anh bƣớc đi

đã thấy phố

thấy nhà

Không thấy mƣa sa

Chỉ thấy nắng lên

trên màu cờ đỏ.

Ta ở phố Sinh Từ

Em này

Hôm nay

đóng cửa

Cả nhà ra phố

mít tinh

Vung cờ đỏ

hát hò

vỡ phổi.

Hỡi những ngƣời

thành phố

thôn quê

Đói no lành rách

Ngƣời đang vui

Ngƣời sống đang buồn

Tất cả!

Ra đƣờng !

Đi!

Hàng đoàn

hàng đoàn

Đòi lấy tƣơng lai:

HOÀ BÌNH

THỐNG NHẤT

ĐỘC LẬP

DÂN CHỦ

Đó là tim

là máu đời mình

Là cơm áo! Là ái tình

Nhất định thắng!

(Trích [[3]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9542&rb=08#anm3) Giai phẩm mùa Xuân 1956)

\*

Hãy đi mãi

Lời soạn giả: Ngụ ý của tác giả trong bài này là kêu gọi những người yêu chuộng tự do hãy tranh đấu đến cùng, bất chấp mọi sự đe dọa.

Khi trái đất còn đeo bom

trƣớc ngực

thắt lƣng

còn lựu đạn, bao xe;

Khi bạo lực còn khua

môi mõm mốc xì,

khẩu đại bác mỏi đừ

vẫn sủa;

Khi bóng tối

còn đau nhƣ máy chém

những lời ca đứt cổ

bị bêu đầu

Lũ đao phủ tập trung

hình cụ

mặt trời lên

phải mọc giữa rừng gƣơm; Khi thế kỷ còn rung

chuông lừa bịp

Những canh gà

báo trƣợt rạng đông.

Con rắn lƣỡi cắn ngƣời nhƣ cắn ngoé; Khi xe tăng

chửa đi cấy đi cày,

nhƣ

một lũ tội nhân cần cải tạo; Khi

con thò lò ngày đêm hai mặt đói meo, còn quay tít

trên kiếp ngƣời hạ giá;

Những khi ấy

sẵn sàng

nổi giận,

loài ngƣời

còn tổ chức nhau đi.

Hãy đi mãi nhƣ ngƣời

cộng sản

có thể mỏi mọi điều

không mỏi: tấn công!

Phải làm lại chúng ta, tất cả - không tha,

để đừng có một ai lần lữa, khi nào

chân lý gọi tên đi.

Hãy đi mãi! –

dù mƣa băm nát mặt

Sƣơng rơi, hơn đạn xƣa

đau đầu.

Dù bốn mùa

nhƣng nhức nắng mƣa

mùa bão tuyết thế chân

mùa gió độc.

Hãy đi mãi! –

dù mƣa đông phục kích

hay

lửa hè đánh trộm sau lƣng Dù những đêm

buồn nhƣ sa mạc hoang vu Đoàn du mục tủi thân

vùi bãi cát.

Dù

những ngày, mũi kiếm heo may đi hành hạ

những tâm tƣ trằn trọc

Hãy đi mãi! –

Dù trên biển cả sóng nhƣ ngƣời vật vã

khắp đại dƣơng.

Dù những con tầu

bỗng nhớ bến bình yên.

còi rúc mãi những tiếng kêu rùng rợn Hãy đi mãi! –

Dù khi cần thiết

ngƣời ta cần đói khát

vƣợt bình sa.

Ta bỗng có thể nhịn lâu

hơn cả lạc đà

đi

đến tận những kinh thành no ấm. Hãy đi mãi! –

Dù có phen chót ngã

Hãy bó đôi chân lầm lỡ

mà đi.

Hãy tin chắc

rồi ta

xứng đáng

một vòng hoa đỏ nhất

phủ quan tài Tôi chửa có khi nào quên táo bạo chửa khi nào quên hát

quên đau.

Tôi yêu đất mẹ đây –

có cỏ hoa làm chứng

Tôi yêu chủ nghĩa này

cờ đỏ cãi cho tôii.

Nhƣng

chẳng thể rúc kèn củ rích, vác loa mồm kêu:

"Hiện tại rất thiên đƣờng!" Không!

Thiên đƣờng chúng ta

là nối đuôi nhau

vô tận triệu Thiên đƣờng. Đi mãi

chẳng bao giờ thoả.

Tôi có thể mắc nhiều

tội lỗi,

chẳng bao giờ quá ngu đi mắc tội: nằm ì

Han rỉ

khác gì cái chết?

Chết con tim chẳng còn dám đau thƣơng.

Chết khối óc

chẳng còn dám nghĩ!

Nếu

tôi chửa đến ngày thổ huyết phổi tôi còn xâu xé mãi

lời thơ.

Tôi có thể mặc thây

ngàn tiếng chửi tục tằn

trừ tiếng chửi: -

"Sống không sáng tạo!"

Nếu tôi bị gió sƣơng

đầu độc,

một hôm nào ngã xuống

giữa đƣờng đi

tôi sẽ ngã

nhƣ ngƣời lính trận

hai bàn tay chết cứng

vẫn ôm cờ.

Nếu vầng nhật thui tôi làm bụi,

nắng oan khiên đốt lại

làm tro.

Bụi tôi sẽ

cùng tro –

vẫn sống

vẫn chia nhau gió bấc

xẻ mƣa phùn.

Nếu dĩ vãng đè trên lƣng

hiện tại

nặng nề

hàng tạ đắng cay,

tôi sẽ nổ tung

ngàn kho đạn tiếng kêu

tan xác pháo

mọi cái gì cũ rích,

Nếu

hàm răng chuột nhắt của gia đình gậm nhấm

cả tình yêu cùng dự định

tôi sẽ biến thân tôi thành

thép nguội

làm thất bại

mọi thứ rũa đã quen rũa ngƣời tròn trặn quá hòn bi.

Ở trong tôi

nếu còn sức mạnh gì

chính là sức những ai

nghèo khổ nhất.

những ai

lao lực nhất –

địa cầu ta.

Tôi vẫn nâng chiếc đầu lâu nặng nề sáng tạo

nhƣ

nâng một viễn vọng đài

trên cuộc sống hàng ngày nhí nhách

Tôi vẫn cháy

ngọn hải đăng con mắt

ở trong biển sống

từng đêm.

Tôi vẫn đóng những câu thơ nhƣ ngƣời thợ

đóng tàu,

chở khách

đi về phía trƣớc,

nói

loài ngƣời –

đã biết sống chung nhau.

Nói

tất cả -

chẳng còn ai bần tiện,

chẳng còn lo

cơm áo

nợ nần

(Trích báo Văn số 28, xuất bản ngày 15-11-1957)

\*

Phùng Quán

Phùng Quán, năm nay 25 tuổi, là một thanh niên nghèo. Trƣớc đi bộ đội, sau đƣợc giới thiệu về trƣờng Dự bị Đại học để học thêm. Về Hà Nội anh lại tiếp tục công tác văn nghệ trong quân đội.

Anh viết văn theo lối hiện thực xã hội và đƣợc coi là Triệu Tử Long trong nhóm đối lập. Những bài thơ của anh đƣợc dƣ luận gọi là những "bom nguyên tử".

Chúng tôi trích đăng bài "Chống tham ô lãng phi" đăng trong Giai phẩm mùa Thu, tháng 10-1956 và bài "Lời mẹ dặn" đăng trong tờ Văn, tháng 9-1957.

Anh không đòi hỏi gì khác hơn là quét sạch những rác rƣởi trong xã hội và yêu cầu các nhà văn phải trung thành với tâm hồn của mình: "Yêu ai cứ bảo

là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét [[4]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9542&rb=08#anm4) ".Anh bị khủng bố chỉ vì dám nói nhƣ vậy. Phùng Quán bị lôi đi chỉnh huấn và phải viết bài thú tội. Trong bản này nhà thơ trẻ tuổi thú nhận rằng sau khi nhóm Nhân văn-Giai phẩm bị giải tán thì suốt ngày chỉ chơi với một con bú dù. Các bạn hỏi tại sao thích nuôi bú dù, Phùng Quán trả lời: "Chơi với ngƣời chán lắm rồi, thành phải chơi với bú dù".

Một chế độ đã đào luyện cho thanh niên một tâm trạng nhƣ vậy đủ làm cho chúng ta suy nghĩ về chân giá trị của chế độ đó vậy.

Thơ cái chổi - Chống tham ô lãng phí

Ta đã đi qua

Những xóm làng chiến tranh vừa chấm dứt:

Tôi đã gặp

Những bà mẹ già quấn giẻ rách Da đen nhƣ củi cháy giữa rừng Kéo dây thép gai tay máu chảy ròng Bởi đồn giặc trồng ngô tỉa lúa. Tôi đã gặp

Những cô gái trồng bông

Hai mƣơi? Ba mƣơi?

Tôi không nhìn ra nữa.

Mồ hôi sôi trên lƣng

Mặt trời nhƣ mỏ hàn xì lửa Đốt đôi vai cháy hồng.

Tôi đã đi qua

Nhiều xóm làng vùng Kiến An Hồng Quảng. Nƣớc biển dâng lên ƣớp muối các cánh đồng Hai mùa lúa không có một bông. Phân ngƣời toàn vỏ khoai tím đỏ.

Tôi đã gặp

Những đứa em còm cõi

Lên năm lên sáu tuổi đầu. Cơm thòm thèm độn cám với rau Mới tháng ba đã ngong mong đến Tết Để đƣợc ăn cơm no có thịt Một bữa một ngày…

Tôi đã đi

Giữa Hà Nội những đêm mƣa lất phất Đƣờng mùa đông nƣớc nhọn tựa dao găm

Tôi đã gặp

Chị em công nhân đổ thùng Yếm rách chân trần

Quần xắn quá gối

Run lẩy bẩy chui vào hầm xia tối Vác những thùng phân

Ta thuê một vạn một thùng Có ngƣời không dám vác Các chị suốt đêm quần quật Sáng ngày vừa đủ nuôi con.

Một triệu bài thơ không nói hết nhọc nhằn Của quần chúng anh hùng lao động Đang buộc bụng thắt lƣng để sống Để xây dựng kiến thiết nƣớc nhà Để yêu thƣơng nuôi nấng chúng ta.

Vì lẽ đó

Tôi quyết tâm rời bỏ

Những vƣờn thơ đầy bƣớm đầy hoa Những vần thơ xanh đỏ sáng loà Nhƣ trang giấy kim

Dán lên quân trang

Đẫm mồ hôi và máu tƣơi của cách mạng Nhƣ công nhân Tôi muốn đúc thơ thành đạn Bắn vào tim những kẻ làm càn Những con ngƣời tiêu máu của dân Nhƣ tiêu giấy bạc giả!

Các đồng chí ơi!

Tôi không nói quá

Về Nam Định mà xem.

Đài xem lễ [[5]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9542&rb=08#anm5) họ cao hứng dựng lên Nửa chừng thiếu tiền bỏ dở. Mƣời một triệu đồng dầm mƣa dãi gió Mồ hôi máu đỏ mốc rêu.

Những con chó sói lãng phí quan liêu Nhe răng cắn rứt thịt da cách mạng!

Nghe gió mùa đông thâu đêm suốt sáng Nhớ ―đài xem lễ‖ tôi xót bao nhiêu Đất nƣớc chúng ta không đếm hết ngƣời nghèo Đêm nay thiếu cơm thiếu áo. Những tên quan liêu Đảng đã phê bình trên báo Và bao nhiêu tên chƣa ai biết ai hay Lớn, bé, nhỏ, to, cao, thấp, béo, gày Khắp mặt đất

Nhƣ ruồi nhặng

Ở đâu cũng có!

Đảng muốn phê bình tất cả Phải một nghìn số báo Nhân dân!

Tôi đã đến thăm nhiều hố xí cầu tiêu Giấy trắng nửa mặt, xé toang chùi đít Những ngƣời này không bao giờ họ biết Ở làng quê con cái nhân dân ta Rọc lá chuối non đóng vở học i-tờ!

Tôi đã đến dự những phiên toà Họp suốt ngày luận bàn xử tội Những con chuột mặc áo quần bộ đội Đục cơm khoét áo chúng ta Ăn cắp máu dân đổi chác đồng hồ Kim phút kim giờ lép gầy nhƣ bụng đói Những mẹ già, em trai, chị gái Còng lƣng, rỏ máu lấn vành đai!

Trung ƣơng Đảng ơi!

Lũ chuột mặt ngƣời chƣa hết Đảng lập đội quân trừ diệt - Có tôi!

đi trong hàng ngũ tiền phong.

(Trích [[6]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9542&rb=08#anm6) Giai phẩm mùa Thu tập II 1956)

\*

Lời mẹ dặn

Tôi mồ côi cha năm hai tuổi Mẹ tôi thƣơng con không lấy chồng Trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải Nuôi tôi đến ngày lớn khôn.

Hai mƣơi năm qua tôi vẫn nhớ Ngày ấy tôi mới lên năm

Có lần tôi nói dối mẹ

Hôm sau tƣởng phải ăn đòn.

Nhƣng không, mẹ tôi chỉ buồn Ôm tôi hôn lên mái tóc

- Con ơi –

trƣớc khi nhắm mắt

Cha con dặn con suốt đời Phải làm một ngƣời chân thật.

Mẹ ơi, chân thật là gì?

Mẹ tôi hôn lên đôi mắt

Con ơi một ngƣời chân thật Thấy vui muốn cƣời cứ cƣời Thấy buồn muốn khóc là khóc. Yêu ai cứ bảo là yêu

Ghét ai cứ bảo là ghét

Dù ai ngon ngọt nuông chiều Cũng không nói yêu thành ghét. Dù ai cầm dao doạ giết

Cũng không nói ghét thành yêu.

Từ đấy ngƣời lớn hỏi tôi: - Bé ơi, Bé yêu ai nhất?

Nhớ lời mẹ tôi trả lời: - Bé yêu những ngƣời chân thật. Ngƣời lớn nhìn tôi không tin Cho tôi là con vẹt nhỏ

Nhƣng không! Những lời dặn đó In vào trí óc của tôi

Nhƣ trang giấy trắng tuyệt vời In lên vết son đỏ chói

Năm nay tôi hai mƣơi lăm tuổi Đứa bé mồ côi thành nhà văn Nhƣng lời mẹ dặn thuở lên năm Vẫn nguyên vẹn màu son chói đỏ. Ngƣời làm xiếc đi dây rất khó Nhƣng chƣa khó bằng làm nhà văn Đi trọn đời trên con đƣờng chân thật. Yêu ai cứ bảo là yêu

Ghét ai cứ bảo là ghét

Dù ai ngon ngọt nuông chiều Cũng không nói yêu thành ghét Dù ai cầm dao doạ giết

Cũng không nói ghét thành yêu. Tôi muốn làm nhà văn chân thật chân thật trọn đời Đƣờng mật công danh không làm ngọt đƣợc lƣỡi tôi

Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã Bút giấy tôi ai cƣớp giật đi Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.

(Trích báo Văn số 21 ra ngày 27-9-1957)

[[1] T](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9542&rb=08#nr1)rần Dần sinh năm Bính Dần 1926 (talawas).

[[2] Sa](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9542&rb=08#nr2)u phần giới thiệu Trần Dần, trong nguyên bản có hình chụp bìa tập Giai phẩm mùa Xuân 1956, trong đó có đăng bài "Nhất định thắng" của Trần Dần (talawas).

[[3] X](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9542&rb=08#nr3)em nguyên văn bài thơ gồm 9 đoạn trong Giai phẩm mùa Xuân 1956. Bản đăng trong cuốn sách này có lược bỏ một số câu và nguyên đoạn 6 (talawas).

[[4] T](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9542&rb=08#nr4)rong cuốn Bác sĩ Zhivago, Boris Pasternak có viết: "Muốn chiều cộng sản thì dể lắm. Cứ nói là yêu cái mình ghét, và cứ nói là ghét cái mình yêu".

[[5] Đ](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9542&rb=08#nr5)ài xem lễ do ủy Ban thành phố Nam Định dựng lên để các đại biểu đứng xem lễ. Việc này đã bị phê bình ở báo Nhân dân.

[[6] B](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9542&rb=08#nr6)ài thơ còn có một đoạn cuối bị lược bỏ trong sách này. Xem nguyên văn trong Giai phẩm mùa Thu tập II 1956 (talawas)

Tạ Hữu Thiện

Tạ Hữu Thiện là một sinh viên mới lớn lên trong kháng chiến. Vì đƣợc rèn luyện dƣới chế độ mới nên anh viết theo lối hiện thực xã hội.

Trong bài ―Tôi tìm Em‖ mà chúng tôi trích theo đây, tác giả ta thán về nỗi đau tìm không ra vợ. Điều kiện đƣa ra thì rất chi là dễ dàng, tác giả chỉ cần gặp một tâm hồn ―biết ghét và biết yêu‖, thế mà tìm khắp ở các từng lớp trong xã hội miền Bắc đều không thấy.

Tác giả không nói tại sao, nhƣng ngƣời đọc có thể hiểu rằng nền giáo dục cộng sản đã làm khô cạn tâm hồn con ngƣời, nhất là tâm hồn của phụ nữ.

Những ngƣời ở ngoài vòng thƣờng ít nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề, nhƣng thực tình, đối với ngƣời con trai chƣa vợ hiện nay ở Bắc Việt thì đó là một tình trạng vô cùng bi đát. Một xã hội loài ngƣời mà không còn tình yêu, chỉ còn xác thịt là một viễn ảnh rùng rợn. Viễn ảnh này đã đƣợc một nhà văn Anh, Georges Orwell, trình bày trong cuốn 1984 và một nhà văn Mỹ mà chúng tôi quên tên trình bày trong cuốn Body Snatcher. Đề tài này đã đƣợc đóng thành phim và chiếu tại Sài Gòn.

Tôi tìm Em

Có phải Em là người không bao giờ tôi gặp Mới là người tôi ấp ủ trong tim?

Ai lớn lên không từng yêu đƣơng Ai biết yêu không từng hò hẹn Việc ấy lẽ thƣờng.

Tôi đã từng yêu, từng chán nản Không bao giờ thấy nguội con tim Không bao giờ thoả mãn

Khát khao Em, tôi vẫn gắng công tìm. Có phải Em là ngƣời không bao giờ tôi gặp Mới là ngƣời tôi ấp ủ trong tim?

Nửa đời ngƣời tôi đã đi khắp cả Kiếm tìm Em, sao chửa thấy Em đâu? Em yêu dấu, sao mà xa lạ Đến bao giờ thoả ƣớc hẹn hò nhau?

- Hỡi cô bạn gƣơng tròn bỏ túi Quần sồi áo nâu

Tháng năm dài vất vả

Cuốc bẫm cày sâu.

- Hỡi cô bạn công trƣờng nhộn nhịp Góp đôi tay, đôi vai

Vào chƣơng trình kiến thiết Nằm mộng thấy ngày mai

- Hỡi các cô đẩy xe, gánh vải Quét rác, đổ thùng,

Lao động mang đầy nhựa sống Nở ngực, thon lƣng - Hỡi cô bạn quầy hàng, tủ kính Thoắt mua về lại thoắt bán đi Cuộc sống là trăm ngàn con tính Kệ đời lắm chuyện thị phi

- Hỡi cô bạn ngồi trong công thự Ngày ngày chép chép ghi ghi Sôi nổi nhƣ đả máy chữ

Rộn ràng giấy má đến, đi.

- Hỡi cô bạn văn công nhảy múa Dƣới ánh đèn lộng lẫy ánh tiên Mắt biếc môi tình chan chứa Đời nhƣ không có ƣu phiền

- Hỡi cô bạn sinh viên trƣờng đại học Đã cùng tôi luận luận bàn bàn Kiến thức hai ta dù góp lại So với đời chỉ độ tấc gang.

- Hỡi tất cả các cô bạn gái Tôi đã biết hay là tôi chƣa quen Tôi chả bị cái gì làm lạc hƣớng Nhằm áo hồng, phụ áo vá vai Cũng bất chấp lối luận bàn sống sƣợng Khen chê tóc ngắn, tóc dài

Tôi thấy: đã là con gái

Vào tuổi dậy thì

Cô nào trông cũng đẹp

Mỗi ngƣời một vẻ kém chi.

Tôi đắm đuối nhìn đầu môi khoé mắt, Nét ngực đƣờng lƣng

Hàm răng mái tóc

Mộng đời những tƣởng đắp chăn chung.

Thực thà tôi chẳng biết

Cân nhắc thành phần,

Cũng chẳng dại làm điều vô ích Xem cỗi nguồn có vẹn mƣời phân.

Tôi cũng chẳng đo tài gạn đức Ra điều kén cá chọn canh Vì tình yêu đời đời đâu có phải Là bốn bài trừ cộng chia nhân.

Trong các bạn có chăng ngƣời yêu dấu Mà bấy lâu tôi vẫn gắng công tìm? Đó chính là ngƣời tôi chửa gặp Mới là ngƣời tôi ấp ủ trong tim.

Trên tất cả thành phần lý lịch Trên cao sang, trên sắc đẹp diễm kiều Em, trọn cuộc đời tôi kiếm gặp Chỉ là ngƣời biết ghét, biết yêu.

(Trích báo Trăm hoa ngày 6-1-1957)

Bùi Quang Đoài

Bùi Quang Đoài là một sinh viên nghèo theo học trƣờng Nguyễn Thƣợng Hiền ở Khu Ba, sau về trƣờng Dự bị Đại học ở Thanh Hoá, rồi khi Việt cộng tiếp thu Hà Nội anh học trƣờng Văn khoa Đại học.

Anh lãnh đạo phong trào sinh viên chống Đảng, làm chủ bút tờ Đất mới là cơ quan tranh đấu của sinh viên. Tờ Đất mới chỉ ra đƣợc một số thì bị bóp chết. Sau vụ đó thì anh bị đuổi khỏi trƣờng. Số phận hiện nay ra sao chúng tôi không rõ.

Bài ―Lịch sử một câu chuyện tình‖ của anh đăng trong tờ Đất mới mà chúng tôi trích sau đây, tả không khí sinh hoạt trong khu học xá ở Hà Nội và kể lại một vụ cán bộ Đảng dùng uy quyền chính trị chiếm đoạt tình yêu của một nữ sinh viên tiểu tƣ sản ngƣời Hà Nội. Câu chuyện có thực, và đã làm sôi nổi dƣ luận trong giới sinh viên đại học.

Lịch sử một câu chuyện tình

Em hãy đếm những vì sao trên trời được bao nhiêu thì anh yêu em còn hơn thế nữa…

Nếu có thế và chỉ có thế thôi.

Đƣờng trăng mà không sáng! Bóng mây đã che mờ hẳn trăng đêm. Ánh đèn trong những gian phòng khu học xá chiếu hắt ra nhƣ những vì sao thứ tự. Tân bƣớc vội lên thềm. Một anh bạn sinh viên ngồi đó nhìn theo dáng anh mệt nhọc.

Kém 15 phút nửa là đúng 10 giờ đêm. Bây giờ phải họp tổ hội tự kiểm thảo. Mà kiểm thảo cái gì, đêm nào cũng một luận điệu "Tôi thấy trong ngày hôm nay..."

Qua phòng họp lớn, Tân lấy tay kéo xệch chiếc ghế dựa đi một quãng. Tiếng ồn làm mấy ngƣời bạn đang chúi mũi học bài nhìn lên. Có cái nhìn của Bằng qua đôi kính trắng gọng nạm vàng. Mắt Tân bắt gặp mắt Bằng trong thoảng chốc. Và Tân càng thấy bực mình thêm vì cứ bị mãi đôi mắt kính vô lý kia ám ảnh. Một thằng ngƣời hay một... thế thôi! Cần gì nói hết ý nghĩ của mình trong khoảnh chốc. Tân lấy đàn violon ra kéo chơi một bài cho lòng khuây khỏa. Âm thanh của bản đàn "Thais" réo rắt và dồn dập làm rối bời thêm tâm trí anh.

"Ê, Tân đi họp tổ chứ ‗ôm‘ đàn mãi à!‖

Tân cƣời nhẹ và ngoan ngoãn nhƣ em bé bỏ cây đàn vào hộp. Bƣớc đi vẫn nặng nề, do dự. Tiếng đàn còn vẳng bên tai anh. Họp! Có gì? - Phê bình và kiểm thảo, kiểm thảo và phê bình. Mƣời phút qua và tối mai đúng 10 giờ kém 15 lại cứ thế. Tân lên dây đồng hồ cho tiếng máy chạy đều sỗng đến 10 giờ đêm mai. Không biết con ngƣời có nhƣ vậy không, nhƣng cứ kéo dài nhƣ vậy thì quả thật là mệt mỏi quá rồi! Bao giờ sẽ đƣợc lau dầu?

Một hồi kẻng vang lên. Mƣời giờ đúng. Ánh điện đồng loạt ở các gian phòng khu học xá tắt phụt. Có vài cái trễ nải cố sống thêm vài phút. Mƣời giờ và đi ngủ. Nội quy của khu học xá là nhƣ vậy và không một ai có thể thức lâu, trừ "trƣờng hợp" đặc biệt nào đó. Tân mân mê hộp đàn violon trong đêm tối. Anh muốn kéo thêm một bản đàn và thực tình anh cũng chƣa buồn ngủ. Nhƣng đêm tối của toàn gian phòng bắt anh phải tôn trọng một giấc ngủ chung của tập thể. Tiếng đàn nhƣ ĩân còn vẳng lên kéo anh về một kỷ niệm. Anh nghĩ đến một ngƣời ở năm thứ nhất ban Sử:

Trang sách mở rồi

Một tờ thư nho nhỏ

Thương anh muôn vạn thuở Gửi chùm hoa lý phần anh...

Tự nhiên anh nhớ lại mấy câu thơ đó của ngƣời bạn và mong cho nỗi lòng mình có một sự cảm thông. Câu chuyện gặp gỡ anh không thể quên đƣợc...

Đôi mắt của An và thân hình của An. Màu áo tím hoa cà trong nắng vàng của buổi chiều hè làm Tân có cái cảm tƣởng Tân đang bƣớc trên một đài mây. Gió thoảng bay về vờn qua nếp lụa mỏng. Một cái gì lôi cuốn cả tâm hồn Tân, anh trìu mến nhìn ngƣời bạn gái sinh viên chƣa quen thuộc đó. An đang vui cƣời trò chuyện với mấy ngƣời bạn gái khác, không chú ý đến một chàng trai si tình của năm thứ ba văn khoa. Ai lại yêu quá vội vàng nhƣ thể nhỉ! Nhƣng nói sao đƣợc tuổi thanh niên và nói sao đƣợc cái rung động buổi đầu trƣớc một ngƣời đẹp. Tân nhìn An trong nắng vàng của chiều hè, nhịp máu chảy vƣơn lên. Tự nhiên An cũng nhìn hƣớng về phía Tân. Và An nhìn hƣớng nhƣ vậy luôn mấy lần. Đôi mắt Tân và đôi mắt An đã gặp nhau trong một cuộc hẹn hò không ƣớc hẹn.

Yêu! Tân thấy cuộc đời nhƣ rộn hẳn lên và cái gì cũng hoa là hoa, ánh sáng là ánh sáng. Yêu đời đẹp quá đi thôi và đƣa ngƣời thanh niên đến một lạc quan say đắm: "Em ơi! Em hãy đếm những vì sao trên trời đƣợc bao nhiêu thì anh yêu em còn hơn thế nữa..."

Chiều đó Tân đã gặp lại An. Lần này anh không dám nhìn thẳng vào mắt An nữa. Anh muốn nói một câu mở đầu nhƣng lòng anh bối rối. Anh đang lúng túng tìm một ý nghĩ gì thật là văn hoa để mong diễn đạt nỗi lòng thầm kín của mình một cách xa xôi bóng bẩy thì Hạnh đến. Hạnh là ngƣời bạn gái khá tốt và tế nhị trong vấn đề tình cảm. Hơn nữa Hạnh là ngƣời đã đứng tuổi, có con rồi. Tân đã có lần tâm sự với Hạnh về cảm tình của mình đối với An, nên bây giờ trong một sự tình cờ hai ngƣời đứng gần nhau trƣớc hiên nhà, Hạnh đã nắm đƣợc sự bối rối của Tân. Hạnh nói nhƣ sực nhớ một điều gì:

"À, anh Tân đây rồi! Chị An mƣợn tôi cuốn Số đỏ của Vũ Trọng Phụng nhƣng anh lại mƣợn mất rồi. Thôi hai ngƣời điều đình với nhau vậy. Tân hơi ngạc nhiên vì anh không định mƣợn cuốn Số đỏ của Hạnh bao giờ. Nhƣng thoáng cái, anh hiểu ngay ý nghĩa câu nói, anh nhìn thẳng vào mắt An hỏi:

―Chị An bên Sử mà cũng thích đọc sách bên Văn cơ à? Thế mà tôi cứ tƣởng…"

"Tƣởng gì nào ?"

Hạnh cƣời ngắt ngang câu nói làm Tân hơi lúng túng.

An cũng vậy, nàng đã bắt gặp rất nhiều lần Tân nhìn nàng, nên hôm nay nàng cũng không giữ đƣợc vẻ tự nhiên thƣờng ngày. Nàng hỏi lại: "Thế anh tƣởng bên Sử thì không thể và không dám hiểu một ý sâu của câu văn hay sao? Anh quên rằng các anh bên Văn là rất cần Sử để có thể phân tách tình trạng xã hội qua tác phẩm văn học đó nhé!"

Hạnh cƣời:

―Vâng rất cần Sử…"

Câu chuyện đang vui thì Bằng đến. Bằng nhìn Tân rồi nhìn An qua đôi kính trắng gọng nạm vàng nói nhƣ cố ý pha trò nhƣng quá nƣớc ốc:

―Chứ cái chi chi đây mà tụ họp vui quá nhỉ."

Tân muốn bỏ đi ngay. Anh nói hất hàm:

"À, một chuyện đời!"

Bằng lại giữ đúng thái độ "Đào kép mới" của Nguyễn Công Hoan, cƣời lố bịch :

"Chà, chứ quan trọng vậy ƣ? Nhƣng chuyện đời gì mà chỉ có ba ngƣời, tôi tham gia có đƣợc không?"

An vô tình nói với Bằng:

―Sao lại chuyện đời? Em hỏi mƣợn chị Hạnh cuốn Số đỏ đó thôi." Tân nhún vai:

"Thì Số đỏ cũng là chuyện đời, chuyện đời của thằng Xuân biết lừa đời, sống trong một hình thức giả tạo để mà lên đến ghế gọi là ‗anh hùng‘!" Tân nói xong cƣời tinh nghịch nhìn vào đôi mắt kính của Bằng. Anh thấy Bằng đã đến, tất nhiên nƣớc có thể đục. Mà anh, cuộc đời trƣớc mắt anh đang cần những cái gì trong mát, tƣơi thắm hơn, nên anh trở về phòng.

Lát sau anh đƣa cuốn Số đỏ cho An. Hai ngƣời cùng nói chuyện với nhau nhiều hơn trong cuộc đời sinh viên, giữa ngƣời ở vùng tự do, kháng chiến trở về thủ đô và ngƣời thủ đô cũ. Tân kể lại những ngày vất vả ở cầu Kè, Thanh Hoá, đêm ngồi nghe giáo sƣ giảng bài bên ngọn đèn dầu lù mờ và cả cuộc đời gò bó, khuôn khổ. Ngoài thì tàu bay của giặc thƣờng đi khủng bố, trong thì cả một sự hạn chế... Anh không muốn nói hết những tình cảm và tƣ tƣởng của mình trong những ngày đã qua. Anh muốn tìm hiểu hơn ở ngƣời bạn gái Hà Nội có mái tóc quăn này. Anh đã hỏi An là sao An đã vào Sƣ phạm mà chịu ở ký túc xá. Qua những câu nói của An, anh hiểu tâm trạng của một ngƣời thanh niên học sinh Hà Nội hơn, những phút sống lao đao của họ trong bàn tay địch và cuộc đời nhƣ không có tƣơng lai. Tất cả xung quanh đều là những bƣớc đƣờng có thể sa ngã, bàn tay của truỵ lạc, của đen tối luôn tìm lôi kéo mọi ngƣời thanh niên mới lớn lên. Cho nên trên cái bơ vơ đó của cuộc đời, phải chăng ngƣời thanh niên của thủ đô Hà Nội cũ đã hƣớng về vùng tự do kháng chiến. An cũng đã sống trong cái tâm trạng đó nên lúc hoà bình đƣợc lập lại, nàng nhƣ thấy rõ cuộc đời mình đang bắt đầu đi vào con đƣờng giải phóng mới rộng rãi và tƣơi sáng hơn. Trên ý nghĩ đó, An thấy mình chƣa phục vụ cho nhân dân, cho đất nƣớc đƣợc một cái gì rõ rệt, hơn nữa trong nhu cầu cần thiết của nhân dân, nàng quả quyết theo ngành sƣ phạm. Mặc dầu Trâm, bạn nàng, hôm thi đỗ đƣợc vào trƣờng Đại học Sƣ phạm Văn khoa đã nói đùa: "Thế này thật là mới vững lập trƣờng!", nhƣng An không khe khắt với bạn. Nàng cho ý nghĩ ấy cũng có thể đƣợc chứ có sao đâu: lập trƣờng của mình là dứt khoát đứng về phía nhân dân lao động và phục vụ cho nhân dân lao động cơ mà! Học sƣ phạm ra đi dạy là ý nghĩa cụ thể nhất của một ngƣời thanh niên.

An đã nói với Tân là An mến những chị bạn ở vùng tự do kháng chiến mới về. An muốn gần họ và mong hiểu đƣợc nhiều hơn cuộc sống của con ngƣời kháng chiến mà nàng không là một con số trong đó. Tân hỏi đùa An:

―Nhƣng sao ngƣời ở Hà Nội mới đƣợc giải phóng lại cứ hay gọi vùng tự do kháng chiến là 'hậu phƣơng‘?"

An không trả lời. Qua câu chuyện của Tân, nàng thấy Tân là một thanh niên rất thành thật. Nàng mến Tân hơn và có thể tin ở ngƣời bạn trai có một tâm hồn nghệ sĩ nàỵ An nhớ lại những bản đàn mà Tân thƣờng chơi vào lúc 10 giờ đêm trƣớc giờ kiểm thảo. Tiếng đàn những lúc đó bao giờ cũng vội vàng, hấp tấp. Tân kéo bản đàn này qua bản đàn khác nhƣ ngƣời đang cố tìm hƣởng lấy một phút sống vui trƣớc giờ hấp hối (và không biết 10 giờ nội quy đi ngủ của khu học xá có phải cũng đúng là giờ hấp hối hay không). Tiếng đàn buổi sáng bao giờ An cũng thấy thoải mái, thánh thoát hơn. Tiếng đàn lắng sâu vào tâm sự con ngƣời trong buổi bình minh rực rỡ, đọng trên mí mắt ngƣời ta nhƣ châu ngọc, ban cho tuổi thanh niên một hứa hẹn của ngày mai. An rất thích nghe tiếng đàn bình minh của Tân. Một sáng đầy nắng mới, Tân lại đi kéo bài "Khúc ca ban chiều", "Sérénata" - làm An và các bạn khác, vẫn thích nghe đàn của Tân, bật cƣời:

―Ông tƣớng quên cả ngày rồi!‖

Nếu chỉ thế thôi!

Tân đã ghi vào trang đầu của cuốn nhật ký: "Em ơi ! Em hãy đếm những vì sao trên trời được bao nhiêu thì anh yêu em còn hơn thế nữa".

Tình yêu đã bắt đầu chớm nở giữa hai ngƣời. Tiếng đàn của Tân vui hơn, nhộn nhịp hơn. Anh không ăn bận bình thƣờng nhƣ trƣớc nữa. Anh chải hắt mớ tóc lên theo làn sóng uốn và thỉnh thoảng anh lại thắt cả "cravate". Mọi ngƣời đều thấy ở Tân có một sự thay đổi và ai cũng biết câu chuyện giữa Tân và An.

Bƣớc đầu đang đƣợc tìm hiểu xây dựng thì một hôm ngƣời ta thấy Bằng đang bàn chuyện trong buồng riêng với hai nữ sinh viên, Chi và Phụng. Nét mặt của Bằng rất quan trọng và qua đôi kính trắng gọng nạm vàng của Bằng ngƣời ta lại càng có thể đoán cái quan trọng của câu truyện hơn. Không ai hiểu chuyện gì đã hay đang xẩy ra. Ngƣời ta - nghĩa là anh em sinh viên - đều biết Bằng là bí thƣ chi bộ Đảng của tổ chức sinh viên. Một lát Chi ở phòng riêng ra, còn Phụng ở lại với Bằng. Cửa đóng kín mít trong gian phòng của hai ngƣời, một trai và một gái. Ngƣời ta không có quyền tò mò vì đó là Bằng "đảng viên" đang giải quyết" công việc.

Đến chiều An vội từ trên gác xuống tìm đến phòng riêng nơi Bằng làm việc. Mặt nàng hơi tái. Bằng hỏi nàng:

―Chắc Chi và Phụng đã nói chuyện với chị rồi phải không? Chị có cảm tình với Tân? À, cái ấy chị có quyền tự do luyến ái...‖

An thấy thái độ của Bằng quá trắng trợn, toan "thắc mắc" nhƣng nàng vội nhớ ngay đến địa vị và chức vụ của Bằng. Nàng lo sợ ngồi yên lặng cúi đầu xuống, tay cuộn tròn mẩu giấy nhỏ. Tự nhiên nàng thấy mình nhƣ đang phạm vào một tội gì đó trong "nội quy" tình yêu ở khu học xá. Nàng đang phân vân thì Bằng lại nói:

―Chị đã tìm hiểu gì nhiều về anh Tân chƣa? Cứ nói thật thì anh chị em ngƣời ta giúp ý kiến cho chứ ngại gì mà vụng trộm. Ở đây chúng ta có đủ mọi quyền, trong đó có quyền yêu cơ mà.‖

Rồi Băng cƣời độ lƣợng tiếp:

―Cái khuyết điểm của chị là sao lại không hỏi ý kiến tôi hay tập thể. Tất cả sinh viên của ta ở đây có một việc gì, dù là việc tâm tình kín đáo mấy mà lại không hỏi qua ý kiến tôi. Nhƣng may là có mấy chị ấy báo cáo cho tôi rõ, nên tôi mới gọi chị đến đây để giúp đỡ thêm ý kiến về hạnh phúc lứa đôi. Chắc chị cũng biết những tiêu chuẩn luyến ái quan chứ gì? Tôi không nhắc lại hết, chỉ nêu lại với chị một điểm của tiêu chuẩn luyến ái là vấn đề tƣ tƣởng. Vâng, vấn đề tƣ tƣởng là chính yếu: giá trị của con ngƣời ta là qua vấn đề tƣ tƣởng đó. Mà Tân thì chắc chị đã hiểu, Tân chƣa phải là thanh niên Cứu quốc, riêng chị là cảm tình của Đoàn.‖

Sự việc xảy ra quay cuồng trƣớc mắt An. Chiều hôm đó nàng bỏ không ăn cơm, cáo ốm xin nghĩ học tối. Trƣớc kia nàng là một ngƣời hồn nhiên, nhìn mộng đẹp của đời nhƣ bông hoa buổi sáng mở cánh đón ánh nắng bình minh. Nàng rất tin ở chế độ Dân chủ Cộng hoà và con đƣờng tiến lên của nó. Nàng rất tin con ngƣời trong chế độ đó và chƣa một lần hoài nghi. Ngƣời ta có thể hoài nghi với cuộc đời, với cả tình yêu. Nhƣng riêng An nàng nghĩ ngƣời đời cũng có thể có những tình cảm nhƣ mình. Nay trang giấy trắng của tuổi lòng đang bắt đầu lật qua một mặt khác, nàng đã yêu Tân. Tình yêu của nàng đang vừa độ chớm nở. Nàng có thể tha thứ cho Tân những điều mà Tân đã lầm lỗi trong tình cảm trƣớc kia. Đó là một chuyện rất có thể mà thôi, tuy chƣa thú thực nỗi lòng của mình với Tân, nhƣng nàng có thể tin Tân.

Đôi mắt của Bằng qua đôi kính trắng gọng nạm vàng nhƣ đã nhìn rất sâu vào tâm tƣ An. Nàng không thể quên đƣợc những cái tiêu chuẩn - không biết có vô lý không - mà Bằng đã nêu ra: vấn đề tƣ tƣởng. Mà tƣ tƣởng tức là lập trƣờng chính trị rồi. Thế nhƣng anh Tân đã chiến đấu ở bộ đội về, đã ở kháng chiến cơ mà! An lại càng phân vân. Cuộc đời quả thật là vô cùng phức tạp. Tại sao Tân không phải là Thanh niên Cứu quốc? Tại sao Tân đã chiến đấu cho Cách mạng nhiều nhƣ vậy, 6, 7 năm ở bộ đội - mà lại không là một đảng viên cộng sản? Tại sao? Nếu quả ý nghĩa câu nói của Bằng thì có thể là Tân thiếu lập trƣờng cách mạng, tƣ tƣởng kém. Do đó suy rộng ra không biết có nên chụp mũ không - là tƣ cách đạo đức kém. Mà nếu là quần chúng thì đó là một sự dĩ nhiên. Ý nghĩ dồn dập trong tâm trí An. Nàng thấy ở trƣờng học cũng có cơ quan đoàn thể của chính phủ, những ngƣời lãnh đạo đều là đảng viên cộng sản cả. An rút ra một kết luận đơn giản: đảng viên cộng sản ngƣời nào cũng tốt hết vì họ có lập trƣờng tƣ tƣởng vững, còn quần chúng mặc dù anh ở thành phần nào, năng lực công tác cao đến đâu nếu anh chƣa là đảng viên cộng sản thì ý thức lập trƣờng của anh đều kém. Nhƣ vậy, nếu đƣa vấn đề tự do luyến ái ra trong đó có tiêu chuẩn tƣ tƣởng - sao lại tiêu chuẩn? - qua ý của Bằng là con gái nên lấy chồng đảng viên cộng sản vì họ có lập trƣờng tƣ tƣởng. Thật là rủi ro cho ai lấy phải những ngƣời chồng quần chúng nhƣ Tân hay sao? Nhƣng hiện nay một số đảng viên cộng sản đã phủ nhận vai trò của quần chúng, không tin ở quần chúng (cơ quan tổ chức nào họ cũng nắm toàn quyền lãnh đạo và đảng bộ quyết định tuyệt đối), họ khinh thƣờng quần chúng. Vì vậy An đã nghi ngờ ngay cả khả năng của bản thân mình.

An càng thấy băn khoăn hơn trong ý nghĩ, mấy ngày luôn nàng tránh không muốn gặp Tân, nàng sợ cái nhìn của Tân, sợ cả tiếng đàn của Tân. Tiếng đàn trƣớc kia quen thuộc, thân ái nhƣ lời tâm sự, bây giờ đối với nàng nhƣ tiếng than não ruột.

Chính nó đã xé cã lòng nàng. Nàng thấy nhƣ tiếng đàn cũng mất lập trƣờng, thiếu căn bản tƣ tƣởng. Ừ, giá cũng bản đàn đó, nếu là một ngƣời đảng viên cộng sản kéo thì có phải vững lập trƣờng biết bao. An cho mình nghĩ nhƣ vậy là máy móc, nhƣng chính lòng nàng qua buổi nói chuyện với Bằng, nàng không biết cái gì là đúng, cái gì là sai nữa. Nàng đang đứng trƣớc một ngã ba đƣờng mà chân lý đối với nàng còn quá mơ hồ. Ngƣời bí thƣ chi bộ cộng sản ở trƣờng đã đƣa nàng vào con đƣờng sƣơng mù của một buổi sáng Luân Đôn.

Không yêu có đƣợc không? An để tay lên tim mình nghe rõ tiếng đáp dồn dập. Nàng yêu Tân, yêu nhƣng chƣa qua một lần hứa hẹn. Nhƣ thế cũng hay? Chi bằng ta gấp cuộc đời lại, ta chờ đợi một cái rủi may. Mấy lần An đến gặp Bằng, nói rõ nỗi khổ của lòng mình. Bằng đã thƣơng hại nàng, lấy tƣ cách là một ngƣời anh, tƣ cách một ngƣời cán bộ lãnh đạo đi sát quần chúng, an ủi nàng. Nàng rất cảm động vì lòng tốt của Bằng. Có lần Bằng đã để tay lên vai nàng, vuốt nhẹ tóc nàng, khuyên nàng không nên đau khổ. Thời gian sẽ trôi qua và kỷ niệm kia cũng sẽ dần dần nhạt phaị Nàng thấy Bằng luôn săn sóc đến nàng cũng nhƣ các ngƣời bạn gái khác của nàng. Trong toàn trƣờng sƣ phạm văn khoa, không một ngƣời nào thắc mắc cái gì là không phải qua tay Bằng giảI quyết. Bằng đã giúp đỡ cho nhiều chị nhìn rõ đời tƣ của ngƣời bạn trai si tình nào đó và nhƣ vậy chị mới có thể dứt khoát cắt đứt dây tình cảm đang định giăng buộc hai ngƣời. May có Bằng, nếu không thì biết bao nhiêu là chị sẽ vô tình yêu lầm phải những chàng sinh viên quần chúng thiếu tiêu chuẩn tƣ tƣởng trong vấn đề luyến ái quan.

Thật tình An đã cám ơn Bằng, ngƣời cán bộ trung kiên đã giúp cho nàng một con đƣờng thoát. Nàng thấy Bằng thật quả xứng đáng là một sinh viên gƣơng mẫu của trƣờng đại học, gƣơng mẫu cả trong cách thức giảI quyết tình cảm.

Từ đó An nhìn Tân bằng con mắt khác, cố tránh xa Tân. Tuy nhiên, nhiều khi ngồi suy nghĩ một mình, An tự hỏi lòng mình đã dứt khoát hẳn với câu chuyện của đời mình hay chƣa. Cái kỷ niệm trong mối tình đầu tiên chƣa hợp đã tan kia, làm sao nàng có thể quên đƣợc.

Có vài mẩu chuyện tung ra trong dƣ luận sinh viên năm thứ ba làm An ngạc nhiên. An đã biết thờI gian vừa qua Tân rất đau khổ. Tiếng đàn bình minh thƣờng lệ càng nhƣ tha thiết hơn, lo lắng hơn. An rất khó chịu về tiếng thì thầm cho rằng Tân hay diện: "Trong lúc An là ngƣời Hà Nội muốn trút bỏ cái áo Hà Nội để đi xuống thì Tân lại tìm khoác cái áo ấy vào". Tại sao ngƣời ta lại quá nghiêm khắc với ngay cả cách thức ăn mặc? Thế chiến đấu để làm gì, cứ sống thật với lòng mình có hơn không?

Một hôm An đƣợc Bằng gọi xuống có chuyện riêng. Thoáng thấy bóng Tân ở phòng Bằng ra, nàng đã đoán đƣợc phần nào câu chuyện. Cái làm nàng ngạc nhiên nhất là Tân lại đi cầu cạnh Bằng mong giúp đỡ trong vấn đề tình cảm. Nàng chắc Tân không bao giờ có thể làm một việc cầu cạnh nhƣ thế. Nhƣng biết đâu, trong đau khổ của con tim, ngƣời ta có thể đi thử một nƣớc cờ. Nhƣng nƣớc cờ đó của Tân, chính Bằng là ngƣời dàn quân tính nƣớc và An cũng đã chỉ là một quân cờ. Nƣớc cờ của Tân qua tiêu chuẩn tƣ tƣởng trong vấn đề luyến ái của Bằng đã thất bại. An từ chối Tân.

Và nếu cũng chỉ có thế thôi!

Câu chuyện chƣa phải là bỏ dở. Ngày qua rất chóng. An không đọc lại những trang nhật ký đã ghi; An cũng không tìm trở lại một kỷ niệm. Nàng sống hồn nhiên nhƣ một ngày nào...

Có lần đi sau Chi và Phụng, hai ngƣời đang bàn về tình yêu, An đã thoáng nghe: ... "Nữ-sinh Hà Nội dễ chinh phục nhƣ chơi... Anh ấy quan niệm rằng ngƣời ta có thể yêu một lần bốn cô..." An lao đao cả tâm hồn. Anh ấy là ai? Chắc hẳn phải là một anh cán bộ nào đó gần gũi với mấy cô nữ sinh viên. Nhƣng tại sao ngƣời ta lại có một quan niệm lạ đời nhƣ vậy? Họ khinh thƣờng ngƣời con gái Hà Nội quá đi: họ đã quan niệm nữ sinh Hà Nội nhƣ một ngƣời đàn bà dễ dãi trong tình yêu. Và một lần bốn cô. Rõ ràng đó là ý nghĩ của một tƣ tƣởng bệnh hoạn, lƣu manh.

An nghĩ đến Tân, so sánh giữa Tân với một số cán bộ sinh viên lãnh đạo. Tân sống với tình cảm của mình quá nhiều, nhƣng Tân chƣa bao giờ lừa dối ai. Phải sống thật với lòng, sống thật với con ngƣời chân chính... Trong đời còn bao nhiêu là rơm rác, bao nhiêu là sâu bọ, làm sao mà biết đƣợc cái chân chính của một con ngƣời. Bằng đã giải thích và xây dựng cho nàng rất nhiều trong cuộc sống chung đụng giữa sinh viên. Những cô bạn của nàng cũng đã có cái hân hạnh đó và tất cả coi Bằng nhƣ một ngƣời anh. Bằng có đủ mọi quyền, kể cả quyền về tình cảm. Nhƣng với quyền hành, Bằng có xứng đáng với lòng tin của quần chúng không? Qua câu chuyện giữa Chi và Phụng, An bắt đầu đặt một câu hỏi. Nàng biết Phụng rất đƣợc Bằng chú ý và thƣờng hay bàn bạc riêng với nhau. Có hôm Bằng và Phụng ở trong buồng riêng thì thầm đến quá nửa đêm, mà nộI quy nhà trƣờng thì 10 giờ đúng là đi ngủ. Đó là một "trƣờng hợp" đặc biệt và không ai có thể tò mò về Bằng trong khi anh ta đang "giải quyết vấn đề" gì đó cần thiết cho một cô sinh viên. Bằng gần Phụng nhiều cũng đúng, vì chính Phụng đang thắc mắc nhiều về chồng con. Bằng vuốt tóc Phụng, xoa dịu lên vai Phụng cũng là đúng vậy thôi. Phụng cần đƣợc an ủi và Bằng là một ngƣời anh, đồng thời là cán bộ lãnh đạo. Có hôm chính mắt An đã thấy Bằng đùa nghịch với Phụng trƣớc mấy ngƣời bạn gái khác. Bằng đã tha thiết muốn xin cái huy hiệu Tiệp Khắc trên ngực Phụng. Phụng không cho và nhƣ thế là có cuộc giằng co "vui vẻ" cái huy hiệu trên ngực Phụng. An thấy khó chịu vì ngực của một ngƣời con gái, dù là bạn trai thân đến đâu cũng không nên đùa quá trớn nhƣ vậy. Nhƣng Bằng là cán bộ lãnh đạo thì hành động ấy phải chăng Bằng có thẩm quyền? Cũng nhƣ Bằng đã thắc mắc trƣớc mọi ngƣời là Duyên có mang. Lúc ấy Duyên đang yêu Thái. Thế là do thắc mắc của Bằng phát sinh ra một dƣ luận. Ngƣời ta nhìn Duyên bằng con mắt hay hay, chờ đợi một cái gì sẽ đổi ở con ngƣời. Thế nhƣng mấy tháng qua và năm học hết, Duyên vẫn thấy là Duyên lành mạnh, không "to" nhƣ ý nghĩ thắc mắc của Đảng.

An càng nghĩ sâu về sự săn sóc của Bằng nàng càng thấy khó chịu. Bằng dễ dãi và quá thân mật, với chị em. Thƣờng ngày Bằng chỉ gần nữ mà xa nam. Hành động nhƣ trên đối với Phụng và Duyên, An không hoàn toàn đồng ý. Hơn nữa nhƣ câu chuyện giữa cô Chung và anh Bảo. Hai ngƣời đã yêu nhau bốn năm gần cƣới, bỗng dƣng Chung tuyên bố cắt đứt với Bảo. Chung bảo Chung không yêu Bảo nhƣng Chung lại mới yêu Duy là một ngƣời học cùng lớp, ngồi chung bàn. Đây cũng không thể trình bày qua vấn đề tình cảm mà cũng chỉ là trong tiêu chuẩn lập trƣờng: Duy là đảng viên và Bảo chỉ là quần chúng. Chung có một sinh mệnh chính trị làm bậc thang cho đời mình nên tìm yêu Duy. Bằng đã giải quyết cho hai ngƣời cắt đứt nhau, đồng thời có kiểm thảo Duy. Việc xảy ra, An cho là vô lý. Cách giải quyết của Bằng, dung thứ cho Duy phá tình yêu của bạn, thừa nhận sự phản bội tình cảm của Chung và quy kết khuyết điểm về Bảo, cho Bảo là không biết duy trì tình yêu. Bảo đã đau khổ, Chung thì tự đắc về sai lầm mù quáng của mình nhƣ một kẻ thắng thế, còn Duy thì lại tỏ thái độ dửng dƣng: "Chuyện tôi với Chung sở dĩ xẩy ra vì tôi sống gần một ngƣời đàn bà. Tôi lại chƣa có vợ... À đàn bà!". Đó là quan niệm luyến ái của một cán bộ lãnh đạo hay sao?

Hình ảnh Bằng với đôi kính trắng gọng nạm vàng và hình ảnh Duy với một mắt to, mắt nhỏ luôn ám ảnh An. Đó là hai ngƣời trong những ngƣời lãnh đạo. Tại sao những sự việc xẩy ra vô lý nhƣ vậy mà hai ngƣời lại quan niệm một cách quá giản dị, cái chân chính của con ngƣời là thế hay sao? Nàng nhớ lại câu nói của Tân đã trả lời Bằng về cuốn Số đỏ: "Thì Số đỏ cũng là một chuyện đời, chuyện đời của một thằng Xuân biết lựa đời sống trong một hình thức giả tạo để mà lên đến ghế gọi là anh hùng". Thì đây ngoài cái giả tạo đó, còn có cái giả tạo lừa lọc, phá hoại trắng trợn tình cảm của con ngƣời ta nữa.

An đau khổ từ trong tận cùng tâm hồn. Nàng nghĩ đến Tân, Tân không thể có những cái tình cảm bệnh hoạn nhƣ vậy. Tân không che giấu tình cảm của mình và qua tiếng đàn của Tân ngƣời ta cũng có thể thấu rõ tiếng nói của con tim Tân. Tiêu chuẩn tƣ tƣởng hay tiêu chuẩn tình cảm trong tình yêu? Cuộc sống nhƣ bị đóng khung, uốn theo cái nhìn của một số ngƣời lãnh đạo. Họ - nhƣ hạng Bằng - không còn có trái tim biết xúc cảm nữa. Họ sống theo một hình thức giả tạo, một đạo đức lừa dối, trong đó họ có thể đề cao địa vị đảng viên của họ lên, đồng thời là đề cao cá nhân họ. Họ muốn quần chúng tôn sùng họ; họ là một ông thần nhỏ trong phạm vi hoạt động. Trong số những ngƣời đảng viên ít ỏi giữa quần chúng đông đảo, ai là ngƣời chân chính, ai là ngƣời đau xót cho da thịt của mình có những phần rữa nát?

Không! An vẫn tin, lòng tin vô cùng mãnh liệt ở sự lãnh đạo của Đảng Lao động, Đảng đã đƣa nàng đến ánh sáng, với cuộc sống ý nghĩa - với con ngƣời. Nhƣng An không thể chịu đƣợc một số đi sai lệch, sống tìm dựa vào một quyền uy. Mọi sự giải quyết tình cảm, phá hoại sức sống tuổi trẻ và bao việc đen tối, mập mờ khác của Bằng làm An thêm khó chịu. Nếu quần chúng mà sai lầm nhƣ vậy thì không biết sẽ đƣợc kiểm thảo, đƣợc thành kiến, đƣợc quy kết tội lỗi đến một thời vực nào…

An bị giày vò trong ý nghĩ. Nàng chƣa thể nhìn thấy chân lý của một vấn đề khi lực lƣợng xã hội đang ngày càng phát triển trong sức sống mới của dân tộc. Ngày qua, nàng mệt mỏi, choáng váng đầu óc nhƣ một ngƣời bị bệnh thần kinh. Nàng tự đấu tranh giữa lẽ phải và sai lầm. Nàng nghĩ hiện nay trong rất nhiều cơ quan hạng ngƣời nhƣ Bằng không phải là ít. Trong một giấc mơ, nàng thấy một ngƣời chiến sĩ tay cầm ngọn cờ hồng, mình đẫm máu, nét mặt vô cùng đau khổ, nhƣng cƣơng quyết đang dìu bƣớc nàng đi. Đàng sau là đêm tối, và

đàng trƣớc là ánh sáng bình minh rực rỡ. Ngƣời chiến sĩ đó đã nhìn An âu yếm:

―Đàng kia là bình minh của ngày mai. Em tiến tới đi, can đảm mà tiến tới!‖

Nàng cảm động gục vào tay ngƣời anh hùng đó của dân tộc và khóc nấc lên…

Trong thoảng chốc , nàng có ý nghĩ là không thể có một hạng ngƣời nhƣ Bằng tồn tại trong cuộc sống của con ngƣời. Phải tẩy rửa đi, thanh toán đi. Tuổi trẻ và tình yêu không muốn và không thích có những bóng đen của lãnh đạo, quan liêu, bè phái, hẹp hòi bao trùm lên trên tình cảm của mình, làm cho ngƣời ta hiểu lầm nhau, chia rẽ nhau.

Tuổi trẻ và tình yêu không muốn và không thích có những hạng "Lý Thông", có những hạng cây tầm gởi sống bám vào cuộc sống đầy hoa mộng của mình.

An muốn sống thật với lòng mình, sống với nhịp sống của con tim, với chân lý cuộc đời và trái tim của con ngƣời chân chính.

An mong đuợc gặp Tân nói với Tân rằng: "Em đã đếm những vì sao và em đã đếm mãi; đếm mãi qua tận cùng của vũ trụ nhưng có một lần em đã không tìm thấy anh!"

An đi dài trên đƣờng cỏ rộng, tìm nhớ lại kỷ niệm thoáng qua. Nhƣng... An bỗng lùi bƣớc lại. Một bóng đen lù lù đi tới choán rộng cả không gian. Ai? An bàng hoàng nhƣ cơn mê loạn, không nhận rõ đƣợc bóng đen đó. Nàng chỉ thoáng thấy qua ánh đèn chiếu hắt ra vội vã, đôi mắt kính và gọng nạm vàng. Toàn thân nàng run lên lo lắng. Ý nghĩ trở về với Tân chỉ còn mong manh nhƣ sợi tơ trời. Không! Đừng động mạnh bàn tay, hãy giữ cho sợi tơ kia bền chắc, hãy quấn nó, trộn nó với dòng máu của con tim.

An lảo đảo đi trong đêm tối. Nàng không dám giữ lại hình ảnh Tân vì bóng đen kia vẫn sừng sững. Nàng cố tìm cách xua đuổi nó đi…

An gục xuống một bên đƣờng cỏ rộng, vẫn cái bóng đen với đôi kính gọng nạm vàng choán rộng cả không gian, choán rộng cả tâm hồn nàng.

Mây đen vẫn che mờ cả trăng đêm; và đƣờng trăng mà không sáng…

Một cơn gió thổi về, xua tan những đám mây mờ ám. Ánh sáng xanh mát của trăng đêm lan dần trên cảnh vật mênh mông. Ánh sáng đó toả nhẹ trên da thịt An, thấm tận tâm hồn An, nhƣ đƣa lại cho nàng sức sống. An vùng đứng lên hít mạnh khí trời ấm áp. Nàng nhìn theo ánh sáng của con đƣờng nàng đi tới. Cuộc sống phải chăng vừa qua một cơn ác mộng, câu chuyện xẩy ra đã là quá khứ? An hát một bài ca của tuổi trẻ, tiếng hát hoà theo nhịp đập của con tim. Có tiếng cƣời nghịch phá của mấy cô bạn đang đùa tới:

"À, An đây rồi! Thế mà tìm mãi." Mấy ngƣời xúm lại quanh An, ríu rít trong từng câu nói. Cuộc đời... nếu không có những bóng đen!

10/56

(Trích Đất mới số 1, 1956)

\*

Chủ nghĩa nhân văn của ông Hoàng Xuân Nhị

Lời soạn giả: Sau khi báo Nhân văn ra được mấy số thì Đảng cử ông Hoàng Xuân Nhị, thạc sĩ triết học, viết bài công kích nhóm Nhân văn. Sau đây là bài của Bùi quang Đoài trả lời ông Nhị. Từ khi ấy không thấy ông Nhị trả lời mà Đảng cũng lờ đi không trả lời những điều mà tác giả bài này đã nêu lên.

Trên báo Nhân dân ngày 16 và 17-10-56 có đăng bài ―Chủ nghĩa nhân văn của chúng ta‖ của ông Hoàng Xuân Nhị.

Bài này trên căn bản cũng không khác gì những bài của các ông Nguyễn Chƣơng, Xuân Trƣờng, Quang Đạm cũng đăng trên báo Nhân dân và cùng nằm trong phạm trù những ý kiến là có ý đổ cho anh em Nhân văn và Giai phẩm là muốn tách rời văn nghệ khỏi chính trị, chịu ảnh hƣởng của nhân văn tƣ sản, không chịu sự lãnh đạo của Đảng, nói xấu chế độ v.v…

Sau đây là những ý kiến tôi đặt lại vấn đề với ông Hoàng Xuân Nhị. Trong nhận thức sai lầm của ông và ý kiến văn học của Lê-nin.

Trong bài ―Tổ chức của Đảng và văn học của Đảng‖ mà ông Hoàng Xuân Nhị dịch là ―tổ chức của Đảng và văn học có Đảng tính‖ của Lê-nin đã nêu lên hai vấn đề:

1. Vấn đề văn học của Đảng nghĩa là văn học tuyên truyền cho những nguyên lý tƣ tƣởng và tổ chức của Đảng Bôn-sê-vik.

2. Vấn đề đảng tính trong sự sáng tác văn học, theo nghĩa rộng của nó. (Những ý kiến này chúng tôi dựa vào tập Lê-nin và những vấn đề văn học Nga của Boris Meilakh. Nhà xuất bản Xã hội 4-4-56).

Sự phân biệt hai vấn đề này rất quan trọng, nếu không rất dễ đi đến những hành động máy móc, hẹp hòi, thô bạo.

Trong vấn đề văn học của Đảng, Lê-nin viết: ―Tất cả văn học của Đảng, dù là địa phương hay Trung ương phải phục tùng một cách vô điều kiện Hội nghị của Đảng và những tổ chức địa phương hay trung ương của Đảng. Sự tồn tại của một văn học của Đảng mà không liên hệ với Đảng theo tổ chức thì không thể dung nạp được.”(Lê-nin toàn tập cuốn X, trang 144). Đó là thời kỳ trƣớc cách mạng 1905-1907, Đảng Bôn-sê-vik tích cực hoạt động chống bọn Men và báo chí của chúng đang tuyên truyền xuyên tạc chủ nghĩa Mác-xít dƣới danh nghĩa ―mác-xít‖. Ông Hoàng Xuân Nhị đã máy móc đƣa thời gian lịch sử của thời kỳ trƣớc cách mạng 1905-1907 đem áp dụng vào hoàn cảnh xã hội ta hiện nay. Chính trong nguyên tắc căn bản đó, Lê-nin đã nhắc nhở các nhà văn của Đảng là ― Sự nghiệp văn học phải trở thành một bộ phận trong toàn bộ sự nghiệp của giai cấp vô sản, phải trở thành một bộ phận cấu tạo trong công tác của Đảng…‖ Theo tinh thần nguyên tắc đó các nhà văn của Đảng, các nhà văn đảng viên, các nhà văn viết trên báo chí của Đảng, tuyệt đối phải chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, của tổ chức của Đảng, không đƣợc nhân danh Đảng để tuyên truyền những quan điểm chống Đảng (cuốn X, trang 31), và khi Lê-nin viết ―đả đảo những nhà văn học phi Đảng‖ (mà ông Hoàng Xuân Nhị chú thích sai là chống lại Đảng thời ấy) chính là nhằm phản đối những nhà văn đảng viên chủ trƣơng đứng trên tổ chức của Đảng, phản đối những nhà văn Men-sơ-vích tán thành sự công tác của nhà văn xã hội dân chủ với các tờ báo tƣ sản (lúc bấy giờ là giai cấp cầm quyền). Nó hoàn toàn không giống một chút nào với trƣờng hợp của anh emNhân văn và Giai phẩm đƣơng đấu tranh đòi mở rộng tự do dân chủ chống những tệ lậu của lãnh đạo. Gán ghép nhƣ ông Hoàng Xuân Nhị tỏ ra rằng một là ông Nhị không tiêu hoá đƣợc tài liệu, hai là ông Nhị đã lợi dụng tài liệu một cách xuyên tạc. Nó không đúng với tinh thần trung thực của ngƣời trí thức.

Ông Nhị còn đề nghị:

―Bài của Lê-nin được viết ra cuối năm 1905 thời mà Đảng chưa lên nắm chính quyền. Đến lúc Đảng đã nắm chính quyền rồi thì lẽ cố nhiên nguyên tắc Đảng lãnh đạo và tổ chức lãnh đạo chuyên môn lại càng chặt chẽ hơn nữa‖.

Sáng tỏ và chặt chẽ hơn, đồng ý. Nhƣng chặt chẽ nhƣ thế nào? Có phải chặt chẽ là văn học nhất cử nhất động phải tuân theo ý kiến của một phái, chặt chẽ là chuyên môn vâng theo những ý kiến về chuyên môn của một số lãnh đạo không am hiểu về chuyên môn không?

Danh từ chặt chẽ buông xuôi nhƣ thế, rất có thể dẫn đến những sai lầm tai hại.

Vấn đề thứ hai là vấn đề đảng tính trong văn học.

Lê-nin đã giải thích văn học có đảng tính nhƣ thế nào? Trong sự đấu tranh chống lại văn học tƣ sản địa vị chủ nghĩa, cá nhân chủ nghĩa, vô chính phủ v.v… ―Lênin đã đề nghị sáng tạo ra một nền văn học xã hội chủ nhĩa, thực sự tự do và liên hệ công khai với văn học của giai cấp vô sản. Theo ý Lê-nin thì nền văn học đó phải thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Nó phải phục vụ cho hàng triệu triệu người lao động, những người con ưu tú, sức mạnh và tương lai của đất nước. Nền văn học đó phải là mối dây nối giữa kinh nghiệm quá khứ và cuộc đấu tranh hiện đại của giai cấp vô sản.‖ (B. Leilakh)

Văn học có đảng tính là nhƣ thế. Nó là một nền văn học ―thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa, công khai bênh vực quyền lợi của nhân dân đứng trên lập trường của Đảng”. Cho nên văn học có đảng tính tuyệt đối không có nghĩa là văn học của những nhà văn trong tổ chức của Đảng. Càng tuyệt đối không có nghĩa là bắt buộc tất cả mọi nhà văn phải vào tổ chức của Đảng. Một tấm thẻ đảng viên không thể bảo đảm đƣợc đảng tính của một tác phẩm văn học. Trái lại một tác phẩm văn học có đảng tính rất có thể là của một nhà văn đứng ngoài tổ chức của Đảng.

Ví dụ: Mai-a-cốp-ski, Lỗ Tấn v.v…

Văn học có đảng tính nghĩa là văn học có lập trƣờng đấu tranh rõ rệt trong ―ý nghĩa thống nhất và tự nguyện” của những ngƣời sáng tác văn học xã hội chủ nghĩa. Nhƣ thế thì ngƣời sáng tác có đủ mọi quyền tự do của mình, tất nhiên cả quyền tự do tƣ tƣởng, có quyền đi sâu vào từng sở thích riêng của mình. Lê-nin đã viết:

―Trong lãnh vực đó, tuyệt đối cần phải bảo đảm một sự tự do rộng lớn cho sáng kiến cá nhân, cho các khuynh hướng cá nhân, bảo đảm sự tự do tư tưởng và sức tưởng tượng, sự tự do về hình thức và về nội dung.‖ (Cuốn X trang 28)

Ta thấy ngày trƣớc Lê nin đã có một quan niệm rộng rãi trong sự sáng tác văn học. Chính Lê-nin đã khiêm tốn trả lời Clara Zetkin khi hoạ sĩ này hỏi ý kiến Lê-nin về hoạ lập thể và vị lai:

"Tôi không biết nhiều về lãnh vực đó, nhưng tôi nghĩ rằng nếu những nhà nghệ sĩ trẻ tuổi biểu lộ nhiều cảm xúc của mình trước những xu hướng đó thì nó phải có một lý do hợp lý và người ta cần phải phân tích cái lý do đó theo quan điểm xã hội học." (Les Lettres Francaices số 609)

Lê-nin đã không kết án phái hoạ đó và Lê-nin đã đặt vấn đề cần phải phân tích nghiên cứu nội dung xã hội của nó…

Do sự không phân biệt nổi hai vấn đề văn học của Đảng và văn học có đảng tính trên, nên chỉ quan niệm về tự do tƣ tƣởng ông Nhị cũng đã ngã vào những sai lầm nghiêm trọng:

Hoàng Xuân Nhị chứng minh rằng sở dĩ các nhà văn nghệ đƣợc tự do tƣ tƣởng là nhờ Đảng. Ông đã đem ví dụ con chim bay trên bầu trời xanh để làm chân lý phổ biến muôn đời. Trong lịch sử tƣ tƣởng của con ngƣời, ngƣời văn nghệ sĩ cũng nhƣ ngƣời khoa học, triết học qua bao chế độ khác nhau, dù bị giai cấp thống trị hành hạ, giết chết cũng không vì quyền uy mà huỷ bỏ ý kiến sáng tạo của mình: M. Servet và L. Vanini trên giàn củi lửa cũng không từ bỏ tƣ tƣởng khoa học của mình; Cao Bá Quát đâu có vì lƣỡi đao bạo lực của triều Nguyễn mà mất cái khí thế ngang tàng bất khuất của kẻ sĩ biết tự trọng.

Xuất phát từ lệch lạc đó, Hoàng Xuân Nhị cho rằng nhờ có Đảng mới có tự do tư tưởng. Nhƣ ý kiến tôi vừa trình bày, tôi hỏi lại ông Nhị là có Đảng rồi mới có quần chúng hay có quần chúng rồi mới có Đảng? Nhƣ thế thì rõ ràng là không phải có Đảng ngƣời văn nghệ sĩ mới có tự do tƣ tƣởng mà ngay những thế kỷ trƣớc cũng nhƣ thời kỳ trƣớc cách mạng, mặc dầu thực dân đàn áp khủng bố, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan vẫn kiên quyết tự do tƣ tƣởng, tố cáo "cái xã hội chó đểu" buộc tội giới cầm quyền bấy giờ. Lúc ấy họ ấy họ có là đảng viên đâu; chỉ có là sáng tác phẩm của họ chịu ảnh hƣởng ít nhiều của phong trào đấu tranh cách mạng mà thôi.

Nhƣ thế thì tự do tƣ tƣởng không phải là một vấn đề do Đảng ban ơn cho quần chúng nhƣ ông Nhị đã lầm tƣởng. Sở dĩ quần chúng văn nghệ sĩ mến Đảng, tin Đảng, thừa nhận sự lãnh đạo là vì Đảng là ngƣời lính tiền phong trong đội quân tự do tƣ tƣởng đó, đã đấu tranh vì quyền lợi của nhân dân lao động cũng là mục đích của họ đấu tranh trong sáng tác văn học. Đảng tạo điều kiện tốt cho ngƣời ta tự do tƣ tƣởng.

Trên đây, tôi đã trả lời ông Hoàng Xuân Nhị về một điểm lý luận chủ chốt trong bài của ông.

Tôi xin nói qua một số điểm khác. Để chứng tỏ những non yếu trong kiến thức của ông Nhị, và đề nghị ông nên khiêm tốn học hỏi hơn.

Dƣới cái đầu đề rất to "Chủ nghĩa nhân văn của chúng ta", dƣới những đề mục có vẻ khoa học ông Nhị đã có những lập luận nông cạn và sơ đẳng.

Chẳng hạn trong mục "Quan điểm khoa học" ông viết: "Không sùng bái cá nhân vì bản thân mình quá sùng bái cá nhân mình thì không hay ho gì hơn và chắc cũng đãkém hay ho hơn là sùng bái lãnh tụ".

Thật là lý luận buồn cƣời. Theo ông Nhị thì có lẽ khuyết điểm sùng bái cá nhân nặng nhẹ tuỳ theo cấp bực, sùng bái cán bộ cao cấp thì hay ho hơn sùng bái cán bộ trung cấp v.v… Thật là phê bình bệnh sùng bái cá nhân mà bệnh sùng bái cá nhân nó lại thò ra ngay từ túi mình. Quan điểm ông đƣa ra không khoa học nhƣ ông tƣởng.

Đấy là về khoa học. Bây giờ về nghệ thuật. Nói về chủ nghĩa lập thể và Picasso, ông Nhị viết: "Trong khoảng 8 năm hoạ sĩ đã tiến nhiều… chúng ta không hoan nghênh phần lập thể hoặc đa đa chủ nghĩa nơi hoạ sĩ là đúng thôi" (thật là oan cho Picasso vì Picasso có theo chủ nghĩa đa đa bao giờ đâu, có lẽ ông Nhị nên nghiên cứu thêm về văn học và nghệ thuật thế giới hồi đầu thế kỷ XX để nắm vững hơn) "… Và phần tiến bộ của hoạ sĩ vượt khỏi hẳn chủ nghĩa đa đa, như con chim bồ câu hoà bình…"

Chết thật! Nói về tác phẩm nghệ thuật của Picasso mà chỉ nhắc đến con chim bồ câu hoà bình thôi thì tai hại quá. Chúng ta không phủ nhận giá trị của con chim bồ câu, nhƣng không biết ông Nhị có biết đến bức Guernica hồi chiến tranh Tây Ban Nha và bức Chiến tranh và Hoà bình hồi gần đây không? Nó vẫn lập thể đấy ông Nhị ạ! Mà hội hoạ thế giới vẫn công nhận nó, mà Aragon ngƣời phụ trách văn nghệ của Đảng Cộng sản Pháp vẫn ca ngợi nó.

Ông Nhị thƣờng hay dẫn Lê-nin, sao ông Nhị không học Lê-nin về thái độ khiêm tốn, tôn trọng tự do sáng tác và nghệ thuật độc đáo, tôn trọng cá tính con ngƣời? Ông Nhị đã vội vàng chê trách người ta là quá ư nông nổi…

Ông Nhị sa vào sai lầm đó cũng dễ hiểu. Bởi lập luận nhƣ Palisse thì nguyên nhân chính là vì Lê-nin là Lê nin và ông Hoàng Xuân Nhị mặc dầu luôn nhắc đến Lê-nin cũng vẫn chỉ là ông Hoàng Xuân Nhị.

Trong một bài báo ngắn tôi đã cố gắng trình bày vài sai lầm hoặc vài thiếu sót của ông Nhị về mặt kiến thức. Tôi xin đề nghị với ông Nhị một điều mà ông Nhị đã từng đề nghị với anh em Nhân văn và Giai phẩm: cố gắng nghiên cứu, suy nghĩ để giữ cho đƣợc bản chất trung thực của ngƣời trí thức.

(Trích báo Nhân văn số 4 ngày 5-11-1956)

Minh Hoàng

Minh Hoàng tên thật là Vũ Tuyên Hoàng (con Vũ Ngọc Phan), năm nay mới 28 tuổi, là một sinh viên du học ở Tiệp Khắc về. Vì biết tiếng Tiệp Khắc nên anh đƣợc làm thông ngôn cho phái đoàn chuyên viện Tiệp Khắc ở Hà Nội.

Vì thƣờng có dịp đi thăm các xƣởng máy mới thành lập với các chuyên viên kỹ thuật Tiệp Khắc, nên anh có dịp quan sát tình hình sử dụng máy móc của ngoại quốc viện trợ. Anhviết bài "Đống máy" mà chúng tôi trích sau đây để tố cáo đời sống cơ cực của công nhân và thái độ quan liêu của giai cấp lãnh đạo.

Đống máy

Trƣa nào cũng vậy, cứ lúc vầng thái dƣơng còn đang gay gắt cúi gầm mặt phả sức nóng xuống những chiếc hòm gỗ chồng chất ở trƣớc cửa nhà máy, là y nhƣ rằng Thang, chỉ huy trƣởng công trƣờng xây dựng nhà máy, cũng đƣơng ở đó, hai ngón tay gõ cốc cốc lên những nắp ván, thành gỗ, hoặc dán mắt vào một khe hở, hoặc ghé mũi qua một lỗ hổng đen ngòm, hai cánh mũi căng ra khịt khịt. Nắng quá. Nắng nhƣ dội lửa. Nắng cháy da cháy thịt.

Những chiếc hòm gỗ ngất ngƣởng bắt đầu rạn nứt.

Cứ cái đà này, những khe rạn nứt kia ngày một toang hoác mãi ra, nắng xuyên vào, những lớp sắt bắt đầu hoen rỉ, thế là đi đứt tất cả số máy. Mà đi đứt thật chứ chả chơi đâu! Đứng gió thế này chƣa biết chừng mƣa ập xuống lúc nào không biết, nƣớc rỏ tong tong vào hòm, hơi ẩm tha hồ xông lên, luồn vào khắp các ngóc các ngách mà ra sức xoắn xuýt chòng ghẹo những khối sắt tròn trĩnh, sáng choang kia, thì có mà ăn cứt cho giời! Đời thuở nhà ai, vô duyên vô cớ cho khuân ầm ầm một lô một lốc tinh những máy đắt tiền về chất một đồng sù sụ giữa trời nắng chang chang thế kia, rồi phó thác cho Thang với hai bàn tay trắng hoàn toàn cai quản. Nói cho cùng thì đây cũng là một nhiệm vụ. Một nhiệm vụ hết sức khó khăn. Thang đã phải cúi rạp mình xuống để đỡ lấy cái nhiệm vụ nặng nề ấy lên vai, nhƣ mỗi lần cấp trên trao cho anh bất cứ một nhiệm vụ gì. Công việc của Thang đang gặp nhiều khó khăn: cấp trên không chịu xuất tiền mua bạt che máy. Thang giục thì bảo là: ―Nay mai khuân máy vào nhà rồi, mua làm gì". Đến lúc Thang hỏi: "Ai khuân? Khuân bằng cách nào?" thì chỉ ừ ừ ào ào: "Đến lúc đó hẵng hay". Bực dọc, Thang trở nên cáu kỉnh, nét mặt sa xì. Về đến công trƣờng, anh em hỏi, Thang chỉ văng ra một tiếng gọn lỏn: "Trên không cho", rồi lại cúi đầu trầm lặng. Bây giờ Thang đấm bôm bốp lên một cái nắp ván vênh, cảu nhảu một mình: "Mẹ kiếp! Hôm đếch nào cũng hết réo điện thoại lại vác mặt đến, hết vác mặt đến lại réo điện thoại mà ông ấy cứ lờ đi. Khắc phục! Khắc phục cái mẽ gì! Cứ nắng, mƣa, mƣa, nắng ngập ngụa mãi thế này, đến lúc máy móc mọc thành cứt sắt cả, ngồi trơ mắt ếch một lũ với nhau, mới chạy đến đây mà khắc phục chắc? Là máu là thịt của nhân dân mà sao các "bố" ấy cứ nhởn nhơ nhƣ không, chả thấy xót xa là gì, chỉ lúc nào cũng "khắc phục... chịu đựng... thông cảm!" Khổ cái lỗ tai lắm rồi. Xin tiền mua bạt thì đôi co kỳ kèo từng nghìn bạc một, mà việc quái gì cũng thúc nhƣ trống vật ấy, bố thằng nào còn biết mở mắt vào đâu. Trăm dâu đổ đầu tằm. Làm thằng cán bộ thời này ai bảo dễ?

Thang miên man theo đuổi ý nghĩ của mình, mặc cho mổ hôi lã chã rơi xuống cổ, xuống ngực. Những ngày mới bắt tay xây dựng công trƣờng, anh chị em công nhân ở đây chƣa đƣợc cấp trên chăm sóc tới đầy đủ, nên đời sống còn eo hẹp, lẻ tẻ, chui rúc; nhƣng nào họ có biết cấp trên là ai, chỉ biết nọc Thang ra mà mổ xẻ. Có ngƣời phản ứng mạnh, đập bàn đập ghế nói toang toang: "Các anh coi mạng ngƣời không bằng cục sắt của các anh phỏng? Con trâu con bò ngủ còn có chuồng, ăn còn có máng, chứ chúng tôi bảy tám mạng ngƣời không có nổi miếng đất trong nhà, tối phải cắp chiếu ra ngủ ngoài hiên, ỉa cũng cắp đít ra bờ ruộng, cả tháng không họp lần nào... Thế đấy phỏng?" Mƣời lăm cây số từ cơ quan đến công trƣờng, chả ngày nào là Thang không chạy long tóc gáy, cứ đến cơ quan là y nhƣ rằng: "Đồng chí phải về đả thông cho anh em, nƣớc nhà hiện còn gian khổ thiếu thốn nhiều... Phải khắc phục khó khăn! Phải... Phải... Đồng chí hiểu chƣa? Khắc phục khó khăn! Khắc... phục... khó khăn...!" Rồi cứ về đến công trƣờng là y nhƣ rằng: "Khắc phục cái chó gì. Tay rớm máu đau bỏ mẹ đây, găng chả có, cấp trên nào biết?" Những phút xốc nổi, có anh thợ trẻ không ghìm nổi bồng bột ghé sát tai bạn thì thầm: "Phải 'cự‘ một trận nên thân các bố ấy mời chịu để vào lỗ tai". Kỳ thực, lần nào lên gặp ông Bảo, tổng công trình sƣ của công trƣờng, Thang chẳng phản ảnh cho nát nƣớc ra đấy chứ. Rốt cục đâu vẫn vào đấy. Nhiều khi ông ấy còn xạc cho Thang một trận cẩn thận và rồi Thang lủi thủi ra về. Những là "nhu nhƣợc", "dựa dẫm cấp trên", "dốt",... Một lần, hai lần, ba lần, Thang bắt đầu cảm thấy mình hơi khép nép trƣớc khuôn mặt bầu bầu, hai má hơi xị xuống, đôi mắt ti hí và hai càng ria mép vểnh cong luôn động đậy, nổi lên một vẻ lành lạnh, sắc sảo, hà khắc khác thƣờng của ngƣời tổng công trình sƣ ấy. Đứng về danh nghĩa, ông Bảo là ngƣời đƣợc cơ quan giao phó trông nom toàn bộ công trình xây dựng nhà máy này, tức là ngƣời chỉ huy trực tiếp của Thang. Song Thang không hề nhận đƣợc một sự chỉ huy nào gọi là có, trái lại càng cảm thấy ngài ngại muốn xa lánh sự chỉ huy ấy.

Thang vẫn đấm bôm bốp lên cái nắp ván vênh, bên tai vẫn văng vẳng giọng nói hùng hồn và không kém phần trống trải của ngƣời tổng công trình sƣ ngồi ở văn phòng kia, trực tiếp chỉ huy Thang.

"Phải khắc phục khó khắn chứ". Nắp ván không suy suyển. Thang ngẩng đầu lên gạt mồ hôi, Bỗng anh thấy từ đằng xa, một chiếc xe com-măng-ca bon bon lầm bụi xốc tới. Nhác trông Thang đã nhận ra ngay đó là xe của ông tổng công trình sƣ, có lẽ do linh tính báo cho biết trƣớc.

Ông tổng công trình sƣ khoan thai bƣớc xuống, niềm nở bắt tay Thang. Hai càng ria mép vểnh cong, động đậy.

"Hề hề, máy móc để những đâu, đồng chí?"

Không đợi Thang trả lời, ông ta đã chỉ tay vào đống hòm gỗ kêu lên:

"Đây à? Chết! Chết! Để thế này đấy hở? Chậc chậc. Rỉ hết, rỉ hết mất!"

"Dạ thƣa anh, tôi đã nhiều lần viết đơn xin tiền mua bạt để căng lều che, nhƣng anh vẫn bảo là… chƣa có. Mà nhà máy thì… chƣa khô."

"Phải kiếm cách chứ. Chậc chậc. Sao không chuyển bớt vào những gian đã khô rồi? Sao không dồn bớt nhà ngủ, dành ra một gian xếp bớt những hòm nhỏ kia vào? Chậc chậc. Rỉ hết. Rỉ hết mất. Đồng chí loan báo anh em đến họp ngay nhé, ta bàn luôn vấn đề này một thể."

"Vâng."

Họ bắt đầu ngồi vào bàn họp. Gần chục cánh tay nhao nhao vung qua đầu:

"Tôi có ý kiến!"

"Ý kiến!"

"Ý kiến!"

"Tôi"

"Tôi xin phát biểu."

Một anh thợ trẻ không đợi chủ toạ chỉ định, nói phăng phăng:

"Mình còn lần khân đợi cái quái gì nữa. Theo tôi, cứ là khuân. Gì thì gì cũng phải khuân. Không có ô-tô thì có ngƣời. Thiếu ngƣời thì phải nặn đủ ngƣời mà khuân. Nhất định khuân."

Một anh thợ trẻ khác nhỏm dậy tiếp lời, mặt sần sùi trứng cá:

"Và nếu chƣa tìm đƣợc con lăn, ta có thể tạm dùng đòn bẩy kia mà."

"Máy móc đâu có phải cục sắt cục thép mà cứ một nắng hai sƣơng mãi thế này, e sau này chỉ còn là một đống sắt mùn đem đánh tà vẹt thôi!"

"Tôi hỏi, đồng chí chỉ huy có thể đứng phơi nắng suốt mƣời bốn hôm liền không? Huống hồ máy?"

"Đồng chí Thang lãnh đạo còn lờ mờ lắm. Tôi lấy thí dụ: Nhƣ hôm qua họp chuyên môn, anh em đề nghị xin thêm ba mƣơi dân công khuân máy vào nhà, đồng chí Thang độc bàn rùn: ‗Không có phƣơng tiện. Khiêng nhƣ thế xảy ra tai nạn chết ngƣời ai chịu trách nhiệm…‘ khiến cho công việc cứ đọng lại mãi. Đồng chí khăng khăng không chịu khuân, nói là sẽ xin bạt đậy lên nóc máy rồi chờ vài hôm nữa dọn đƣờng cho ô-tô chuyển. Mƣời bốn hôm rồi, bạt ở đâu ?"

Từ góc giƣờng, một đôi mắt sáng trợn tròn dƣới hàng mi rậm long lên, rọi thẳng vào mắt Thang, gịong nói nhƣ liên thanh rào rào nhả đạn:

"Tôi thấy là phải khuân. Khuân ngay chiều nay. Và tôi cũng xin nói toạc ra rằng: lãnh đạo nhƣ thế thì đồng chí Thang chƣa đủ tƣ cách lãnh đạo chúng ta. Tôi xin hết."

Mắt ngƣời than niên đỏ ngầu long lanh. Câu nói ngắn gọn, đập bôm bốp vvào mặt Thang nhƣ những cái bạt tai vô hình. Từng mạch máu trong cơ thề Thang rung mãnh liệt. Vấp phải ánh mắt lầm lầm nhƣ tổ lửa của ngƣời thanh niên ấy, Thang vội lảng sang dò thái độ của ông tổng công trình sƣ. Ác thay, râu mép ông càng vểnh cong nhƣ một dấu chấm hỏi khổng lồ trên vẻ mặt càng lạnh lùng hơn, nghiêm hơn, đáng sợ hơn. Những bàn tay khác lại đã vung lên không ngớt:

―Tôi thêm ý kiến.‖

―Ý kiến đây…‖

Những tiếng quát hằn học bắt Thang phải giật mình. Sợ? Thang cũng chẳng biết tại sao mình lại sợ? Sợ cái gì? Có một thứ đáng sợ hơn cả là những tiếng quát hằn học ấy hôm nay đƣợc lọt vào tai một ngƣời mang cái chức vụ mà Thang chỉ biết là cấp trên mình. Ông Bảo mà tai tái mặt thế kia là khéo lại có chầu! Hình nhƣ hai tiếng ―khắc phục… khắc phục‖ đã rình sẵn bên tai Thang, suốt đêm ngày ong ong, văng vẳng. Thang liếc càng râu mép một lần nữa.

―Trong việc này…‖

Thang giật mình ngẩng đầu lên. À, thì ra bác thợ tiện phát biểu. Thang trấn tĩnh ngay. Bác là một ngƣời đĩnh đạc, đứng đắn, làm nhiều hơn nói, lại hiểu Thang, thƣờng bào chữa cho Thang khi những anh em thợ trẻ hiểu lầm đâm cự Thang. Tỷ dụ trong việc khuân máy vào nhà máy chẳng hạn. Thang không dám để ba bốn mƣơi ngƣời xúm vào kích những hòm máy khổng lồ từ trên cao trƣợt xuống bằng ba tấm ván đặt dốc, vì sáu bảy năm kinh nghiệm khuân vác trên bến Sáu Kho đã dạy anh: Làm thế không xuôi đâu, chết ngƣời nhƣ bỡn đấy! Bác là ngƣời đầu tiên ủng hộ Thang. Thang hồi hộp chờ sự ủng hộ của ngƣời thợ cả ấy.

―… Đồng chí Thang chỉ huy còn mơ hồ lắm. Đồng chí chuyên gia dặn đi dặn lại là phải xin bạt căng lều che ngay đi, kẻo nắng này mục hết máy đấy. Thế mà đồng chí Thang rặt chạy những chuyện đâu đâu. Cứ nhƣ tôi nghĩ thì ta nên thúc vào đít các ông giữ ‗két‘ ấy mới đƣợc. Ngƣời chỉ huy là ngƣời cầm càng, chúi mũi vào một việc là hỏng bét cả.‖

Thang điếng ngƣời. Thật không ngờ bác thợ tiện cũng ―trù‖ Thang đến nhƣ thế.

Ý kiến càng ngày càng chảy theo dòng liên miên dài vô tận. Ngƣời đến lƣợt nói thì lại nói một thôi một hồi, thao thao bất tuyệt. Quanh đi quẩn lại chỉ những: ―Đồng chí Thang lãnh đạo vụng về, thiển cận, nhu nhƣợc‖, và cuối cùng là ―Yêu cầu xét lại chỉ huy trƣởng‖. Rõ ràng là Thang không đƣợc số đông tin cẩn nữa.

Thang gục đầu đau đớn, máu sôi lên trong tim, những âm thanh lao xao, ù ù, nhức nhối. Bao nhiêu tháng ngày cặm cụi làm việc, dốc hết sức lực ra để sự cặm cụi của mình đem lại nhiều cống hiến hơn nữa cho đất nƣớc kiến thiết, bao nhiêu gian truân cực nhọc đã vƣợt qua, việc gì Thang cũng xông vào làm hăng hái không quản ngại. Việc gì ngƣời khác kêu khó bỏ dở là Thang lại nhặt lấy làm, làm say mê. Bây giờ chỉ còn lại đây, ong ong bên tai Thang, hai chữ ―xét lại‖. Xét lại ban chỉ huy, xét lại chỉ huy trƣởng, xét lại Thang. Có lẽ họ chƣa hiểu Thang? Thang nghĩ: ngƣời cặm cụi không phải chỉ để phô trƣơng rằng ta cặm cụi đây? Song, Thang vẫn khó hiểu, có khi nào ngƣời ta càng cặm cụi, thì quần chúng lại càng xa lánh ngƣời ấy không? Nhƣ Thang chẳng hạn. Thế mà chỉ trong việc xin bạt che máy, Thang đã mất hẳn uy tín trong quần chúng.

Thang thở dài. Đôi mắt thiếu ngủ lừ đừ, đỏ ngầu những tia máu. Hội nghị vẫn xôn xao. Những ngƣời chƣa đƣợc nói vẫn nhăn mặt giơ tay xin phát biểu. Ông tổng công trình sƣ từ nãy độc hý hoáy ghi ghi chép chép, thỉnh thoảng liếc sang ban chỉ huy một cái, lại cúi xuống trang sổ, lật đi lật lại tờ giấy, gạch gạch xoá xoá. Hai lỗ mũi không ngừng thả ra hai dòng khói trắng vằn vèo. Hai càng râu mép đôi cụp xuống cum cúp nhƣ hai cái gọng ô. Một chàng thợ trẻ vui tính đã ghi vọi hai càng râu mép ấy trên mảnh giấy trắng. Mải phát biểu quá anh đã bỏ quên mảnh giấy ấy ở giữa bàn. Mấy cậu khác trông thấy tờ tranh bấm nhau cƣời khúc khích. Bấy giờ ông ta mới gãi gãi vầng trán hói, giọng khàn khàn chậm rãi:

―Đủ rồi đấy. Các đồng chí nói đến thế là đủ. Có phải không? Có nhiều ý kiến hay. Chúng tôi sẽ nghiên cứu. Việc xét lại ban chỉ huy cũng cần nghiên cứu thêm. Việc khuân máy, theo đồng chí chuyên gia cho biết, máy của ta nguy ngập rồi đấy. Hề hề, ông bảo ‗máy mọc râu‘ rồi. Tôi thấy là phải khuân. Nhƣng khuân bằng cách nào? Một vấn đề. Ai khuân? Hai vấn đề. Khuân đi đâu? Ba vấn đề. Ban nãy có đồng chí hơi nóng nảy đòi thuê ngay ba bốn chục dân công, tƣởng dễ dàng có thể xúm đông xúm đỏ lại ghé vai vào nhấc bổng lên là đi? Không phải. Mà lại tốn kém nữa. Ta thử làm con tính nhẩm xem trong hai ngày, mỗi ngày ba mƣơi dân công, phải chi hết bao nhiêu tiền?… Hơn bảy vạn.‖

Ông tổng công trình sƣ lắc đầu. ―Không. Chi bằng… theo tôi là dựa trên ý kiến của đồng chí chuyên gia bạn thì ta nên chuyển bằng ô-tô, nghĩa là phải dọn một khúc đƣờng từ đống máy đến cửa nhà máy. Già lắm là mất bốn công dọn đƣờng với tám ngƣời bốc vác một buổi sáng là xong. Vả lại máy để ngoài trời đã nửa tháng nay, chậm lại hai ngày cũng chửa thành vấn đề lắm. Nhƣ vậy ta không cần mua bạt căng lều che máy nữa. Các đồng chí thấy thế nào?

Một phút suy nghĩ. Cán bộ ngồi im phăng phắc. Mãi bác Ba thợ điện mới uể oái cất tiếng:

―Nhƣng mà nền xi măng ƣớt nhẹp, xếp vào đâu? Cứ cái thái độ khăng khăng không cho khuân máy vào nhà của Ban Nhà cửa là tôi tức điên ruột.‖

Ông tổng công trình sƣ tháo cặp kính trắng đặt xuống bàn gãi gãi vầng trán hói theo một thói quen.

―Không sao, không sao. Tôi hạ lệnh cho các anh cứ vác máy xếp vào những phòng đã khô đó. Việc nhà nƣớc cả, không cho là cái quái gì. Cứ khuân đi. Có thế nào tôi chịu tất."

"Thế thì đƣợc"

"Đƣợc mê đi chứ lỵ."

"Ta khuân ngay chiều nay chứ đồng chí?"

Ông tổng công trình sƣ nghiêm nét mặt đổi giọng:

"Công trình xây dựng nhà máy của chúng ta đang gặp nhiều khó khăn trắc trở. Theo tôi và dựa trên ý kiến các đồng chí chuyên gia, thì lực lƣợng lãnh đạo của ta quả là non. Có thể nói chúng ta chƣa biết lãnh đạo. Tôi cũng thế. Ban chỉ huy công trƣờng bảo thủ dựa dẫm vào cấp trên. Chúng ta còn vấp, còn ỳ ạch, còn mệt nhiều. Song càng vấp, càng thất bại, ta càng phải tin vào mình, tin ngƣời lãnh đạo, tin Đảng. Cấp trên đề ra phƣơng án tác nghiệp, thiết kế tiến độ thi công, để chúng ta dựa theo quy trình và đơn phái công làm đúng quy cách, chứ không phải đế chúng ta ỷ vào thiết kế đó không chịu động não. Có thế thôi. Các anh làm đƣợc không?‖

Có những khuôn mặt đực ra nhƣ vịt nghe sấm. Những khuôn mặt sạm cháy chất phác cố căng óc ra suy nghĩ về những cái chữ ―quy trình, tiến độ thi công‖ mơ hồ nhƣ lạc vào chốn nào xa lạ. Đáng lạ thay họ vẫn đồng thanh trả lời ông tổng công trình sƣ rằng:

―Làm đƣợc!‖

Hai chữ ―làm đƣợc‖ đặt phịch xuống óc Thang nhƣ một mồi lửa đốt bùng lớp không khí bị ép đến cao độ. Những câu hỏi theo nhau ùa ra trong óc Thang: ―Ai làm? Làm từ đâu? Làm bằng cách nào?‖ Rồi Thang tự kết luận: không làm đƣợc! Thang nghĩ, ông Bảo chỉ đƣợc khoa bẻm mép. Nói nhƣ thánh tƣớng. Hơi tý là đồng chí bạn nói thế này, đồng chí bạn nói thế kia. Mai có réo điện thoại lên xin bạt lại ―đồng chí thông cảm‖ cho mà xem. Trăm tội đổ cho nợ, lúc ấy làm thế nào? Giơ đầu chịu lỗi cả với cấp trên ƣ? Không. Nếu vậy thì hèn quá. Thang toan giơ tay phân trần những khó khăn cụ thể của công việc với cấp trên trƣớc hội nghị, nhƣng hình nhƣ cánh tay Thang nặng nề đến nỗi không nhắc lên nổi. Phải biết rằng bao nhiêu cái mũ ―nhu nhƣợc‖, ―hoài nghi lực lƣợng quần chúng‖, ―không biết lãnh đạo‖, ―dốt‖, ―dựa dẫm cấp trên‖… lúc nào cũng lăm le chực úp xuống đầu Thang. Thang lúng túng. Hai lòng trắng mắt đỏ ngàu những tia máu đảo đi đảo lại, hớt hải nhƣ tìm kiếm một cái gì. Hay là Thang muốn tìm đƣờng chạy ra khỏi hội nghị? Không. Thang đã giơ thẳng cánh tay:

―Tôi… tôi xin có ý… kiến‖, Thang ấp úng. ―Theo tôi, dọn con đƣờng từ đống máy vào kho ít ra cũng phải mƣời hôm. Trời lại sắp mƣa… Và không thể dùng hai bàn tay không lăn ập những thùng tố lô nhƣ thế xuống đất đƣợc đâu. Phải làm cái giá ba chân cất lên nhƣ cần trục cất nhịp cầu ấy mới đỡ nguy hiểm. Làm giá ba chân thì phải mất tám ngày. Trời lại sắp mƣa…. Không! Không thể lần khân nấn ná mãi…‖

Từng câu từng câu nói nhƣ trút cho Thang thêm nghị lực. Giọng điệu càng trở nên cả quyết:

―Tôi yêu cầu giải quyết ngay vấn đề bạt. Bằng không, tôi xin trao lại hoàn toàn trách nhiệm về số máy này cho cấp trên. Tôi không thể hứa hão. Tôi không thể nhắm mắt làm những việc tôi không muốn làm…. Tôi yêu cầu… Tôi… hết!‖

Mặt ngƣời chỉ huy trƣởng đỏ gay, bừng bừng. Thang hình dung lại vẻ mặt đồng chí bạn không giữ nổi bình tĩnh khi đứng nhìn đống máy rạn nứt dƣới trời nắng chang chang, nói với Thang: ―Nếu anh có một cái ra-đi-ô tốt, anh có cam tâm quẳng nó ở một xó vuờn kia không?‖ Và ông vỗ vai Thang: ―Anh Thang ạ, máy của chúng mình còn tinh vi hơn cá những cái ra-đi-ô tinh vi ấy chứ?‖ Thang lạnh ngƣời. Thế mà bây giờ ông tổng công trình sƣ lại hạ lệnh: ―Cứ để đấy dăm bảy hôm nữa!‖

Buổi họp vẫn ồn ào.

Có tiếng động cơ rì rì xa xa, rõ dần, rồi tiếng còi toe toe thét lên ba tiếng. Một chiếc xe ô-tô bóng lộn chạy thẳng vào địa hạt công trƣờng, dừng lại trƣớc cửa nhà máy. Ông tổng công trình sƣ xin phép hội nghị ra yết kiến các đồng chí chuyên gia về vấn đề này. Cái cặp da đen dày cồm cộm bây giờ lại dày thêm một mớ giấy ghi chép tình hình công trƣờng trong suốt ba tháng vừa qua. Ông sửa lại ngay ngắn chiếc mục kỉnh cho hơi sệ xuống sống mũi, châm một điếu thuốc, gật gật đầu chào mọi ngƣời rồi ra đi.

Ba bốn đồng chí chuyên gia đứng nhìn đống máy, chỉ trỏ cƣời nói líu lô. Thấy ông Bảo và Thang ra, họ niềm nở đi lại bắt tay, bập bẹ nói bằng tiếng Việt Nam. Một đồng chí vỗ vai ông Bảo, cố sức vận dụng tiếng Việt Nam, vừa nói vừa khua tay ra hiệu.

Không cần qua phiên dịch Thang cũng hiểu đƣợc ý nghĩa của câu nói. Vẫn những câu nói hôm nọ lại lạo xạo bên tai Thang: ―Khuân chứ?‖. Câu hỏi sao mà oái oăm. Những cái thùng tố lô ấy ba bốn chục ngƣời xúm vào đã chắc khuân nổi. Vô phúc phải cái hòm đầu nặng đầu nhẹ, nó lộn tùng phèo một cái thì chẳng những vỡ máy mà còn đi đứt bảy tám nhân mạng nhƣ chơi. Nhƣng vẫn không thấy ông tổng công trình sƣ nói lại hay bàn bạc gì cả. Ông chỉ gật đầu. Và rồi Thang, ngƣời chỉ huy công trƣờng, vẫn cứ phải lãnh đạo một công việc mà theo ý Thang việc đó nhất định không thành. Thang lại thấy những làn gai ốc nổi dựng lên ở sau gáy, những thớ thịt run bắn lên, nhƣ sắp phải làm một công việc tội lỗi, và, đôi mắt nhƣ tung toé những đốm lửa nhảy nhót, vì tức giận. Thang ngửa cổ, xoáy mắt vào những khe hòm gỗ hở nứt toác và những cái nắp cong tớn nhƣ cặp môi bĩu ra sều sệu mai mỉa. Những miếng nƣớc dãi cứ ừng ực trong cổ Thang.

Sao những lớp sơn mịn màng óng mƣợt kia bỗng chốc trở nên mốc rêu mốc thếch thế kia?

Sao ta có thể bàng quan khi thùng máy yêu quý, máu thịt của ta sắp sửa nát rỉ ra nhƣ bùn đất đƣợc?

Sao?

Choáng váng cả ngƣời, Thang hấp tấp chạy vào nhà máy tìm ông tổng công trình sƣ để trình bày ý kiến dựng giá ba chân và yêu cầu xin bạt của mình. Bƣớc chân Thang lạo xạo đạp trên cát sỏi…

Nhƣng rồi những bƣớc chân hăm hở ấy bỗng nhƣ vấp phải một bức tƣờng vô hình, đứng sững lại, ngẩn ngơ: cánh cửa ô-tô bắt đầu khép lại, liền với tiếng rú ga ù ù, tiếng động cơ bành bạch. Xe ―pho‖ đi trƣớc, xe ―com-măng-ca‖ rƣợt theo, nối đuôi nhau vun vút ra khỏi công trƣờng. Bụi lầm xoáy một vòng đỏ lự xoắn theo đít xe. Thang rút mùi xoa đắp vào mũi che bụi, thở khỏ khè. Một đám mây đen ở đâu lù lù ập đến. Gío thổi lên lồng lộng. Những tầu lá chuối điên cuồng quật lên quật xuống rối tít nhƣ những bàn tay xoè ra khua giữa không trung. Một tia chớp dài nhằng loé lên ở tận chân trời xa tít, điểm theo những tràng sấm ù ù có lúc sôi lên ùng ục. Thang có cảm giác đó là những tràng liên thanh đang xả đạn không từ một xó xỉnh nào trên khắp cả công trƣờng. Hạt mƣa bắt đầu quất lên mái nhà và nóc hòm lộp độp. Những nắp ván vênh vổng ra nhƣ những cặp môi nhăn nhó giữa cơn cuồng phong khủng khiếp và trong làn mƣa xối xả, phũ phàng.

Những hạt mƣa quất đen đét lên mặt Thang.

―Máy! Máy ôi!‖ Ngƣời chỉ huy trƣởng buột miệng thốt lên. ―Anh em ơi khuân máy! Khuân máy đi các đồng chí ơi!‖

Nhƣng mà ai khuân? Khuân vào đâu bây giờ?

Dƣới làn mƣa, ngƣời chỉ huy trƣởng cung cúc chạy về nhà, lột cái áo mƣa của mình, lại cung cúc chạy ra hối hả đắp lên thân máy.

Mƣa vẫn xối xả, phũ phàng.

(Trích báo Văn số 34 ngày 27-12-57)

\*

Phùng Cung

Phùng Cung là một văn sĩ trẻ tuổi mới xuất hiện. Có lẽ bài "Con ngựa già của Chúa Trịnh‖ mà chúng tôi trích sau đây là bài đầu tiên có giá trị trong các tác phẩm của ông.

Bài này do ông viết, nhƣng Hoàng Cầm có giúp thêm ý kiến và sửa chữa lời văn. Chúng tôi biết nhƣ vậy vì trong bản thú tội của Hoàng Cầm có một đoạn nhƣ sau: "Tôi đi động viên Phùng Cung viết truyện, và khi Phùng Cung viết 'Con ngựa già của Chúa Trịnh‘ đƣa tôi xem bản thảo đầu tiên, tôi có góp ý kiến rào việc diễn tả: 'Chỗ con ngựa vào cung vua, nên tả cho đáng ghét hơn‘. Khi Phùng Cung đƣa bản thảo lần thứ hai, tôi chữa văn và thêm nhiều câu diễn tả cảnh đẹp, diễn tả con ngựa càng ngày càng béo..."

Ngụ ý của bài này là đả kích bọn văn sĩ trƣớc kia có tài nhƣ Xuân Diệu, Hoài Thanh, Cù Huy Cận, chỉ vì ham miếng đỉnh chung mà cam tâm làm tôi mọi cho chế độ và đời sống tôi mọi đã tiêu diệt hết tài năng trƣớc kia của bọn họ. Cứ xét thấy khả năng văn nghệ của mấy ông Xuân Diệu, Hoài Thanh, Cù Huy Cận, lâu nay gần nhƣ mất hẳn, chúng ta thấy lời phê bình của tác giả quả có đúng. Sự thật thì bất cứ nhà văn nào đã dùng ngòi bút ca tụng chế độ để mong vinh thân phì gia thì văn chƣơng của họ không thể nào hay đƣợc.

Con ngựa già của chúa Trịnh

Phƣơng Lộ là một làng nhỏ hẻo lánh, nằm lọt trong một thung lũng phía Nam chân núi Tản, cách chợ Đan Lâm chừng bẩy dặm. Từ Đan Lâm vào Phƣơng Lộ, trên con đƣờng đất mòn, ngoằn ngoèo men theo dòng suối phải qua một chiếc cầu bằng đá vắt ngang suối, bên cạnh một ngôi đền nhỏ. Trong làng có lão già họ Nông, hai đời chuyên nghề buôn ngựa. Ông cụ sinh ra lão ngày trƣớc là mã phu của triều Trần; khi mãn lính, trở về làng làm nghề buôn ngựa. Năm mƣời bốn tuổi, lão đã theo cha ra chợ Đan Lâm học nghề. Lớn lên, lão đã nổi tiếng khắp vùng về môn xem tƣớng ngựa.

Lão Nông có con ngựa trắng, mình kim, lông trắng nhƣ bông, lại lấp lánh nhƣ có nạm kim cƣơng, nên lão đặt tên nó là Kim Bông. Lão thƣờng khoe con ngựa này lão tìm mua đƣợc từ lúc nó chƣa phát nha ở tận miền Nƣớc Hai. Lão đã từng đi nhiều nơi mà chƣa thấy có con nào tƣớng phách toàn mỹ nhƣ nó; có sức vƣợt hàng nghìn dặm với cái thế "cao đầu phóng vĩ" của nòi ngựa chiến.

Từ khi con Kim Bông bắc yên, ngày ngày lão cƣỡi nó đi các nơi để buôn ngựa. Hàng năm những cuộc đua ngựa miền này, không cuộc đua nào vắng lão. Không cuộc đua nào con Kim Bông không đoạt giải nhất. Từ đó tiếng con ngựa hay, mỗi ngày đƣợc truyền rộng ra khắp nơi và lọt đến tai Chúa Trịnh.

Thuở ấy Chúa Trịnh đang cần tuyển mộ một đoàn kỵ binh để bình định đất nƣớc, nên liền ủy một viên quan hầu cận, tìm đến tận nơi hỏi mua.

Lão Nông tuy luyến tiếc con Kim Bông, nhƣng nghĩ đến cái tài của nó lão sẵn sàng trao lại cho viên quan mà rằng: "Con ngựa của bần dân thuộc loại quý mã, là vật, nhƣng nó hiểu tiếng ngƣời. Bấy lâu nay nó sống với bần dân ở nơi sơn lâm hẻo lánh này, ăn cỏ núi, uống nƣớc suối, tài nó có mà không đƣợc dùng, thật lòng bần dân cũng tiếc cho đời nó lắm! Nay chúa công lại cho vời nó về chốn triều đình để dùng nó xông pha chiến trận, bần dân cũng đƣợc hả dạ vì đã làm vừa ý con quý mã và cũng bõ công nuôi nấng tập luyện". Lão Nông miệng nói tay trao cƣơng cho viên quan. Con Kim Bông cũng dỏng hai tai gật gật cái đầu nhƣ biết mình sắp đƣợc từ giã cảnh sơn lâm hiu quạnh, để về vùng vẫy chốn kinh thành.

Trên đƣờng về, viên quan hết lời khen ngợi con quý mã; Kim Bông phi nhƣ gió, giả lại đằng sau những đồi núi, cây cỏ hỗn độn của vùng Sơn Tây. Chỉ trong nửa ngày đã về đến Thăng Long.

Viên quan vào tâu với Chúa Trịnh, hắn tả lại tƣớng phách cùng nƣớc bay, nƣớc kiệu của con ngựa. Chúa Trịnh lấy làm toại nguyện, và truyền cho các tƣớng tá chọn ngày mở hội đua để kén ngựa chiến. Một buổi sáng, trên các ngả đƣờng, nhân dân các vùng lân cận nghe tin, lũ lƣợt đổ về xem nhƣ nƣớc chảy. Hàng nghìn ngựa tốt từ các nơi đem về đƣợc sắp hàng tề chỉnh bên cạnh những kỵ binh nai nịt gọn gàng. Con Kim Bông ngơ ngác trƣớc quang cảnh mới lạ, lòng nó rộn ràng, mắt nó đăm đăm nhìn thẳng phía cuối đua trƣờng nhƣ để dƣơng oai với đồng loại, nó nín hơi, tóp bụng, cất tiếng hí dài, lanh lảnh nghe sởn óc. Ngƣời kỵ binh đứng bên cạnh, bỗng né sang một bên, lao đao tƣởng ngã. Bọn ngựa trố mắt nhìn Kim Bông và cũng cất tiếng hí theo.

Sau ba hồi trống lệnh, các kỵ binh lên yên, ra roi, bắt đầu rời vạch. Đoàn ngựa lồng lên trong bụi lốc mịt mù, những miếng đất bắn ra tứ phía nhƣ mƣa rào, nhân dân reo hò vang dậy. Chỉ trong chớp mắt, con Kim Bông đã vƣợt lên hàng đầu, vừa hí, vƣợt lên, chân trƣớc khoăm lại nhƣ móc sắt, đuôi bay nhƣ giải phƣớn, tƣởng nhƣ chân nó không hề chạm đất. Ở phía xa ngƣời ta nhìn nó chỉ còn thấy một bóng trắng lấp lánh, oằn lên, oằn xuống nhƣ một con rồng trắng uốn khúc. Nó bay tới phía nào là tiếng reo hò phía ấy vang lên không ngớt. Hàng loạt ngựa thấy sức mình không sánh kịp con Kim Bông, bỏ dở cuộc đua, đứng dừng cả lại, hí hí nhìn theo cái bóng trắng nhỏ dần trong bụi nắng loà của kinh thành. Khi dứt hồi trống, con Kim Bông dừng lại, tai nó ù đi vì tiếng reo hò ca ngợi của xung quanh, nó càng nức lòng, chân nó giậm xuống đất cồm cộp nhƣ muốn bay thêm hàng nghìn vòng nữa mới phỉ sức.

Khi tiếng trống lệnh chuyển sang phi nƣớc kiệu, con Kim Bông rời vạch một cái, là bốn chân nó băm liền trên mặt đất nhƣ guồng nƣớc, tiếng chân vỗ rồn rã nhƣ mõ đổ hồi, đuôi trải ra trắng nhƣ một dòng nƣớc chảy xối. Nó chạy hết một vòng mà trên lƣng nó một kỵ binh bƣng một bát nƣớc đầy, bát nƣớc không sánh ra ngoài một giọt.

Lúc này nó thấy tất cả đua trƣờng đều hƣớng nhìn về nó, trầm trồ ca ngợi tài nó. Nó lại hí lên một tiếng thật dài kiêu hãnh.

Sau cuộc đua này, nó đƣợc cả đua trƣờng tặng danh là "Bạch long Thiên lý mã" và chọn làm mẫu mực để luyện tập cho cả đoàn ngựa chiến của triều đình. Cho nên chẳng bao lâu các đồng loại của nó cũng trở thành những chiến mã lành nghề. Và từ đó nó cùng bầy ngựa chiến xông pha chiến trận, trải nhiều trận vào sanh ra tử. Nó nhớ nhất là trận quần chiến bên bờ sông Gianh. Thế địch mạnh, quân địch đã thắt vòng quanh nó, nhiều đồng loại nó đã phơi thây. Nó gắng hết sức mạnh, vùng lên nhƣ hổ đói, phá vỡ vòng vây, hạ thủ tƣớng địch, giành toàn thắng. Sau trận này, nó đƣợc Chúa Trịnh chọn làm mã lệnh và đƣợc vào ở trong phủ Chúa.

Chúa Trịnh truyền cho quân lính, xây một chiếc hồ bán nguyệt, phía Nam vƣờn Thƣợng uyển, để làm chỗ tắm cho mã lệnh, và cử hai mƣơi mã phu ngày ngày trong nom săn sóc ngựa quý của Chúa.

Lần đầu tiên con "Thiên lý" đặt chân tới Hoàng cung. Trƣớc mặt nó toàn những lâu đài nguy nga tráng lệ, trông phía nào cũng thấy vàng son chói lọi. Dƣới chân nó toàn những đá xanh nhẵn bóng. Những cảnh vật mới lạ khiến nó sợ hãi. Nó toát mồ hôi, run lên cầm cập, khi đặt chân lên những phiến đá hoa, đƣợc dịp đƣa mắt nhìn hai hàng thị vệ tả hữu, đứng cắp gƣơm trần bên hành lang. Nó rụt rè, co cổ lại khi mã phu dắt nó vào mã đài, nó tƣởng mã phu đƣa nhầm nó vào nơi ở của một tƣớng lĩnh.

Con Thiên lý đƣợc vào ngự hẳn trong mã đài ngày ngày chỉ ăn và tắm. Mỗi buổi chiều nó phải đứng một chỗ để dăm bảy mã phu mang kéo tỉa từng sợi mao, vuốt ve từng chiếc lông đuôi. Nó càng cảm thấy bận bịu, tù cẳng. Nó bắt đầu mơ ƣớc những cảnh sống khi còn ở bên ngoài cung cấm: "Ôi chao! Còn đâu những buổi sáng ta cùng đồng loại trên đua trƣờng hàng vạn ngƣời ca ngợi tài ba? Với cái sức khỏe bay hàng nghìn dặm, với cái thế "cao đầu phóng vĩ" hùng dũng nhƣ ta, đã bao phen sông pha trận tuyến, đời ta tù túng nhƣ thế này thì ta sống sao đƣợc? Sao Chúa không cho ta đƣợc đem tài ra vùng vẫy trên chiến trƣờng? Hay Chúa đã quên ta là kẻ có tài?".

Một buổi sáng, nó đang đứng trong mã đài, hai con mắt đăm đăm vọng ra ngoài bức thành cao ngất, nó bỗng thấy một mã phu nai nịt gọn ghẽ, khác ngày thƣờng, đến giắt nó ra đứng dƣới mái hiên, phía tả hành lang. Nó sửng sốt, tƣởng phen này lại đƣợc xung trận. Một mã phu khác trải lên lƣng nó một tấm gấm điều, xung quanh thêu kim tuyến. Nó ngoái cổ lại, bỗng thấy mình đẹp nhƣ phƣợng hoàng. Hai mã phu nữa mang đến đàng sau nó một vật gì vuông vắn giống nhƣ một nhà lầu, gấm vóc xanh đỏ phủ quanh. Một mã phu nữa mang cƣơng đóng vào gáy nó. Bộ cƣơng quý giá và đẹp đẽ làm sao? Đời nó chƣa từng thấy. Hàm thiếc bằng bạc: hai đầu nạm vàng sáng lóe. Nó sung sƣớng gục đầu xuống nạp hàm thiếc một cách ngoan ngoãn. Khi mã phu buông tay: lạ lùng lắm, nó thấy hai vật gì to bằng hai cái lá đa che ngang hai bên mắt khiến nó chỉ có thể nhìn thẳng phía trƣớc mà thôi. Rồi một mã phu đẩy nó lùi lại, đứng giữa hai càng gỗ sơn son thếp vàng. Ủa, lạ quá chừng, những cái gì mà đẹp thế này? Ta sẽ làm gì đây? Nó rùng mình, thấy hãnh diện nhƣ đƣợc sống một kiếp sống khác, sung sƣớng hơn trƣớc.

Bỗng dƣng hai càng gỗ dúi mạnh một cái, cổ nó bệt xuống, miệng nó gần chạm đất, nó vừa ngóc đƣợc lên thì dây cƣơng đã ghìm thẳng. Nó cất bƣớc thấy nặng; cái nặng quái gở, nhƣ bóp nghẹt lấy cổ, có lúc bềnh bồng nhẹ đi một chút, nhƣng rồi gáy nó càng nhƣ lún xuống. Nó phải cố lấy gân bốn bó mới giữ đƣợc cái thế đứng đƣờng bệ. Rồi bỗng có một ngọn roi da quất nhẹ vào mông, nó cắm cổ đi. Khi nghe tiếng bánh xe nghiền trên mặt đá, nó mới biết là nó đang kéo xe cho Chúa.

Nó gục đầu xuống lủi thủi kéo chiếc xe qua sân, hai mắt nó lờ đờ nhìn thẳng, mỏi mệt, chán ngán.

Nhƣng chẳng bao lâu, những chậu thóc trộn mật vừa ngọt vừa bùi, những bó lá trúc quân tử vừa thơm vừa ròn sậm sựt đã cùng những buồn tủi sầu muộn, cùng những ƣớc mơ trôi qua ruột, tống ra ngoài trả lại cho quá khứ. Con thiên lý dần dần quen với chức vị. Nó thấy mình phải phò Chúa cho đến hơi thở cuối cùng mới xứng danh Thiên lý mã.

Trong những buổi chầu nó thấy hàng trăm đôi hia, ủng và đủ các loại ống quần, tà áo, văn có, võ có, lƣớt đi lƣớt lại trƣớc mắt, nó càng thấy chức vị nó to tát ghê gớm! Chốn thâm nghiêm cung cấm nào mà chân nó không bƣớc tới? Có việc quốc sự triều đình nào vắng mặt nó? Nó đi đến đâu cũng thấy ngƣời chắp tay khấu đầu tung hô vạn tuế. Đời nó quả là đã sang một bƣớc đƣờng hiển hách, hơn tất cả những lúc oai phong chiếm giải đầu trên các trƣờng đua.

Một buổi chiều, trên cổng thành đã nổi trống thu không, mặt trời đã khuất hẳn mái lầu tây, mặt hồ đã gợn lên một mầu đỏ nhạt của giáng chiều, nó sung sƣớng kéo Chúa cùng bà phi đi ngoạn cảnh. Đi chẳng cần đến đâu, nó đƣợc đôi lúc thong dong đứng lại, soi bóng dƣới nƣớc. Chà! Mặt nhìn mặt, ta uy nghi lộng lẫy đến thế này ƣ? Kìa hai lá đa che mặt ta có khác gì hai cánh mũ của vị đại thần? Hai càng gỗ khác gì tay ngai ngày ngày Chúa vẫn ngự! Phải chăng giời đã an bài cho số phận ta! Nó càng nhìn càng thấy bóng nó dƣới nƣớc to ra, to mãi, uy nghi trong sắc nƣớc lẫn sắc trời.

Nó đang say sƣa ngắm bóng bỗng dây cƣơng lại giật mạnh. Mép nó găng thẳng ra, nó lại bắt đầu cất bƣớc. Xe tới đầu vƣờn Thƣợng uyển, có lệnh dừng lại. Tức thì hai bên tay ngai dìm mạnh cổ nó xuống rồi lại bềnh lên nhẹ bỗng. Nó vừa ngóc đầu lên thì một luồng gió mát, lƣớt đƣa vào lỗ mũi nó những hƣơng thơm ngào ngạt của muôn hoa. Nó phồng hai cánh mũi, hớn mặt lên thì gấu xiêm mầu thiên thanh của bà phi phất nhẹ qua mặt nó. Nó cảm thấy một vị thơm đầm đậm. Nó đƣa mắt nhìn theo chỉ thấy từ ngang lƣng trở xuống của Chúa và bà phi. Gió hồ lồng vào vạt áo Chúa và dải xiêm bà phi, làm căng phồng lên và đú đởn múa may trƣớc mặt nó. Nó cảm động, đứng ngẩn ra, hai mắt dƣơng thao láo: "Chà! Thật là ngoạn mục! Ôi! Giời đã ban cho ta đôi nhãn ngọc để riêng ta đƣợc nhìn những vƣu vật của trần gian, ta đội ơn Trời".

Càng nhìn theo càng thấy ngoạn mục, nó càng thấy hối hận với những sự việc ngày trƣớc. Nó giậm chân xuống đất cộp cộp, mắt nó nhắm lại, đầu nó đập vào hai càng xe nhƣ để nhận lấy một hình phạt xứng đáng với tội lỗi của mình. Vừa đập đầu vừa kể tội: "Tội thứ nhất là khi chƣa vào phủ Chúa ta đã để cho Chúa và bà phi phải vất vả khó nhọc biết chừng nào! Tội thứ hai: Sao ta dám đem một việc nhỏ bé tầm thƣờng so sánh với chức mã lệnh đáng tôn kính của Chúa đã ban cho nhƣ thế chẳng phải trƣớc đây ta đã phụ ơn Chúa hay sao? Tội ta thật là đáng phanh thây mới phải. Nếu ta chỉ nghĩ đến cuộc đời phóng khoáng, chỉ nghĩ đến những lúc cùng đồng loại đua tranh, thì lấy ai để cùng Chúa gánh vác giang sơn, làm cho trăm họ đƣợc an cƣ lạc nghiệp! Ơn hƣởng lộc Chúa, sức ta ngày một cƣờng tráng, thì cái vƣợt hàng ngàn dặm đối với ta

có gì đáng kể". [[1]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9588&rb=08#anm1)

Sống một cuộc đời lặng lẽ trong phủ Chúa, bằng sự kiêu hãnh với chức mã lệnh, chẳng bao lâu trên bờm, mao con Thiên lý đã trồi lên một lớp lông vàng oè. Trƣớc mã đài nó đã nhìn thấy những cây cảnh bao lần đổi lá. Nhƣng nó không biết đời nó đã chuyển dần về già. Tài nó cũng đã mòn mỏi. Nó vẫn tƣởng nó còn sức chạy dƣ ngàn dặm!

Có một buổi sáng, nó đƣợc kéo xe để Chúa cùng bà phi ra ngoạn cảnh ngoại thành. Từ ngày vào phủ Chúa, lần đầu nó đƣợc đi ra ngoài. Nó ƣớc ao đƣợc thăm cảnh cũ. Xe ra khỏi phủ Chúa, bon bon trên con đƣờng đất rộng thênh thang. Nhìn thẳng phía trƣớc, nó lấy làm lạ, nó kêu í í trong cổ nhƣ tự hỏi: "Làm sao con đƣờng này ngày xƣa rộng mà nay nhỏ bé nhƣ thế này!". Đi đƣợc một quãng nó nhìn lên phía trên, lại dừng lại tự hỏi: "Ô hay, ngôi chùa kia, ngày xƣa rõ ràng nằm bên cạnh một quả đồi lớn, mà bây giờ lại nhỏ bằng con đƣờng ta đang đi là nghĩa làm sao?". Tất cả những cảnh vật trƣớc mắt nó đều nhỏ lại, và thẳng tắp. Nó nhìn cánh đồng, cánh đồng cũng chỉ là một con đƣờng thẳng. Rồi cây cỏ, núi đồi cho đến mầu giời xanh cũng chỉ thu nhỏ lại là một đƣờng thẳng. Nó không ngờ hai chiếc lá đa che hai bên mắt chỉ cho nó nhìn đƣợc một chiều.

... Xe đi mãi. Lúc gần đến một thao trƣờng, nó bỗng nghe tiếng hí của đồng loại. Tự dƣng nó hớn hở: "Chắc các chú em bao lâu không gặp ta, sẽ khấu đầu chúc tụng". Vừa nghĩ nó vừa cất nhanh bƣớc. Xe vừa tới thì đồng loại nó cũng nhảy bổ đến trƣớc mặt nó, miệng hí chân cất tiền, cất hậu nhƣ chê bai nƣớc đi và tƣớng mạo của nó. Nó tím gan, hí lên một tiếng nhƣ để quở mắng: "Bọn nhãi kia, tội các chú đáng chặt đầu làm lệnh! Các chú không biết ta là ai ƣ? Đã quên tài của anh đấy rồi sao?". Tất cả đồng loại nó, nhe cả răng, và í í lại trong cổ: "Chúng tôi biết bác lắm, biết bác ngày xƣa là kẻ có tài nhƣng bây giờ chúng em nhìn qua đã thấy bật cƣời về tài của bác. Thôi bác ạ! Đừng khoe tài nữa, chúng em đây ngại bác không rời đƣợc khỏi cái xe của Chúa! Rời ra thì thóc kia trộn mật ai ăn?".

Con Thiên lý uất lên, muốn thoát khỏi xe xông thẳng ra ngoài để tỷ sức, nhƣng trên xe lại giật cƣơng. Nó bực lắm nhƣng cũng phải cắm đầu đi. Vừa đi vừa nghĩ: "Những kẻ ngu si hèn mạt kia, ở đời này bay chỉ nhìn có một chiều. Bay không biết đƣợc ta làm đây dễ mấy kẻ đã làm đƣợc! Sức bay đƣợc mấy nả mà vội kiêu ngạo, bay chạy đƣợc vài dặm đã phờ mao sều dãi. Rồi đây ta sẽ cho bay biết tài ta!".

Và hình ảnh một trƣờng đua gió lộng, bụi cuốn, cờ bay, bỗng hiện ra, nhƣ thách thức. Con Thiên lý mã vẫn tin mình còn đủ sức phi lên hàng đầu.

Sự đời biến đổi. Sau đó ít lâu, Chúa Trịnh đƣợc tin nhiều tƣớng tá thua trận ở bên bờ sông Gianh. Chúa định thân chinh đi, nên truyền cho viên tƣớng trông coi về kỵ binh mang mã lệnh ra đua trƣờng để ôn dƣợt trƣớc khi xung trận. Viên tƣớng liền cúi đầu tâu lại: "Muôn tâu Chúa công, hiện nay trong triều đình thiếu gì ngựa chiến có dƣ sức vƣợt hàng nghìn dặm, và đã từng dự trên dƣới một trăm trận. Xin Chúa công để tiểu tƣớng đƣợc chọn dâng một con mã chiến có sức khỏe vào bực nhất. Còn nhƣ con mã lệnh, cứ nên để nó kéo xe; vì từ khi đem nó vào phủ Chúa, nó ăn thì nhiều, lại không hề luyện tập, tài nó ắt không đƣợc nhƣ trƣớc. Nếu Chúa công dùng con mã lệnh để ra trận, tiểu tƣớng áy náy lắm!".

Nghe tâu trình, Chúa Trịnh cũng thấy viên tƣớng là có lý, nhƣng Chúa vẫn còn tin ở tài con mã lệnh, Chúa bèn hạ lệnh cho mang con mã lệnh ra tỉ sức cùng các chiến mã khác để tiện bề kén chọn.

Con Thiên lý mã đƣợc dịp rời phủ Chúa ra đua trƣờng. Hai cái lá đa đã đƣợc cất đi. Nó bàng hoàng nhìn giời, nhìn đất, mắt nó hoa hoa, đầu nó choáng váng. Cảnh vật nhƣ quay chong chóng, cây nhƣ mọc ngƣợc, núi nhƣ đổ xuống. Vừa gặp đồng loại một cái, nó cố dóng hai tai, tóp bụng lại lấy hơi hí một tiếng để dƣơng oai. Nhƣng tiếng hí của nó vừa ré lên thì cụt lủn nhƣ vật gì nút lấy mõm. Các đồng loại của nó cũng nhe răng ra cƣời rồi cùng cất tiếng hí làm cho nó càng uất. Không chờ tiếng trống lệnh, nó đã lồng lên, tức thì các đồng loại của nó cũng bỏ vạch rƣợt theo. Tiếng trống liên hồi, con Thiên lý càng cắm cổ chạy. Nó đã tƣởng mình thắng cuộc, nó đắc chí ngoáy đầu lại thì bọn ngựa chiến đã tới sát đàng sau. Chỉ trong chớp mắt nó bị tụt lại. Không chịu, nó càng lồng lên. Bỗng nó thấy nhói một cái ở ngang bụng nhƣ bị một nhát gƣơm chém mạnh. Nó ngã vật xuống, vùi đầu trong bụi lốc của đàn ngựa bay qua, nó biết là đứt ruột, không thể sống đƣợc. Nó gắng mở to hai mắt, rên lên một tiếng nhƣ nói rằng: "Tiếng tăm lừng lẫy của ta chỉ có thể chết ở chiến trƣờng. Nhƣng, than ôi! Bãi cỏ này cũng là bãi chiến trƣờng, chết thế này cũng là chết vì giang sơn, vì Chúa!".

Trƣớc hơi thở cuối cùng, nó lấy hết sức tàn, ngóc đầu lên, co co hai chân trƣớc, thẳng thẳng hai chân sau, chừng nhƣ để cố giữ lấy cái thế "cao đầu phóng vĩ".

Hà Nội, 10-1956

(Trích báo Nhân văn số 4)

\*

Trần Lê Văn

Trần Lê Văn, năm nay 37 tuổi, quê ở Nam Định, là cháu nhà văn Trần Kế Xƣơng, tức Tú Xƣơng. Ông từng làm giáo học ở Thuận Châu thuộc Sơn La, và nhân dịp đó lấy một cô gái Thái làm vợ. Trong thời gian kháng chiến, ông dạy học ở một trƣờng tƣ thục, trong tỉnh Thanh Hoá. Vì bà vợ là ngƣời thiểu số, không đủ khả năng để buôn bán dƣới đồng bằng, nên gia đình ông chỉ sống vỏn vẹn bằng số lƣơng hằng tháng của ông là gần một tạ gạo. Vì vậy nên suốt trong thời gian kháng chiến ông rất cơ cực. Sự nghèo túng của ông đã trở thành thành ngữ.

Tính nết ông rất hiền lành. Ông ƣa chịu đựng hơn là phản kháng. Giọng văn của ông lúc nào cũng có vẻ "thủ thỉ".

Tuy vậy gần đây, chịu khhông nổi, ông có viết mấy bài đả kích chế độ một cách kịch liệt, đăng trong Nhân văn và Giai phẩm.

Chúng tôi chọn bài "Bức thƣ gửi một ngƣời bạn cũ" để giới thiệu ông vì bài này có nhiều tính chất văn nghệ hơn những bài tham luận về chính trị.

Trong bài "Bức thƣ gửi một ngƣời bạn cũ" ông đã dùng một giọng văn nhẹ nhàng để tả một cán bộ cộng sản điển hình, đồng thời ông cũng phơi bày những nỗi khổ cực ông đã phải chịu đựng trong suốt chín mƣời năm.

Chắc chắn là ông không tránh khỏi cảnh tù đày mạn rừng núi.

Bức thư gửi một người bạn cũ

Hà Nội tháng 8 năm 1956

Thân gửi anh Nguyễn Vinh Hoa

Tiết trời vừa mới vào thu. Tối nay lại là tối thứ bảy. Tôi định ngồi vẩn vơ trên ghế công cộng, thƣởng thức cảnh ái tình… của ngƣời khác và trở về làm thơ ca ngợi cuộc đời. Thế mà, chẳng biết nghĩ ngợi ra sao, tôi rảo cẳng về nhà cặm cụi ngồi trong gian phòng vừa hẹp vừa thấp, không khí oi bức nhƣ trong một cái hầm, viết thƣ này cho anh. Bức thƣ này, tôi băn khoăn đã lâu lắm, hôm nay mới hạ bút viết. Những điều sắp nói với anh, tôi đã định trình bày dƣới một hình thức khác: thơ ngụ ngôn kiểu La Phông-ten hay chuyện cổ tích kiểu An-đéc-sen. Tôi không có tài làm thơ ngụ ngôn hay viết chuyện cổ tích. Vả tôi nghĩ: viết nhƣ vậy có lẽ sẽ là một thái độ úp mở. Tính rụt rè đã từng làm cho tôi có thái độ úp mở đó. Chính anh và một số ít ngƣời giống anh đã tạo cho tôi cái tính rụt rè đáng bỉ ấy. Tôi không giận anh nữa đâu. Lúc này tôi thấy lòng mình bình tĩnh nhƣ mặt biển sau trận bão. Ví nhƣ vậy chắc anh thấy là quá đáng vì mấy ai ở đời dám ví lòng mình nhƣ biển cả. Và chính biển cả, ngay giữa lúc mặt nó bình tĩnh nhất, biết đâu lòng nó chẳng quay cuồng những luồng sóng ngầm!

Tôi biết do thói quen lâu năm, anh sẽ nhíu đôi mày, nghiêm sắc mặt, nhô gò má lên để làm cho tôi ―biết điều hơn‖, nghĩa là co rúm ngƣời lại chui vào cái vỏ nhƣ một con ốc sên hoặc anh sẽ ban tặng một cái cƣời rất có nghiên cứu, một cái cƣời khoan dung độ lƣợng để tôi thấy ―mọi sự đều vui vẻ‖ và đêm ngủ khỏi giật mình.

Thực ra, hai vẻ mặt khác nhau của anh đều đƣa nhầm tới một kết quả là làm cho ngƣời khác giấu diếm ý kiến thực của mình. Một nhà văn bi quan nào của thời xƣa có nói: ―Ngôn ngữ vốn dùng để che đậy những ý nghĩ thực‖. Tôi không cho câu ấy là đúng, nhất là trong thời đại của chúng ta. Ngƣời ta lúc còn sống cạnh nhau nếu không nói thật với nhau thì đợi đến cuộc Phán xét Cuối cùng mới nói thật hay sao?

Trải bao thế kỷ, nhất là trong cái phần đã qua của thế kỷ này, máu đã đổ nhiều, xƣơng đã rơi nhiều cũng chỉ là để đƣa tới một cuộc sống thật, với những con ngƣời thật biết cảm nghĩ thật. Anh định góp sức với loài ngƣời tạo nên cuộc sống thật, sao anh lại cứ làm một ngƣời giả trong cái xã hội đang hy sinh nhiều để vƣơn mạnh lên cái thật này?

Thời cũ, có những kẻ coi cuộc đời nhƣ một hí trƣờng, rắp tâm đội mũ đeo râu chứ không thích làm một vai chạy hiệu. Lại có những kẻ coi cuộc đời nhƣ canh bạc, muốn xông vào thi thố những ngón xảo trá để ăn to. Thậm chí có kẻ quan niệm cuộc sống là một thƣơng trƣờng. Từ những cái rẻ giá nhất nhƣ áo cũ, đồng nát cho đến những cái cao siêu nhất nhƣ đạo lý của các đấng triết nhân, bọn họ đều có thể dùng để làm ra lợi lộc đƣợc cả. Tôi nói cho văn vẻ theo kiểu Vũ Trọng Phụng thế thôi, chứ chẳng có dụng tâm ám chỉ gì anh vì anh cũng không đến nỗi mang đủ các tàn tích xấu xa đến thế. Mặt khác, tôi không ƣa gì cái thói ám chỉ, nó là thói quen của thời nô lệ.

Trong thƣ này, tôi gọi anh bằng cái tên cũ Nguyễn Vinh Hoa, anh cũng đừng nên lấy thế làm mếch lòng. Chỗ bạn bè thân tình, tôi mới dám suồng sã thế. Anh cho phép nhắc lại một kỷ niệm: hồi chúng ta cùng học trƣờng Bƣởi, có lần anh kể tôi nghe rằng nhà ta vốn dòng trâm anh thế phiệt. Ông cụ nhà ta đêm đêm nằm cạnh khay đèn hay kể hai câu Kiều:

Vinh hoa phú quý ai bì

Vƣờn xuân một thuở để bia muôn đời.

Khi anh ra đời, ông cụ đặt cho anh cái tên đẹp đẽ ấy, làng xóm ai cũng phục. Anh lớn lên hãnh diện vì cái tên ấy, kiêu kỳ với mọi ngƣời và vì cái gia thế ấy. Là bạn cùng đèn, cùng sách mà hồi đó đối với anh tôi đã thấy tủi thân lép vế trƣớc thái độ mục hạ vô nhân của anh. Ấy là vì tôi chƣa đƣợc Cách mạng dạy cho hiểu rằng: giá trị con ngƣời đâu phải ở cái tên đẹp và dòng họ sang!

Sau tháng Tám 45, gặp anh thì anh không còn là Nguyễn Vinh Hoa nữa mà đã trở thành Lê Hùng Tiến. Giả sử một nhà cách mạng chân chính đổi tên đổi họ để kẻ địch khỏi tìm ra tung tích thì ai cũng thấy phải lẽ. Nhƣng đằng này, anh đổi tên, xét ra chỉ để có một cái nhãn hiệu mới thay cho cái nhãn hiệu cũ mà anh cho là quá thời. Với cái nhãn hiệu mới này, anh nghênh ngang, nghễu nghện bƣớc vào cuộc đời mới, che mắt thế gian bằng một thứ trang sức mạ vàng. Anh cắt nghĩa cho tất cả mọi ngƣời: Hùng là anh hùng, Tiến là tiến bộ. Thiên hạ bắt đầu nể anh. Anh lại phân bua với quần chúng rằng anh đã tự ý chia cả gia sản cho dân nghèo ngay khi giành chính quyền ở huyện Thái Ninh, quê nhà anh, và hôm nhân dân xông vào chiếm lấy huyện đƣờng, anh vác khẩu súng chim đi đầu... hô khẩu hiệu. Thiên hạ càng nể anh hơn nữa. Thế là, mập mờ đánh lận con đen, dùng danh từ, khẩu hiệu làm lá chắn và bùa hộ mệnh, anh có đủ can đảm chơi trò trịch thƣợng với đời. Cái chất sống bừng bừng chứa đựng trong các danh từ khẩu hiệu của thời đại mới, anh đang tâm bóp méo, vắt kiệt nó đi theo trí tƣởng tƣợng kỳ quặc, bệnh não của anh, hòng bóp méo con ngƣời, vắt kiệt chất sống của con ngƣời mà Cách mạng đã đổ bao nhiêu máu mới giành lại đƣợc. Anh thƣờng hay bảo ngƣời khác ―liên hệ bản thân‖. Bây giờ anh thử ―tự liên hệ‖ xem sao?

Ở đây tôi không có đủ quyền hạn làm một việc kiểm thảo hay lên mặt quan toà buộc tội anh nhƣ anh vẫn thƣờng buộc tội ngƣời khác. Nhƣng là một con ngƣời, lại là bè bạn anh, tôi tƣởng có quyền góp một vài ―hiện tƣợng‖ giúp anh nhìn lại con ngƣời mình. Dụng ý tốt nhƣng lời nói có vụng về, xúc phạm đến lòng tự ái cũng mong anh thế tất cho.

Nhớ lại còn thấy buồn cƣời với cái tên ―Ông Khẩu hiệu‖ ngƣời ta tặng cho anh.

Ngày đầu kháng chiến có khẩu hiệu ―quần chúng hoá sinh hoạt‖. Anh nắm luôn lấy nó để đóng một vai kịch khá lý thú. Hồi ấy mới về nông thôn, anh tuyên bố ầm ỹ là ―cƣơng quyết bỏ cái khoản xà-phòng trong sổ chi tiêu riêng‖ vì cớ ―nông dân có dùng xà-phòng đâu mà vẫn sống đƣợc‖. Ra đƣờng, anh ăn mặc tồi tàn và đi chân đất, tối về không rửa chân trƣớc khi đi nằm. Chủ nhà vốn ngƣời chất phác, tin ngay anh là ngƣời tốt và nhƣờng cho anh căn nhà rộng nhất, cái giƣờng vững nhất, tấm chiếu lành nhất, lại để anh sai khéo con ngƣời ta làm những công việc vặt cho anh.

Mặc áo vá, đi chân đất, ly dị với… xà-phòng, trút bỏ cái lốt ―Vinh Hoa‖ cũ với cổ cồn ca-vát, anh đã tự nhủ thấy mình là hiện thân của đạo đức mới, đạo đức của quần chúng và thấy có quyền phẫn uất với mọi cái mà anh cho là trái với nền đạo đức ấy. Vì hay phẫn uất, anh hay lên giọng kẻ cả mắng ngƣời. Ngƣời bị mắng đầu tiên là chủ nhà, kẻ đã nhƣờng nhà cho anh ở. Nhân ngày giỗ mẹ, ông bà ấy mời chúng ta ăn cỗ. Cỗ đây có nghĩa là cơm không độn nhƣ thƣờng lệ, lại có vài đĩa thịt và cả tí ―nƣớc cay‖ nữa. Chủ khách đang vui vẻ, anh mƣợn hơi men, nửa đùa nửa thật, luận thuyết về sự ―không nên phạm chính sách tiết kiệm – cần phải ăn cơm độn – một giọt rƣợu là một giọt máu‖. Bà chủ nhà thừa lúc anh ra ngoài, ghé tai tôi nói bằng một giọng sợ sệt: ―nhà cháu có điều gì sai phạm, ông làm ơn nói với ông Tiến bỏ quá đi cho‖. Tôi phải lấy lời lẽ giải thích, an ủi mãi ngƣời ta mới yên lòng. Đó là một lối: ―quần chúng hoá‖ đặc biệt của anh. Anh căm thù nhất ―cái bệnh tiểu tƣ sản‖. Tôi cũng biết anh đã hiểu rộng câu ―tẩy rửa đầu óc tiểu tƣ sản‖ trong sách vở. Những tàn tích tiểu tƣ sản nhƣ đồng hồ, bút máy, nhẫn vàng, anh giấu biệt một chỗ. Một buổi sáng, chị ấy lấy hộp gíp ra đánh răng, tự nhiên anh thấy nộ khí xung thiên, quẳng luôn hộp gíp xuống ao vì ―dùng gíp đánh răng là đầu óc tiểu tƣ sản‖. Chủ nhà nhìn anh, kinh ngạc. Dần dần ba tiếng ―tiểu tƣ sản‖ trở nên những tiếng anh quen dùng để kháng cự mọi sự anh không đồng ý. Đại khái ngƣời ta mặc cái áo đẹp, hoặc giữ ảnh nhân tình trong túi hay buổi tối chơi ngắm trăng đều là ―tác phong tiểu tƣ sản cả‖. Thậm chí cô bé con nhà hàng xóm chạy sang khoe với bạn cái mùi xoa thêu cành hoa con bƣớm cũng bị anh phê bình ngầm là ―ảnh hƣởng tiểu tƣ sản‖. Anh quên hẳn cái áo gấm lam của anh còn giữ từ ngày cƣới vợ cất ở đáy hòm, thỉnh thoảng vắng ngƣời anh đem ra phơi. Giá lúc ấy phát động quần chúng rồi thì khối ngƣời vô cớ bị anh liệt phăng vào loại địa chủ gian ác chứ không bỡn!

Anh có thấy không? Lối sống giả tạo ấy cứ theo cái đà tự phụ, tự mãn của anh mà phát triển lên. Năm bắt đầu có chỉnh huấn, anh xung phong đi ngay. Khi đó chúng ta cùng công tác ở một cơ quan. Anh là một trƣởng ban, tôi là một nhân viên. Tôi cùng đi dự lớp chỉnh huấn với anh. Trong lớp có khẩu hiệu ―Thành khẩn phê bình và tự phê bình‖. Một số đồng chí có khuyết điểm nặng, can đảm nói ra. Có ngƣời khóc vì hối hận. Ai chẳng cảm động trƣớc sự nói thật, khóc thật. Anh ngồi lầm lì mấy ngày trời, tỏ ra nung nấu ghê lắm. Một đêm mọi ngƣời đang ngủ yên, anh tung chăn vùng dậy, lay gọi đồng chí tổ trƣởng và khóc thét lên, bộc lộ một tội tầy đình: một năm nào đó, sau Cách mạng tháng Tám, anh có tổ chức một đáng phát-xít lấy tên là đảng ―Quạ đen‖ âm mƣu làm những việc khuynh đảo. Sau khi ―tranh đấu bản thân‖ anh nói ra ―sự thật‖ với một niềm đau xót vô cùng. Anh xếp đặt câu chuyện có tình tiết hẳn hoi, ly kỳ nhƣ chuyện trinh thám. Hôm sau đƣợc ―báo cáo điển hình‖ ở hội trƣờng. Thỉnh thoảng anh khóc nấc lên, oằn ngƣời nhƣ con sâu bị ném vào lửa, tỏ vẻ ăn năn hối lỗi đến cao độ. Gần hết báo cáo, tự nhiên huỵch một cái, anh ngã lăn xuống đất, ngất đi. Anh em xúm lại vực anh dậy, gọi y tá đến tiêm thuốc hồi sinh. Ngƣời đời vốn tốt bụng nên cả tin, xôn xao khen ngợi, ―anh học viên thành khẩn gƣơng mẫu‖. Tôi cũng có tính cả tin, đâu dám ngờ anh bịa chuyện cho ra dáng yêng hùng. Tôi lại phục anh về cả hai mặt: một là ―to gan lập đảng phát–xít‖ hai là ―lầm lỗi đến thế mà dũng cảm nói ra‖. Tuy nhiên, tôi cứ loay hoay tự hỏi: ―Quái, hắn lập đảng phát-xít lúc nào mà mình ở sát nách cũng không biết?‖.

Ngày qua tháng lại, anh cũng làm đến chức trƣởng ty. Chẳng hiểu duyên nợ tiền kiếp thế nào mà tôi cứ phải ở gần anh mãi. Chuyến này anh lập nghiêm hơn trƣớc nhiều. Trƣớc anh cũng có những lúc vui tính và biết cƣời to nhƣ mọi ngƣời. Nhƣng khi tự cảm thấy mình quan trọng quá rồi thì anh cƣời càng ngày càng ít. Khi chào ai thì chỉ vừa kịp nhếch nửa cái mép lại đóng lại ngay. Đây cũng lại là một cách anh áp dụng bốn chữ ―thái độ nghiêm túc‖. Trình độ ―nghiêm túc‖ của anh càng lên cao thì hình thù anh càng thay đổi. Ngƣời khô đét lại, thẳng đuỗn nhƣ một cái áo quan, mắt chỉ biết trợn chứ không biết nhìn, mặt tái đi vì luôn luôn giận dữ với các loại khuyết điểm trên đời, hai hàm răng xít lại, dẫu có cậy cũng chẳng ra một nụ cƣời.

Từ khi trong phòng anh dán khẩu hiệu ―đặt lợi ích chung trên lợi ích riêng‖ thì quả anh tỏ ra gƣơng mẫu không ai bì kịp. Ở đâu và lúc nào anh cũng chỉ nói toàn chuyện công tác, không bao giờ đả động tới chuyện vợ con, gia đình. Anh kiêng những chuyện đó nhƣ bậc chân tu kiêng phạm giới. Thành thử chúng tôi mỗi khi thèm khát nói về đời tƣ của nhau một chút, thƣờng phải chờ khi vắng mặt anh mới dám nói vì ngại bị phê bình là ―cá nhân chủ nghĩa‖, ―gia đình chủ nghĩa‖ và nhiều chủ nghĩa tồi tệ khác nữa. Cũng vì thế mà trong năm sáu năm trời công tác ở cơ quan, dƣới quyền điều khiển của anh, tôi chỉ dám đánh bạo xin về thăm nhà một lần, khi nghe tin đứa con đầu lòng của tôi bị thƣơng hàn nặng. Quả thực trông bộ mặt thiểu não của tôi lúc ấy, anh cũng cho phép nhƣng không quên kèm theo một câu: ―đồng chí không nên nặng đầu óc gia đình nhiều quá!‖. Tôi về đến nhà, thằng bé suýt qua đời. Nếu không nhờ hàng xóm láng giềng cứu sống nó thì tôi oán hận anh biết ngần nào! Thú thật có một lần tôi bắt gặp anh cũng ―nặng đầu óc gia đình‖ nghĩa là anh viết thƣ gửi về nhà cho chị ấy. Đang đề phong bì, chợt trông thấy tôi, anh giấu bức thƣ xuống dƣới một chồng sách. Tôi suýt phì cƣời nhƣng cũng hơi mến anh, chính vì cái việc nhỏ mọn ―viết thƣ cho vợ‖ đó.

Chừng cảm thấy mình cô độc, bất giác một hôm anh dán trên tƣờng một khẩu hiệu mới ―phải hoà mình với quần chúng‖ và lập tức thực hiện ngay. Mỗi ngày anh để ra mƣời lăm phút (có ghi trong thời khoá biểu) để săn sóc mọi ngƣời. Săn sóc đây có nghĩa là đến vỗ vai từng ngƣời rồi hỏi: ―ăn cơm chƣa?‖ hoặc ―có khỏe không?‖ hoặc chỉ gọn lỏn có hai tiếng ―thế nào?‖. Ngƣời đƣợc hỏi, thấy cảm động, sắp bắt đầu kể lể tâm sự thì anh đã vội chạy sang phía ngƣời khác và hỏi nhƣng câu đúng nhƣ vậy. Chẳng lẽ những lúc ấy chúng tôi lại nói thật với anh rằng: thà anh tặng chúng tôi mỗi thằng một nhát dao còn hơn ngày nào cũng vỗ vai thăm hỏi kiểu ấy. Chiều chiều cơm nƣớc xong là có một giờ để dân vận (cái này cũng đƣợc ghi trong thời khoá biểu). Đồng bào đã thuộc lòng những câu dân vận của anh: cụ bao nhiêu tuổi? Cụ có mấy con? Con cụ làm gì? Ngƣời ta chƣa kịp đáp câu này, anh đã hỏi sang câu khác. Có ngƣời đã bị anh hỏi nhƣ vậy hàng mấy chục lần. Sau những giờ dân vận, anh về ngủ yên giấc nhƣ đã làm tròn một nghĩa vụ lớn đối với giống nòi. Hồi ấy anh cũng có một ngƣời bạn thân. Đó là một sự lạ. Bạn anh tôi không nhớ tên là gì. Anh chàng ấy giống anh nhƣ tạc. Hai anh em gặp nhau mỗi tuần một lần vào chiều thứ bảy, rất đúng giờ (chắc là việc này cả hai đều có ghi trong thời khoá biểu). Trò chuyện tâm giao giữa hai anh cũng có ―chƣơng trình nghị sự‖. Phần thứ nhất: phân tích tình hình thế giới, phần thứ hai: phân tích tình hình trong nƣớc, phần thứ ba: phàn nàn về những kẻ sai lập trƣờng. Khi các anh có vẻ đã ngấy nhau rồi thì bắt tay nhau và hẹn chiều thứ bảy sau lại gặp nhau. Thƣờng lệ cứ sau đúng một tiếng rƣỡi đồng hồ tâm sự là các anh ngấy nhau.

Tôi vừa nói tới hai chữ ―lập trƣờng‖. Ái chà! Về vấn đề này thì thiết tƣởng cả thế giới dân chủ khó lòng tìm ra một ngƣời ―đúng lập trƣờng‖ nhƣ anh. Tôi có nhiều dịp thấy rõ điều này. Anh thƣờng nói: lập trƣờng tỏ rõ nhất trong ngôn ngữ. Vì vậy ở điểm này anh ráo riết lắm. Đồng chí cấp dƣỡng một hôm kho thịt, gọi món ấy là ―thịt kho Tàu‖, anh ―chỉnh‖ đồng chí ấy ngay tại chỗ: ―sao không gọi là thịt kho Trung Quốc?‖ Những tiếng ghép quen dùng nhƣ chè Tàu, giày Tàu… anh đều nhất thiết đổi là chè Trung Quốc, giày Trung Quốc v.v… Có lúc tôi đánh bạo góp ý kiến: ―Ta gọi nƣớc bạn là Trung Quốc thì đúng lắm rồi, nhƣng có một vài trƣờng hợp thiết tƣởng có thể linh động đƣợc chứ!‖. Anh trừng mắt: ―tƣ tƣởng này là tƣ tƣởng phá hoại tinh thần hữu nghị!‖. Trong một phút đùa cợt, tôi ví cái dáng điệu lấc cấc của một anh bạn nhƣ dáng điệu ―ét ô tô‖ thời Pháp. Thế là tôi bị phê bình nghiêm khắc ngay là ―xúc phạm tới giai cấp công nhân‖. Chẳng những chúng tôi mà cả quần chúng đông đảo cũng lắm phen đƣợc anh giáo dục về lập trƣờng rất chu đáo. Từ sau phát động quần chúng có những vở kịch trình bày những cảnh địa chủ áp bức nông dân. Khán giả nhiều khi cảm động không cầm đƣợc nƣớc mắt. Nghe nói thế, anh cũng chuẩn bị nƣớc mắt từ ở nhà mỗi khi đi xem kịch. Thƣờng thƣờng anh khóc đúng lúc. Nhƣng cũng đôi khi khóc hơi bừa bãi. Thí dụ một buổi đi xem chèo, giữa lúc tên địa chủ trên sân khấu đánh nông dân mạnh quá, rơi cả râu thì anh hu hu khóc. Những ngƣời xung quanh đang cƣời thì bị anh mắng ngay là ―thƣơng địa chủ, giễu nông dân‖. Mọi ngƣời lấm lét nhìn anh và cho đến khi hạ màn không ai dám cƣời nữa.

Về vấn đề phê bình và tự phê bình, anh cũng rất triệt để và có nhiều sáng kiến.

Mỗi tối trƣớc khi đi ngủ, có mƣời lăm phút ―tự tu‖ nghĩa là kiểm điểm lời ăn, tiếng nói, việc làm trong một ngày: anh này chót chê tác phẩm của một nhà văn nƣớc bạn là kỹ thuật kém, anh kia chót để cho một ngƣời bạn thân ở xa biết địa chỉ cơ quan, anh thứ ba chót sang xin nƣớc uống của một bà hàng xóm, hại cho chính sách dân vận, đều phải kiểm điểm và truy động cơ tƣ tƣởng cả. Chúng tôi ngồi xếp chân bằng tròn nhƣ những pho tƣợng trên chùa xung quanh ngọn đèn dầu lạc, ánh sáng hắt lên những nét mặt đăm chiêu, tiếng nói lầm rầm nhƣ đọc kinh sám hối. Ngày chủ nhật thƣờng đƣợc nghỉ nửa buổi. Còn nửa kiểm thảo hàng tuần. Việc này làm kỹ hơn tự tu hàng ngày và phải vận dụng lý luận để phê phán lỗi lẫm. Anh ngồi điều khiển, mặt đầy sát khí, cất tiếng rè rè nhƣ cái máy hát cũ đem những bài lý luận ra ―đối chiếu với thực tế‖ và phê phán những khuyết điểm để xây dựng cho từng đồng chí. Anh có một lối ―phân tích, tổng hợp, quy kết‖ các loại tƣ tƣởng một cách rất khoa học. Một anh có bệnh ngủ gật trong khi học tập, bị anh phê phán nhƣ thế này: ngủ gật là coi nhẹ học tập, coi nhẹ học tập là coi thƣờng lý luận của ta, coi thƣờng lý luận của ta là đứng về phe phản động. Kết luận: ngủ gật là phản động. Tôi không tin rằng thâm tâm anh cũng nghĩ nhƣ thế. Tôi nhớ chuyện ngƣời của ông Goóc-ki cứ cuối tuần lễ tập trung các cháu lại hỏi tội và vác roi quật những đứa nghịch ngợm. Ở điểm này quả anh giống ngƣời ông của Goóc–ki.

Nói đến Goóc-ki, tôi lại nhớ chuyện văn nghệ. Nói cho công bằng anh cũng là ngƣời có khiếu văn nghệ và có quan điểm văn nghệ riêng. Anh chủ trƣơng rằng: văn Liên Xô nhất thiết hay hơn văn Trung Quốc, văn Trung Quốc nhất thiết hay hơn văn Việt Nam. Ở trong nƣớc thì văn sĩ cấp khu giỏi hơn văn sĩ cấp tỉnh, văn sĩ cấp tỉnh giỏi hơn văn sĩ cấp huyện. Hay hơn tất cả văn chƣơng các cấp là ca dao ở các bích báo. Lý luận nhƣ thế cũng hơi đảo lộn trật tự nhƣng thấy đúng quan điểm quần chúng anh lại yên tâm.

Chúng tôi sống luẩn quẩn với anh trong sáu năm trời đằng đẵng. Cơ quan cũng có chuyển địa điểm nhiều lần. Nhƣng bất cứ ở đâu, con ngƣời anh cũng lù lù nhƣ một cái bóng đen đè nặng lên cuộc đời chúng tôi. Chúng tôi đếm từng bƣớc đi, nén từng hơi thở, ghìm từng lời nói. Chúng tôi sống thầm lặng, khép nép, nhƣ những ngƣời đàn bà tu kín, sắc mặt vàng vọt dần, mạch máu khô kiệt dần ở một nơi thiếu ánh sáng mặt trời.

Không biết trong bấy nhiêu năm, chúng tôi đã làm lợi gì cho ai? Và chính anh nữa, anh đã làm lợi gì cho ai?

Chúng tôi hồi đó chỉ có cái thú tai ác là rình lúc nào rảnh việc, tìm chỗ nào vắng nhất cùng nhau bàn về anh để giải trí. Có lúc chúng tôi ví anh nhƣ ―ông Hít-le‖ (vì anh cũng đã bộc lộ là đã có phen định làm ông Hít-le con cơ mà) có lúc ví anh nhƣ một gã thơ lại hách dịch, hoặc một cụ đồ gàn tƣởng cách mạng toàn là chuyện chi, hồ, giả, dã… Chúng tôi vẽ bức biếm hoạ ngộ nghĩnh: anh xếp các khẩu hiệu làm bực thang leo lên ghế thủ trƣởng. Chúng tôi còn làm vè đề dƣới bức hoạ.

Anh định làm cho chúng tôi sợ thì quả thật anh đã đạt đƣợc kết quả mỹ mãn: chúng tôi hàng ngày ngồi trƣớc mặt anh làm việc nhƣ những cái máy, nói đúng hơn nhƣ những viên tiểu thơ lại. Nói chuyện với anh thì chỉ biết xã giao bằng những câu rất ―đúng lập trƣờng‖ rồi mong mỏi những phút đƣợc bá cổ nhau chạy ra chỗ vắng nói tếu cho nở phổi. Cộng lại những phút này cũng hiếm lắm. Trong giấc ngủ hình ảnh của anh cũng không để chúng tôi đƣợc nghỉ ngơi thật sự. Có đêm tôi mơ thấy hai cánh tay gầy guộc của anh có móng nhọn nắm cổ tôi lôi xuống một cái hầm tối om, đậy nắp lại. Có đêm lại thấy anh hoá ra con quạ đen quắp tôi bay đi nhƣ con đại bằng quắp nàng công chúa trong truyện cổ tích. Tôi thƣờng kêu ú ớ hoặc nghiến răng trong những giấc mơ kinh hãi đó…

Hồi tƣởng lại cho kỹ trong ngần ấy năm cũng có một đôi lần, tôi thấy có cảm tình với anh. Cái lần đồng chí Mẫn ở Khu về có việc ở Ty, làm cho chúng tôi và cả anh ngẫm nghĩ.

Đồng chí ấy, kể ra không ―oai nghiêm‖ bằng anh. Đồng chí ấy xuề xoà vui tính, thỉnh thoảng cũng nói tếu nhƣ chúng tôi. Tôi lấy làm lạ rằng trong những ngày tiếp đồng chí Mẫn, hình thù dáng dấp anh có đổi khác. Anh nhũn nhặn lắm. Bộ mặt trở nên hiền lành lại có vẻ đứa trẻ ngoan ngoãn. Đồng chí ấy nói đùa anh cũng vâng vâng dạ dạ vì lâu ngày anh quên cả nói đùa. Sau khi đồng chí Mẫn đi, anh bắt chƣớc tác phong của đồng chí ấy đƣợc vài hôm nhƣng ngƣợng ngập trông thật tội nghiệp.

Trƣớc kia anh đã lên cấp bằng con đƣờng nghiêm khắc nay anh lại định lên cấp bằng cách vui tính nhƣng than ôi! tre già uốn dễ gẫy, lụa đen khó nhuộm hồng.

Một kỷ niệm khó quên nữa là cái lần anh ốm nặng. Ngồi bên giƣờng bệnh săn sóc anh, tôi đƣợc nghe anh kể chuyện nhà chuyện cửa. Anh nhớ bà cụ, nhớ chị và các cháu. Lại tả cảnh quê hƣơng với những con đê rặng nhãn. Tôi có ý nghĩ hơi tệ: giá anh ốm mãi lại hoá hay. May sao khi anh khỏe lại thì tôi đƣợc điều động sang cơ quan khác…

Bây giờ nửa mừng nửa sợ đƣợc biết tin anh. Tôi hỏi chuyện anh em, có ngƣời tặc lƣỡi nói: ―Hắn vẫn nhƣ trƣớc…‖. Tôi không tin nhƣng vẫn thấy ngài ngại. Đêm nay tôi cố gắng bình tĩnh để quên mọi bực dọc cũ, viết thƣ cho anh. Việc đã qua thuộc về dĩ vãng. Tôi không trách anh đã làm phao phí tuổi trẻ và năng lực của một số ngƣời trong bấy nhiêu năm. Vì trách nhau cũng chẳng có lợi gì. Anh không phải là một ngƣời lẩm cẩm đâu. Anh rất khôn ngoan nhƣng đã tính toán lầm. Dựa vào một danh nghĩa lớn, anh làm toàn những việc tủn mủn. Cách mạng đấu tranh cho cái thật, anh dựa vào đấy để làm cái giả. Cách mạng yêu con ngƣời, anh không biết yêu con ngƣời. Cho nên có lúc xung quanh anh nhƣ lạnh lẽo toàn là tử khí. Xác chết toát ra thế nào đƣợc hơi nóng. Ngƣời khỏe mạnh, ai thích đến gần xác chết, kể cả xác chết ngƣời yêu. Anh chƣa phải là một xác chết hẳn đâu. Thời đại còn có thể tiêm thuốc hồi sinh cho anh đƣợc. Anh nên sống cho trọn vẹn, cùng với mọi ngƣời xây dựng cuộc sống. Ngƣời ta sẽ yêu mến anh, anh cũng sẽ biết yêu mến mọi ngƣời. Cuộc sống sẽ thú vị biết bao! Tôi nói có vẻ nhà mô phạm lắm nhỉ! Đó là thói quen của nghề nghiệp. Anh hiểu cho lòng chân thành là quý.

(Trích Giai phẩm mùa Thu [[2]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9588&rb=08#anm2) - Tập I)

[[1] Đ](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9588&rb=08#nr1)oạn này giễu lối thú tội và ăn năn trong các lớp chỉnh huấn.

[[2] B](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9588&rb=08#nr2)ản đăng trong sách này thiếu một số câu. Xem toàn văn trong Giai phẩm mùa Thu - tập I (talawas)

Hoàng Tích Linh

Hoàng Tích Linh, năm nay chừng 40 tuổi, quê ở làng Đông Ngạc, gần Hà Nội, em ruột nhà văn Hoàng Tích Chu và hoạ sĩ Hoàng Tích Chù. Cùng với Trần Dần, Hoàng Tích Linh tham gia bộ đội và công tác trong đoàn kịch của trung ƣơng. Ông viết nhiều kịch ngắn, nhƣng có hai bản chúng tôi trích sau đây là đặc sắc hơn cả.

Vở Xem mặt vợ, phù hợp với bài thơ "Tôi tìm em" của Tạ Hữu Thiện, nêu lên sự băn khoăn của cả thế hệ thanh niên ở Bắc Việt hiện nay là các cô gái mà họ định lấy làm vợ, đã bị nền giáo dục cộng sản làm chột mất tình yêu. Các cô này chỉ quan niệm hôn nhân nhƣ một việc phục vụ Đảng, phục vụ "nhân dân".

Vở Cơm mới tả một cảnh đấu tố trong chiến dịch Cải cách ruộng đất. Trong vở kịch một hồi này tác giả trình bày rất cặn kẽ rằng không phải chỉ có giai cấp địa chủ mới bị khủng bố mà chính ngay bần cố nông, cả những bần cố nông đã hăng hái tham gia kháng chiến cũng bị khủng bố đến nỗi phải tự tử. Những tài liệu về "sửa sai" đăng trong báo Nhân dân là báo của Đảng cũng nêu lên những vụ tƣơng tự.

\*

Xem mặt vợ (kịch ngắn một hồi)

Thời gian: Mùa thu, sáng chủ nhật

Nhân vật:

NGUYỆN, ngoài 30 tuổi, công nhân Chị NGUYỆN, ngoài 30, bán hàng xén, tổ trƣởng phụ nữ khu phố

TẤN, 25 tuổi, cán bộ công trƣờng LAN, 20 tuổi, bán hàng ở mậu dịch DUNG, 18, y tá 1 cơ quan

Bài trí: Nhà Nguyện ở một ngõ lao động. Căn buồng vuông vắn có mảnh vải hoa bạc ngăn đôi. Cửa phía trong, trông ra mảnh vƣờn nhỏ và bếp. Đồ đạc sơ sài mấy tấm phản, tràng kỷ, bàn ghế. Đồ chơi trẻ con bày khắp nhà. Tƣờng treo nhiều ảnh chụp và tranh "Công nhân kiến thiết", tranh "Thống nhất", tranh "Bác Hồ với thiếu nhi".

Màn mở lên

Cửa sổ và cửa trông ra phố mở tung. Nắng tràn vào trong nhà, những bức tranh màu sáng rực rỡ. Ngoài phố cảnh tấp nập một sáng chủ nhật.

Trên giường, anh Nguyện chăm chú chữa radio. Chị Nguyện nhanh nhẹn vắt lại cất màn, chiếu, quét giường.

CHỊ NGUYỆN, dáng vội vã – 7 rƣỡi rồi. Cô ấy cũng sắp đến, nhà cửa lủng củng thế này, cô ấy lại chẳng cƣời cho (vui vẻ thu dọn bàn ghế, một chiếc ghế đổ).

NGUYỆN vẫn lúi húi chữa, không ngửng đầu lên – Cái gì thế?

CHỊ NGUYỆN nhìn chồng – Anh ngồi sù sù từ sáng đến giờ cũng không biết bảo con để nó bày bừa ra nhà (thu dọn đinh ốc, bóng đèn trên giường). Con bày, bố cũng lại bày, ai chịu đƣợc. Để tôi mang vào trong nhà mà chữa nhá! NGUYỆN – Cái gì?

CHỊ NGUYỆN – Cô ấy hẹn sáng nay đến chơi đấy! Ai lại nhà cửa luộm thuộm thế này trông sao tiện? NGUYỆN – Cô ấy đến xem mặt chú Tấn, chứ xem mặt nhà mình đâu mà sợ. Rõ dở hơi lắm! CHỊ NGUYỆN – Phải, chẳng biết ai dở hơi. Lúc anh hỏi tôi anh đòi đến xem nhà hàng chục lần thì sao?

NGUYỆN – Thì lúc ấy ngƣời ta cũng vờ thế mới xem mặt cô đƣợc kỹ chứ. Ai đòi xem nhà làm quái gì!

CHỊ NGUYỆN – Bây giờ việc trăm năm của chú Tấn phận mình là anh chị phải trông nom. Cảnh nhà mình lao động chẳng có gì, lại càng phải giữ thể diện cho chú ấy. Anh cứ để mặc tôi thu xếp… Tôi đã dạm hỏi cả thẩy mấy đám. Chỉ có đám cô Dung này ƣng ý nhất cả. Ít tuổi, tiến bộ, mẫu mực, lại có công tác tự túc đƣợc rồi. Chú Tấn nhà ta mà lấy đƣợc thì đẹp đôi lắm!

NGUYỆN – Biết vậy, còn tuỳ chú ấy chọn.

CHỊ NGUYỆN – Ai không biết là tuỳ chú ấy. Nhƣng cũng phải biết ba bảy đƣờng tuỳ. Giá chú ấy công tác ngay Hà Nội thì cũng còn dễ. Đằng này chú ấy công tác xa mới về, mình phải chọn nơi nào đích đáng nơi ấy, chú Tấn với ngƣời ta chỉ gặp mặt nhau có một lần là xong việc rồi chứ! NGUYỆN – Xem mặt xong rồi cƣới ngay… CHỊ NGUYỆN – Chứ lại dề dà nhƣ anh ấy à. Tôi tính chú ấy đƣợc nghỉ phép ba tuần. Lỡ dịp này lại xin phép khó khăn ra. Bên nhà ngƣời ta mới xem ảnh cũng đã thuận ý rồi. Sáng nay chú cô ấy gặp gỡ nhau xong là cƣới phắt ngay đƣợc. NGUYỆN – Cô cứ nói nhƣ mai cƣới ngay đƣợc rồi ấy! Việc lấy nhau bây giờ ngƣời ta còn tìm hiểu nhau chán ra kia rồi mới đặt thành vấn đề hẳn hoi đƣợc.

CHỊ NGUYỆN – Ấy gặp nhau khắc hiểu nhau ngay chứ khó gì. Giai chƣa vợ, gái chƣa chồng bắt duyên nhau lắm. Con gái đang ế chồng khối kia! NGUYỆN – Đã chắc chú ấy bằng lòng chƣa? CHỊ NGUYỆN – Sao lại chẳng bằng lòng. Tôi đến chơi dò hỏi tính nết cô ta kỹ lắm rồi.

NGUYỆN bật cười – Thế ngộ nhỡ chú ấy không thích thì mình cũng bắt chú ấy phải thích à? CHỊ NGUYỆN – Chẳng còn đám nào hơn đám này đâu. Đƣợc cả hai chị em. Nhƣng cô em là cô Dung mới có 18 tuổi. Trẻ măng mà ăn nói đã chững chạc ra vẻ cán bộ lắm rồi. Tôi xem ý chú Tấn cũng tán thành món cô Dung đấy (gọi với trong sân) chú Tấn, chú Tấn ơi! Hãy nghỉ tay ra đây nói chuyện.

Tiếng Tấn ngoài vườn.

NGUYỆN – Này, thế còn cô chị? CHỊ NGUYỆN – Cô Lan hơn em hai tuổi. Nhà ấy đƣợc cả hai đều xinh xắn cả. NGUYỆN – À … thế để chú ấy gặp cả hai rồi thuận ý ai thì lấy.

CHỊ NGUYỆN – Sao anh lại cứ bàn lằng nhằng thế. Giới thiệu cô chị làm gì thêm nhiễu chuyện ra. Cô chị tự nhiên lắm. Còn cô em nền nếp hơn lại có nghề trong tay. Tôi đã cân nhắc chán rồi. Chú Tấn công tác trên rừng trên rú phải tính lấy ngƣời biết thuốc men trong nom săn sóc mới đƣợc. Chú Tấn mà không lấy đƣợc cũng hớ. NGUYỆN – Ờ, cứ kể thế thì lấy đƣợc đấy! CHỊ NGUYỆN cười – Anh rõ thật "quan bẩy cũng gật, quan tƣ cũng ừ" chẳng ra làm sao. Chú Tấn còn tinh hơn anh nhiều.

Tấn ra, nét mặt hí hửng.

TẤN – Anh chị nói xấu gì em thế? CHỊ NGUYỆN – Chú ra đây. Tôi đang nói xấu chú đây này. Ngƣời đến là đoảng. Bàn chuyện cứ hay bàn ngang. Việc của chú có dở dang, chú cứ bắt đền anh đấy.

TẤN – Em bắt đến cả chị nữa. CHỊ NGUYỆN – Tôi tính đâu vào đấy rồi. Chú nghỉ chẳng đƣợc bao ngày. Nhân tiện chú cần tiêm cho dứt nọc sốt rét đi. Tôi sẽ mách cô ấy từ mai ngày ngày đến trông nom thuốc men cho chú. Chú, cô tha hồ có cớ đi lại nói chuyện bàn bạc với nhau, thế có phải tiện cho mọi đƣờng không? NGUYỆN – Cô bàn cách ấy đƣợc đấy. CHỊ NGUYỆN – Bây giờ xem mặt nhau cũng đã dễ dàng lắm đấy. Trƣớc kia hồi xem mặt tôi, anh chú long đong hàng mấy tháng mà có đƣợc tích sự gì đâu. Ngày ngày đi qua hàng tôi, tiền đã chẳng có lại còn vờ hỏi hết thứ này đến thứ khác. Đƣợc thế, tôi càng trêu dấn. Lắm lúc nghĩ đến tức cƣời. Còn việc của chú tôi tính nhƣ thế, chú thấy thế nào? TẤN – Cũng còn phải xem ý tứ cô ấy thế nào đã chứ.

CHỊ NGUYỆN sốt sắng – Tôi biết cả đôi bên. Từ hoà bình đƣợc học tập cô ấy tiến bộ nhanh lắm, gƣơng mẫu nhất cơ quan đấy. Đôi bên hợp lắm rồi. Chú chẳng phải đắn đo gì nữa đâu. NGUYỆN – Ấy… việc này không hấp tấp đƣợc. Chú phải tìm hiểu cho thật chắc chắn đi. Thời buổi này phải hợp tình hợp ý, đôi bên thoả thuận cả mới nên lấy nhau. Sau này còn ăn đời ở kiếp với nhau không phải thắc mắc mảy may gì nữa có hơn không?

TẤN – Có thế nào cũng còn phải hỏi ý kiến anh chị nữa.

NGUYỆN – Cứ ý chú là chính. Anh chị có ý kiến chỉ là phụ thôi. Việc này dân chủ bơn bớt mới đƣợc. Bàn quá là nát. Lúc tôi lấy chị cũng vậy. Hai đứa ƣng thuận nhau là lấy ngay, giá lại đƣa cho ông anh, bà chị, ông chú bà thím bàn ra tán vào thì cũng chẳng xong đâu.

CHỊ NGUYỆN – Việc chú chẳng khó đâu. Ngƣời ta cũng dễ tính thôi. Chỉ cần chú với cô Dung quyết định nữa là xong.

NGUYỆN – Chú đƣợc nghỉ ba tuần phải tiến hành thế này mới chóng vánh đƣợc. Tuần đầu tìm hiểu, hai tuần sau cƣới. Còn mọi việc cƣới xin ra sao, chú chẳng phải lo. Đã có chị, chị làm tổ trƣởng phụ nữ khu phố tổ chức tập thể quen rồi. CHỊ NGUYỆN – Mọi việc tôi đã tính toán đâu vào đấy. Chính quyền mời ai, khu phố mời ai, ban văn nghệ liên hoan thế nào đã sẵn sàng cả rồi chú không ngại việc đó.

NGUYỆN – Thôi phiên phiến thôi. Ngƣời ta đến dự cƣới chứ có đi họp đâu. Cô đã dự nhiều đám rồi về kêu ca mãi mà bây giờ lại còn bày vẽ ra…

Cô Lan đỗ xe đạp ngoài cửa.

CHỊ NGUYỆN, thấy trước, giục chồng – Đấy các cô ấy đã đến kia. Nhanh tay lên anh (Nguyện mang vội đồ chữa ra-đi-ô vào trong nhà. Chị Nguyện vui vẻ bảo Tấn) Kìa chú, chú cũng vào thay quần áo đi. Ai mặc áo lót thế kia mà lại định xem mặt vợ bao giờ?

Chị Nguyện đon đả ra tận cửa đón.

LAN nhanh nhẹn vui tính – Chị! Lần đầu đến chơi chị lại đến muộn để chị phải đợi lâu quá. CHỊ NGUYỆN – Cô ngồi đây. Các cô đã hẹn hôm nay chủ nhật lại chơi, tôi yên trí không sáng thì chiều thế nào rồi các cô cũng đến. LAN – Sợ chị đợi em phải đến trƣớc đấy. Dung bận tí việc đến sau chị ạ.

CHỊ NGUYỆN – Ấy, cứ thấy cô Dung là thấy bận. Công tác của cô ấy vất vả thật. Có lẽ chủ nhật cũng không đƣợc rỗi mấy cô nhỉ. LAN – Em Dung không bận lắm đâu. Công tác nhƣ em thôi. Chủ nhật cũng đƣợc nghỉ cả ngày. Có hôm nay Dung tạt qua cơ quan báo cáo chắc cũng sắp lại đây.

CHỊ NGUYỆN – Ra thế… tôi lại cứ tƣởng… Hôm nay cô lại chơi. Chỗ cô tự nhiên cứ coi nhƣ ngƣời nhà mới nói thẳng thắn ngay vào việc đƣợc… LAN cười tinh ý – Em biết loáng thoáng rồi. Hôm nọ bác Phúc có đƣa cho chúng em xem ảnh của anh Tấn. Nếu hợp tình hợp tính thì càng tốt. Đằng em với bên nhà chị lại thành chỗ ngƣời nhà chị nhỉ? CHỊ NGUYỆN – Thế còn gì bằng nữa. Chú em nhà tôi năm nay 24 tuổi rồi đấy. Nói chuyện vợ con cứ chối đây đẩy. Tính ngƣời cũng dễ dãi. Là ngƣời kháng chiến thật đấy mà ăn nói còn lúng túng lắm. LAN – Bây giờ phụ nữ chúng em mong lấy chồng hay chứ chẳng cần ngƣời nói hay, chị ạ. CHỊ NGUYỆN – Vẫn biết thế… nhƣng cách thức Hà Nội ta biết ăn nói vẫn hơn có phải không cô? LAN hóm hỉnh – Chúng em đã bảo nhau rồi. Chồng con không cùng một chí hƣớng cũng cắt đứt. Không chồng suốt đời cũng đƣợc. CHỊ NGUYỆN cũng cười – Cô nào cũng nói nhƣ vậy mà chả cô nào cứng rắn mãi đƣợc đâu. (Tấn ra) cô Lan đến chơi… Chú ngồi đây.

LAN tự nhiên – Anh công tác ở công trƣờng. TẤN – Vâng, ở công trƣờng cầu cống. LAN – Vui lắm phải không anh?

Chị Nguyện lặng lặng mang ấm nước vào.

TẤN tự nhiên hơn – Thích nhất chỗ công trƣờng tôi làm là công trƣờng động. Ở chỗ này vài tháng xong việc lại chuyển đi nơi khác. Hai năm nay chuyển ba lần. Hết Bắc Giang lại Việt Trì rồi Lao Kay. Rồi sắp vào Thanh, xuống Vinh. LAN – Công tác của anh đƣợc đi nhiều nơi thích nhỉ.

TẤN sôi nổi – Sau này thống nhất, con đƣờng còn dài, còn nhiều cầu cống, còn khai phá nhiều đƣờng mới. Chỉ sợ chân mình không đi hết đƣợc. Tính tôi quen từ nhỏ nhƣ hòn bi, ngồi lì ở một chỗ không chịu nổi.

LAN – Thế những ngƣời ngồi lì mãi Hà Nội thì anh bảo sao?

TẤN – Tại mỗi ngƣời một tính, một nết. Hợp đâu, thích đấy.

LAN – Thế chắc anh không thích Hà Nội. TẤN – Hà Nội lại khác. Năm 50 tôi còn học kỹ nghệ, sau thích hoạt động mới bỏ học ra kháng chiến. Công tác xa Hà Nội thực, nhƣng vẫn nhớ chứ. Tôi thích công tác liên miên vài tháng mới lại về Hà Nội một lần.

LAN – Nghe anh nói cũng thích rồi, công tác hợp mới phấn khởi đƣợc (hơi buồn) công tác tôi lại khác hẳn anh.

TẤN – Tƣởng chị làm ở mậu dịch đông ngƣời mua bán chắc phải tấp nập suốt ngày. LAN – Bề ngoài thế thôi, trông vui mắt nhƣng buồn lắm, anh ạ. Ngày hai buổi lại bán hàng, lại ghi sổ, lại thu tiền. Mà khách hàng khó tính không chịu đƣợc. Lắm lúc bực gắt lại bị phê bình. TẤN – Tại chị chƣa quen đấy. LAN – Không phải quen đâu. Phê bình không đúng mới bực mình chứ.

TẤN đùa – Chị nói thế chẳng ma nào muốn xin vào mậu dịch bán hàng nữa. LAN cười – Thì anh vừa bảo, tại mỗi ngƣời một nết, hợp đâu thích đấy, (nghĩ ngợi) chỉ tại cần phải đi làm để đỡ cho mợ tôi ở nhà quấn chỉ kiếm không đủ nuôi các em đi học. Tính tôi lại thích bay bổng, nhƣng bay bổng khác anh kia. Tôi đang học thêm nhạc. Rồi tôi sẽ hát ở đài phát thanh. Lúc ấy tiếng hát của tôi sẽ vang đi khắp nơi, tôi sẽ hát cho mọi ngƣời nghe… Tôi tin là tôi phục vụ đƣợc nhiều hơn bây giờ.

TẤN – À… lúc ấy tôi công tác xa mà nghe đƣợc tiếng hát của ngƣời mình quen biết chắc thích hơn cả.

LAN – Anh cũng thích hát à? TẤN – Tôi không biết hát nhƣng thích nghe hát. Tính tôi nhƣ ngựa lồng thế này không thích ca hát sao đƣợc. Tôi cho chỉ có bụt là không thích nghe hát mà thôi.

Hai người cùng cười thân mật hơn. Chị Nguyện mang nước ra, chợt thấy, hơi khó chịu, lại lẳng lặng quay vào.

LAN – Nhiều ngƣời không thích hát chứ. Mợ tôi, cả Dung cũng thế. Chỉ có mấy em nhỏ là nó thích bắt tôi hát luôn. Mợ tôi bực lắm, nhƣng tôi lại hát để tập dƣợt nhân thể.

TẤN – Thế chị hát cho tôi nghe một bài. Lần đầu gặp chị lại đƣợc nghe chị hát. LAN tự nhiên ngượng nghịu – Ai lại thế bao giờ. Lần khác, anh ạ.

Yên lặng, Tấn suy nghĩ nhìn Lan.

LAN – Ờ, sao mãi Dung không lại? (lảng sang chuyện khác) Anh còn nghỉ, mời anh lại chơi nhà. TẤN – Tôi mong thế lắm. Cũng muốn đến luôn. Chỉ sợ phiền…

LAN – Có gì là phiền đâu. Anh cứ đến chơi. Tối nào Dung cũng có nhà. Quen chị ở đây là đƣợc biết anh, mà tính anh tự nhiên càng dễ gần hơn chứ. TẤN vui vẻ – Thế tôi sẽ đến luôn. Và chị phải hát nhé. Rồi tôi sẽ cho chị xem nhƣng kỷ niệm kháng chiến của tôi.

LAN – Ờ… thế anh phải cho tôi xem trƣớc rồi tôi mới hát.

TẤN – Mà chị phải hát thật hay kia.

LAN cười – Nhất định thế. Tiện bây giờ anh lấy cho xem trƣớc đi.

TẤN thân mật – Nhƣng chị cũng phải hát ngay đấy nhé. (Chạy vào trong đem túi dết ra) Công tác nay đây mai đó rất cần kỷ niệm (giở túi dết, tư lự) giở cho chị xem, chị hiểu đƣợc hết đời tôi đấy.

Hai người sát vai nhau.

TẤN – Đây, chiếc túi gấm thêu và con dao là của mẹ nuôi ngƣời Thổ, chợ Chu, hồi bà cụ còn con gái. Hôm bà cụ sắp chết, không chôn theo, bà cụ cho đứa con nuôi ngƣời Kinh làm kỷ niệm. Cứ một vật này hôm nào lại chơi tôi kể cho chị nghe cũng nhiều chuyện rồi. Có lẽ để tôi giở cho chị xem trƣớc tập ảnh thì hơn.

Hai người cùng nhau giở chung ảnh. Anh Nguyện ra lấy cái dùi ở giường đằng sau. Cả hai cùng không biết.

TẤN – Ra kháng chiến tôi vào ngay bộ đội. Ảnh này chụp ở cầu Hàm Rồng sau chiến dịch Hà Nam Ninh, đây là những ảnh dân công khi tôi chuyển sang công tác ở Sông Đà. Đây, ảnh mẹ nuôi tôi. Và ảnh tôi mới chụp.

LAN xem kỹ – Ảnh này đẹp hơn ảnh bác Phúc cho xem trƣớc (nhìn Tấn). Trông trẻ mà giống anh hơn (cười). Thế mà anh lại định giấu diếm.

Dung vào, áo cán bộ màu xanh. Cả hai vẫn không biết. Dung ngập ngừng không đánh tiếng.

CHỊ NGUYỆN vừa ra trông thấy – Kìa cô Dung. Cô vào đây. Đợi mãi cô.

DUNG – Chị mặc em.

LAN – Sao chậm thế, hở Dung? CHỊ NGUYỆN kéo ghế vồn vã – Cô ngồi đây… Chú Tấn lấy hộ chị ấm nƣớc. DUNG với LAN – Bực quá, chị ạ. Công đoàn gì mà chủ nhật đi chơi hết. Em đợi hơn nửa giờ, chẳng gặp ai.

LAN – Chẳng vội. Lúc nào báo cũng đƣợc. DUNG – Nên báo cáo ngay chị ạ. Công đoàn còn theo rõi giúp đỡ ý kiến chứ. CHỊ NGUYỆN bảo LAN – Cô Lan này, ra chợ xem gian hàng của tôi đi. Không lại bảo biết nhà mà không biết cửa hàng.

LAN – Vâng… đi đi chị.

Cả hai cùng ra. Tấn và Dung yên lặng.

TẤN – Cô vẫn làm việc?

DUNG – Vâng, tôi làm việc ở Bộ. Ở Bộ bận hơn các cơ quan khác.

Yên lặng.

TẤN – Tôi mới về hôm qua. Đƣợc nghỉ hơn 20 ngày.

DUNG – Chỗ anh công tác, y tế phục vụ có báo đảm lắm không?

TẤN – Cũng khá.

DUNG – Công trƣờng càng cần phải tích cực chống sốt rét mới thực hiện đƣợc kế hoạch 56. Lại yên lặng.

TẤN – Tôi về cũng có ý định lập gia đình. Thấy chị tôi nói chuyện nhiều về cô. Trong thời gian nghỉ mong đƣợc trao đổi với cô. DUNG – Vâng, … Việc này anh hãy thƣ thả. Mợ tôi cũng đã biết rồi. Nhƣng tôi chƣa báo cáo Công đoàn. Tôi định đến nhƣng không gặp. TẤN – Trƣớc hết là chúng ta tìm hiểu nhau đã. DUNG – Theo ý tôi trƣớc hết là tổ chức cơ quan phải biết đã. Nhƣ vậy đảm bảo hơn. TẤN – Vâng, thế cũng đƣợc. DUNG – Bộ không định hẳn nguyên tắc đó. Nhƣng chính bây giờ tôi lại thấy cần phải có tổ chức xây dựng cho mình. Mợ tôi cũng thấy thế là đúng. TẤN – Tôi cũng không phản đối việc đấy. DUNG – Nhƣ vậy chỉ có lợi mà không ảnh hƣởng đến sau này phải không anh? Về điểm này tôi và anh cùng giống ý nhau rồi đấy. TẤN bắt đầu khó chịu – Vâng.

DUNG – Còn khó khăn nữa là tôi với anh công tác không những xa mà lại khác ngành nhau. Ăn ở với nhau rồi khó.

TẤN – Sau này sắp xếp công tác cùng một cơ quan cũng dễ thôi. Cái khó là sợ không cùng một chí hƣớng, tình cảm.

DUNG – Tôi tƣởng chúng ta cùng phục vụ cho cách mạng là cùng một chí hƣớng rồi. Hơn nữa, anh lại là gia đình công nhân, thế càng tốt. TẤN – Vâng.

DUNG – Tôi về, anh ạ. Tôi báo cáo với Công đoàn rồi lại gặp anh. Đến tối… à tuần này tôi mắc học cả. Có gì, lại sáng chủ nhật sau, anh nhé.

Lan vào hơi ngạc nhiên.

LAN – Dung đã về à? Ngồi đây chơi đợi chị Nguyện.

DUNG – Chị về sau.

LAN – Này, Dung đi đâu vội thế? Dung vẫn đứng cửa.

LAN – Anh Tấn nghỉ phép không lâu đâu. Công tác xa ốm yếu xanh lắm, cũng cần tiêm cho khoẻ. Có thuốc sẵn rồi. Dung xem giờ nào tiện, ngày ngày đến tiêm cho anh Tấn. DUNG nghĩ ngợi – Cũng hơi phiền, chị nhỉ (một lát). Thế chƣa tiện đâu. Để em báo cáo với cơ quan đã. Sáng chủ nhật sau, chị ạ… LAN băn khoăn – Dung, Sao Dung phải để đến tuần lễ sau mới lại đƣợc? Dung nghĩ xem: Anh Tấn đƣợc nghỉ phép có ít ngày. (Không tiện nói hết ý mình, như nằn nì với em) Dung đến vào buổi tối thôi mà.

DUNG thản nhiên – Tuần lễ này buổi tối em bận mà vấn đề của em với anh Tấn nên nghiên cứu kỹ về mọi mặt… Em không thể làm hơn đƣợc. Đến chủ nhật sau chƣa muộn. Thôi em về đây, chào anh nhá.

Dung ra vội, Lan cũng lúng túng đứng dậy.

TẤN – Chị cũng lại định về ? LAN – Không… không… Phiền quá nhỉ! Hay là, chiều anh lại chơi với mẹ em? Dung có nhà đấy. TẤN – Tôi không cần tiêm và cũng không cần… LAN sốt sắng – Cần lắm chứ. Anh cần phải khoẻ. Anh còn phải công tác nhiều. TẤN – Không, tôi không muốn (tha thiết nhìn Lan) Tôi mong cô hiểu…

LAN cảm động – Để tôi bảo Dung. TẤN – Không, Không! (càng tha thiết) Cô Lan! LAN thêm lúng túng – Anh bảo gì em kia? TẤN cũng lúng túng – Tôi muốn nói chuyện với cô… cô Lan!

LAN ngượng – Vâng. TẤN sôi nổi âu yếm – Lan! Biết Lan, tôi thấy mến Lan hơn, tôi không thể… LAN thẹn nhưng sung sướng – Em không… Ai lại thế bao giờ? Em về đây (bỏ chạy ra cửa). TẤN – Cô Lan, Lan (chạy vào trong nhà, dắt xe đạp ra, nói với) Anh cho em mƣợn xe đạp một lát nhé.

Đến cửa gặp chị Nguyện về.

CHỊ NGUYỆN ngạc nhiên – Chú vội đi đâu đấy!

Tấn không kịp trả lời, lên xe hấp tấp. Anh Nguyện cũng vừa ra.

CHỊ NGUYỆN – Cô Dung đâu? ANH NGUYỆN – Ai biết đâu đấy! CHỊ NGUYỆN – Sao chú Tấn lại đi với cô Lan? ANH NGUYỆN – Lạ thật! Sao mình lại hỏi tôi? Chú Tấn chọn vợ chứ mình chọn vợ à? Dở hơi lắm! Thôi mình vào khiêng giả lại tôi cái radio ra chữa đây.

Hai người cùng cười. Vào phía trong.

Màn từ từ khép theo.

2-9-56

(Trích báo Nhân văn số 2, 30-9-1056)

\*

Cơm mới (kịch một hồi)

Nhân vật:

CHUNG: Xã đội trƣởng trƣớc Cải cách TẦM: Em gái Chung 15, 16 tuổi THUỶ: Cốt cán đã đính hôn với Chung Cụ CANH: Chở đò ngang cùng ngõ nhà Chung Bà TƢỜNG: Gọi tắt là mẹ Lớn, cùng ngõ nhà Chung

LỚN: Cốt cán

Cảnh: Một làng ven sông. Một bến nhỏ sang ngang. Nhà Chung ở sát sông, một căn nhà gianh một gian hai chái.

Bài trí: Cảnh giữa nhà. Bên trái là bếp, bên phải có liếp ngăn sang buồng bên. Đỡ cột hai đầu gian ọp ẹp, thấy hai cây bương to dựng chênh chếch. Đồ đạc cũ kỹ: một giường, một chõng tre. Kê sát vách, một bàn con làm bàn thờ, có bát hương bằng sành, một bát con đựng nước cúng. Quang cảnh lạnh lẽo như đã lâu không người trông nom tới: Lưới vó để cạnh liếp, tranh rách từng mảng lớn, khẩu hiệu trên tường ám khói vàng khè, thúng, sảo lổng chổng ở một góc.

Cửa sổ trong nhà nhìn thấy sông. Cửa chính trông ra sân đất. Cổng tre, khóm mía, bụi chuối. Qua cổng thấy bãi ngô bát ngát, con đường trong ngõ thoai thoải xuống bến.

Màn một - Canh ba. Trong xóm gà gáy rộn lên một lúc rồi im bẵng. Thưa thớt bên kia sông chó sủa vọng sang. Bên ngoài cửa sổ ánh trăng cuối tháng mờ và lạnh. Trong nhà tranh tối tranh sáng.

Tầm đắp chiếu ngủ ở chõng. Chung vẫn thức ngồi bó gối rầu rĩ...

Tiếng chó bỗng sủa vang. Chung chạy ra nhìn qua kẽ liếp.

TẦM (vùng dậy) - Gì thế anh? CHUNG - Im, du kích.

TẦM - Ngƣời ta đến bắt anh, anh ơi.

CHUNG - Im đã TẦM. (Nghe ngóng tiếng chó sủa về phía khác, xa dần) Du kích đi tuần đấy. Không có gì đâu. Em lên mà nằm đi Tầm.

(Tầm lẳng lặng lên chõng đắp chiếu. Chung lại giường ngồi bó gối nhìn trăng sáng ngoài cửa sổ.)

CHUNG (thấy Tầm cựa mình) - Tầm ngủ đi chứ. Còn lâu mới sáng, cố chợp mắt đi lúc nữa Tầm ạ!

(Tầm nằm không yên chỗ.)

TẦM- Anh này, ngƣời ta rủ nhau dỡ khoai non, em cũng dỡ vài luống ở bãi nhà. CHUNG - Sáng lên xin phép đội đã. TẦM (thở dài) - Xin chả đƣợc, gạo cứu đói cũng không thấy họ nói đến nhà ta nữa là. Anh mặc em, tang tảng sáng em lẩn ra bãi, không ai biết đâu anh ạ!

CHUNG - Mày làm thế lại thành tội phá hoại sản xuất đấy. Liều thế không đƣợc, cứ lên đội xin. TẦM - Khó lắm anh ạ.

CHUNG - Ừ, mà xin cũng chẳng đƣợc đâu. Ngƣời ta đang nghi phản động, ai cho. Này tao bảo, chuôm Đồng Sậy tát tối qua, sáng nay ra hỏi sớm khéo thì kiếm đƣợc một bữa. Hôm nay hai mƣơi mốt, phiên chợ Ngữ đấy, sang chợ mà bán...

(Một lát yên lặng)

CHUNG (như không yên tâm) - Này Tầm, mày xem kỹ lại xem có cái gì khác nữa không? TẦM (nghe ngóng) - Không có gì khác đâu. Cái gì hở anh?

CHUNG - Còn cái gì nữa? (băn khoăn) Này Tầm, hôm u mất thế nào? (thấy Tầm ngơ ngác) Ờ... cái hôm u mất ấy, thế nào? Mày nhớ kỹ lại xem, đầu đuôi ra làm sao?

TẦM (trố mắt nhìn anh) - Khổ quá, em kể không biết bao nhiêu lần, anh còn cứ hỏi mãi. Hôm ấy, quá nửa đêm đi họp về, em vẫn thấy đèn điếu để ở đầu giƣờng. Em cho là lúc tối có ai đến thăm u. Đèn vặn nhỏ li ti bằng hạt đỗ. CHUNG - Chính mày trông thấy đèn sáng à?

TẦM - Khổ, thì em còn vặn to lên cơ mà. Đèn và điếu ở giƣờng anh (đến chỉ cho Chung xem) ở chính giữa giƣờng này này. Sau em còn hỏi u một câu. Không thấy u trả lời. Em nghĩ u mệt ngủ say, em không hỏi nữa, em lăn ra ngủ thiếp đi một mạch. Mãi tang tảng sáng cũng bằng giờ này, em gọi u bốn dăm câu không thấy thƣa, em mới chạy vào buồng lay u dậy, thì u đã mất tự bao giờ. Em vẫn đinh ninh u mệt qua quýt thôi, ai ngờ... CHUNG - Quái lạ, ai đến để đèn điếu ở giƣờng này mới đƣợc chứ? Tao chẳng còn hiểu làm sao nữa! TẦM - Nhất định không phải u bị giết. Đội khám đi khám lại có thấy vết tích gì đâu? CHUNG - Khám với xét. Nếu thực có đứa manh tâm giết u, nó không dại gì để xác u trong buồng rồi. Nhà mình sát nách bờ sông thế này, nó lẳng ngay xác xuống sông cho mất tích có hơn không? TẦM - Sao anh không nói rõ với đội thế? CHUNG - Nói với ai? Bây giờ tao nói ai nghe? Đến trẻ con trong làng cũng chẳng thèm để ý đến nữa là cốt cán với đội. Ở tận đâu đâu đến, biết thế nào chuyện làng ngƣời ta. Biết thế nào đƣợc ngƣời tốt ngƣời xấu...

TẦM - Cái anh Lớn ấy mà cũng là cốt cán đƣợc! CHUNG - Cái thằng Lớn lộc ngà lộc ngộc cắn hạt cơm không vỡ ấy biết cái gì, thiên lôi chỉ đâu đánh đấy, chỉ tổ làm nát làng ra. Nhƣng chết là ở cái con mẹ nó, con mẹ ranh càn sát ấy nó xúi bẩy (một lát) ấy thế mới chết, những đứa xấu bụng mới đƣợc dịp đổ vấy cho tao chủ trƣơng phá tề, dắt Tây về tổng càn vùng này. Đến việc u chết vừa rồi chúng nó vu là âm mƣu của địa chủ Quỵnh sai tao làm để bịt đầu mối tổ chức cũ. Đèn điếu và mày vừa kể đấy cũng do tao bày ra thế để đánh lạc hƣớng nông dân (mặt tức tối). Nào tao là Quốc dân Đảng phản động. Nào là tao cấu kết với thằng Quỵnh giết u. Nói thế mà nghe đƣợc!...

TẦM - Khẽ chứ anh.

CHUNG (càng nói to) - Tao không sợ. Tao thế nào cả làng này biết rồi.

TẦM - Vừa chập tối, đội bắt thằng Quỵnh… CHUNG - Lại rối ren thêm. Cung cách này là sắp bắt lung tung cho mà xem. TẦM - Bây giờ làm thế nào hở anh?

(Tiếng chó lại sủa. Trong nhà im bặt.)

CHUNG - Hừ... Du kích lại đi rình. Đêm nào cũng đến rình... Rình cái gì mới đƣợc chứ! (không bình tĩnh nổi) Theo kháng chiến bằng ấy năm giời, bây giờ cũng hoá thành công cốc. Bao nhiêu công lao đổ xuống khúc sông này hết... Đến nƣớc cùng này...

TẦM (hốt hoảng) - Bây giờ, biết làm thế nào hở anh?

CHUNG - Làm thế nào nữa... TẦM mày, bây giờ họ hàng không ai dám chứa mày đâu, mày cũng đừng đi lại nhà ai thêm khổ ngƣời ta ra. Nếu tao có thế nào, tao chỉ dặn mày liệu bấm bụng mót mét sống qua ngày, em ạ...

TẦM - Hôm nay cũng vừa đúng tuần bốn chín ngày của u anh ạ.

CHUNG - Ừ.

TẦM - Anh có cúng u không? CHUNG - Cúng lễ gì!

TẦM (buồn rầu nhìn anh) - Thế, thôi hở anh? CHUNG - Chẳng thôi thì lấy gì mà cúng? TẦM - Hay là em chạy giật tạm vài bát gạo. CHUNG - Ai dám dây dƣa với nhà mình nữa. Không vay mƣợn gì hết.

TẦM - Hay là em chạy sang sông. CHUNG (trừng mắt) - Nhà cái Thuỷ ấy à? (thấy Tầm ấp úng) Tao cấm đấy. Không đƣợc đi lại nữa. TẦM - Chị ấy...

CHUNG - Chị ấy làm sao? TẦM - Không...

CHUNG - U chẳng khen ngoan với hiền hậu nhất làng nữa đi. U chết nó có lai vãng thăm hỏi u đƣợc câu nào không ? Cũng chẳng lên hàng cốt cán rồi mà. Tình nghĩa khối ra đấy! TẦM - Chị ấy ở tận xóm lẻ bên kia sông. CHUNG - Thì nó thƣờng sang bên này họp hàng xã đấy thôi. Nhƣng từ hôm ấy đến giờ, hàng tháng rồi có dám bén mảng đến đây không? Mà bảo xa xôi cách rách gì cho cam. Có điều giờ nó thay đổi rồi. Tao biết lắm…

TẦM - Anh đừng nói. Chị ấy đâu thế… CHUNG - Không thế mà lại phải trốn tránh. Phải tránh mặt đi. Tránh nhà này là nhà phản động. Nhà tay sai địa chủ.

TẦM - Em nghĩ chẳng lẽ nào. CHUNG - Đấy mà xem... cũng may mà u tính đợi xong Cải cách mới cƣới, nếu không về nhà ta rồi, cơ màu này nó cũng cắt đứt thôi... Tao biết lắm... Thói đời nhƣ vậy cả, khi vui thì vỗ tay vào… TẦM - Anh để xem thế nào đã. Chƣa chi… CHUNG - Còn để xem thế nào nữa? Hôm họp Đảng khai trừ tao, nó là cốt cán ngồi lù lù trƣớc mặt tao chớ đâu. Ngƣời ta vạch cho tao hằng hà sa số là tội. Toàn là những tội không đâu, mà nó thin thít có dám mở miệng phân trần cho tao đƣợc một câu nào. Thử hỏi tao lăn lộn dọc đê với con đƣờng số 5 thế nào, nó ở trong hàng ngũ du kích phải biết rõ hơn ai chứ? Sao nó câm họng? Sao nó về hùa với ngƣời ta ăn không nói có cho tao? Bắt tình bắt tội tao…

(Tầm nín lặng. Bỗng tiếng đập mạnh gọi cửa. Tiếng chó giật giọng sủa vang. Tiếng gọi cửa liên tiếp.)

TẦM (như khóc) - Tiếng anh Lớn và du kích… CHUNG - Cứ ra mở cửa.

(Tầm run càng luống cuống loay hoay mãi không mở được then.)

CHUNG - Việc gì phải sợ thế, để tao mở cho.

(Cửa mở, Lớn, cao lớn, lộc ngộc vác súng vào. Bóng du kích thấp thoáng đi lại ngoài sân.)

LỚN - Sao chậm mở cửa? (Yên lặng) Sao đêm vẫn rì rà rì rầm chuyện?

TẦM - Có chuyện gì đâu? CHUNG - Không phải dối quanh. (với Lớn) Rình nghe khắc biết rồi còn phải hỏi gì nữa? LỚN - Lại sắp sửa ngoan cố! Này, đội cho gọi anh đến văn phòng ngay. Lên đấy mà ngoan cố… TẦM - Thôi chết rồi anh ơi!… CHUNG (cố bình tĩnh) - Tầm, em đừng làm rối lên nhƣ thế, ở nhà nhớ những điều anh dặn đấy.

TẦM - Khổ thân, anh tôi có làm gì đâu cơ chứ? LỚN - Không làm gì à, không làm gì mà bà cụ lăn đùng ra chết?

TẦM - U tôi chết thật.

LỚN - Đời thuở nhà ai chết gì mà lại tự nhiên thế? Đèn điếu lại xếp đàng hoàng trên giƣờng nhƣ bình thƣờng có khách đến chơi ấy. Lại còn oan lắm hả? CHUNG - Tầm không phải nói nhiều. LỚN - À không nói, không nói à? Này đầu đảng thủ mƣu thằng Quỵnh bị bắt rồi. Anh là nông dân nên đối xử có khác với địa chủ, không thì ai cho anh đứng đấy mà lý sự hả? CHUNG - Tôi không làm, không biết. LỚN - À thế nào? Không làm, không biết? Tội rành rành ra đấy rồi không nhận cũng tù tội kia mà. Lên đội...

CHUNG (ra cửa) - Nông dân xử ức nhau, mới phải chịu nƣớc này…

LỚN (gọi giật lại) - Ấy, hẵng khoan… Còn lá cờ tam tài của chi bộ cũ các anh đâu? Mang lên nộp đội.

CHUNG (ngạc nhiên) - Lá cờ nào?

LỚN - Lại sắp ngoan cố. Lá cờ tam tài của chi bộ cũ các anh, chứ còn lá cờ nào nữa? CHUNG - Ô hay, lá cờ nào? LỚN - Này bảo thật, đừng trí trá nữa. Lá cờ hồi tổng càn, các anh thƣờng treo ở điếm dệ đê đầu làng để họp kín ấy.

CHUNG (mới sực nhớ) - À... LỚN - À, anh thấy chƣa? Cứ tƣởng đây không biết hẳn. Không việc nào anh giấu nổi nông dân đƣợc đâu. Lần nào họp anh cũng treo cờ Pháp, lần nào cũng bắt chị Thuỷ vác súng đứng gác cho các anh? Có đúng thế không ?

CHUNG - Cái Thuỷ nó tố thế? LỚN - Tôi hỏi các anh có họp không đã? CHUNG - Họp... Có họp... LỚN - À... Thế còn chống chế gì nữa? CHUNG - Anh biết gì? Đấy là họp chi uỷ bàn kế hoạch đánh Tây. Nhiều lần có cả đồng chí Tƣờng, huyện uỷ đến khai hội.

LỚN - Thế nào anh cũng lý sự đƣợc. Họp đánh Tây mà lại treo cờ Pháp.

CHUNG - Anh không biết gì thật. Lúc ấy không treo cờ Pháp, Tây nó bắt ráo, vỡ cơ sở nhƣ bỡn, tƣởng chuyện chơi à? Anh tản cƣ biết đâu chủ trƣơng của huyện?

LỚN (sừng sộ) - Tản cƣ. Tản cƣ thì không biết hả?...

CHUNG (vẫn bình tĩnh) - Hừ... Lúc Tây còn, anh tản cƣ không biết thật đấy. Đấy là mẹo du kích. LỚN - Cái gì? Mẹọ... Mẹo gì? Cứ tƣởng ngƣời ta không biết cả đấy. Đêm qua thằng Quỵnh thú nhận khai nhận hết tội rồi.

CHUNG - Mẹ kiếp thằng Quỵnh. Thằng địa chủ Quỵnh khai láo cũng nghe theo nó à?

LỚN - Không lý sự đƣợc với anh, tôi chỉ hỏi: Lá cờ đâu?... Nói...

CHUNG - Tôi không biết. LỚN - Lại không biết? Ngoan cố (tức tối nhìn Chung). Thế anh manh tâm cho địch bắn chết đồng chí Tƣờng huyện uỷ của ta, anh có biết không? CHUNG (khổ sở) Tôi... Tôi giết đồng chí Tƣờng?... Thế này thì quá lắm. Đồng chí Tƣờng bị giặc bắn chết trên lƣng tôi khi cõng đồng chí bơi qua sông chạy càn.

LỚN - Không nghe anh đƣợc, anh mƣu mô gớm lắm! Anh chui vào phá Đảng, giết hại các đồng chí Đảng.

(Chung lặng người bíu chặt vào khung cửa.)

LỚN - Cứ tƣởng đây không biết. Anh còn mê hoặc cô Thuỷ xóm bên sông. Anh định dụ dỗ lôi kéo ngƣời ta vào tổ chức của anh. Cũng may cho ngƣời ta chƣa lấy phải thứ anh, không lại uổng phí cả một đời ngƣời.

CHUNG - Hừ... đến thế này đƣợc ƣ? (quay lại với Tầm). Hôm nay anh đi không chắc đƣợc về. Sau này khắc hay em ạ…

TẦM - Anh ơi, có tội tình gì? LỚN (ra theo) Còn thế nào mới là tội nữa?

(Tầm khóc định chạy theo anh, bóng mẹ Lớn đứng sẵn ở cửa.)

MẸ LỚN (vội ngăn lại) - Chạy đi đâu hở cháu? Làm ầm lên lại khốn bây giờ. Vào đây bà bảo. TẦM - Khổ thân anh tôi thế này... MẸ LỚN - Úi giời ơi khổ? Chẳng bù lúc anh mày hạch tao cái giấy tản cƣ sao chẳng thấy kêu khổ? TẦM - Lúc này bà nói thế nào mà chả đƣợc. MẸ LỚN - Tao nghĩ nhà mày ruộng nƣơng chẳng có đấy, bây giờ sắp đƣợc chia, lại dở dói ra thế này...

TẦM - Anh Chung cháu cũng chẳng có tội tình gì? MẸ LỚN - Ấy chết. Anh Chung mày là lắm tội lắm đấy, cháu ạ. Tội tày đình cơ đấy. Cháu có đƣợc họp đâu mà cháu biết. Không lẽ nhân dân lại nói sai cho anh mày ƣ?

TẦM - Bà chỉ nói quá cho anh cháu. MẸ LỚN - Lại còn quá à? Ngay cái chuyện trong nhà này chứ đâu xa, cháu cũng biết đấy. TẦM - Bà đừng dựng đứng chuyện lên thế! MẸ LỚN - Dựng đứng à? Gớm chƣa! Không dƣng ai đám đặt điều cho anh em nhà mày hở? Việc đến thế này rồi. Thú thật với bà đi, bà bảo thằng Lớn nhà bà nó trình bày giúp với đội cho là khắc anh em nhà cháu đỡ tù, đỡ tội.

TẦM - Ô hay, bà lạ nhỉ? Cháu làm gì mà cháu lại phải tù tội.

MẸ LỚN - Này chỗ hàng xóm láng giềng, trong họ ngoài làng với nhau cả. Bà bảo thật. Mày khôn ngoan thì theo lời bà. Mày khờ dại thì theo anh mày rồi vạ vào thân đấy cháu ạ. TẦM - Cháu chẳng việc gì mà vạ. MẸ LỚN - À tƣởng quí báu lắm đấy. Hoài hơi dạy bảo cái giống anh em nhà mày. (Mẹ Lớn bỏ ra đến cửa. Yên lặng.)

MẸ LỚN (lại quay vào) - Bà nóng bà nói thế thôi. Đấy cháu nghĩ xem cả họ nhà cháu có ai đoái hoài đến anh em nhà cháu đâu. Hay là chỉ có bà cùng ngõ, bà ái ngại tình cảnh cháu, bà mới chạy sang chỉ đƣờng vạch lối cho cháu… (Yên lặng đi đi lại lại khắp nhà). Nhà mày lạnh khiếp đƣợc... (nhìn bàn thờ) Cái Thuỷ nó cũng không chạy sang chịu tang u mày à?

TẦM - Cháu không biết.

MẸ LỚN - Bà hỏi thế thôi. Nó sắp lấy ngƣời khác rồi. Cốt cán nó chẳng thèm lấy đứa phản động giết cả mẹ ấy…

(Mẹ Lớn lẳng lặng vào trong buồng. Tầm nín lặng thút thít.)

Tiếng MẸ LỚN - Vào đây bà hỏi. (Tầm vẫn không nhúc nhích.) Tầm!

TẦM - Bà hỏi gì?

(Không thấy trả lời. Tầm lo lắng nhìn mẹ Lớn lục lọi trong buồng. Một lát sau.)

MẸ LỚN (bước vội ra, tay cầm một đoạn dây thừng giấu sau lưng đột ngột giơ sát mặt Tầm.) - Tầm, thừng nào đây?

TẦM (hốt hoảng) - Thừng… MẸ LỚN - Thừng nào?

TẦM - Thừng ấy…

MẸ LỚN - Thừng anh mày lấy định treo cổ u mày hả? Sợ lộ mới vất vội vào gầm giƣờng phải không? TẦM - Không phải... thừng này... anh cháu mới lấy để thay dây thừng gầu.

MẸ LỚN (trợn tròn mắt) - Lại còn chối à?

TẦM - Khổ quá... thừng này gác bếp, hôm qua anh cháu mới lấy xuống, chƣa kịp... bà xem còn bồ hóng kia.

MẸ LỚN (tưng hửng vứt thừng vào buồng) – Ờ... thôi đƣợc... (lại giường kéo Tầm ngồi bên, vỗ về) - Này, u cháu chết trong buồng này phải không? TẦM – Vâng.

MẸ LỚN - Ờ thế... Tầm này, cháu nhớ lại xem cái đêm u cháu chết thế nào? Cháu còn nhớ chứ? TẦM - Hôm ấy cháu đi họp về... cháu thấy đèn còn sáng.

MẸ LỚN (nhanh nhẩu) - Ngọn đèn đặt kia. Vẫn nhỏ li ti chứ gì?

TẦM – Vâng.

MẸ LỚN - Thế thì đúng rồi. Anh mày vặn đèn nhỏ xuống phải không? (thấy Tầm ngơ ngác)) - Bà biết mà lại... Thế trƣớc khi thằng Quỵnh bảo cháu ra gác anh cháu đứng đâu... Thằng Quỵnh đứng đâu? TẦM – Cháu... không biết. MẸ LỚN - Cháu không biết thì còn ai biết nữa... Thằng Quỵnh đè chân có phải không? Anh mày… Đấy, bà biết hết rồi… Cháu cứ nói thật đi.

TẦM - Cháu chẳng biết gì. MẸ LỚN - U cháu chết ngay trong nhà chứ đâu. TẦM - U cháu mất trong buồng kia. MẸ LỚN - Ấy đấy, thế thì còn ai giết u cháu nữa hở?

TẦM - U cháu có bị giết đâu? U cháu mất chứ. MẸ LỚN - Này này, hàng xóm ngƣời ta nói răng rắng ra kia, thằng Quỵnh với anh mày hành sự trong buồng. Còn mày, mày đứng canh cổng ngoài, chỗ khuỷu đƣờng xuống bên sông chớ đâu. TẦM (hốt hoảng) - Đâu có... cháu... cháu thề có u cháu. (oà khóc) - U ơi, thế này con kêu ai đƣợc? U ơi...

MẸ LỚN - Mọi việc đều do địa chủ nó gây nên hết. Anh mày cũng bị mua chuộc mà thôi. Cháu khôn ra cháu nhận đi. Bà bảo thật. TẦM - Việc gì cháu phải nhận. MẸ LỚN - Ồ cái con bé này… TẦM - Cháu không làm, sao cháu phải nhận? Cháu biết gì? Nhận bâng quơ thế cháu không nhận… MẸ LỚN (tưng hửng) - Ờ… TẦM - Cứ ép mãi cũng thế thôi, cháu không biết. MẸ LỚN - Ờ đƣợc... Mày ra gan không chịu nhận hở?

TẦM - Ai nói thế nào cứ nói. U cháu biết cho chúng cháu.

MẸ LỚN - Biết thế nào cho chúng mày đƣợc. Tao hãy hỏi, trƣớc hôm u mày bị giết, u mày với thằng Chung có xô xát cãi cọ nhau suốt nửa buổi không? Ừ... có hở? Chính tao nghe thấy u mày nhiếc anh mày những là: "Đảng cho nó lắm vào, rồi nay họp mai họp để bây giờ ra xóm mà nhận lấy hết tội". Có đúng thế không?

TẦM – Có, u tôi có mắng anh Chung thật. MẸ LỚN - Ấy thế, anh mày với thằng Quỵnh sợ lộ mới phải giết u mày đi. Mà chính mắt tao thấy lúc đi họp nửa đêm về, mày còn quanh quẩn ở khuỷu đƣờng xuống bến kia. Mày gác… TẦM - Cháu gác bao giờ… Bà đừng nên thế. Hôm ấy đi họp về là cháu ra bến rửa chân rồi về thẳng nhà.

MẸ LỚN - Đội bắt thằng Quỵnh rồi. Anh mày vừa phải gọi đi. Sắp đến lƣợt mày đấy. Chẳng oan đâu cháu ạ (thấy Tầm nín lặng). Tội ở thằng Quỵnh cả. Khai ra. Đội ngƣời ta chỉ đánh thằng đầu sỏ thôi. Cháu khai thật ra. Anh cháu đƣợc tha về. Hai anh em lại ăn ở với nhau có hơn không? TẦM - Cháu không biết.

MẸ LỚN - Cháu dại lắm. Rồi ra, nay mai sắp chia ruộng, nhà cháu ít nhất cũng đƣợc răm sào. Cháu tính xem. Cháu bƣớng bỉnh chẳng tích sự gì, mà nay mai đầu thừa đuôi thẹo nông dân cũng chẳng phí của thí cho nhà mày đâu. (một lát) Thế nào Tầm, nghe bà chứ! Bà bảo anh Lớn nhà bà, nó chỉ nói với đội một câu là anh mày đƣợc tha về yên trí làm ăn…

(Tầm yên lặng. Thuỷ vác súng vào tới cửa. Trong nhà không biết. Thuỷ lẳng lặng ra.)

MẸ LỚN - Thế nào Tầm, cháu tôi cũng gan lắm cơ. Nghe bà là hơn.

TẦM - Cháu không có thế. Cháu không nhận. Sao bà lại cứ bắt tội cháu.

MẸ LỚN (nổi nóng) - Mày cứ giỏi cứ gan lỳ mãi tao xem nào. Nhẹ không ƣa lại muốn ƣa nặng à? Anh mày còn bám lấy địa chủ, nông dân còn đào tận gốc trốc tận ngọn mới đáng đời.

(Mẹ Lớn bỏ ra hẳn. Gian nhà vắng lặng. Trăng mờ lạnh ngắt ngoài sân. Tầm rùng mình trông trước trông sau chạy đến nức nở trước bàn thờ. Thuỷ vào không đánh tiếng.)

THUỶ (gọi khẽ) - Tầm! TẦM (giật mình quay lại) - Chị Thuỷ, chị... chị đừng bắt em. Em có làm gì đâu? THUỶ - Tầm, anh đâu?

TẦM - Không, không, em không có tội. THUỶ (ái ngại) - Tầm, em ngồi xuống đây. Chị đây, chị sang... Anh đâu? Anh bị bắt rồi phải không?

TẦM (ngơ ngác) - Chị... THUỶ - Chị đây (kéo Tầm đến gần) Kìa sao Tầm lại nhìn chị thế? Anh đâu? TẦM - Chị lại còn phải hỏi? THUỶ - Ngồi xuống đây. Em đừng nhìn chị thế. (Tầm vẫn đứng) Kìa Tầm…

TẦM - Chị còn sang đây làm gì? THUỶ - Tại sao em lại thế với chị? TẦM - Em chẳng làm sao cả. Chị về đi. THUỶ (lặng lẽ) - Không sao cả, mà em lại đuổi chị về?

TẦM - Em dám đâu đuổi chị. Chị có ngồi đây đến sáng cũng thế thôi. Em có làm gì đâu mà em phải xƣng ra.

THUỶ - Chị xin em…

TẦM - Mẹ anh Lớn cũng vừa ở đây ra. Bây giờ lại đến lƣợt chị. Bà ấy doạ dẫm hết lời, em cũng chẳng nói sai. Giờ chị có dụ dỗ cũng vậy thôi. Chị về đi... Anh em có bị bắt cũng tại chị. THUỶ (rưng rưng nước mắt) - Tầm coi chị đến thế kia ƣ? Tầm, em giận chị lắm phải không? TẦM - Em dám đâu giận. Nhà em là nhà phản động mà. Ai thèm đến nữa. Chị là cốt cán chị sang đây làm gì cho thêm luỵ chị ra. THUỶ - Tầm, em đừng nói thế mà tủi chị. TẦM - Chị vạch, chị tố hết tội anh Chung em rồi còn gì nữa? (Thuỷ ín lặng) Chị chẳng nghĩ đến những ngày ở hầm ở hố, nắm cơm miếng bánh cùng anh em. Sao chị chẳng thƣơng anh em hở chị?

THUỶ - Tầm, chị van em là hết. Chị chẳng biết nói thế nào. (một lát) Chị chẳng biết nói thế nào thật. Anh Chung bên này khổ thì bên kia sông, chị cũng chẳng sung sƣớng gì. Chị còn biết nói cùng ai. TẦM (ngờ vực nhìn) - Chị. THUỶ - Chị mặt mũi nào đặt điều kia tiếng nọ cho anh Chung đƣợc. Còn có vong hồn u kia biết cho chị.

TẦM - Chị... U em không phải bị giết đâu, chị... chị đừng nghi oan cho anh Chung. THUỶ - Chị biết.

TẦM - Chị biết mà làm sao ngƣời ta vẫn vu oan tội cho anh Chung em?

THUỶ (nín lặng) - Chị biết ngƣời ta tố điêu cho anh Chung hết cả, nhƣng chị không dám nói. Mà chị nói thế nào? Bây giờ động tí ngờ nhau chứ mấy ai dám thực tin nhau. Chị lại là cốt cán... Cốt cán không tố anh nên nông dân đặt vấn đề nghi chị. Chị đành cắn răng phải chịu. Chị chẳng còn biết nói cùng ai?

TẦM - U em mất đi, anh Chung lại thế, em nghĩ chị...

THUỶ - Em nghĩ chị thay đổi phải không? Em giận chị. Anh Chung căm ghét chị... Chị cũng chịu vậy thôi (yên lặng). Chị nghĩ, chị ăn ở trƣớc sau nhƣ một, thế nào rồi cũng có lúc em rõ cho chị. Anh Chung rõ cho chị.

TẦM (ái ngại nhìn Thuỷ) - Chị... THUỶ - Hôm u mất, ngƣời ta ngăn chị. Thày u chị cấm chị đi lại với bên này. Hôm nay tuần bốn mƣơi chín u... Chị sang... rồi muốn ra sao thì ra. Rồi ngƣời ta muốn đặt điều ngờ vực chị thế nào thì đặt, chị cốt là chị ăn ở trƣớc sau phải đạo với u. (một lát) Nhà ta cũng hết gạo rồi phải không? TẦM - Vâng.

THUỶ (lấy gói khăn vuông đựng gạo) - Đây có mấy bát gạo cơm mới chị mang cho em. Lấy một ít sáng nay cúng u em ạ. Em trút vào giá đi... Lúa sớm bên nhà chị đấy mà. (thấy Tầm ngập ngừng) Em cũng không muốn nhận cho chị à? TẦM - Sao chị lại cho…

THUỶ - Khổ, đến em cũng chẳng thật tin chị. Chị vẫn là cái Thuỷ bên sông của u đây mà... Em, em cứ nhận cho chị.

TẦM – Vâng. (ôm lấy Thuỷ) Có thế chứ. Em vẫn nghĩ chẳng lẽ nào chị lại chóng quên… THUỶ - Em đừng bảo với anh là chị đến nhé. Chẳng ích gì lại thêm phiền ra. Anh vận hạn thế này, chị chẳng oán trách anh đâu. Oán trách nhau mà làm gì kia chứ!

(Yên lặng, sáng dần. Tiếng gọi đò bên sông)

THUỶ - Có đò sang sông. Để chị về. Tầm đừng nói gì với anh nhé!

TẦM - Vâng, chị về. (nước mắt chạy quanh) Từ giờ em chỉ còn có một mình. THUỶ (ái ngại ôm chặt lấy Tầm) - Chị cũng chẳng khác gì em. (một lát) Chị không nấn ná đƣợc nữa, gần sáng rồi.

(Ngoài ngõ, tiếng cụ Canh trả lời khách gọi đò.)

TẦM - Chị đừng ra vội, gặp cụ Canh mất. (tiếng đẩy cửa) Cụ Canh vào đấy chị ạ (ngần ngại) Chị ... hay chị lánh vào buồng này đã. (Thuỷ vào buồng, tiếng gõ cửa)

CỤ CANH (gọi khẽ) - Tầm… Tầm... Ông Canh đây mà (đẩy cửa vào). TẦM - Ông, ông sang đây làm gì? CỤ CANH – Tao... tao sang... anh mày bị bắt rồi hở? Tao thấy chó cắn…

TẦM – Vâng. Đội vừa gọi lên văn phòng. Không biết việc gì. Nhà cháu thế, ông còn sang đây làm gì?

CỤ CANH - Tao ấy à... Tao thấy chó cắn bên mày, tao nóng ruột quá tao liều, tao chạy sang. Mà tao tính tao cứ sang, sợ quái gì. Cây ngay chẳng sợ chết đứng. Cùng lắm bắt tao là cùng. TẦM - Khổ quá, rồi ông cũng bị bắt đấy. CỤ CANH - Tao nghĩ chán ra rồi, anh mày có tội đếch gì đâu mà tao sợ lôi thôi. Tao cứ sang. TẦM - Nhƣng cháu vẫn lo lắm. Ngày đêm anh cháu nơm nớp, kêu ai đƣợc hở ông. CỤ CANH - Tao cũng chẳng biết làm thế nào thật. Nhƣng tao nghĩ thời Tây nó bắt, nó gí súng vào ngực anh mày, anh mày còn chẳng sợ. Bây giờ là ta với nhau. Truy mãi, hỏi mãi, không thủ mƣu thủ phạm gì thì cũng thôi. Chứ ức nhau đến chỗ chết à?

TẦM - Nhƣng cháu vẫn sợ cho anh cháu… CỤ CANH - Ầy thƣờng cứ đêm đến tao nhìn sông lại xót cho anh mày, giá khúc sông nó biết nói thì anh mày cũng chẳng đến nông nỗi này đâu. Chẳng lẽ lại chịu khoanh tay à? Cả đêm qua tao nghĩ thời dân chủ với nhau lại tốt xấu nhập nhằng mãi thế này đƣợc ƣ?

TẦM - Nhƣng gỡ đƣợc tiếng cũng còn khó lắm ông ạ...

CỤ CANH - Thì biết làm thế nào? Đến tao biết mƣời mƣơi việc anh mày mà tao cũng chẳng dám nói ra.

TẦM - Thế cứ đành thế này mãi hở ông? CỤ CANH - Tao định bụng sang... Bảo anh mày hãy cứ tĩnh tâm lắm mới đƣợc. Cây ngay chẳng sợ chết đứng là vậy. Việc đời vẫn thế. Thời Tây chiếm đóng, đen tối tƣởng chết tiệt cả, ấy thế mà lại hoà bình đấy thôi. Tao chỉ lo anh mày còn nông nổi. Đang cái lúc thế này dễ sinh hoang mang, thục mạng làm liều khốn khổ cho mình à... Thế nào dạo này mót mét ra sao hở cháu? TẦM - Cũng kém lắm. Nhà cháu rau cháo mấy phiên chợ nay rồi.

CỤ CANH - Cũng còn khó khăn dăm bữa nửa tháng nữa đấy. Thôi đƣợc... hôm nay có mẻ tôm mẻ cá nào tao cho anh em mày. Đùm bọc lấy nhau cho qua ngày vậy. Trƣớc còn đói kém gấp mấy bây giờ chứ.

(Tiếng gọi đò giục bên sông)

CỤ CANH (nói qua cửa sổ) - Lão sang đây... đợi đấy. Quái thật, anh nào gọi đò cũng giục rối lên. Đã sáng hẳn đâu?

TẦM - Ông nhanh lên nhỡ có ai… CỤ CANH - Ừ... mà nhỡ tao có gặp ai, tao bảo thẳng tao đến đây, tao có cái đếch gì mà sợ liên quan...

TẦM - Ông đừng để gặp ông ạ… CỤ CANH - Gặp cũng lôi thôi ra thật (nhưng vẫn quanh quẩn ở cửa). Tao cứ nghĩ u mày là mẹ chiến sĩ không điều tiếng với ai. Thằng anh mày cũng vậy. Nào là Tây tra tấn, chó cắn nát mặt, hụt chết mấy lần mới giữ đƣợc cơ sở bên sông này chứ hại dân hại nƣớc cái gì? Tao chuyên chở đò cho nó đƣa cán bộ đƣa bộ đội sang sông mãi đấy thôi. Anh mày thế nào tao đã rõ. Tao quý nó ở chỗ đấy. Bây giờ đánh đùng cái bảo cắt đứt. Tình nghĩa con ngƣời chứ có ngỡ là gỗ đƣợc à? Sau này trong làng xóm sớm tối còn có nhau, muối mặt thế trông không đƣợc. (Yên lặng ra cửa) Tao cho cái Thuỷ ra nó cũng bạc. Hai đứa nó quấn quít nhau là thế, mà giờ con bé cũng giở mặt ngay đƣợc. Từ độ ấy tịnh không thấy nó đả động đến anh mày câu nào đấy! TẦM (ấp úng) - Không… CỤ CANH - Không gì! Lúc hoạn nạn mới biết bụng nhau thật. Quân tệ bạc đến thế là cùng. Tao chở nó sang sông họp luôn. Tao ghét mặt. Tao cũng chẳng thèm nói. (tiếng giục đò bên sông) Này chẳng may anh mày có làm sao, tao sẽ xin đội với nông dân, trông nom cho mày. Phải bình tâm cháu ạ… TẦM – Vâng.

CỤ CANH - Thôi tao phải xuống bến, chẳng có đò đợi. (vẫn dùng dằng) Mày bảo với anh Chung mày. Ông cụ Canh dặn đi dặn lại phải vững tâm, còn có bà con trong làng. Cũng còn có ngƣời thế nọ, ngƣời thế kia, không thể bỗng chốc mất tình mất nghĩa hết đƣợc... Thôi ông về, không có ai gặp lại đem ra xóm phê bình phê biếc om sòm khổ cả chúng mày.

(Cụ Canh hấp tấp ra cổng. Thuỷ lặng lặng trong buồng ra.)

TẦM - Cụ Canh không biết có chị ở đây. THUỶ (thở dài) - Biết làm gì? Cả làng có ai coi chị ra gì nữa? Chị... Chị còn khổ đến đâu cơ chứ? TẦM - Kìa chị Thủy…

THUỶ - Cụ Canh chắc biết chuyện chị rồi. (thẫn thờ)? Tầm... Tầm vẫn còn tin ở chị chứ. Tầm có ghét bỏ chị không?

TẦM - Ô hay chị Thuỷ, làm sao hở chị? THUỶ - Chị cực lắm... Có ngƣời hỏi chị (oà khóc ôm lấy Tầm), chi bộ đã bằng lòng, bắt chị phải cắt đứt với anh, bắt chị phải bỏ anh… TẦM (cũng khóc) - Thế ƣ chị? THUỶ - Ừ, thày u chị đã phải nhận giầu ngƣời ta. Còn chị... chị đã quyết rồi… TẦM - Hay là chị cứ nhận lời cho yên ổn cả chị ạ. THUỶ - Em bảo chị lấy ngƣời khác ƣ? TẦM - Không… em không… THUỶ - Em coi chị thế nào mà lại nói thế. Thày u chị bắt buộc cũng chẳng đƣợc. Chị với anh (nức nở) dù anh tù tội chị vẫn đợi... U mất chị không dám sang. Chị không phải với u thật, u biết cho chị. Bên kia sông chị chẳng có lòng nào khác đâu.

(Yên lặng)

THUỶ (tần ngần) - Chị về nhé… Biết đến bao giờ lại đƣợc sang đây?

(Tiếng chó sủa đầu ngõ)

TẦM - Có ngƣời đấy, chị tắt lối này xuống bến vậy.

(Thuỷ bước vội ra. Tầm cũng vội khép cửa lại. Lặng lẽ một lát. Chung ẩn cửa vào ủ rũ hốc hác. Tay cầm tờ giấy trắng. Tầm lo lắng nhìn anh không dám hỏi.)

CHUNG (chán nản vứt giấy xuống giường) - Vặn chán rồi bắt tao về kiểm thảo. Đây, bắt tao phải khai vào giấy nhận có giết u. TẦM - Anh cứ khai thực u chết thế nào. CHUNG - Thì tao đã khai cả rồi, ai tin? TẦM - U chết thật kia mà. CHUNG - Khổ lắm, nếu thế đã không thành chuyện. Ngƣời ta nhất định bảo là có địch giết u mới chết đƣợc, mà địch phải ở ngay trong nhà này mới giết u nhanh chóng thế... Vặn tao địch là ai? Chẳng là tao, là mày còn ai nữa vào đây. Dồn tao phải nhận tao bóp cổ u, mày gác cổng. Phải khai đúng hƣ vậy mới nghe.

TẦM - Thế này còn cãi vào đâu đƣợc hở anh? CHUNG (chán nản) - Vặn tao trƣớc giết đồng chí Tƣờng huyện uỷ, bây giờ giết u chứ còn ai nữa (yên lặng thở dài). Chết thì chết tao không nhận. Nhận liều một cái là bao nhiêu đồng chí khác bị liên quan, bị bắt lung tung cho mà xem. TẦM - Bà Lớn bà ấy cũng bắt em nhận đúng nhƣ vậy.

CHUNG - Mẹ Lớn nó sang đây? TẦM - Vâng, bà ấy bảo em gác cổng… CHUNG - Mày nhận cả.

TẦM – Không.

CHUNG - Bây giờ muốn bảo ai là địch chẳng đƣợc. Đến mày cũng gác cổng, mày cũng giết u thì còn ra thế nào nữa? Đảng xƣa nay vẫn đƣợc tiếng là sáng suốt lắm. Sao lại đốn thế này kia chứ? (chán nản) Bảo tao giết đồng chí Tƣờng? Giết u? Đồng chí ra sống vào chết mà quy tội thành địch... Tao cứ nghĩ mà muốn cắn lƣỡi chết ngay đƣợc. Lớn lên là cầm súng giết giặc, đến bây giờ lại bảo là giết đồng chí mình, giết mẹ mình? (Tầm nín lặng một lát lâu. Chung thấy giá gạo dưới chân giường) Gạo nào đây, Tầm?

TẦM (ấp úng) - Gạo đấy… CHUNG - Gạo nào? (thấy Tầm ấp úng) của con vợ thằng Quỵnh à? Đã bảo cấm tiệt không dây với địa chủ. Nó mua chuộc đấy. Sao mày lại nhận? TẦM (vội vã dối quanh) - Không phải. CHUNG - Thế gạo ấy của ai? TẦM - Gạo ấy...

CHUNG - Của ai?

TẦM - Của cụ Canh.

CHUNG - Của cụ Canh à?... (chán nản) Cụ Canh còn đem cho gạo làm gì? (Yên lặng một lát bỗng quay lại) Tầm, mày đem giả gạo cụ Canh. TẦM - Sao hở anh?

CHUNG - Cứ đem giả gạo đi. TẦM - Anh đừng giả thế. CHUNG - Tao bảo cứ đem giả lại. TẦM - Không phải…

CHUNG - Tao biết cụ Canh thực bụng thƣơng hại mình mới cho gạo lúc này, nhƣng rồi vạ lây khổ thân cụ.

TẦM - Không phải cụ Canh... CHUNG - TẦM cứ đem giả cụ, cụ chẳng giận đâu. Tao bảo đem giả mà lại. Không! Lại lôi thôi cả bây giờ. (Càng giục đưa giá gạo vào tay Tầm) đi... Tầm.

TẦM - Sao lại thế này hở anh? CHUNG (nhìn em thương hại) - Sao à? Tao chẳng muốn luỵ ai. Tao thiết gì nữa. TẦM (càng ngơ ngác) - Ơ kìa anh. CHUNG (như mê sảng) - Tao có làm sao đâu? TẦM - Anh…

CHUNG (vẫn thế) - Tao còn cần gì gạo nữa… TẦM (hoảng sợ) - Anh đừng làm thế anh ơi. CHUNG (càng giục) - Ơ hay Tầm. Mầy giống u nhƣ hệt ấy. Có thế cũng sớn sác lên. Đi nghe anh. Rồi về hôi sớm chuông Đồng Sậy. Còn lâu mới sáng. Đi... đi Tầm. (Chung khép cửa vào giường ngồi. Tờ giấy trắng kiểm thảo trước mặt. Tức tối xé vụn) - Tội gì mới đƣợc chứ.

(Anh lại bó gối lặng yên, lắng nghe tiếng gà phía xa. Trăng mờ mờ trên sông. Một lát lâu. Thấy tiếng ồn ào bên ngoài. Tiếng gọi cửa. Chung lo lắng bực dọc).

CỤ CANH (xô vào trước) – À… Anh Chung đây rồi. Bà vào trong này, ba mặt một lời xem tôi có giấu giếm gì không? Vào đây... ôn tồn nói chuyện với nhau. Chẳng nên lắm lời nhƣ thế. MẸ LỚN (sồn sồn vào theo) - Ai lắm lời, gớm chƣa? Giá không bắt đƣợc quả tang, thì cụ còn già mồm chối cãi đến đâu cơ đấy. CHUNG (ngạc nhiên lo lắng) - Việc gì lôi thôi đến cháu thế cụ Canh?

CỤ CANH - Có gì đâu? Đầu đuôi thế này. Vừa rồi bà ấy bắt gặp cái Tầm mang gạo. Bà ấy hô hoán giữ cái Tầm mang lên trình đội. CHUNG - Khổ không, lại thêm tội thêm nợ thế này...

CỤ CANH - Ấy thế là bà ấy làm toáng lên. MẸ LỚN - Chứ không à? Để tha hồ đi lại thậm thụt nhé!

CỤ CANH (tức quá) - Này, bà chớ thêm chuyện. Tôi bảo thật. Tôi cóc sợ.

MẸ LỚN - Cụ bảo ai?

CỤ CANH - Tôi cóc sợ đứa nào thật. MẸ LỚN (sồn sồn chạy ra phân bua với ngoài cổng) - Này, này có bà con hàng xóm láng giềng, có bên Đông bên Tây, bên phải bên trái biết cho nhé... Cụ này bao che cho phản động. (Lớn sồng sộc chạy vào. Mẹ Lớn nắm lấy Lớn kéo vào) Ấy đấy, anh vào đây. Làm cho ra nhẽ việc này, nhu nhơ không xong với họ.

LỚN - U để yên xem đầu đuôi ra sao. MẸ LỚN - Để yên để ngƣời ta làm loạn à? Ngƣời ta thậm thụt cho nhau gạo. Tao bắt đƣợc, mà còn gân cổ, chối lấy đƣợc kia chứ. CỤ CANH - Ai chối. Tôi có cho gạo đâu. Không, lại bảo làm có, thì tôi phải nói. Đến gặp đội tôi cũng nói.

LỚN - Yên, yên, thế ai cho gạo nhà này? CỤ CANH - Nào tôi biết đâu? LỚN - Tôi hẵng hỏi cụ, cụ có sang đây không? CỤ CANH - Có, tôi có sang đây thật. LỚN - Thế cụ còn chối quanh gì nữa. Chẳng cụ cho gạo thì còn ai vào đây?

CỤ CANH - Tôi không biết. LỚN (quay sang Chung) - Gạo của ai?... Nói… CHUNG - Tôi không biết. LỚN - Ơ ... (quay sang hỏi cụ Canh) - Cụ có sang đây không?

CỤ CANH - Tôi có sang đây. LỚN - Ấy thế không cụ cho gạo còn ai nữa hở? CỤ CANH - Nào tôi biết đƣợc. MẸ LỚN - Đấy có anh... mà cụ ấy còn chối bai bải Cụ này phải bắt tận tay vay tận trán cụ mới chịu phải không.

CỤ CANH - Tôi không chịu thật. Bà chớ quen thói nạt nộ mẹ chồng, la làng ngã vạ ra đấy đƣợc. MẸ LỚN - Úi giời mày nghe đấy. Thế mà mày chịu đƣợc. Mày cứ bắt cả lên đội, tao xem có dám ăn nói thế không nào?

LỚN - Ơ hay, u cứ lặng yên đã có đội xét. CỤ CANH - Có đội tôi cũng thế thôi, tôi sang đây thật. Tôi nghĩ thƣơng tình cảnh anh em hắn. Tôi sang thăm (bảo với Chung). Tự tôi, tôi sang thăm, không dính dáng gì đến anh cả. Nếu phải tội, tội tôi, tôi chịu.

MẸ LỚN (lại sồn sồn) - Bao che thậm thụt bao nhiêu lần rồi chứ?

CỤ CANH - Có anh Chung đây. Từ trƣớc tôi có sang không? Hay lần này mới là một. Có thế nào tôi nói thế ấy. Tôi không gian dối. Tôi cóc sợ thật. Đừng có mà gắp lửa bỏ tay ngƣời. MẸ LỚN - Còn ngoan cố đấy. Thông đồng với nhau đã rõ rành rành.

LỚN - U này, không phải việc u. U làm gì mà ầm ầm lên. Việc này đã có bà con nông dân vạch cụ ở xóm... À ... ra tối dân học tập cụ thƣờng viện cớ vắng mặt chở đò đêm là thế. Bây giờ mới vỡ lẽ, cụ tƣởng ngƣời ta không biết đấy... Ra là mƣu mô. CỤ CANH - Sao lại mƣu mô. Ô lạ cái anh này... lại cứ ghép tội liều cho ngƣời ta. Tối tôi không họp là tôi mắc việc chở đò với đơm đó đêm thật. Còn tôi sang đây là tôi tự ý tôi thƣơng tình anh em nhà hắn. Sao lại mƣu mô?

LỚN - Cụ không biết nhà này là thế nào à? Nhà có án mạng, nhà nông dân đang phát hiện vấn đề. Cụ biết thế sao cụ còn cho gạo? CỤ CANH - Ơ hay, ai cho gạo ? Anh lại cứ đổ diệt cho tôi?

LỚN - Không cụ còn ai nữa ? Thế không là liên quan mƣu mô thì còn là cái gì nữa? MẸ LỚN - Ra họp xóm xem cụ ăn nói nhƣ thế có đƣợc không?

CỤ CANH - Đến đâu thì đến. LỚN - À đƣợc, cụ đừng có trách... Cụ định tự tiện đi lại đây có phải không?

CỤ CANH - Ai tự tiện? Anh đừng có nói sƣng sƣng ra thế. Đã chắc đâu nhà ngƣời ta là nhà phản động? Anh ta có theo Tây theo địa chủ thì đã chẳng gieo neo chống đỡ cho cả cái làng này. Mình có nghi ngờ, cũng phải xét cả công lao cho ngƣời ta. MẸ LỚN - Công lao. Công lao phá hoại cải cách, công giết mẹ ấy à?

CỤ CANH - Này bà đừng ăn nói hàm hồ. Mắt bà có mục đích rõ ràng không? Không nên buộc án, gán tội cho ngƣời ta. Phải để cái phúc cái đức cho con cháu về sau.

LỚN - Cụ bảo ai buộc tội? CỤ CANH - Tôi nói bằng thật ấy. Nói thật chứ. Tôi bảy mƣơi tuổi đầu rồi anh có giỏi anh cũng chẳng rõ ngọn ngành cái làng này bằng tôi. Xấu tốt thế nào rồi ra làng nƣớc sẽ biết. Bia miệng để đời kia. Liệu mà cƣ xử với nhau.

MẸ LỚN (mỉa) - Phải! Liệu mà cƣ xử với nhau. Để tha hồ tác yêu tác quái trong làng nhé! CỤ CANH (giận đỏ mặt) - Ai tác yêu tác quái! Bà cứ về bà hỏi mẹ chồng bà xem, ai trèo lên cả bàn thờ bố chồng ăn vạ? Ai trộm gà hàng xóm rồi xắn ngƣợc váy đi rong làng chủi bậy? Ai chứ? Bây giờ thời buổi khác rồi. Bà phải biết điều mới đƣợc. MẸ LỚN (tru tréo) - Này, này cụ định bao che ra mặt phải không? Cụ định chống chọi với cả làng này à? Tôi gọi hàng xóm làng giềng chứng kiến cho cụ hết đƣờng chối cãi. (định chạy ra cổng). LỚN - Ơ hay nhỉ! U cứ làm toáng lên. MẸ LỚN - Úi giời ơi! Không làm toáng lên không xong với họ. Có đội ở đây, ngƣời ta còn bốp chát với mày thế. Nay mai đội rút về đoàn thì ngƣời ta còn về hùa với địa chủ trấn át mày đến đâu ấy chứ! Rồi của đƣợc chia đã chắc trong tay chƣa? Rồi mày còn làm sao đƣơng nổi việc làng việc nƣớc đƣợc nữa hở?

CỤ CANH - Bà chớ nói càn. Bà không vơ đũa cả nắm đƣợc. Bà không thể dây cái chuyện địa chủ vào đây đƣợc.

MẸ LỚN (lại sồn sồn) - Này, này, lại nhƣ cái việc cho trộm gạo vừa rồi ấy. Khéo đánh trống lấp lắm. Vải thƣa chẳng che đƣợc mắt thánh đâu. Cứ lôi cụ ấy lên đội.

LỚN - Cụ phải lên đội. Thảo nào vụ án mãi không ra manh mối là thế.

MẸ LỚN - Có đông đủ bà con nông dân thử xem cụ lấp liếm thế nào? Cứ lôi cụ lên đội xem nào. CỤ CANH - Đến đâu cũng vậy, cứ thực tôi khai, còn cái gì chƣớng tai gai mắt, tôi cứ thẳng tôi nói, tôi cóc sợ đứa nào thật.

MẸ LỚN (át giọng) - Cụ chửi vắt nóc cả làng này có phải không? Đấy mày xem. Gớm chƣa! LỚN (bảo Chung) - Thêm việc này nữa, kiểm thảo thành khẩn đi. Viết vào giấy kia. Sớm lên trình đội ngay. Ngoan cố không đƣợc. Muốn sống thì trông thằng Quỵnh đấy.

CHUNG (đóng sầm cửa theo) - Thế này còn sống làm sao đƣợc.

(Chung thở dài. Vào buồng lấy chiếc thừng treo lên giường, luồn thừng vào xà ngang... Trong xóm gà gáy rộn lên giục sáng. Tiếng trẻ khóc và tiếng ru bên cạnh. Gian nhà Chung lạnh ngắt: bàn thờ trống rỗng, chõng của Tầm bỏ không, chiếc chiếu rơi xuống đất. Nước mắt Chung trào ra. Anh chua xót nhìn cái vòng thừng trước mặt.)

CHUNG (nghẹn lời) - Không thể chết điêu đứng thế này đƣợc?

(Chung rời tay cắn chặt môi, nước mắt càng ràn rụa. Có tiếng kẹt cửa, Thuỷ vào trông thấy hốt hoảng, chân ríu lại, nước mắt chạy quanh. Chung quay lại vừa giận vừa thương...)

THUỶ - Giời ơi! Anh Chung (chạy sô đến giường khóc níu lấy chân Chung). Anh Chung, sao anh lại thế này? Anh không thƣơng ai nữa hở anh? CHUNG (chua chát) - Thƣơng ai? THUỶ (vẫn khóc) - Anh nỡ bỏ cái Tầm. Anh nỡ bỏ tôi?

CHUNG (nhìn Thuỷ oán trách ) - Thế súng ống đến đây làm gì?

THUỶ - Tầm nó bị giữ rồi…

CHUNG - Không phải đến dò xét nữa. THUỶ - Anh Chung... anh nghĩ thế nào anh lại trả gạo kia chứ! Anh chẳng thƣơng tôi! CHUNG - Thƣơng tôi. Hừ… Đây không cần dụ dỗ, ra ngay!

THUỶ - Tôi xin anh.

CHUNG - Có bắt thì cứ việc bắt. Tay đây. THUỶ (khổ sở) - Anh Chung… CHUNG (không nén nổi) - Thế vác mặt đến đây làm gì?

THUỶ (nhìn Chung hờn giận) - Tôi van anh, anh đừng nói thế.

CHUNG - Còn để nhau điêu đứng đến thế nào nữa chứ?

THUỶ - Anh Chung... Anh chẳng nên nặng lời… CHUNG - Còn "anh" đƣợc kia à? Không tình nghĩa gì hết. Ăn ở vói nhau thế là hết nƣớc hết cái rồi. THUỶ - Anh Chung, anh nói hay nhỉ. CHUNG - Hay, hay không thì biết đấy… THUỶ - Anh đừng làm khổ tôi nữa. CHUNG - À khổ... ai làm khổ ai? Còn vác mặt đến đây đƣợc. Đây không có tội. Đây không làm gì nên tội. Ai phải ai trái, ai ăn không nói có, ai làm tình làm tội nhau khắc biết đấy. THUỶ - Thực anh chẳng rõ… CHUNG - Thằng này đến chết nữa mới rõ à? Mà thế nào mới là rõ nữa. Điêu toa bạc bẽo, tàn nhẫn với nhau (hất mạnh bát nước trên giường) Con ngƣời ta ăn ở với nhau phải nhƣ bát nƣớc đầy chứ? THUỶ (ứa nước mắt) - Ai tàn nhẫn đấy? CHUNG - Hừ, không tàn nhẫn mà lại tố, mà lại xoen xoét buộc tiếng phản động cho cơ sở cũ. Sao lại dám đặt điều cho cơ sở cũ là phản động bán nƣớc? Sao không nghĩ đến đồng chí Tƣờng huyện uỷ bị giặc bắn chết trên sông này? Còn sống mà ăn hột cơm ngày nay phải biết nhớ biết thƣơng đến các đồng chí ấy chứ. Sao lại tàn nhẫn chóng quên? THUỶ - Tôi quên thế nào đƣợc. Anh giắt tôi vào du kích…

CHUNG - Thế ai bảo họp chi uỷ treo cờ Pháp là họp phản động. Đứa nào nói. Đứa nào hám danh cốt cán tố sằng?

THUỶ - Anh nói thế mà nghe đƣợc. Anh còn coi tôi đến thế nào nữa?

CHUNG - Coi thế nào (với con dao ở liếp chạy sô đến phía Thủy. Bỗng ngừng tay). Con dao này chém giặc mà bây giờ tự tay mình chém mình à? Còn coi thế nào nữa... (tức tối chém mạnh xuống thành giường) Đồ vô ơn bạc nghĩa.

(Thuỷ lặng người, nước mắt vẫn ràn rụa ấm ức bỏ ra tới cửa lại quay vào.)

THUỶ - Anh nỡ xử tàn tệ với tôi, thế kia ƣ?... Thôi thì cũng đành. Anh muốn bỏ tôi cũng đƣợc. Anh chỉ cần nói với tôi một câu… CHUNG - Hừ bỏ... muốn nói chuyện bỏ, muốn cắt đứt. Đây chẳng cần thật.

THUỶ - Anh nghĩ xem. Anh cần gì nữa? CHUNG - Bạc bẽo, đây không cần thật. THUỶ - Chẳng biết ai bạc bẽo kia đấy (tức không nói được). Với anh tôi đã thế nào rồi! CHUNG - Đứa nào nói chuyện bỏ. Đứa nào muốn bỏ đấy?

THUỶ - Anh muốn nói thế nào cũng đƣợc. CHUNG (chua chát) - Thằng này bây giờ một mình chịu tội.

THUỶ - Dễ một mình anh khổ. Anh biết đâu, chi bộ bắt tôi lấy ngƣời khác, bắt tôi phải cắt đứt với anh. (Thuỷ nghẹn lời) Chuyến đò nên nghĩa, chốc lát không thể bỏ anh. Tôi với anh tuy chƣa nên vợ nên chồng... Nhƣng sống chết đã có nhau cả rồi đấy… anh… (Chung nín lặng) Bây giờ anh coi rẻ tôi. Tôi còn biết sống với ai nữa? Anh còn để tôi sống làm gì? Ừ... sẵn dao kia anh còn để tôi sống làm gì? Sẵn dao đấy…

CHUNG (ném dao xuống giường) - Sao lại khổ thế này hở

(Thuỷ khóc bỏ ra cửa. Cụ Canh và Tầm ở cổng chạy vào)

CỤ CANH - Ấy đấy, cái Thủy. Ra mày mang gạo sang cúng bà cụ. Rõ khổ, nào tao có biết đâu, tao lại cứ ngờ oan mắng mày thậm tệ. (Tầm và cụ Canh vào hẳn. Hốt hoảng trông thấy dây thừng lủng lẳng trên giường.)

TẦM (Níu lấy anh) - Sao anh lại... Anh định bỏ em thật đấy thôi anh ơi!

CỤ CANH - Sao mày nghĩ dở thế cháu. Việc gì mà chết. Còn có em Tầm mày, còn có cái Thuỷ kia. Còn có ông đây. Còn có dân làng ngƣời nọ ngƣời kia nữa chứ. Ai để mày chết! CHUNG - Nhƣng ngƣời ta buộc cho cháu cái tội phản động giết mẹ. Cháu còn khổ đến đâu nữa? CỤ CANH - Vu oan giá hoạ thế nào đƣợc? Hôm ấy u mày phải cảm chết. Tao sang tao biết rõ ràng. CHUNG (Chợt nghĩ) - Thế ông sang để đèn điếu ở giƣờng phải không ông?

TẦM - Cháu họp về còn thấy đèn điếu ở giƣờng này này.

CỤ CANH - Khổ thật. Tao để đấy chứ ai. CHUNG - Chính ông sang chơi tối hôm u cháu mất?

CỤ CANH - Ừ mà lại. Tao đem điếu ra hút. Khi về còn vặn đèn nhỏ li ti bằng hạt đỗ cho u mày. Tao đấy. Khổ thật. Họp xóm chẳng dám nói ra. Tối hôm ấy u mày đóng cổng, phải cảm ngã dúi dụi ở chân bụi chuối kia, may có tao xuống bến thấy nằm vật ra đấy mới dìu vào trong nhà. U mày còn chuyện trò đƣợc. Lúc tao về u mày còn bảo vặn đèn nhỏ cho cái Tầm nó đi họp về kia mà. Ai ngờ u mày mất lúc nào không biết.

CHUNG - Đúng là u cháu bị cảm lạnh rồi. THUỶ - Sao ông không gọi em Tầm ngay, may ra còn cứu chữa đƣợc cho u cháu. CỤ CANH - Ấy thế còn nói gì. Lúc ấy bà cụ còn tỉnh, bà cụ bảo không phải gọi, ai biết đâu đến nông nỗi này. Tao cứ ân hận mãi. Nghĩ chỉ thƣơng u mày chết phải cái lúc này.

CHUNG - Việc rõ ràng nhƣ thế mà cháu cứ phải chịu tiếng giết mẹ suốt đời (nhìn thừng tức tối). Cháu không bó tay chịu chết đƣợc nữa, không thể để lầm lẫn đƣợc mãi.

THUỶ (nhìn Chung thương xót) - Đã sống chết có nhau… việc này cháu phải nói mà ông cũng phải nói... Ông phải đứng ra ông nói. CỤ CANH - Ấy nói chứ. Đến thế này tao nói. Tao phải nói hết với dân làng, với đội. Tâm địa ông con ta ngay thẳng, không lẽ lại chịu ép một bề mãi đƣợc, chúng mày ạ (bảo với Chung). Mày nghe ông. Cây ngay chẳng sợ chết đứng. Sóng gió này cũng qua giờ thôi. Rồi ra phải có lúc trời quang mây tạnh chứ. (với Thuỷ) Thôi mày ở đây thêm khó ra. Mày ra bến tao cho con đò đƣa về rồi tối mày lại sang. Nhất định ông con mình phải làm cho ra nhẽ…

(Cụ Canh vội vã ra cửa. Thuỷ nhìn Chung yên lặng dặn dò rồi ra theo. Chung bàng hoàng. Một lát lâu. Như vừa thoát nạn, dáng người tỉnh táo hẳn lên, nhanh nhẹn cầm dao trèo lên giường.)

TẦM (hốt hoảng) - Kìa anh. CHUNG (chém đứt thừng) - Chết thế nào... (cười bảo em) Mày lại sắp sớn sác lên nhƣ u ấy thôi. Có gạo mới rồi đấy. Đem thổi cúng u đi. Bây giờ có tù tội cũng cóc cần...

TẦM - Thổi chỗ gạo chị Thuỷ hở anh? CHUNG - Ừ, còn gạo nào nữa... TẦM ( nhìn ra sông) - Anh xem kìa. Cụ Canh chèo thuyền, chị Thuỷ chị ấy ngồi đằng mũi, trông y nhƣ ngày xƣa du kích đánh xong bốt Ngà rút sang sông ấy nhỉ?...

(Chung yên lặng ra phía cửa sổ. Trời sáng rõ. Ánh nắng ửng hồng. Tiếng nói cười gọi đò rộn rã dưới bến. Một tiếng sáo tha thiết bên kia sông vẳng lại.)

Màn từ từ hạ.

(Trích báo Văn số 16 và 17 ngày 23 và 30 tháng 8-1957)

III. Các nhà văn đứng tuổi

Chúng tôi xếp vào hạng đứng tuổi những nhà văn hiện nay từ 40 đến 55 tuổi, đã có địa vị trong làng văn từ trƣớc ngày kháng chiến. Nhƣng căn cứ vào tuổi tác và thái độ chính trị của họ, chúng tôi phải chia họ thành hai phái, mới và cũ.

Phái mới gồm những nhà văn xuất hiện từ 1940 đến 1945, hấp thụ đƣợc nền giáo dục của Pháp nhƣng chƣa đƣợc hƣởng thụ dƣới chế độ thực dân. Vì ra đời muộn màng, không bị ảnh hƣởng sa đoạ của phong trào truỵ lạc từ 1930 đến 1940, nên họ còn giữ đƣợc tính nết ngay thẳng, tinh thần đấu tranh không vụ lợi. Tất cả đều tham gia kháng chiến rất tích cực và hầu hết đều là đảng viên cộng sản.

Nhƣng ngày nay tất cả đã chống lại Đảng, duy có một mình Tố Hữu vẫn trung thành với Đảng. Nhƣng dù theo cộng sản hoặc chống lại cộng sản, họ đều là những ngƣời hiện nay có một lập trƣờng dứt khoát, không có thái độ mập mờ thụ động.

Phái cũ gồm những nhà văn đã xuất hiện từ 1930 đến 1940. Phần lớn là công chức dƣới thời Pháp thuộc, nhƣ Tú Mỡ (công chức Sở Phi năng), hay Xuân Diệu (công chức nhà đoan). Một số là những ngƣời đã dùng ngòi bút để ca tụng chế độ cũ, nhƣ Vũ Ngọc Phan (viết báo Franco-Annamite) hay Hoài Thanh (viết báo Patrie Annamite). Một số nữa là những ngƣời đã sống bằng văn chƣơng lãng mạn dƣới chế độ cũ nhƣ Thế Lữ và Nguyễn Tuân.

Vì vậy nên tất cả phái này ngày nay khôgn chống cộng, cũng nhƣ ngày xƣa họ không chống thực dân. Họ là những ngƣời đã đƣợc hƣởng thụ trong thời tiền chiến nên đã mất hết tinh thần đấu tranh. Đa số hiện nay vẫn làm công chức cho Đảng nhƣ ngày xƣa họ đã làm công chức cho Pháp. Chỉ có một điều khác trƣớc là ngày nay họ không sáng tác nữa. Thế Lữ có thể coi là điển hình cho nhóm này.

Một thiểu số có thái độ xu thời nhƣ Hoài Thanh, Xuân Diệu ngày nay chạy xung quanh Tố Hữu, cũng nhƣ ngày xƣa chạy xung quanh Phạm Quỳnh. Nhóm này ngày nay cũng chỉ làm "công chức văn nghệ", không sáng tác, hoặc quên mất sáng tác. Họ là những ngƣời mà Phùng Cung mệnh danh là "Con ngựa già của Chúa Trịnh".

Một thiểu số nữa có tâm địa bất trắc. Hễ Đảng chiều thì ca tụng Đảng, hễ Đảng hắt hủi thì quay ra chống lại Đảng. Nguyễn Tuân và Nguyễn Công Hoan thuộc vào hạng này.

Vì những nhà văn công chức đã giải nghệ không sáng tác, nên trong phần này chúng tôi chỉ giới thiệu :

● Tố Hữu là nhà văn xƣa này vẫn trung thành với

cộng sản;

● Nguyễn Tuân tiêu biểu cho một bọn văn nhân

xoay xở, lúc nịnh Đảng, lúc chửi lại Đảng;

● Văn Cao, Trần Duy, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Sỹ

Ngọc, Chu Ngọc, Nhƣ Mai, là những nhà văn hiện nay dứt khoát chống cộng.

Tóm lại về phƣơng diện tƣ tƣởng thì những ngƣời trƣớc kia đã chống thực dân, thì nay cũng chống cộng (trừ trƣờng hợp Tố Hữu), còn những nhà văn trƣớc kia chịu đựng hoặc phục vụ thực dân thì ngày nay cũng chịu đựng hoặc phục vụ cộng sản.

Một mặt khác, xét về phƣơng diện văn chƣơng thuần tuý, thì về nghệ thuật viết văn, phái cũ đã nhƣờng chỗ cho phái mới.

Những bài chúng tôi trích sau đây chứng tỏ điều đó.

\*

Tố Hữu

Tố Hữu là thần tƣợng của thi ca cộng sản Việt Nam cũng nhƣ Mayakovski ngày xƣa là thần tƣợng của thi ca Liên Xô. Ông là một trong 18 Trung ƣơng Uỷ viên của Đảng Lao động Việt Nam và hiện giữ nhiệm vụ lãnh đạo văn nghệ ở Bắc Việt.

Tố Hữu sinh ở Huế, học ở trƣờng Khải Định và trong khi đƣơng còn là học sinh đã gia nhập Đảng Cộng sản và đã nổi tiếng về văn thơ. Ông bị bắt năm 1939, đầy đi Lao Bảo, cho đến năm 1945, nhân dịp chính phủ Trần Trọng Kim tha các tù chính trị ông mới đƣợc thoát khỏi trại giam.

Ra khỏi nhà tù, ông về ngay Thanh Hoá hoạt động Việt Minh. Vì dáng ngƣời nhỏ nhắn, nên ông thƣờng cải trang làm con gái, lẩn quất ở vùng Sầm Sơn. Ông điều khiển cuộc khởi nghĩa ở Thanh Hoá, và sau này giữa chứ Bí thƣ Tỉnh bộ. Năm 1947 ông lên Việt Bắc, đƣợc bầu làm Ủy viên Trung ƣơng dự khuyết và đến năm 1954 trở thành Uỷ viên thực thụ. Vì là văn sĩ nên Đảng giao cho ông nhiệm vụ lãnh đạo văn nghệ.

Trong suốt thời gian kháng chiến ông chỉ làm đƣợc một số bài thơ ca tụng kháng chiến, ca tụng "Bác Hồ" và "ông Sít-ta-lin". Trong thời gian Sửa sai, ông lánh mặt sang Tàu, mãi đến gần đây, sau khi đã đàn áp xong phong trào đối lập, ông mới trở về giữ chức vụ cũ.

Để giới thiệu với độc giả lối thơ tán dƣơng lãnh tụ rất phồn thịnh trong nền thi ca cộng sản, chúng tôi trích sau đây hai bài thơ đặc biệt nhất của Tố Hữu.

Lời thơ của ông rất hay, nhƣng vì ông chuyên dùng ý thơ để ca tụng lãnh đạo nên cũng nhƣ những loại thơ ca tụng khác, đọc giả cảm thấy tinh thần thấp hèn của ngƣời viết.

Hiện nay ông có một địa vị tƣơng đƣơng với địa vị của Myakovski năm 1930, nhƣng có ngƣời tiên đoán rằng, cũng nhƣ Mayakovski, ông sẽ tự tử ngày nào không biết. Điều đó có lẽ không đúng vì con ngƣời Mayakovski khác mà con ngƣời Tố Hữu khác.

Bài ca tháng Mười

Thuở Anh chƣa ra đời

Trái đất còn nức nở

Nhân loại chửa thành ngƣời Đêm ngàn năm man rợ

Nƣớc mắt, máu, mồ hôi Đong hàng bát, hàng bát

Bán đổi lấy cơm ôi

Nhạt từng hạt, từng hạt

Từ khi Anh đứng dậy

Trái đất bắt đầu cƣời

Và loài ngƣời, từ đấy

Ca Bài ca tháng Mƣời

Những mắt buồn sắp nhắm Bừng dậy, thấy tƣơng lai

Những bàn tay lại nắm

Cờ đỏ qua đêm dài

Những đầu lên máy chém Nhìn đao phủ, hiên ngang: "Muôn năm, Đảng Cộng sản! "Chào Xô Viết Liên bang!"

Ơi ngƣời Anh dũng cảm

Luỹ thép sáng ngời ngời

Đây Việt Nam tháng Tám Em Liên Xô tháng Mƣời!

Hoan hô Xta-lin

Đời đời cây đại thọ

Rợp bóng mát hoà bình

Đứng đầu ngọn sóng gió

Hoan hô Hồ Chí Minh

Cây hải đăng mặt biển

Bão táp chẳng rung rinh

Lửa trƣờng kỳ kháng chiến!

(1950)

Đời đời nhớ Ông

Bữa trƣớc mẹ cho con xem ảnh Ông Sta-lin bên cạnh nhi đồng Áo Ông trắng giữa mây hồng Mắt Ông hiền hậu, miệng Ông mỉm cƣời Trên đồng xanh mênh mông Ông đứng với em nhỏ

Cổ em quàng khăn đỏ

Hƣớng tƣơng lai

Hai ông cháu cùng nhìn

Sta-lin! Sta-lin!

Yêu biết mấy, nghe con tập nói Tiếng đầu lòng con gọi Sta-lin! Mồm con thơm sũa xinh xinh Nhƣ con chim của hoà bình trắng trong

Hôm qua loa gọi ngoài đồng Tiếng loa xé ruột xé lòng biết bao Làng trên xóm dƣới xôn xao Làm sao, Ông đã... làm sao, mất rồi!

Ông Stalin ơi, Ông Stalin ơi! Hỡi ơi, Ông mất! Đất trời có không? Thƣơng cha, thƣơng mẹ, thƣơng chồng Thƣơng mình thƣơng một, thƣơng Ông thƣơng mƣời

Yêu con yêu nƣớc yêu nòi Yêu bao nhiêu lại yêu Ngƣời bấy nhiêu! Ngày xƣa khô héo quạnh hiu Có ngƣời mới có ít nhiều vui tƣơi

Ngày xƣa đói rách tơi bời Có ngƣời mới có đƣợc nồi cơm no Ngày xƣa cùm kẹp giày vò Có ngƣời mới có tự do tháng ngày

Ngày mai dân có ruộng cày Ngày mai độc lập ơn này nhớ ai Ơn này nhớ để hai vai

Một vai ơn Bác một vai ơn Ngƣời

Con còn bé dại con ơi

Mai sau con nhé trọn đời nhớ Ông! Thƣơng Ông mẹ nguyện trong lòng Yêu làng, yêu nƣớc, yêu chồng, yêu con Ông dù đã khuất không còn Chân Ông còn mãi dấu son trên đƣờng Trên đƣờng quê sáng tinh sƣơng Hôm nay nghi ngút khói hƣơng xóm làng

Ngàn tay trắng những băng tang Nối liền khúc ruột nhớ thƣơng đời đời.

(5-1953)

(Trích tập thơ Việt Bắc)

\*

Nguyễn Tuân

Nguyễn Tuân là một văn sĩ có tài nhƣng thiếu học. Ông là một trong những ngƣời bị sa đoạ trong phong trào trụy lạc từ 1930 đến 1940. Bản tính ông thích ăn ngon, thích mặc đẹp, thích rƣợu và thuốc phiện. Trong một bản tự kiểm thảo ông đã tự khoe là có thời ngang tàng, uống cạn chén rƣợu là đập tan cốc.

Nguyễn Tuân sinh năm 1913 ở Thanh Hoá, con một ông thông phán toà sứ. Ông học tiểu học ở Thanh Hoá, rồi sau ra Hà Nội, chỉ học hai năm ở trƣờng tƣ rồi bỏ học, chơi bời lêu lổng. Nguyễn Tuân bắt đầu viết văn từ 1938. Những tác phẩm của ông đều là những tuỳ bút, tả những cảnh ăn chơi của thời xƣa hoặc thời nay.

Vang bóng một thời, tả những thú ăn chơi thời xƣa.

Tuỳ bút viết về đời sống truỵ lạc của tác giả.

Ngọn đèn dầu lạc, một thiên phóng sự về thú hút thuốc phiện.

Trong cuốn Nhà văn hiện đại Vũ Ngọc Phan đã phê bình Nguyễn Tuân nhƣ sau: "Nguyễn Tuân là một nhà văn theo thuyết hoài nghi, có khuynh hƣớng về chủ nghĩa vật chất".

Trong thời gian kháng chiến ông cũng bị Đảng phê bình là lãng mạn, lập dị, nên trong một cuộc chỉnh huấn năm 1953 ông đã tuyên bố phủ nhận tất cả các tác phẩm trƣớc của ông và hứa sẽ "lột xác". Vì cố gắng lột xác nên ông đƣợc "thắt cà vạt đỏ, đi giầy da vàng, đọc đít cua, ăn tiệc nhồm nhoàm và bay đó bay đây".

Nhƣng sau khi đƣợc đi Helsinki về, ông lại thèm ăn và viết bài "Phở" đăng trong báo Văn. Sau đó ông bị Đảng chỉnh và cùng với Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân quay trở lại chống Đảng và mƣu phản bằng cách dùng tờ báo Văn làm cơ quan ngôn luận của nhóm đối lập.

Chúng tôi trích ba bài sau đây của Nguyễn Tuân để chứng tỏ sự thay đổi chính trị của ông qua ba thời kỳ khác nhau: Bài "Phở" để chứng tỏ rằng Nguyễn Tuân suốt đời chỉ chú trọng đến miếng ăn, bài "Phê bình nhất định là khó" để chứng tỏ rằng Nguyễn Tuân hễ "cáu" thì có thể chửi lại Đảng và bài "Tự phê bình" để chứng tỏ rằng hễ bị khủng bố là Nguyễn Tuân lại vội vã đầu hàng ngay.

Tóm lại Nguyễn Tuân là điển hình cho một loại văn nghệ sĩ truỵ lạc, không có lập trƣờng tƣ tƣởng dứt khoát, nhƣng có một âm mƣu rõ rệt: dùng tài ba để hƣởng thụ dƣới chế độ cộng sản nhiều hơn dƣới chế độ cũ. Một phần nào Nguyễn Tuân đã thành công trong ý định đó.

\*

Phở

Xứ Phần Lan rừng thông trùng trùng xanh ngắt, nƣớc hồ biếc biếc, phụ nữ da trắng một màu tƣợng tuyết, gái trai quần áo len ngũ sắc ngƣời nào cũng nhƣ nai nịt sắp biểu diễn điền kinh. Mình thành ra lạc lõng vào một thế giới vật chất nó sạch sẽ quá, sạch đến cái mức tạo cho tôi một thứ nghi ngờ nơi đây là một ấn tƣợng giả tạo. Cảnh và ngƣời Hen-xanh-ky, ví phỏng đây đó lem nhem đi ít chút, có lẽ tôi dễ thân gần hơn. Chúng tôi ở đây mƣời ngày, mỗi ngày họp trả tiền ăn mỗi ngƣời là sáu đồng đô la, nó là cái tiêu chuẩn đã khá cao của đoàn đại biểu ta đi hoạt động quốc tế. Mỗi ngày ăn ba bữa, khẩu phần thừa thãi bổ béo; nghi thức lúc ăn thật là trang trọng: đồ sứ, pha lê, khăn bàn trắng muốt, quanh bàn ăn chốc chốc lại cử nhạc, những chị đƣa món ăn trông đẹp nhƣ rƣợu rót trong các truyện thần thoại phƣơng Bắc này. Tôi hào hứng làm việc liền liền ở Đại hội Hoà bình Thế giới, cơ thể nhịp đều, tâm trí có nhiều sáng kiến. Nhƣng ăn uống sao không thấy ngon. Ngƣời ta thƣờng nói rằng những bậc vĩ nhân hoặc hiền giả có chí lớn chỉ biết có sự nghiệp mà rất coi nhẹ miếng ăn. Nhƣng trƣờng hợp tôi kể ra đây chỉ là cái trƣờng hợp thông thƣờng của một con ngƣời bình thƣờng thôi.

Chúng tôi là mấy anh em trong đoàn đi, mỗi ngƣời một công tác chuyên môn, nhƣng đều cùng đã gian khổ với nhau trong kháng chiến và cũng là ngƣời Hà Nội cả. Quanh hồ khu Ô-ta-ni-ê-mi, chúng tôi ngồi dƣới rừng thông xanh phân tích với nhau xem tại sao lòng dạ mấy ngƣời đang thấy nhớ thƣơng một cái gì xa xôi lắm. Từ hôm xách va ly ra tàu qua nƣớc này nƣớc khác, thế là mấy tháng rồi; ở nhà đã hoàn thành tiếp quản Hải Phòng rồi, đất đai miền Bắc giải phóng toàn bộ rồi... Nhƣng mà chúng tôi đã kéo cuộc nhàn đàm xoáy vào chuyện ẩm thực và muốn giúp đỡ nhau tìm hiểu vì đâu mà lâu nay ăn uống kém ngon. Có ngƣời bèn chỉ tay thẳng xuống nền cỏ bờ hồ Phần Lan, buông thõng một câu: "Bây giờ có ngay một gánh phở đỗ bên bờ hồ này, thì tớ đả luôn sáu bát!". Tất cả đều rao lên. Thì ra gần đây chúng tôi héo hắt đi, vì xa đất nƣớc, khẩu vị lạc điệu, thấy nhớ nhà nhớ nƣớc, trong cái nhớ nhà nhớ đất nƣớc, có cả một sự nhớ ăn phở nữa. Hình ảnh bát phở quê hƣơng đƣa ra lúc ấy giải quyết đúng vào thắc mắc chung của mấy ngƣời. Tất cả đều thi nhau đề cao những đức tính của phở dân tộc. Dƣới đây liên tiếp những mẩu chuyện góp về một bát phở, về một miếng ăn kỳ diệu của tất cả những ngƣời Việt Nam chân chính. Này, các cậu có thấy món ăn ở Phần Lan có nhiều cái rất kỳ quặc không. Thịt bò rán, lại phết mứt công-phi-chƣa ngọt sắt lên trên. Cam chanh lại ăn kèm với cá gỏi. Cơm lại ƣớp vào tủ nƣớc đá, mình thấy đĩa cơm có khói, lúc ăn buốt đến chân răng. Nghệ thuật ẩm thực ấy tôi gọi tên là lối nấu nƣớng của trƣờng phái lập thể. Cho nên tôi càng thấy cần phải trở về với món quà cổ điển rất tính chất dân tộc của ta, tức là phở.

Phở còn là một món ăn rất nhiều quần chúng tính. Ông muốn ăn phở ngồi hay đứng lù lù ra giữa hiệu mà ăn cũng không ai nói, ăn ngồi ăn đứng tuỳ thích. Phở là món ăn bình dân. Công nông binh trí, các tầng lớp nhân dân lao động, thành thị, nông thôn, không mấy ai là không biết ăn phở. Ngƣời công dân Việt Nam khi còn ẵm ngửa, cũng nhiều vị đã nếm phở rồi; chỉ có khác ngƣời lớn là cái bát phở của tuổi ấu trĩ chƣa biết đau khổ ấy chƣa cần phức tạp, không cần hành hăng, chanh chua, ớt cay. Con nhà nghèo, nhiều khi lại không cần cả thịt nữa, mà căn bản phở nhi đồng vẫn là bánh và nƣớc dùng thôi.

Phở ăn bất cứ vào giờ nào cũng đều thấy trôi cả. Sớm, trƣa, chiều, tối, khuya, lúc nào cũng ăn đƣợc. Trong một ngày ăn thêm một bát phở, cũng nhƣ lúc trò chuyện ăn giọng nhau mà pha thêm một ấm trà, cùng thƣởng thức với bạn bè. Hình nhƣ không ai nỡ từ chối một ngƣời quen rủ đi ăn phở. Phở giúp cho ngƣời thanh bạch đủ điều kiện biểu hiện lòng thành theo với bầu bạn nó hợp với cái túi nhỏ của mình. Phở còn tài tình ở cái chỗ là mùa nào ăn cũng thấy có nghĩa thâm thúy. Mùa nắng, ăn một bát, ra mồ hôi, gặp cơn gió nhẹ chạy qua mặt qua lƣng, thấy nhƣ giời quạt cho mình. Mùa đông lạnh, ăn bát phở nóng, đôi môi tái nhợt chợt thắm tƣơi lại. Trong một ngày mùa đông của ngƣời nghèo, bát phở có giá trị nhƣ một tấm áo kép mặc thêm lên ngƣời. Đêm đông, có ngƣời ăn phở xong, tự coi nhƣ vừa nuốt đƣợc cả một cái chăn bông và tin rằng có thể ngủ yên đến sáng, để mai đi làm khoẻ. Dùng những hình ảnh bình dị để nói lên mùa đông ở Việt Nam, tôi cho không gì nên thơ bằng cái hình ảnh một bếp lửa hàng phở bến ô tô nhiều hành khách quây quanh chờ đợi bát mình, vai rụt xuống một tí, ngƣời nhún nhẩy nhƣ trẻ em đang thú đời. Tết, nhà ai cũng bánh chƣng, cá kho, thịt đông, nhƣng vẫn rất đông ngƣời tình cờ mừng tuổi nhau ở những hiệu phở khai trƣơng từ mùng hai Tết.

Vì hay la cà với phở, mà tiếng nói của tôi đƣợc chính xác và giầu có thêm lên. Trƣớc kia tôi cứ tƣởng chữ " xƣơng xẩu" là một tiếng đôi, và chữ "xẩu" chỉ là một tiếng đệm. Ông hàng phở đã làm cho từ ngữ tôi hôm ấy thêm lên một danh từ. Xẩu khác với xƣơng, dùng để chỉ những cái đầu xƣơng phở có dính thịt và gân róc chƣa hết. Tôi đã thấy những ngƣời phu xe kéo vào hiệu phở gọi một chén rƣợu với một bát xẩu. Tôi còn đƣợc nghe một ông phở khác nói đến mỡ gầu, cái tảng thịt giắt mỡ quí giá, nó không béo quá, mà lại quánh nhƣ sáp, ròn và mềm ấy mà gọi là một cánh gầu; và lúc cầm vào cân thịt tái, thịt tƣơi còn nhảy lên dƣới làn dao, mà gọi là một quả thăn. Trong tiểu thuyết Việt Nam trƣớc đây, nhớ ngƣời ta có viết cái truyện "Anh hàng phở lấy vợ cô đầu". Tôi còn đƣợc nghe một cô điếm ngày xƣa ví von than đời tàn "đời hồi này nhƣ một gánh phở bánh trƣơng mỡ nguội đóng váng". Phở nguội tanh thật là buồn hơn cả cái sự đời cô gái thập thành bị ma cô lừa bỏ. Chữ nghĩa của ta hay thật! Ngƣời ta bảo chữ phở là xuất xứ từ chữ "ngƣu nhục phấn", và ta đã Việt Nam hoá chữ phấn thành ra chữ phở. Chữ phở nguyên là một danh từ, còn chuyển thành một hình dung từ: cái mũ phở. Chữ nghĩa của ta hay thật!

Đố biết thế nào là mũ phở? Lại cứ phải dựng chân dung những ngƣời bán phở gánh chân chính ngày xƣa thì mới tầm nguyên ra đƣợc. Những ngƣời bán phở gánh xƣa kia có ngƣời đỗ ở đầu phố này, hoặc giữa phố nọ, hoặc ở tít trong cùng một cái ngõ cụt, mỗi ngƣời một "giang sơn nào, anh hùng ấy", ngƣời mua quen mặt ngƣời bán, và ngƣời bán thuộc cả thói quen và sở thích ngƣời ăn trong phố. Những anh hàng phở "hùng cứ một phƣơng" này lại còn thuộc cả nhân số từng hộ khẩu và ngày giỗ tết trong từng gia đình khách hàng quen của mình. Họ thƣờng là những ngƣời làm ăn chân thật, hay mặc một cái áo vành-tô vải vàng hoặc dạ màu cứt ngựa của ông bình khố đỏ thải ra, trên đầu là một cái mũ cát mất cả núm chỏm, và nhất là hay đội những cái mũ dạ méo mó đã mất cả băng hoặc rách cả bo. Những cái mũ này đặt lên đầu ngƣời nào cũng không chỉnh, mà hình nhƣ chỉ đặt lên đầu những bác phở gánh là có một ý nghĩa. Không những thế, cái mũ phở ấy, còn là một dấu hiệu tập hợp, một cái hình thức gây tín nhiệm nữa. Những con ngƣời đội mũ rách ấy thƣờng là ngƣời làm phở ngon, nếu không ngon thì chỉ ít cũng phải là ăn đƣợc. Phở gánh với ông đội mũ phở nay thấy hiếm, chỉ còn phở xe, phở hình tàu thuỷ có ống khói phở, phở quán, phở hiệu. Đồ chơi trẻ con ngày xƣa làm bằng sắt tây sơn màu, ở phố Hàng Thiếc, có ghi lại cái dáng ông phở gánh, bánh xe đồ chơi càng chuyển, càng cử động cái cánh tay cầm dao nhấc lên thái xuống.

Phở cũng có những quy luật của nó. Nhƣ tên các hàng phở, hiệu phở. Tên ngƣời bán phở thƣờng chỉ dùng một tiếng, lấy ngay cái tên cúng cơm ngƣời chủ hoặc tên con mà đặt làm tên gánh, tên hiệu, ví dụ phở Phúc, phở Lộc, phở Thọ, phở Trƣởng Ca, phở Tƣ... Có khi một cái tên tật nguyền trên thân thể ngƣời bán phở đƣợc cảm tình quần chúng thân mật nhắc lại thành một cái tên hiệu: phở Gù, phở Lắp, phở Sứt... cái khuyết điểm trên hình thù ấy đã chuyển thành một cái uy tín trong nghề bán miếng chín mà lƣu danh một thời trên cửa miệng những ngƣời sành. Quần chúng nhân dân, nhất là nhân dân Hà Nội có nhiều sáng kiến để đặt tên cho những ngƣời họ yêu tin. Anh hàng phở ấy hayy đứng ở đâu bán hàng, họ lấy luôn cái địa điểm ấy mà gọi thành tên ngƣời. Bác phở Nhà thƣơng, ông phở Đầu ghi, anh phở Bến tầu điện, anh phở Gầm cầu... Có khi lấy một vài nét đặc thù trong cách phục sức mà gọi. Cái mũ tàu bay trên đầu ông bán phở thời Tây xƣa, đã thành cái tên một ngƣời bán phở trứ danh của thủ đô sau này. Có lẽ vì gần với quần chúng trung lƣu và ngƣời nghèo, nên cũng nhƣ "ông chủ" hiệu hớt tóc, hiệu cà phê, tên anh hàng phở cũng chỉ có một tiếng gọn gàng. Tôi chƣa hề thấy ông bà hàng phở nào nổi tiếng trong nghề mà tên lại dài lê thê, chẳng hạn nhƣ phở Tôn Thất Khoa gì gì, hoặc phở Trần Thị Kim Anh gì gì đó. Cái tên càng độc âm ngắn cộc, càng đáng cho ngƣời mua tin cậy; cái tên một chữ, gọn nhƣ một nhát dao thái xuống thịt chín. Vả lại những biển hàng hiệu phở dù là giữa đất Hà Nội văn hoa mỹ tự, cũng chỉ đặt tên một cách nôm na, không kẻ những chữ huyênh hoang. Tôi chƣa thấy biển hiệu phở nào mà lại đề tên một cách quá trầm bổng du dƣơng cả. Ví phỏng có ai mở phở mà nổi máu hay chữ lên mà đề biển thì tôi không bao giờ chọn những hiệu phở có tên nhƣ "Thu Phong", "Bạch Tuyết", "Nhất Chi Mai" mà vào ăn. Trong nghề phở, nó cũng có những cái nền nếp của nó.

Nhƣng khoa phở đã có những việc nó đòi phá cả những khuôn phép của nó. Theo tôi nghĩ, cái nguyên tắc cơ bản của phở là làm bằng thịt bò. Có thể có nhiều thứ thịt loài bốn chân, loài ở nƣớc, loài bay trên trời, nó ngon hơn thịt bò, nhƣng đã phở thì phải là bò. Có phải là vì muốn chống công thức mà ngƣời ta đã làm phở vịt, phở xá xíu, phở chuột? Cứ cái đà tìm tòi ấy, thì rồi sẽ có những hàng phở ốc, phở ếch, phở dê, chó, khỉ, ngựa, tôm, cá chép, bồ câu, cắc kè... nghĩa là loạn, phở nổi loạn. Có nhẽ ngày ấy thiên hạ sẽ gọi là đi ăn một thứ phở Mỹ miếc gì đó. Trong năm đói 1945, ở đáy nồi nƣớc phở của thời đại, ở Hải Phòng và Hà Nội, đã có thùng phở có cả những bàn tay trẻ con: nhƣng đó lại là chuyện khác.

Lại còn phở ngầu pín. Chắc thứ phở này chỉ những ngƣời năm bảy vợ hoặc thích léng phéng mới hay ăn. Tên thứ thịt phở này, còn gợi lại một thứ roi của bọn Tây độc ác hay đánh cu li đến thối thịt tím xƣơng. .

Lại còn phở gà. Muốn đổi cái hƣơng vị chính thống của phở bò, ăn một vài lần phở gà trong đời mình cũng không sao. Nhƣng có một hàng bán phở gà ở Hà Nội mà nhiều ngƣời thủ đô không bằng lòng chút nào. Y bán vào buổi sớm, ngƣời xúm lại kêu ăn gạt đi không hết. Cái ngƣời bán hàng khinh khỉnh nhƣ một quý tộc đó, cũng đã khéo chọn một góc phố mang tên một bà chúa mà dọn hàng! Nói của đáng tội, gà ở đấy trông ngon mắt thật. Đã có những bạn lƣu dung khen ông hàng là nhất nghệ tinh nhất thân vinh, và khen tay ông lách vào con gà béo vàng nhƣ tay một bác sĩ khoa mổ xẻ thuộc lầu từng khớp xƣơng thớ thịt. Cái đầu gà, cái cẳng giò gầy, cái cổ, xƣơng mỏ ác, ông hàng thản nhiên vứt nó xuống một cái thùng, không phải để vứt đi, nhƣng chắc là đã có những bợm rƣợu khu phố ăn giá sẵn từ trƣớc rồi để chốc nữa đem ra nhấm nháp. Thực ra, khi mà có ngƣời ăn bát phở gà không tiếc tiền dám gọi đến cái thứ phở từ một ngàn năm trăm đồng một bát, thì bát phở ấy cũng khó mà không ngon đƣợc. Hãy đứng ở đây một buổi sớm mà xem ngƣời ta ăn phở gà. Sốt ruột đáo để. Ngƣời ăn mề gà, ngƣời ăn đùi, ăn thịt đen chứ không ăn thịt trắng nó chua, ăn lá mỡ, phao câu, ăn đầu cánh. Miếng ăn ở đây đích thị là một miếng nhục, nhục theo cái nghĩa một miếng thịt ngon hợp khẩu vị, và cũng đi theo cái nghĩa nhục nhằn túi bụi. Ở vỉa hè đƣờng ấy, cứ nhao nhao cả lên quanh một ông hàng mặt phớt tỉnh nhƣ đế quốc Ăng-lê và bán hàng rất cửa quyền, khách phải đi lấy lấy bát. Có ngƣời đã dắt sẵn từ nhà đi một củ hành tây, có ngƣời quả trứng gà... đập trứng bỏ hành tây vào cái bát mình đã thủ sẵn và đánh dấu vào bát, dúi dúi bát trƣớc mặt ông hàng, cƣời cƣời, nhắc nhắc, xuýt xoa nói to nói nhỏ, cứ nhƣ là sợ cuộc đời nó quên mình, nó nhầm mình... Bên cạnh tiếng thái tiếng chặt của gánh phở gà, chốc chốc có tiếng nổ xe bình bịch lái xuống tận đây ăn quà sớm, khói phở phảng phất giây lát ít mùi ét-săng. Có ngƣời vừa húp vừa kể lại cái thời oanh liệt của cửa hàng này, khi còn đế quốc và bù nhìn, ô-tô cứ nối đít xuống đây mà điểm tâm, nhiều bà Hà Nội tứ chiếng cầm vào bát phở gà, mƣời ngón tay lóng lánh nhẫn vàng tấm, vàng trắng, cà rá kim cƣơng, miếng phao câu lúc ấy còn mọng lên biết mấy nữa kia.

Trong kháng chiến có những tay phở nổi tiếng ở vùng tự do nhƣ phở Dơi, phở Đất, phở Cống, (tên vẫn một tiếng thôi) nhƣng cũng có những bát phở, chƣa đƣợc đúng cách thức lắm mà ăn vào vẫn cứ thấy cảm động. Ví dụ, phở ở căn cứ địa, làm ngay trong cơ quan. Một vài cơ quan ở quanh Trung ƣơng, chung nhau giết bò để bồi dƣỡng theo kế hoạch hàng tháng. Thịt sẵn, xƣơng sẵn, nhƣng thiếu nƣớc mắm, thơm, hành mùi, bánh lại là bánh đa khô. Nhƣng cứ làm. Những chầu phở ngày chủ nhật ở bên bờ suối cơ quan, thật là đầu đề phong phú cho báo liếp.

Hình nhƣ Thạch Lam trƣớc đây cũng có bàn về phở, nhƣng vẫn còn phiến diện. Thạch Lam có nhắc đến vấn đề cải lƣơng ở Hà Nội văn vật. Đầu năm 1928, ở Phố Mới, cái phố trƣớc đây mang tên thực dân Đồ Phổ Nghĩa, có một hàng phở cho cả húng lìu, cả đầu vừng, đậu phụ. Nhƣng những cái lối tìm tòi ấy không thọ, vì trình độ nhận thức của quần chúng phở không sa đoạ nhƣ ngƣời chế tạo. Quần chúng vẫn đòi hỏi những cái cố hữu của phở. Ngày nay cũng còn có ngƣời cho cả tƣơng tầu lạp-chíu-chƣơng vào phở, nhƣng đây là cái quyền của ngƣời có tiền, ai muốn bày vẽ ra thế nào, nhà hàng cũng chiều trong phạm vi có thể của phở. Nhiều ngƣời bảo nên ăn phở tái thì bổ hơn phở thịt chín.

Có thể là nhƣ thế đấy. Nếu cần bổ thì cũng có thể uống Pan-tô-cờ-rin Liên Xô hoặc làm tễ thuốc Bắc, còn kết quả trông thấy rõ hơn là ăn phở tái. Thật ra, ăn phở cho đúng, đúng cái "gu" của phở, phải ăn thịt chín. Thịt chín thơm hơn thịt tái, mùi thơm miếng thịt chín mới biểu hiện đúng cái tâm hồn của phở. Thêm nữa, về mặt nhỡn thức tạo hình, ngƣời thẩm mỹ bao giờ cũng thấy miếng thịt chín đẹp hơn miếng thịt tái. Thƣờng những hiệu phở không tự trọng, hay thái sẵn thịt chín, thái cứ vụn ra không thành hình thù gì cả, ai đến gọi là rắc vào bát. Có thể việc ấy không hề gì với khách hàng không cần ăn no vội. Nhƣng cũng trong một cái hiệu vẫn thái thịt vụn ra ấy, ông chủ phở rất là phân biệt đối xử và không san bằng các thứ khách: đối với những khách quen, với những ngƣời có thể ông chƣa biết quí danh nhƣng ông đã thuộc tính ăn, những ngƣời cầu kỳ ấy mà bƣớc vào hiệu, là ông đã đặt ngay tay dao vào những khối thịt chín đặc biệt nhƣ khối nạm ròn, nạm giắt hoặc khối mỡ gầu, thái ra những miếng mỏng nhƣng to bản, với cái sung sƣớng bình tĩnh của một ngƣời đƣợc tỏ bày cái sở trƣờng của mình trong nghề. Ông nào ăn phở mà có chất hoạ thì thấy muốn vẽ tranh tĩnh vật ngay. Có những lúc ông phở ấy gắt, gắt với vợ ông, vì vợ ông thái không đẹp. Một ông làm đầu bếp hiệu chim quay trong hồi Hà Nội chiếm đóng, nay cũng ra mở phở và thích múa dao nói chuyện với khách về cái khoa thái. "Chặt thái loài có cánh đã khó, mà thái miếng thịt bò không xƣơng còn khó hơn. Tôi dạy mãi mà đàn bà nhà tôi vẫn không làm đƣợc, đàn bà thƣờng chỉ thái bánh thôi".

Trong số những thắc mắc của một số ông Hà Nội trí thức dở ngƣời ta có nhắc đến một ông lo sau này ta tiến lên kinh tế hoàn toàn xã hội chủ nghĩa, kinh tế phân tán không còn nữa, thì mất hết phở dân tộc, và rồi sẽ phải ăn phở đóng hộp, mỗi lúc ăn bỏ cái hộp phở ấy vào nồi nƣớc sôi trƣớc khi đục ra ăn, và nhƣ thế thì nó trƣơng hết bánh lên. Cũng ngay trong hiệu phở, có ngƣời đã đập ngay lại: "Thôi, đốt ông đi. Ông đừng có làm cái chuyện lo giời sập ấy đi. Hiện nay phở đang phát triển mạnh ở thủ đô Hà Nội, lớn nhỏ, gánh rong, bán trong nhà, bán ngoài hè, có đến trên dƣới hai ngàn chủ phở. Ngƣời Việt Nam còn thì còn phở bát, bát phở trong tƣơng lai vẫn nóng sốt nhƣ bây giờ. Phở bát của ta không thể thành một thứ đồ hộp đâu, ngƣời công dân Hà Nội này xin trả lời ông là một nghìn lần không, không, không thể có sự thô bạo ấy".

Cái thế giới phở Hà Nội trƣớc đây hình nhƣ cũng có những thứ nhân vật nghiệp dĩ của nó. Làng chơi, học trò, ông binh, thày ký sở buôn, ông phán sở toà, con bạc, chủ hiệu nhỏ, những ngƣời lao động vận tải, những ngƣời làm nghề tự do... Có những lính lê dƣơng chạy đến hàng phở, ăn xong tính tiền, lật ngay cái mũ đỏ ra, trong cái mũ có cái quần lĩnh vừa cƣớp ở nhà chứa ra; ngƣời khách hàng lính đánh thuê đó đã vắt quần lĩnh đó xuống quày hàng thay một thứ trả tiền, rồi ù té chạy... Có những tay giầu sụ nhƣng tính nết hấp lìm, mua bánh mì thả vào nƣớc phở béo mà cứ gọi là ăn cơm Tây bình dân. Có những ngƣời đàn bà trái duyên trộn cơm nguội vào bát phở nóng, mà ăn một cách ngon lành, nhƣng ngƣời ngoài trông vào thì thấy nó thê lƣơng thế nào ấy. Có những ngƣời sống không nhà cửa, chuyên môn đứng đƣờng, chạy hàng xách chợ đen đủ các thứ, lúc tính tiền hoa hồng, lấy bát phở tái năm xu làm đơn vị giá cả, "việc này mà trôi chảy, ông bà chị cứ cho em một trăm bát tái năm, vân vân..."

Hƣơng vị phở vẫn nhƣ xa xƣa, nhƣng cái tâm hồn ngƣời ăn phở ngày nay, đã sáng sủa và lành mạnh hơn nhiều... Ngày trƣớc, anh hàng phở có tiếng rao, có ngƣời rao nghe quạnh hiu nhƣ tiếng bánh dày giò đêm đông tội lỗi trong ngõ khuất; có ngƣời rao lên nghe vui rền. Tại sao, bây giờ Hà Nội vẫn có phở, mà tiếng rao lại vắng hẳn đi? Có những lúc, tôi muốn thu thanh vào đĩa, tất cả những cái tiếng rao hàng quà rong của tất cả những thứ quà rong, của tất cả những thứ quà miếng chín trên toàn cõi quê hƣơng chúng ta. Những tiếng rao ấy, một phần nào vang hƣởng lên cái nhạc điệu sinh hoạt chung của chúng ta đấy.

Chúng tôi ngồi trên bờ một cái hồ xứ Bắc ở ngoại thành Hen-xanh-ky tƣởng nhớ đến một bát phở quê hƣơng, và đối với món ăn đó của dân tộc đáng yêu chúng ta ở Đông Nam châu Á, chúng tôi đã phát hiện những đức tính dồi dào của phở, tự mình cho đó là những cơ sở vững chắc để dựng nên một nền lý luận cho món phở. Sau đó mấy tháng trở về nƣớc, đặt chân lên đất Hà Nội, bữa cơm đầu tiên của tôi là một bữa phở. Về sau này, hay rủ nhau đi ăn phở, tôi đƣợc đi sâu vào ý nghĩ của một anh bạn nó đã trở thành một ám ảnh: "Mình khen phở mình là một món ăn ngon, nhƣng trƣớc khi khẳng định giá trị dân tộc của phở, có nên tranh thủ thêm ý kiến của bạn bè, quốc tế của ta không? Bạn Liên Xô, bạn Ba Lan, Hung, Tiệp, Đức sẽ có cảm xúc gì về món phở Việt Nam? Họ đã có dịp nếm phở chƣa? Bài dân ca của mình họ nghe rồi, đất nƣớc mình, các bạn thấy rồi. Nhƣng còn phải cho bạn mình ‗thấy‘ phở nữa, bởi vì phở cũng là một thứ tiếng hát yêu đời của tất cả những tấm lòng con ngƣời Việt Nam chân chính và bình dị". Thế rồi một hôm khác, cũng trong một quán phở nổi tiếng Hà Nội, tôi đã nghe đƣợc mẩu chuyện giữa hai nữ sinh một trƣờng phổ thông cấp 3 gần đây: "Phở hiệu này, ăn mê quá. Thế đố chị biết Hồ Chủ tịch và các lãnh tụ Đảng có thích phở không? - Làm thế nào mà biết đƣợc - Này, nói đùa chứ các cụ mà đến ăn cho hiệu nào, thì chủ hàng thật là sung sƣớng vô bờ đấy chị nhỉ!". Hai cô rút túi lấy gƣơng con chiếu lẫn vào hàm răng nhau xem có vƣớng tí hành tí rau mùi nào không, cƣời ríu rít nhƣ chim đàn nhảy quanh bàn phở. Mẩu chuyện của hai cô học trò nhƣ giúp tôi hiểu thêm nữa về phở, và giúp tôi nhận thức đến những cái nó quan trọng hơn cả phở nữa.

Ít lâu nay, chúng ta hay nói đến thực tế Việt Nam, đến vấn đề thực tiễn Việt Nam, đến những đặc tính của Việt Nam trong mọi điều kiện chuyển mình tiến lên. Tôi thấy rằng trong muôn vàn thực tế phong phú của nhân dân Việt Nam, có một cái thực tế mà hàng ngày ít ai nỡ tách rời nó, tức là cái thực tế phở. Cái thực tế phở ấy lồng vào trong những cái thực tế vĩ đại của dân tộc. Trong một giọt nƣớc rơi lóng lánh có cả câu chuyện của vầng thái dƣơng; trong một miếng ăn, cũng thấy rộng đƣợc ra những điều cao cả yên vui trên đất nƣớc bao la giầu có tƣơi đẹp. Tôi thấy tổ quốc chúng ta có núi cao vòi vọi điệp điệp, có sông dài dằng dặc, có biển bờ thăm thẳm, có những con ngƣời Việt Nam dũng cảm xây đắp lịch sử quang vinh, có những công trình lao động thần thánh nhƣ chiến thắng Điện Biên, nhƣng bên cạnh những cái đó, tôi biết rằng tổ quốc tôi còn có phở nữa. Trong những năn chiến tranh giải phóng, kẻ thù bay trên bát phở, có những bát phở phải húp vội trong đêm tối tăm, quệt ngang ống tay áo mà nhẩy xuống lỗ hầm; có những bát phở bị bom, bánh trƣơng lên mà ngƣời ăn không còn thấy trở lại một lần nào nữa. Nhớ lại cái hồi tôi về công tác ở vùng sau lƣng địch, tôi không thể quên đƣợc mấy cái quán phở khuya trên con đê miết lấy vùng căn cứ du kích; những bát phở nóng ăn sau những đêm vƣợt vành đai trắng và xuyên qua vị trí địch, ăn có một hƣơng vị thật là đặc biệt; sau này nó tổng càn, nó hất hết các quán trên đê, không biết ngƣời bán phở đêm đó, có còn sống hay đã chết trong chuyến ấy rồi? Lại còn cái lần đi chiến dịch với tiểu đoàn Lũng Vài, tôi không quên đƣợc những cuộc hành quân với đồng chí cấp dƣỡng ban chỉ huy; đồng chí ấy gánh rất nhiều nồi niêu ga-men và thực phẩm cồng kềnh, các chiến sĩ đều đùa gọi là "ông hàng phở của tiểu đoàn". Trƣớc kháng chiến đồng chí ấy vốn mở hiệu phở; nay hoà bình rồi, đồng chí có còn sống mà mở phở lại? Nhiều hình ảnh phở trong những năm gian khổ đã hiện về. Giờ mà ngồi an tâm ăn bát phở nóng sốt giữa ban ngày bất giác cần nhớ ơn nhiều ngƣời. Rồi mối cảm xúc phở vụt chốc bay xa rộng mênh mông. Bỗng nghĩ đến những vùng chăn nuôi xanh rờn áng cỏ sữa khu tự trị Thái-Mèo, những đàn bò Lạng Sơn, Thanh Hoá đang cúi xuống ngốn cỏ ngon trên đất nƣớc. Gạo mấy vụ liền lại đƣợc mùa, bột bánh mịn và dẻo. Rau cỏ vùng ngoại thành Hà Nội: mở rộng mãi những diện tích xanh ngon vô tận, rau thơm hành hoa phƣng phức cái hƣơng vị thổ ngơi.

Đêm Hà Nội, nay thức khuya nhất vẫn là những hiệu phở. Xƣa kia phở ông Trƣởng Ca bán đến bốn giờ sáng ở đình Hàng Bạc - cái nơi tập trung nhân dân Hà Nội năm đầu kháng chiến để rút ta khỏi vòng vây địch. Đình cũ không còn ông Trƣởng Ca nữa, nhƣng nay đã có ông phở Sửa sai thay ông mà thức khuya. Ngƣời Hà Nội đặt tên đến là hay.

Trƣớc đây ông nấu bếp hiệu cao lâu Tàu; rồi ông ra mở phở. Rồi ở quê ông quy nhầm ông, ông phải về quê, giao lại quán phở cho bạn. Nay ông đƣợc sửa sai, lại trở lại thủ đô, chính quyền khu phố miễn thuế cho ông một thời hạn và tìm một chỗ lợi địa thế cho ông mở hiệu. Món quà của ông phở "Sửa sai" càng thơm ngon một cách chất phác hơn bao giờ. Có thể là cảm tình của khách hàng, đối với một ngƣời phở quen nay đƣợc khôi phục càng làm cho bát phở giải oan có thêm nhiều dƣ vị nữa. Những bát phở hồn hậu ấy cũng chỉ là một sự đền bù công bằng đối với những ngƣời làm ăn lƣơng thiện khu phố đi xem hát về hoặc họp hành bình bầu học tập xây dựng vừa xong.

(Trích tuần báo Văn của Hội Nhà văn Việt Nam số 1 và 2 ngày 10-5-1957 và 17-5-1957 xuất bản tại Hà Nội)

\*

Phê bình nhất định là khó

Trong quá trình biểu hiện thực tế ở miền Bắc, tuần báo Văn đã đƣợc ông Thế Toàn xây dựng thêm cho bằng một bài luận đăng ở tạp chí Học tập số tháng 7-1957.

Ông Nguyên Hồng liền trả lời, (báo Văn số 15) có những câu:

"... Sự nhận định của tạp chí Học tập về con ngƣời, về sáng tác, thể hiện trong tuần báo Văn không những làm ban biên tập của tờ báo không đồng ý mà cả nhiều quần chúng cũng phải đề ra những câu hỏi: - Tại sao sự nhận thức và thái độ phê bình của tạp chí Học tập lại nhƣ thế? - Có phải vì giáo điều, sơ lƣợc, công thức, nên mới có sự nhận thức và phê phán nhƣ thế? - Có phải vì tác phong quan liêu, thái độ trịch thƣợng và cái lối đao to búa lớn nên mới có sự nhận thức nhƣ thế..."

(Tôi cũng xin hỏi tại sao ông Nguyên Hồng lại không gọi thẳng tác giả bài đó ra mà nói, mà lại cứ gọi một cách trùm lớp là báo Học tập? Mặc dầu ở đầu bài đã nêu là trả lời bài viết của tác giả Thế Toàn, nhƣng bạn đọc vẫn có thể hiểu nhầm.)

Tiếp theo đó, trong Học tập số tháng 8-1957, lại có một bài bút ký của hai ông Hồng Chƣơng và Trịnh Xuân An với những câu:

"... Chúng ta cũng kiên quyết phản đối thái độ của một số cán bộ đảng viên phụ trách văn nghệ phạm khuyết điểm sai lầm đƣợc báo chí Đảng giúp đỡ phát hiện khuyết điểm sai lầm mà không chịu khiêm tốn và thành tâm sửa chữa, trái lại lại đả kích và mạt sát báo chí Đảng..." Ấy là thâu tóm ít nét diễn biến của vấn đề. Và dƣới đây là một số ý kiến nhỏ của tôi về công việc phê bình văn học trên cái cơ sở cụ thể của việc vừa nêu trên.

Tôi phải nói ngay rằng mƣời số Văn phản ảnh con ngƣời mới lên báo còn yếu. Cũng là do trình độ biểu hiện của con ngƣời thời đại còn thấp mức, còn kém đấy thôi. Ấy cứ tìm quanh quẩn chỗ lý do trình độ ấy, cứ xoáy vào đó, thì giải quyết đúng vào vấn đề, bằng không thì sẽ lạc mất tính chất khách quan trong việc đánh giá.

Trong việc đánh giá, đặc biệt nhất là ba ông Thế Toàn, Hồng Chƣơng, Trịnh Xuân An đã có những "thái độ trịch thƣợng và lối nói đao to búa lớn". Tôi cũng đồng ý với ông thƣ ký toà soạn báo Văn về cái nhận xét này. Thêm nữa, cá nhân tôi lại còn cảm thấy mấy ông đó đã làm cho ngƣời đọc phải hiểu rằng các ông lấy Đảng ra để "doạ" anh em viết bài báo. Dù muốn hay không muốn, hậu quả của cái cách nhìn cách viết của mấy ông là đã tạo ra ấn tƣợng kia.

Hẳn ông Hồng Chƣơng còn nhớ một buổi họp mở rộng của toà soạn tuần báo Văn để kiểm điểm báo, mà ông có dự? Có những ý kiến đƣa ra để hỏi xem bài của ông Thế Toàn đăng ở Học tập số 7/1954 là tiếng nói chính thức của Đảng, hay đó chỉ là tiếng nói của một ngƣời biết bài? Riêng tôi vẫn nghĩ (và có nói ngay lúc ấy) rằng đây không phải là tiếng nói thật sự của Đảng, mà đây chỉ là một bài của một ngƣời, và toà soạn đã quên nêu lên đầu bài một vài ý kiến gì đó của toà soạn (cái việc này là một chi tiết nhƣng rất quan trọng mà ngƣời phụ trách tạp chí không thể không thận trọng, nhất là tạp chí của Đảng đều về thấu tới các chi bộ cơ sở). Ông Hồng Chƣơng có trả lời ngay là cũng xin cứ coi nhau nhƣ là bạn đồng nghiệp và phê bình giúp đỡ lẫn nhau. Kế sau đó ông về rồi cùng ông Trịnh Xuân An cho ra một bài bút ký đăng số 8/1957, quy cho báo Văn đã "đả kích và mạt sát báo chí Đảng". Cái gì mà lại có tính cách hăm doạ nhƣ vậy? Cứ vào những chứng cớ gì mà hai ông quy cho ngƣời khác là mạt sát báo Đảng? Các ông há chẳng nhớ câu thành ngữ: "Ai muốn giết con muông của mình thì quy cho nó là chó dại"? Các ông có nghĩ đến sinh mệnh chính trị của những ngƣời đồng chí đồng nghiệp của các ông khi họ bị vu nhƣ vậy không? Tôi rất phản ứng với cái "thói phê bình có tính chất xuyên tạc và phá hoại có tính cách thô bạo, đàn áp ý kiến đó". Tôi gạch dƣới câu này, chính cái câu của đồng chí Trƣờng Chinh trong văn kiện mà hai ông đã dẫn ra trong bài bút ký hai ông còn nhắc thêm "chúng tôi đã thu hoạch đƣợc sau khi đọc bài nói chuyện ấy". Cũng trong bài bút ký lịch sử của hai ông, sau khi đã gắp lửa bỏ tay ngƣời ta nhƣ vậy rồi, hai ông còn đề nghị: "Anh chị em văn nghệ sĩ chúng ta không nên e ngại phê bình, mà nên làm quen với lối phê bình thẳng thắn...". Thế này thì quá quắt quá mất. Có phải bây giờ chữ nghĩa dùng nó khác cả đi rồi không? Có phải vì một số danh từ và hình dùng từ của chúng ta bị lâm vào tình trạng lạm phát không? Cái cách làm nhƣ vậy, nó thuộc vào loại con ngƣời cũ, hay là ta lại cũng gán cho "cái con ngƣời mới" để mà tô hồng hoặc bôi đen trát xám? Làm nhƣ vậy rồi, mà hai ông vẫn còn kêu (cũng trong bài ấy) rằng: "... Cảm thấy phê bình một số anh chị em văn nghệ sĩ là một việc "khó quá". Mong rằng các anh chị văn sĩ sẽ hăng hái ủng hộ...". Xin nói ngay rằng bản thân tôi không những không thể ủng hộ đƣợc cái cách làm nhƣ hai ông đã làm mà tôi còn có bổn phận nói toạc ra rằng nhƣ thế là không tốt, không hay, không đúng.

Hai ông kêu phê bình là khó, có phải tại các ông đã tin vào cái câu của nhà phê bình Boa-lô nói rằng: "Phê bình là dễ dàng, và sáng tác là chật vật", cho việc ấy là quá dễ dàng mà nay thấy nó đụng phải nhiều thực tế phức tạp (nhất là thực tiễn Việt Nam trên con đƣờng phức tạp gian lao của chủ nghĩa xã hội ở xứ ta) mà các ông rên khó không? Tôi chỉ là một ngƣời sáng tác trung bình, nhƣng tôi cũng thông cảm đƣợc với hai ông về cái khó khăn của công tác phê bình. Nếu dễ làm, làm không vấp, làm đến đâu cũng là bay là giỏi cả rồi, thì sao ngƣời ta đã lợi dụng đƣợc hai ông, đã lợi dụng đƣợc chúng ta?

Nhân nói đến cái khó khăn của phê bình mà những nhà phê bình khách quan chúng ta sẽ vƣợt đƣợc lên, tôi muốn nêu ra đây cái vấn đề kỷ luật phê bình. Ta mới chỉ nói đến kỷ luật sáng tác thôi mà sao chƣa nói đến kỷ luật phê bình? Kỷ luật phê bình nêu ra đây, là tất nhiên cũng là một thứ kỷ luật tự giác, cũng nhƣ mọi thứ kỷ luật lao động, kỷ luật sáng tác, kỷ luật tuyên truyền khác ta vẫn làm. Phê bình thiệt là khó. Theo tôi nghĩ, có khi còn khó hơn cả sáng tác (chứ không nhƣ Boileau nói đâu) vì chính bản thân cái công tác ấy, nó rất có tính chất sáng tạo, và nó cần phải đƣợc nhƣ thế. Làm đúng làm hay, nó có giá trị cả hai mặt; trƣớc hết nó đánh lùi và đánh chết cái hƣ cái hỏng cái ác, và mặt khác, nó đƣa cái tốt lên, nó làm yên tâm và gây hào hứng cho những thiện chí và, nói theo tự vị kinh tế, thì nó đẩy mạnh lực lƣợng sản xuất, mức sản xuất và chất lƣợng sản phẩm. Trong một số khó khăn gây thêm ra do phê bình, về mặt tiêu cực củc công tác phê bình, gần đây, chúng ta cũng đã có một số kinh nghiệm xƣơng máu nữa kia đó.

Theo chỗ tôi biết thì đã có một số hiện tƣợng hách dịch đối với văn nghệ phẩm, xuất phát từ một số ngƣời phê bình cũng nhƣ từ một số cán bộ chính trị. Tôi rất đồng ý là văn nghệ sĩ mà nhất là văn nghệ sĩ có tài, cũng cần phải khiêm tốn. Nhƣng chung quanh, nhất là những ngƣời có trách nhiệm về phán đoán cái này cái kia, đề nghị cũng làm nhƣ vậy cho. Tôi tán thành ý kiến là những "sĩ" của các ngành văn nghệ chúng ta chƣa có gì là ghê gớm lắm đâu, về trình độ tƣ tƣởng, trình độ văn hoá, trình độ nghề nghiệp còn phải học cho nát xƣơng lòi da ra, học cho đến chết mà chắc gì đã nắm hết đƣợc quy luật của sự sống. Nhƣng cũng không nên vì nó chỉ là "sĩ" của Việt Nam mà đánh giá nó quá thấp quá tồi về khả năng nhậy cảm đối với thực tế quan, cho nó là mít xoài tất trong mọi cảm xúc phiền toái và vĩ đại của thời đại vừa gieo neo vừa lớn lao hiện nay của chúng ta. Trong mọi thực tiễn Việt Nam nói chung các mặt, nếu đã có các tác giả còn non nớt, nếu đã có những tác phẩm yếu xoàng, thì cũng đã có một số cán bộ thực hiện chính trị một cách cũng không cao tay gì lắm. Đối với nghệ phẩm, anh đến với nó (nhất là thứ tạo ra ở bản xứ) mà anh tham lam quá đáng hoặc hung hăng một cách không cần thiết, thì nó biến mất (nhƣ là một cái sự gì là duy tâm vậy!). Mà nhƣ thế rồi kết quả là gì? Là thiệt cho cả văn nghệ cả chính trị, và quan trọng hơn nữa, là thiệt ngay cho cái cuộc sống muôn màu một hƣớng mà chúng ta đang động viên nhau mà phục vụ hết lòng.

Lại vẫn theo tôi nghĩ, cái đạo đức cách mạng lớn nhất của một ngƣời phê bình cách mạng là đức độ. Không phải đức độ sẽ ảnh hƣởng này nọ đến lập trƣờng giai cấp, mà trái lại, cái đức độ bao dung ngƣời ấy sẽ làm cho lập trƣờng giai cấp chúng ta trở nên nhuần nhị hơn, mềm mại hơn trong cách làm mà vẫn cứng rắn về nguyên tắc. Đức độ sẽ giúp cho ngƣời phê bình (dù là lão luyện hoặc mới viết lỏi) đỡ chủ quan. Mà khuôn vàng thƣớc ngọc của nhận định của phê phán là gì, nếu căn bản không là đi từ khách quan mà đặt vấn đề?

Kết thúc một số ý kiến của tôi, tôi xin trân trọng gạch dƣới một câu trong một đoạn của đồng chí Trƣờng Chinh, ở ngay cái văn kiện các đồng chí Hồng Chƣơng và Trịnh Xuân An đã dẫn ra: "... Chúng ta mong rằng trong quần chúng thƣởng thức văn nghệ sẽ gây thành một tập quán mới đón chào và phê bình nhiệt tình những tác phẩm mới ra đời".

(Trích báo Văn số 23 ngày 11-10-1957)

\*

Nguyễn Tuân tự phê bình

Trƣớc Cách mạng tháng Tám và trƣớc ngày kháng chiến, tôi sống tuyệt đối bằng cảm tình, chỉ dựa hoàn toàn vào những xúc cảm bản năng và phản ứng tình cảm để đánh giá cái tốt cái xấu cái thiện cái ác. Tôi nghĩ rằng thời kỳ ấy, tôi đã là ngƣời của thuyết hƣ vô và nhiều lúc đã quan niệm một cách nguy hiểm rằng ngƣời trí thức chân chính là phải hoài nghi tất cả. Đối với mọi vấn đề đảng phái và hoạt động đảng phái kể cả Đảng ta, lúc ấy, tôi hết sức tránh, nghĩ sai rằng nghệ thuật là ngoài chính trị và còn ở trên cả mọi chính trị, mọi hoạt động chính trị. Về những vấn đề lớn thuộc về vận mệnh dân tộc, tôi nghĩ rằng cái biểu hiện yêu nƣớc của tôi ở tôi, tôi chỉ xin khung nó gọn vào vấn đề xây dựng tiếng nói dân tộc mà bản thân mình sẽ cố công đóng góp vào ít nhiều, qua những tìm tòi sáng tác văn học của bản thân mình. Trƣớc mọi biểu hiện và mọi tƣơng quan với cuộc sống chung quanh, tôi tự cho tôi là một đơn vị. Đối với chủ nghĩa cộng sản, con ngƣời duy tâm và tự do vô chính phủ của tôi đã là ngƣời tán thành cái thuyết viển vông đƣợc làm ngƣời cộng sản mà không ở trong tổ chức cộng sản.

Về quan niệm nghệ thuật, trƣớc đây tôi là ngƣời của phái nghệ thuật vi nghệ thuật, tức là tôi đã chủ trƣơng nghệ thuật không phục vụ chính trị. Một số sách và tiểu thuyết của những tác giả tờ-rốt-skít hoặc có quan điểm tờ-rốt-skít về tƣ tƣởng nghệ thuật, đã ảnh hƣởng phần nào đến cái nhìn của tôi đối với Xít-ta-lin, đối với những hoạt động chính trị, và cụ thể là rất có định kiến nghi ngại đối với tổ chức Đảng nói chung trên thế giới cũng nhƣ có ở ta. Tôi cho rằng làm chính trị thì không tránh đƣợc thủ đoạn này thủ đoạn khác và trên cái nhận thức sai lệch ấy, tôi càng tách con ngƣời văn nghệ ra khỏi bất cứ hoạt động chính trị gì.

Có thể nói rằng tôi vẫn còn kéo dài cái sống phiêu lƣu ngay cả sau thời kỳ Cách mạng tháng Tám đã thành công rồi, và sự cải tạo tƣ tƣởng của tôi chỉ mới bắt đầu có từ ngày kháng chiến. Cuộc đấu tranh võ trang khắp đất nƣớc đã cho tôi những điều kiện khách quan và chủ quan để dần dần uốn nắn lại một cái nhân sinh quan đồi bại ở trong tôi, cụ thể là giải quyết bƣớc đầu cho tôi về các mặt tƣ tƣởng hoài nghi. Trong những năm kháng chiến, công tác và sáng tác của tôi, tuy chƣa có là bao nhiêu, nhƣng đều chứng minh cái kết quả bƣớc đầu của cuộc cải tạo đó. Và tôi thấy cần phải nói thêm rằng có đƣợc cái kết quả ấy, cũng là nhờ ở phần khách quan nhiều hơn là phần chủ quan, và nhất là nhờ có cái phần Đảng dìu dắt cho. Cuộc sống kháng chiến có gian khổ về mặt vật chất và thể xác, nhƣng có những thuận lợi khác về mặt trau dồi tinh thần cầu tiến và nhiệt tình cách mạng. Tuy chƣa đƣợc toàn thân toàn ý, nhƣng tôi cũng đã gắn bó rất nhiều với Đảng với nhân dân và tìm cái lẽ sống còn của bản thân mình trên cái cơ sở tập thể lớn lao ấy. Và mọi băn khoăn cá nhân chủ nghĩa, về căn bản đã đƣợc dẹp xuống. Hoà bình trở lại đây, điều kiện khách quan đổi khác cả. Cách mạng chuyển giai đoạn đã mấy năm nay, tƣ tƣởng tôi không những đã không chuyển theo kịp mà lại còn có những điểm ngoặt trở lại với những nếp cũ của thời kỳ trƣớc Cách mạng tháng Tám.

Cũng nhƣ nhiều anh chị em cán bộ khác về làm việc ở thành thị ngay từ ngày đầu tiếp quản, tôi cũng vẫn nói với tôi là đấu tranh hoà bình gian khổ phức tạp; phản đế phản phong trong kháng chiến, thế mà còn dễ hơn cái giai đoạn cách mạng này nó đánh thẳng vào con ngƣời trí thức tiểu tƣ sản mình còn nặng những cái cặn của tƣ tƣởng tƣ sản. Nhƣng đồng thời tôi lại vẫn bảo cả tôi và nhiều ngƣời khác cùng một thành phần giai cấp: "Tƣ tƣởng tƣ sản và lực lƣợng tƣ sản ở ta, có gì mà làm ghê đến thế?". (Tôi nhớ lại rằng trong hồi phát động quần chúng để cải cách ruộng đất, hình nhƣ tôi cũng đã kêu rằng giai cấp địa chủ và tƣ tƣởng địa chủ ở ta thực ra có gì mà ghê đến thế?)

Từ sau hoà bình, con ngƣời cầu an hƣởng lạc ở tôi dần dần hồi sinh lại với cái nếp trƣớc của ngƣời thị dân cũ trong tôi, vào những ngày đầu của Cách mạng tháng Tám. Tôi kêu cái này cái khác, đòi hỏi cách mạng phải thế nọ thế kia, tiếng kêu phù hợp với cái tiếng nói của chủ nghĩa hoà bình của cái số ngƣời cho rằng "miền Bắc ta làm mạnh quá, tốc độ chính trị đi gấp đi dữ nhƣ vậy, e khó mà tranh thủ đƣợc miền Nam". Lập trƣờng tôi bấp bênh, nên tôi mâu thuẫn với tôi: vừa lo mình dồn đẩy nhanh quá, lại vừa sốt ruột cho tình hình ì ạch đủ các mặt. Đối với hiện tƣợng này hiện tƣợng khác về hộ khẩu, về thị trƣờng của phần kinh tế quốc doanh, về đời sống anh bộ đội phục viên, về mức sống công trƣờng xí nghiệp, về đợt năm của cải cách ruộng đất và đê vỡ, những tình cảm tiểu tƣ sản trong con ngƣời động dao của tôi lại vẩn lên rất nhiều oán tiếc hờn dỗi, nó kết lại thành một cái cách nhìn phiến diện để dẫn tới một cái nhìn khác bất công và u uất, bất mãn và nghi kỵ. Chuyện trong nƣớc đã thế, nhìn ra cả trong phe trong khối ta, thì thấy toàn những sự việc và hiện tƣợng nó vƣợt qua cái trình độ nhận thức vốn lệch lạc của mình, và vƣợt quá cái khả năng đánh giá vốn một chiều và cực đoan của mình. Đứng trƣớc những khó khăn mới của cách mạng chuyển mạnh giai đoạn, cái chất hoài nghi cố hữu ở trong tôi đã ngóc dậy rất mạnh nhất là từ sau đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô.

Lần lại cái mạch tƣ tƣởng của tôi ngƣợc lên hồi Cách mạng tháng Tám, tôi thấy trong hệ thống tƣ tuởng của tôi đã có những luồng sóng ngầm nó quật lại nó dội lên, sau một giáp mƣời hai năm nó bị chìm xuống. Trong cơn khủng hoảng này, vì lạc phƣơng hƣớng mà có lúc tôi đã nói đã nghĩ đã viết ra nhƣ là một ngƣời không phải là đảng viên. Một đôi khi, còn bắt đƣợc mình đang thoát ly Đảng trong tƣ tƣởng. Nay giật mình nhìn lại, thấy mình đã có trôi trên cái dốc của quan điểm chủ nghĩa xét lại. Lòng tin bị sứt vỡ, cho nên đối với sự việc này, sự việc khác, đối với tài liệu này tài liệu khác, hay đòi lật ngƣợc lại. Học tập tình hình thế giới còn dễ thông hơn tình hình trong nƣớc. Nguồn tin chính thì tiếp thu có điều kiện, các nguồn tin khác thì nhận và phát đi một cách dễ dàng. Lập trƣờng tƣ tƣởng đã có sự lẫn lộn, cho nên nghiệt ngã với ý kiến của đồng chí, của bạn, cho nên dễ hoà theo với lời xúc xiểm gièm pha tán tỉnh của bọn ác bọn xấu . Cái phần vẩn đục trong con ngƣời hoài nghi của tôi đã là một miếng đất thuận tiện cho sự nảy nở của những tƣ tƣởng do các nguồn đối địch gieo vào. Và muốn hay không muốn, trong một số công việc nhất định, tôi đã trở nên một cái bình phong cho bọn xấu dùng đƣợc.

Về phần sáng tác, gần đây tôi đã gặp những khó khăn trong tƣ tƣởng sáng tác, cũng là do bi quan hoang mang tác động và hạn chế cái nhiệt tình của ngƣời nghệ sĩ cách mạng. Cũng là do cái phƣơng pháp tƣ tƣởng nặng nề về hiện tƣợng vụn vặt mà không nhìn thấy cái đại thể của cách mạng và cái hƣớng của sự vật trong quá trình phát triển cách mạng. Cũng là do lẽ này lẽ khác, nhƣng cái chính là cái nguyên do ngờ vực. Chính vì sa sút đã đi vào chỗ lệch, chỗ sai, đã lạc hƣớng về tƣ tƣởng và lầm lẫn về chỗ đứng của ngƣời đảng viên văn nghệ. Tôi đã có xu hƣớng tách văn nghệ ra khỏi chính trị và đối lập văn nghệ với chính trị. Ví dụ ở tuần báo Văn dƣới đầu đề "Phê bình nhất định là khó" tôi đã viết: "Nếu đã có những tác giả còn non nớt, yếu ớt, nếu đã có những tác phẩm yếu xoàng, thì cũng đã có một số cán bộ thực hiện chính trị một cách cũng không cao tay gì lắm..."

Đối với tác phẩm in lại, tôi đã tự tiện gạt đi cái phần chính trị của vấn đề, để chỉ còn thấy có phần nghệ thuật. Đề tựa cho tập sách Thạch Lam và vở kịch Kim tiền của Vi Huyền Đắc, tôi chỉ có đề cao tác phẩm và tác giả mà không đứng trên cái quan điểm văn học vô sản của ngƣời phê bình cách mạng mà vạch ra những nhƣợc điểm khuyết điểm và sai lầm của tác phẩm. In lại tập Vang bóng một thời của tôi, tôi cũng thiếu mất cái trách nhiệm của ngƣời tác giả đối với độc giả mà xác nhận thái độ của mình về nội dung tƣ tƣởng của tác phẩm cũ. Thậm chí, còn đƣa vào sáng tác tất cả các bức bối, cái hờn dỗi với thực tế, chì chiết cạnh khoé điều này điều nọ, nhƣ ở trong bài "Cây Hà Nội": "Con người ở đây ít chú trọng đến cây... Ở đây, con người đối với con người cũng chưa đủ mức chú trọng, nói chi đến chuyện cây cối... Đôi lúc có nhớ đến người này người nọ thì ta chỉ quen nhớ những lúc họ đánh đổ hoặc đánh vỡ một cái gì...". Thực ra chủ nghĩa nhân đạo cộng sản chúng ta không bao giờ dạy con ngƣời tự mình tách khỏi tạo vật chung quanh và chà đạp hoa cỏ cây cối. Thực ra Đảng ta quan tâm đến trình độ văn hoá cần nâng cao dần cho quần chúng nhân dân, trong ấy mặc nhiên là có cái phần giáo dục thẩm mỹ, dạy con ngƣời yêu quí hoa cỏ quả cây và hƣớng nó vào cuộc sống cần lao của tập thể. Những câu đại để nhƣ ở bài "Cây Hà Nội", với cái lối nói ỡm ờ đó, đã phần nào biến mùa Xuân miền Bắc thành ra những cái ngậm ngùi kích động đến những tâm sự sửa sai, tạo thành những cái đơn chiếc và bất công trong cách nhìn ra thực tế sinh động trên đất nƣớc. Cách nhìn không lành mạnh ấy thật là không xứng đáng với bất cứ nhà văn nào muốn đóng góp giấy mực của mình vào cái quyết tâm chung sức xây dựng miền Bắc của mọi ngƣời. Cách nhìn và cách viết ấy không giải quyết gì cho cuộc sống nặng nề đang cần phải bốc lên đẩy lên. Nó có phần nào đã làm đầu têu cho một số mồm và bút sẵn sàng mƣợn khéo văn chƣơng để nói cạnh và chửi đổng, móc máy việc này việc khác.

Nhƣng trong cả một mớ lệch lạc lầm sai của tôi ít lâu nay, cái sai lầm tôi cho nghiêm trọng hơn hết, tức là cái sai lầm của tôi đối với nghị quyết của Bộ Chính trị của Đảng nhận định về tình hình văn nghệ. Nghị quyết phân tích sâu sắc, tổng kết đầy đủ rõ ràng về sự lũng đoạn của phần tử đối địch trong văn nghệ. Tôi đƣợc phổ biến nhiều lần về nghị quyết này, tôi vẫn cứ khăng khăng cho rằng văn học nghệ thuật ta ít lâu nay có vấn đề và đang có những vấn đề cần phải giải quyết sớm, tức là có nghiêm trọng về tình hình, nhƣng không đến nỗi nghiêm trọng đúng nhƣ tinh thần và con chữ đã vạch ra trong từng chƣơng mục của nghị quyết. Tại sao phải trải qua hơn ba tháng ròng học tập liên hệ, phải trải qua rất nhiều khó khăn của diễn biến tƣ tƣởng và qua bao nhiêu công sức của đồng chí và đồng nghiệp giúp đỡ cho mà nay tôi mới nhất trí đƣợc với toàn bộ nghị quyết của Đảng về tình hình văn học nghệ thuật?

Chính là vì tôi đã mơ hồ về lập trƣờng, không phân rõ địch ta, nên không nhìn thấy vấn đề đấu tranh giai cấp trong lĩnh vực văn học nghệ thuật giữa lúc cách mạng tiến lên đang đánh vào tất cả những cái gì dám chống đối và phản lại nó. Chính vì tôi non yếu và mơ hồ về chính trị, nên không thấy cái mặt chính trị của vấn đề văn nghệ đây. Bản chất cầu an hƣởng lạc nghỉ ngơi ở tôi đã làm tôi mờ nhạt về sự tất yếu của cuộc đấu tranh này và quên cả cái tính chất của tổ chức Đảng ta là một tổ chức chiến đấu và đang cần chiến đấu quyết liệt trên mặt trận tƣ tƣởng. (Cuối 1956, đóng cửa Nhân văn. Tôi là một chữ ký trong bản kiến nghị của nhiều anh em văn

nghệ sĩ ký ngày 13-12-1956 [[1]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9604&rb=08#anm1) ; nhƣng trong tôi vẫn còn phân vân về biện pháp hành chính dùng với Nhân văn. Nay tôi đã thấy rõ là không thể thuyết phục cải tạo tờ báo đó và biện pháp ấy là biện pháp duy nhất). Chính vì tôi có xu hƣớng tách văn nghệ khỏi chính trị nên tôi không nhận ra khía cạnh chính trị của vấn đề. Tôi thƣờng còn hay kêu là ít lâu nay ta bàn chính trị quá nhiều trong văn nghệ và nên dành thì giờ để bàn về chuyên môn thì đúng hơn. Tôi không thấy rằng tình hình địch ta nghiêm trọng đã nhƣ thế, thì cái yêu cầu cấp bách của văn nghệ hiện nay là giải quyết về chính trị đã, rồi trên cái cơ sở trắng đen đã phân rõ ấy, trong nội bộ nhân dân của văn nghệ, mới thanh thoát đƣợc cho sự thảo luận chuyên môn văn nghệ. Không nhìn nhận ra đƣợc chỗ sáng suốt của nghị quyết của Đảng về tình hình văn nghệ bị lũng đoạn, tôi cho cái nguyên chân chính còn nằm ở cái chỗ lòng tin của tôi đối với Đảng. Từ sau hoà bình và nhất là từ sau Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô, lòng tin của tôi đối với Đảng đã có thêm những màn đen của sự nghi ngờ. Thời kỳ mở phong trào chống chủ nghĩa sùng bái cá nhân cũng là thời kỳ tôi đi sâu vào một bệnh sùng bái khác. Tức là tôi đã tự phụ, tự túc, tự ái, tự đại mà sùng bái cái cá nhân trí thức tiểu tƣ sản của tôi. Tôi cho là phải phát triển tới cái độ cao nhất về việc suy nghĩ độc lập, lấy tƣ duy độc lập ra mà làm cái thừa trừ cho cái kiểu mà tôi vẫn gọi là: "Cách nghĩ một chiều của nhiều đồng chí chúng ta". Ngông nghênh với sự phát triển bừa bãi đó, tôi đã tự huyền hoặc mình về cái kiến thức bản thân thổi phồng bơm to lên, tự phỉnh nịnh mình đến cái mức bọn ác bọn xấu dùng đƣợc mình mà không nhận ra, đến cái mức chỉ thấy có mình mà không thấy phƣơng hƣớng trong tƣ tƣởng. Qua một lần kinh nghiệm tôi tự phát trên một cái cơ sở cá nhân bấp bênh, nay tôi nghĩ rằng Đảng ta, trên con đƣờng từ nay kiện toàn chuyên chính vô sản song song với mở rộng dân chủ, Đảng ta không những không hạn chế sự nghĩ độc lập của đảng viên và anh chị em trí thức, mà lại còn khuyến khích mọi ngƣời đóng góp cái phần trí tuệ chân cảm của mình vào cái khối trí tuệ vĩ đại của Đảng. Riêng tôi, qua một trận thử thách vừa rồi, qua cái bài học choáng váng vừa rồi để phân rõ thiện ác trong giới văn nghệ phức tạp, tôi thấy sáng lên cái chân lý này:

● Muốn suy nghĩ độc lập, cần phải có vốn phong

phú về thực tế đấu tranh, cộng với một căn bản lý luận cách mạng chắc chắn;

● Khi mình đã ngờ vực Đảng thì dễ nghĩ sai và

làm sai.

Những cái tôi nói đó, thực ra không có gì là mới cả, nhƣng riêng với tôi, nó có cái giá trị của một lần "suy nghĩ" vừa đau xót vừa yên tâm, vừa lành mạnh. Viết ra đây cái điều trên, tôi thấy tôi thoải mái trong sự khiêm tốn thành khẩn và càng thấy gần Đảng hơn bao giờ.

8-4-58

Trích tạp chí Văn nghệ số 12 tháng 5-1958 (xuất bản ở Hà Nội)

[[1] Ki](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9604&rb=08#nr1)ến nghị đòi đóng cửa Nhân văn

Văn Cao

Văn Cao là một ngƣời rất đặc biệt. Nhờ có bản năng thiên phú, mà tuy không học ở trƣờng nào cả ông cũng trở thành một nghệ sĩ danh tiếng, hay cả về nhạc, hoạ và thơ. Ông là một thứ nghệ sĩ "nhân dân" mà thời thế đã tạo nên.

Nguyễn Văn Cao sinh vào khoảng năm 1920 trong một gia đình nông dân nghèo ở Lạch Trai, gần Hải Phòng. Bố mất sớm, mẹ chỉ có vài sào ruộng nƣớc mặn. Văn Cao sở dĩ ăn học đƣợc ít năm là nhờ có ngƣời anh làm gác dan, trông coi nhà máy bơm nƣớc ở bờ sông Hải Phòng. Vì nhà làm để chứa máy, không phải để cho ngƣời ở nên Văn Cao phải học bài và ngủ trên một miếng ván bắc từ chiếc máy điện sang chiếc máy bơm, suốt ngày suốt đêm phải chịu đựng tiếng kêu vo vo không ngớt của hai chiếc máy ở hai đầu giƣờng. Có ngƣời nói chính vì tiếng máy kêu nhƣ ve sầu suốt ngày đêm đã gây cho Văn Cao một tâm hồn nhạc sĩ. Điều đó không biết có đúng không, nhƣng chỉ biết rằng ngay từ nhỏ Văn Cao đã có khiếu về âm nhạc. Khi còn học ở tiểu học, và sau lên trƣờng trung học tƣ thục Saint Charles, Văn Cao đã nổi tiếng là hát hay.

Văn Cao mới học đƣợc hai năm ở trung học thì ông anh mất việc nên phải bỏ học đi kiếm việc làm. Ông xin đƣợc một chân điện thoại viên (teléphoniste) ở Nha giám đốc Thƣơng cảng Hải Phòng (Direction du Port) nhƣng làm chƣa đƣợc một tháng xin thôi vì tính ngang ngạnh không chịu đƣợc thái độ hống hách của "xếp Tây". Gặp đƣợc Phạm Duy ở Hà Nội xuống hát ở Cảng, Văn Cao nghe lời Phạm Duy xách khăn gói lên Hà Nội vì thời bấy giờ chỉ có thủ đô Hà Nội mới có điều kiện nuôi sống văn nghệ sĩ.

Lên đến Hà Nội, Văn Cao đƣợc bạn bè giúp đỡ, thuê đƣợc một căn gác nhỏ, bắt đầu nhận vẽ tranh quảng cáo và sáng tác nhạc. Trong thời kỳ này Văn Cao sáng tác đƣợc nhiều bài hát hiện nay còn giá trị: bài "Thu cô liêu" và "Đêm xuân" (nhạc của Văn Cao, lời của Đỗ Hữu Ích), bài "Suối mơ" và "Đàn chim Việt" (nhạc của Văn Cao, lời của Phạm Duy), bài "Buồn tàn thu" (do Phạm Duy mang đi phổ biến ở các tỉnh), bài "Đêm sơn cƣớc" và bài "Bắc Sơn".

Văn Cao bắt đầu đƣợc nổi tiếng từ năm 1943. Hai năm sau xẩy ra nạn đói kém; vùng ven biển là quê hƣơng của Văn Cao bị chết đói nhiều nhất. Bà mẹ Văn Cao phải đi bắt cáy ở các ruộng nƣớc mặn để nuôi các cháu, nhƣng chẳng bao lâu cáy cũng không còn, vì mỗi ngày có hàng vạn ngƣời đi bắt, nên bà cụ phải bỏ làng mang mấy cháu nhỏ chạy lên Hải Phòng rồi lên Hà Nội, giữa đƣờng thất lạc mất một đứa cháu lên ba. Giữa lúc ấy thì một ngƣời đồng hƣơng của Văn Cao, tên là Vũ Quý vì hoạt động cho Việt Minh ở Hải Phòng nên bị Nhật lùng bắt. Anh ta trốn lên Hà Nội, đến ở nhờ Văn Cao và tuyên truyền cho Văn Cao theo Việt Minh. Văn Cao đƣợc giới thiệu để viết bài và vẽ tranh cho tờ báo Lao động là cơ quan của Việt Minh xuất bản ở ngoại ô Hà Nội, đồng thời căn gác của Văn Cao đƣợc Vũ Quý dùng làm lớp học để giảng chính trị cho những thanh niên mới gia nhập đoàn thể Việt Minh.

Một hôm Vũ Quý đi Việt Bắc về bảo Văn Cao soạn giúp một bài quân ca cho Việt Minh, vì trƣờng chính trị quân sự của Việt Minh đang cần một bài để xuất quân. Văn Cao nhận lời và làm bài "Tiến quân ca", giữa lúc ngồi trong cửa sổ nhìn ra thấy những xe chở xác chết đi qua. Lúc này ông cũng làm thêm một bài thơ nhan đề "Chiếc xe chết qua phƣờng Dạ Lạc" nói lên nỗi đau khổ của tác giả trƣớc cảnh chết đói của hàng vạn ngƣời giữa Hà Nội, không ngớt ăn chơi và đoạ lạc.

Báo Lao động đăng bài "Tiến quân ca" và cán bộ Việt Minh ở Hà Nội bắt đầu học hát. Ít hôm sau Văn Cao đƣợc Võ Nguyên Giáp mời lên chiến khu để khen thƣởng và ban cho một khẩu súng lục. Về Hà Nội, Văn Cao đƣợc giao công tác phụ trách đoàn Thanh niên Xung phong, nhƣng hai tuần sau ông bị sốt rét. Giữa lúc đó thì Nhật đầu hàng Đồng minh và Đại Việt tổ chức cuộc biểu tình công chức ở Hà Nội, Việt Minh ra lệnh cho đoàn Thanh niên Xung phong cƣớp cuộc biểu tình của Đại Việt để biến thành cuộc biểu tình hoan nghênh Việt Minh. Văn Cao đang lên cơn sốt nên phải giao khẩu súng cho ngƣời khác để điều khiển thay mình, tuy nhiên ông cũng ra đứng trƣớc Nhà hát lớn để chứng kiến công việc của bọn đàn em. Hai ngày sau, hết sốt Văn Cao đứng ra đánh nhịp cho đoàn Thanh niên Xung phong hát bài "Tiến quân ca" trong một cuộc biểu tình do Việt Minh tổ chức ở Nhà hát lớn. Ngày hôm ấy là 19 tháng 8-1945, Việt Minh cƣớp chính quyền ở Hà Nội.

Sau khi Việt Minh lên nắm chính quyền, Văn Cao đƣợc cử vào Ban Thƣờng vụ Hội Văn hoá Việt Nam. Lúc này ông làm thêm đƣợc bài "Không quân Việt Nam" và bài "Hải quân Việt Nam". Thanh thế của Văn Cao lúc này lên đến tột bực. Ông tái bản những bản nhạc đã làm từ trƣớc và giao cho nhà in Rạng Đông phụ trách ấn loát. Cô con gái ông chủ nhà in phải lòng nhà "nhạc sĩ Việt Minh" và hai ngƣời lấy nhau.

Vì phạm tội lấy con gái nhà tƣ sản nên Văn Cao bị Đảng bỏ rơi. Sau khi tác chiến bùng nổ, hai vợ chồng Văn Cao chạy lên Lào Kay, sau về Tuyên Quang và sau cùng về mở tiệm cà phê ở Phố Yến, thuộc Vĩnh Yên. Cán bộ Đảng nhận thấy gia đình Văn Cao cứ thuyên chuyển dần về mạn xuôi, sợ có ngày Văn Cao bị vợ quyến rũ về Hà Nội, nên ra lệnh triệu Văn Cao lên Đại Từ, giao cho công tác trong Hội Âm nhạc Việt Nam. Trong thời gian này Văn Cao sáng tác đƣợc bài "Trƣờng ca Sông Lô" và đƣợc kết nạp vào Đảng, đƣợc dự lớp huấn luyện dành riêng cho đảng viên và sang năm 1952 đƣợc cử sang Mạc Tƣ Khoa, trong phái đoàn văn hoá do Trần Huy Liệu cầm đầu. Trong dịp này Văn Cao đƣợc gặp nhà nhạc sĩ số một Liên Xô là Chostakovitch. Đây là vinh hạnh lớn nhất trong đời của Văn Cao.

Tuy nhiên sau khi đi Mạc Tƣ Khoa về, Văn Cao bắt đầu tỏ ý thất vọng Liên Xô không phải là thiên đƣờng nhƣ ông vẫn tƣởng tƣợng. Thêm vào đấy, khi ông về nƣớc thì cuộc đấu tố địa chủ cũng vừa bắt đầu, ông đƣợc cử đi tham quan mấy vụ đấu tố điển hình ở Việt Bắc, trong số đó có cuộc đấu tố ông bố vợ Nguyễn Kháng Toàn ở Tuyên Quang, khiến ông nghi ngờ chân giá trị của chủ nghĩa cộng sản.

Về Hà Nội sau khi hoà bình lập lại, Văn Cao phụ trách ban nhạc ở Đài phát thanh Hà Nội, nhƣng ông chán nản không sáng tác gì hết. Năm 1956 ông tham gia phong tràoNhân văn-Giai phẩm, làm những bài thơ chống Đảng nhƣ bài "Anh có nghe không" và bài "Những ngày báo hiệu mùa Xuân" mà chúng tôi trích sau đây. Lúc đầu thì Đảng làm ngơ không vấn tội vì Đảng không muốn hạ bệ ngƣời nghệ sĩ đã có công sáng tác bài "Quốc ca" nên trong năm 1957 Văn Cao vẫn đƣợc đề cao. Nhƣng qua cuộc chỉnh huấn Đảng khám phá thấy Văn Cao không những chỉ có viết bài chống Đảng mà còn bí mật vận động các nhạc sĩ khác chống Đảng, nên sang năm nay (1958) Văn Cao bị đả kích dữ dội và bị đƣa đi học tập lao động. Trong tờ Văn nghệ số 14 tháng 7-1958 Xuân Diệu viết một bài nhan đề "Những tƣ tƣởng nghệ thuật của Văn Cao" tố cáo Văn Cao là "con ngƣời phản phúc hai mặt giả dối nhƣ con mèo, là một tên phù thuỷ toan dùng âm binh để chọi nhau với Đảng".

Sau đây chúng tôi xin trích bài "Anh có nghe không" và bài "Những ngày báo hiệu mùa Xuân" để các độc giả nhận xét. Theo ý riêng chúng tôi, Văn Cao không phải là phù thuỷ mà chỉ là một con thiêu thân, một con thiêu thân điển hình nhất.

\*

Anh có nghe không

(Gửi một nhà thơ xƣa đã nổi tiếng)

Cửa đóng lại từ chín giờ

Không một cuốn sách chờ đợi Dù những ngôi sao đang nở trên trời Dù đêm mùa xuân bắt đầu trở lại

Tất cả hƣớng về biển

Bọt cứ tan trên bãi cát xa

Mà cửa bể vẫn im lìm chƣa mở

Bao giờ nghe đƣợc bản tình ca Bao giờ bình yên xem một tranh tĩnh vật Bao giờ

Bao giờ chúng nó đi tất cả

Những con ngƣời không phải của chúng ta Vẫn ngày ngày ngang nhiên sống

Chúng nó còn ở lại

Trong những áo dài đen nham hiểm Bẻ cổ bẻ chân đeo tội ác cho ngƣời

Chúng nó còn ở lại Trong những tủ sách gia đình Ở điếu thuốc trên môi những em bé mƣời lăm Từng bƣớc chân các cô gái Từng con đƣờng từng bãi cỏ từng bóng tối Mắt quầng thâm còn nhỡ mãi đêm

Chúng nó còn ở lại

Trong những tuổi bốn mƣơi Đang đi vào cuộc sống

Nhƣ nấm mọc trên những thân gỗ mục

Ngƣời bán giấy cũ

Đã hết những trang tiểu thuyết ế Những trang báo ngày xƣa Đang bán đến những trang sách mới Những bài thơ mới nhất của anh

Anh muốn giơ tay lên mặt trời Để vui da mình hồng hồng sắc máu Mấy năm một điệu sáo

Nhƣ giọng máy nƣớc thâu đêm chảy Chung quanh còn những ngƣời khôn ngoan Không có mồm

Mắt không bao giờ nhìn thẳng

Những con mèo ngủ yên trên ghế Trong một cuộc dọn nhà

Những con sên chƣa dám ló đầu ra Những cây leo càng ngày càng tốt lá

Một nửa thế giới

Một nửa tâm hồn

Một nửa thế kỷ

Chƣa khai thác xong

Bây giờ không còn những tiểng nổ to Nhƣng còn những tiếng rạn vỡ

Có thể thu hết những khẩu súng phản động Nhƣng vẫn còn

Những khẩu súng đƣa ngƣời tự tử.

Anh có nghe thấy không

Chỗ nào cũng có tiếng

Chƣa nói lên

Những ngƣời của chúng ta Đang mờ mờ xuất hiện

Le lói hy vọng

Trên những cánh đồng lầy

Nghìn năm cũ phủ mất nhiều giá trị Đốt nghìn kinh chƣa thắp sáng cuộc đời

Vào một cuộc đấu tranh mới Với những ngƣời không phải của chúng ta Anh có nghe thấy không

Vào một cuộc đấu tranh mới Để mở tung các cánh cửa sổ Mở tung cả cửa bể

Và tung ra hàng loạt hàng loạt Những con ngƣời thật của chúng ta.

(Trích Giai phẩm mùa Xuân 1956)

\*

Những ngày báo hiệu mùa Xuân

Nƣớc biển đổ vào quanh Hải Phòng ngày bão Làng mạc bồng bềnh trời đất bềnh bông Ở những ngọn tre xác xơ mốc lên chất muối Còn lại ít rơm khô những mái nhà trôi Những mảnh lƣới thuyền ai bay tan tác

Xe gạo ngày đêm từ Hải Phòng về các xóm Chúng tôi đêm ngày vét nƣớc nối đê Tƣới ngọt lại ruộng đồng, dựng lại từng thôn xóm Tìm lại những nụ cƣời ở mỗi ngƣời sống sót Lửa đỏ đêm đêm trên bãi biển bập bùng

Trong những ngày khó khăn chồng chất Kẻ thù của chúng ta xuất hiện Những con rồng đất khi đỏ khi xanh Lẩn trong hàng ngũ

Những con bói cá

Đậu trên những chiếc dây buồm Đang đo mực nƣớc

Những con bạch tuộc

Bao nhiêu tay chân dìm chết một con ngƣời.

Đất nƣớc đang lên da lên thịt Đất nƣớc còn đang nhỏ máu ngày ngày

Ta muốn gói cuộc đời gọn gàng nhƣ trái vải Đã thấy loài sâu nằm tròn trong cuống

Chúng muốn các em nhỏ mới biết đi phải rụng Mòn mỏi dần sức vỡ đất khai hoang Làm rỗng những con ngƣời lụi dần niềm hi vọng Héo dần mầm sáng tạo mất phẩm giá con ngƣời

Chúng nó ở bên ta trong ta lén lút Đào rỗng từng kho tiền gạo thuốc men Tôi đã thấy từng mặt, từng tên xâu chuỗi Tôi sẽ vạch từng tên từng mặt

Hãy dừng lại

Những tên muốn ôm cây mùa xuân không cho mọc Những tên muốn làm cây to che cớm mầm non

Con đƣờng ta đi tự hào lực lƣợng Con đƣờng nƣớc nguồn thành sông thành biển

Con đƣờng ta đi tự hào duy nhất Con đƣờng đi trái đất quanh mặt trời

("Những ngày báo hiệu mùa Xuân" là một đoạn trong bài thơ dài Những người trên cửa biển của Văn Cao, in trong tập thơ của bốn ngƣời: Hoàng Cầm, Văn Cao, Trần Dần, Lê Đạt, do nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành. Trích Giai phẩm mùa Thu tập

II tháng 10-1956) [[1]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#anm1)

\*

Trần Duy

Trần Duy tên thật là Trần Quang Tăng, sinh ở Huế vào khoảng năm 1920. Ông học Trƣờng Mỹ thuật Hà Nội trong thời kỳ đại chiến thứ hai, và sau khi Hà Nội bị phi cơ Đồng minh oanh tạc, nhà trƣờng dọn lên Sơn Tây, ông cũng theo lên Sơn Tây. Học chửa tốt nghiệp thì xảy ra cuộc đảo chính Nhật và tiếp theo là cuộc khởi nghĩa Việt Minh.

Trong thời gian học ở Sơn Tây, Trần Duy thân với Phan Kế An, là bạn đồng trƣờng và là con Phan Kế Toại. An là cán bộ Việt Minh, nên tuyên truyền Trần Duy theo Việt Minh.

Trong thời gian kháng chiến, ông công tác văn nghệ bộ đội ở Việt Bắc. Về Hà Nội, ông hợp tác với nhóm Giai phẩm và cộng sự với cụ Phan Khôi trong việc xuất bản tờ báo Nhân văn.

Những bài nghị luận của ông về chính trị rất có giá trị.

Bài ―Những ngƣời khổng lồ‖ mà chúng tôi trích sau đây để giới thiệu nghệ thuật viết văn của ông, thuộc vào loại thần tiên mà ông tự đặt ra, để mƣợn ý nói rằng chủ nghĩa cộng sản chỉ có thể đào tạo nên những con ngƣời có sức khoẻ máy móc, không có tâm hồn. Rút cục những con ngƣời ―không phải là ngƣời‖ đó chỉ tàn phá và gieo tang tóc khắp mọi nơi, không có khả năng kiến thiết và xây đắp hạnh phúc cho nhân loại.

Dùng thần thoại để trình bày một hiểm hoạ đƣơng đe doạ toàn thể thế gian, đó là một sáng kiến rất đặc biệt của ông.

\*

Những người khổng lồ

(Gửi những ngƣời cộng sản chân chính)

Tôi xin kể các bạn nghe một câu chuyện cổ. Ngày xƣa quả đất chƣa có ngƣời ở, chỉ toàn là cây cỏ núi đá, sông, hồ biển rộng mênh mông. Thú dữ rất nhiều và ma vƣơng quỷ dữ cũng nhiều. Lúc Thƣợng đế cho những con ngƣời đầu tiên xuống, con ngƣời hết sức khổ sở. Đời sống ở quả đất bấy giờ chỉ toàn là nƣớc mắt và oán thán. Tiếng khóc tụ lại thành khí, nƣớc mắt bốc lên thành mây dâng lên tận thiên đình. Ngọc Hoàng lo lắng, đau xót vô cùng. Thiên đình lo âu chẳng kém. Một vì sao tâu:

―Sức ngƣời có hạn, mà ma quỷ thì uy lực vô cùng, vậy nên phái thêm ngƣời nhà trời về giúp sức.‖

Ngọc Hoàng bèn triệu tập hội nghị Thiên đình, ra chỉ thị nặn thêm một đoàn khổng lồ cho xuống hạ giới giúp sức loài ngƣời.

Thế là chẳng bao lâu, nặn xong lũ khổng lồ, mình cao trăm trƣợng, tay chân to lớn, sức lực vô địch. Ngọc Hoàng hà hơi sống, lũ khổng lồ cử động, Thiên đình mừng rỡ… Chỉ nay mai hạ giới sẽ chẳng còn tiếng khóc và nƣớc mắt.

Đoàn khổng lồ xuống hạ giới: bạt rừng lấp bể, nhổ cây nhƣ vớt rong, bóp vụn đá nhƣ nghiền bột, long trời lở đất. Đoàn khổng lồ vui sƣớng và tin chắc đã làm vừa lòng trời và thuận lòng ngƣời.

Nhƣng một hôm Ngọc Hoàng mở cửa nhìn về hạ giới… Cớ sao tiếng khóc vẫn còn?

Ngọc Hoàng phán hỏi Thiên đình, Thiên đình ngơ ngác nhìn nhau. Có vì sao tâu:

―Việc hạ giới nên triệu Táo quân về đầu đuôi sẽ rõ.‖

Mấy hôm sau Táo quân về. Vừa bƣớc tới sân chầu, Táo quân đã vập đầu xuống bệ khóc nức nở. Ngọc Hoàng hỏi:

―Táo quân chƣa tâu báo, đã khóc lóc, làm loạn cả quần tiên là cớ làm sao?‖

Táo quân vẫn khóc. Ngọc Hoàng nói: ―Táo quân quên rằng quần tiên không có tiếng khóc, và Thiên đình chỉ có tiếng cƣời và vũ nhạc hay sao?‖

Táo quân tâu:

―Hạ thần vẫn muốn nhƣ vậy, nhƣng trọng trách của Ngọc Hoàng giao cho hạ thần là sống với loài ngƣời, chia vui sẻ buồn với họ, thần nỡ lòng nào cƣời múa lúc loài ngƣời còn tiếng khóc và oán hờn?‖

Ngọc Hoàng hốt hoảng:

―Thế ngƣời khổng lồ xuống hạ giới chẳng làm nên gì ƣ?‖

Táo quân tâu:

―Ngƣời khổng lồ đã làm đầy đủ sứ mệnh của Thiên đình giao cho là sát phạt ma vƣơng hổ báo, rẫy rừng, khai sông, lấp bể…‖ Ngọc Hoàng hớn hở:

―Thật là tin vui… Nhƣng cớ sao khanh còn khóc?"

"Tâu Ngọc Hoàng, tại vì loài ngƣời còn khóc."

Ngọc Hoàng chép miệng:

"Nhân thế sinh kiếp trầm luân có khác! Buồn cũng khóc, mà vui cũng khóc, ta biết làm thế nào?‖ Táo quân tâu:

―Tâu Ngọc Hoàng, buồn thì phải khóc, nhƣng mấy khi vui mà lại khóc?‖

―Thế hạ giới chƣa vui ƣ? Ma quỷ tan rồi, hùm beo quét sạch, rừng núi san bằng, loài ngƣời thảnh thơi, chỉ khác Thiên đình ở chỗ chƣa đƣợc mùa xuân muôn thuở, tràng sinh bất tử mà thôi.‖

Táo quân trả lời:

―Quả thật nhân thế nhờ ngƣời nhà trời mà thôi khóc cái hoạn nạn do ma vƣơng quỷ dữ gây ra, nhƣng chƣa kịp cất lên tiếng cƣời thì nhân thế lại bắt đầu buồn về một ít hoạn nạn mới do…‖

Ngọc Hoàng sốt ruột hỏi:

―Do ai gây ra?‖

―Tâu Ngọc Hoàng… Do chính ngƣời nhà trời gây ra.‖

Ngọc Hoàng và Thiên đình sửng sốt:

―Cớ sao?‖

―Vì ngƣời nhà trời bạt núi, khai sông, quên mất loài ngƣời bé nhỏ sống gần sông và cạnh núi. Những bản tình ca vừa chớm nở, những hoa bƣớm, những đôi lứa trẻ mới yêu nhau, những tình thƣơng nỗi nhớ vừa nhen nhúm, có một số ngƣời khổng lồ trông thấy đã xéo bừa lên, giày nát…‖ Một vì sao hỏi:

―Loài ngƣời sống chính nhờ cơm, gạo, khí trời, chứ nhờ đâu tình ca, và hoa bƣớm.‖

Ngọc Hoàng phán:

―Khi ta tạo con ngƣời, ta đã thổi vào ngƣời chúng cùng với khí nóng và máu, tình thƣơng nỗi nhớ, oán ghét giận hờn, tiếng cƣời và nƣớc mắt… Những thứ ấy sẽ sống đời đời kiếp kiếp với con ngƣời. Không tôn trọng những thứ ấy trong con ngƣời là không tôn trọng con ngƣời…‖

Táo quân lại tâu:

―Vẫn cái số ngƣời khổng lồ ấy, không nghe đƣợc tiếng khóc, và tiếng cƣời; Họ nhổ vụt cây chết ma vƣơng hổ báo, nhƣng trong khi đánh vung vãi sƣớng tay, loài ngƣời cũng chết lây. Xác hoa bƣớm nằm cạnh xác ma vƣơng hổ báo và xác ngƣời!‖

Ngọc Hoàng đau xót nhìn Thiên đình. Thiên đình im lặng.

Một vì sao tâu:

"Nên cho đoàn khổng lồ về để biết tƣờng gốc ngọn."

Đoàn khổng lồ về bái yết. Ngọc Hoàng thịnh nộ:

"Các ngƣời công ít tội nhiều, cớ sao đạp xéo cả lên tính mạng con ngƣời?"

Đoàn khổng lồ một số ngơ ngác nhìn nhau.

Ngọc Hoàng đập bàn:

"Sao dám đạp cả lên tâm hồn và cuộc sống con ngƣời?"

Số khổng lồ ấy càng ngơ ngác nhìn nhau.

Ngọc Hoàng vẫn chƣa nguôi:

"Sao giẫm cả lên lời ca, tiếng cƣời và hoa bƣớm dƣới trần thế?"

Số khổng lồ ấy lại càng ngơ ngác nhìn nhau.

Ngọc Hoàng nhìn đoàn khổng lồ:

"Và các ngƣời không đau xót ƣ?"

Vẫn số khổng lồ ấy ngơ ngác nhìn nhau, nhìn Ngọc Hoàng và Thiên đình… Nhất là những giọt nƣớc mắt của Táo quân.

Sao Thái Bạch bƣớc ra tâu:

"Cứ xem khí mạo, thì biết trong số khổng lồ có những ngƣời có thể mà không có tâm, không biết tiếng cƣời và tiếng khóc, thần e rằng phủ tạng họ thiếu một thứ gì."

Ngọc Hoàng truy hỏi. Nam tào Bắc đẩu cùng với La hầu và Kim tinh xét lại các sổ, đứng ra tâu: "Đoàn khổng lồ lúc đƣợc nặn ra, chỉ cốt lấy to, nên hết nguyên liệu để nặn tim, cho nên trong đoàn khổng lồ phái xuống hạ giới có một bọn không tim."

Ngọc Hoàng biến thần sắc:

Một vì sao hỏi:

"Thiết nghĩ đoàn khổng lồ chỉ đánh ma vƣơng quỷ dữ cần gì tim?"

Ngọc Hoàng trả lời:

"Nhƣng ta tạo nên con ngƣời, con ngƣời đã có óc phải có tim. Loài ngƣời của ta cần sống giữa hoa đẹp hƣơng thơm."

Vì sao lại tâu:

"Nhƣng bộ óc to, cánh tay lớn chẳng đủ rồi ƣ?" Ngọc Hoàng phán:

"Nhƣng cánh tay lớn của một ngƣời không tim sẽ đập nát công trình của bộ óc hắn xây dựng."

Khi nhìn về hạ giới, nghe tiếng khóc và nƣớc mắt vẫn còn, Ngọc Hoàng chép miệng phán bảo với đoàn khổng lồ:

"Hạ giới vẫn còn cần các ngƣơi, vì quỷ dữ ma vƣơng vẫn còn hoành hành; Nhƣng các ngƣơi phải biết yêu quý con ngƣời, tôn trọng quyền sống của họ. Quả đất là của con ngƣời, và sửa sang quả đất cũng là để cho con ngƣời. Làm công việc gì mà con ngƣời phải khổ, còn khổ thì dù công việc ấy có thành công cũng cẩm nhƣ là thất bại. Chỉ có trí óc mà không có tim thì không thể sống đƣợc với loài ngƣời."

Sau lời chỉ giáo ấy, đoàn khổng lồ lại kéo nhau về hạ giới, lại nhƣ cũ, phá núi ngăn sông, tát bể, làm hì hục kỳ cho quả đất quang đãng mới thôi.

Ngọc Hoàng lại mở cửa nhìn về hạ giới: Cớ sao hãy còn tiếng khóc? Ngọc Hoàng phán hỏi Thiên đình. Có vì sao tâu:

"Lại xin cho triệu Táo quân về."

Táo quân lại lên chầu trời.

Ngọc Hoàng hỏi:

"Tiếng khóc vẫn còn ở hạ giới ƣ?"

Táo thần tâu:

"Nhân thế biết lƣợng lớn của Thiên đình, ăn chay nằm đất để tạ ơn Thƣợng đế, nhƣng vẫn còn nƣớc mắt!"

Ngọc Hoàng nói:

"Ta muốn ngăn những giọt nƣớc mắt ở hạ giới phải làm thế nào?"

Táo quân tâu:

"Muốn ngăn đƣợc nƣớc mắt ở thế gian, thì trƣớc hết phải biết thu phục đƣợc lòng ngƣời."

Một vì sao hỏi:

"Thế nào là thu phục đƣợc lòng ngƣời?"

Táo thần đáp:

"Thu phục đƣợc lòng ngƣời là phải yêu ngƣời. Yêu ngƣời là biết đƣợc cái vui mà thật vui chung với ngƣời, khổ đƣợc cái khổ chung với ngƣời, đau xót trƣớc cái đau xót của thiên hạ. Việc đáng vui nhƣng thiên hạ chƣa vui đƣợc cũng chớ bắt phải cƣời. Việc đáng khen, nhƣng thiên hạ chƣa rõ đƣợc cũng chớ bắt phải khen. Dù là ý trời, nhƣng chƣa đƣợc lòng ngƣời, ý trời vẫn sai; dù chƣa phải ý trời, nhƣng thuận lòng ngƣời thì vẫn cứ xem đó có là ý trời. Dù việc có hay nhƣng cũng đừng cƣỡng nhân tâm lúc nhân tâm chƣa thuận. Lòng ngƣời lúc đã thuận rồi, không bảo vẫn cứ nghe, muôn ngƣời nhƣ một xô núi cũng đổ, tát bể cũng cạn. Dù có cấm hát cấm cƣời, ngƣời đời vẫn cứ cƣời cứ hát… Lúc bấy giờ nƣớc mắt tự nó nó sẽ tan đi."

Ngọc Hoàng nhìn các vì sao. Vì sao ban nãy lại hỏi:

"Thế nào là cƣỡng nhân tâm? Táo thần không hay rằng dụ chỉ của Thiên đình đã xoá bỏ những bất công ở hạ giới?"

Táo quân đáp:

"Cƣỡng nhân tâm không cứ dùng gƣơm tên mà uy nạt mới cho là cƣỡng. Bất công ở hạ giới nhƣ nƣớc mạch thấm vào lòng đất đời đời kiếp kiếp, chẳng phải phút chốc vì một dụ chỉ mà nó tan đi. Bất công ở hạ giới là con quỷ già luyện kiếp, thiên hình vạn trạng, lúc ẩn lúc hiện, lúc to lúc nhỏ, lúc trắng lúc đen, lúc mặc áo cà sa, lúc mặc áo giấy, cƣời nói nhƣ ngƣời. Lúc ngƣời suy tôn thần thánh thì nó thành thần thành thánh để đƣợc suy tôn, lúc ngƣời khiếp sợ ma vƣơng thì nó thành ma vƣơng để uy nạt, không chừng nó còn diện cả hia ngọc, bốt vàng đứng lẫn giữa các vì sao đây cũng có. Nếu Thiên đình còn cho rằng chỉ vì một dụ chỉ của Thiên đình mà hạ giới xoá bỏ đƣợc bất công, thì tiếng khóc và nƣớc mắt ở hạ giới vẫn cứ còn đời đời kiếp kiếp."

Ngọc Hoàng nói:

"Nhƣng ta đã phái ngƣời của Thiên đình xuống."

Táo quân đáp:

"Tâu Ngọc Hoàng, ngƣời của Thiên đình phái xuống có kẻ có óc có tim, thì họ ở đâu hoa thơm và tiếng cƣời ở đấy. Nhƣng cũng có những ngƣời thiếu tim!"

Các vì sao hỏi:

"Nhƣ vậy sẽ có hại gì?"

"Thì số ngƣời nhà trời thiếu tim ấy sẽ chẳng đƣợc lòng ngƣời, ngƣợc lại lòng thiên hạ, sẽ cƣỡng nhân tâm, và sinh linh còn đồ thán, hờn oán Thiên đình."

Táo quân lại tiếp:

"Nƣớc mắt do ma vƣơng quỷ dữ gây ra thì loài ngƣời hợp sức với ngƣời nhà trời sẽ diệt đƣợc ma vƣơng quỷ dữ. Nhƣng nƣớc mắt do ngƣời nhà trời gây ra, lẽ đâu loài ngƣời lại dám xúc phạm đến Thiên đình mà đụng đến ngƣời nhà trời ƣ? Do đó nƣớc mắt lại ngấm ngầm chảy, tiếng khóc lại càng thầm lặng rền rĩ hơn. Nhƣng đáng thƣơng hơn cả vẫn là cái số khổng lồ không tim ấy vẫn tƣởng mình đã hoàn toàn mang lại tiếng cƣời và niềm vui cho hạ giới!"

Ngọc Hoàng thở dài:

"Ta đã mấy lần phủ dụ…"

Táo quân đáp:

"Không biết thì dạy bảo sẽ biết. Không thấy thì chỉ giáo sẽ thấy. Không quen thì làm mãi sẽ quen… Nhƣng không tim thì sách vở nào, lời lẽ nào, chỉ dụ nào có thể tạo nên tình cảm đƣợc!"

Ngọc Hoàng bóp trán suy nghĩ. Các vì sao im lặng. Ngọc Hoàng quay hỏi Thiên đình.

"Chƣ khanh nghĩ thế nào?"

Các vì sao tâu:

"Đoàn khổng lồ là đạo lính của Thiên đình phái về giúp loài ngƣời, nhất thiết không bỏ đƣợc; Máu thịt để nặn thành tim cho số khổng lồ ấy cũng chẳng còn. Hay là Thiên đình tạo thêm cho hạ giới thật nhiều hoa, nhiều bƣớm, nhiều tiếng hát, tiếng cƣời!"

Một số khổng lồ bƣớc ra tâu:

"Nếu chúng ta làm nhƣ vậy chẳng khác nào chúng ta tạo thêm hoa thêm bƣớm tiếng hát và tiếng cƣời để cho lũ không tim ấy giẫm nát."

Ngọc Hoàng hỏi Táo quân:

"Vậy theo ý khanh nên nhƣ thế nào?"

Táo quân đáp:

"Nên làm thêm tim cho số khổng lồ ấy."

Thiên đình đồng thanh:

―Nhƣng cạn sạch nguyên liệu.‖ Táo quân trả lời:

―Nếu có những ngƣời khổng lồ đủ tim đủ óc thì đó là một điều hay, bằng không thà nặn những ngƣời nhà trời chỉ bằng con ngƣời hạ giới thôi, mà quả tim thật to; Bàn tay tuy có nhỏ, sức khoẻ tuy có yếu, bƣớc đi tuy có ngắn, nhƣng nếu nó có tim, nó sẽ sống cùng điệu với loài ngƣời, nghe đƣợc tiếng thở dài, và thấy đƣợc cái mỉm cƣời của họ, lúc bấy giờ bàn tay nó sẽ không bóp chết loài ngƣời cùng ma quỷ, sức khoẻ nó sẽ không đè chết loài ngƣời cùng hổ báo núi cây, bƣớc chân nó sẽ không giầy xéo lên con ngƣời cùng với tình yêu và hoa bƣớm. Làm đƣợc nhƣ thế là thuận đƣợc với lòng ngƣời, thiên hạ hỗ trợ, thì mới trọn đƣợc ý trời; Và lúc bấy giờ hạ giới sẽ là nơi Thiên đình thứ hai, đầy tiếng cƣời và vũ nhạc…‖

Ngọc Hoàng gật gù, nhìn Thiên đình cùng cho lời của Táo quân là phải…

Số khổng lồ có tim cũng gật gù nhìn thƣơng hại lũ khổng lồ không tim.

Còn hạ giới thì hoan hỉ chờ mong ngày Ngọc Hoàng làm thêm tim cho số khổng lồ ấy, nhất là những ngƣời mới bắt đầu biết yêu nhau...

(Trích Giai phẩm mùa Thu tập II năm 1956)

\*

Thành thật đấu tranh cho tự do dân chủ

Hội nghị lần thứ 10 của Ban Chấp hành Trung ƣơng Đảng Lao động Việt Nam có nhận định ở miền Bắc chúng ta chƣa thực hiện đầy đủ các quyền tự do dân chủ của nhân dân và đã thảo luận những biện pháp bổ khuyết cần thiết để đề nghị với Chính phủ và Quốc hội.

Chúng ta hoan nghênh những nhận định ấy, và hy vọng những biện pháp bổ khuyết cần thiết trên sẽ mang lại cho báo chí văn nghệ đời sống miền Bắc một luồng gió mới... luồng gió tự do dân chủ.

Báo Nhân văn đấu tranh cho tự do dân chủ, cũng không ngoài ý muốn nào khác là tự nguyện làm một tên lính tiên phong cùng Đảng và nhân dân chiến đấu cho một mục đích chung.

Đấu tranh cho tự do dân chủ là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ, vì nó là một cuộc tấn công quyết liệt vào những tệ lậu hủ bại của xã hội.

Nó sẽ bị những phần tử tệ lậu và hủ bại hiện đƣơng còn quyền hành và thế lực cản trở, xuyên tạc, phá hoại có khi cả bằng những phƣơng pháp đen tối, độc ác.

Quần chúng phải là ―Bao công‖ có quyền thực sự kiểm soát mọi công việc của Nhà nƣớc, của cán bộ.

Tiêu cực, làm ngơ, thở dài bi quan trong lúc này là một tội lớn đối với lịch sử đối với sự nghiệp đấu tranh của dân tộc. Sống trong một xã hội mà sự tự do đã chính thức đƣợc ghi lên giấy trắng mực đen trong Tuyên ngôn Độc lập, trên Hiến pháp, sao tự do vẫn còn bị vi phạm trắng trợn ở trên địa hạt tƣ tƣởng, trí thức, và cả trên sinh mệnh xƣơng thịt của con ngƣời?

Báo Nhân văn ra đời trong những hoàn cảnh đặc biệt. Động cơ nào đã thúc đẩy anh em văn nghệ và trí thức ra tờ báo Nhân văn? Nó đƣợc ra đời nhƣ thế nào? Và nó đã bị đối xử nhƣ thế nào?

Báo Nhân văn ra đời tự nguyện làm một trong những tên lính tiền phong, tích cực cùng nhân dân và Đảng, chiến đấu chống những sai lầm lệch lạc, những hủ bại trong tác phong lãnh đạo đã vi phạm đến những nguyên tắc căn bản xây dựng Đảng, xây dựng chế độ.

Cho nên khi anh em lấy tên cho tờ báo là Nhân văn là do một lòng nhiệt tình đối với chủ nghĩa đối với con ngƣời của chế độ. Vì chúng ta cùng thấy rằng không còn gì cao quý hơn và đẹp đẽ hơn là thực hiện cho kỳ đƣợc chủ nghĩa nhân văn trong đời sống con ngƣời.

Nhƣng từ ngày Nhân văn ra đời cho đến nay, nó đã phải trải qua những thử thách, nó bị làm khó dễ nếu không nói là phá hoại.

Những hành động phá hoại ấy tuy riêng lẻ, không có một chủ trƣơng nào dứt khoát, nhƣng nó thành hệ thống, liên lạc, chứng tỏ rằng nó có chịu một sự chỉ huy.

Anh em nghèo, vốn không có, góp tiền với nhau để ra tờ báo. Chật vật lắm tờ báo mới đƣợc ra đời. Vừa ra đời thì những danh từ ―phản ứng giai cấp‖, ―tƣ sản lợi dụng‖, ―tiếng nói của tƣ sản‖, ―Đế quốc bắc cầu‖ đã chụp lên đầu anh em những chiếc mũ nguy hại.

Trong thời gian tiến hành in báo Nhân văn, vụ điển

hình về phá hoại là vụ Hoàng Đạo. [[2]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#anm2)

Hoàng Đạo là ai? Theo lời y tự giới thiệu với một số bạn, thì y trƣớc là một cán bộ công an, hiện nay là cán bộ công nghiệp, làm giám đốc một xí nghiệp lớn đƣợc đặc phái phụ trách theo dõi và chống phá Nhân văn.

Hoàng Đạo tìm đến một anh bạn muốn góp tiền vào Nhân văn để đe doạ làm cho anh sợ phải rút lui. Hoàng Đạo lại tìm đến các nhà in dèm pha xui giục làm cho chủ e ngại, thợ hoang mang, đình đốn cả công việc in Nhân văn.

Anh em công nhân nhà in X.T. cũng thắc mắc không biết tờ Nhân văn phản động ở chỗ nào và tại sao phản động mà chính phủ không cấm nó, lại phải để cho những kẻ đội lốt danh nghĩa công đoàn vận động phá hoại nó?

Chúng tôi tự hỏi: Hoàng Đạo dựa vào một thế lực nào để dám trắng trợn vi phạm đến tự do báo chí, tự do tƣ tƣởng nhƣ vậy?

Tình trạng trên tuy có nguy hại, nhƣng không nguy hại bằng biện pháp sau đây: một số ngƣời lợi dụng tình hình thống nhất Bắc Nam, gặp bƣớc khó khăn, nhiệt tình đòi hiệp thƣơng của đồng bào, cán bộ miền Nam.

Họ đổ cho Nhân văn đã gây khó dễ cho Đảng trong việc thống nhất Bắc Nam, Nhân văn làm chậm hiệp thƣơng, Nhân văn có tội với miền Nam. Có ngƣời lại ký tên trá hình mƣợn tiếng nói của miền Nam đăng ở một tờ báo hàng ngày, vận dụng tình cảm để tranh thủ quần chúng và đẩy quần chúng đối lập với Nhân văn.

Lịch sử đang đi những bƣớc lớn. Những cái gì cản trở phong trào tự do dân chủ, cản trở bƣớc đi lên của dân tộc nhất định sẽ bị gạt ra ngoài.

(Trích báo [[3]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#anm3) Nhân văn số 4 ngày 5-11-1956)

\*

Hoàng Cầm

Hoàng Cầm sinh năm 1921 ở làng Lạc Thổ, huyện

Thuận Thành, tỉnh Hải Dƣơng. [[4]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#anm4) Xét về tuổi thì ông thuộc về phái thanh niên, nhƣng nếu xét về thành tích thì ông đáng đƣợc xếp vào hạng những văn sĩ đứng tuổi, đã có địa vị trong làng văn từ trƣớc cuộc Thế giới chiến tranh thứ hai.

Hoàng Cầm học trung học ở Bắc Ninh, đỗ bằng cao đẳng tiểu học năm 1937 và đỗ tú tài năm 1940. Nhƣng ngay từ khi mới học đệ tứ, ông đã dịch cuốn Graziella của Lamartine sang tiếng Việt, lấy nhan đề là Hận ngày xanh. Ông đƣợc nhiều ngƣời ƣa chuộng từ ngày ấy. Tiếp theo ông dịch cuốn Một nghìn một đêm lẻ, đăng trong tạp chí Tân dân.

Hoàng Cầm cũng có viết một cuốn tiểu thuyết đầu tay nhan đề là Thoi mọng, nhƣng nghệ thuật chính của Hoàng Cầm là viết kịch thơ. Cho đến ngày nay, Hoàng Cầm giữ địa vị cao nhất trong văn học Việt Nam về ngành kịch thơ, vì những vở kịch sau đây: Viễn khách, tả một câu chuyện về đời Hồ Quý Ly, đăng trong Tiểu thuyết thứ Bẩy, với bút hiệu là Hoa Thu.

Kiều Loan, tả một câu chuyện đời Tây Sơn.

Lên đường, nói về thanh niên thờ Nhật chiếm đóng.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Hoàng Cầm tham gia bộ đội và trở thành bạn thân của Trần Dần, Lê Đạt. Ông đƣợc kết nạp vào Đảng Cộng sản năm 1951, và chịu ảnh hƣởng của tƣ tƣởng Mác-xít về nghệ thuật, ông từ bỏ lối viết kịch thơ. Trong một buổi lễ ở Việt Bắc, trƣớc sự hiện diện của đông đủ anh em văn nghệ sĩ, ông đã lên án những tác phẩm cũ của ông bằng cách "thắt cổ" mấy bản kịch thơ do ông viết, buộc thòng lọng vào một sợi dây và treo lên cành cây. Lúc bấy giờ ông hoàn toàn tin theo cộng sản và quyết tâm "lột xác" để "theo kịp đà tiến của xã hội hiện thực chủ nghĩa" trong văn chƣơng.

Nhƣng từ năm 1953, sau khi ông đƣợc đi "tham quan" (đi dự nhƣng không đƣợc tham gia ý kiến) Cải cách ruộng đất, ông nhận thấy thực chất của chế độ cộng sản. Từ ngày ấy Hoàng Cầm trở lại con ngƣời cũ và viết kịch thơ nhƣ ngày xƣa.

Năm 1956 Hoàng Cầm hoạt động tích cực trong nhóm Nhân văn-Giai phẩm và đƣợc anh em gọi đùa là "con ngựa chiến". Ông có viết nhiều bài trong Nhân văn để bút chiến với phe Đảng, nhƣng về thơ chỉ có hai bài đặc sắc nhất mà chúng tôi trích sau đây để giới thiệu nghệ thuật làm thơ của ông.

Một bài đăng trong Giai phẩm mùa Thu, nhan đề "Em bé lên sáu tuổi" tố cáo việc cộng sản bao vây những gia đình địa chủ để bắt con cái phải chết hết và một bài đăng trong báo Văn là một đoạn kịch thơ, nhan đề là "Tiếng hát", trong đó ông dùng lời Trƣơng Chi để kêu gọi nhân dân hãy nổi dậy đấu tranh chống Đảng.

Trƣờng hợp của Hoàng Cầm chứng tỏ rằng một ngƣời có tâm hồn nghệ sĩ và thành thật yêu chuộng tự do không thể nào hoà mình đƣợc với chế độ cộng sản.

\*

Em bé lên sáu tuổi

I.

Em bé lên sáu tuổi

Lủi thủi tìm miếng ăn

Bố: cƣờng hào nợ máu [[5]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#anm5)  Đã trả trƣớc nông dân

Mẹ bỏ con lay lắt

Đi tuột vào trong Nam

Từ khi lọt lòng mẹ

Ăn sữa, ngủ giƣờng êm

Áo hoa lót áo mền

Nào biết mình sung sƣớng

Ngọn sóng đang trào lên

Ai nghĩ thân bèo bọt

Nhƣng ngƣời với con ngƣời Vẫn sẵn lòng thƣơng xót

Có cụ già đói khổ

Lập cập đi mò cua

Bố mẹ nó không còn

Đứa trẻ nay gày còm

Bỗng thƣơng tình côi cút

Cụ nhƣờng cho miếng cơm

Chân tay nhƣ cái que

Bụng phình lại ngẳng cổ

Mắt tròn đỏ hoe hoe

Mở nhìn đời bỡ ngỡ

―Lạy bà xin bát cháo

Cháu miếng cơm thày ơi‖

II.

Có một chị cán bộ

Đang phát động thôn ngoài Chợt nhìn ra phía ngõ

Nghe tiếng kêu lạc loài

Chị rùng mình nhớ lại

Năm đói kém từ lâu

Chị mới năm tuổi đầu

Liếm lá khoai giữa chợ

Chạy vùng ra phía ngõ

Dắt em bé vào nhà

Nắm cơm dành chiều qua Bẻ cho em một nửa

Chị bần nông cốt cán [[6]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#anm6)  Ứa nƣớc mắt, quay đi:

―Nó là con địa chủ

Bé bỏng đã biết gì

Hôm em cho bát cháo

Chịu ba ngày hỏi truy‖ [[7]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#anm7)

Chị đội [[8]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#anm8) bỗng lùi lại Nhìn đứa trẻ mồ côi

Cố tìm vết thù địch

Chỉ thấy một bóng ngƣời

Em bé đã ăn no

Nằm lăn ra đất ngủ

Chị nghĩ: sau lấy chồng

Sinh con hồng bụ sữa

III.

Chị phải đình công tác

Vì câu chuyện trên kia

Buồng tối lạnh đêm khuya Thắp đèn lên kiểm thảo

Do cái lƣỡi không xƣơng

Nên nhiều đƣờng lắt léo

Do con mắt bé tẻo Chẳng nhìn xa chân trời

Do bộ óc chây lƣời

Chỉ một màu sắt rỉ

Đã lâu năm ngủ kỹ

Trên trang sách im lìm

Do mấy con-ngƣời-máy

Đầy gân, thiếu trái tim

IV.

Nào ―liên quan [[9]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#anm9) phản động‖ ―Mất cảnh giác lập trƣờng‖ Mấy đêm khóc ròng rã

Ngọn đèn soi tù mù

Lòng vặn lòng câu hỏi:

―Sao thƣơng con kẻ thù?

Giá ghét đƣợc đứa bé

Lòng thảnh thơi bao nhiêu

(Trích [[10]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#anm10) Giai phẩm mùa Thu )

\*

Tiếng hát

(Trích 2 đoạn trong hồi thứ nhất vở kịch thơ dài Tiếng hát Trương Chi)

Nhân vật: (trong 2 đoạn này)

MỴ NƢƠNG

HỒNG HOA, nữ tỳ

TIẾNG HÁT TRƢƠNG CHI

Cảnh: Một gian phòng trong lầu Tây nhìn ra sông.

Mở màn - Một buổi sớm mùa Xuân. Tiếng nhạc phía trong văng vẳng. Sân khấu vắng một lát rồi HỒNG Hoa rón rén bước ra, tay cầm một bông hoa đỏ, ngắm một lát rồi bỏ vào siêu thuốc.

Lớp I: HỒNG HOA, TIẾNG HÁT

HỒNG HOA Tiếc quá! Những bông hoa đẹp nhất

Ngắt cụt đi làm thang thuốc! Lạ đời! Gạn lọc hết tinh hoa trong trời đất Đã chắc đâu cứu vãn đƣọc lòng ngƣời

(nhìn vào trong)

Công nƣơng chừng vẫn ngủ Ba ngày chẳng nói năng

Tám thày lang chạy chữa

Bệnh mỗi ngày mỗi tăng

Bệnh một đàng, các cụ chữa một nẻo Khuôn mặt công nƣơng ngày một héo Thày lang dốt nát chỉ nói mò Bốc thang thuốc nào cũng thật to

Ngƣời bệnh uống vào, mặt nhăn nhó Thừa tƣớng lập nghiêm, cấm không nhổ

Nuốt ực đắng cay vào trong ngƣời

Nẫu ruột nẫu gan vì lửa bỏng dầu sôi...

( Tiếng hát Trương Chi bên ngoài vẳng lên)

TIẾNG HÁT Hò khoan, núi thẳm sông sâu

Đi cùng thiên hạ chẳng đâu biết mình

HỒNG HOA Ồ! Tiếng hát...

( Hồng Hoa hé rèm nghe ngóng)

TIẾNG HÁT Ta khao khát phƣơng trời đỏ rực bình

minh

Đến khi trời mọc, ta vẫn lênh đênh giữa dòng

Đến đâu bờ bến không cùng Thuyền đi vô tận, ai hiểu lòng ta đâu?

HỒNG HOA Tiếng hát chín mƣời đêm im vắng

Nay lại về vỗ mạnh bên lầu Nhìn xuống sông kia, nào có ai đâu? Phẳng lặng trƣờng giang trắng xoá...

Kể từ tiếng hát bốc cao

Đời ở lầu Tây thay đổi cả

Công nƣơng ốm ròng rã

Đêm đêm nghe bão nổi quanh giƣờng Riêng mình tôi hầu hạ

Cũng thấy nhƣ toà lầu xiêu đổ Trong đêm dài tăm tối, thê lƣơng Thừa tƣớng luôn chau mày giận dữ Đàn ca tắt rụi bốn chân tƣờng Vƣờn Xuân đã tàn hoa nụ

Con chim trong lồng xoã cánh chết đêm qua...

Còn tôi?

Ở hầu công nƣơng từ lên mƣời tuổi Mắt quen nhìn nhung luạ gấm hoa Nay bỗng thấy buồn tênh, trơ trọi Nhớ làng xƣa quê cũ mịt mù xa... Tôi cũng muốn đƣợc bay theo tiếng hát Trở về tìm nghĩa mẹ, tình cha.

(Nhìn vào trong)

Kìa nếp chăn sóng sánh

Lá màn lay - Chừng công nƣơng đã tỉnh

Bát thuốc này cay đắng lắm, đổ đi thôi Vì cứ trông ngƣời bệnh nuốt từng hơi, Mặt nhăn nhó, tôi chẳng còn muốn sống !

( Hồng Hoa đổ bát thuốc vào chậu cây)

TIẾNG HÁT Thuyền trôi, trôi mấy khúc sông,

Ta đi xa bến biết lòng ai theo...

HỒNG HOA (Mỉm cười) Biết lòng ai theo!

Lớp II: HỒNG HOA, MỴ NƢƠNG, TIẾNG HÁT

MỴ NƢƠNG (Ở phía bên trong rèm lảo đảo bước

ra, mặt xanh xao tóc xoã.)

Hồng Hoa ơi!

Em hãy tìm về đây tiếng hát của ngƣời...

Lòng chị nhƣ lò than cháy đỏ Em hãy tìm về đây dòng sông đang trôi.

HỒNG HOA Chị đừng ra đây! Gió sông lồng lộng!

Tiếng hát ngoài kia, đâu phải tiếng ngƣời!

MỴ NƢƠNG Có một ngƣời hát vang lừng trên

sông...

HỒNG HOA Đó là lời than cây cỏ bốn phƣơng

trời

Chị đừng nghe...

Càng nghe, càng nặng bệnh! Mà... lòng chị ra sao… Thừa-tƣớng biết rồi.

MỴ NƢƠNG Phụ thân ta?… HỒNG HOA Tƣớng công vừa truyền lệnh

Khoá kín lấp cửa lầu, lấp cả dòng

sông

Để không còn tiếng hát!

MỴ NƢƠNG (lo sợ) Có thực không?

Chị van em, em đi tìm tiếng hát! Giấu tƣớng công, em lót áo đem về

HỒNG HOA Lót áo đem về ! Chị nói dễ nghe! MỴ NƢƠNG Còn dòng sông, chị van em! Đừng

lấp!

Hãy khơi dòng nƣớc uốn đến chân lầu

Để thuyền của chàng dù xa xa tắp Cũng biết đƣờng tìm đến buộc lòng nhau

HỒNG HOA (tinh nghịch) Chàng nào nhỉ? À,

công nƣơng phạm tội!

Dám nói đến chàng! - Này, ở bên kia Thừa tƣớng vẫn rình nghe sớm tối...

MỴ NƢƠNG Không em ơi! Chị thức giấc canh

khuya

Chỉ thấy mặt phụ thân hiền từ cúi xuống...

HỒNG HOA (nghiêm trang ) Ngƣời đã nghe...

Ngƣời biết chị say mê

Ngƣời giận lắm!... Ngƣời sẽ xây kín cửa

Thì còn đâu nữa những chiều Xuân Chị bƣớc ra hiên, đất trời nghiêng ngửa

Sáng bừng lên vì nhan sắc tuyệt trần? Còn đâu nữa, những sớm mai nắng mọc

Em đứng nhìn chân mây, tìm bóng khói quê hƣơng?

MỴ NƢƠNG Em đừng mách Tƣớng công - Này

mớ tóc

Rối nhƣ vò, chị gỡ biết bao xong Nƣớc xanh mát, ngoài kia, em nhẹ bƣớc

Đƣa chị ra chải tóc giữa dòng sông Tiếng hát nằm trên tay nhƣ giọt nƣớc Chị uống hết mùa Xuân, mát rợi trong lòng HỒNG HOA Công nƣơng con quan Thừa tƣớng

Mƣời chín mùa Xuân khép cánh song Từ tấm bé chẳng đƣợc xa một bƣớc Nữa bây giờ ốm lả trong phòng Gót chân công nƣơng nhón trên nhung gấm

Nhung gấm còn êm sƣớc ngón son Thân quấn lụa the lung linh vàng ngọc

Vàng ngọc lụa the còn sợ đau vai tròn.

MỴ NƢƠNG Không!

Từ khi tiếng hát lọt qua song Thì châu ngọc đã rơi tàn trên đá lạnh Thì lụa the nhung gấm

bỗng khô ròn nhƣ lá chiều đông...

TIẾNG HÁT (lại văng vẳng) Nào ngƣời quả phụ

trắng khăn tang

Nào đứa em mồ côi khát sữa Nào ai sống nhục thác oan Nào ai tan lìa đôi lứa

Nghe tiếng hát này nguôi dần nổi khổ

Dòng sông nhƣ lụa quấn quanh ngƣời.

MỴ NƢƠNG (muốn xô ra ngoài)

Còn tiếng hát! Ngƣời sẽ không bỏ bến

Ngƣời sẽ đến đây ! Em mở cửa, trời ơi!

HỒNG HOA Chị đi đâu? Cửa ngoài bằng đá tảng

Tiếng hát đẩy đƣợc vào

Vì đó là tiếng gọi của trời cao Của đất rộng, của quê hƣơng tôi hửng nắng

Nhƣng còn chị…

Phận gái mỏng manh, tay mềm dùng dắng

Hé làm sao cánh cửa khoá lâu đời!

MỴ NƢƠNG (gan góc) Ta mở đƣợc, ta vƣợt qua

tƣờng đá

Ta chạy ra sông! Đi bốn phƣơng trời

Tìm tiếng hát... ta đi cùng thiên hạ Tấm lòng chàng... riêng ta biết mà thôi...

HỒNG HOA Công nƣơng lại sắp nói mê nói sảng

Thôi, để em dìu bƣớc chị vào phòng

MỴ NƢƠNG (như mê) Phòng nào đâu! Ta chỉ có

con sông

Chàng đến kia rồi! Em hãy trông Ngƣời đi trên mặt nƣớc

Áo đúc màu da trời

Mắt đọng ánh sao rơi

Từng tiếng sóng trầm trầm Nâng gót chân dồn đến...

Ta gặp ngƣời đây! Nghìn năm ƣớc hẹn

Em Hồng Hoa!... Đừng mách Tƣớng công!

HỒNG HOA Em ngỡ chị là ngƣời sung sƣớng nhất

Ai ngờ đâu, chị lại khổ hơn em Thôi, để em buông rèm

Xoá màu xanh nƣớc sông

Chị đừng mơ ƣớc nữa!

MỴ NƢƠNG Ta nghe rõ tiếng chàng

Lùa tóc này óng ả

Từng sợi còn ngân vang

Chàng ở ngoài sông lạnh lắm Lầu Tây này cũng giá băng Tay chàng lửa ấm

Áo xanh bừng nắng điểm trang

HỒNG HOA Làm gì có áo xanh?

Ngƣời ấy chắc là nón mê áo tải Tiều tuỵ thân hình

Cũng nhƣ em khi còn mồ côi bố mẹ Lìa quê, hành khất đến đây...

MỴ NƢƠNG À, không!

Áo tải nón mê càng đẹp

Lòng chị thƣơng, dệt gấm mặc cho ngƣời

Cũng nhƣ em ngày nay...

À, không, chàng là hoàng tử Từ nƣớc non xa lạ ghé qua đây

Ta mời lại - Chàng buộc thuyền, ở lại Chàng hát, ta so dây cung đàn giăng Ăn ở với nhau chẳng đếm bao năm Rồi ngƣời đón ta lên thuyền Trôi đi mãi, bến bờ xanh triền miên

(Mỵ Nương đánh đàn, bỗng dây đứt)

Em van chàng! Em lạnh buốt bàn tay Sao ngƣời nỡ bỏ đi?

Gió nổi, thuyền nghiêng đắm Ai làm nên biệt ly?

(đàn rơi)

Ngƣời chết rồi! Tiếng hát cũng tan rồi

Ai cứu đƣợc chàng! Ai cứu đƣợc tôi?

(Mỵ Nương ngã xuống)

HỒNG HOA Em biết ngay mà! Mê mê mộng

mộng

Bệnh càng tăng. Rồi Tƣớng-công quở mắng

Tội thân em - Ai cứu sống công nƣơng?

Hồng Hoa đỡ Mỵ Nương vào trong. Sân khấu vắng. Một điệu đàn trầm đục. Ngoài xa... một tiếng sáo tha thiết.

(Trích báo Văn số 24 ra ngày 18-10-1957)

[[1] So](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#nr1)ạn giả nhầm: Đoạn trích này là đoạn 2 trong bài thơ cùng tên đăng trên Nhân văn số 4 ngày 05-11-1956 (talawas).

[[2] H](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#nr2)oàng Đạo người trong Nam, trước kia làm công nhân ở xưởng xe lửa Di An, có xu hướng trotskiste, gia nhập nhóm La Lutte. Sau bỏ nhóm La Lutte làm mật thám cho Pháp, lấy vợ Hoàng phái. Hồi khởi nghĩa theo Việt Minh, giữ chức Giám đốc Công an Thanh Hoá. Năm 1949 được biệt phái vào Hà Nội làm agent double, liên lạc với Phan Văn Giáo và Bảo Đại, mưu phá chiếc tàu Amyot d"Inville... Về Thanh Hoá phụ trách điều tra vụ Ba Lăng. Sau Genève phụ trách việc phá phong trào di cư vào Nam. 1956 được biệt phái sang công đoàn để xúi giục thợ in không in báo đối lập.

[[3] B](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#nr3)ản in trong sách này thực ra là bản rút gọn và bố cục lại của cả hai kì của bài viết của Trần Duy đăng trong 2 số Nhân văn cuối cùng: số 4 và số 5 (talawas).

[[4] H](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#nr4)uyện Thuận Thành thuộc tỉnh Bắc Ninh (talawas).

[[5] T](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#nr5)rả nợ máu: bị xử tử

[[6] C](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#nr6)ốt cán: nông dân được Đảng tín nhiệm (chưa phải là đảng viên)

[[7] H](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#nr7)ỏi truy: tra khảo

[[8] C](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#nr8)hị đội: Cán bộ phụ nữ trong đội Cải Cách ruộng đất

[[9] Li](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#nr9)ên quan: có liên hệ với địa chủ

[[10] X](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9619&rb=08#nr10)em toàn văn bài thơ trong Giai phẩm mùaThu tập II. Bản đăng trong sách này có lược bỏ nhiều đoạn (talawas).

Hữu Loan

Hữu Loan năm nay chừng 40 tuổi, quê ở làng Vân Hoàng, huyện Nga Sơn, thuộc Thanh Hoá, con nhà nghèo và hiện nay vẫn sống một cách rất cơ cực ở ngoại ô Hà Nội.

Trong thời kỳ kháng chiến, ông công tác văn nghệ trong bộ đội, và sau xin giải ngũ và dạy học ở một trƣờng tƣ thục trong huyện. Ông bắt đầu đƣợc nổi tiếng vì một bài thơ khóc vợ chƣa cƣới, chết đuối, nhan đề là "Mầu tím hoa sim".

Sáng tác của ông gồm có hai loại: thơ và truyện ngắn. Chúng tôi giới thiệu ông ở đây bằng hai bài có tính cách trội nhất, một truyện ngắn và một bài thơ mới.

"Lộn sòng" là một truyện ngắn kể lại những ký ức ông đã ghi đƣợc trong thời gian ông còn dạy học ở Thanh Hoá. Hữu Loan muốn dùng hình thức tiểu thuyết để ghi lại một khía cạnh của đời sống trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Về phƣơng diện này Hữu Loan đã thành công hoàn toàn vì ngƣời đọc, dù không sống trong vùng kháng chiến, cũng có thể hình dung đƣợc đời sống tinh thần và vật chất của giới giáo sƣ và học sinh trong thời kỳ ấy.

Bài "Cũng những thằng nịnh hót" biểu dƣơng ý chí bất khuất của tác giả trƣớc những sự bất công và thối nát của chế độ.

Hiện nay số phận Hữu Loan ra sao chúng tôi không rõ, vì không có tài liệu nào nhắc đến ông.

\*

Cũng những thằng nịnh hót (Sau khi đọc bài: ―Những thằng nịnh hót‖ của Maiakovski)

Dƣới thời kỳ Pháp thuộc

Những thằng nịnh hót nghênh ngang Lƣng rạp trƣớc quan Tây

Bắc vợ nhƣ thang

Chân trèo lên danh vọng

Đuôi vợ chúng đi

Lọt theo đầu chúng

Bao nhiêu nhục nhằn;

Nhục mất nƣớc muôn phần Nhục cùng đất nƣớc

với những thằng nịnh hót

Một điều đau xót

Trong chế độ chúng ta

Trong chế độ Dân chủ Cộng hoà Những thằng nịnh còn

thênh thang

đất sống

Không quần chùng, áo thụng Không thang đàn bà

Nhƣng còn

thang lƣng

thang lƣỡi

Những mồm

không tanh tƣởi

Ngậm vòi đu đủ

Trợn mắt

Phùng mang

Thổi vào rốn cấp trên

―Dạ, dạ, thƣa anh…

Dạ, dạ, em, em…‖

Gãi cổ

Gãi tai:

"… anh quên ngủ

quên ăn

nhiều quá!

Anh vì nƣớc

vì dân

hơn tất cả

từ trƣớc đến nay"

Chân xoa

và xoa tay,

Hít thƣợng cấp

cứ thơm

nhƣ múi mít

Gọi nhƣ thế là

phê bình cấp trên

kịch liệt

Gặp cấp trên chủ quan

Mũi nhƣ chim vỗ cánh Bụng phềnh nhƣ trống làng: Thấy mình

đạo đức

tài năng

hơn tất.

Nhƣ thế là chết rồi:

Quân nịnh

tha hồ lên cấp

Nhƣ con gì nhà gác lên thang Còn muốn lên thủ trƣởng cơ quan Còn đi đây

đi đó

Lƣỡi và lƣng

Lắm thằng gian khổ

Chúng nó ở đâu:

Thối thóc thuế

Mục kho hàng

Phong trào suy sụp

Nhân dân mất cắp

đang giữa ban ngày To cánh và to vây

Những ai

không

nịnh hót

Đi, mang cao

liêm sỉ con ngƣời

Chúng gieo hoạ, gieo tai

Kiểm thảo

hạ tằng

… Còn quy là phản động! Có ngƣời

đã chết oan

vì chúng

Vẫn thiết tha yêu chế độ

đến hơi thở cuối cùng.

Nguy hiểm thay,

Thật khó mà trông:

Chúng nó nguỵ trang

Bằng tổ chức

bằng quan điểm nhân dân bằng lập trƣờng

chính sách

Chúng nó

còn thằng nào

Là chế độ ta

chƣa sạch

Phải làm tổng vệ sinh

cho kỳ hết

mọi thằng

Những ngƣời

đã đánh bại

xâm lăng

Đỏ bừng mặt

vì những tên

quốc sỉ

Ngay giữa những thời nô lệ Là ngƣời, chúng ta

không ai biết

cúi đầu.

9-1956

(Trích Giai phẩm mùa Thu tập II)

\*

Lộn sòng

Hôm nay Tuất nhất định làm cho xong hồ sơ để đƣa lên ty giáo dục. Hắn cho là sở dĩ hắn bị biên chế ra khỏi trung đoàn cũng chỉ vì bản hồ sơ đã làm thật thà quá. Rút kinh nghiệm lần này hắn sẽ làm một tập hồ sơ có thể gọi là căn bản, có tính chất định đoạt đến địa vị công tác của hắn. Không phải mãi hôm nay khi cầm bút làm hắn mới nghĩ nhƣ vậy mà ngay từ khi mới bƣớc chân vào trƣờng hắn đã bận tâm đến việc này rất nhiều.

Nhƣng hôm nay đầu óc hắn căng thẳng nhƣ tất cả những cái căng thẳng hàng ngày trong gần một tháng nay cộng lại. Hắn biết là hắn sẽ làm một việc nói dối rất đê tiện đối với một đảng viên, nhƣng hắn thấy rằng hắn cũng chỉ nói dối một phần nào chứ không hoàn toàn nói dối hẳn. Về tờ khai danh dự trình độ văn hoá hắn sẽ khai là đã học đệ nhất chuyên khoa. Khai là đâu đít-lôm thì lộ quá mà khai là mới học đệ tứ thì không oai. Về thành phần xuất thân hắn sẽ khai là công nhân. Hồi ở Đà Lạt hắn chẳng làm công nhân nhà máy gạch là gì. Một điểm nữa trong bản lý lịch cũng rất quan trọng là những công tác đã qua. Nếu anh kể toàn những công tác ở những cấp cao thì anh sẽ bị coi là một ngƣời thiếu công tác cơ sở, một ngƣời mất gốc và sẽ bị coi nhƣ là một ngƣời chƣa vững về lập trƣờng giai cấp. Nghĩ nhƣ thế nên hắn sẽ khai là sau cách mạng hắn làm chủ nhiệm Việt Minh xã.

Suy nghĩ đâu vào đấy cả, chỉ còn một việc viết vào giấy mà vẫn thấy khó quá. Những câu văn nó cứ lôi thôi không gọn một tí nào. Hắn viết viết xoá xoá hai ba lần. Bỗng nhiên hắn nghĩ đến chữ ký của hắn chƣa đƣợc oai, thế là hắn xoay ra ký. Hắn ký đầy hàng trang giấy, cũng chƣa tìm đƣợc một kiểu nào thật là vừa ý. Ký chán đến vẽ. Hắn vẽ những hình vuông, những hình tam giác béo, gầy, đủ kiểu đủ cỡ, những cặp môi, những đôi mắt của thiếu nữ đã gặp. Vẽ xong hắn lại viết những chữ q, chữ l, chữ c hoa quấn quít quanh chữ t hoa. Khi đã đầy một trang giấy lớn hắn lấy bút xoá đi xoá lại rất kỹ nhất là những hình tam giác và những cặp chữ hoa giao nhau. Xoá xong hắn úp tờ giấy xuống bàn xoa xoa và tiếp tục lại ký tên lên mặt còn trắng. Lần này hắn viết: ―Bí thƣ chi bộ trƣờng cấp II N.S.‖ hoặc ―Hiệu trƣởng trƣờng cấp II N.S.‖ hay là ―Bí thƣ kiêm hiệu trƣởng…‖ rồi ký tên hắn xuống dƣới. Hắn cố ý ngoặc chữ l sau cùng thành hình búa liềm và thay dấu ớ bằng hình sao năm cánh. Hắn ngắm đi ngắm lại và thấy rất hài lòng. Hắn nghĩ có lẽ mãi mãi hắn sẽ giữ kiểu chữ ký rất có lập trƣờng này. Hắn ký tiếp cho quen tay khi kín hết trang giấy hắn lại xoá rất kỹ nhất là những chữ ―bí thƣ‖, ―hiệu trƣởng‖ và ―bí thƣ kiêm hiệu trƣởng‖. Tuất có giờ Việt buổi chiều ở lớp V. Họp ở huyện xong hắn đi thẳng về trƣờng. Trên đƣờng đi hắn vẫn còn nghĩ chuyện họp với huyện uỷ và hắn rút ra một kinh nghiệm là từ nay dù có viết báo cáo hẳn hoi hắn cũng phải trực tiếp với huyện uỷ thì bao giờ cũng hơn. Hôm nay nếu không có hắn giải thích từng điểm một, giải thích từng thắc mắc cho huyện uỷ bằng những hiện tƣợng cụ thể thì huyện uỷ còn mất cảnh giác, chƣa chịu thấy rằng tất cả các giáo viên trong nhà trƣờng đều có vấn đề cần phải theo dõi. Này nhé! Thân là bí thƣ kiêm hiệu trƣởng là con địa chủ. Lâu là công an ở khu Hà Nội về nghỉ dài hạn. Chung là học sinh lục quân cũng đƣợc nghỉ vì thiếu sức khoẻ. Quang thì vẫn thƣ từ gửi đi gửi về với gia đình trong vùng địch và vẫn nhận đồng hồ, bút máy cả xe đạp cha mẹ gửi ra…

Giấy tờ hợp pháp, những giáo viên đó đều có cả, nhƣng giấy tờ thì khó gì mà không bịa ra đƣợc. Lý do thì lại càng dễ bịa hơn…

Sau việc báo cáo này, hắn thấy huyện uỷ tin hắn hơn. Hắn sẽ làm cho huyện uỷ tin hắn hơn nữa. Trƣớc kia hắn vẫn thành kiến với trƣờng tƣ vì hắn thấy khó ―tiến bộ‖ lắm, vì chƣa có việc nên hắn phải làm tạm. Phải làm công tác quần chúng. Nếu đƣợc làm công tác Cải cách ruộng đất thì dễ ―tiến bộ‖ nhất. Nhƣng hôm nay hắn cảm thấy là nhất định hắn có cơ làm ăn đƣợc. Không gì hắn cũng có thể gây đƣợc cơ sở để làm đà vọt cho công tác của hắn sau này. Và hắn rút ra một định lý: ―Dù ở đâu hễ khéo thì vẫn cứ làm ăn đƣợc‖. Và ở đây hắn định sẽ làm ăn to…

Khi hắn đến trƣờng, kẻng cũng vừa đánh. Học sinh vào lớp còn đang lôn xộn, ồn ào thì hắn đến. Hắn đi vào bàn đứng thẳng lừ mắt nhìn xuống toàn lớp. Học sinh bàn thì đứng lên bàn thì còn ngồi, có những chú đang thụi nhau tranh chỗ ngồi, giằng nhau sách vở.

Hắn cho là học sinh khinh hắn. Hắn đỏ mắt lên quát:

―Đứng lên! Học sinh gì đồ thiếu giáo dục.‖

Vẫn còn những bộ phận lộn xộn. Hắn càng gào to:

―Đứng lên! Đồ mất dạy!‖

Tiếng hắn nhƣ một nhát dao chém đứt mọi sự tranh chấp. Cả lớp đứng phắt dậy.

Hắn hỏi:

―Các thầy khác vào các chú có đứng dậy không?‖

―Thƣa có!‖

Hắn càng tức:

―Sao tôi vào không đứng?‖

―Thƣa anh em chúng con không biết!‖

Câu trả lời làm cho hắn dịu hẳn đi. Anh em giở vở ra chờ đợi.

Hắn hỏi anh em:

"Hôm trƣớc tôi bận đi họp với huyện, giờ Việt ai dạy thay?"

"Thầy Quang ạ!"

"Thầy Quang dạy có dễ hiểu không?"

"Thƣa dễ hiểu lắm ạ!"

Hắn lại thấy bực mình.

"Tôi dạy có dễ hiểu không?"

"Bẩm dễ ạ."

Hắn thấy thoả thuê trong ngƣời nhƣng còn muốn biết hơn:

"Tôi và ông Quang ai dạy dễ hiểu hơn?"

"Bẩm ông Quang dạy dễ hiểu hơn."

Hắn gắt rinh:

"Làm sao lại nhƣ thế?"

Một học sinh đứng lên:

"Thƣa thầy dạy từ đầu đến giờ ba bài rồi, con chả hiểu gì cả."

Hắn lại gắt:

"Sao lại không hiểu, còn thiếu bổ óc chú ra mà nhét chữ vào nữa à? Hở?"

Hắn lấy sổ tay ra ghi:

"Tên chú là gì?"

"Là Hiếu ạ."

"Ở đâu?"

"Thƣa ở xã Xuân Hoà!"

Trong lớp xì xào lo lắng.

Anh học sinh tái mặt:

"Thƣa thầy, thầy dạy cao quá, trình độ con chƣa hiểu đƣợc!"

Hắn bảo chú học sinh:

"Cho chú ngồi xuống."

Và dõng dạc:

"Dạy mà học sinh dễ hiểu chƣa chắc đã là giỏi, đã là đúng. Có khi vì hiểu biết nhiều nên dạy cao hơn, học sinh kém quá chƣa hiểu nổi. Chú Hiếu khi nãy nói có đúng. Có những ông giáo gặp đƣợc đôi bài dễ hoặc đã học đƣợc ở đâu rồi thì dạy khá. Còn phải chờ những bài khác. Lại có khi dạy dễ hiểu nhƣng mất lập trƣờng. Nhƣ thế lại càng tai hại cho học sinh…"

Nói chán chê, hắn bắt học sinh đem bài cũ ra, rồi câu nào ông Quang đã dạy hắn đều đem bẻ lại từng câu, từng chữ.

Đến chỗ ông Quang giải thích chữ ―Huân chƣơng quân công‖ hắn không giải thích lại nhƣng hắn nhất định quân công là sai, phải là quận công mới đúng.

Khi ra về học sinh cãi nhau suốt dọc đƣờng về hai chữ này:

―Quân công đúng!‖

―Quận công là cái đếch gì.‖

―Thầy Tuất đúng.‖

―Thầy Quang đúng.‖

Có chú dẫn chứng cụ thể:

―Có lẽ thầy Tuất đúng vì làng tớ có đền thờ quan quận công đấy!‖

Một chú khác góp ý:

―Thầy Tuất không giỏi sao chuyện gì tỉnh huyện cũng giao cho thầy Tuất. Khai giảng, sơ kết thi đua, sơ kết học tập, đều là thầy Tuất. Các thầy khác chả thấy làm đƣợc việc gì.‖

Những chú khác cãi lại:

―Đậu tú tài lại không hơn mới học đệ nhị à?‖

―Giỏi mà dạy lung tung chả ai hiểu cái gì!‖

Học sinh về hết thì bốn học sinh Cẩn, Thanh, Cúc, Lai lại gặp Tuất ngay ở lớp. Buổi tối có cuộc họp bất thƣờng do Tuất triệu tập. Đúng nguyên tắc ra thì bất cứ cuộc họp nào cũng phải thông qua chi bộ. Nhƣng Tuất lấy tƣ cách là chi uỷ viên phụ trách hiệu đoàn, tự ý triệu tập một số anh em thân tín để làm một việc mà hắn cho là có tính chất ―cách mạng‖ trong nhà trƣờng có tính chất ―ăn to‖. Hắn kéo bốn anh em chị em vào trụ sở hiệu đoàn trong xóm.

Hắn hỏi han nhƣ lo lắng đến anh em lắm:

―Ăn uống gì chƣa?‖

―Chƣa.‖

―Tôi cũng chƣa, họp xong ta ra chợ ăn cũng đƣợc chứ?‖

Bắt đầu họp hắn tuyên bố:

―Trƣớc khi vào vấn đề, tôi muốn nêu lên hoàn cảnh của anh Thanh và anh Cẩn. Hai anh là hai học sinh khá trong trƣờng nhƣng cả hai đều là bần cố nông. Ngày nào hai chú cũng phải đi cắt bổi hoặc vào rừng lấy củi bán, buổi sáng để có thể ăn đi học buổi chiều‖, và hắn hỏi:

―Chúng ta nghĩ sao?‖

Nhƣ sợ có ngƣời trả lời mất nên vừa nói xong hắn nói luôn:

―Theo tôi thì nên trích quỹ nhà trƣờng ra phụ cấp cho hai chú đủ ăn, còn hai chú thì từ mai phải lên đây làm việc cho hiệu đoàn. Việc này tôi sẽ chịu trách nhiệm đƣa ra chi bộ và hứa là thế nào cũng xong. Ta phải đề cao tình yêu giai cấp chúng ta.‖

Cúc và Lai đều lấy làm kính phục lập trƣờng cao độ của Tuất và thấy tràn trề trong lòng một thứ tình cảm giống nhƣ là ái tình.

Cẩn và Thanh đều rơm rớm nƣớc mắt.

Hắn hỏi mọi ngƣời:

―Anh chị em thấy thế nào?‖

Cúc và Lai đồng thanh:

―Đồng ý nhất rồi còn gì!‖

Cẩn và Thanh nghẹn ngào:

―Theo ý chúng em thì không nên. Làm nhƣ thế sợ anh em nói cho.‖

Tuất gạt đi:

―Các chú gàn lắm. Có tôi, không lo. Vả lại nhà trƣờng có chế độ học bổng. Có thể coi đó là học bổng thôi.‖

Hắn nói sang cuộc họp:

―Việc chính hôm nay là việc này…‖ ―Việc gì đấy anh?‖

―Bây giờ các anh em làm thế nào thu thập hộ cho những sổ sách ghi danh học sinh của toàn trƣờng ta hai năm trƣớc đây.‖

―Dễ lắm, cứ lấy ở anh Thân là đủ cả. Anh Thân vừa bí thƣ vừa hiệu trƣởng…‖

Tuất lắc đầu:

―Không đƣợc, nhất thiết không đƣợc lấy, không nên lấy ở anh Thân.‖

Anh em không ai hiểu gì.

Hắn tiếp:

―Cần lấy cả sổ sách thu học phí của quản trị nữa.‖

Thanh phát biểu:

―Cái này hơi khó. Vì trong hai năm trƣớc đây nhà trƣờng thay đổi đến 4 ngƣời quản trị.‖

Tuất giơ tay xua xua:

―Không khó gì hết. Chỉ việc phân công nhau ra đến nhà từng ngƣời chơi hay là giả có công việc gì đó tuỳ cá nhân phát triển sáng kiến.‖

Hắn sực nhớ lại:

―À quên, còn việc này quan trọng nữa, nghĩa là cần ăn cắp cho đƣợc những sổ tay của những anh quản trị nữa…‖

Anh em hơi tò mò muốn hỏi rõ.

Hắn bảo:

―Cứ làm đi, sau sẽ biết.‖

Hắn nhấn mạnh:

―Cần nhất là phải giữ bí mật! Không thể nào cho một ngƣời thứ 6 biết đƣợc.‖

Xong đó 5 ngƣời quay vào bàn kế hoạch và phân công phụ trách, vạch chƣơng trình làm việc, vạch thời khoá biểu và địa điểm để gặp nhau hội ý. Muốn giữ bí mật triệt để, địa điểm không định trƣớc, cứ xong cuộc này sẽ định chỗ họp cuộc khác trong huyện. Thời hạn là trong hai tháng phải làm xong, vừa đi học vừa tranh thủ làm.

Tan hội nghị đã muộn lắm. Cẩn và Thanh ở gần ra về. Tuất Cúc và Lai ngủ lại trụ sở. Tuất ngủ giƣờng bên này, Cúc và Lai ngủ giƣờng bên kia.

Hai bên nằm nói chuyện chõ sang nhau.

Đầu tiên là chuyện tình duyên.

Hai cô kể trƣớc.

Cô nào cũng kể là mình rất đào hoa, hồi làm cán bộ phụ nữ tỉnh, anh nào cũng để ý chết mệt, nhƣng hai cô thì cứ phớt lạnh. Các cậu đâm tuyệt vọng ngƣời thì xin đi công tác Bình Trị Thiên, ngƣời thì vào bộ đội, ngƣời xung phong đi Việt Bắc.

Cúc hỏi Tuất:

―Anh Tuất có biết Vinh không nhỉ? Vinh ở địch vận ấy mà?‖

Giọng Cúc nhƣ mến tiếc:

―Ba năm rồi!‖

Lai cũng hỏi Tuất:

―Anh Tuất có biết Dũng ở tỉnh đội không nhỉ? Dũng cao cao da thật trắng ấy?‖

Câu chuyện tình duyên làm hắn nghĩ tới đời riêng hắn. Suốt mấy năm trong bộ đội, nhất là trong phong trào nhận đỡ đầu bộ đội, anh em đƣợc các mẹ nuôi xây dựng gia đình cho rất nhiều. Còn về hắn thì ngay cô Chén, con gái bà mẹ đỡ đầu hắn cũng nhất định không chịu lấy hắn mà chỉ nhoen nhoẻn cái mồm nhận là em gái. Rõ thật là sốt ruột. Nhiều ngƣời cho là hắn ―khô‖ lắm. Nhƣng thật ra hắn chả khô chút nào. Hàng đêm, hàng ngày không mấy lúc là hắn không nghĩ đến chuyện đàn bà. Chỉ có ngoài mặt là hắn hay làm ra vẻ tinh thần cao. Ai hỏi hắn sao không lấy vợ thì hắn bảo: ―Độc lập xong! Cả toàn dân đang kháng chiến, mình nghĩ đến chuyện riêng sao đang!‖ Và khi hắn làm tổ trƣởng ở đơn vị vô phúc có cậu nào xin phép về hỏi hay là cƣới vợ, nhất định hắn không cho. Trong cuộc họp hắn còn quy cho một cô là ―thiếu chịu đựng trƣờng kỳ gian khổ‖, ―cầu an hƣởng lạc‖. Nhƣng khi bị biến chế trong thâm tâm hắn cũng có phần vui là hắn sẽ có dịp về nhà lấy vợ mà không bị ai quy gì cho hắn nhƣ hắn đã quy cho ngƣời khác. Lúc mới vào dạy, hắn định sẽ kiếm một nữ sinh nào trong nhà trƣờng có đủ những điều kiện tối thiểu là đẹp, có văn hoá lại tự túc đƣợc thì hắn sẽ xây dựng. Nhƣng từ khi về trông ngong ngóng hàng ngày cũng chả thêm đƣợc cô nào khác ngoài Cúc và Lai. Hai cô này phải cái vừa lùn vừa xấu. Đƣợc cái hai cô đều con phú nông có ruộng và bò riêng cả. Lấy hai cô này thì tha hồ mà đi công tác. Lại có hy vọng thỉnh thoảng đƣợc tiếp tế tiền, đồng hồ hoặc bút máy. Hắn cũng nghĩ đến cả cô Quý, cô Quyền trong xóm, Quý thì đẹp nhƣng lại đã có một đời chồng, không lẽ trai tân lại lấy thừa. Quyền còn con gái, có gánh hàng xén nhỏ nhƣng lại kém văn hoá…

Hắn nghĩ liên miên.

Cúc hỏi hắn:

"Còn anh Tuất từ trƣớc giờ đã có đám nào chƣa?"

Hắn cũng kể cho hai cô nghe chuyện tình duyên của hắn. Đại để giống nhƣ chuyện hai cô. Nghĩa là hắn đi đến đâu tất cả con gái đều chú mục đều ve vãn hắn. Có cô tán hắn sát sạt nhƣng hắn cũng phớt đều.

Hắn nhỏm dậy, đánh diêm đốt đèn đƣa bức thƣ của Chén cho hai cô xem. Hai cô tò mò xúm vào đọc: ―… Khi nào đi công tác, mời anh ghé vào chơi, mẹ em và em mong anh lắm…‖

Khi hai cô đọc xong hắn chậm rãi:

"Chén mới mƣời chín tuổi, xinh và ngoan lắm, một hai xây dựng với mình, nhƣng phải cai xa quá. Mãi phủ Thiệu!…"

Sau chuyện tình duyên họ chuyển sang chuyện các giáo viên. Hắn hay nhờ hai cô này đi lấy tình hình giáo viên qua miệng gần 300 học sinh trong nhà trƣờng. Tất cả những chuyện đời tƣ của mấy ông giáo hắn đều rõ hết. Đến chỗ nào hắn cho là có vấn đề hắn lại vùng dậy đốt đèn ghi vào sổ tay…

Quá nửa đêm lâu, ba ngƣời mới đi ngủ. Ngƣời nào ngáy cũng to, cũng đều nhƣng không ai ngủ cả. Tuất đƣa tay rờ hai bên giƣờng. Thấy rộng quá và lạnh quá. Bỗng hắn nhớ một hôm hội nghị ở xóm Quyết Thắng, trời bức, Lai xắn quần để ra một cái đùi rất to và rất trắng. Thể khối và mầu trắng của chiếc đùi ám ảnh hắn suốt đêm. Mấy lần hắn định dậy làm một chuyện thật thà với hắn trong đêm nhƣng rồi lại thôi. Sáng mai thức dậy ngƣời hắn nhọc phờ.

Hắn tự chửi là đồ ngu. Nhƣng rồi lại tự an ủi:

"Còn chán dịp!"

Chiều thứ bảy nào Tuất cũng bắt các giáo viên tự phê. Lần này không khí có vẻ găng nhất. Suýt nữa xẩy ra đánh nhau. Khi tan họp ra về, các giáo viên ông nào ông nấy còn tức sôi sùng sục và tiếp tục trao đổi nhƣ cãi nhau trên đƣờng về:

"Dạy mà ức nhƣ thế này thì thôi mẹ nó đi còn hơn!"

"Từ hồi nó về cái nhà trƣờng này thật là bét nhƣ tƣơng."

"Kiểm thảo gì mà lắm kiểm thảo với! Thà là kiểm thảo về chuyên môn, về tác phong giáo viên đối với học sinh nó lại đi một lẽ, chuyện gia đình ngƣời ta, chuyện bếp núc của từng ngƣời từ đời cố kiếp cũng móc máy ra để kiểm thảo. Vợ chồng ngƣời ta chửi nhau, vợ chồng ngƣời ta ly dị, ngƣời ta to tiếng với bố vợ thì động kệ gì đến nó."

"Bà mẹ tao không cho đồng bào tản cƣ mƣợn thùng gánh nƣớc chính tao cũng không biết mà sao nó biết. Kiểm thảo tao thì kiểm cái gì?"

"Chuyện riêng của tao hắn đem đi nói xuyên tạc giữa anh em học sinh, hôm nay tao tha giã cho là may!"

"Thằng ấy chuyên môn nói xấu anh em để đề cao nó."

"Bất cứ lúc nào có thể tự đề cao đƣợc, nó đều không bỏ qua."

Một ngƣời lên tiếng:

―A! A! Để tao kể chuyện thằng Tuất tự đề cao! Chúng mày nhớ hôm hắn phụ trách đem học sinh lớp bẩy chuyển thóc thuế lên xã Quyết Thắng đấy chứ.‖

"Nhớ! Nhớ! Thế nào?"

―Tuất về nói rầm nhà rầm xóm là tỉnh và huyện chỉ định hắn chỉ huy nhà trƣờng đi dân công. Thế là cả gia đình hắn cứ tíu tít cả lên làm cơm rƣợu mời anh em trong xóm đến dự để cho hắn lên đƣờng đi phục vụ.‖

Họ nhảy lên cƣời ha hả:

"Trời ơi là trời! Đi bẩy cây số mà cũng tiễn với chả tiễn chân!"

―Ăn xong hắn đội mũ, lên ba-lô bắt tay mọi ngƣời. Ai cũng chúc hắn đi cho ‗chân cứng đá mềm‘. Mẹ hắn nhìn theo rơm rớm nƣớc mắt‖.

Họ lại cƣời rú lên:

"Đúng rồi! Đúng rồi! Hồi ấy hắn trọ lại nửa tháng thật! Mình lại cứ tƣởng…"

"À ra thế! Kể cũng lắm công đấy chứ!"

Họ kể cả những chuyện hắn dạy dốt quân công thành quận công; đến chuyện hắn bê nguyên văn sử Trần Trọng Kim ra dạy: đến chuyện hắn đi hỏi mỗi ngƣời một ít để về soạn những bài sử không có sẵn trong sách Trần Trọng Kim.

Họ biết cả những chuyện hắn khai gian lý lịch: học đệ nhị khai là tú tài hỏng; làm nhà máy gạch có hai ngày phỏng tay không chịu đƣợc phải xin ra khai là thành phần công nhân; mẹ lấy tiền địa chủ về buôn nợ giầu sụ thì khai là buôn thúng bán mẹt…

"Thằng ấy vừa ngu vừa khốn nạn. Hắn khéo ton hót với huyện uỷ đến nỗi, huyện chỉ nghe hắn. Thằng Thân đấu tranh rất nhiều với huyện nhƣng cũng chƣa đâu vào đâu."

"Phải cái Thân liên quan nên nói huyện nào tin."

Họ chạy từ chuyện Tuất sang chuyện Cúc và Lai:

"Lại còn hai cái con trời đánh Cúc và Lai nữa! Hai đứa tính tình giống thằng Tuất cứ nhƣ đổ khuôn, cứ hơi tý là lập trƣờng tƣ tƣởng là lập trƣờng giai cấp. Tất cả mọi chuyện đều do cái bộ ba ấy phát ra hết."

Một ý kiến đề nghị:

"Phải cho thằng Tuất lấy một trong hai đứa ấy!"

"Ấy một hôm thằng Tuất nó hỏi tao: ‗Giữa Cúc và Lai theo cậu thì ai hơn?‘...‖

Cẩn, Thanh, Cúc, Lai, dƣới sự lãnh đạo của Tuất làm việc và họp hành liên miên. Sau hai tháng, Tuất đƣa vấn đề ra trƣớc toàn thể chi bộ. Hắn lấy làm mãn nguyện kết quả đã thu đƣợc và trƣớc khi vào họp hắn đã tuyên bố với anh em chắc nình nịch nhƣ đinh đóng cột: ―chuyến này, ngoài chuyện phải đền hai triệu rƣỡi cho nhà trƣờng, Thân còn phải tù là đằng khác‖. Câu chuyện nổ nhƣ quả bom. Anh em ai nghe cũng hoảng. Từ trƣớc, chƣa ai hề nghĩ rằng trong nhà trƣờng lại có thể có một vụ án lớn đến nhƣ vậy.

Ai nấy đều chờ đợi chƣa hiểu đầu đuôi ra sao. Thân lại càng hoang mang.

Bắt đầu Tuất đƣa ra hai điểm:

Điểm thứ nhất là suốt trong hai năm, Thân hoặc vì đi dạy muộn, hoặc về trƣớc giờ, hoăc bỏ giờ không dạy (vì Thân đau dạ dầy nặng, ốm luôn, nhất là về mùa rét) trung bình mỗi ngày bỏ một tiếng, một tháng 24 tiếng, một năm 210 tiếng, hai năm 480 tiếng. Mỗi giờ dạy, học sinh phải trả cho một lô gạo. Nhƣ thế là trong hai năm 480 lô gạo học sinh phải trả không cho Thân.

Điểm thứ hai là Thân khi cần tiền tiêu vẫn lấy quỹ nhà trƣờng tiêu hàng tháng, khi nào lĩnh lƣơng mới trả lại.

Tuất để hội nghị góp ý kiến đƣa thêm hiện tƣợng rồi dõng dạc sơ kết:

"Hai hiện tƣợng này chứng tỏ là đồng chí Thân đã tham ô của học sinh, của quỹ nhà trƣờng, nói chung là đã tham ô."

Hắn hất hàm hỏi Thân:

"Đồng chí Thân nghĩ thế nào?"

Anh Thân đứng lên nhận là đúng.

Tuất nêu lên điểm thứ ba mà hắn cho là mấu chốt của vấn đề. Hắn dẫn chứng tổng số học sinh trong hai năm, số tiền học phí là bao nhiêu, tiền chi tiêu hết bao nhiêu, còn lại bao nhiêu và tuyên bố:

"Số học sinh là thế, thu là thế, chi là thế, vậy thì vì lẽ gì mà quỹ hụt hai triệu rƣỡi? Hai triệu rƣỡi đi đâu?"

Sau khi anh em thảo luận, Thân phát biểu:

"Đồng chí Tuất mới dạy trƣờng tƣ lần đầu, đồng chí chƣa hiểu một số quy luật của nó. Đồng chí không biết rằng mới khai giảng học sinh bao giờ cũng đông nhƣng càng ngày càng ít đi, cuối niên khoá có lớp không còn học sinh nào; đồng chỉ tƣởng cứ có bao nhiêu học sinh là cả bấy nhiêu đều đóng tiền sòng phẳng."

Tuất cắt ngang:

"Hai điểm trên đồng chí đã nhận là tham ô, không một lý do gì điểm thứ ba đồng chí lại không nhận."

Cúc và Lai đều phụ hoạ ý kiến của Tuất.

Thân cƣời khẩy:

"Không có một luật lệ nào lại bắt rằng cứ hễ nhận 2 điểm trên là phải nhận điểm dƣới."

Tuất văng tục.

"Tôi khinh hẳn đồng chí. Tôi muốn nhổ vào mặt đồng chí. Bao nhiêu anh em làm việc suốt hai tháng nay, lấy tài liệu đã đủ, không lý là đa số sai mà một mình đồng chí lại đúng."

Thân vẫn cƣời khẩy:

"Thƣờng thƣờng đa số đúng, nhƣng cũng không phải là đa số lúc nào cũng đúng."

Hắn đuối lý:

"Hai điểm trên đã nhận thì điểm thứ 3 phải nhận. Không phải một mình tôi. Đồng chí Cúc và Lai cũng đồng ý nhƣ tôi."

Hắn lừ mắt nhìn mọi ngƣời, nhất là Cẩn và Thanh.

Hắn nhƣ mở cờ trong ruột khi Cẩn giơ tay nói:

"Trong 2 tháng, anh Tuất bảo em với anh Thanh thu thập tài liệu về vụ này, nhƣng em thấy đồng chí Thân nói đúng. Nói gì ai, ngay nhƣ em mà 4 tháng nay chƣa đóng học phí."

Tuất ức lên đến cổ.

Thanh giơ tay xin nói. Tuất nóng lòng chờ đợi.

Nhƣng Thanh chỉ nói vẻn vẹn:

―Em cũng đồng ý với đồng chí Cẩn.‖

Tuất nhƣ muốn ứa máu mồm. Thân thì thấy rằng ở đời cũng còn nhiều ngƣời tốt. Hội nghị bàn cãi xôn xao, rất lâu. Sau cùng phía Tuất vẫn là thiểu số. Hắn rất bất bình nhƣng khi đề ra kỷ luật: ―đồng chí Thân thấy mình đã phạm hai khuyết điểm trên đề nghị hạ tầng từ bí thƣ xuống đồng chí thƣờng‖ thì hắn đã thoả mãn vì nhƣ thế là cái điểm căn bản hắn đã đạt đƣợc. Dù sao hắn thấy còn cần tranh đấu để đƣa vụ này ra công khai tuyên bố cho toàn thể học sinh biết. Và hắn đề nghị nhƣ thế.

Huyện uỷ tạm chỉ định Tuất làm bí thƣ chi bộ. Công việc đầu tiên của hắn, sau khi nhận chức này là bỏ phụ cấp của Cẩn và Thanh. Hai anh phải thôi học. Một thời gian ngắn sau hắn lại đƣợc điều đi Cải cách ruộng đất. Hắn cảm thấy rằng số hắn toàn gặp thời. Nguyện vọng của hắn là đƣợc đi Cải cách ruộng đất, một công tác quan trọng số một, chỉ có ở đó mới dễ lên cấp, lên chức. Hắn chắc thế nào cũng làm ăn đƣợc to hơn. Và hắn thấy trong thời gian ở trƣờng hắn đã chuẩn bị khá tốt cho công tác sắp tới. Nay mai hắn sẽ thêm vào lý lịch hắn, chỗ cột công tác đã qua, công tác bí thƣ C.B., một công tác cơ sở giá trị vào bậc nhất. Hắn chỉ còn mỗi một điều hận là thời gian ở trƣờng hắn chƣa xây dựng đƣợc gia đình. Nhƣng hắn có một ý nghĩ đúng lập trƣờng. ―Sau Cải cách ruộng đất vàng thau không còn lẫn lộn. Khối chị em bần cố. Nhất định thế nào cũng xong‖.

Trƣớc khi đi hắn lên chào huyện uỷ và nhấn mạnh với huyện uỷ nên đặc biết chú ý theo dõi các giáo viên; đề cao cảnh giác.

Hắn nói:

―Tôi chắc chắn thế nào bọn chúng cũng là một tổ địch. Đấy rồi các đồng chí xem. Tôi mà còn ở nhà một thời gian nữa thì thế nào cũng ra chuyện.‖

(Trích Giai phẩm mùa Đông 1956)

\*

Sĩ Ngọc Sĩ Ngọc họ Nguyễn, năm nay chừng 43 tuổi, là một hoạ sĩ tốt nghiệp ở trƣờng Mỹ thuật Hà Nội. Ông nổi tiếng về món vẽ chân dung phụ nữ trên lụa. Hồi còn là sinh viện, ông kết duyên với một cô bạn đồng học ngƣời I-Pha-Nho, có quốc tịch Pháp, yêu nhau vì nết, trọng nhau vì tài, nhƣng hồi đó chính quyền Pháp ở Đông Dƣơng không công nhận cuộc hôn nhân Việt-Pháp đó và hết sức cản trở, nên cuộc tình duyên bị đứt đoạn.

Năm 1956 ông tản cƣ về Thanh Hoá, tham gia kháng chiến trong bộ đội của tƣớng Nguyễn Sơn, và sau khi Nguyễn Sơn mất chức, ông lui về quây quần với các anh em văn nghệ khác ở làng Quần Tín và năm 1952 ông bị triệu lên Việt Bắc.

Sĩ Ngọc là một hoạ sĩ có những nét hoạ rất sắc, và khi ông vẽ ai thì ông díu đôi mắt lại, méo hẳn mặt nhìn ngƣời đó nhƣ thôi miên để gột cho hết tinh thần. Điều đó chứng tỏ ông có khả năng tập trung nhận xét đến cao độ. Trong những bài văn ông viết, chúng ta cũng nhận thấy cái thuật ấy và nét bút sắc cạnh mà ông dùng trong hoạ cũng nhƣ trong bút chiến.

Bài đầu tiên ông viết là bài ông đả kích Trƣờng Chinh và chê ông này dốt mà dám phê bình về hội hoạ đăng trong tạp chí Sáng tạo số 4 xuất bản năm 1951 ở Liên khu IV.

Hiện nay ông bị xếp vào hạng phản động đầu sỏ và tất nhiên phải đi công trƣờng. Chúng tôi giới thiệu ông bằng hai bài trích sau đây để các bạn đọc thƣởng thức cái giọng văn bút chiến của ông.

\*

Làm cho hoa nở bốn mùa

… Tác phẩm nghệ thuật là hoa, nghệ sĩ là ngƣời trồng hoa, chế độ là đất.

Nhƣng không phải có đất rồi là ra lệnh cho hoa nở. Đất phải đập cho nhỏ, phân cho tốt, mƣa nắng đều hoà, chọn giống tốt và ƣơm cho khéo. Phải có bàn tay của ngƣời trồng hoa có nhiều kinh nghiệm và kỹ thuật điêu luyện. Phải để cho ngƣời trồng hoa ƣơm hoa cho nở nhiều lên rồi hãy chọn. Đừng bẫm hoa ngay từ khi chƣa mọc. Đừng chỉ thích hoa này hoa nọ. Đừng bắt ngƣời giồng hoa uốn cành, bẻ lá theo ý mình. Đừng để cho hoa héo sau khi đã nở. Đừng để các ngƣời giồng hoa đói, rét, không có hạt giống không có cuốc xới, không có nƣớc tƣới.

Đừng chỉ thúc hoa nở khi cần dùng nó tức thời. Hoa phải nở bốn mùa, lúc nào cũng nở.

Một tác phẩm nghệ thuật chỉ có kết quả khi nào nó là kết tinh của bộ óc, trái tim của một ngƣời nghệ sĩ. Nó không thể nào tốt và nảy nở khi nó bị chỉ huy bởi một bộ óc này một trái tim khác.

Trƣớc hết phải tạo cho nghệ sĩ một bộ óc và một con tim có đủ khả năng độc lập để có trách nhiệm với cuộc sống. Ít lâu nay cuộc tranh luận về văn nghệ và chính trị đã làm cho mọi ngƣời hiểu rõ vấn đề hơn. Nhƣng vẫn còn một số ngƣời chƣa thấu nổi vấn đề trách nhiệm của nghệ sĩ vẫn còn đem nhai lại một số lý luận mác-xít: văn nghệ phải phục vụ chính trị, văn nghệ phải có lãnh đạo, phải phục vụ công nông binh v.v… Và cụ Mao đã nói, cụ Lê-nin đã nói v.v… Chả nhẽ lại nhắc tới câu điển hình của một nhân vật của Vũ trọng Phụng là ―Biết rồi khổ lắm nói mãi!‖. Biết rồi từ bao năm nay những lý luận ấy, biết rồi từ bao năm nay nên hầu hết các văn nghệ sĩ mới tham gia kháng chiến, đã phục vụ công nông binh tự nguyện theo sự lãnh đạo của Đảng Lao động. Đề nghị xin nói cái khác. Đề nghị xin nói về cách lãnh đạo như thế nào cho văn nghệ phát triển tốt chứ không ai nói là xin thôi đừng có lãnh đạo nữa. Sự đòi hỏi hiện nay của nghệ sĩ để có một trách nhiệm với xã hội là vì đã có những quan niệm sai về chính trị lãnh đạo văn nghệ. Một ngƣời bạn tôi có làm một bức áp-phích cho một cuộc triển lãm của một đoàn thể. Sau khi nhận đƣợc ý chỉ đạo, anh bạn bèn đem nhiệt tình và cảm xúc của mình với phong trào của đoàn thể ấy mà làm một cái phác thảo để đem cho ban phụ trách triển lãm xem. Ban triển lãm bèn đem cho bẩy cấp thƣờng vụ duyệt. Anh A có ý kiến thêm cái này, anh B lại bảo bỏ và thêm cái khác, anh C bảo nên đổi mầu này thì hơn, anh Đ bảo nên vẽ theo cái ấy của Liên-xô, anh E bảo nên cho ngƣời này giơ tay cạnh ngƣời này, anh G bảo nên cho cƣời, anh H bảo phải thêm cƣơng quyết. Anh bạn tôi thấy các dự kiến của mình đều bị đảo lộn. Phải làm lại phác thảo theo dự kiến của nhiều ngƣời khác. Làm nhƣ thế đến ba lần, đến khi phác thảo hoàn toàn minh hoạ cho ba bẩy hai mƣơi mốt lần ý kiến khác nhau kia. Còn dự kiến của hoạ sĩ thì hết sạch. Anh bạn thấy bực mình lắm định không làm nữa nhƣng vì muốn phục vụ thì ít mà vợ con túng thiếu thì nhiều nên phải làm vậy. Ấy, đại thể cái lôi thôi của việc liên quan giữa chính trị và văn nghệ nhƣ thế. Đừng ai nói nữa rằng đó là chuyện tham gia ý kiến cá nhân mà thôi. Không, ý kiến ấy không hề tuyên bố là bắt buộc nhƣng không làm theo thì khó mà làm nổi. Tôi đã phải thôi một số tranh đặt vì tôi không làm theo đƣợc thế nên ngƣời ta phải tìm ngƣời khác dễ bảo hơn. Những chuyện nhƣ vậy là nhiều lắm, thành tác phong phổ biến của cái mệnh danh là chính trị lãnh đạo văn nghệ. Nhƣng thực ra chỉ là phải theo kiến thức chính trị có hạn định và ý thích chủ quan của một số cán bộ chính trị. Ở gần trung ƣơng còn nhẹ, chứ ở các địa phƣơng, còn lôi thôi hơn khi mà nghệ sĩ công tác ở một cơ quan đoàn thể nếu không triệt để theo ý kiến của phụ trách, nếu muốn có phần mình vào đó thì chỉ còn cách ngồi kiểm thảo về ý thức tổ chức, tƣ tƣởng tự do vô chính phủ, muốn thoát ly lãnh đạo, bị ảnh hƣởng nghệ thuật tƣ sản v.v… luôn có sẵn các loại mũ tiến bộ để bắt ngƣời nghệ sĩ phải nghe theo ý mình. Đó là còn rây rớt tác phong lãnh đạo nghệ thuật của giai cấp phong kiến khi chúng bắt nhân dân làm đền đài và tô điểm cho chúng.

Theo chủ quan, tôi chƣa hề thấy những bạn đồng nghiệp nào của tôi có ý muốn không phục vụ chính trị, nhƣng đều lên tiếng phàn nàn về sự áp chế nghệ thuật của những cán bộ phụ trách mình. Những cán bộ ấy tƣởng lầm một cách ngây thơ là cứ bằng lập trƣờng và quyết tâm của họ là cái gì cũng xong, cũng biết, cũng lãnh đạo đƣợc.

Muốn lãnh đạo cái gì cần phải biết cái đó. Đó là tác phong lãnh đạo cách mạng. Phải hiểu nông thôn mới lãnh đạo đƣợc nông nghiệp, phải hiểu thành thị mới lãnh đạo đƣợc công nghiệp, phải hiểu nghệ thuật mới lãnh đạo đƣợc văn nghệ. Quan điểm ―thành phần chủ nghĩa‖ đã làm cho một số đông tƣởng lầm rằng là thành phần công nông thì cái gì cũng làm đƣợc. Họ đã đánh giá sai sự giác ngộ chính trị của ngƣời nghệ sĩ và không biết thực tế của Việt Nam về nghệ thuật nhƣ thế nào?

Không thể cứ áp dụng mãi lề lối lãnh đạo nghệ thuật trong kháng chiến ở không khí kiến thiết xã hội trong hoà bình. Điểm thứ nhất là phải trả nghệ sĩ về cho nghệ thuật. Cần phải mạnh dạn giải phóng họ ra khỏi chế độ, công chức, ăn lƣơng theo cấp bậc, ngày làm số giờ quy định. Cần phải giải phóng họ ra khỏi bộ máy nặng nề biến họ thành những ngƣời thƣ ký thạo công văn, điện văn, giải quyết các việc linh tinh, việc hủ hoá tham ô, việc lãnh đạo sinh hoạt. Cần giải phóng họ ra khỏi không khí của bốn bức tƣờng quét vôi của cơ quan, sáng cắp mũ đến sở, tối cắp mũ về. Không thể xếp thì giờ công tác và sáng tác xé lẻ trong từng ngày, không thể mỗi năm chỉ đi sáng tác có hai tháng. Công tác của họ là ở cuộc sống, nằm giữa cuộc sống, thâm nhập cuộc sống. Không thể thỉnh thoảng mới tổ chức rầm rộ một đoàn đi nông thôn xí nghiệp, cơ xƣởng v.v… có diễn văn khai mạc và tiễn biệt. Cần giải phóng họ ra khỏi đầu óc địa vị, cấp bậc quan cách của mọi thứ trƣởng ban phó ban. Địa vị của họ ở tác phẩm, ở việc phụ vụ nhiều hay ít.

(Trích Giai phẩm mùa Đông 1956)

\*

Bất mãn?

Hiện nay đang có một dƣ luận không đúng về phong trào phê bình của báo Nhân văn cho rằng những ngƣời viết báo ấy là một nhóm bất mãn.

Nói chung một số ngƣời có thẩm quyền trong giới lãnh đạo đang cần tung ta một nhận định nhằm cô lập báo Nhân văn và những ngƣời cộng tác của báo ấy. Thậm chí cho phong trào phê bình của những ngƣời viết ở Nhân văn là phản ứng giai cấp (không nói rõ là giai cấp nào?).

Tôi là một ngƣời có cộng tác với Nhân văn vì cho là báo này, trong một phạm vi rộng rãi, đã đề cập tới những vấn đề nóng hổi của xã hội, của văn nghệ, nhất là vấn đề phê bình lãnh đạo văn nghệ đã mở đầu sôi nổi từ đợt học tập tháng tám vừa rồi. Phê bình để tiến tới xây dựng một chính sách đúng, đẩy mạnh phong trào văn nghệ nhƣ ý muốn chung của quần chúng và của Đảng.

Theo tôi nghĩ, trong tình hình hiện tại, muốn cho uy tín của lãnh đạo giữ đƣợc và tăng thêm thì lại càng phải tự phê bình thành khẩn. Không nên sợ mất sĩ diện khi cái sĩ diện ấy có hại cho Đảng, đi ngƣợc lại với quyền lợi của quần chúng. Không nên (dù hữu ý hay vô tình cũng không nên) lẫn lộn uy tín của cá nhân lãnh đạo với uy tín của Đảng. Nếu uy tín chỉ xây dựng trên sự ―không dám nghe‖ của mình và ―không dám nói‖ của ngƣời khác thì cái uy tín cũng nên vứt đi.

Uy tín của Đảng, của ngƣời cách mạng là ở chỗ biết nghe và biết sửa.

Một số ngƣời không hiểu nhƣ thế nên cứ tìm cách lẩn trốn sự thực, sợ những lời phê bình mạnh, họ tìm cách bịt miệng một số ngƣời để cho những ngƣời này lại bịt miệng một số ngƣời khác nữa... Thực mà nói, nếu những ngƣời ở Nhân văn sai, tôi chắc quần chúng bao giờ cũng có đủ sáng suốt nhận định. Họ không dễ bị lừa đâu. Ai dối họ, ai đi ngƣợc lại với quyền lợi của họ, họ đều biết cả!

Làm nhƣ thế một là khinh quần chúng không biết gì hoặc là sợ quần chúng sáng suốt nghe những lời nói đúng sự thật. Làm nhƣ thế là không tốt.

Nhƣng nếu các bạn cứ thấy chúng tôi không bằng lòng cái này cái khác của thời đại mà muốn tìm một danh từ nào đề chỉ hiện tƣợng đó thì chúng tôi không e ngại tiếng ―bất mãn‖ đến nhƣ nhiều ngƣời tƣởng.

Bất mãn! Tại sao không bất mãn?

Ai thoả mãn trƣớc những sai lầm trong Cải cách Ruộng đất hiện nay? Ai thoả mãn với những sai lầm khác nhƣ những sai lầm trong chính sách văn nghệ và trí thức chẳng hạn?

Tôi dám chắc chắn rằng không phải chúng ta, những ngƣời đã tham gia cách mạng, sống chết với cách mạng, những con ngƣời của cách mạng. Chúng ta, những con ngƣời có nhiệt tâm với nhân dân với xã hội, những con ngƣời biết đau xót về những sai lầm tồn tại làm tổn hại đến việc xây dựng miền Bắc, đến công cuộc cách mạng, chúng ta không thể không bất mãn với những sai lầm ấy. Chúng ta, những ngƣời làm văn nghệ phục vụ cho cách mạng, luôn luôn đòi hỏi sự tiến tới không ngừng của xã hội, chúng ta tất nhiên phải bất mãn với những lực lƣợng phản tiến bộ cản trở bƣớc tiến của xã hội. Chúng ta, những ngƣời làm văn nghệ và văn hoá muốn cho chuyên môn của ngành mình phát triển để phục vụ cách mạng cho tốt, tất nhiên phải bất mãn với những cái sai lầm làm cho văn hoá văn nghệ đáng lẽ phải phát triển hơn nữa, thì bị kìm hãm. Bất mãn với những cái sai lầm là chính đáng. Chỉ có kẻ nào thoả mãn với cái sai kẻ ấy mới là kẻ có tội.

Nếu ai nói những ngƣời bất mãn ấy là phản ứng giai cấp thì hỏi giai cấp nào phản ứng trƣớc những cái sai lầm có hại cho cách mạng? Thiệt thòi đến nông dân, đến công nhân, đến trí thức, đến cách mạng, ai thoả mãn?

Bất mãn là chƣa thoả mãn với thực tế, tất nhiên không phải là muốn quyền lợi cá nhân chúng ta đi ngƣợc lại quyền lợi của quần chúng nhân dân.

Chúng ta bất mãn với những cái sai lầm, ngƣời sai lầm đã làm thiệt hại cho lợi ích của cách mạng.

Còn đối với một số ngƣời cho chúng tôi là bất mãn vì địa vị hay vì quyền lợi vật chất thì chúng tôi thấy không cần trả lời những con ngƣời thấp hèn ấy.

(Trích báo Nhân văn [[1]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9629&rb=08#anm1) )

\*

Chu Ngọc

Chu Ngọc tên thực là Chữ Ngọc Hồ quê ở Vĩnh Yên, năm nay chừng 45 tuổi, là một nhà soạn kịch và một đạo diễn có thực tài.

Ông tham gia kháng chiến ở Khu IV và công tác trong bộ đội của tƣớng Nguyễn Sơn. Đến năm 1950 ông xin giải ngũ và lui về ở trại tập trung văn nghệ ở Cầu Thiều (Thanh Hoá), vừa làm ruộng vừa viết văn. Năm 1953 ông "đƣợc" đi chỉnh huấn ở Việt Bắc và năm 1954 đƣợc "tham quan" Cải cách ruộng đất ở Thanh Hoá.

Trong mấy năm kháng chiến ông sáng tác đƣợc một vở kịch có giá trị, nhan đề Cái võng, trong đó ông chế riễu một tập tục của dân quê là ngăn cấm không cho vợ chồng những ngƣời tản cƣ nằm chung một giƣờng trong nhà của mình. (Bà chủ nhà bắc một cái võng nằm giữa để canh, hai vợ chồng ngƣời tản cƣ nằm hai bên.)

Vở kịch sau khi diễn đƣợc vài buổi thì bị cấm.

Vở kịch thứ hai của ông nhan đề là Xông nhà cũng có một số phận tƣơng tự nhƣ vở kịch trƣớc.

Ở đây chúng tôi xin giới thiệu một vở kịch ngắn của ông, nhan đề là Chúng ta gắng nuôi con. Cũng nhƣ trong hai vở kịch trƣớc, trong vở này ông cũng đả phá những cái hẹp hòi của những ngƣời xung quanh thƣờng phạm đến tự do cá nhân và tự do tƣ tƣởng của con ngƣời.

Điểm khác là ở đây ông không công kích những cái hẹp hòi của xã hội cũ, mà ông lại chế riễu cái hẹp hòi của xã hội Bắc Việt năm 1956. Tâm trạng của ông biểu lộ trong câu sau cùng của vở kịch, lời ông dặn dò đứa con mới đẻ " Lớn lên con đừng hẹp hòi con nhé!‖

\*

Chúng ta gắng nuôi con

(Hoạt cảnh)

Nhân vật: Chồng 37 tuổi; Vợ: 30 tuổi

Đây là một căn phòng nhỏ của một gia đình cán bộ ở ngoại ô Hà Nội. Bàn, ghế, giường, tủ mỗi thứ một kiểu, mỗi màu, cũ kỹ, rẻ tiền; hình như chủ nhà nhặt mỗi thứ một nơi góp lại thành cái cảnh "nội trợ" này.

Chồng là một cán bộ, của một cơ quan Trung ương, tuổi ngoài ba mươi, gương mặt hơi hốc hác, da mặt tai tái và hơi khô, mắt lòng trắng đã ngả vàng, đùng đục. Anh thường bận bộ quần áo công nhân do Mậu dịch bán giá 8.500 đ của nước bạn Tiệp Khắc. Anh nhìn người hoặc nhìn vật thường hay nhìn lâu. Có nhiều lúc như không tin ở đôi mắt nữa, anh dùng tay nắn vào người, vào vật. Đầu hay gật gù. Miệng thỉnh thoảng ho một tiếng.

Vợ, trẻ hơn, táo bạo hay nói thẳng, hay lo vặt và thường đem chuyện bực bội ở cơ quan về trút cho chồng, có lúc trút cho cả những đứa con còn ngây dại. Quan niệm của chị về cuộc sống: cứ vui, tin tưởng, chẳng tội gì gói ghém bực tức lại để thành mớ bề bộn trong lòng.

Chồng: Hay là… liều đến rạp mà xem. Hạng cuối 3 trăm, ngồi sát "ê cờ răng" cũng đƣợc.

Vợ: Loá mắt chết đi ấy.

Chồng: Nhƣng còn có ghế dựa cái lƣng.

Vợ: Dựa lƣng? Sao mà tƣ sản thế!

Chồng: Tƣ sản? Thế thì thôi. Nhƣng tả vừa vừa chứ, có thế cũng phải chụp cái mũ mới nghe.

Vợ: Chụp sẵn để anh đừng yêu cầu nữa. Từ một trăm ngoài bãi tiến tới ba trăm trong rạp, hai vợ chồng mấy đứa con, mất hơn một nghìn rồi đấy, cuối tháng có thiếu lại ầm lên.

Chồng: Ai ầm.

Vợ: Anh không ầm nhƣng cái mặt anh dài ra còn khổ hơn là ầm.

Chồng: Ở nhà là ổn hơn hết, ngủ một giấc lại đỡ tổn.

Vợ: Thì xem ngoài bãi vậy, mỗi ngƣời một trăm thôi.

Chồng: Xem ngoài bãi! mỏi cổ lắm.

Vợ: Em đỡ cổ cho.

Chồng: Đừng có khỉ. Với lại buồn ngủ thì dựa vào đâu.

Vợ: Dựa vào em mà ngủ.

Chồng: Đã bảo là đừng có khỉ. Chung quanh ngƣời ta phê bình cho.

Vợ: Ai làm gì mà phê bình. Vớ vẩn.

Chồng: Ngƣời ta phê bình là xem phim có nội dung tốt lại ngủ kia.

Vợ: Buồn ngủ thì cứ ngủ, sao lại lôi thôi thế nữa.

Chồng: Mình cán bộ, ngủ nhƣ thế là thiếu lập trƣờng.

Vợ: Sao lại lập trƣờng ở chổ ngủ ấy.

Chồng: Buổi xem phim Chỉ huy chiến hạm anh buồn ngủ quá. Một ông bên cạnh cứ ghé vào tai anh, "Sao lại ngủ, sao lại ngủ, thái độ xem phim nƣớc bạn lạ nhỉ?". Anh cầm mũ đi về, ông ấy theo ra thảo luận, và khuyên anh xem cho hết. Bỏ về giữa chừng là có ý chê phim Liên Xô. Anh đành phải quay vào ngồi cho đến hết.

Vợ: Thế anh có nói cho ông ấy biết nhƣ thế là mất tự do của ngƣời ta không!

Chồng: Tự do nào?

Vợ: Tự do khen chê.

Chồng: Sao lại có cái tự do ấy nhỉ.

Vợ: Thế sao anh lại ngủ?

Chồng: Ờ ờ.... à… à mấy ngày họp liền rồi liên hoan giữa bãi, gió hiu hiu thì ngủ chứ còn sao nữa.

Vợ : Phim có hay không?

Chồng: Nội dung tốt! Nhƣng mà vừa xem vừa phải cắn lƣỡi cho đỡ buồn ngủ. Lúc nào chót gật một cái thì vội vàng chữa bằng cách gật vài cái ra điều là mình thƣởng thức. Lúc đó, may quá màn ảnh lại chiếu ngay đoạn ngoài biển khơi, ánh sáng đẹp quá. Ông bạn ngồi bên thấy mình gật gù thì ông ấy bằng lòng lắm cũng gật gù nói nhỏ với mình – ―Chút nữa ông bỏ về, có phải thiệt không nào!‖

Vợ: Thế là đêm hôm đó anh về cãi nhau với em đấy có phải không?

Chồng: Vừa mệt vừa bực mình, về đến nhà vợ lại càu nhàu bảo đi đến đâu cũng chẳng nhớ đến ai, chỉ biết sung sƣớng lấy một mình.

Vợ: Tƣởng là không thích phim cơ chứ, gật gù thƣởng thức nhƣ thế còn oan nỗi gì?

Chồng: Thế em vẫn cho là anh sung sƣớng lấy một mình ƣ!

Vợ: Ở nhà này anh không sung sƣớng... thì em sung sƣớng vậy. Em sung sƣớng lắm: cũng công tác, cũng học, cũng họp, lại nuôi con, giặt giũ, thổi nấu... rồi thì ở nhà phê bình đằng ở nhà; ở cơ quan phê bình đằng cơ quan...

Chồng: Thôi.. thôi... anh sung sƣớng! Sáng họp, chiều họp, tối học. Về nhà quét cửa, quét nhà, quét cổng, đun nƣớc, tắm cho con, xi con ỉa, đêm ai gọi dậy mở cửa...

Vợ: Gớm gian khổ nhỉ! Nông dân ngƣời ta còn vất vả khối ra kia kìa.

Chồng: Thôi... thôi... biết rồi...! Đi xem vậy thôi. Ngoài bãi cũng đƣợc. Phim gì thế?

Vợ: Trẻ con nó bảo đâu... Chỉ huy chiến hạm đấy. Chúng nó bảo buồn lắm.

Chồng: Chỉ huy chiến hạm à... Nhƣng sao trẻ con lại chê buồn.

Vợ: Thấy chúng nó bảo thế.

Chồng: Con nó bảo lại mà nghe ƣ? Lập trƣờng để đâu hử trời!

Vợ: Lập trƣờng nào?

Chồng: Lập trƣờng bạn, thù. Phim nƣớc bạn mà chê. Coi chừng tƣ tƣởng đấy.

Vợ: Tƣ tƣởng làm sao?

Chồng: Tƣ tƣởng tƣ sản chứ còn làm sao nữa. Chê phim nƣớc bạn có nghĩa là khen phim tƣ sản. Vợ: Suy diễn tài nhỉ! Liên Xô có nhiều phim hay, song cũng có những cuốn phim không hay thì nó chê, không đƣợc ƣ. Biết đâu những phim ấy chính các đồng chí Liên Xô cũng chê ấy chứ lại!

Chồng: Hỏng, hỏng... gọi con Thu về đây. Không biết ai xui nó thế, chắc lại luận điệu địch đấy thôi. Nó bắt đầu tuyên truyền vào trẻ con rồi đó. Gọi nó về xem nó chơi với con cái nhà nào, phải đề cao cảnh giác đấy.

Vợ: Nó bé, tính nó ngay thẳng, thấy thế nào nó nói thế.

Chồng: Chẳng qua là tại em cả thôi. Trẻ con nó biết thế nào là hay và không hay.

Vợ: Thôi đừng chủ quan khinh chúng nó. Trẻ con nó cũng biết nhận xét chứ lại.

Chồng: Nhƣng chúng phải biết đứng về lập trƣờng nào mà nhận xét chứ!

Vợ: Lập trƣờng của trẻ con là ăn chơi, yêu nhân dân, yêu lao động... yêu Bác Hồ, Bác Mao... Bác Bun-ga-nin...

Chồng: Yêu bác Bun-gan-nin mà chê phim Liên Xô!

Vợ: Nó chê phim Chỉ huy chiến hạm nó thích phim Xát-cô đi tìm hạnh phúc chứ nó chê phim Liên xô đâu nào?

Chồng: Con hƣ là tại mẹ, khen chê là phải hƣớng cho chúng nó. Không thể để cho chúng nó tự do đƣợc. Coi chừng ảnh hƣởng tƣ sản đấy.

Vợ: Thế anh là tƣ sản hay tôi là tƣ sản.

Chồng: Ngƣời nào cũng có thể là tƣ sản đƣợc cả. Ăn muốn ăn ngon, ở thì muốn ở rộng, cái gì cũng muốn, ƣớc ƣớc ao ao... Cứ đi qua các cửa hiệu Hàng Khay là đứng lại nhìn nhìn, ngắm ngắm... nhƣ thế là chớm phải tƣ tƣởng tƣ sản rồi đấy. Vợ: Những thứ ƣớc ao ấy những ngƣời làm cách mạng không đƣợc dùng ƣ?

Chồng: Lúc nào tiến sang chủ nghĩa xã hội đầy đủ sẽ dùng.

Vợ: Thế lúc đó có gọi những ngƣời xã hội chủ nghĩa là tƣ sản không…

Chồng: Ừ... ừ... ừ... Thôi không nói nữa. Đi xem, đi xem...

Vợ: Thua rồi à. Thế đi xem phim nào?

Chồng: Bất cứ. Miễn là đi xem. Nghĩa là là không ở nhà.

Vợ: Có phim Dân chủ Đức, lại ở mãi Đại Nam kia. Mấy trăm bạc xe nữa.

Chồng: Tìm xem có phim nào xem tàm tạm.

Vợ: Nghe nhƣ có nhiều phim hay các ông ấy còn om, để chiếu cho chán những phim tiền cách mạng này đi đã. Giả có phim nhƣ Anh gắng nuôi con thì thích nhỉ.

Chồng: Em thích Anh gắng nuôi con lắm à?

Vợ: Ừ thích.

Chồng: Thế là chết rồi!

Vợ: Sao?

Chồng: (suy nghĩ một lát) Có vấn đề đấy. Nhận định của tôi đúng rồi.

Vợ: Đúng cái gì kia?

Chồng: Em bị tƣ sản tấn công thật đấy. Anh gắng nuôi con là phim Nhật.

Vợ: Nhật thì sao?

Chồng: Nhật chứ Nhật sao nữa. Một nƣớc phát xít chinh phục loài ngƣời. Bây giờ đi với Mỹ, là một nƣớc tƣ bản đế quốc.

Vợ: Thế à?

Chồng: Một nƣớc có truyền thống võ sĩ đạo, rất nhiều anh hùng cá nhân, cho nên tôi kết luận rằng văn hoá của nƣớc ấy là văn hoá tƣ sản.

Vợ: Ghê nhỉ? Nhƣng còn thiếu.

Chồng: Thiếu gì nữa?

Vợ:Ngƣời Nhật... lùn nữa chứ lại. Và lần đầu tiên nhân dân Nhật bị hai quả bom nguyên tử của Mỹ chết mấy chục vạn ngƣời.

Chồng: Em để yên tôi nói.

Vợ: Nói nhƣ mọi hôm chứ gì. Lại cụ Mác, cụ Lê. Thôi, anh đừng làm khổ các cụ nữa. Lý luận để áp dụng vào thực tế công tác không phải để nói. Anh ăn đã chẳng đƣợc mấy hột, nói nhiều quá, phổi nó ráo đi.

Chồng: Nhƣng mà em không đƣợc thích Anh gắng nuôi con.

Vợ: Sao anh lại cấm em.

Chồng: (Cầm tờ báo Nhân dân đưa cho vợ) Đây này, báo đăng là không cho chiếu lần thứ hai nữa. Anh đọc em nghe nhé.

Vợ: (đứng lên) Thong thả em chặn cho con cái gối đã, kẻo nó giật mình.

Chồng: ―Suốt từ đầu đến cuối bộ phim, ngƣời xem chỉ thấy một anh chàng say rƣợu, cờ bạc, cục cằn, hay đánh nhau, tính nết nhƣ một thằng điên‖.

Vợ: Ý kiến của anh thế nào?

Chồng: Anh... anh (gật gù) cũng thấy Mễ Lang nhƣ hơi điên, uống rƣợu, đánh bạc, cục cằn, hay đánh nhau. Đúng đấy.

Vợ: Anh nói thật đấy chứ?

Chồng: Ừ.

Vợ: Sao hôm đi xem về anh khen cơ mà?

Chồng: Ai khen?

Vợ: Anh chẳng bảo - lâu lắm mới đƣợc xem một cuốn phim...

Chồng: Nói nhƣ thế mà bảo là khen ƣ?

Vợ: Thế ai nói cái xã hội Nhật trong phim ngột ngạt thật. Buôn bán lừa lọc, thằng trùm cờ bạc bịp Liễu Lang lại mở trƣờng dạy học – giáo dục thiếu niên, thực mỉa mai - Chẳng khác gì Xuân tóc đỏ của mình.

Chồng: …

Vợ: Có thế không nào? Mà anh lại còn ra vẻ thạo về chính trị, anh phân tích: Đấy cái thằng cờ bạc bịp nó tổ chức đánh bạc rồi nó lại gây ra cuộc ẩu đả - Trong lúc ngƣời ta xô vào đánh nhau thì nó lúi húi nhặt tiền ở chiếu bạc nhét đầy hào bao, để sau này nó thành một thằng mô phạm đúng là cái thằng Mỹ.

Chồng: Ngƣời ta ví với thằng Nguyễn Văn Mỹ bạn cũ hồi Pháp thuộc, nó giống cái thằng ấy, chứ ai bảo giống đề quốc Mỹ - Bảo ngƣời ta đƣơng tố cáo là chẳng có gì là chồng viện trợ Mỹ cả, phê bình nhà chiếu bóng quảng cáo láo để làm tiền khán giả đấy.

Vợ: Thế việc gì đến anh mà cũng thắc mắc.

Chồng: Mình trót khen ầm lên ở cơ quan, cổ động anh chị em đi xem. Họ chen nhau mới lấy đƣợc cái vé. Bây giờ lại… phiền quá thôi, biết cứ đóng cửa ở nhà cho xong, chẳng xem chẳng xung gì cả, đỡ bực mình.

Vợ: Lúc xem lƣỡi cứ tắc tắc nhƣ thạch sùng ấy, khen lấy khen để... Anh ngồi cạnh tôi, thấy tôi chƣa kịp khen thì y nhƣ anh bực mình cho tôi là chậm hiểu.

Chồng: Nhƣng bây giờ báo Nhân dân chê, cơ quan của Đảng nhận định cái gì là đã nghiên cứu chán rồi. Chắc có điểm gì sai lầm nghiêm trọng lắm... mới đề nghị cấm chiếu đấy. Mai đến cơ quan chúng nó lại nhè mình nó truy - Khen phim gì chẳng khen lại khen phim Nhật.

Vợ: Các đồng chí ở cơ quan cũng khen cả đấy chứ.

Chồng: Bây giờ ai còn nhận nữa.

Vợ: Thì phim ấy cũng hay đấy chứ, tội gì mà sợ.

Chồng: Em chỉ đƣợc cái nói bƣớng ở nhà mà thôi. Báo Đảng đã nhận định rồi.

Vợ: Ông Lam ở sở Hải quan Trung ƣơng đấy chứ, có phải báo đâu.

Chồng: Nào riêng gì ông Lam, cả bà Nguyễn Thị Xuân nào nữa đấy cũng viết một giọng nhƣ thế...

Vợ: Ừ thì hai ngƣời chứ bao nhiêu mà lo - Bao giờ báo Nhân dân viết sẽ hay. Đây là ý kiến bạn đọc cơ mà.

Chồng: Đăng lên nhƣ thế tức là toà báo đã đồng tình rồi đấy. Mình thế nào cũng bị qui là bị tƣ sản tấn công.

(im lặng một lát)

Vợ: Ai đã qui mà sợ - Chính phủ cho phép chiếu, nhân dân xem sƣớng mắt rồi. Còn chiếu em còn đi xem, để ý làm gì đến những chuyện hẹp hòi, vụn vặt ấy.

Chồng: Xem thì có sao, đằng này mình lại khen kia. Bây giờ làm thế nào?

Vợ:...

Chồng: Thế nào.

Vợ: Chẳng biết thế nào cả. Đã rắc rối thế bây giờ không đi xem nữa.

Chồng: Chỉ tại em thôi.

Vợ: Tại gì tôi?

Chồng: Em khen lấy khen để...

Vợ: Thì đi qua cửa rạp thấy ngƣời ta xếp hàng lấy vé dài ra tận đƣờng ấy, chắc phim phải hay mới đông nhƣ thế chứ? Bao nhiêu ngƣời khen cả sợ quái gì.

Chồng: Ngƣời ta là nhân dân thì sợ gì. Mình là cán bộ mới phiền.

Vợ: Sao lại có cái bà Xuân, với ông Lam nào mà ác thế nhỉ.

Chồng: Họ ác gì? Lập trƣờng ngƣời ta vững mới phê phán nhƣ thế chứ! Chắc không phải thành phần mình đâu.

Vợ: Phim hay thế mà kêu rức óc lên. Hay là bị bệnh thần kinh thì có.

Chồng: Chẳng biết là cô hay bà nữa, nhƣng chắc là cán bộ, nói có vẻ lên lớp lắm.

Vợ: Biết địa chỉ ở đâu kéo đến đấu tranh cho một chuyến cho ra lẽ. Phụ nữ mà lại khô thế nhỉ.

Chồng: Chắc đâu là phụ nữ.

Vợ: Ký là Nguyễn Thị hẳn hoi kia mà chẳng lẽ lại là đàn ông.

Chồng: Chƣa chắc là đàn ông đâu. Khô hơn đàn ông nhiều.

Vợ: Em chắc, không phải là phụ nữ đúng hơn.

Chồng: Anh đã bảo không phải nam giới.

Vợ: Nam giới đấy.

Chồng: Anh không nhận đâu.

Vợ: Phụ nữ là phải để ý đến Mễ Lang. Một ngƣời chồng cờ bạc, rƣợu chè, du côn nhƣ thế mà thực hiện lời giối giăng của vợ, không đánh nhau nữa, chăm nom con, cố gắng xây dựng tƣơng lai cho con để con khỏi sa vào con đƣờng tối tăm tội lỗi cũ, nhƣ thế là ngƣời tốt có thuỷ chung đấy chứ!

Chồng: Ai ngƣời ta rung động làm gì những chuyện ngóc ngách ấy. Trái tim ngƣời ta đã thành trái tim ái nam ái nữ mất rồi.

Vợ: Chán nhỉ.

Chồng: Tình cảm phi nam phi nữ ấy còn biết rung động cái gì nữa... Mấy cái anh làm phim Nhật ấy cũng tồi. Cho ngay Liễu Lang là địa chủ bóc lột. Cho ngay Mễ Lang là bần cố nông, trong sạch, anh dũng, hữu ái giai cấp, đƣợc đội về bắt rễ, cuối cùng đứng lên đấu một trận có phải ông Lam với bà Xuân thích không nào.

Vợ: Phim nào cũng thế thì chán ốm.

Chồng: Nhƣng mà dễ hiểu em ạ. Đỡ bận óc, chẳng phải suy nghĩ gì.

Vợ: Nhƣng mà Nhật đã cải cách ruộng đất đâu. Mỹ còn chiếm đóng cơ mà. Chính phủ Nhật ở trong tay bọn trùm tƣ bản thân Mỹ kia mà.

Chồng: Ừ nhỉ. Thành ra ngƣời Nhật chửi Mỹ, phản đối Mỹ cũng vất vả nhỉ.

Vợ: Chắc thế cho nên các ông văn nghệ Nhật mới xây dựng lên Liễu Lang để bóng gió.

Chồng: Buồn nhỉ, là dân một nƣớc không dân chủ, ăn không đƣợc ăn, nói không đƣợc nói, rồi cứ phải mƣợn cái này nói cái khác, làm cho ngƣời nƣớc khác phải suy nghĩ mới hiểu thì mệt quá nhỉ.

Vợ: Không suy nghĩ thì bộ óc, với trái tim để làm gì? Mình là ngƣời đã từng bị bọn đế quốc nó thống trị thì mình cũng thông cảm với nhân dân một nƣớc bị chiếm đóng chứ!

Chồng: Mấy ngƣời viết báo ấy nghĩ đƣợc nhƣ thế thì ngày mai mình đến cơ quan đã chẳng làm sao.

Vợ: Chẳng việc gì đâu.

Chồng: Mấy cái ông đại diện tƣ tƣởng ở cơ quan thế nào mà chẳng xoay, chẳng truy mình.

Vợ: Đề nghị cho mấy ông đi học để các ông ấy biết dùng bộ óc đi chứ lại.

Chồng: Học chƣa đủ. Điều cần phải có trƣớc nhất là sự thông cảm. Chúng ta mới thoát khỏi vòng nô lệ, sao không thƣơng nhau, lại hay dằn vặt hay úm nhau. Mà anh nữa, sao lại không dám chống lại khi họ chụp mũ vào đầu mình.

(một lát) - Này em! mình có phải là ngƣời nữa không nhỉ?

Vợ: Sao anh lại hỏi thế?

Chồng: Đầu là đầu của mình hay là đầu của ai?

Vợ: Dớ dẩn, đầu chẳng phải là đầu của mình, chẳng lẽ đầu của ai chạy đến gắn vào cổ mình.

Chồng: Nhƣng còn cái chất đặc ở trong kia mà.

Vợ: Đầu của mình thì óc cũng của mình chứ của ai nữa.

Chồng: (một lát) Thế thì thích nhỉ.

Vợ: Thế xƣa nay anh vẫn thấy bộ óc, trái tim là không phải của anh ƣ?

Chồng: Không... với lại có phải anh nói riêng mình anh đâu.

Vợ: Nhƣng sao anh lại hỏi về đầu óc nhƣ thế mới đƣợc chứ?

Chồng: Anh hỏi thế để biết rằng lâu nay anh không dùng đến cái đầu này - đến cái bộ ngực này. Ngũ quan của anh chỉ dùng có cái tai, anh chỉ nghe thôi. Và cái cổ để gật. Lòng anh chắc cũng nhƣ lòng một số ngƣời cứ thu hẹp mãi lại, cuộc sống tình cảm cứ lần lần mất đất. Một bộ phim nêu lên một ý nguyện từ chối một cuộc sống cũ - đánh nhau, bịp bợm, kẻ tiểu nhân nhƣ Liễu Lang lại cầm vận mệnh của tƣơng lai, một ngƣời tự lực cánh sinh, lao động xây dựng cho lớp ngƣời về sau, anh tƣởng đó là nguyện vọng của ngƣời muốn cách mạng, ngƣời tốt chứ.Sao lại phê phán là: chẳng hé mở cho ngƣời xem thấy một giải quyết nào - Thế nào mới là giải quyết. Đóng cửa tâm hồn mình lại thì còn thấy đƣợc ai hé mở. Có chăng là tự mình phải cởi trói cho tâm hồn mình. (một lát). Khen không dám khen, chê không dám chê. TừChỉ huy chiến hạm đến Anh gắng nuôi con anh đã không phải là anh nữa. Bản tâm thì khen nhƣng khi thấy báo Nhân dân chê thì sợ... Nhân phẩm của anh lâu nay không biết còn hay mất.

Vợ: Ai cấm chúng ta không đƣợc khen chê, Đảng đã chẳng khuyến khích chúng ta mạnh dạn phát huy tự do tƣ tƣởng, nói thẳng, nói thật, nói hết, bày tỏ nguyện vọng để Đảng biết kia mà. Có ai cấm đâu.

Chồng: Chẳng ai cấm, nhƣng anh có dám tin ở anh đâu. Thành phần của mình nói gì ra cũng tự cảm thấy có thể sai đƣợc cả - tiểu tƣ sản bấp bênh lắm. Ở nông thôn thì lập trƣờng địa chủ, về thành phố dễ bị tƣ sản tấn công. Một ngƣời nói ra nhƣ thế, trăm ngƣời nói theo, thế là bách khẩu đồng từ, ấy thế là bất cứ một việc gì sự tự ti về thành phần cũng ngăn cách giải quyết của anh: Sợ sai em ạ. Đến cả em nữa, em là một ngƣời trao xƣơng gửi thịt, ấy thế mà nhiều lúc anh cũng sợ. Anh không dám nói phim hay, phim dở. Vừa rồi anh cũng sợ chúng ta quay lại chỉnh nhau, nên anh tự chỉnh trƣớc. Kể anh cũng hèn thực. Nói dối cả mình, nói dối cả vợ, nói dối cả Đảng. Chỉ ừ ào xuôi chiều, thủ tiêu đấu tranh.

Vợ: Không biết ông Lam có cùng một tâm trạng nhƣ chúng ta không nhỉ. Em tin rằng ông cũng có thể dối lòng ông. Em tƣởng khi đặt câu hỏi cho cô Tuyết trong phim khi yêu Mễ Lang: Không hiểu yêu vì nỗi gì, yêu vì hay uống rƣợu, cờ bạc hay đánh nhau khoẻ. Sao không lật ngƣợc lại vấn đề mà hỏi ngay ở lòng mình là một ngƣời con gái phải làm trong một quán rƣợu muốn thoát khỏi cái cảnh không ra gì ấy để có một cảnh gia đ́nh êm ấm trong sạch yêu một ngƣời "không đánh nhau nữa, chỉ biết lo cho con" thì không xứng đáng hay sao, anh nhỉ. Thông cảm cho nỗi khổ của con ngƣời, khó thật. Chồng: Không nói đến ông Lam bà Xuân vội. Nói ngay đến vợ chồng mình đã…

Vợ: Thì mình cũng phải lên tiếng chứ. Tôi không tán thành ý kiến của các ông, các bà kia mà. Sao lại không đấu tranh.

Chồng: Anh đƣơng đấu tranh đây, đấu tranh bản thân đã em ạ, không phá tung cái lƣới đƣơng vây lòng mình lại thì không nói gì đƣợc cả. Dù đau xót, dù có phải rớm máu cũng phải cố rứt cho đƣợc những mắt lƣới đƣơng dăng ở cuống họng anh, để anh có thể nói thật đƣợc với em là vợ của anh, các đồng chí ở cơ quan, các bạn bè, bà con. Anh phải phá cái hẹp hòi của anh đã. Xƣa nay không nói là để khỏi phiền đến mình, để bảo vệ mình, đó cũng là một khía cạnh của bệnh hẹp hòi.

Vợ: Thì em vẫn khuyên anh cứ nói kia mà!

Chồng: Nhƣng mà em có dám nói không? Em dám nói sao không dám nói ở cơ quan. Đem chuyện về nhà to nhỏ với nhau là chƣa nói đƣợc ở cơ quan. Anh chỉ là chỗ trút thắc mắc của em. Em chẳng thƣờng nói với anh: Thôi mọi chuyện bỏ ngoài tai, nhắm mắt lại, cốt sao có đồng lƣơng nuôi con đã, bao giờ đầy đủ sẽ đấu tranh...

Vợ: Em nghĩ thế là khi còn kháng chiến... phải đuổi địch và đánh đổ địch đã... Bây giờ kiến thiết rồi.

Chồng: Thế à, nếu thế anh sẽ nói, nói hết. Trên sai, anh sẽ nói trên sai, chung quanh sai, sẽ nói chung quanh sai, mà anh sai anh đẩy cao tự phê. Cái gì chƣa hay thì nói chƣa hay, cái gì của mình kém thì phải học, công trình lao động nào của nhân loại mà tốt đẹp chúng ta phải hoan nghênh. Phải đả phá cái óc "bế quan toả cảng", phải làm bật gốc nó đi.

Vợ: Anh nói thì nói, nhƣng phải xây dựng đấy, đừng có nói cho hả, các đồng chí lại hiểu lầm thì lại khổ vợ khổ con. Em chẳng lạ gì kẻ làm sai họ thƣờng hay bảo thủ, họ bám lấy cái sai của họ. Phải coi chừng họ lại đánh những đòn ngầm, hoặc bôi nhọ mình bằng cách vu khống thì khổ đấy....

Chồng: Nếu quả việc đời còn đến nhƣ thế thì cũng chịu em.

Vợ: Chịu à? Thế còn em và các con thì sao?

Chồng: Thì lại quay một cuốn phim...

Vợ: Phim gì kia?

Chồng: Em gắng nuôi con.

Vợ: Em gắng nuôi con à.

Chồng: Ừ.

Vợ: Khiếp! Đâu đến nỗi thế. Có Đảng có nhân dân sao lại có thể nhƣ thế đƣợc. Với lại anh cũng phải thanh toán sự hoài nghi của anh đi. Mấy cái bài báo đó ai tin kia chứ. Ngƣời ta đọc ngƣời ta còn cƣời cho là đằng khác. Em có tin đâu nào. Còn anh, anh có tin không?

Chồng: Thì ai lại lạc hậu đến thế mà em hỏi.

Vợ: Thế thì các đồng chí ở cơ quan, bà con đã xem Anh gắng nuôi con. Ai ngƣời ta tin chứ.

Chồng: Ừ nhỉ! Suy bụng ta ra bụng ngƣời. Cái gì dở mà bảo hay ai mà chịu đƣợc, cũng nhƣ cái hay mà bảo dở thì dù trời có bảo thì ngƣời ta cũng cƣời vào mũi trời ấy chứ lại. Huống hồ là hai bài báo ấy...

Vợ: Nhƣ thế anh phải tin tƣởng chứ - Xem thằng con nó ngủ ra sao đây này.

Chồng: Nó ngủ ngoan nhỉ (anh bắt chước giọng Mễ Lang). Bình ơi! con ngoan nhé, con ngoan nhé!

Vợ: Khỉ, để con nó ngủ (một lát). Chúng ta gắng nuôi con cho khôn lớn, tƣơng lai của chế độ là phần con mình đƣợc hƣởng đấy.

Chồng: (vẫn tiếp tục) Bình, ngoan nhé, con ngoan nhé... Lớn lên đừng có hẹp hòi con nhé!

(Trích Giai phẩm mùa Thu tập III năm 1956)

[[1] B](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9629&rb=08#nr1)ản đăng lại trong sách này thiếu một số đoạn, xin xem toàn văn bài viết trong Nhân văn số 3 (talawas)

Như Mai

Nhƣ Mai là bút hiệu của Hoàng Nhƣ Mai sinh năm 1918 ở làng Hoàng Mai gần Hà Nội. Là con một gia đình tiểu công chức, ông học từ nhỏ ở Hà Nội, đỗ tú tài năm 1943, sau đó học trƣờng Đại học Luật khoa ở Hà Nội. Học chƣa xong thì cuộc kháng chiến đã xảy ra nên ông phải bỏ dở. Nhƣng ngay từ khi còn là sinh viên ông đã bắt đầu viết sách. Nguyên là một thanh niên ham mê chủ nghĩa cộng sản, ông dịch cuốn Les Principes du Leninisme từ tiếng Pháp ra tiếng Việt, và tiếp theo ông viết cuốn Đời sống Lê nin. Cũng trong thời gian đó Nhƣ Mai xuất bản một cuốn kịch nhan đề Tiếng trống Hạ Hồi, ngày nay vẫn còn giá trị và vẫn thƣờng đƣợc nhắc tới.

Năm 1946 Nhƣ Mai lấy vợ cũng là văn sĩ, hai vợ chồng cùng gia nhập Việt Minh và cùng công tác về kịch. Năm 1948 cả hai vợ chồng đƣợc cử vào Nam, hoạt động trong ban văn công của Đoàn quân Giải Phóng Nam bộ trong ba năm. Đến năm 1951 hai vợ chồng đƣợc triệu ra Việt Bắc, hoạt động trong ban văn nghệ trung ƣơng cho đến ngày trở về Hà Nội. Suốt trong thời gian kháng chiến hai vợ chồng chỉ đóng kịch, không sáng tác.

Về Hà Nội từ năm 1954 đến nay hình nhƣ ông vẫn sống yên lặng vì báo chí ở Hà Nội không thấy nhắc đến ông. Nhƣng thực sự thì ông có tham gia phong trào Nhân văn-Giai phẩm vì tình cờ đọc bản thú tội của Trần Dần, chúng tôi biết rằng bài "Thi sĩ máy" đăng trong báo Nhân văn số 5 với bút hiệu Châm

Văn Biếm chính thực là của Nhƣ Mai [[1]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9642&rb=08#anm1) . Nhƣ vậy rất có thể ông có viết nhiều bài khác mà giấu tên, nên chúng tôi không biết.

Bài "Thi sĩ máy" là một bài mà ai cũng công nhận là có giá trị. Tuy là một câu chuyện tƣởng tƣợng, nhƣng bài ấy cũng nói lên sự thực chua chát trong lòng ngƣời nghệ sĩ sống dƣới chế độ cộng sản là một chế độ chủ trƣơng tiêu diệt mọi tình cảm và biến con ngƣời thành một thứ máy sản xuất mọi thứ theo mẫu đặt hàng của Đảng.

Chúng tôi trích bài này để giới thiệu tác giả và giới thiệu cả tâm trạng chung của giới văn nghệ sĩ ở Bắc Việt hiện nay.

\*

Thi sĩ máy

"… Với một chiếc máy sửa đổi đôi chút để nó có thêm trí nhớ và có cả mọt chút lý luận, người ta có thể dùng máy để phiên dịch và để viết văn…"

(Trích báo Tổ quốc số 41)

I. Thế nào là công bằng mà nói ở cõi đời này?

Đầu năm 2000… Các báo chí xuất bản đều sổi nổi đăng tin tức quan trọng về máy "viết văn" dƣới những đầu đề "giật gân" lớn…

Tờ Công thức trong bài xã luận "Nhiệt liệt chào mừng các văn nghệ sĩ máy!" đã giới thiệu nhƣ sau:

"Nhờ áp dụng những khả năng mới nhất của khoa học điện tử, máy ‗viết văn‘ đã hoàn thành thoả mãn đƣợc nhu cầu văn nghệ ngày một tăng của loài ngƣời. Những sáng tác phẩm của nó, vừa kịp thời vừa minh hoạ đúng chính sách, sẽ giải quyết đƣợc mọi khẩu hiệu phức tạp của cuộc sống.

Mỗi giây đồng hồ máy đó có thể sản xuất đƣợc từ 7 đến 8.000 dòng văn thơ. Nếu dùng sức óc và tâm hồn ngƣời thì phải hàng ngàn văn nghệ sĩ với một trình độ sách vở rất cao, cặm cụi hàng trăm năm mới làm nổi…

Do tính chất ‗Nhân văn‘ của máy nên ta tạo cho nói cái vỏ bọc ngoài, hình dáng một anh chàng: trẻ, khoẻ, đẹp, chỉ khác ngƣời ‗thật‘ là đứng nguyên một chỗ, không nói, cƣời, chạy nhẩy, nhất là không yêu đƣơng lãng mạn lôi thôi…"

Báo Công thức kết luận:

"Chúng ta, những con ngƣời ‗thật‘, cần hợp tác nhất trí với các ngƣời ‗máy‘, cần triệt để dùng họ và đội quân văn nghệ sĩ có thể chuyển sang các ngành công tác khác, tăng cƣờng thêm lực lƣợng kiến thiết thời đại điện tử của chúng ta."

Hơn một năm sau cái ngày tin vui đó truyền đi, thì hàng loạt văn sĩ máy, thi sĩ máy, kịch sĩ máy đƣợc tung ra thị trƣờng. Một số cán bộ phụ trách về văn chƣơng sính máy móc ở một số ngành, một số cơ quan xí nghiệp nông trƣờng v.v… thi nhau mua về sử dụng. Ở những nơi đó, nền văn nghệ máy đƣợc độc quyền tô lục chuốt hồng cuộc sống bình ổn, còn lũ văn nghệ sĩ bằng xƣơng, bằng thịt thì bị gạt ra ngoài.

Nhạc sĩ Ảo Huyền đƣợc cử đi học lớp "nghiên cứu nghề làm nƣớc mắm"; hoạ sĩ Lập Thể đƣợc điều sang Mậu dịch; nữ sĩ Trong Trắng ném bút làm nghề đỡ đẻ. Thi sĩ Mây Nƣớc ra Bờ Hồ làm nghề bói Kiều tán róc về thành phần giai cấp cho những ngƣời còn đầu óc mê tín dị đoan.

Văn sĩ Đắng Văn Cay phải ra chợ giời làm nghề bán văn kiêm bán săm. Săm lốp vì cần khuyến khích nên đƣợc miễn thuế, còn văn của Đắng Văn Cay thì bị liệt vào hàng "vô dụng" và phải chịu thế 4 phần trăm. Rất ít ngƣời chịu quẳng tiền ra mua. Đôi ba vị khó tính lại còn rỉa rói: "Văn chƣơng anh thì ra cái đếch gì! Không ích lợi bằng chiếc đế dép cao su của tôi nữa kia!". Nhà đạo diễn Kinh Kha đƣợc chuyển sang ngành nuôi cá vàng, mỗi khi luyến tiếc sân khấu thƣờng ngắm cá bơi lội rồi tƣởng tƣợng con cá vẩy bạc óng ả này là Điều Thuyền, con cá đen mặt sắt nọ là Bao Công, cặp cá đuôi cờ lồi mắt kia là đôi nhân vật tiểu tƣ sản...

Tóm lại có một bộ phận văn nghệ sĩ bị tơi bời rối loạn. Ai cũng thù ghét lũ ngƣời máy mới ra đời kia, nhƣng ai cũng chịu thua. Vì cứ công bằng mà nói thì "máy móc" quả là kịp thời sự, thông kinh sử, lại đúng khuôn phép, "tốt ăn tốt ở" hơn ngƣời thực ở cõi đời này.

II. Vì sao mà "Lăng Quăng" nổi ghen?

Ở nông trƣờng tập thể Con Én có nhà thơ trẻ tuổi Linh Quang. Suốt mấy năm liền kể từ ngày nông trƣờng bắt đầu xây dựng, Quang đã làm thơ ca hò vè đủ kiểu, khi duyên dáng, khi nghịch ngợm, khi thiết tha yêu đời để phục vụ nông trƣờng. Một vài bài thơ của anh đã đƣợc bà con học thuộc lòng. Nói chung anh làm việc tốt và đƣợc cảm tình của nhiều ngƣời.

Nhƣng có ƣu thì cũng phải có khuyết. Cái khuyết của anh ta là hay vi phạm luật lệ. Giữa giờ chính quyền nhiều lần anh bỏ đi chơi. Khi thì đi câu với cụ Hay Rƣợu để tán ma tán mãnh về nhiều cái sự đời. Khi thì lê la tâm sự với vài gã thanh niên, bàn về những chuyện tƣơng lai trên giời dƣới đất. Khi thì trò chuyện với một số phụ nữ ở nhóm giữ trẻ, điều tra cái việc sao đàn bà và con nít lại hay khóc nhƣ nhau. Đôi khi còn làm thƣ ký riêng cho vài lão bà muốn viết thƣ gửi con cháu công tác ở tỉnh xa. Ngoài ra anh còn bừa bãi nhƣ giấy tờ sách vở không sắp xếp ngăn nắp, tóc không có đƣờng ngôi, áo mặc chuyên môn không cài khuy cổ, sáng tác thì không có chƣơng trình kế hoạch. Nghiêm trọng nhất là khi yêu cô Duyên, cán bộ cơ xƣởng của nông trƣờng, anh không hề có báo cáo trƣớc. Tất cả những điều trên đây là làm cho trƣởng ban nội quy Nghiêm Văn Túc, con ngƣời rất mực khuôn vàng thƣớc ngọc, phải lấy làm bực mình và chƣớng tai gai mắt. Túc thƣờng bắt bẻ anh và gọi riễu anh là Lăng Quăng. Cả nông trƣờng về sau cũng quen gọi anh bằng cái tên bị Túc xuyên tạc ấy.

Ông chủ tịch nông trƣờng vốn ngƣời từng trải, hiểu rõ câu "nhân vô thập toàn", lại biết mến tài nên đối xử với Lăng Quăng rộng lƣợng. Cũng vì vậy mà trong khi có một số nơi đã mua sắm văn nghệ sĩ "máy", ông vẫn viện hết lý do này lý do khác để không chịu dùng cái thứ "máy móc" đó. Ông nói: "Còn khối nơi ngƣời ta không có ngƣời máy mà phong trào văn nghệ của ngƣời ta vẫn lên rầm rầm". Có lúc ông lại phát biểu: "Đồng chí Lăng Quăng vẫn đủ khả năng phục vụ nông trƣờng" hoặc "Văn thơ máy thì hay làm sao bằng văn thơ ngƣời đƣợc". Nghiêm văn Túc luôn luôn đối lập với những ý kiến đó, luôn luôn đòi nông trƣờng Con Én phải có một thi sĩ máy. Túc thì chẳng hiểu văn nghệ, văn nghiếc là cái quái gì, nhƣng chỉ nghĩ một cách sơ lƣợc là: đƣợc cái gã "tốt ăn tốt ở" ấy về thì đỡ phải lao tâm tổn trí đối phó nhƣ đối với Lăng Quăng. Phần nội quy ở nông trƣờng tất nhiên sẽ đƣợc bảo đảm.

Túc đòi hỏi nhiều lần mà cứ bị gạt đi, bèn mƣu mô vận động một số anh em cùng cánh làm kiến nghị phê bình ông chủ tịch là cảm tình cá nhân, có tƣ tƣởng bao che hữu khuynh với Lăng Quăng, không có tinh thần cải tiến nông trƣờng, thiếu tin tƣởng ở kỹ thuật hiện đại. Bản kiến nghị yêu cầu ông chủ tịch phải cho nông trƣờng sắm ngay một ngƣời máy về thay thế Lăng Quăng, nếu không sẽ kiện lên trên. Ông chủ tịch bị dồn vào cái nƣớc không đồng ý không đƣợc nên đã quyết định tán thành, nhƣng đồng thời ra chỉ thị vẫn để Lăng Quăng làm thơ nhƣ trƣớc, chiếu cố đến thành tích của anh ta.

Thế là chỉ mƣơi ngày sau, Nghiêm Văn Túc lên bách hoá tỉnh chọn lọc, đã mua về đuợc một thi sĩ máy, cổ đeo biển đăng ký số 111.

Đêm ra mắt của thi sĩ 111 đƣợc tổ chức trọng thể. Câu lạc bộ treo đèn kết hoa rực rỡ nhƣ những ngày hội mùa. Nam nữ đều ăn mặc đẹp. Trƣớc khi vào bàn tiệc, ngƣời ta thì thào bàn tán rất nhiều về "anh ta", nhất là trong đám đàn bà con gái. Một nữ công nhân lái máy cày khoe khoang: "Các bà chị ạ! Em đƣợc xem mặt anh ta hôm mới khiêng về rồi. Sao ngƣời giả mà đẹp thế, đẹp hơn ngƣời thật chúng mình nhiều. Đôi mắt anh ta lại cứ nhìn em chằm chằm làm em ngƣợng đỏ cả mặt". Cô Duyên (ngƣời yêu của Lăng Quăng) cũng ở trong đám ấy. Muốn tỏ cho mọi ngƣời biết trình độ học rộng của mình, cô bèn vanh vách thuật lại những điều đọc đƣợc về ngƣời máy đăng trong tờ Công thức.

Không mộ ai thèm đẻ ý đến Lăng Quăng nữa, Anh thất thểu đi giữa đám đông, chẳng bắt chuyện với ai mà cũng chẳng ai buồn bắt chuyện với. Càng nghe những lời tán tụng thi sĩ máy, lòng anh càng nặng trĩu buồn phiền.

Bƣớc vào tiệc rƣợu. Nghiêm Văn Túc đạo mạo đọc diễn văn khai mạc với những câu văn vẻ hùng hồn nhƣ sau: "Chúng ta hoan nghênh ngƣời bạn mới của nông trƣờng và tin tƣởng tâm hồn điện tử của anh sẽ truyền hơi sống vào thi ca, ngõ hầu thúc đẩy chúng ta tiến mau trên đƣờng sự nghiệp..." Tán đến con số đăng ký 111, Túc nói: "Nếu đem chiết tự con số đó, chúng ta sẽ đƣợc ba con mắt ‗nhất‘, nó biểu hiện anh bạn chúng ta có ba điệu trội nhất, ấy là: nhanh nhất, đúng nhất và kỷ luật nhất. Tôi trân trọng đề nghị từ này sẽ gọi tên anh là Ba Con Nhất cho nó… mỹ thuật". Quay sang phía Lăng Quăng, Túc cƣời đắc chí, kêu gọi Lăng Quăng nên cố gắng noi gƣơng thi sĩ Ba Con Nhất về mọi mặt, nhất là về mặt tôn trọng nội quy. Đọc xong diễn văn, Túc chắp hai tay lên ngực, nghiêm chỉnh ngồi xuống, đảo mắt liếc trộm đám phụ nữ, y thầm nghĩ: mấy cũng có vài cô ả cảm phục cái oai phong lẫm liệt của mình.

Tiếp đó, theo đúng nghi lễ, ngƣời ta mở tấm vải choàng phủ mặt để Ba Con Nhất xuất đầu lộ diện. Toàn phòng đứng dậy vỗ tay, nâng cốc, chạm cốc, hoan hô ầm ầm và xuýt xoa khen bộ mặt phỗng của Ba Con Nhất quá là trẻ đẹp. Ngƣời ta vặn những nút chữ sau lƣng hắn, máy chạy sè sè trong bụng hắn. Đôi mắt hắn lúc sáng lúc tắt, trông tƣởng nhƣ nhấp nháy, chỉ độ phần mƣời một giây hắn đã nhả ra ở khe hở con sau gáy một tờ giấy in bài thơ dài đáp từ. Lăng Quăng đƣợc chỉ định lên ngâm bài thơ đó. Tiếng ngâm vừa dứt thì tiếng hoan hô lại ran nhƣ sấm, nhiều cô gái nhảy cẫng lên. Một bà mẹ quá xúc động chạy đến chỗ Ba Con Nhất đứng dịu dàng hôn trán hắn. Một thanh niên gỉ tai Lăng Quăng van vỉ mƣợn bài thơ đáp từ đó để về chép và học.

Trong một tiệc rƣợu, ngƣời ta vừa ăn vừa nắc nỏm khen từng chữ từng câu của bài thơ. Mấy cụ ông râu dài trầm giọng láy đi láy lại những câu mà các cụ cho là lý thú nhất nhƣ:

… Thời đại tươi vui đẹp nắng vàng Rập rờn cờ đỏ trống khua vang Bao tay lao động xây tươi đẹp Phấn khởi nông trường, tiến tiến hăng..

Rồi các cụ ho sù sụ làm cho các cụ bà mủm mỉm cƣời nửa tình tứ nửa thƣơng hại. Trong khi ấy Nghiêm Văn Túc thỉnh thoảng lại trang trọng gật gật cái đầu, tỏ vẻ hài lòng và hả hê đảo mắt liếc phụ nữ…

Lăng Quăng thì im nhƣ cá chép, đau khổ ngồi thu nhỏ mình lại trong bàn tiệc, cảm thấy mình bé bỏng quá, tồi tàn quá. Mọi khi trong các buổi hiếu hỉ, anh là cái "đinh". Mọi ngƣời tha thiết nài ép anh ngâm thơ. Mọi vỗ tay đều dành tặng cho những vần điệu du dƣơng hay bốc lửa của anh. Mọi con mắt đều đăm đắm rót nhìn vào anh. Mọi đôi môi đều kín đáo trao cƣời. Than ôi! Thời oanh liệt đó từ nay còn đâu nữa!!! Nhƣng ai oán nhất cho Lăng Quăng là cô Duyên xem chừng khác ý, suốt tiệc rƣợu cứ nhìn dán vào mặt Ba Con Nhất, dáng điệu mê mệt, nhiều lần đánh rơi đũa, thìa, cốc hoặc gắp nhầm thức ăn ở đĩa ngƣời ngồi cạnh. Lăng Quăng nổi ghen một cách thực thà và choáng váng.

III. Tâm hồn điện tử của Ba Con Nhất

Hàng ngày… hàng ngày vào hai buổi sáng chiều, những bài thơ rút từ sau gáy Ba Con Nhất đều đƣợc Nghiêm Văn Túc cho ngâm trƣớc máy phóng thanh. Hết ca tụng "Máy gặt về", "Điện về", "Nƣớc về" lại tả cảnh "Chuồng thỏ mùa xuân", "Cánh đồng mùa hạ", "Hợp tác xã mùa thu". Bài nào cũng mở đầu bằng "Thời đại tƣơi vui…" Đoạn giữa thế nào cũng có "Cờ đỏ trống khua tay lao động..." Đoạn kết bao giờ cũng có mấy lời kêu gọi "Phấn khởi... tiến hăng..."

Nói đến nhiệm vụ thì sao cũng nhắc nhở "Bỏ ăn bỏ uống một ngày, nhƣng không bỏ đƣợc máy càng vinh quang". Yêu nhau thì phát triển mãi cái tứ duy nhất là "Yêu nhau dù trọn một đời… Xin đừng đắm đuối mà rơi lập trƣờng".

Tâm hồn điện tử của Ba Con Nhất cứ một điệu nhƣ vậy, nhạt nhẽo truyền hơi sống vào thi ca, bao trùm mọi câu chuyện, mọi tâm tình, mọi cảm nghĩ của cả nông trƣờng… Mọi em bé chăn bò học đòi Ba Con Nhất cũng ông ổng ngâm nga: "Bỏ ăn bỏ uống một ngày..." Một chiều chủ nhật, Lăng Quăng đi chơi rừng với Duyên.

Có bàn chuyện cƣới xin thì bị Duyên chỉnh luôn: "Xem ra đắm đuối lả lơi... Coi chừng kẻo lại đánh rơi lập trƣờng!..." làm cho Lăng Quăng thở dài sƣờn sƣợt.

Thấm thoát tới hội mùa. Nông trƣờng CON ÉN thu hoạch tốt có tổ chức mít tinh ăn mừng thắng lợi. Chỉ trong nháy mắt Ba Con Nhất đã sản xuất đƣợc "Bài ca vụ mùa thắng lợi" ngàn rƣởi câu. Nội dung vẫn giống các bài cùng loại này do Ba Con Nhất sản xuất nhƣ "Ca làm cỏ thắng lợi", "Ca đi săn thắng lợi", "Ca phát huy sáng kiến thắng lợi", nghĩa là lại vẫn: "Tƣơi vui… lúa vàng... cờ đỏ hát ca vang... tay lao động... bỏ ăn bỏ ngủ quên sao vụ mùa... phấn khởi tiến hăng… công nông trí kết đoàn v.v…"

Nghe xong mọi ngƣời lại vô tay một cách hợp thời trang. Mấy cụ râu dài quen lệ lại láy vài câu để các cụ bà mỉm cƣời.

Lăng Quăng lại thấy bực bội trong ngƣời, bật dậy nhƣ chiếc lò xo, đầu ngẩng rất cao, phát biểu: "Sáo đến thế! Nhạt nhƣ nƣớc ốc đến thế mà bà con cũng thích đƣợc à!…"

Nghiêm Văn Túc bèn nổi giận nhƣ Chúa thấy quỷ Sa Tăng đả kích vào con chiên của mình, hội ý cấp tốc với một số cán bộ trung kiên để phê phán Lăng Quăng. Một ngƣời nói: "Đồng chí Lăng Quăng nặng đầu óc địa vị… thấy thơ của thi sĩ Ba Con Nhất đƣợc mọi ngƣời yêu thích thì sinh ra ghen tuông bất mãn…" Một ngƣời phân tích: "Đồng chí Lăng Quăng nói xấu bạn… phê bình thiếu xây dựng, kiêu căng không chịu học hỏi… nhƣ thế là tƣ tƣởng phá hoại". Nghiêm Văn Túc quên cả chắp tay lên ngực trân trọng nhƣ mọi lần, vội vã lên diễn đàn vận động lý luận kết tội Lăng Quăng coi thƣờng sự thƣởng thức văn nghệ của quần chúng và phạm vào chính sách đoàn kết giữa ngƣời "máy" và ngƣời "thật". Túc đề ra ý kiến tổ chức một cuộc đọ tài văn thơ giữa Lăng Quăng và Ba Con Nhất. Nhiều ngƣời giơ tay ủng hộ Túc. Túc nắm chắc phần thất bại nhục nhã của Lăng Quăng và nhƣ thế là có cớ để dập vùi anh. Cô Duyên lên diễn đàn xin có ý kiến. Lăng Quăng hồi hộp đợi, tin tƣởng ít nhất ngƣời yêu của mình cũng sẽ bênh mình. Nhƣng không! Bằng giọng cả quyết, cô nói: "Nếu đồng chí Lăng Quăng thua, tôi kiên quyết sẽ cắt đƣờng luyến ái… vì tôi không muốn lấy chồng tồi, không tiến bộ…"

Lăng Quăng mỉm cƣời chua chát Anh ngẩng cao đầu nhận đọ tài với tên ngƣời "giả" đang đƣợc mù quáng tôn sùng kia.

Ngay sáng hôm sau, toàn thể nông trƣờng nghỉ buổi làm, tới câu lạc bộ chứng kiến một cuộc thi tài văn nghệ "không tiền khoáng hậu".

Nghiêm Văn Túc đƣợc chỉ định làm trƣởng ban giám khảo, ngồi giữa phòng, hai bàn tay chắp lại đặt giữa ngực, rõ ra dáng nhân vật quan trọng. Bên tả là Ba Con Nhất đứng, ngó bộ kênh kiệu. Bên hữu là Lăng Quăng ngồi thiểu não. Đầu bài thi nhƣ sau: "Tả cảnh trời xuân…" Túc đánh kẻnh báo hiệu bắt đầu. Phòng họp trở nên im lặng. Chỉ còn nghe thấy tiếng ruồi bay vo vo, tiếng máy chạy sè sè và tiếng ngòi bút kêu soàn soạt.

Khốn nạn Lăng Quăng cắn bút mãi mới đƣợc chƣa đầy dăm câu thơ mà Ba Con Nhất đã tuôn ngay một bài thơ 3000 câu. Thế là cuộc thi chấm dứt. Lăng Quăng thua hẳn hoi. Mồ hôi anh vã ra, nét mặt răn rúm lại. Anh đƣợc chỉ định ngâm hộ Ba Con Nhất. Giọng anh đau đớn xót xa (giọng của ngƣời thất bại chua cay) khiến bà con lầm tƣởng anh muốn làm nổi bật lên tâm hồn điện tử thiết tha của Ba Con Nhất và ngƣời ta càng vỗ tay ầm ĩ.

Bài thơ cũng vẫn quanh đi quẩn lại những câu nhƣ:

… Rực rỡ vườn xuân, cúc nở vàng Hoa đào tươi nở báo Xuân sang Dựng xây nhân loại, tay lao động No ấm từ đây mãi vẻ vang

Nhà máy khói vờn, đà thắng lợi Công nông trí thức thấy vinh quang Xuân sang phấn khởi ta đều hứa Kiến thiết nông trường, tiến tiến hăng!…

hay

Quên ăn, quên ngủ, chớ quên đời Chớ quên đất nước, mây trời mùa xuân…

Vài cụ râu dài lại làm cái việc thƣờng lệ là nhại lại vài câu lý thú, không quên ho sù sụ để các cụ bà thƣơng hại. Nghiêm Văn Túc đủng đỉnh đứng dậy, ra lệnh bế mạc, rồi rời phòng thi, mắt không quên liếc ngƣợc đảo xuôi, chắc mẩm thế nào cái dáng điệu quan trọng của mình cũng lọt vào đôi mắt xanh nào đấy…

IV. Ba điều đáng chết và ba điều hèn

Từ sau cái bữa hỏng thi, Lăng Quăng đã không đƣợc Duyên đoái hoài đến nữa.

Càng ngày cái vị trí của anh càng bị xuống. Nghiêm Văn Túc lại quất những làn roi phê bình tàn bạo vào những sáng tác phẩm của anh, gây thành dƣ luận rộng rãi khiến cho cả nông trƣờng thành kiến với thơ anh đến độ thơ anh làm ra ngâm lên chỉ độ vài khúc là ngƣời ta đã nhao nhao kêu tồi, kêu đồi bại, kêu lãng mạn. Có ngƣời lại chụp lên dăm cái mũ phong kiến tƣ sản, tiểu tƣ sản v.v…

Một bữa, muốn đo lòng ngƣời, anh đã là một việc gian dối là ký láo tên Ba Con Nhất xuống một bài thơ mới của anh rồi đem ngâm. Nghe xong, lập tức Túc đứng ra lảm nhảm phân tích làm cho cả nông trƣờng nắc nỏm khen hay. Anh liền nói rõ sự thật là bài ấy chính anh làm thì một số không tin, cho là anh khuếch khoác, một số khác (trong đó có cả Duyên) thì lại nói: "Thảo nào, bọn mình nghe xong cũng ngờ ngợ, cảm thấy bài thơ tồi quá…" Riêng Nghiêm Văn Túc thì đao to búa lớn phê phán anh về cái tội lợi dụng tên tuổi của Ba Con Nhất để đƣợc tiếng khen, xúc phạm đến uy tín của lớp ngƣời "máy".

Lăng Quăng bị chăng chói giữa cuộc sống đầy rẫy thành kiến, bị chung quanh không hiểu mình, bỏ rơi và lạnh nhạt Mà tất cả chỉ tại cái "máy ngƣời". Nghiêm Văn Túc và cái ngƣời "máy" Ba Con Nhất vô tƣ vô giác kia, sừng sững yêu quái ở giữa cái nông trƣờng tƣơi đẹp này. Anh căm phẫn cao độ.

Một buổi chiều thoáng thấy bóng Duyên tiến về phía Câu lạc bộ, anh liền theo sau. Duyên vào buồng đặt Ba Con Nhất, bàn tay còn đầy dầu máy chứng tỏ cô ả vừa ở cơ xƣởng về là vào thẳng đây. Anh đứng nấp sau rem cửa nhìn vào, bỗng thấy Duyên ngoan ngoãn quỳ xuống trƣớc Ba Con Nhất thầm thì xin một bản tình ca. Duyên vặn nút chữ. Tiếng máy sè sè chừng một tích tắc. Ba Con Nhất nhả ra sau gáy một cuộn giấy. Duyên giở ra ngâm nga khe khẽ:

… Nghe em! Đừng quên nhiệm vụ Chớ mất lập trường

Trọn đời anh sẽ yêu em v.v…

Ngâm xong, Duyên áp bài thơ tình đó vào ngực và ngƣớc mắt đắm đuối nhìn vào đôi mắt nẩy lửa của Ba Con Nhất.

Lăng Quăng thấy sôi sục trong tim. Ý nghĩ rùng rợn nẩy ra. Nhất định phải cho vài nhát dao. Anh thò tay vào túi lấy ra con dao nhíp, mở cả hai lƣỡi loang loáng sáng… và anh tiến vào. Duyên giật mình quay lại, hơi mỉm cƣời làm anh bối rối. Để lấy can đảm, anh bèn dõng dạc tuyên án: ―Cô có 3 điều đáng tội chết. Điều thứ nhất là cô cám dỗ máy làm tổn thƣơng đến đạo đức của máy. Điều thứ hai là cô ăn ở bạc tình vô chung vô thuỷ, ấy là tội phản bội. Điều thứ ba là cô giết chết một thiên tài là tôi, phƣơng hại đến cái vốn quý nhất của xã hội là con ngƣời.‖

Duyên bình tĩnh đáp lại: ―Tôi chết không đáng tiếc, chỉ tiếc là chết bởi tay ngƣời hèn. Anh có 3 điều hèn không đáng sống. Điều hèn thứ nhất là anh mang tiếng làm ngƣời mà thi văn thơ phải chịu thua máy, điều hèn thứ hai là anh đã ăn cắp cái tên của máy để đƣợc tiếng khen, còn điều hèn thứ ba là anh định dùng dao hại ngƣời tay không, mà ngƣời đó lại là ngƣời đàn bà con gái…‖

Lăng Quăng ôm mặt khóc rƣng rức và bỏ ra về. Án mạng không xảy ra, chỉ có lòng anh rớm máu đau thƣơng. (Thực sự Duyên vẫn yêu anh nhƣng vẫn phải làm thế nào để giáo dục ngƣời yêu.)

Mấy hôm sau Lăng Quăng gặp ông chủ tịch, xin rút lui nghề làm thơ, xin đƣợc chuyển công tác khác. Nông trƣờng đang thiếu chân quét chuồng ngựa.

Ông chủ tịch đã sắp xếp anh vào chân đó, đồng thời cố an ủi khuyến khích anh. Anh làm việc cần cù nhƣng đêm đêm vẫn thức khuya tiếp tục làm thơ, những vần thơ ngậm ngùi nói lên:

… Những xót xa, những nước mắt khôn nguôi Những tiếng hát muôn chim, Những phút trái tim cười

Tôi chắp nỗi buồn vui mãi mãi (Dù em chẳng nghe tôi)

Tôi vẫn ca

Lanh lảnh chuyện đời

Lòng hằng tin: Người sẽ hiểu lòng tôi.

V. Đoạn kết rất công thức nhưng cần thiết

Số là… dù sao đi nữa thì máy vẫn chỉ là máy. Khả năng của máy chỉ có hạn. Tâm hồn điện tử của Ba Con Nhất dù đƣợc Nghiêm Văn Túc nâng niu đến mấy đi nữa cũng trở nên tầm thƣờng khô cạn và nhạt nhẽo. Nông trƣờng CON ÉN đã bắt đầu ngấy những vần điệu nhai đi nhai lại mãi.

Những bài về thời sự chính sách của thi sĩ máy từ bài thứ vài nghìn trở đi đƣợc phóng thanh sáng sáng chiều chiều đã làm các bà già buồn ngủ, các ông già bực dọc bứt tóc vặt râu, các con trai bịt lỗ tai, các cô gái thanh xuân thì nguyền rủa: ―Khổ lắm biết rồi, cũ lắm rồi‖. Còn cụ Hay Rƣợu thì chếch choáng vài ba tợp rƣợu xông lại trƣớc mặt Ba Con Nhất mà cà khịa. Nghiêm Văn Túc thì giở một quyển luật về ―chống đánh nhau‖ ra can.

Cuối cùng cả nông trƣờng kiến nghị lên ông chủ tịch đòi quẳng Ba Con Nhất vào kho chứa đồ đồng nát. Túc cố kể thành tích của Ba Con Nhất hòng cứu vãn quyền uy của máy. Cả nông trƣờng phản đối Túc quyết liệt, lại còn đòi quẳng cả cái tủ sách vở chứa trong bụng Túc đi nhân thể. Túc lấy làm sợ hãi, vội vàng chắp hai tay lên ngực, rồi khóc, trang trọng y hệt bậc chân tu thấy mọi gƣời không hiểu nổi chánh đạo của mình.

Sau đó Nguyễn Linh Quang đƣợc trả về chức vụ thi sĩ của của mình. Nông trƣờng giao cho cô Duyên xuống chuồng ngựa đón. Cuộc tái hợp diễn ra bao nhiêu mừng mừng tủi tủi.

Nông trƣờng trở lại đời sống thực của con ngƣời. Bà con lại học thuộc thơ Lăng Quăng, những bài thơ hiện thực xã hội chủ nghĩa, rất ―ngƣời‖, ca tụng tình yêu lao động, sáng tạo yêu đất nƣớc và yêu cuộc sống vĩ đại muôn màu muôn vẻ

Tin sau cùng: Những sự việc xảy ra ở nông trƣờng CON ÉN đã tƣơng tự xảy ra ở một số nơi khác (từng sử dụng sai lầm ngƣời ―máy‖) và cùng đi đến một kết luận công thức nhƣng rất cần thiết nhƣ đã kể lại ở trên đây.

1956

(Trích báo Nhân văn số 5 xuất bản ngày 20-11-1956)

\*

Chương IV: Các nhà học giả

Hiện nay ở Bắc Việt có ba nhà học giả, có uy tín trong nƣớc và ngoài nƣớc. Cả ba đều là giáo sƣ đại học. Đấy là các ông: Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo và Nguyễn Mạnh Tƣờng.

Cả ba ông đều tích cực tham gia kháng chiến và hoạt động trong phong trào Nhân văn-Giai phẩm và đều đã bị đuổi khỏi trƣờng đại học.

Chúng tôi xin giới thiệu cả ba nhà học giả cùng với những bài văn họ viết đề đấu tranh đòi chế độ miền Bắc phải thực hiện tự do dân chủ.

Đào Duy Anh

Ông Đào Duy Anh là một nhà học giả toàn quốc đều biết vì ông đã có công soạn nhiều bộ từ điển và nhiều bộ sử có giá trị.

Thuở nhỏ ông ở Thanh Hoá, lớn lên ông theo gia đình vào Huế học. Xuất thân làm thày giáo và tham gia cách mạng trong phong trào Tân Việt, hồi 1930, sau đó ông quay ra viết sách và xuất bản sách.

Trong kháng chiến, ông lui về Thanh Hoá, sống giữa một ngọn đồi hẻo lánh ở gần Sim, và tiếp tục viết sách. Năm 1952 ông bị triệu đi Việt Bắc, nhƣng lên tới nơi, ông không chịu nổi khí hậu, bị kiệt dần sức khoẻ, nên đến cuối năm 1953 phải thuê ngƣời thồ bằng xe đạp đƣa ông về Thanh Hoá. Ít lâu sau ông dạy sử ở trƣờng Dự bị Đại học. Về Hà Nội ông đƣợc bổ dạy ở Đại học Văn khoa.

Ông là ngƣời điềm đạm, trong các buổi họp ông ít phát biểu ý kiến và mỗi khi cuộc thảo luận trở nên gay gắt thì ông hay lẩn tránh. Tuy vậy gần đây ông cũng đứng hẳn về phe đối lập, viết nhiều bài trong Nhân văn và Giai phẩm lên án chính sách của Đảng. Dù sao ông vẫn là nhà viết sách khảo cứu hơn là nhà viết báo, nên ông vẫn ƣa phân tách tỉ mỉ những sai lầm, hơn là công kích để đả phá.

Chúng tôi trích mấy đoạn văn sau đây của ông để giới thiệu lối tranh luận khách quan và từ tốn của một nhà sử học, thật là khác hẳn với lối văn bút chiến của cụ Phan Khôi hay là của ông Sĩ Ngọc.

\*

Muốn phát triển học thuật

Tôi muốn góp một số ý kiến vào vấn đề xây dựng nền học thuật của nƣớc nhà. Chẳng cần phải thảo luận, ai ai cũng phải thừa nhận rằng nền học thuật của ta hiện nay thấp kém, lạc hậu. Trong sự nghiệp kiến thiết kinh tế và văn hoá để xây dựng một nƣớc Việt Nam dân chủ theo hƣớng xã hội chủ nghĩa, công tác học thuật, công tác nghiên cứu khoa học, có một vai trò trọng đại, vì công tác này mà không phát triển thì không những kiến thiết văn hoá mà cả kiến thiết kinh tế cũng không thể đi xa. Nhiệm vụ của chúng ta là phải làm thế nào cho công tác ấy đáp ứng xứng đáng đƣợc nhu cầu kiến thiết. Nhƣng muốn nhận định nhiệm vụ ấy cho đúng đắn, cần phải đánh giá đúng mức tình hình hiện tại của công tác học thuật.

Trong thời kháng chiến, tinh thần mọi ngƣời đều căng thẳng hƣớng về yêu cầu "tất cả cho tiền tuyến", cho nên cái tình trạng công tác nghiên cứu khoa học không đƣợc săn sóc và ngƣời trí thức không đƣợc xem trọng, tuồng nhƣ chẳng đặt ra vấn đề gì. Nhƣng từ ngày hoà bình trở lại thì tình hình khác hẳn. Mọi ngƣời, Chính phủ cũng nhƣ nhân dân, đều nhận thấy rằng trong sự nghiệp kiến thiết kinh tế và văn hoá, nghiên cứu khoa học là vô cùng cần thiết. Giới trí thức cảm thấy sâu sắc rằng đây là cơ hội để họ có thể đem khả năng chuyên môn ra phục vụ và mọi ngƣời đều hi vọng rằng, với sự săn sóc của Chính phủ đối với công tác nghiên cứu khoa học và sự giúp đỡ của các nƣớc bạn, họ sẽ có điều kiện hoạt động dễ dàng, khác với cảnh chật vật gay go của thời kháng chiến. Thế mà quang cảnh nghiên cứu khoa học chƣa thấy khởi sắc, công tác học thuật vẫn cứ tiêu điều, giới trí thức lại dần dần mất đà phấn khởi. Chúng ta phải có can đảm nhìn nhận thực tế ấy, thành khẩn nhận ra nguyên nhân thì mới có thể tìm phƣơng cải thiện tình hình đƣợc.

Vì chƣa có chính sách cụ thể về vấn đề trí thức cho nên trong quan niệm của ngƣời cán bộ chính trị, có khi là ngƣời giữ trách nhiệm điều khiển và lãnh đạo ở bực cao, vẫn tồn tại cái thành kiến không tin khả năng của ngƣời trí thức. Do đó, trong thực tế, ngƣời trí thức không đƣợc cảm thông nâng đỡ trong yêu cầu chuyên môn của họ, mà trái lại, họ cảm thấy luôn luôn bị ngƣời cán bộ chính trị chèn ép.

Theo tôi thiển nghĩ thì công tác chuyên môn căn bản phải do những nhà chuyên môn phụ trách - nếu không có đủ thì phải đào tạo mà điều ấy không phƣơng hại gì cho nguyên tắc chính trị lãnh đạo.

Trong địa hạt khoa học tự nhiên, sự xâm phạm của những cán bộ chính trị vào địa hạt chuyên môn nhƣ thế cố nhiên là rất trở ngại cho công tác chuyên môn, nhất là công tác nghiên cứu khoa học. Trong địa hạt khoa học xã hội thì mối tệ cũng không kém. Vì khoa học xã hội chịu sự lãnh đạo của chính trị trực tiếp hơn cho nên ngƣời ta rất dễ nghĩ lầm rằng hễ ngƣời có lập trƣờng và năng lực chính trị vững vàng thì tất có điều kiện căn bản cần thiết để làm công tác về khoa học xã hội. Bởi thế chúng ta thấy không ít trƣờng hợp, hoặc những cán bộ thuần tuý chính trị hoặc những cán bộ chính trị mƣợn danh hiệu chuyên môn, đƣợc cử ra lãnh đạo một tổ chức văn hoá hay học thuật. Nhƣ thế thì công tác nghiên cứu khoa học khó lòng đƣợc quan niệm và hƣớng dẫn đúng đắn. Thái độ quá dễ dãi của ngƣời lãnh đạo đối với sự nghiên cứu, do trình độ chuyên môn còn non gây nên, và thái độ lũng đoạn học thuật do quan niệm hẹp hòi về lập trƣờng gây nên, có thể tạo thành cái tác phong nghiên cứu hời hợt, thiếu nghiêm túc và chính xác, rất có hại cho công cuộc nghiên cứu chân chính. Tóm lại, chính cái tƣ tƣởng không tin và coi rẻ trí thức đã dẫn đến sự ứng dụng lệch lạc cái nguyên tắc rất đúng đắn về quyền lãnh đạo của chính trị, do đó công tác học thuật của chúng ta, về khoa học tự nhiên cũng nhƣ về khoa học xã hội, gặp nhiều cản trở mà vẫn bị hãm vào tình trạng lạc hậu.

Nhƣng muốn chấm dứt tình trạng ấy, muốn cho học thuật phát triển đƣợc thì không thể làm thế nào khác đƣợc là dựa vào cái cơ sở sẵn có, các nhà trí thức chuyên môn Việt Nam, tức là đạo quân chủ lực của công tác học thuật.

Do đó vấn đề mấu chốt cần phải giải quyết trƣớc hết để thúc đẩy công tác học thuật tiến lên là vấn đề trí thức.

Cái điều kiện cuối cùng, mà không thể thiếu đƣợc, để cho học thuật phát triển là tự do tƣ tƣởng, tự do thảo luận. Ở đây tôi không vạch ra hạn chế tự do tƣ tƣởng nói chung vì những tác phong quan liêu bè phái, độc đoán là những cái đã tác hại nghiêm trọng trong mọi ngành công tác. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh hai hình thức hạn chế tự do tƣ tƣởng tác hại nặng nhất đối với học thuật là bệnh giáo điều và biến chứng của nó là bệnh sùng bái cá nhân. Đại hội thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô đã tố cáo những tác hại của hai bệnh ấy trong công tác tƣ tƣởng và học thuật, nhất là về khoa học xã hội. Phần lớn các nhà công tác lý luận cũng nhƣ các nhà triết học, sử học chỉ là "nhắc lại những khuyến cáo, công thức và đề án cũ mà họ đã lật đi lật lại đủ

chiều" (Mi-cai-an). [[2]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9642&rb=08#anm2) Thậm chí ngƣời ta còn cho rằng "khoa học xã hội chỉ có thể phát triển nhờ những nhân vật phi phàm, các nhà học giả khác chỉ có việc là chú giải và phổ biến những tác phẩm của

các lãnh tụ" (Kommounist). [[3]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9642&rb=08#anm3) Ở nƣớc ta thì bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân lại còn trầm trọng hơn, khiến ngƣời ta, vô luận bàn về vấn đề gì, cũng đều phải bắt đầu dẫn những đề án của Mác-Ăng-ghen và Lê-nin, hoặc những ý kiến của Sta-lin hay các lãnh tụ khác, để, hoặc phát triển thêm những ý kiến ấy, hoặc g ̣ò bó tài liệu, xoay sở thế nào để gán vào khuôn khổ của những công thức rút ra tự những ý kiến ấy. Xin chỉ một cái tỷ dụ gần đây. Nhƣ vấn đề phân kỳ của lịch sử Việt Nam và vấn đề hình thành dân tộc, chúng tôi nhận thấy rằng nhiều ngƣời nghiên cứu không dám có ý kiến gì mới ngoài những điều các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác hay các vị lãnh tụ đã nói về các vấn đề

ấy. [[4]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9642&rb=08#anm4) Bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân lại dẫn thẳng đến cái tệ tƣ tƣởng độc tôn: hễ thấy ai có ý kiến gì vƣợt ra ngoài những công thức cũ, những khuôn khổ sẵn có thì ngƣời ta chụp ngay cho những cái mũ dễ sợ, nhƣ cái danh hiệu cải biến chủ nghĩa chẳng hạn, những mũ nhƣ thế rất dễ bịt mồm bịt miệng ngƣời ta.

Tƣ tƣởng không tự do thì không thể tự do thảo luận đƣợc. Mặc dầu không ai cấm tranh luận - các nhà lãnh đạo vẫn thƣờng nói nên mở rộng tranh luận nhƣng trong thực tế thì sự thảo luận đã bị thủ tiêu từ gốc rồi. Nghiên cứu hay nghị luận một vấn đề gì, nhiều ngƣời chỉ nơm nớp sợ không khéo thì chệch ra ngoài đƣờng lối tƣ tƣởng chính thống độc tôn. Đối với những ngƣời ấy, công tác học thuật trở thành trò xiếc leo dây. Con đƣờng học thuật phải là con đƣờng cái thênh thang mọi ngƣời tự do đi lại, chứ không phải sợi dây căng của ngƣời làm xiếc. Phải trừ bỏ những bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân để trả lại tự do cho học thuật. Phải áp dụng chính sách "bách gia tranh minh" mà Đảng Cộng sản Trung Quốc thi hành đối với công tác nghiên cứu khoa học, cái chủ trƣơng mà ông Lục Định Nhất đã giải thích rằng: "Tự do suy nghĩ độc lập, tự do tranh luận, tự do sáng tác và tự do phê bình, tự do phát biểu ý kiến của mình". Về điểm này tôi không thể nói gì hơn. Tôi chỉ xin nhấn mạnh rằng cái tự do chúng ta chủ trƣơng đây, cũng nhƣ ý kiến của ông Lục Định Nhất, không phải là tự do theo lối tƣ sản, mà là tự do dân chủ trong nội bộ nhân dân.

Giới trí thức Việt Nam đƣơng chờ đợi một sự giải quyết mạnh bạo và căn bản.

(Trích Giai phẩm mùa Thu [[5]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9642&rb=08#anm5) tập III năm 1956)

\*

Trần Đức Thảo

Trần Đức Thảo, năm nay 45 tuổi là con cụ Trần Đức Tiến, một tiểu công chức tòng sự tại Sở Bƣu điện hà Nội.

Lúc ông còn học ở trƣờng Lycée Albert Sarraut, ông đã tỏ ra hết sức thông minh. Các thầy dạy ông, nhất là ông Ner đã kêu lên là không chấm nổi bài của ông. Ông đỗ tú tài triết học năm 1935, và năm sau ông đỗ đầu trong kỳ thi vào trƣờng Normale Supérieure ở bên Pháp. Sau đó ông đỗ thạc sĩ về triết học và dạy ở Sorbonne.

Ở bên Pháp ông nghiên cứu thêm về triết học, xã hội học, viết nhiều bài trong các tạp chí văn học. Lúc đầu ông theo chủ nghĩa "Existentialisme" của Jean Paul Sartre, nhƣng từ 1946 ông thiên về chủ nghĩa Mác, gia nhập Đảng Cộng sản Pháp, và viết báo đả kích ông Jean Paul Sartre. Ông này kiện ông tại toà, nhƣng toà chƣa xử, thì ông Thảo đáp tầu đi Mạc Tƣ Khoa, rồi thẳng đƣờng về Bắc Việt (năm 1951).

Về đến nhà, ông bị giữ trong một khu rừng hẻo lánh trong chiến khu Việt Bắc và công tác ngƣời ta giao cho ông là dịch những truyền đơn địch vận từ tiếng Việt sang tiếng Pháp. Nhà lãnh tụ Hồ Chí Minh bảo ông: "Chú đọc sách vở ngoại quốc đã nhiều, nay chú mới về hãy nên học hỏi nhân dân trƣớc đã". Một phần vì quá nhàn rỗi một phần vì chán nản, nên mỗi ngày ông ngủ 18 giờ, chỉ thức để ăn và làm việc chừng 6 giờ.

Ông Trần Đức Thảo là điển hình của một nhà trí thức say mê chủ nghĩa cộng sản vì nghiên cứu chủ nghĩa ấy trên sách vở. Sự say mê đó đã tiêu tan từ ngày ông bƣớc chân về nƣớc và ngày nay sau kinh nghiệm Cải cách ruộng đất ông đã hoàn toàn tỉnh ngộ.

Bài ông viết sau đây phô bày tất cả sự đau xót của ông, tuy nhiên ông là ngƣời đầy thiện chí, nên ông còn đang cố gắng mang triết lý ra để sửa chữa những "sai lầm" hòng cứu vãn tình thế vì ông vẫn còn tia hy vọng trong đáy lòng là có thể thực hiện đƣợc cái lý thuyết cao siêu của ông Marx. Tuy vậy, giọng văn của ông cũng đầy một vẻ bực dọc không kém những ngƣời khác.

Mặc dầu ông Thảo đã hi sinh địa vị cao quý ở Pháp để trở về nƣớc tham gia kháng chiến, ngày nay ông vẫn bị quy là phản động số một, tay sai của đế quốc.

\*

Nội dung xã hội và hình thức tự do

Vấn đề tự do và tự do cho ai, tự do đối với ai, tự do để làm gì.

Tự do của quảng đại quần chúng, đấy là một nội dung chân chính mà chế độ ta thực hiện về căn bản, và có điều kiện để phát triển không ngừng. Nhƣng đây tổ chức chúng ta, tuy xét về nội dung là dân chủ thực sự, nhƣng lại bị lũng đoạn bởi những bệnh nặng nề: quan liêu, mệnh lệnh, giáo điều, bè phái, sùng bái cá nhân.

Đây là một cuộc đấu tranh cách mạng tiến hành trong nội bộ nhân dân, bằng phê bình và tự phê bình, đặng tranh thủ cho mỗi công dân những điều kiện hoạt động chính đáng và cần thiết để góp phần vào nhiệm vụ chung, chống sự kìm hãm và lấn át của những phần tử lạc hậu: quan liêu, bè phái, sùng bái cá nhân ở mọi cấp lãnh đạo. Phải nói rõ ở mọi cấp lãnh đạo, vì nếu xét đến cá nhân thì những bệnh ấy còn khá phổ biến với mức tiến triển của xã hội ta bây giờ, nhƣng có ở cƣơng vị lãnh đạo thì nó mới có điều kiện để gây tai hại lớn cho nhân dân. Những sai lầm nghiêm trọng phạm phải trong Cải

cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức [[6]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9642&rb=08#anm6) , kiến thiết kinh tế và văn hoá là những dẫn chứng hùng hồn. Những sai lầm ấy thì nhân dân ở mỗi địa phƣơng và nhiều cán bộ cấp dƣới, mỗi ngƣời trong phạm vi của mình, từ lâu đã trông thấy rõ, vì đã phải chịu đựng những tai hại gây ra cho bản thân mình hay chung quanh mình. Mà vì những sự việc ấy có tính chất phổ biến, vấn đề rút kinh nghiệm cũng không đến nỗi khó lắm.

Cụ thể nhƣ trong Cải cách ruộng đất, đặc biệt là đợt 4 và đợt 5, nhân dân đã có nhiều ý kiến xác đáng, dựa vào những bài học hiển nhiên của lịch sử Cách mạng Việt Nam, vào lý trí và đạo đức tự phát của ngƣời thƣờng dân. Ví dụ nhƣ trƣớc những nhận định từ trên đƣa xuống về tình hình nông thôn, thổi phồng lực lƣợng của địch và mạt sát cơ sở của ta, thì quần chúng và cán bộ cấp dƣới đã có nhiều thắc mắc.

Do quá trình thực tế phản đế phản phong, tổ chức kháng chiến của ta tất nhiên là một tổ chức của nhân dân lao động dƣới sự lãnh đạo của Đảng, và nếu có bao gồm một số phần tử phức tạp thì những phần tử ấy nói chung cũng đã đƣợc giáo dục ít hay nhiều trong thực tiễn đấu tranh, phục vụ nhân dân. Vậy cơ sở ta ở nông thôn trƣớc Cải cách ruộng đất cũng không thể nào xấu đến thế. Nó cần đƣợc cải tạo, nhƣng không đến nỗi phải đả kích hàng loạt. Mà theo lý trí thông thƣờng của ngƣời dân thì nếu thực sự tổ chức của ta đã bị lũng đoạn nghiêm trọng, thậm chí nếu tổ chức của địch lại "lồng vào tổ chức của ta" thì làm sao mà chúng ta lại kháng chiến thắng lợi? Đến cấp huyện và cấp tỉnh thì cái nội dung "chỉnh đốn tổ chức" lại càng quái gở, cuối cùng, theo tình cảm tự phát và thƣơng yêu bạn đồng đội, không nói gì đến đạo đức và nhân sinh quan cách mạng, thì cũng không thể nào kết án cơ sở chiến đấu của ta một cách đơn giản, chung chung vô trách nhiệm và khinh con ngƣời đến mức ấy. Cụ thể ở mỗi địa phƣơng mà đã đánh tràn lan, thì tính chất trái ngƣợc, phản tình phản lý của các nhận định chung về tình hình địch và ta đã phát hiện ngay trong việc làm. Nhƣng về cơ cấu của bộ máy lãnh đạo có hƣớng một chiều, rất nặng về tổ chức và phƣơng tiện đả thông, cƣỡng bách, mà những ý kiến phê bình của nhân dân hay cấp dƣới thì lại hoàn toàn để cho cấp trên quyết định có nên xét đến và có thảo luận hay không, cho nên những bệnh quan liêu, bè phái, sùng bái cá nhân trong tổ chức lãnh đạo đã có điều kiện khách quan để phát triển, đẩy mạnh phong trào đàn áp tƣ tƣởng, phớt qua quy tắc dân chủ, biến những ý kiến chủ quan thành "lập trƣờng" bất di bất dịch. Nhờ những điều kiện ấy mà những phần tử lạc hậu, bảo thủ, đã ngăn cản ý kiến của quần chúng, cản trở việc sửa chữa sai lầm, cho đến lúc tác hại lớn quá, cơ sở đã bị tổn thất nặng nề, chỉnh đốn tổ chức ở huyện và tỉnh phát triển theo một thứ chủ nghĩa nông dân lưu manh hoá. Rõ ràng những phần tử quan liêu bè phái đã lấy thành kiến của họ làm đƣờng lối của lịch sử, biến những sai lầm của họ thành bánh xe vô tình của lịch sử. Một bộ máy hùng mạnh, xây dựng để diệt thù, đến lúc không thấy thù thì lại quay về bạn, lấy bạn làm thù mà đập phá bừa bãi.

Sai lầm trong Cải cách ruộng đất và Chỉnh đốn tổ chức là một trƣờng hợp điển hình, nhƣng thực ra thì trong mọi vấn đề khác nhƣ kiến thiết kinh tế và văn hoá, cũng đã phải chờ cho có tai hạn lớn lao, đồng thời cũng có ánh sáng của Đại hội XX phát động phong trào tự do dân chủ, mới bắt đầu rút bài học kinh nghiệm. Rõ ràng rằng phƣơng pháp phê bình thông thƣờng trong nội bộ tổ chức không đủ để sửa sai kịp thời những sai lầm hết sức quan trọng. Còn những sai lầm tƣơng đối nhẹ hơn hoặc tác hại âm thầm hơn thì tất nhiên lại càng dễ xuý xoá. Cần phải có sự xây dựng tích cực của nhân dân mới ngăn ngừa đƣợc ảnh hƣởng của những phần tử bảo thủ, lạc hậu, những ông quan liêu, những ông sĩ diện, những ông bè phái luôn luôn cản trở đƣờng lối quần chúng của Đảng. Nhƣng vì chúng ta còn thiếu tập quán tự do, việc phê bình công khai tổ chức lãnh đạo thƣờng dễ gây thắc mắc. Dù nội dung phê bình có đúng chăng nữa, dù kinh nghiệm có cho hay rằng không đặt vấn đề trƣớc quần chúng thì không thể nào giải quyết kịp thời, nhiều anh em vẫn chỉ chú trọng nhận xét về "thái độ", truy nguyên tƣ tƣởng: thiếu tin tƣởng, bất mãn, tự do tƣ sản, thoát ly lãnh đạo, thậm chí là bôi nhọ chế độ", "để cho địch lợi dụng!". Những anh em ấy không thấy rằng nhân dân đƣợc sự lãnh đạo của Đảng thì Đảng cũng phải đƣợc sự xây dựng của nhân dân, miễn là cuối cùng thì nhân dân thực hiện chủ trƣơng chính sách của Đảng. Mà nếu trong lời phê bình có phần "bất mãn", thì có cái bất mãn ấy mới sửa chữa đƣợc sai lầm, có cái bất mãn ấy thì lãnh đạo mới thoả mãn đƣợc nhân dân.

Lãnh đạo theo đƣờng lối quần chúng không phải chỉ là ngồi trên mà "tìm hiểu quần chúng". Vì nhƣ thế vẫn còn là tự mình đặt trên nhân dân, mà ngƣời lãnh đạo không có quyền tự đặt mình trên nhân dân.

Kinh nghiệm Cải cách ruộng đất là một bằng chứng điển hình. Không công tác nào đã tập trung chừng ấy phƣơng tiện đả thông và cƣỡng bách, bộ máy tổ chức đƣợc rèn giũa nhƣ một động cơ hiện đại kiên cố, nhƣng cũng vì thế mà không nghe thấy ý kiến phê bình của nhân dân rồi đi đến chỗ làm ngƣợc hẳn đƣờng lối chính sách cách mạng, tấn công bừa bãi, phá huỷ cơ sở. Chính lúc Trung ƣơng tin tƣởng rằng nhờ tổ chức chặt chẽ mà nắm đƣợc hết thì biện chứng pháp của lịch sử đã quay lại vấn đề: tổ chức thoát ly quần chúng, lãnh đạo rất yếu, chỉ đạo lung tung.

Chúng ta có thể nhận định: vấn đề tự do nhân dân miền Bắc hiện nay cụ thể trƣớc mắt là tự do đối với những phần tử lạc hậu, bảo thủ, quan liêu, giáo điều, bè phái sùng bái cá nhân nằm ở mọi cấp lãnh đạo mà cản trở sự phát triển của chế độ dân chủ nhân dân, làm lệch công tác lãnh đạo của Đảng, đã gây ra nhiều tổn thất nghiêm trọng cho tổ chức nói chung là kìm hãm công cuộc kiến thiết miền Bắc, tranh thủ miền Nam. Nhiệm vụ chống những phần tử ấy căn bản là nhiệm vụ đấu tranh với bạn, tiến hành bằng phê bình và tự phê bình.

Trong bản tham luận đọc trƣớc Đại hội thứ VIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đồng chí Đặng Tiểu Bình, hiện giờ Tổng Bí thƣ của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nói: "Đảng không có quyền vƣợt lên trên quần chúng nhân dân, tức là Đảng không có quyền ban ơn, cƣỡng bách, mệnh lệnh đối với quần chúng nhân dân, Đảng không có quyền xƣng vƣơng xƣng bá trên đầu nhân dân".

(Trích Giai phẩm mùa Đông tập I, 1956)

\*

Nỗ lực phát triển tự do dân chủ

Trƣớc hết, chúng ta phải nhận định rõ ý nghĩa và nội dung của phong trào tự do dân chủ đƣơng phát triển trong nhân dân. Căn bản nó là phong trào quốc tế, do Đại hội Đảng XX của Đảng Cộng sản Liên Xô phát động, và đƣơng lan tràn rầm rộ trên khắp thế giới.

… Nhân dân Việt Nam với sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu bè phái, sùng bái cá nhân, chính là thực hiện đƣờng lối cách mạng của Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô, do Đảng Lao động Việt Nam truyền đạt.

… Có anh em lo rằng với tự do dân chủ đƣợc phát triển, giai cấp tƣ sản sẽ ―ngóc đầu‖ lên. Chính nhƣ thế là đánh lạc vấn đề. Từ ngày hoà bình trở lại, chúng ta mở rộng phạm vi kinh doanh tƣ sản, chúng ta hô hào họ đầu tƣ; nhƣ thế họ cũng đã đƣợc thoả mãn một phần khá, mà họ cũng không có đủ sức để làm gì khác. Những ngƣời có vấn đề phê bình là những ngƣời lao động trí óc và lao động chân tay, phục vụ nhân dân và trung thành với Đảng, nhƣng chƣa đƣợc điều kiện để phát huy khả năng và phục vụ có kết quả, thậm chí còn bị kìm hãm, chà đạp bởi những phần tử quan liêu, bè phái, sùng bái cá nhân… Cái tự do mà họ muốn phát triển là tự do của toàn dân phê bình lãnh đạo, vì lãnh đạo chính là lãnh đạo của mình, mà có phê bình thì mới xây dựng đƣợc một tổ chức hợp lý, bảo đảm những điều kiện cần thiết để mọi công tác đƣợc kết quả tốt, để mỗi công dân đƣợc góp phần vào nhiệm vụ chung. Cái tự do ấy là quyền của ngƣời công dân, nó đƣợc hoàn toàn công nhận và bảo đảm trong chế độ ta… Chúng ta phải nỗ lực mở rộng dân chủ, phát triển phê bình trong nhân dân. Đảng đã chỉ đƣờng vạch lối, nhƣng không thể làm thay: Tự do không phải là cái gì có thể ban ơn.

Trong nhiệm vụ thực hiện phƣơng châm của Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô, đặng hƣởng ứng lời kêu gọi của Đảng Cộng sản Việt Nam, hƣởng ứng phong trào phát triển tự do dân chủ trong những nƣớc dân chủ nhân dân anh em, ngƣời trí thức Việt Nam có phần trách nhiệm quan trọng. Ngƣời trí thức hoạt động văn hoá, cần tự do nhƣ khí trời để thở. Có tự do mới đẩy mạnh đƣợc sáng tác văn nghệ nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật. Phát triển tự do là nhu cầu thiết thân đồng thời cũng là nhiệm vụ số 1 của ngƣời trí thức cũng nhƣ của toàn dân.

Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô đã bóc trần những kết quả tai hại của tác phong lãnh đạo vi phạm hình thức tự do.

… Riêng trong công tác văn hoá, một số bộ phận nghiên cứu sáng tác nhƣ bộ phận khoa học xã hội, theo báo cáo của đồng chí Mi-cai-an, đã bị hầu nhƣ tê liệt…

Hình thức tự do là tự do cá nhân… Cá nhân phục tùng tập thể, nhƣng tập thể cũng phải có cá nhân xây dựng và hình thức tự do trong phạm vi pháp lý nhân dân là điều kiện để mỗi cá nhân góp phần thực sự xây dựng tập thể. Xét đến tình hình thế giới mới đây, lý tƣởng tự do cá nhân lại là lý tƣởng của những ngày tiến tới, lý tƣởng của chủ nghĩa cộng sản bây giờ đƣơng bắt đầu trở thành một thực tế lịch sử ở Liên Xô.

Những nghị quyết lịch sử của Đại hội đã ảnh hƣởng sâu sắc đến các nƣớc dân chủ nhân dân anh em và phong trào công nhân và nhân dân thế giới. Nƣớc ta không thể nào đứng riêng: chúng ta sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội dƣới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin đã gột rửa những nết xấu của đời Stalin, với nội dung chân chính xây dựng trên kinh nghiệm kiến thiết chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới, trong ấy dƣới hình thức này hay hình thức khác, nhiệm vụ của vô sản chuyên chính là phát triển tự do cá nhân.

(Trích báo Nhân văn số 3 ra ngày 15 tháng 10 năm

1956) [[7]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9642&rb=08#anm7)

[[1] Đ](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9642&rb=08#nr1)ính chính: Trong cuốn Tâm trạng giới văn nghệ ở miền Bắc xuất bản đầu năm 1957 chúng tôi nhầm Châm Văn Biếm là bút hiệu của Nguyễn Hữu Đang. Vậy xin đính chính lại là của Như Mai - Mạc Đình.

[[2] P](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9642&rb=08#nr2)hiên âm chữ Mikoyan

[[3] T](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9642&rb=08#nr3)ên một tờ báo

[[4] Sử](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9642&rb=08#nr4) gia Việt cộng là ông Trần Huy Liệu có viết một bài báo giải thích rằng: xã hội Việt Nam bắt đầu hình thành từ năm 1930 là năm Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời. Ông Đào Duy Anh phản đối lý thuyết đó nên ông viết cuốn Vấn đề hình thành xã hội Việt Nam, trong đó ông bác thuyết của ông Liệu và chủ trương rằng xã hội Việt Nam đã hình thành từ thời Bắc thuộc.

[[5] B](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9642&rb=08#nr5)ài trích trong sách này thiếu nhiều đoạn. Xem toàn văn trong Giai phẩm mùa Thu tập III (talawas).

[[6] “](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9642&rb=08#nr6)Chỉnh đốn tổ chức” là một danh từ mới thay thế cho danh từ “thanh trừng” trong nộI bộ Đảng và trong chính quyền.

[[7] X](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9642&rb=08#nr7)em toàn văn bài viết trong Nhân văn số 3, bản trích trong sách này không đầy đủ (talawas).

Nguyễn Mạnh Tường

Nguyễn Mạnh Tƣờng là một ngƣời nổi tiếng là thông minh, vì mới 23 tuổi ông đã đỗ hai bằng Tiến sĩ luật khoa và Tiến sĩ văn khoa. Ông theo học ở trƣờng Albert Sarraut ở Hà Nội, sau đó sang Pháp học ở Montpellier. Sau khi về nƣớc, ông đƣợc bổ dạy ở Trƣờng Bảo hộ. Bị bạc đãi ông bỏ nghề dạy, ra làm trạng sƣ.

Năm 1946, ông đƣợc chính phủ Hồ Chí Minh cử đi dự Hội nghị Đà Lạt, nhƣng vì xung đột với Võ Nguyên Giáp, nên không đƣợc dự Hội nghị Fontainebleau.

Từ 1947 đến 1950 ông làm trạng sƣ ở khu III. Trong khi bênh vực cho các bị cáo trƣớc toà, ông hay dùng lời lẽ văn hoa để "nói mát" chế độ, nên ông bị chuyển sang ngành giáo dục.

Ông bị coi là phần tử "ngoan cố", không chịu "lột xác" nên thƣờng bị đả kích . Có lần cán bộ đặt ra vở kịch nhan đề là Phải hấp lại để lăng mạ ông, nhƣng ông không thèm trả lời.

Từ 1952 đến 1954 ông dạy ở Trƣờng Dự bị Đại học, và sau ngày đình chiến, ông đƣợc về dạy ở trƣờng Văn khoa Đại học ở Hà Nội. Chúng tôi giới thiệu ông Nguyễn Mạnh Tƣờng bằng hai bài của ông. Một bài nhan đề " Vừa khóc vừa cƣời" để giới thiệu ông Nguyễn Mạnh Tƣờng Tiến sĩ văn khoa, và bài ―Những sai lầm trong Cải cách ruộng đất‖ để giới thiệu ông Nguyễn Mạnh Tƣờng Tiến sĩ luật khoa.

\*

Qua những sai lầm trong Cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo

Lời soạn giả: Ông Nguyễn Mạnh Tường đã đọc bài diễn văn này trong một cuộc họp của Mặt trận Tổ quốc Hà Nội ngày 4 tháng 10 năm 1956 với tư cách đại diện cho trí thức ở thủ đô.

Mặt trận Tổ quốc là một tổ chức có tính cách "táp nham" mà chính quyền cộng sản thành lập với mục đích để lùa những phần tử "lừng chừng" vào cho tiện bề kiểm soát. Nó là biến thân của Mặt trận Liên Việt ngày xưa mà đã có người gọi là Mặt trận Lờ Vờ, hoặt tệ hơn nữa là: Mặt trận Lông Vịt.

Vì tính cách phức tạp của các hội viên mà đa số thuộc các thành phần "bất kham" nên sự kiểm soát của Đảng không mấy khi được chu đáo. Trong mấy tháng mùa Thu năm ngoái, vào lúc chính quyền đương bị dao động, thì sự kiểm soát đó gần như mất hiệu quả. Đó là lý do khiến luật sư Nguyễn Mạnh Tường có dịp lợi dụng cơ hội và hoàn cảnh đả kích kịch liệt chế độ bằng bài diễn văn này.

Bài này không được đăng trên các báo xuất bản ở Hà Nội, nhưng không biết bằng cách nào đã lọt tới Rangoon, sang Paris.

Bài diễn văn của ông Tường đã làm rung động thế giới vì lần đầu tiên có một nhà luật học đứng trên lập trường pháp lý của các nước văn minh lên án chính sách của ông Mao Trạch Đông về chương trình Cải cách ruộng đất đề ra từ 1926 và áp dụng lần đầu tiên ở Hồ Nam. Ngày nay, vừa đúng 30 năm về sau, và dựa trên kinh nghiệm đau xót của Bắc Việt, ông Tường lớn tiếng tuyên bố rằng chính sách đó quá ư dã man, không có mảy may nhân đạo và hoàn toàn trái với các nguyên tắc căn bản của pháp lý mà nhân loại công nhận hàng mấy ngàn năm nay.

Ông Tường cũng là người trí thức Việt Nam đầu tiên, sống dưới chế độ cộng sản, mà có can đảm lớn tiếng nói rằng: "Tôi là trí thức", không có tự ti mặc cảm, không "mất khí thế của giai cấp".

Nhà văn hào Nga Boris Pasternak trong tác phẩm Bác sĩ Zhivago của ông, cũng nhắc lại một câu thơ của Puchkine: "Ta là tiểu tư sản, ta là tiểu tư sản" để nói rằng thành phần tiểu tư sản không có gì đáng hổ thẹn cả. Sự giác ngộ và đoàn kết của cấp tiểu tư sản sẽ chặn đứng và tiêu diệt chế độ cộng sản trong hậu bán thế kỷ hai mươi. Đó là ý kiến chung của giới trí thức sống trong bức màn sắt.

\*

Thƣa các quí vị,

Hội nghị Mặt trận Trung ƣơng họp để nghiên cứu các sai lầm trong Cải cách Ruộng đất và chính sách sửa chữa sai lầm ấy. Hôm nay tôi đƣợc đúc kết trƣớc toàn thể Hội nghị các ý kiến mà trong mƣời ngày vừa qua tôi đã trình bày trong tổ thảo luận, với tinh thần thận trọng của ngƣời trí thức không bao giờ quên trách nhiệm của mình trƣớc nhân dân và lịch sử nƣớc nhà.

Tôi phấn khởi đƣợc nghe bản phê bình của Đảng Lao động do ông Trƣờng Chinh đọc trƣớc Hội nghị. Nhƣng tôi cũng phải thú rằng lòng phấn khởi của tôi một phần bị giảm đi, vì tôi nhớ lại kết quả tai hại của các sai lầm đã phạm trong công cuộc Cải cách Ruộng đất. Tôi xin phép các vị đƣợc kính cẩn nghiêng mình trƣớc kỷ niệm những ngƣời vô tội đã chết oan, không phải vì bàn tay của địch mà chính của ta. Trong cuộc kháng chiến anh dũng của ta, những đồng bào đã hi sinh, có thể nói đƣợc, chết với trong lòng chan chứa nỗi vui sƣớng vì chết cho sự nghiệp giải phóng dân tộc khỏi nanh vuốt của địch. Họ chết vì địch, cho ta, đó là cái chết tích cực, cái chết vẻ vang, cái chết oanh liệt mà Tổ quốc ghi nhớ muôn thuở. Trái lại, các ngƣời chết oan vì các sai lầm trong cuộc Cải cách Ruộng đất này, lúc tắt thở, cay đắng đau xót vì chết với một ô danh. Chúng ta đã xoá bỏ cái ô danh đó, nhƣng con cháu của các nạn nhân tài nào mà không ngậm ngùi? Đau đớn hơn, bây giờ ta làm thế nào mà biến cái khổ cực của ngƣời tắt thở thành một niềm an ủi cho họ đƣợc? Nếu chúng ta duy tâm và tin rằng linh hồn còn tồn tại thì một phần nào ta chuộc lại đƣợc tội lỗi của ta. Nhƣng ta duy vật và các ngƣời ấy lúc chết cũng là duy vật. Do đó, cái nỗi khổ cực của họ ta biết rõ rằng bây giờ ta không thể nào thủ tiêu đƣợc nữa. Quyền hạn của ta không tới đó. Nhƣng cái gì ta có thể làm đƣợc, ta cần làm, để nhƣ là đền bù một phần nào sự tổn thiệt của các ngƣời ấy, và chứng minh ta thấm thía nỗi đau khổ của họ khi họ từ trần là ta cƣơng quyết rút bài học kinh nghiệm đau đớn và sửa chữa các sai lầm nghiêm trọng mà họ là nạn nhân.

Với tinh thần của một ngƣời trong quần chúng, của một ngƣời công dân đau khổ trƣớc bao nhiêu cái chết oan của ngƣời vô tội, tôi xin phép trình bày mấy ý kiến xây dựng. Chủ yếu tôi sẽ phê phán và truy nguyên các sai lầm trong Cải cách Ruộng đất, nhƣng theo ý tôi các sai lầm này chỉ là biểu hiện điển hình và bi đát nhất của những thiếu sót trong sự lãnh đạo của Đảng Lao động. Do đó tôi xin đƣợc góp ý kiến xây dựng quan điểm lãnh đạo của Đảng Lao động.

Tại sao tôi lại tin nhƣ vậy? Là vì, không những trong Cải cách Ruộng đất chúng ta đã phạm sai lầm nghiêm trọng mà cả trong nhiều khu vực khác nữa. Trong các khu vực này, sai lầm cũng đã đƣa một số ngƣời trong quần chúng đến cái chết thê thảm. Do đó, nếu chỉ cục bộ hóa các sai lầm, chúng ta không thể rút đƣợc bài học kinh nghiệm, chúng ta sẽ khiếm khuyết với sự tín nhiệm của tất cả các đảng viên Đảng Lao động, với sự mong đợi của toàn dân. Chúng ta phải kiên quyết không cho các sai lầm ấy tái diễn và tác hại nữa. Đó là nhiệm vụ tối thiểu của chúng ta đối với các ngƣời đã chết oan.

Tình hình nƣớc ta hiện thời ra sao? Tình hình ấy có bi quan không? Đó là vấn đề nhận định thôi. Nhƣng cái chủ yếu là ta không nhìn tình hình ây với con mắt bi quan. Vậy sự thật khách quan nhƣ thế nào? Nhìn vào nông thôn, ta thấy hiện thời tình trạng thiếu đoàn kết rất phổ biến. Vì thi hành sai chính sách cải cách, ta đối lập các từng lớp trong giai cấp nông dân, cán bộ cũ và mới, chi bộ cũ và mới của Đảng. Trong khi đập tan giai cấp địa chủ, ta không phân biệt đối xử, ta để cho chết chóc thê thảm những ngƣời hoặc già cả hoặc thơ ấu mà ta không chủ trƣơng tiêu diệt. Ta chỉ cần đọc lại các bài giáo huấn cho đồng bào nông thôn trong báo Nhân Dân là ta đủ hiểu mặt mũi nông thôn hiện giờ ra sao. Nhìn vào các công xƣởng, công trƣờng, ta thấy gì? Cứ đọc báo Nhân Dân thôi, ta thấy Chính phủ gửi các phái đoàn đi thăm các anh chị em công nhân, ủy lạo họ, bắt buộc thi hành quy chế lao động mà Chính phủ đã ban ra. Nghĩa là thế nào? Nghĩa là giai cấp công nhân đã phải lao động sản xuất hai năm nay mà không đƣợc bồi dƣỡng đúng mức. Lắng nghe dƣ luận đồng bào Hà Nội thôi, ta đƣợc biết rằng có it ra một doanh nghiệp quốc gia lãng phí bao nhiêu triệu trong khi dƣới chế độ Pháp thuộc, cũng doanh nghiệp ấy mang lại cho thực dân đế quốc các số lãi khổng lồ.

Về Mậu dịch nửa năm nay, đồng bào ca thán nhƣ thế nào, ta đã biết. Nào chèn ép các nhà kinh doanh tƣ nhân, nào lãng phí bao nghìn triệu trong khi thực hiện chính sách, nào tàn nhẫn với các ngƣời bán sức lao động cho mình, nào đƣa ra thị trƣờng sữa hƣ mà không bao giờ nghĩ đến tính mệnh của ngƣời ốm, của trẻ sơ sinh, nào tung ra bơ hỏng, thuốc lá mốc, phạm đến sức khỏe của nhân dân, nào bất lực trƣớc hiện tƣợng vật giá ngày càng lên trong khi nhiệm vụ của mình là phải bình ổn nó. Có thể nói đƣợc, suốt ngày đêm không đâu là không có lời oán trách Mậu dịch.

Về hộ khẩu thì cán bộ tỏ vẻ không phải là nhằm duy trì trật tự an ninh, phá vỡ cơ sở của địch, trái lại quấy nhiễu nhân dân, tạo ra một đời sống thành thị điêu đứng cho tất cả. Nếu các vị cần những dẫn chứng cụ thể, tôi chỉ xin nhắc lại hồ sơ mênh mông, thu lƣợm các thắc mắc cay đắng của đồng bào Thủ đô trong Đại hội lần thứ ba của nhân dân Hà Nội vừa họp cách đây hai tháng.

Nói về chính sách khôi phục kinh tế, ta thấy gì? Số vốn mà các nhà công thƣơng mang ra kinh doanh chỉ là một phần ti tiểu, số công nhân làm việc trong các doanh nghiệp tƣ nhân không có nghĩa lý gì. Trái lại ta thấy tất cả một phong trào các nhà tƣ bản thu hẹp hoạt động của họ, hoặc ―chuyển hƣớng‖ bằng cách đâm ra quay chỉ, bán nƣớc mía, hay dệt vài thƣớc vải vớ vẩn, hoặc đóng cửa ăn vào vốn để khỏi đụng chạm đến Sở Lao động vì vấn đề công nhân, với Sở Công thƣơng vì vấn đề đăng ký và nguyên liệu sản xuất, với Sở Tài chính vì thuế khoá đặc biệt. Thuế bổ sung đã đƣa bao nhiêu ngƣời đến chỗ phá sản, có kẻ đến chỗ tự sát. Các ngƣời tiểu thƣơng buôn thúng bán mẹt, đẩy chiếc xe hàng tiều tụy trong phố, cũng ―đƣợc‖ nộp thuế, cũng nhƣ các ngƣời suốt ngày làm việc ở công sở hay công xƣởng, tối về thức đêm dệt vài thƣớc kiếm thêm tiền độ thân. Hàng trăm, hàng nghìn công chức cũ về hƣu, với gia đình của họ, trƣớc đây sống bằng lƣơng hƣu trí, hai năm nay không đƣợc ai chiếu cố đến, chết dần chết mòn, có ngƣời đâm đầu xuống sông tự tử, có ngƣời hai lần uống độc dƣợc để quyên sinh.

Còn nhƣ các cán bộ thì ta có cần nói đến không? Ta cứ trông mặt mũi, quần áo họ, ta chỉ cần hỏi con số những ngƣời qua các phòng khám bệnh, các bệnh viện, ta liếc mắt nhìn họ ăn uống những gì trong bữa cơm, là ta đủ hiểu khổ cực của họ.

Ta quên thế nào đƣợc các đồng bào tập kết ra ngoài Bắc, số phận con cái họ ở Hà Nội, Hải Phòng, số phận chính của họ bi đát quá nỗi! Khổ cực nhất cho các anh chị em là không nƣơng tƣa đuợc vào một đời sống gia đình đề khuây khỏa trong lúc thảm sầu.

Các hiện tƣợng trên đây có đúng không, tôi chỉ yêu cầu các vị đọc báo Nhân dân, nghiên cứu các hồ sơ chồng chất lên ở Mặt trận Thành Hà Nội sau Đại hội lần thứ 3 vừa rồi, nghe ngóng lời than phiền của quần chúng, nhìn nhận các quang cảnh diễn ra dƣới mắt của các vị là các vị đủ hiểu rồi. Quả thực nhƣ ông Trƣờng Chinh đã tuyên bố, uy tín của chính phủ, của Đảng bị tổn thiệt rất nhiều. Thế tại sao đồng bào chúng ta lại khổ cực? Phải chăng vì cán bộ của chúng ta non, hẹp hòi, chƣa thấm nhuần lý luận cách mạng, không tôn trọng giá trị của con ngƣời, các nhu cầu và đòi hỏi chính đáng của nó? Phải chăng vì ta đang mắc trầm trọng bệnh ấu trĩ của cách mạng? Các điều đó là có, ta không hề chối và ta cũng không thể chối cãi đƣợc. Nhƣng nhận định nhƣ vậy vẫn còn hời hợt. Ta phải đi sâu hơn nữa. Khi trong Cải cách Ruộng đất của ta, ta thấy bao nhiêu ngƣời bị tù tội, bị giết oan, trong đó bao nhiêu ngƣời dân ƣu tú đã từng góp phần không nhỏ vào sự nghiệp cách mạng, khi hiện thời ở nông thôn vẫn có ngƣời bị đánh đập, ngƣợc đãi, khi ta không xây dựng đƣợc đoàn kết giữa các đồng bào, thì ta phải nhận định rằng các sai lầm ta đã mắc trong cuộc Cải cách Ruộng đất này chỉ là những biểu hiệu cực độ của các sai lầm ta đã phạm, và các sai lầm ấy nêu lên, nhƣ tôi trình bày trên đây, một vấn đề cực kỳ quan trọng là vấn đề lãnh đạo của Đảng Lao động.

Do đó, tôi yêu cầu các vị cho phép tôi bắt đầu nghiên cứu các sai lầm trong Cải cách đã rồi sau khi truy nguyên các sai lầm ấy, đề đạt mấy ý kiến về vấn đề lãnh đạo.

I. Vấn đề pháp lý trong Cải cách Ruộng đất

Ta đã sai lầm nghiêm trọng trong Cải cách Ruộng đất, ta có thể tránh đƣợc sai lầm ấy mà vẫn bảo đảm đƣợc đƣờng lối căn bản của cách mạng không? Tôi giả nhời cƣơng quyết rằng có.

Đƣờng lối cách mạng của ta đòi hỏi gì? Ruộng phải trở về ngƣời cày. Điều này rất đúng không ai có thể chối cãi đƣợc. Nông dân là đại đa số trong nhân dân, nông dân là quân đội chủ lực của cách mạng, nhất định cách mạng không thể nào thành công đƣợc nếu ta không thỏa mãn nhu cầu thiết yếu và cấp bách của nông dân. Không cần phải là một nhà chính trị cao, một nhà cách mạng thạo, cũng nhận thấy điều ấy. Chỉ cần nhìn lịch sử cách mạng từ thời kỳ cổ đại đến giờ là đủ hiểu rồi.

Nhƣ vậy về nguyên tắc, ta tán thành chủ trƣơng Cải cách Ruộng đất.

Về phƣơng pháp, ta có nên ban ơn cho nông dân không? Nhất định là không. Nông dân ta trong bao nghìn năm đã khổ cực dƣới chế độ bóc lột phong kiến và một trăm năm nay dƣới chế độ bóc lột thực dân. Đồng bào nông thôn ta lầm than nhƣ vậy, đã mất hết khí thế con ngƣời. Ta cần khôi phục khí thế của ngƣời nông dân, xây dựng cho họ tinh thần chủ nhân ông trên đất nƣớc. Do đó ta thấy cần thiết phải phát động tƣ tƣởng của họ để họ nhận đƣợc phân minh kẻ thù của họ, để họ vùng giậy nắm lấy quyền thế ở nông thôn.

Nhƣng từ đây trở đi, ta thấy khởi phát các sai lầm. Sai lầm này, ông Trƣờng Chinh đã nhận thấy là ở chỗ: ta quên hẳn ta hiện thời nắm chính quyền và chính quyền ấy, nếu ta biết sử dụng nó, khai thác nó một cách sáng suốt, nhất định ta vẫn thành công nhƣng ta tránh đƣợc bao tai họa làm ta đau khổ hiện thời.

Con đƣờng ông Trƣờng Chinh đã đi để tiến tới kết luận ấy là con đƣờng chính trị. Các anh em tôi là những nhà luật học, chỉ là nhà chuyên môn và lý luận trên cơ sở chuyên môn thôi, đã trông thấy kết luận ấy ngay từ khi chính sách phát động và Cải cách đƣợc đề ra. Tại sao? Vì giải pháp chính quyền cụ thể là giải pháp pháp lý, đảm bảo thắng lợi hoàn toàn của cách mạng nếu ta biết mang nó ra phục vụ chính trị và cách mạng.

Ta muốn gì? Tìm kẻ thù của nông dân, của cách mạng để tiêu diệt nó. Nhƣng đồng thời nếu ta biết lo xa, nhìn xa, ta cũng không quên rằng công lý của cách mạng, muốn bảo toàn đƣợc uy tín và thắng lợi của cách mạng, phải biết đánh đúng địch. Khi đƣa ra khẩu hiệu ―thà chết 10 ngƣời oan còn hơn để sót một địch‖ thì khẩu hiệu này không những quá tả một cách vô lý mà phản lại cách mạng là đằng khác nữa. Muốn chứng minh điều này ta chỉ cần nhìn thực tế: kết quả sai lầm ta đã phạm khi thực hiện khẩu hiệu này rất tổn thiệt cho uy tín của cách mạng và cho bản thân bao nhiêu chiến sĩ cách mạng. Nếu không phải đó là phản lại cách mạng thì là gì?

Khẩu hiệu của pháp lý thì khác hẳn: ―Thà 10 địch sót còn hơn một ngƣời bị kết án oan‖. Thế ta có lo ngại rằng 10 địch sót không? Không, vì ta nắm chính quyền, vì cách mạng ta đã thành công. Nhƣ vậy kẻ thù của cách mạng chẳng sớm thì chậm, nhất định hoặc cải thiện, giác ngộ, hoặc lọt vào lƣới của ta. Khẩu hiệu này lợi ở chỗ: không một ngƣời oan nào bị kết án. Do đó, không có các kết quả cực kỳ tai hại diễn ra hiện thời.

Làm thế nào thực hiện đƣợc khẩu hiệu ấy? Kinh nghiệm pháp lý của hàng nghìn năm lịch sử thế giới cho ta biết rằng ta có phƣơng pháp để tìm đúng địch mà đánh, không đánh tràn lan, không đánh ngƣời vô tội. Tôi xin phép nhắc tóm tắt sau đây các nguyên tắc căn bản mà pháp lý nêu lên để đạt mục đích ấy.

Một nguyên tắc đầu tiên là không hình phạt các tội đã phạm quá lâu rồi mà bây giờ mới khám phá ra. Tại sao? Vì rằng vấn đề bằng chứng khó giải quyết đƣợc, tang vật đã mất, nhân chứng có ngƣời đã từ trần, có ngƣời không nhớ rõ các sự việc họ đã mục kích. Hơn nữa, sở dĩ hình luật phạt các tội, là vì các tội ấy đã xâm phạm vào trật tự xã hội: tác hại cho nạn nhân và gây tác dụng xấu trong quần chúng. Nhƣng khi tội đã phạm quá lâu, trật tự xã hội hết bị xâm phạm rồi, nạn nhân không còn đau khổ, tác dụng xấu của tội cũng hết, thời gian đã hàn gắn các vết thƣơng. Bây giờ lại vạch chuyện cũ thì không những khó thu thập đƣợc bằng chứng kết tội mà lại gây một sự náo động trong xã hội không cần thiết. Chính xã hội thấy ―quên‖ lợi hơn là ―nhớ‖.

Một nguyên tắc thứ hai là trách nhiệm của phạm nhân thì chỉ một mình phạm nhân phải chịu, không có trách nhiệm chung của vợ con, của gia đình. Nêu trách nhiệm truớc hình luật của các ngƣời ―có quan hệ‖ với phạm nhân không những là bất công mà lại còn gây các sự rung động vô ích trong xã hội. Hơn 400 năm nay không một nƣớc Tây phƣơng nào làm việc đó nữa. Trách nhiệm trƣớc hình luật chỉ là một trách nhiệm cá nhân mà thôi. Không những thế, về phƣơng diện nhân đạo, thì các phạm nhân quá già đƣợc miễn nghị, miễn tố và các vị thành niên đƣợc chiếu cố.

Môt nguyên tắc thứ ba là muốn kết án một ngƣời phải có bằng chứng xác đáng. Phải có nhân chứng là những kẻ đã mục kích sự phạm pháp và cung khai một cách cụ thể, rõ ràng, chắc chắn. Một nhân chứng thôi chƣa đủ, ít ra cũng phải có hai nhân chứng cung khai phù hợp với nhau mới đƣợc coi là đáng kể. Cung khai của các nhân chứng phải ăn khớp với nhau và trong quá trình phạm pháp các tang vật thu đƣợc phải có tác dụng hợp lý, sát hợp với kết quả do cuộc điêù tra mang lại.

Một nguyên tắc thứ tƣ là thủ tục điều tra, xét xử phải bảo đảm quyền lợi của bị tố nhân. Bị tố nhân có quyền nhờ luật sƣ bào chữa cho mình, và khi thiếu điều kiện nhờ luật sƣ, khi nào là một trọng tội, Tòa phải cử luật sƣ bào chữa không, cho bị can. Trong tất cả, giai đoạn điều tra ở trình độ công an thẩm vấn trong phòng dự thẩm, buộc tội trƣớc tòa, quyền lợi của công tố viện ngang với quyền lợi bị can, nghĩa là nếu công tố viện đƣa hết lý lẽ để buộc tội, bị can đƣa hết lý lẽ để minh oan. Cuộc đấu lý diễn ra trong tất cả quá trình điều tra, truy tố, xét xử giữa công tố viện và luật sƣ. Các vị thẩm phán ngồi xét xử phải là vô tƣ, đứng giữa để theo rõi cuộc đấu lý diễn ra dƣới mắt mình. Nhƣ thế mới nhận định đúng và xử công minh. Toà án xét xử không chịu lệnh của ai trong khi xét xử, chỉ biết xét xử theo lƣơng tâm của mình và căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ, sau khi nghe hai tiếng chuông buộc tội và gỡ tội. Ngƣời thẩm phán phải đƣợc đủ đảm bảo để làm nhiệm vụ của mình mà không sợ ai khiển trách hay gây khó khăn cho mình đƣợc. Khi điều tra thẩm vấn, tuyệt đối cấm không đƣợc dùng phƣơng pháp tra khảo, đánh đập, hành hạ bị can, mớm cung cho bị can, dọa nạt hay dụ dỗ hắn. Khi nào có điều nghi ngờ thì bị can đƣợc miễn nghị. Nếu bị kết án thì còn quyền chống án lên tòa trên. Nếu bị kết án tử hình thì lại còn quyền xin ân giảm trƣớc vị Chủ tịch Chính phủ. Con ngƣời của bị can, trong tất cả quá trình truy tố và xét xử phải đƣợc tôn trọng triệt để, khi bị can ra trƣớc tòa thì không đƣợc xiềng xích họ và không lúc nào đƣợc dùng nhục hình đối xử với họ. Theo một nguyên tắc căn bản, không phải vì một ngƣời tác hại cho một ngƣời khác mà ngƣời ấy phải chịu trách nhiệm trƣớc hình luật. Tác hại cho ai thì chỉ nêu trách nhiệm về phƣơng diện dân sự, nghĩa là bồi thƣờng thôi — của ngƣời đã tác hại. Muốn truy tố ngƣời ấy để thi hành hình luật đối với hắn thì phải chứng minh rằng hắn phạm một tội, nghĩa là phạm vào một điều khoản nào qui định trong hình luật, và hình luật không bao giờ có tác dụng đối với quá khứ cả: nếu hành động của một ngƣời diễn ra trong thời kỳ mà hình luật chƣa quan niệm là một tội thì ngƣời ấy không thể mang ra truy tố đƣợc. Không những bị can phải phạm một tội đã qui định rồi trong pháp luật, mà ta lại còn phải xét xem rằng lúc phạm tội ấy bị can có ý thức, có ý chí phạm pháp hay không, hay là vô tình mà phạm pháp. Sự đối xử trong hai trƣờng hợp ấy khác nhau.

Lúc tôi nhắc lại các nguyên tắc này thì có vị cho rằng nhƣ thế là phiền phức, phức tạp. Dĩ nhiên rồi, nhƣng tất cả vấn đề là: ta có muốn giết ngƣời vô tội không? Nếu không thì không thể nào làm khác đƣợc. Hơn nữa, muốn nhận định vấn đề cho đúng, ta không nên đứng vào vị trí một ngƣời hiện thời không dây dƣa với pháp luật, một ngƣời ở một cƣơng vị chính quyền. Ta phải đứng vào cƣơng vị của bị tố nhân; lúc ấy vấn đề rất sáng tỏ, không những ta đòi thi hành các nguyên tắc pháp luật, ta còn cố gắng tìm hiểu thêm các nguyên tắc mới để đảm bảo ngƣời oan khỏi bị chết.

Nếu mang ra áp dụng các nguyên tắc ấy vào cuộc Cải cách ruộng đất của ta, ta sẽ làm thế nào? Thủ tục cải cách cứ diễn bài nhƣng sự trừng trị bọn cƣờng hào gian ác hay phản động, ta sẽ không giao cho một tòa án nhân dân, đặc biệt nhƣ ta đã làm với tất cả sự thiếu sót về phƣơng diện pháp lý mà ta đã biết. Trái lại, sau khi phát động tƣ tƣởng của nông dân, ta sẽ nghe lời họ tố cáo kẻ thù của họ. Ta sẽ ủy nhiệm toà án nhân dân thƣờng lập các hồ sơ, để tòa án, với bộ máy và kinh nghiệm của nó, tiếp tục điều tra, kiểm tra, lấy cung chứng, truy tố, luận tội, xét xử. Ta đảm bảo triệt để cho bị tố nhân quyền bào chữa của họ, ta yêu cầu các luật sƣ làm tròn nhiệm vụ của họ, ta tôn trọng triệt để con ngƣời của bị tố nhân. Ta chỉ thù ghét và kết án, trừng phạt tội của nó đã phạm thôi. Ta tin tƣởng ở tòa án, ta đảm bảo cho các vị thẩm phán làm việc ngoài sự điều khiển của chính quyền, một cách biệt lập, tôi nói biệt lập chứ không phải độc lập, theo lƣơng tâm của các vị và căn cứ vào hồ sơ và kết quả của cuộc thẩm vấn.

II. Các nguyên nhân sai lầm

Theo nhƣ tôi nhận định, với chủ quan của tôi, các nguyên nhân sai lầm thuộc hai loại, có loại trực tiếp, nhƣng nếu ta phân tích loại này thì ta sẽ đi tới một loại thứ hai mà theo tôi là những nguyên nhân chính, ta cần chú ý.

Các nguyên nhân trực tiếp ta trông thấy ngay. Sở dĩ khi nghiên cứu chính sách cải cách, ta không nghĩ đến giải pháp pháp lý đƣa ra để điều hòa với giải pháp chính trị, phải chăng là vì ta không biết giải pháp pháp lý? Nếu không thì là sự thiếu sót nghiêm trọng của cấp lãnh đạo. Nhƣng tôi tin rằng không phải nhƣ thế đâu. Sở dĩ ta không để ý đến giải pháp pháp lý là vì ba lý do:

1. Quan điểm ta-địch, thù-bạn của ta rất mơ hồ 2. Ta bất chấp pháp luật, lấy chính trị lấn át pháp

lý

3. Ta bất chấp chuyên môn

Quan điểm bạn-thù, ta-địch mơ hồ — Các hiện tƣợng trên trƣờng quốc tế và trong nƣớc rất nhiều và rõ rệt.

Trên trƣờng quốc tế, trong các nƣớc dân chủ của ta thôi, ta thấy những điều làm ta suy nghĩ. Ta thấy chẳng hạn những ngƣời suốt đời hi sinh cho sự nghiệp cách mạng, giữ những trọng trách trong chính thể cách mạng, rồi bỗng nhiên phải truất quyền, khai trừ ra khỏi Đảng, tống giam, thậm chí có khi bị giết nữa. Rồi ít lâu sau, ta lại thấy các ngƣời ấy đƣợc khôi phục công quyền, đảng tịch, cƣơng vị, ngƣời nào bị kết án tử hình rồi thì đƣợc an táng lại ở các đài kỷ niệm các liệt sĩ mà Tổ quốc ghi tên muôn đời.

Trong nƣớc ta, qua cuộc Cải cách Ruộng đất ta thấy bao nhiêu các chiến sĩ cách mạng thành tích lộng lẫy, có ngƣời ngực gắn tới hai huy chƣơng kháng chiến (ở ngoại thành Hà Nội) bị kết án là phản động, cƣờng hào gian ác và, sau khi nhận tội, bị tống giam hay bị hành hình. Ấy là không nói đến các ngƣời trong quần chúng bị hi sinh oan. Đối với các nạn nhân này, ta có thể một phần nào hiểu các sai lầm đã phạm, vì họ thiếu hay không có thành tích cách mạng hay kháng chiến. Nhƣng đối với các đảng viên ƣu tú, tinh hoa của dân tộc, lúc bị xử trí nhƣ ta đã biết, thì ta tự hỏi trong đầu óc của những ngƣời xử họ có cái gì mà ta gọi là lý tính không? Ngay một thƣờng dân, không phải là một nhà chính trị hay văn hóa, chỉ sử dụng cái lẽ phải của mình thôi, cũng không thể nào hỗn hợp ngƣời xấu với kẻ tốt nhƣ vậy đƣợc. Ta phải đặt vấn đề rằng cán bộ từ trên xuống dƣới, tham gia Cải cách Ruộng đất, không phải là ngƣời điên cuồng, cũng không phải là ngƣời chủ mƣu, dụng tâm phá hoại. Nếu nhƣ thế thì ta sẽ gửi họ đến bác sĩ chuyên môn chữa bệnh thần kinh, hay đến công tố viện của các tòa án. Nhƣng không phải nhƣ thế, ta tin nhƣ vậy. Do đó, kết luận mà ta tiến tới, dù muốn hay không, là các các cán bộ ấy có một quan điểm rất mơ hồ về ta-thù, bạn-địch.

Còn gì đau đớn hơn là câu ta đƣợc nghe ―ta đánh cả ta nữa‖. Nếu nhƣ vậy thì ta cần phải nhận rằng ta không phân biệt đƣợc bạn và thù. Ta đọc lại các bài gần đây đăng trong báo Nhân dân của các đồng chí bị xử trí oan, hoặc các đồng chín ấy nói, hoặc không nói, nhƣng ta đều hiểu các đồng chí ấy nghi ngờ những ngƣời kết án các đồng chí, không phân biệt đƣợc bạn và thù. Vì vậy nên đánh cả bạn, giết cả bạn.

Tôi thấy đây là một điều cực kỳ quan trọng.

Nguyên do ở đâu? Phải chăng ở một tinh thần cảnh giác quá cao đến nỗi mù quáng, ở một tả khuynh mà ta thƣờng mắc trong giai đoạn ấu trĩ của cách mạng? Đây không phải là nơi và lúc mà ta cần phân tích sâu sắc điều ấy. Chủ yếu là ta nhận thấy rằng một nguyên nhân sai lầm là ở trong quan điểm thù bạn rất mơ hồ. Nếu ta không kịp sửa chữa sai lầm, xây dựng lại quan điểm thù bạn, một ngày kia ta sẽ lại phải khóc trên kỷ niệm của những vị có công nhất với cách mạng, với nhân dân. Ta cƣơng quyết không thể nào để tình trạng ấy tái diễn ra đƣợc.

Bất chấp pháp luật — Giáo sƣ Ba Lan Mahelli nói chuyện ở Bộ Tƣ pháp, cho ta biết rằng bên Ba Lan, khi cách mạng thành công, các nhà chính trị bất chấp pháp luật. Họ quan niệm rằng họ đủ tài năng để đảm nhận các cƣơng vị lãnh đạo trong ngành tƣ pháp, để bó buộc tƣ pháp phục vụ triệt để chính trị mà không đếm xỉa đến các nguyên tắc căn bản của pháp lý. Kết quả là chẳng bao lâu bộ máy tƣ pháp sộc sệch, không những không củng cố

đƣợc chính thể cách mạng, ngƣợc lại, tác hại quá nhiều gây bao nhiêu khó khăn cho chính quyền cách mạng. Sai lầm ấy đuợc uốn nắn kịp thời: hoàn cảnh khách quan đã dạy một bài học cho chủ quan các nhà chính trị, để lãnh đạo chuyên môn phải nhập trƣờng học tập, trƣớc non 2 năm, sau 5 năm, để qua pháp lý, phục vụ chính trị và cách mạng.

Điều này không làm chúng ta ngạc nhiên. Trong giai đoạn đầu tiên, chính trị say sƣa với các thắng lợi đã thu —và dĩ nhiên các thắng lợi ấy vĩ đại— lâm vào tình trạng tự mãn và bao biện.

Nhƣng quản trị một nƣớc, đặc biệt một nƣớc đang xây dựng chính quyền cách mạng, nghĩa là một cái gì vô cùng mới mẻ và khó khăn, không giống nhƣ là đề ra đƣờng lối và khẩu hiệu tranh đấu cách mạng và vận động quần chúng làm cách mạng. Hai khu vực hoạt động ấy tuy quan hệ mật thiết với nhau, nhƣng mỗi ngành hoạt động có kỹ thuật và quy luật của nó. Lúc nhà chính trị bao biện, bất chấp hoàn cảnh khách quan kinh nghiệm xƣơng máu của lịch sử, thì chẳng sớm thì muộn ta thấy diễn ra những tai hại hiện thời làm chúng ta đau xót. Trên con đƣờng bao biện và tự mãn ấy, các nhà chính trị đã bị thúc đẩy bởi những thành kiến đối với pháp lý và tin rằng pháp lý là cái gậy chỉ dùng để chọc bánh xe, không hiểu rằng, trái lại, chính pháp lý giúp xe khỏi lật, khỏi gây tai nạn. Nguy hại hơn là chính trị tự đặt mình lên trên pháp luật. Ngay trong trƣờng hợp chính trị sau khi đặt mình lên trên pháp luật, còn giữ vững thái độ chân chính, cũng đã gây ra bao khó khăn rồi. Pháp luật chủ yếu đề ra những cái gì có thể làm đƣợc, cái gì không đƣợc phép làm, do đó nhân dân vững tâm biết rõ đƣờng mà đi. Nhƣng tâm hồn quần chúng chỉ đƣợc ổn định khi nào quần chúng biết rõ rằng cái gì bó buộc mình cũng đồng thời bó buộc nhà cầm quyền. Trái lại, khi pháp luật chỉ gò bó quần chúng mà không gò bó nhà cầm quyền thì nhà cầm quyền mỗi lúc có thể vẽ ra các đƣờng mới mà quần chúng chƣa từng biết. Vì vậy quần chúng hoang mang: cái gì hôm qua làm đƣợc, ngày mai với sự độc đoán của nhà cầm quyền có thể bị coi là phi pháp. Hoang mang ấy lên tới cực độ khi tác dụng của sự thay đổi thái độ này của nhà cầm quyền không những ảnh hƣởng đến tƣơng lai, mà là ảnh hƣởng cả về quá khứ nữa. Đó là trƣờng hợp nhà cầm quyền, lúc tự đặt mình lên trên pháp luật, giữ thái độ chân chính đúng mực, huống hồ là khi nhà cầm quyền sử dụng quyền thế của mình một cách lộng quyền, nhƣ ông Trƣờng Chinh đã nhận định. Quyền xử tử ngƣời một cách đơn giản nhƣ vậy trái với luật pháp: đó chỉ là một giải pháp chính trị mà thôi. Nếu mà các ngƣời sử dụng quyền ấy lại không sử dụng với tinh thần chính sách của lãnh đạo, sử dụng một cách lộng quyền thì kết quả thế nào, hiện thời ta đã trông thấy rõ.

Bất chấp chuyên môn — Các nhà chính trị bất chấp pháp luật. Nhƣng nếu các vị ấy tranh thủ ý kiến của các nhà chuyên môn và cho phép các nhà chuyên môn đề đạt ý kiến thì các nhà chuyên môn cũng sẽ yêu cầu các nhà chính trị nên chú ý đến pháp luật, và dùng pháp luật phục vụ cách mạng. Nhƣng tiếc thay, trong 10 năm vừa qua, ta thấy một tình trạng quái gở. Chính trị ám ảnh đầu óc chúng ta đến nỗi hai chữ ―lập trƣờng‖ làm ta mất ăn mất ngủ. Nếu đƣợc dùng một hình ảnh ―duy tâm‖, tôi ví lập trƣờng nhƣ cái oan hồn ngày đêm theo đuổi kẻ nào đã hãm hại ngƣời chủ của nó. Có một điều lạ, là các anh em công nông, các vị lãnh tụ không bao giờ nói đến lập trƣờng trong sinh hoạt hàng ngày. Trái lại, các cán bộ và đảng viên tiểu tƣ sản không lo ngại gì bằng sự mất lập trƣờng. Vì vậy, để nhớ đến nó, mở miệng ra là nêu lập trƣờng rồi. Đó là tinh thần tự ti của một giai cấp mất khí thế, quên rằng mình đứng trong hàng ngũ cách mạng. Dù sao, ở Việt Nam chúng ta cũng đã xẩy ra những sự việc nhƣ sau đây, ta cần ghi nhớ để con cháu ta cƣời muôn thuở: khi chọn một ngƣời vặn lái ô tô, ta không hỏi ngƣời ấy có bằng vặn lái và đã vặn lái bao năm, ta chỉ hỏi: ―Có lập trƣờng không?‖ Kết quả là từ hai năm nay, riêng trong thủ đô Hà Nội, hàng trăm tai nạn xảy ra do các ngƣời vặn lái ô tô có lập trƣờng mà không nắm chuyên môn. Khi đƣa tới bệnh viện một bệnh nhân cấp cứu, vấn đề mang ra thảo luận trƣớc tiên là: Bệnh nhân thuộc thành phần giai cấp nào? Chữa cho địa chủ thì ―mất lập trƣờng‖. Để nó chết mới chứng minh mình có ―lập trƣờng giai cấp‖ (hiện tƣợng do B.S. Nguyễn Xuân Nguyên đƣa ra).

Tại sao có những hiện tƣợng quái gở nhƣ vậy? Là vì chính trị chiếm đóng tất cả các khu vực trong nhận thức của chúng ta làm chúng ta mất cả cái nhân đạo tối thiểu của con ngƣời, làm chúng ta khƣớc từ các chân lý. Chân lý cho biết rằng chính trị không thể nào thay thế đƣợc cho chuyên môn, không làm đƣợc việc của chuyên môn. Nếu nhƣ vậy thì ít ra chính trị cũng hỏi ý của chuyên môn mới là phải. Nhƣng không. Chính trị nghi ngờ chuyên môn, không tin ở chuyên môn. Lúc thì cho rằng chuyên môn là do văn hoá và khoa học tƣ sản đế quốc xây dựng, là vô dụng (đó là một sai lầm nghiêm trọng các ngƣời tin nhƣ vậy chƣa đọc Lenin). Lúc thì cho rằng các nhà chuyên môn không phải xuất hiện ở tầng lớp cơ bản, công hay nông, thì không có đảm bảo vì thái độ lừng chừng, lập trƣờng lỏng lẻo, dù là 10 năm nay họ đã bƣớc chân vào đƣờng cách mạng và chứng minh nhiệt tình của mình đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, kiến thiết quốc gia.

Theo ý tôi, đây là một vấn đề then chốt. Các anh em trí thức kháng chiến thƣờng phàn nàn rằng Đảng Lao động thiếu tín nhiệm họ. Họ đau khổ mà nhận thấy rằng mặc dầu họ đã trải qua bao nhiêu thử thách, chịu đựng bao nhiêu hi sinh, trải qua bao nhiêu gian nguy, Đảng vẫn chƣa tin ở họ. Nào họ có yêu sách gì quá đáng đâu? Họ có đòi làm Bộ trƣởng hay Đại sứ đâu? Không. Đại đa số các anh em trí thức nói chung, không mơ ƣớc các cƣơng vị, công tác lộng lẫy đâu, họ vui lòng nhƣờng chỗ cho các nhà chính trị, các đảng viên. Họ chỉ thiết tha đòi hỏi đƣợc mang khả năng chuyên môn và kinh nghiệm của họ ra phục vụ nhân dân mà thôi. Họ chỉ thiết tha mong muốn đƣợc bảo toàn danh dự trí thức của họ và cái tự do tƣ tƣởng mà họ quan niệm là cần thiết cho nhân phẩm của ngƣời trí thức mà thôi. Họ đã từng nghe thấy Đảng tuyên bố: Ngƣời trí thức là vốn quí của dân tộc. Nhƣng họ cảm thấy vốn ấy quí quá đến nỗi phải cất nó đi thật kỹ, giữ gìn nó trong một bán ảnh, một hoàng hôn trƣờng cửu. Nếu có ai cho rằng tôi nói không đúng, tôi cứ đề nghị ngƣời ấy quay mặt nhìn chung quanh, ở các cƣơng vị công tác trong chính thể của ta. Có một chỗ nào mà ngƣời trí thức ngoài Đảng nắm đƣợc thực quyền không? Tác dụng ―hiếu hỉ‖ hay ―cƣời gật‖ thì có, mà lại có nhiều. Nhƣng ngay ở các cƣơng vị ấy, ngoài vai trò hiếu hỉ, cƣời gật, ngƣời trí thức có một trách nhiệm gì không, có quyền nói gì làm gì không, quần chúng đã biết và miễn tôi giả nhời.

Chính trị chèn ép chuyên môn nhƣ thế nào, xua đuổi ngƣời trí thức ra ngoài con đƣờng cách mạng ra sao, lịch sử kháng chiến đã cho ta kinh nghiệm đau đớn. Năm 1949, phong trào tƣ pháp liên khu III tan vỡ vì chính quyền quan niệm tƣ pháp phải thuộc sự điều khiển của mình. Năm 1951, phong trào quân y, dân y liên khu IV sụp đổ vì các chính trị viên đƣa vào các bệnh viện đã đàn áp chuyên môn, thúc đẩy các bác sĩ có công với cách mạng, với kháng chiến, phải gạt nƣớc mắt mà rời bỏ kháng chiến. Đó không phải là chủ trƣơng của Đảng Lao Động. Nhƣng có một điều làm ta suy nghĩ: sao mãi bây giờ sau 10 năm Đảng mới nghiên cứu một chính sách cho trí thức? Điều ấy chứng tỏ rằng từ khi cách mạng thành công, ta chƣa đánh đúng giá ngƣời trí thức, chƣa đặt vấn đề trí thức. Do đó, làm thế nào khai thác đƣợc tất cả khả năng của ngƣời trí thức để họ mang chuyên môn ra phục vụ nhân dân?

Trên đây, tôi nói về ngƣời trí thức từ chiến khu trở về. Đối với ngƣời trí thức vẫn ở trong Thủ đô, ta thấy sự thiếu tín nhiệm ấy lại còn trầm trọng hơn nữa. Bao lần ta nghe tiếng chua cay của các anh em ấy phàn nàn bị coi nhƣ là kẻ thù, mặc dầu các anh em vì yêu nƣớc đã khắc phục mọi lo sợ do tuyên truyền của địch gây ra và ở lại với chúng ta. Ta để cho cán bộ hộ khẩu xâm phạm đến danh dự của các anh em, ta không tìm cách nào sửa chữa sai lầm ta đã phạm đối với anh em. Ở các công sở tình trạng chèn ép của chính trị đối với chuyên môn đã đƣa đến cái danh từ bi đát làm cho ta đau lòng: ―họ Lƣu, họ Kháng‖. Không đoàn kết đƣợc các anh em, ta lại còn có thái độ úp mở, nhùng nhằng (ta tƣởng nhƣ vậy là thƣợng sách), thậm chí ta lại còn nghi ngờ các anh em. Ta không hiểu rằng làm nhƣ vậy, ta bất công với các anh em, ta không tôn trọng lời đã hứa qua chính sách tiếp quản và cƣơng lĩnh Mặt Trận, ta đẩy các anh em xa rời ta, ta vô tình ném xuống bể tiêu cực cái vốn chuyên môn của các anh em trí thức trong Thủ đô.

Đó là những nguyên nhân trực tiếp. Đào sâu hơn nữa, ta thấy rằng sở dĩ có những hiện tƣợng nhƣ ta vừa phân tách trên đây, chẳng qua chỉ vì sự lãnh đạo của ta thiếu dân chủ, xa lìa quần chúng.

Chính thể ta thiếu dân chủ nhƣ thế nào, ta đã từng biết. Vai trò của các vị Bộ và Thứ trƣởng ngoài Đảng nhƣ thế nào, các vị đó làm đƣợc những gì trong Hội đồng chính phủ, trong các ngành chuyên môn mà các vị ấy phụ trách, ta không nên đi quá sâu. Ta chỉ cần liếc mắt nhìn qua công việc làm trong mỗi Bộ, ta chỉ cần nghe tiếng than phiền của các cán bộ, công chức làm việc trong các Bộ là ta hiểu. Ta cũng biết rằng chủ trƣơng của Đảng có lẽ không phải nhƣ vậy đâu, nhƣng trong thực tế công tác, mỗi anh em ta tiếp xúc với các vị Bộ hay Thứ trƣởng ngoài Đảng, đều nhận thấy rằng quyền hành của các vị ấy hình nhƣ không phải là quan trọng cho lắm. Nhận định nhƣ vậy có lẽ ta lầm đấy. Nhất định ta lầm. Nhƣng dù sao có ―dƣ luận‖ không ai chối cãi đƣợc. Do đó, nếu chủ trƣơng của Đảng không phải nhƣ vậy thì ít ra Đảng cũng mang trách nhiệm không làm thế nào để tiêu tan cái dƣ luận tai hại mà chúng ta thấy tồn tại từ thời kỳ kháng chiến đến giờ. Nhƣng cũng có điều chắc chắn không ai chối cãi đƣợc, là các vị Bộ hay Thứ trƣởng không có trách nhiệm gì trƣớc Quốc hội, trƣớc nhân dân, chỉ có trách nhiệm trƣớc Chính phủ mà thôi. Chƣa bao giờ ta thấy vị Bộ truởng nào bị lật đổ cả. Phải đợi đến các sai lầm đặc biệt nghiêm trọng trong Cải cách mới thấy hai vị Thứ trƣởng phải rút lui khỏi Hội đồng Chính phủ. Các hiện tƣợng ấy chứng tỏ rằng Chính phủ ta chƣa thực hiện đƣợc dân chủtrong khi lập Hội đồng Chính phủ, vì các vị Bộ hay Thứ trƣởng đều đƣợc cử hay bị truất, ngoài sự tham gia trực tiếp hay gián tiếp (qua Quốc hội) của quần chúng.

Tình trạng của Quốc hội lại rõ hơn nữa. Mƣời năm Quốc hội đã thành lập. Các vị đại biểu Quốc hội còn phản ảnh đƣợc ý nguyện của quần chúng không, quần chúng có tín nhiệm ở Quốc hội nữa không, đó là một vấn đề. Nhƣng dù vấn đề ấy ta giải quyết nhƣ thế nào đi nữa, có một điều chắc chắn là một Quốc hội già 10 năm rồi mà vẫn tồn tại ngoài sự can thiệp của quần chúng, sự lựa chọn của quần chúng, chứng minh rằng quần chúng 10 năm nay đã bị truất quyền cử đại biểu của mình rồi. Dĩ nhiên trong thời kỳ kháng chiến, bầu lại Quốc hội là một điều không làm đƣợc. Và hiện thời, Nam-Bắc bị tạm chia cắt, do đó sự bầu lại toàn thể Quốc hội cũng là khó khăn. Nhƣng dù sao riêng ở các miền giải phóng này, nếu ta chú ý đến quyền ngƣời dân cử đại biểu của họ thì nhất định ta phải cho phép ngƣời dân bỏ phiếu rồi. Từ khi hòa bình trở lại, 2 năm đã qua, mãi bây giờ trƣớc phong trào quần chúng đòi thực hiện dân chủ, ta mới nghĩ đến quyền bỏ phiếu của ngƣời dân và bổ sung Quốc hội.

Nào có thế thôi đâu? Ngay cái Quốc hội ta đang có hiện thời, ta có thực hiện dân chủ với nó không? Chắc chắn là không. Thỉnh thoảng ta mới họp Quốc hội, và trong các buổi họp đó ta chỉ thấy Chính phủ đƣa ra các báo cáo để Quốc hội nghiên cứu, xây dựng, hay các chính sách để Quốc hội tán thành và bổ khuyết. Quyền lập pháp của Quốc hội ở đâu? Quyền đề ra đƣờng lối, chủ trƣơng trong nội trị, ngoại giao, quyền nêu trách nhiệm của Chính phủ và các Bộ, quyền lựa chọn nhân viên trong Hội đồng Chính phủ, bấy nhiêu quyền, Quốc hội có đƣợc hƣởng dụng không? Dƣ luận quần chúng quan niệm rằng Quốc hội chỉ có quyền thông qua các chính sách mà thôi. Còn nhƣ các sắc lệnh hay đạo luật thì thƣờng thƣờng, quyền thông qua ấy chỉ thuộc ban Thƣờng trực của Quốc hội. Nếu Quốc hội là tổ chức cao nhất của quần chúng, đại diện cho quần chúng, thì ta phải khách quan nhận thấy rằng, với vai trò vô cùng yếu ớt của Quốc hội hiện thời, quyền dân chủ của quần chúng không đƣợc thực hiện.

Nói đến Mặt trận thì tình hình cũng tƣơng tự. Mặt trận hiện thời là tổ chức quần chúng có lẽ sát tình hình quần chúng nhiều nhất. Nhƣng ta có để nó đóng vai trò của nó không? Không. Tác dụng của nó là động viên quần chúng để tán thành, ủng hộ và thi hành các chính sách. Đứng về phƣơng diện này, nó làm tròn nhiệm vụ của nó. Nó xứng đáng với tín nhiệm của Đảng và Chính phủ. Nhƣng hoạt động của nó nhƣ thế chỉ có một chiều thôi. Ta chƣa khai thác các khả năng của nó. Ta chƣa nhận thấy bản chất của nó. Nó có thể là liên lạc ―hai chiều‖ giữa quần chúng và Đảng, Chính phủ. Một mặt nhƣ nó thƣờng làm, nó động viên quần chúng để thực hiện các chủ trƣơng của Đảng và Chính phủ. Nhƣng mặt khác, nó có thể là cơ quan phản ảnh lên Đảng và Chính phủ các ý kiến, thắc mắc, nguyện vọng của quần chúng, góp phần xây dựng các chính sách, nói lên tiếng nói của quần chúng, cung cấp tài liệu nguồn gốc ở quần chúng, tích cực giúp đỡ cấp lãnh đạo tránh khỏi chủ quan, thắt chặt liên lạc giữa cấp lãnh đạo và quần chúng. Nhƣng muốn để cho nó đóng vai trò ấy, ta phải ―dân chủ‖ đối với nó, nghĩa là phát động tự do tƣ tƣởng của nó, để nó mạnh dạn nói lên ý kiến của quần chúng, dù là các ý kiến trái ngƣợc với nhận định của cấp lãnh đạo. Nhƣng từ trƣớc tới nay, ta không làm nhƣ vậy. Ta thấy khó chịu khi nó thỏ thẻ —chỉ thỏ thẻ thôi— những lời làm ta một phút chốc tỉnh giấc mộng chủ quan mà ta trong cấp lãnh đạo đang say sƣa. Vì vậy ta chỉ thƣờng cho phép nó, chỉ khuyến khích nó phụ họa ta, tán đồng ta với thái độ của đứa con khen hay khi mẹ nó hát. Tóm lại, ta không dân chủ với nó. Do đó, ta hạn chế khả năng của nó, nó không giúp ích gì cho cấp lãnh đạo.

Thiếu dân chủ là gì? Là xa rời quần chúng, là giam hãm mình vào ngục thất của chủ quan. Tại sao một chính thể cách mạng lại có thể phạm sai lầm nghiêm trọng nhƣ vậy đƣợc?

Trƣớc đây, ta không trả lời đƣợc. Những ngƣời kính yêu cách mạng rất ngạc nhiên khi thấy có kẻ đi tìm tự do, rời bỏ hàng ngũ cách mạng để lén sang phía tƣ bản. Ngay trong thủ đô ta hiện thời, qua Đại hội lần thứ 3 của Mặt trận Thành, ta thấy phản ảnh ý muốn của bao nhiêu đồng bào muốn đi Nam. Ta nghĩ đến các đồng bào, trong thời kỳ kháng chiến, gạt nƣớc mắt mà trở về Hà-nội. Nếu cách mạng mang lại cho họ ánh sáng và hạnh phúc, sao lại có ngƣời lo ngại trƣớc cách mạng, đau đớn vì cách mạng. Các ngƣời ấy không phải thuộc thành phần kẻ thù của cách mạng, trái lại thuộc thành phần cơ bản trong nhân dân, nhƣ nông dân, công nhân. Thế thì đâu là chân lý? Đó là một vấn đề mà trƣớc đây ta chỉ đặt thôi và không giải quyết đƣợc.

Bây giờ sau Đại hội lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên-sô, sau các cuộc bạo động ở Berlin, Poznan, bên Tiệp, bên Hung, ta hiểu rõ vấn đề, ta giải quyết đƣợc nó. Chung quy, mặc dầu cách mạng là tốt đẹp, mang lại hạnh phúc cho dân tộc, sở dĩ vẫn có ngƣời xa lánh cách mạng, chẳng qua là vì chính thể cách mạng mắc trầm trọng bệnh xa lìa quần chúng, thiếu dân chủ, do đó đi càng ngày càng sâu vào tình trạng quan liêu, mệnh lệnh, duy trì một thái độ lãnh đạo hẹp hòi, độc đoán, có khi độc tài. Thái độ một chiều không muốn, không cho phép ai nói cái gì trái ngƣợc ít nhiều với ý kiến nhận định, thành kiến của mình. Mình tự phụ, tự hào mình có độc quyền tìm thấy và gìn giữ chân lý. Đó là tật tự cao tự đại của nhà cách mạng. Ta bay bổng lên trời xanh của ảo tƣởng, ta chỉ tin ở ta. Trong tƣ tƣởng, ta không khinh quần chúng, nhƣng trong hành động, quả thật con mắt khách quan nhận thấy ta bất chấp quần chúng. Thậm chí, khi ta nghe thấy một tiếng nào từ quần chúng nói lên rằng ta nhầm, ta làm nhƣ thế này mới phải, lập tức ta thét ngay đó là tiếng của địch. Sở dĩ quan điểm bạn thù của ta mơ hồ, và đâu ta cũng trông thấy địch, chẳng qua là vì ta quá tự phụ, ta sùng bái ta quá đáng mà thôi. Bây giờ ta biết rõ là nếu bệnh ấy phổ biến trong hàng ngũ cách mạng hiện thời thì trách nhiệm chính là Stalin phải chịu. Vì tự cao, tự đại, tự phụ, tự mãn, Stalin không cho phép ai dân chủ với mình, đâu cũng trông thấy địch. Kết quả thế nào ta đã biết: khẩu hiệu nêu lên, thét lên, gào lên là: đề cao cảnh giác. Và lợi dụng tình thế ấy, ta biết Béria đã làm những gì, phạm tội ác nhƣ thế nào.

Nếu không có quyết nghị lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên-sô, nếu không có những sai lầm cực kỳ tai hại trong Cải cách, ta chƣa mở mắt đƣợc, ta sẽ còn thấy bao nhiêu máu oan chảy thành suối thành sông, bao nhiêu ngƣời kính yêu cách mạng mà vẫn đau sót rời bỏ cách mạng. Tuy ta phải trả một giá quá cao, nhƣng bây giờ ta biết rõ nguyên do của các đau khổ của ta: ta thiếu dân chủ.

III. Phương hướng sửa chữa các sai lầm

Qua lịch sử tranh đấu của quần chúng hai nghìn năm nay, ta thấy cái gì mà nhân bản của loài ngƣời đòi hỏi thiết tha nhất, đó là một đời sống vật chất tƣơng đối đầy đủ êm ấm, đó là một đời sống tinh thần tƣơng đối ổn định, có đảm bảo và tự do. Hạnh phúc của loài ngƣời xây dựng trên cơ sở dân sinh và dân quyền. Tôi muốn nhấn mạnh ở đây về vấn đề dân quyền. Ta đƣợc biết từ hai thế kỷ nay chủ yếu trong vấn đề dân quyền là vấn đề dân chủ, nghĩa là quyền của ngƣời dân làm chủ trên đất nƣớc, đồng thời là quyền của con ngƣời đƣợc sống theo các nhu cầu thiết yếu và chính đáng của nhân bản. Từ cuộc Cách mạng tƣ sản Hoa Kỳ cuối thế kỷ 18, Cách mạng tƣ sản Pháp 1789, tới cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa của Nga, quần chúng nổi giậy, mang xƣơng máu để giành kỳ đƣợc chế độ dân chủ. Sau cuộc đại chiến lần thứ hai, Hiến chƣơng Liên hiệp quốc đúc kết những thành quả của các phong trào lịch sử tranh đấu cho dân chủ và đặt các nƣớc văn minh trƣớc trách nhiệm của họ để thực hiện và đảm bảo các nguyên tắc dân chủ. Đối với các nƣớc tƣ bản ta không ngạc nhiên thấy chế độ dân chủ thực hiện với những thiếu sót quan trọng. Nhƣng ta có quyền ngạc nhiên khi ta thấy các thiếu sót ấy cũng xuất hiện trong các nƣớc đã hoàn thành cuộc Cách mạng dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa. Đại hội lần thứ 6 của Hội Quốc tế các luật gia dân chủ họp trong tháng 5 vừa rồi tại Bruxelles đã lấy làm tiếc mà nhận thấy rằng trong tất cả các nƣớc, dù tƣ bản hay xã hội chủ nghĩa, mặc dầu các Hiến pháp, các bộ luật tuyên bố trịnh trọng, tôn trọng thực hiện, đảm bảo thực hiện các nguyên tắc dân chủ, tuy nhiên các nguyên tắc này vẫn bị dày xéo. Vì vậy trong tất cả các nƣớc, quần chúng tranh đấu kịch liệt.

Ở nƣớc ta, trong bản Tuyên ngôn độc lập, trong Hiến pháp cũng nhƣ trong các sắc lệnh, đạo luật, nguyên tắc dân chủ đã đƣợc ban bố. Nhƣng qua phong trào phát huy dân chủ mà Chính phủ chủ trƣơng, qua đại hội nhân dân thủ đô lần thứ 3, các Đại hội Mặt trận Trung ƣơng, Mặt trận Thành, qua thông cáo của Hội nghị lần thứ 10 của Trung ƣơng Đảng Lao động, của Chính phủ v.v., nhân dân nhận thấy, và Đảng cũng nhƣ Chính phủ xác nhận rằng ta thiếu sót về dân chủ khá nhiều. Vì các thiếu sót ấy, ta phạm các sai lầm nghiêm trọng trong Cải cách ruộng đất nhƣ tôi đã trình bày trên đây. Nguyên nhân sâu sắc của các sai lầm ấy, ta có thể quy kết đƣợc. Sở dĩ đời sống tinh thần của ta không đƣợc ổn định, lúc nào ta cũng nơm nớp lo sợ các hành động ―lộng quyền‖ của nhà đƣơng cục, là vì ta thiếu một chế độ pháp trị phân minh, không đề ra nghĩa vụ và quyền lợi của mọi ngƣời, đồng thời cả của cấp lãnh đạo nữa. Sở dĩ cấp lãnh đạo có thể phạm đƣợc các sai lầm nghiêm trọng trong Cải cách Ruộng đất, tổn thất cho xƣơng máu, mồ hôi nƣớc mắt của đồng bào, cho uy tín của Đảng và Chính phủ, là vì ngƣời dân không có quyền, không có phƣơng tiện nói lên ý kiến của mình, tham gia xây dựng các chính sách của Chính phủ.

Do đó, phƣơng hƣớng sửa chữa các sai lầm là một chế độ pháp trị chân chính, một chế độ dân chủ thực sự.

Một chế độ pháp trị chân chính — Ở đây, chƣa phải lúc và chỗ để tôi trình bày ý kiến về vấn đề pháp trị. Ta sẽ có dịp khác. Ở đây, tôi chỉ muốn trình các quí vị một nhận xét.

Đảng Lao động và chính phủ có nhận thấy cần thiết, trong chính sách sửa chữa các sai lầm trong Cải cách, phải ―tăng cƣờng chế độ pháp trị‖ của ta. Tôi e rằng trong tƣ tƣởng lãnh đạo, sự nhận thức về vấn đề pháp trị chƣa đƣợc rõ và đầy đủ. Chính trị vẫn coi pháp luật nhƣ một ―bà con nghèo‖. Chữ ―tăng cƣờng‖ là một chứng minh. Tuy rằng trong nƣớc ta có một Bộ Tƣ pháp, có các toà án, có luật lệ, nhƣng chế độ pháp trị hầu nhƣ không có. Đó là một điều tôi sẽ nghiên cứu sâu sắc hơn khi nào tôi trìng bày ý kiến về chế độ pháp trị, một chế độ pháp trị chân chính. Theo ý tôi, thì vấn đề không phải là tăng cƣờng mà là xây dựng.

Một chứng minh khác trong chính sách Sửa sai trong Cải cách này, tôi vẫn thấy chính trị lấn áp pháp lý. Trƣớc hết bức thƣ của ông Hồ Viết Thắng tự phê bình và xin rút lui khỏi Mặt trận Trung ƣơng chỉ là một giải pháp chính trị mà thôi. Trong cuộc mạn đàm với các vị đại biểu đến họp hội nghị này, tôi nhận thấy không ai ―thông‖ về ý kiến và biện pháp ông Hồ Viết Thắng trình bày cả. Riêng về phần tôi là một nhà luật học, tôi chƣa thể nào nhận định đƣợc trách nhiệm của ông Thắng. Có thể trách nhiệm của ông ấy rất lớn, có thể rất nhỏ. Đứng trên tinh thần pháp lý, sự nhận tội lỗi của một ngƣời không đủ để qui định trách nhiệm của ngƣời ấy. Trong Cải cách, khi những đảng viên ƣu tú bị đoàn Cải cách gán cho là phản động, ra trƣớc nhân dân, có ngƣời cũng nhận tội trong khi biết là mình oan. Ta nên rút kinh nghiệm vừa qua, sửa sai không phải là phạm các sai lầm khác. Do đó, đứng trên một lập trƣờng pháp trị chân chính, tôi đề nghị phải lập một ủy ban điều tra gồm các vị đại biểu Quốc hội, Mặt trận, Đảng Lao động với sự cộng tác của các vị thẩm phán cao cấp, giàu kinh nghiệm để lập một hồ sơ theo phƣơng pháp pháp lý đã nhận định, trên quá trình đi từ lãnh đạo qua chỉ đạo đến chỗ thực hiện chính sách, trách nhiệm ở chỗ nào và do những ai phải chịu. Sau khi kết thúc cuộc điều tra, ủy ban ấy sẽ phân tách trách nhiệm chính trị và trách nhiệm pháp lý. Ai chịu trách nhiệm chính trị sẽ trả lời trƣớc Quốc hội biến thành Toà án tối cao. Ai chịu trách nhiệm pháp lý sẽ trả lời trƣớc các tòa án tƣ pháp. Dƣới con mắt của quần chúng theo dõi xây dựng cuộc điều tra và xét xử, công lý phát huy, không còn ai thắc mắc nữa.

Có ngƣời hỏi làm thế để làm gỉ? Tôi xin phép trả lời. Làm thế để rút kinh nghiệm. Tôi cảm thấy ngay hiện thời ta chƣa rút đƣợc kinh nghiệm đâu. Chính trị không những lãnh đạo pháp lý —đó là đúng— nhƣng vẫn lấn át pháp lý, thay thế cho pháp lý, nhƣ trong trƣờng hợp ông Hồ Viết Thắng, nhƣ thế là ta vẫn mở cửa cho các sai lầm mới còn nguy hại hơn nữa. Không những thế, ta biết rằng nhu cầu công lý thuộc nhân bản con ngƣời văn minh. Từ ngƣời bị xử trí oan cho đến các ngƣời chỉ chịu thiệt gián tiếp vì các sai lầm, có thể nói đƣợc rằng toàn dân đợi chờ công lý. Một biện pháp chính trị xuề xoà không thỏa mãn đƣợc ai. Bằng chứng ở nông thôn, ta đƣợc biết tình hình ―căng thẳng‖. Phong trào trả thù, tự xử diễn ra khắp mọi nơi, kéo chúng ta trở về quá khứ của lịch sử. Còn nhƣ các đảng viên bị xử trí sai, tâm hồn các anh em nhƣ thế nào, ta chỉ cần đọc lại báo Nhân Dân. Tuy rằng các anh em kết thúc các bài tƣờng thuật lại đau khổ của mình bằng những lời phấn khởi, nhƣng các lời này không làm ta quên đƣợc các lời phẫn uất, chua xót, cay đắng mà các anh em nói lại với ta từ đầu bài. Nhƣng bi đát hơn hết là các chiếc khăn trắng chít trên đầu họ hàng thân thích của những anh em bị xử tử, những bàn thờ vẫn dựng trong nhà, các thổn thức phá vỡ im lặng của các đêm hiu quạnh, các ngày cúng giỗ nhắc lại hàng năm bi kịch thê thảm đã diễn ra trong gia đình vì cuộc Cải cách. Nhân dân đòi hỏi các ngƣời có công đƣợc thƣởng và các ngƣời có tội phải đền tội. Trách nhiệm của tất cả mọi ngƣời từ trên xuống dƣới, từ dƣới lên trên, phải đƣợc qui định rõ ràng, dứt khoát. Nhƣ thế mới yên đƣợc lòng dân, nhƣ thế mới thu phục đƣợc nhân tâm. Kinh nghiệm lịch sử dạy ta điều ấy. Trong chính sách sửa chữa sai lầm, ta không thể quên đƣợc bài học lịch sử. Quần chúng im lặng đợi chờ công lý. Chúng ta thiết tha mong ƣớc ở chính trị một nhận định đúng về vai trò của pháp luật phục vụ cách mạng. Kinh nghiệm đau đớn vừa qua bó buộc ta phải xây dựng lại quan điểm ―địch‖ trên cơ sở pháp lý và pháp trị. Các sai lầm nghiêm trọng ta đã phạm bắt nguồn ở một quan điểm chính trị về địch. Quan điểm ấy linh động quá, ―biện chứng‖ quá, nên ta không biết phân tách địch và ta, do đó ta đánh cả ta nữa. Muốn tránh các sai lầm hôm qua đừng tái diễn ngày mai, ta cần xác định theo hình luật thế nào là địch. Lúc đó ta mới đánh đúng địch, và có đánh đúng địch ta mới củng cố đƣợc ta, ổn định đƣợc nhân tâm, duy trì lại trật tự và an ninh ở thôn quê, kiến thiết lại đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân ở thôn quê cũng nhƣ ở thành thị, đảm bảo cho quần chúng một đời sống tự do, thoát khỏi mọi sự đe dọa của ―lộng quyền‖, bênh vực các quyền căn bản và thiết yếu của con ngƣời.

Tóm lại, nếu chính trị giác ngộ, vui lòng tôn trọng pháp lý, thiết lập một chế độ pháp trị trong đó chính trị vẫn lãnh đạo pháp lý, nhƣng đồng thời nêu thật cao gƣơng phục tùng pháp lý và pháp trị thì nhất định chính trị khôi phục đuợc uy tín và đƣợc quần chúng nhiệt liệt ủng hộ.

Một chế độ thực sự dân chủ — Thế nào là một chế độ thực sự dân chủ? Đó là một chế độ trong đó ngƣời dân đƣợc làm chủ trên đất nƣớc không những trong hiến pháp, mà cả trong thực tế nữa. Đây không phải là lúc, là chỗ, mà ta đi sâu vào vấn đề. Ta chỉ cần nhận thấy rằng trong giai đoạn hiện thời, quần chúng có đòi hỏi cái gì quá đáng đâu, chỉ yêu cầu có một điều thôi, là đƣợc đàm thoại với cấp lãnh đạo, đƣợc đề đạt lên cấp lãnh đạo, ý kiến về các chính sách do cấp lãnh đạo xây dựng. Các vị lãnh tụ đã bao lần khen dân ta tốt. Mà dân ta tốt thật. Bằng chứng là điều tôi vừa nhắc lại đây. Trong khi quần chúng có quyền đòi hỏi ở một chính thể cách mạng rất nhiều, nhân dân ta chỉ có một yêu cầu mà ai cũng phải nhận là chính đáng. Tại sao nhân dân chỉ có cái yêu cầu nhũn nhặn ấy mà thôi? Là vì nhân dân thông cảm với cấp lãnh đạo phải đƣơng đầu với bao khó khăn. Nhƣng nếu nhân dân chỉ đề ra có một yêu cầu, yêu cầu ấy thiết yếu. Tôi tin rằng cấp lãnh đạo cũng nhận thấy nhƣ vậy. Tôi không quên lời của ông Trƣờng Chinh đọc bản tự phê của Đảng Lao động tại Hội nghị này. Ta nghe thấy cấp lãnh đạo thú nhận trƣớc Hội nghị rằng Trung ƣơng Đảng đã phạm sai lầm là xa quần chúng, chỉ tiếp xúc với quần chúng qua báo cáo của các cán bộ đảng viên mà thôi. Ta phải nhận định rằng đây là một sai lầm nghiêm trọng. Do đó, cuộc Cải cách Ruộng đất của ta đã gặp các thất bại cay đắng. Trái với lời ta thƣờng nói, ta đã thiếu dân chủ với nhân dân.

Nhân dân nhất định không để tình trạng tai hại ấy kéo dài nữa. Tôi xin phép Hội nghị góp một số ý kiến để chấm dứt tình trạng đó. Tôi không đặt vấn đề dân chủ nói chung. Tôi chỉ chú ý đến yêu cầu thiết tha nhất hiện thời của quần chúng là đƣợc phản ảnh lên ý nguyện của mình. Theo ý tôi, để thực hiện và đảm bảo yêu cầu vô cùng chính đáng ấy, chỉ cần ba giải pháp.

1. Một chế độ báo cáo của cán bộ. Đảng tín nhiệm ở cán bộ. Đúng! Không tài nào khác đƣợc. Vậy phải đặt các cán bộ có nhiệm vụ báo cáo trƣớc trách nhiệm của họ. Một báo cáo không phản ảnh trung thành sự thực với các khía cạnh của nó, với các ƣu và khuyết điểm của nó, rất tai hại. Cấp lãnh đạo cần đề cao cảnh giác với các con số thống kê, các động cơ bất chính của cán bộ muốn thi đua thành tích, vƣà mị dƣới, vừa lừa trên, do đó đƣa ra một hình ảnh quá hẹp của thực tế. Ta phải tiến tới giải pháp nhận định rằng ngƣời nào hữu ý xuyên tạc sự thật vì động cơ bất chính, có thể bị truy tố về tội giả mạo đƣợc.

2. Một chế độ cho các đoàn thể nhân dân đƣợc quyền mạnh dạn nói lên ý kiến của quần chúng mà họ tập hợp. Từ trƣớc tới nay, ta có thể ví Đảng Lao động nhƣ một cây rất to, lá ruờm rà che hết ánh sáng của mặt trời, khiến ngay một ngọn cỏ cũng không mọc dƣới chân nó đƣợc. Vì vậy, Quốc hội cũng nhƣ Mặt trận không thể đóng đƣợc vai trò của mình. Ở đây, tôi chỉ xin phép nói về Mặt trận của ta thôi. Các vị đã thấy rằng từ khi thành lập Mặt trận Liên Việt cho đến Mặt trận Tổ quốc, chúng ta chỉ có nhiệm vụ động viên quần chúng thi hành chính sách mà thôi. Đó là một nhiệm vụ. Nhƣng dù sao chỉ có một chiều. Ta là giây liên lạc giữa các cấp lãnh đạo và quần chúng. Nếu ngƣợc lại, ta có quyền liên lạc giữa quần chúng và cấp lãnh đạo, nghĩa là phản ảnh lên Đảng và Chính phủ ý kiến thắc mắc, nguyện vọng của quần chúng, công tác của ta thế nào cũng tốt đẹp hơn, hoàn hảo hơn. Ta gắn liền lãnh đạo và quần chúng, do đó lãnh đạo sát hợp với thực tế hơn. Tôi xin phép đặt mỗi vị ủy viên trƣớc trách nhiệm của mình. Chúng ta ủng hộ Chính phủ, nhƣng chúng ta cũng là đại biểu của nhân dân. Công tác của chúng ta có hai mặt, chúng ta không thể chỉ lệch về một bên đƣợc. Quần chúng không cho phép chúng ta làm nhƣ vậy, muốn theo rõi công việc ta làm vì chúng ta làm đại biểu của quần chúng, đƣợc quần chúng tín nhiệm. Quần chúng giao quyền cho chúng ta, chúng ta phải xứng đáng với sự ủy quyền ấy. Ta sử dụng quyền ấy thế nào, quần chúng đòi kiểm soát ta.

Để đạt mục đích này, tôi xin phép đề nghị: một là mỗi ủy viên phải có nhiệm vụ phản ánh lên Mặt trận ý kiến của quần chúng. Mặt trận phải có nhiệm vụ đề đạt lên cấp lãnh đạo những phản ảnh của các ủy viên và báo cho các vị ấy thái độ của cấp lãnh đạo giải quyết vấn đề ra sao, sử dụng các phản ảnh ấy nhƣ thế nào. Khi Mặt trận họp hội nghị, phải cho phép quần chúng đến bàng thính: để quần chúng kiểm soát công việc của Mặt trận làm và thái độ của các ủy viên. Dĩ nhiên các ngƣời bàng thính ấy không có quyền tham gia thảo luận, chỉ đƣợc nhập hội trƣờng cho tới khi hết số ghế dành cho quần chúng, và phải tôn trọng kỷ luật của hội nghị. Ngoài ra, báo chí, đặc biệt báo chí của Mặt trận nhƣ tờ Cứu Quốc, phải phản ảnh trung thành nội dung của các cuộc thảo luận và đăng các tham luận của các vị ủy viên.

3. Một chế độ tự do ngôn luận, xuất bản báo chí — Ta phải đề phòng trƣờng hợp các cán bộ không báo cáo, các ủy viên Mặt trận không phản ảnh ý kiến của quần chúng. Do đó, ta thấy cần thiết phải cho phép quần chúng nói lên tiếng nói của mình qua báo chí. Có ngƣời lo ngại rằng tự do ngôn luận này mà ai cũng thấy cần thiết có thể bị sử dụng một cách bừa bãi. Về điều này ta phải suy nghĩ. Mối lo ngại trên đây xuất phát từ động cơ nào? Nếu là động cơ tốt —nghĩa là do một nhiệt tình đối với cách mạng gây ra— ta hoan nghênh. Nhƣng ta cũng sẽ trả lời rằng trong một chính thể dân chủ muốn sử dụng tự do nào, dĩ nhiên phải nêu trách nhiệm của ngƣời sử dụng tự do ấy trƣớc pháp luật. Nếu sử dụng với tinh thần trách nhiệm hợp pháp, ta không có quyền kêu ca gì, trái lại, ta hoan nghênh. Nếu lạm dụng một cách vô trách nhiệm, ta đã có tòa án để nghiêm trị. Vậy ta không lo ngại. Nhƣng nếu mối lo ngại xuất phát từ một động cơ bất chính, nhắm mục đích thủ tiêu các tự do dân chủ, thì tôi chỉ cần khuyên nhủ ngƣời lo ngại nhƣ vậy nên đọc lại lịch sử các phong trào cách mạng trong hơn một thế kỷ nay. Họ sẽ nhận thấy rằng chƣa bao giờ, chƣa ai có thể ngăn cản đƣợc một phong trào quần chúng tranh đấu đòi các tự do dân chủ.

Không những ta công nhận các tự do dân chủ, ta lại còn cung cấp phƣơng tiện để thực hiện các tự do ấy. Thí dụ tự do ngôn luận. Ta có các báo của Chính phủ, của Đảng, của Mặt trận, ta lại có các báo của tƣ nhân, ta giúp đỡ cho các báo ấy giấy và mực in đầy đủ, ta lại còn quảng cáo cho các báo ấy là đàng khác nữa. Các cơ quan tuyên truyền, báo chí của ta không bao giờ tìm khó dễ cho các báo ấy, và khi nào các báo đó đƣợc hàng vạn độc giả hoan nghênh, ta rất lấy làm sung sƣớng vì trong thâm tâm ta, ta là những ngƣời dân chủ.

Các biện pháp tôi đề nghị trên đây đều nhằm mục đích cống hiến các cấp lãnh đạo một nhận thức đúng và sát thực tế mà cấp lãnh đạo không có điều kiện biết đến một cách trực tiếp. Sát với thực tế của quần chúng, cấp lãnh đạo thông cảm với quần chúng, đi đúng đƣờng lối của quần chúng, đƣợc quần chúng tín nhiệm, ủng hộ, mến yêu.

Thƣa các quý vị,

Tôi nói đã quá lâu, nhƣng tôi tin các vị cũng tha thứ cho, vì biết rằng tôi là một ngƣời thiết tha đến sự nghiệp của cách mạng và tiền đồ của dân tộc. Các ý kiến của tôi, dù sai hay đúng, tôi cứ thành khẩn đề đạt lên các vị, gọi là để góp phần vào hội nghị, một phần nhỏ mọn nhƣng chan chứa một niềm hi vọng và tin tƣởng vô biên ở tƣơng lai của đất nƣớc.

Hà Nội, ngày 30-10-1956

\*

Vừa khóc vừa cười

Lời soạn giả: Bài này, giá không ký tên, độc giả ở Bắc Việt cũng nhận được ngay là của ông Nguyễn Mạnh Tường. Ngoài những kinh điển mà ông thường hay mượn trong cổ học Âu châu, người ta còn nhận thấy giọng văn hoa lệ của văn chương Hy Lạp mà ông chịu ảnh hưởng rất nhiều.

Trong một thiên anh hùng ca sáng tác vào khoảng thế kỷ thứ XI, thi sĩ tƣờng thuật cuộc chiến đấu anh dũng của hai anh hùng Roland và Olivier, chống lại kẻ thù chung. Hai bạn chí thân giết đƣợc nhiều địch, nhƣng hai ngƣời đều bị thƣơng cả. Đặc biệt Olivier, máu chẩy nhiều, hoa cả mắt không nhận thấy gì nữa. Khi Roland lại gần để giúp bạn, Olivier tƣởng nhầm là kẻ thù, bổ mấy nhát dao xuống, may không trúng đầu Roland. Anh này bèn dịu dàng lên tiếng: ―Tôi là Roland đây mà. Sao anh đánh tôi?‖. Olivier xin lỗi bạn: ―Mắt tôi hoa, không nhận ra anh nữa.‖

Khi châu Âu chuyển từ chế độ phong kiến sang chế độ tƣ sản, trong thế kỷ thứ XVI, Rabelais kể chuyện Badebec, vợ của Gargantua, vừa sinh con xong, thì từ trần: ―Cái thắc mắc làm cho Gargantua rối trí là hắn không biết nên khóc vì vợ vừa chết, hay nên cƣời vì con vừa sinh‖.

Đến cuối thế kỷ thứ XVIII, khi Cách mạng 1789 sắp bùng nổ, Figaro, một nhân vật của Beaumarchais, sau khi kiểm điểm tình hình của xã hội đã thủ tiêu hết mọi tự do, kêu lên: ―Tôi vội vàng cƣời để tránh khỏi khóc oà.‖ Nhƣ thế không đúng.

Phải khóc trên cái hiện thời để cƣời đón cái ngày mai. Dù sao, ngƣời trí thức là ngƣời vừa khóc vừa cƣời. Khóc vì các sai lầm phải chứng kiến trong hiện tại, cƣời vì vui với cái mới đang đến. Khóc vì đau khổ. Cƣời vì hy vọng. Khóc hôm nay để cƣời ngày mai. Trên quá trình từ cái khóc đến cái cƣời diễn ra cuộc đấu tranh tƣ tƣởng của ngƣời trí thức.

Ngƣời nào chỉ biết hoặc khóc thôi, hoặc cƣời thôi, không phải là ngƣời trí thức.

Ta ân cần với ngƣời trí thức ƣa khóc. Ta phải chiếu cố, nâng đỡ ngƣời ta. Ngƣời ấy đau khổ vì các thắc mắc căn bản và sâu sắc. Ngƣời ấy thành khẩn. Ngƣời ấy không phải là thù, ngƣời ấy là bạn. Ta phải kiên trì, cố gắng đƣa cái khóc của ta biến thành cái cƣời.

Ta dè dặt, có khi ngần ngại, trƣớc ngƣời trí thức ham cƣời. Ta hoan nghênh cái cƣời chân thật, xuất phát từ đáy lòng, nẩy nở trên các giọt lệ vừa khô. Nhƣng ta khó chịu trƣớc cái cƣời bình phong dùng để che đậy các thắc mắc bản thân mà mình không muốn thú với mình. Ta ghét cái cƣời dùng để mị trên, lừa dƣới, câu các kẻ ngây thơ, biểu lộ một ý chí tôn sùng, hòng củng cố một địa vị, hay mƣu cầu một bổng lộc. Quần chúng cần đề cao cảnh giác để khỏi mắc mƣu cái cƣời ấy. Cấp lãnh đạo lại cần cảnh giác hơn nữa vì cái cƣời nịnh hót nuôi dƣỡng bệnh chủ quan mà cấp lãnh đạo thƣờng mắc.

Cái cƣời nguy hại này không nhất thiết biểu hiện bằng sự nhích môi. Nó có thể là linh hồn của một cử chỉ, nội dung của một thái độ. Có ngƣời cƣời bằng cái đầu nó gật, cái lƣỡi nó tán thành ủng hộ. Trong bao nhiêu ―tả khuynh‖, tôi nghe thấy vang tiếng cƣời ấy.

Tôi sợ ngƣời trí thức im lặng. Tôi nghi ngờ ngƣời trí thức cƣời. Tôi thƣơng ngƣời trí thức khóc. Tôi yêu ngƣời trí thức vừa khóc, vừa cƣời, khóc hôm nay để cƣời ngày mai, ―khóc lên tiếng cƣời‖.

TIN vẫn lợi hơn NGHI. Trong mƣời ngƣời ta tin, có thể có một kẻ thù lẻn vào. Nhƣng ta vẫn còn chín ngƣời bạn. Và chín ngƣời bạn này sẽ giúp ta tìm ra kẻ thù ấy. Nếu ta nghi cả mƣời ngƣời, khi ta giơ tay, chẳng ai bắt tay ta. Ta không có một bạn nào cả.

Đồng ý rằng phải phân chia rõ rệt địch, ta. Nhƣng ta phải xác định thái độ của ta đối với địch. Địch mƣu hại ta và thực sự gây cho ta nhiều tổn thiệt. Nhƣng ta chớ nên buộc cho nó trách nhiệm về các tai hoạ căn nguyên ở sự dốt nát, sai lầm, chủ quan của ta. Theo danh từ khác phổ biến: ―nhƣ thế không lợi‖. Không lợi vì ta đề cao địch, tỏ vẻ sợ địch. Không lợi nữa vì gán kết quả sai lầm của ta cho địch, ta không sửa chữa đƣợc gì, không rút đƣợc bài học của kinh nghiệm. Từ trƣớc tới nay, ta chỉ đặt vấn đề: ai là địch, ai là ta? Tôi đề nghị đặt thêm vấn đề: do địch làm, do ta phạm. Điểm trên, đề cao cảnh giác và cho phép ta đề phòng, hoặc đối phó. Điểm dƣới nêu cao tinh thần tự phê và giúp đỡ ta tự xây dựng.

Con thỏ sợ đến cả cái bóng của nó. Con sƣ tử bất chấp mọi thú vật. Ta không phải là sƣ tử cũng không muốn là sƣ tử. Nhƣng nhất định ta không phải thỏ.

Kẻ thù số một của trí thức: bọn chụp mũ. Kẻ thù số một của cấp lãnh đạo: các cán bộ chuyên môn ―cƣời‖, và bọn vỗ ngực, và cả bọn chụp mũ nữa. Các cán bộ chuyên môn ―cƣời‖, dựa vào bọn vỗ ngực trong quần chúng, ru ngủ cấp lãnh đạo. Bọn chụp mũ nham hiểm hơn: họ gây thành kiến giữa lãnh đạo và quần chúng, họ vô tình hay hữu ý xuyên tạc các nguyện vọng chính đáng, các yêu cầu hợp tình, hợp lý, hợp pháp của quần chúng. Họ là Iago xúc xiểm Othello ghen vợ, ghét vợ, giết vợ. Bị bao vây chặt chẽ nhƣ vậy, tài nào cấp lãnh đạo hiểu biết đƣợc sự thật của quần chúng?

Có một số ngƣời thấy phong trào quần chúng đòi hỏi ở Đảng lãnh đạo, một chính sách cho trí thức (với các tự do dân chủ và mối quan hệ tốt giữa chính trị và chuyên môn) đã tỏ thái độ ―khó chịu‖ và phản ứng mạnh. Họ nhắm mắt, lắc đầu, chép miệng, thở dài. Không thực sự cầu thị, chƣa điều tra nghiên cứu, chẳng tìm hiểu sự thật, họ chỉ biết mang đao to, búa lớn ra doạ nạt, họ là Don Quichotte cầm giáo tiến lên đâm cối xay, họ quên lý luận Cách mạng họ đã học tập. Họ là nàng công chúa quên thời kỳ gặp Thạch Sanh trong hang.

―Tích tịch tình tang…‖ Tiếng đàn của Thạch Sanh có nhắc lại đƣợc kỷ niệm cũ không? ―Hỡi tuyệt thế giai nhân mà tôi yêu với một mối tình vô hạn, nàng còn nhớ thuở đôi ta gặp nhau trong hang đá không? Đôi ta quyết tâm sống chết có nhau, với nhau. Vì vậy ta thắng kẻ thù, ta sống. Bây giờ thời kỳ gian lao đã qua, nàng trở về dinh cơ huy hoàng, lên xe xuống ngựa. Nàng nỡ lòng nào quên tình

duyên cũ?‖ [[1]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9653&rb=08#anm1)

Tôi muốn thân ái hỏi các bạn đang chép miệng thở dài: ―Các bạn là những ngƣời Cách mạng. Thái độ của các bạn phản ứng, đối phó (tôi không nói đàn áp) trƣớc một phong trào quần chúng đông đảo, đòi hỏi, trên lập trƣờng Cách mạng, những quyền lợi chân chính, thái độ ấy, phân tích, truy nguyên nó, ta thấy gì? Tôi run sợ trƣớc kết luận tôi phải tiến tới. Tôi ngừng bút. Tôi nhƣờng lời cho tất cả ngƣời cộng sản trên thế giới, trong đó có các đảng viên Đảng Lao động Việt Nam, có các bạn, để các ngƣời ấy nhận định về thái độ nói trên, định danh cho nó,

gọi nó bằng tên Cách mạng của nó. [[2]](http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9653&rb=08#anm2) Để tránh khỏi mang tiếng chụp mũ cho các bạn, tôi dành quyền phán định cho ―giới có thẩm quyền‖.

Tôi chỉ xin nhắc lại rằng trong lịch sử Cách mạng Liên Xô và Trung Quốc, khi giai đoạn kiến quốc tiến vào bƣớc quyết liệt, chính thể Cách mạng không thể nào lãnh nhãn đƣợc vấn đề trí thức. Cuộc tranh đấu của trí thức Việt Nam hiện thời xen vào khung khổ Cách mạng, phối hợp với phong trào tranh đấu của trí thức trên toàn thể thế giới. Coi nhẹ nó là một sai lầm. Giải quyết nó một cách hời hợt, nông cạn, với tinh thần của ngƣời nhớn cho kẹo trẻ con để nó khỏi khóc, là một sai lầm nghiêm trọng. Đối phó với nó, chống lại nó… tôi không tiếp tục vì tôi tin rằng không một chính thể Cách mạng nào lại hành động nhƣ vậy. Bằng chứng là báo Nhân dân trong số 30-9-56 vừa đăng bài của đồng chí Lục Định Nhất đọc ngày 16-5-1956, với sự chậm trễ có 4 tháng thôi. Từ Bắc Kinh tới Hà Nội, đƣờng dài hơn năm nghìn cây số, tốc độ của sự thật nhƣ thế là nhanh rồi. Còn báo cáo của đồng chí Chu Ân Lai in từ ngày 30-1-1956, tôi không nhờ đăng báo Nhân dân ngày nào. Dù sao, các bạn thấy rõ là Đảng Lao động Việt Nam coi trọng vấn đề, nhƣ Trung Quốc từ đầu năm nay, nhƣ Liên Xô từ năm 1936. Đảng lại còn phát động tinh thần dân chủ trong quần chúng, trong các giới, các cơ quan, và sở dĩ làm nhƣ vậy là để thắt chặt liên lạc với quần chúng, đi sát với sự thật của quần chúng, trƣng cầu ý nguyện của quần chúng để xây dựng chính sách, lãnh đạo có kết quả. Vậy tại sao các bạn lại chép miệng thở dài? lại xuyên tạc ý nghĩa trọng đại, lịch sử của một phong trào quần chúng, mà chính Đảng phát động? Thế các bạn tranh đấu cho ai, phục vụ cái gì? Chủ trƣơng của Đảng phát huy dân chủ là một sáng kiến mà toàn dân hoan nghênh. Hạt đã gieo, bây giờ sắp đến lúc gặt hái. Cớ sao mà bạn lại muốn truất quyền của Đảng gặt hái cái mùa màng mà Đảng đã gieo hạt?

Nhƣng tôi hiểu các bạn. Các bạn là những ngƣời tốt. Chẳng qua các bạn chỉ nặng về một số thành kiến mà thôi. Tuy nhiên, các bạn thực sự cầu thị: các bạn cho phép tôi tin nhƣ vậy. Phải không, các bạn?

4-10-56

(Trích Giai phẩm mùa Thu tập III, 1956)

- Hết –



Phiên tòa tại Hà Nội (19/01/1960) xét xử vụ Nhân Văn Giai

Phẩm. Từ trái sang phải: Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu

Bảo, Thuỵ An, Phan Tại và Lê Nguyên Chí



Nhân Văn Giai Phẩm



Cụ Phan Khôi



Giai Phẩm Mùa Thu



Họa sĩ Trần Duy

Thủ lĩnh cuối cùng của Nhân văn giai phẩm



Nguyễn Hữu Đang



Thụy An

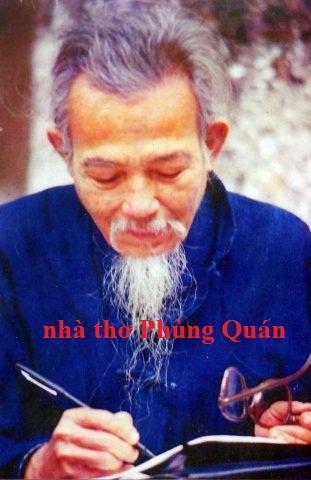




Nguyễn Mạnh Tƣờng



Nguyễn Chí Thiện và Phùng Cung





Lê Đạt



Bồi Bút Tố Hữu



Trƣơng Tửu



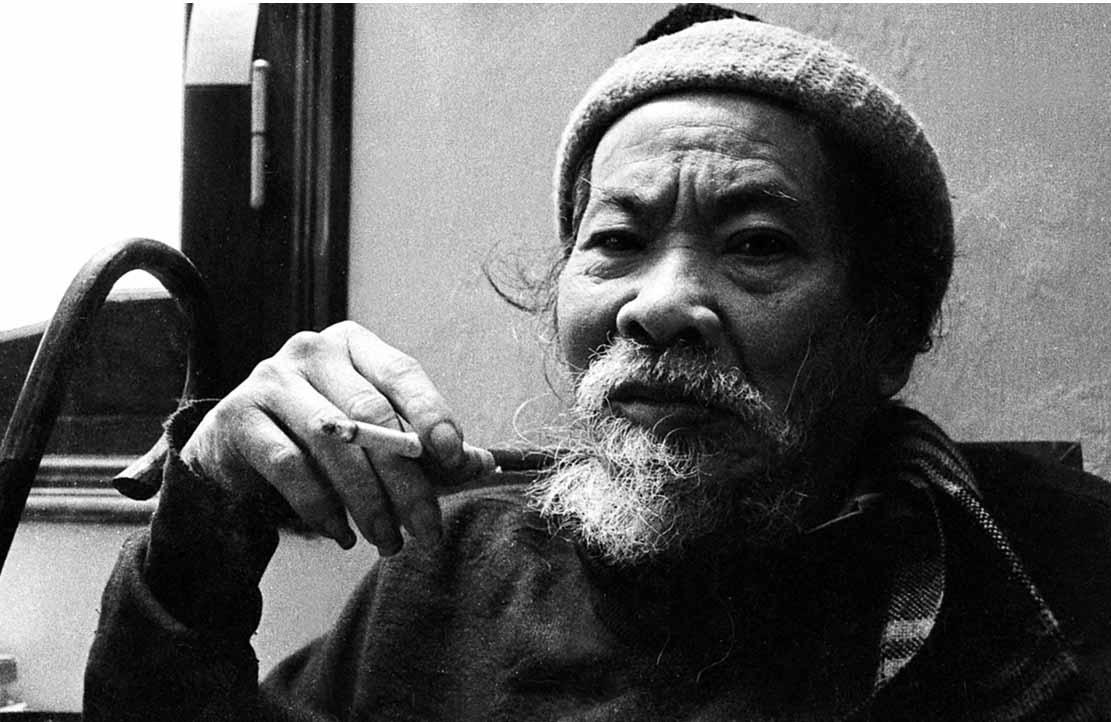
Cộng Sản đánh hội đồng NVGP



Nhà thơ Hoàng Cầm thời còn đi Kháng chiến



Hữu Loan



Trần Dần





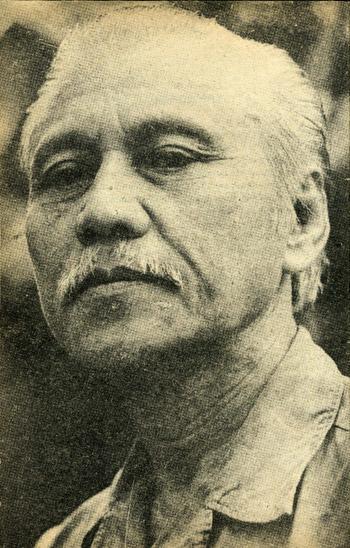
Trần Đức Thảo



Nguyễn Sáng



Văn Cao



Quang Dũng



Nhà thơ Quang Dũng và con gái Bùi Phƣơng Hạ